

ALEXANDRA GILLIES

THAM NHƯNG DẦU MỎ

THẾ LỰC NHIỀU LOẠN THẾ GIỚI

(Sách tham khảo)

Người dịch: Phạm Nguyên Trường

ST

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội, ĐT: 080 49221, Fax: 080 49222, Email: suthat@nxbctgg.vn

Website: www.nxbctgg.org.vn, Sách điện tử: www.stbook.vn, www.thuviencoso.vn

TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Nhà báo Hà Hồng Hà

*** THAM NHŨNG: MƯƠU MÔ VÀ TRỪNG PHẠT**

John f. Weeks

*** KINH TẾ HỌC CỦA 1%**

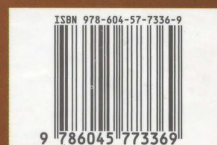
**BẰNG CÁCH NÀO KINH TẾ HỌC CHÍNH THỐNG ĐÃ PHỤC VỤ NGƯỜI GIÀU,
LÀM MƠ HỒ THỰC TẾ VÀ BÓP MÉO CHÍNH SÁCH**

GS.TS. Nguyễn Thái Yên Hương (Chủ biên)

*** QUAN HỆ MỸ - TRUNG QUỐC: THẮNG TRẦM THEO DÒNG LỊCH SỬ, VĂN HÓA**



MÃ ĐỊNH DANH
CUỐN SÁCH



9 786045 773369



8935279137664

SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẠT HẠNG

ALEXANDRA GILLIES

THAM NHỮNG DẦU MỎ

THẾ LỰC NHIỀU LOẠN THẾ GIỚI

(Sách tham khảo)

Người dịch: Phạm Nguyên Trường

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2021

© Oxford University Press 2020

Crude Intentions: How Oil Corruption Contaminates the World was originally published in English in 2020. This translation is published by arrangement with Oxford University Press. National Political Publishing House is solely responsible for this translation from the original work and Oxford University Press shall have no liability for any errors, omissions or inaccuracies or ambiguities in such translation or for any losses caused by reliance thereon.

Cuốn sách *Tham nhũng dầu mỏ - Thế lực nhiễu loạn thế giới* được xuất bản bằng tiếng Anh vào năm 2020. Bản dịch này được xuất bản căn cứ theo thỏa thuận với Nhà xuất bản Đại học Oxford. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự chính xác của bản dịch so với tác phẩm gốc và Nhà xuất bản Đại học Oxford sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý đối với bất kỳ sai sót, thiếu sót hoặc không chính xác hay không rõ ràng nào trong bản dịch này hoặc đối với bất kỳ tổn thất nào do bản dịch này gây ra.

Bản quyền tiếng Việt thuộc Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật © 2021

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tham nhũng là một hiện tượng xã hội tiêu cực, tồn tại ở các chế độ xã hội với những biểu hiện và mức độ khác nhau, gây hậu quả, tác hại hết sức nghiêm trọng, cản trở sự phát triển, đồng thời làm suy yếu các hệ thống tư pháp và chính trị vốn phải hoạt động vì lợi ích công. Trong bối cảnh các nước trên thế giới đang vươn lên mạnh mẽ về kinh tế, tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm tham nhũng ngày càng phức tạp với những thủ đoạn tinh vi và ngày càng khó phát hiện hơn. Đặc biệt, tại các nước giàu tài nguyên thiên nhiên như dầu mỏ, tình trạng tham nhũng có hệ thống với mạng lưới phức tạp, liên quan tới nhiều cá nhân, tổ chức xuyên quốc gia đang ở mức báo động.

Được mệnh danh là “vàng đen” của thế giới, tầm quan trọng của dầu mỏ khiến lĩnh vực này gắn liền với những vụ bê bối tham nhũng mang tầm cỡ trong lịch sử. Trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ (2008-2014), như một đại dịch, tham nhũng không chỉ càn quét các nước giàu tài nguyên dầu mỏ mà còn lan rộng ra toàn thế giới. Thay vì đầu tư cho giáo dục, cải thiện giao thông, nâng cao chất lượng hệ thống y tế, tham nhũng đã tước đoạt của người dân hàng tỷ đôla Mỹ tiền từ dầu mỏ để làm giàu cho những cá nhân

đây quyền lực. Vấn nạn này được kể lại chi tiết, chân thực trong cuốn sách *Tham những dầu mỏ - Thế lực nhiều loạn thế giới* của tác giả Alexandra Gillies, cố vấn tại Viện Quản trị tài nguyên thiên nhiên, người đã có kinh nghiệm hơn 10 năm về việc thúc đẩy tính minh bạch và phòng chống tham nhũng dầu mỏ.

Với 7 chương nội dung được dịch từ nguyên tác tiếng Anh, cuốn sách đưa độc giả tiếp cận những thương vụ dầu mỏ khổng lồ với hàng chục vụ án tham nhũng đầy tai tiếng, phức tạp và có tầm ảnh hưởng toàn cầu, kéo theo hàng tỷ đôla Mỹ tiền công quỹ bị bòn rút bằng những thủ đoạn tinh vi và mới lạ. Ở đó, ông chủ của các công ty dầu khí dấn thân vào những phi vụ có lợi nhuận kếch xù nếu trót lọt nhưng rủi ro cũng vô cùng lớn nhằm giành quyền khai thác các lô dầu mỏ béo bở; các chính trị gia ở Braxin và Nigieria biến thủ hàng tỷ đôla Mỹ để “nuôi” chiến dịch bầu cử của họ; các chế độ đạo tặc trị ở Ănggôla, Adécbaigian,... chiếm đoạt tài sản từ dầu mỏ để củng cố quyền lực; cùng với đó là một loạt chủ ngân hàng, kế toán và luật sư sẵn sàng tiếp tay cho những “con bạch tuộc” tham nhũng này cất giấu chiến lợi phẩm trong hệ thống các công ty vỏ bọc và thiên đường thuế khóa trên toàn cầu. Tuy nhiên, dù âm mưu có tinh vi đến mức nào, những hành vi sai trái này sớm muộn cũng bị vạch trần và đối mặt với hậu quả khi các tác nhân trên thế giới đang tích cực hỗ trợ lẫn nhau để đạt được những bước tiến trong công tác phòng chống tham nhũng.

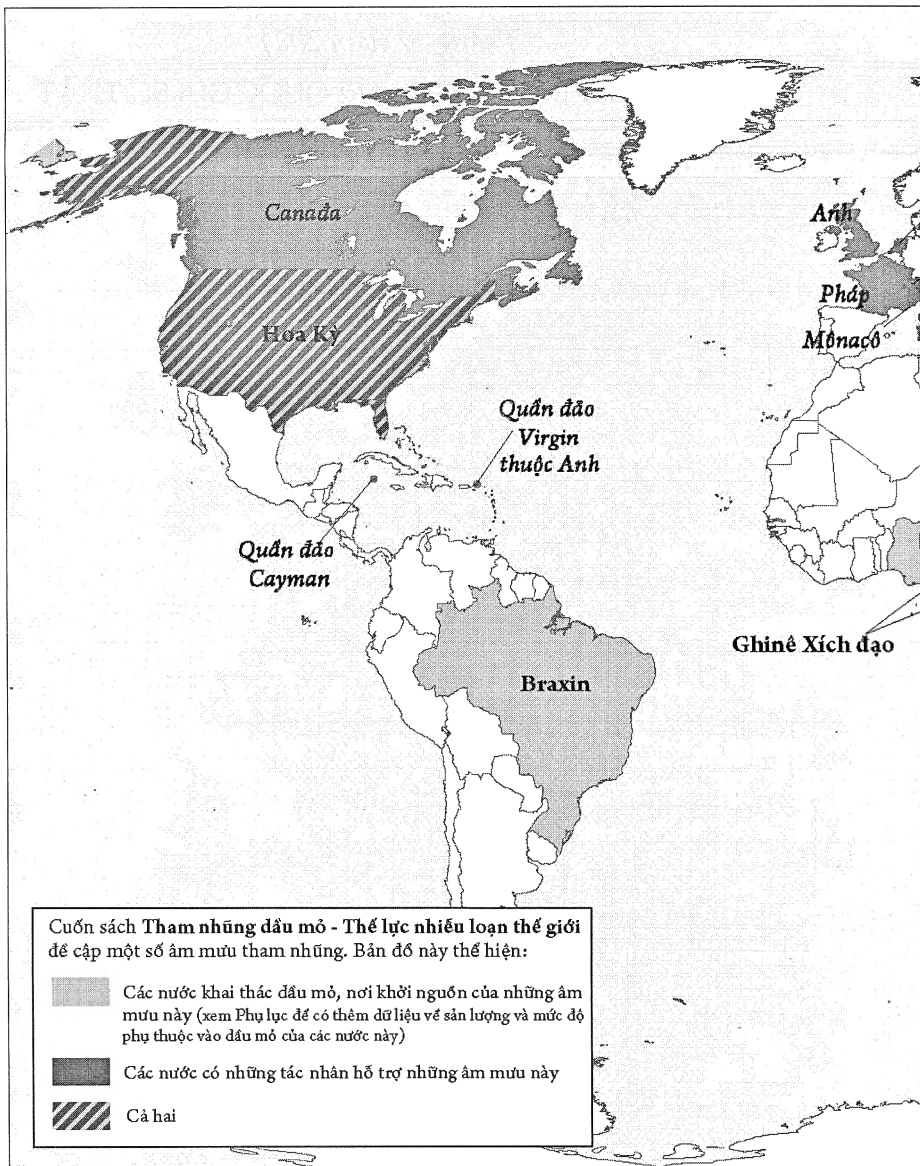
Trong nội dung sách, tác giả đưa ra nhiều nhận định, thông tin, sự kiện có tính tham khảo, trong đó có những nhận định, đánh giá cần tiếp tục nghiên cứu và thảo luận. Tôn trọng chính kiến của tác giả và để bạn đọc thuận tiện theo dõi, Nhà xuất bản Chính trị

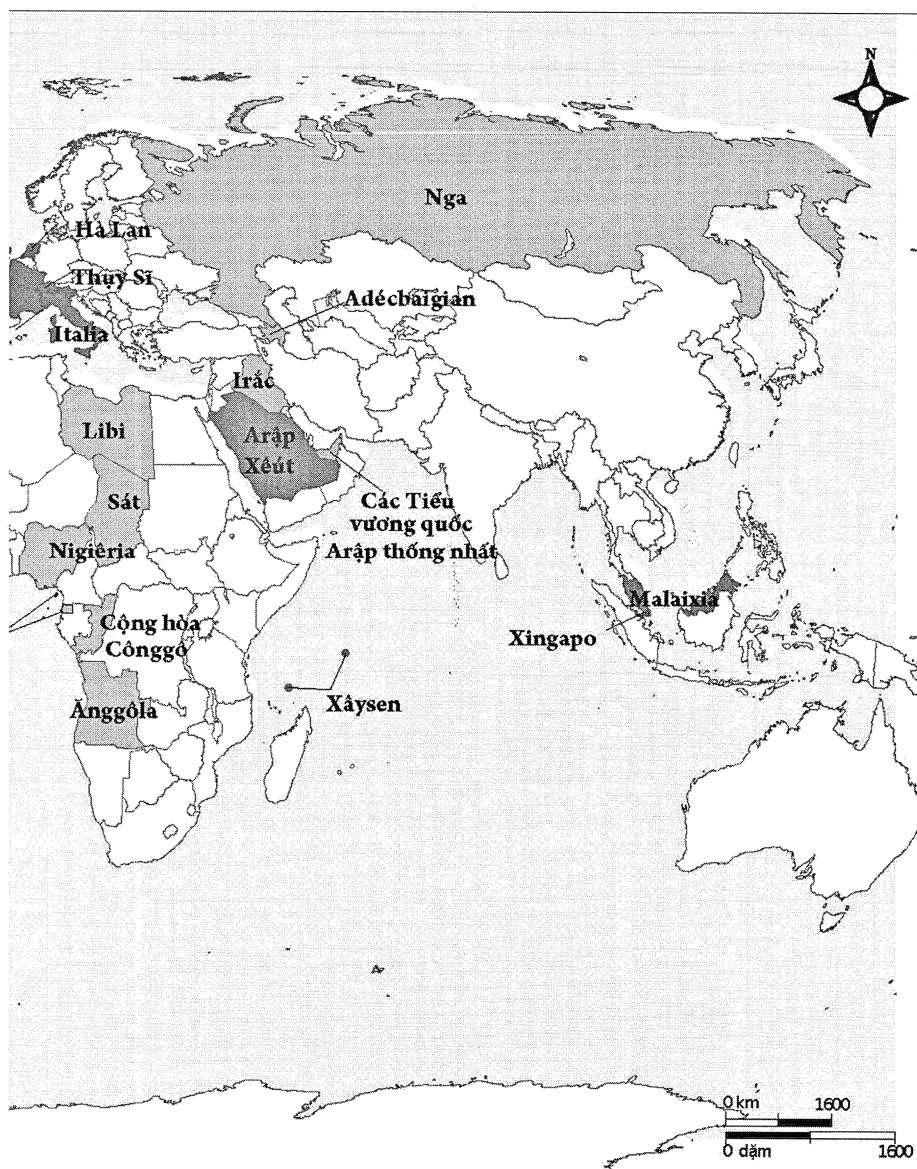
quốc gia Sự thật cố gắng giữ nguyên nội dung bản gốc và khẳng định đây là quan điểm riêng của tác giả.

Xin giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 12 năm 2021

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT





KHỦNG HOẢNG THAM NHƯNG

Trong bữa ăn tối, chúng tôi hỏi nhau về chuyện 400 triệu USD sẽ là một chồng tiền cao như thế nào. Trong tin đồn mới nhất gây xôn xao dư luận ở Abuja, Thủ đô của Nigieria, người giúp việc cho một quan chức cấp cao chính phủ đi vào căn phòng phía sau nhà của ông chủ và tình cờ nhìn thấy 400 triệu USD tiền mặt. Theo lời kể, người giúp việc đã cố hết sức nhét đầy tiền vào vali và chuồn khỏi thành phố. Tôi và mấy người bạn mỗi người đoán một phách... Có lẽ chồng tiền ấy phải lớn hơn cái đi-văng? Chắc phải to như chiếc xe tải cỡ nhỏ?

Lúc bình thường, một tin đồn như vậy nghe có vẻ điên rồ. Xét cho cùng, 400 triệu USD là một số tiền khổng lồ, không thể vút bừa bãi như vậy. Nhưng đây không phải thời điểm bình thường. Đây là giai đoạn bùng nổ kinh tế, và dường như bất cứ chuyện gì đều có thể xảy ra.

Một thời gian ngắn trong năm 2008 và sau đó là 4 năm lịch sử tính từ năm 2010, giá dầu trung bình ở mức trên 80 USD/thùng. Hầu như suốt giai đoạn đó, giá dầu vượt trên mức 100 USD/thùng. Để có thể so sánh, xin nói rằng trong 20 năm trước đó, giá dầu chỉ ở mức 20 hoặc 30 USD/thùng. Giá dầu tăng tạo ra hơn 9.000 tỷ USD thu nhập mới và rất nhiều người muốn chấm dứt chút đỉnh. Từ những năm 1970, các chính phủ và công ty tham gia vào lĩnh vực này chưa từng chứng kiến cơ hội kiếm lời nào lớn như thế. Kho bạc của chính phủ đầy ứ tiền bạc,

lợi nhuận của công ty tăng vọt, người khai thác dầu đưa về quê hương số tiền lớn chưa từng có, những người buôn bán cũng thu được những món tiền lớn.

Ở thủ đô các nước có nhiều dầu mỏ như Abuja, công việc đàm phán hợp đồng diễn ra sôi động chưa từng có. Tôi đã sống ở đó và đang làm luận án tiến sĩ khi giá cả tăng vọt vào năm 2008. Tôi muốn tìm hiểu vì sao trong vài năm trước đó, Chính phủ Nigieria đã thực hiện một số cải cách trong lĩnh vực dầu khí. Chính phủ đã sử dụng các cuộc đấu giá cạnh tranh chứ không trao các lô dầu (block) bằng những thỏa thuận sau hậu trường nữa, chính phủ còn công bố chi tiết số tiền thu được từ dầu khí và lập ra quỹ tiết kiệm doanh thu từ dầu khí dành cho các thế hệ tương lai. Đây là những bước đi vừa thú vị vừa thực sự bất ngờ, vì diễn ra ở đất nước nổi tiếng về tham nhũng, thảm họa môi trường và những thiệt hại khác bắt nguồn từ sự giàu có về dầu mỏ.

Nhưng khi tôi tới Abuja, cải cách gần như đã chấm dứt. Tôi đi khắp đất nước này trong vòng một năm, phát danh thiếp nghiên cứu sinh của mình và phỏng vấn hàng chục quan chức, giám đốc điều hành và các nhà hoạt động xã hội về ngành công nghiệp dầu khí. Họ cho rằng cải cách đã mang lại một số lợi ích ngắn hạn. Nhưng chủ yếu, họ nói về những công việc còn phải làm. Người ủng hộ công cuộc cải cách, cựu Tổng thống Olusegun Obasanjo, đã rời nhiệm sở và người kế nhiệm ông lại yếu cả về thể chất lẫn chính trị. Giá dầu tăng, chính phủ không cần hoạt động hiệu quả nữa. Lĩnh vực dầu khí rơi vào tình trạng hỗn loạn, nhất là công ty dầu khí quốc gia. Các nhóm lợi ích giành giật từng khu vực nhằm làm giàu cho riêng mình, việc giám sát hoạt động của các công ty dầu khí bị buông lỏng. Những người nắm quyền biết rõ mọi thứ đang hoạt động bất thường đến mức nào, nhưng chương trình cải cách lại hoàn toàn bất động.

Không còn cái cách, cái giá phải trả là quá lớn, và phải ra ngoài khuôn khổ của thành phố Abuja thì mới thấy hết thực tế này. Nigieria có khoảng 90 triệu người, một nửa dân số nước này sống trong cảnh nghèo đói cùng cực. Chỉ 2% dân số thế giới sống ở đây, nhưng lại chiếm tới 14% số thai phụ tử vong trên toàn thế giới: cứ 13 phút lại có một phụ nữ Nigieria chết trong thời gian mang thai và sinh nở, mà đáng lẽ có thể phòng tránh được. Nhưng sinh nở xong không phải là hết. Cứ 10 trẻ em Nigieria thì có một em chết trước khi lên 5 tuổi và cứ 3 em thì có một trẻ bị suy dinh dưỡng mạn tính. Theo dự báo, năm 2050, dân số nước này sẽ tăng gấp đôi, số người bị đói, bị bệnh và tử vong sớm dường như sẽ gia tăng¹.

Đau khổ hơn là, tiềm năng của Nigieria thể hiện rõ ràng chẳng khác gì những thách thức mà họ đang phải đối mặt. Tôi thích tìm hiểu nền nghệ thuật tầm cỡ thế giới và đời sống tri thức sôi động của đất nước này và ngưỡng mộ vô số doanh nhân thành đạt mặc dù điều kiện nơi đây quá khắc nghiệt. Hầu hết các quốc gia đang phải vật lộn với tình trạng nghèo đói cùng cực và những triển vọng chưa đạt được đều không phải những nước khai thác được nhiều dầu thô; nhưng Nigieria lại là quốc gia đứng thứ 12 trên thế giới. Năm 2008, mỗi ngày Nigieria sản xuất lượng dầu thô trị giá hơn 200 triệu USD. Nếu ngành dầu khí được quản lý một cách phù hợp và dùng lợi nhuận để giảm nghèo và tạo việc làm, chính phủ đã có thể cứu sống được hàng triệu người. Tôi càng biết nhiều thì tình hình dường như càng đáng phẫn nộ hơn.

Trên thực tế, nguyên nhân gây phẫn nộ chỉ mới bắt đầu. Năm 2010, Goodluck Jonathan trở thành Tổng thống Nigieria, đúng vào lúc giá dầu đạt mốc cao lịch sử. Khi đó tôi đã tốt nghiệp chương trình sau đại học và đang làm việc cho một tổ chức phi chính phủ (NGO) với mục tiêu thúc đẩy tính minh bạch và quản

trị tốt trong lĩnh vực dầu khí. Mục đích của chúng tôi là giúp các nước đang phát triển tránh xa các hình thức tham nhũng và các cơ hội bị bỏ lỡ, thường song hành với của cải được bơm lên cùng dầu khí. Mỗi lần tới Nigieria, tôi thường ở lại vài tháng và tham gia nhiều dự án nhỏ khác nhau. Chúng tôi huấn luyện các nhà báo địa phương theo dõi một số khía cạnh kỹ thuật của ngành công nghiệp dầu khí, thúc đẩy chính quyền các bang đang khai thác dầu ở Đồng bằng sông Niger báo cáo chi tiết về cách thức họ chi tiêu và đưa ra nhận xét về các phiên bản khác nhau của dự luật cải cách đã nằm hứng bụi nhiều năm trong cơ quan lập pháp. Hầu hết đều là những công việc hữu ích, nhưng sau mỗi chuyến đi, tôi thấy các dự án này ngày càng trở nên vô ích và vô bổ.

Năm 2012 nổ ra một vụ bê bối về việc chính phủ đã trả cho các nhà nhập khẩu nhiên liệu hàng tỷ đôla Mỹ để mua xăng và dầu diesel, nhưng số nhiên liệu này chưa bao giờ được đưa về nước. Sau vụ việc này, không có quan chức cấp cao nào bị cách chức, không ai bị đưa ra tòa vì phạm pháp và nhiều tội phạm bị tình nghi vẫn tiếp tục làm ăn với chính phủ. Cũng trong khoảng thời gian này, chính phủ còn bắt đầu trao những hợp đồng khổng lồ, được soạn thảo một cách kỳ quặc cho các công ty dầu khí trong nước đầy bí ẩn và hầu như không có kinh nghiệm gì trong lĩnh vực này. Những câu chuyện về đút lót, về những chiếc xe chở dầu bị đánh cắp và những tội danh khác cũng ngày càng xuất hiện thường xuyên hơn và có sức thuyết phục hơn. Những câu chuyện đồn đoán về vị Bộ trưởng Dầu mỏ cũng ngày càng nhiều. Bạn bè và người quen kháo nhau rằng bà ta rõ ràng đã bỏ bê những nhiệm vụ quan trọng của ngành, một đám người trung thành tụ tập ở nhà bà ta vào ban đêm và lên kế hoạch lợi dụng ngành dầu khí đang phát triển bùng nổ để kiếm lợi cho chính bà ta và Tổng thống.

Vào thời điểm đó, nếu bước vào khách sạn Hilton ở Abuja - tổng hành dinh của những vụ giao dịch không chính thức trên đất nước này - có thể thấy một không khí rất sôi động. Những tay chơi quyền thế và đoàn tùy tùng tụ tập quanh thang máy, lên những dãy phòng riêng nơi những nhân vật quyền lực phát biểu đầy oai phong. Các doanh nhân từ khắp nơi trên thế giới đến chiếm ngay góc quầy bar piano của tiền sảnh để gặp những người trước đây chỉ đóng vai phụ nhưng bỗng chốc sở hữu khối tài sản đáng gờm. Trong gian hàng cho khách du lịch của khách sạn, bạn có thể mua những bức tranh lớn vẽ Bộ trưởng Dầu mỏ, bên cạnh những bộ quần áo và đồ trang sức truyền thống đắt hơn hẳn bên ngoài. Những chiếc đồng hồ và túi hàng hiệu có giá trên 10.000 USD đã trở thành trang phục bình thường của đám tài xế, nhân viên bảo vệ và những cô nhân tình ngồi chật kín hành lang. Mùi kim tiền phảng phất đó đây.

Bất chấp mọi hào nhoáng và đồn đại, tôi vẫn cố gắng tìm hiểu chính xác chuyện gì đang xảy ra. Những câu chuyện về nạn trộm cắp và phạm pháp, như tay người hầu chuồn êm với một vali tiền mặt, là thông tin rất khó khẳng định. Chính phủ biện minh cho những cáo buộc tham nhũng bằng những tuyên bố đầy phần nộ và hàng đống dữ liệu. Những người bạn của tôi từng làm việc trong chính phủ còn cáo buộc đảng đối lập tung tin đồn bôi nhọ thanh danh của tổng thống và các trợ thủ của ông. Các quan chức hàng đầu khác thì nói bằng ngôn từ của cải cách và được quốc tế hoan nghênh.

Sự im lặng của cộng đồng quốc tế càng làm cho vấn đề trở nên khó hiểu hơn. Hoa Kỳ, Vương quốc Anh và các nhà tài trợ phương Tây khác đã dành những khoản tiền lớn cho cuộc chiến xóa nghèo và những sự nghiệp khác ở Nigieria. Quỹ Tiền tệ quốc tế, Ngân hàng Thế giới và Liên hợp quốc đã giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở Nigieria. Những tổ chức này tạo được nhiều

ảnh hưởng ở Nigieria và tất cả đều tuyên bố tích cực phản đối tham nhũng. Chắc chắn họ sẽ hành động nếu hàng tỷ đôla Mỹ thu được từ tiền bán dầu đang trôi ra bên ngoài. Họ có trong tay các công cụ đã từng triển khai ở những nước khác, chẳng hạn tung ra những tuyên bố chỉ trích, cắt viện trợ, theo dõi dòng tiền bản, hoặc ngăn các quan chức tham nhũng ra nước ngoài. Nhưng không hề có động thái nào. Chính phủ các nước phương Tây và các tổ chức quốc tế, trong đó có những nhà tài trợ cho các chương trình về Nigieria của chúng tôi, tiếp tục cộng tác với chính phủ nước này như thể mọi thứ vẫn hoàn toàn ổn. Tình trạng không rõ ràng, hư ảo làm cho người ta không nhận rõ được khủng hoảng tham nhũng đang diễn ra xung quanh.

Chính những năm này, các cuộc khủng hoảng tương tự đã bùng lên ở những nước khai thác dầu mỏ trên khắp thế giới, từ Moscow đến Rio de Janeiro, từ Houston đến Baghdad. Bằng cách sử dụng một loạt chiến thuật có thể làm người ta chóng mặt, các công ty và giới tinh hoa chính trị tranh cướp nhau món lợi như thể từ trên trời rơi xuống. Âm mưu tham nhũng phát triển rất nhanh cả về quy mô lẫn tính sáng tạo, cũng như những nỗ lực tinh vi nhằm che giấu số tiền ăn cắp được ở hải ngoại. Sau khi thời kỳ bùng nổ chấm dứt, nền chính trị thay đổi cùng với thời gian, các nhà điều tra và phóng viên bắt tay vào việc. Cuối cùng đám mây mù cũng tan dần và chúng ta có thể thấy những gì thực sự đã xảy ra.

Trong câu chuyện của Nigieria, sự thật cuối cùng đã bắt đầu sáng tỏ khi Thống đốc Ngân hàng Trung ương lên tiếng chỉ trích hiện trạng và bắt tay vào hành động. Năm 2013, ông đưa ra bằng chứng rằng 20 tỷ USD doanh thu từ dầu khí đã “mất tích”. Ông cáo buộc công ty dầu khí quốc gia thường xuyên hoạt động kém hiệu quả đã nộp quá ít thu nhập về cho chính phủ trong những năm bùng nổ kinh tế.

Vì những cố gắng như thế, ông bị sa thải ngay lập tức. Tuy nhiên, câu chuyện của ông vẫn còn đó. Sau vài năm, nhiều tài liệu, câu chuyện trên phương tiện truyền thông và các cuộc điều tra đã khẳng định số tiền mà vị Thống đốc đưa ra. Các đồng nghiệp và tôi đã soạn thảo một bản báo cáo. Chúng tôi mô tả cách thức mà cựu Bộ trưởng Dầu mỏ đã giao hợp đồng mua bán dầu thô cho một số công ty do những người thân cận với bà ta lãnh đạo. Những hợp đồng đó tạo điều kiện cho các công ty này chiếm đoạt hàng tỷ đôla Mỹ mà lẽ ra phải nộp cho chính phủ. Các hợp đồng này thiếu trách nhiệm và không chặt chẽ đến mức chỉ một hợp đồng đã có những điều khoản có thể làm cho Nigieria mất hơn 300 triệu USD chỉ trong một năm². Nhưng khi chúng tôi phát hiện ra, thì giai đoạn bùng nổ đã chấm dứt.

Các cơ quan thực thi pháp luật đã làm sáng tỏ hơn những sự kiện có khả năng đã xảy ra. Năm 2017, Bộ Tư pháp Hoa Kỳ (DOJ) đã thông báo về vụ thu giữ tài sản trị giá 144 triệu USD, được mua bằng số tiền bị đánh cắp ở Nigieria. DOJ cáo buộc các trợ thủ của vị Bộ trưởng - thông qua các công ty bình phong hải ngoại và các ngân hàng nước ngoài - đã chuyển tiền bán dầu ra khỏi Nigieria, rồi sau đó dùng số tiền này để mua siêu du thuyền và những ngôi nhà sang trọng ở New York và California³. Các công tố viên người Italia tố cáo các công ty dầu khí khổng lồ toàn cầu là Shell và Eni với tội danh hối lộ mà chỉ trong một thỏa thuận bán dầu, giới tinh hoa chính trị, trong đó có cả vị cựu Bộ trưởng, đã chiếm đoạt gần 1 tỷ USD⁴. Ủy ban chống tham nhũng của Nigieria báo cáo rằng, họ đã xác định được số tiền mặt, đồ trang sức và bất động sản trị giá 600 triệu USD mà cựu Bộ trưởng Dầu mỏ được cho là đã mua trong thời gian tại chức⁵. Bà ta đã bị Chính phủ Anh đưa đi thẩm vấn, thu hộ chiếu và giữ ở London

trong khi họ tiếp tục điều tra⁶. Tất cả những vấn đề này vẫn đang diễn ra khi cuốn sách này được xuất bản.

Mặc dù vai trò của các công ty và cá nhân cụ thể đều phải được xử lý theo pháp luật, nhưng những cuộc điều tra này cung cấp cho chúng ta một cái nhìn rõ ràng hơn về hiện tượng tham nhũng trong giai đoạn bùng nổ. Chương 3 trình bày chi tiết tình hình ở Nigieria với điểm mấu chốt là tham nhũng đã tước đoạt của người dân những lợi ích từ một trong những thời kỳ phát triển bùng nổ nhất lịch sử của lĩnh vực dầu mỏ.

Nhìn lại, tôi có thể thấy nạn tham nhũng kinh hoàng diễn ra khắp mọi nơi. Tôi thậm chí đã tiếp xúc với một vài người bị cáo buộc ngay trong thời gian họ đang thực hiện các giao dịch làm ăn. Một người môi giới sau này phải ngồi tù ở Italia đã từng cho tôi quá giang về nhà. Trong bữa ăn tại một cuộc hội nghị, tôi từng trò chuyện với một giám đốc điều hành của hãng Shell mà hiện đang phải hầu tòa. Một đồng nghiệp của tôi đã từng làm một số công việc trong những công ty bình phong của vị Bộ trưởng,... Tuy nhiên, mặc dù ở gần với tham nhũng đến như thế và nhận thức được quy mô khả dĩ của nó, tôi vẫn nằm trong số nhiều người không lên tiếng báo động ngay từ sớm hoặc lên tiếng chưa đủ lớn. Khi mọi chuyện trở nên rõ ràng thì đã quá muộn, tiền cũng đã không cánh mà bay.

Trong giai đoạn bùng nổ ở Nigieria, tham nhũng trong ngành dầu khí gia tăng nhanh chóng nhưng gặp rất ít trở ngại. Sự thiếu hiểu biết và tình trạng không cấp bách khiến tất cả các tác nhân người Nigieria và nước ngoài không lên tiếng và không hành động. Nigieria không phải là trường hợp duy nhất: hết lần này tới lần khác, những vụ làm ăn trong ngành dầu khí đã mang lại lợi ích cho một vài kẻ có quyền lực, trong khi dân chúng phải chịu nhiều tổn thất. Cuốn sách này là nỗ lực của cá nhân tôi

nhằm bổ sung thêm nhận thức và thúc đẩy bài trừ nạn tham nhũng, khiến tham nhũng ít có khả năng gây ra những thiệt hại mang tính lịch sử như vậy một lần nữa.

Tham nhũng lan rộng toàn cầu

Các tiêu đề báo chí từ khắp nơi trên thế giới thể hiện rõ: hàng nghìn tỷ đôla Mỹ bất hợp pháp luân chuyển vòng quanh thế giới, làm giàu cho những cá nhân quyền lực và giữ quyền lực cho những nhà lãnh đạo bịp bợm, còn những công dân bình thường phải chịu nhiều thiệt thòi. Nhưng các tiêu đề báo chí không cung cấp nhiều thông tin chi tiết về cách thức hoạt động của tham nhũng. Tham nhũng thường được mô tả bằng những khái quát chung chung: “phổ biến”, “mang tính hệ thống” hoặc “tràn lan”. Còn khi đào sâu hơn, báo chí thường tập trung vào các chi tiết rườm rà. Con trai nhà lãnh đạo độc tài Ghinê Xích đạo đã mua chiếc găng tay gắn dây pha lê Swarovski mà Michael Jackson đã đeo trong chuyển lưu diễn “Bad”. Tiền đánh cắp từ Chính phủ Malaixia được trả cho Britney Spears để nhảy ra từ một chiếc bánh sinh nhật. Thái tử Ả-rập Xêút ưng ý một chiếc du thuyền của ông trùm rượu vodka Nga và mua ngay trong ngày với 550 triệu USD tiền mặt. Những chi tiết này cho thấy tham nhũng có thể nghiêm trọng tới mức nào, nhưng chúng không cho ta biết nhiều về những biện pháp có thể kiểm soát nó.

Nghiên cứu giai đoạn bùng nổ đầu mỏ gần đây cung cấp cho chúng ta một bức tranh đầy đủ hơn. Quan sát nạn tham nhũng trong giai đoạn bùng nổ đầu mỏ cũng tương tự như nhỏ một giọt thuốc nhuộm vào hệ thống lưu thông của tham nhũng toàn cầu và theo dõi các dòng chảy và đường dẫn của hệ thống khi giọt thuốc nhuộm ngày càng lan rộng ra. Các chương tiếp theo trình bày ngắn gọn những điều tôi phát hiện được sau khi xem xét

hàng chục vụ tham nhũng trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ, nhiều trường hợp cho thấy các xu hướng vượt ra ngoài phạm vi của ngành dầu khí.

Chương 2 tập trung vào các công ty, ngân hàng và khu vực tư nhân khác, đồng thời mô tả những biện pháp mà họ sử dụng để bẻ cong luật lệ trong những năm bùng nổ. Ở Angola, Ôxtrâyliya, Sát, Cộng hòa Congo, Libi, Nigieria, Na Uy và Hoa Kỳ, giám đốc điều hành các công ty bày ra những âm mưu phức tạp nhằm chiếm đoạt phần lớn của cải do giai đoạn bùng nổ mang lại. Hối lộ và kết thân với giới tinh hoa chính trị là những hình thức tham nhũng phổ biến nhất, nhưng tôi cũng khảo sát các trường hợp thông đồng và trốn thuế.

Vụ gian lận gần đây của các công ty khổng lồ như Wells Fargo và Volkswagen cho thấy, các nhà lãnh đạo có uy tín trong ngành này cũng có thể bị dính vào những vụ bê bối tham nhũng, dù họ có hệ thống quản lý phức tạp. Giai đoạn bùng nổ dầu mỏ cũng không phải ngoại lệ, và cơ hội thu được lợi nhuận cao bất thường đã dụ được Royal Dutch Shell, Goldman Sachs và những “con cá lớn” khác vào vùng nước đục. Các trường hợp khác chứng tỏ động cơ tham nhũng đặc biệt cao trong 2 khu vực: thăm dò, khai thác và kinh doanh dầu khí. Các cuộc điều tra cũng phát hiện được một số chiến thuật phổ biến, ví dụ như các công ty thuê môi giới để thực hiện những phi vụ bẩn thỉu của họ. Những khu vực có vấn đề như vậy chính là những nơi mà các cơ quan quản lý và những nhà điều tra tham nhũng có thể thu được thắng lợi lớn.

Các công ty hầu như không phải là những đối tượng duy nhất muốn chiếm đoạt của cải thu được từ dầu mỏ. Các chính phủ đủ mọi hình thức cũng nhúng tay vào công việc này. Quan điểm lỗi thời về tham nhũng cho rằng nó chỉ xảy ra chủ yếu ở những nước như Nigieria với phần đông dân chúng cam chịu cảnh đói nghèo trong khi giới tinh hoa liên kết với nhau vơ vét

tiền bạc. Các sự kiện diễn ra trong thời gian gần đây cho thấy quan điểm này thiếu sót tới mức nào. Trong 6 tháng đầu năm 2018, các vụ bê bối tham nhũng đã hạ bệ các nhà lãnh đạo của nhiều quốc gia như Ácmênia, Malaixia, Pêru, Xi-lôvakia, Nam Phi và Tây Ban Nha. Năm 2017, Tổng thống Hàn Quốc bị luận tội và bị bắt vì thông đồng với giới quyền lực trong lĩnh vực kinh doanh của nước này và tòa án Pakixtan đã cách chức Thủ tướng vì tội che giấu tài sản bất hợp pháp ở hải ngoại. Tổng cộng, trong 5 năm qua, hơn 20 nhà lãnh đạo trên thế giới đã bị mất chức sau khi những vụ tham nhũng của họ bị phanh phui và số người phải đối mặt với các cuộc phản đối mang tính lịch sử thậm chí còn nhiều hơn⁷.

Hồ sơ Panama tiếp tục phơi bày mức độ lan tràn của vấn nạn tham nhũng trên toàn thế giới. Năm 2016, các nhà báo đã nắm được khối lượng lớn tài liệu từ một công ty luật ở Panama mà chuyên môn chính là giúp các khách hàng giàu có chuyển tiền ra nước ngoài. Vụ rò rỉ tin tức này phơi bày các giao dịch tài chính ở nước ngoài của 140 chính trị gia ở 50 nước khác nhau⁸, trong đó có các quan chức của Cộng hòa Dân chủ Cônggô, Irắc và Xuđăng - những nước có các chỉ số đo lường mức độ tham nhũng tồi tệ nhất. Các quan chức của Áchentina, Ôxtrâylia, Aixolen và hàng chục quốc gia khác cũng bị bắt quả tang cất tiền trong các công ty bình phong bí mật. Việc sử dụng các công ty bình phong và làm ăn với các công ty luật Panama không phải là bằng chứng phạm tội. Nhưng những vụ bê bối sau đó cho thấy những việc làm sai trái ở nhiều nước, từ Bắc tới Nam, từ Đông sang Tây, từ giàu tới nghèo.

Tham nhũng trong giai đoạn bùng nổ đầu mở diễn ra với những hình thức khác nhau, tùy thuộc vào hệ thống chính trị của từng nước. Trong Chương 3, tôi thảo luận về cách thức kiếm tiền từ đầu mở của giới tinh hoa chính trị ở 3 nước dân chủ khai thác đầu:

Braxin, Nigêria và Hoa Kỳ. Các chính trị gia ở cả 3 nước này đều sẵn tiền từ ngành dầu khí nhằm tài trợ cho các chiến dịch tranh cử tốn kém của mình. Tại Braxin và Nigêria, tham nhũng ập tới và hàng tỷ đôla Mỹ tiền công quỹ không cánh mà bay. Các công ty dầu khí quốc gia rất dễ bị lạm dụng. Công ty dầu khí quốc gia Braxin đã chi hơn 18 tỷ USD để xây dựng một nhà máy lọc dầu mà đáng lẽ chỉ có giá khoảng 4 tỷ USD, đây chỉ là một phần của vụ bê bối Car Wash (Rửa xe) của nước này⁹. Những khoản chi vượt mức đó phần lớn đã bị cắt xén và chia cho các chính trị gia và các doanh nhân hàng đầu, đáng lẽ có thể dùng cho việc dạy dỗ 4 triệu học sinh Braxin trong một năm. Ở Hoa Kỳ, người ta sử dụng chiến thuật tinh vi hơn. Các phán quyết gần đây của Tòa án Tối cao đã gia tăng số tiền mà những người giàu có có thể đổ vào các chiến dịch tranh cử và thu hẹp cách lý giải pháp lý về những hành vi cấu thành hối lộ. Một phần nhờ vào những diễn biến như vậy mà dòng tiền từ ngành dầu khí chảy vào túi các chính trị gia Hoa Kỳ hầu hết đều hợp pháp. Tuy nhiên, cách làm này vẫn gây nguy hiểm cho người dân, nhất là khi chương trình nghị sự của các công ty tài trợ có những chính sách nhằm xóa sổ những chương trình cắt giảm lượng phát thải khí cacbon hoặc giải quyết vấn đề ấm lên toàn cầu.

Trong các chế độ dân chủ, có cả tin tốt lẫn tin xấu. Một số tổ chức chính phủ và cơ quan giám sát đã thành công trong việc xóa sổ và ngăn chặn nạn hối lộ. Các chế độ đạo tặc trị (kleptocracy) độc tài không có đối trọng và cân bằng, những sự kiện trong những năm bùng nổ dầu mỏ cho thấy rất rõ điều đó. Trong các chế độ đạo tặc trị, tham nhũng và quyền lực luôn luôn song hành với nhau. Các nhà lãnh đạo chính trị thao túng toàn bộ chính phủ và phần lớn khu vực tư nhân nhằm thực hiện các mục đích cá nhân của mình.

Từ “kleptocracy” đã trở nên thông dụng hơn trong vài năm gần đây. Người dân Bắc Mỹ và châu Âu nhận thức được đã có bao nhiêu tiền bẩn từ những quốc gia kiểu này thâm nhập nền kinh tế và thiết chế của họ. Chính phủ Hoa Kỳ đã điều tra xem Tổng thống Donald Trump và nhóm vận động tranh cử của ông liệu có mối quan hệ không chính đáng với Vladimir Putin hay không. Cựu quản lý chiến dịch tranh cử của Trump, Paul Manafort, đã bị kết án vì tội rửa tiền khi làm việc cho cựu lãnh đạo “đạo tặc” của Ucraina. Công ty của Trump hợp tác với một nhà tài phiệt nổi tiếng người Adécbaigian trong vụ mua bán khách sạn và một tỷ phú người Cadắcxtan bị cáo buộc tham nhũng đã mua 3 căn hộ trong khách sạn “Trump SoHo”¹⁰. Hàng tỷ bảng Anh từ Nga, Ảrập Xêút, Cadắcxtan và những nơi khác đã tràn như thác lũ vào các ngân hàng, thị trường bất động sản, doanh nghiệp và trường đại học ở Vương quốc Anh. Ngân hàng Deutsche Bank của Đức phải trả những khoản tiền phạt khổng lồ vì rửa tiền bất hợp pháp cho người Nga. Một số nhà cầm quyền độc tài châu Phi công khai sử dụng Pháp và Thụy Sĩ như nhà của mình. Hội đồng châu Âu đã phát hiện những biện pháp mà Adécbaigian sử dụng để xây dựng một chiến dịch vận động hành lang phức tạp - “ngoại giao trứng cá muối” và “hành động tham nhũng” nhằm thuyết phục các thành viên của cơ quan này lờ đi những biểu hiện thô bạo trong hồ sơ nhân quyền của mình¹¹. Nhiều doanh nghiệp Bồ Đào Nha phụ thuộc vào các khoản đầu tư ở Ănggôla, trong đó có những người đang hoạt động chính trị và các thành viên của gia đình quý tộc cũ. Chế độ đạo tặc trị ảnh hưởng tới toàn thế giới.

Nếu mỗi năm có hàng tỷ đôla Mỹ từ dầu khí đổ vào kho bạc thì chế độ đạo tặc trị sẽ ổn định và dễ dàng thành công hơn hẳn. Chương 4 khảo sát mối liên hệ máu thịt giữa các quan chức của chế độ đạo tặc trị và ngành dầu khí của họ, đồng thời mô tả

những biện pháp mà ngành dầu khí giúp cho những chế độ này tiếp tục tồn tại. Tôi tập trung vào các nhà cầm quyền ở Ảnggôla, Adécbaigian và Nga, đồng thời giải thích những chiêu trò khi họ sử dụng ngành công nghiệp dầu khí đang bùng nổ để củng cố vị thế chính trị của mình. Nhờ có tầm nhìn dài hạn và độc quyền về quyền lực, các nhà lãnh đạo này đã thúc đẩy sự phát triển của ngành dầu khí, đồng thời bòn rút một cách tinh vi để tham nhũng. Trước hết, họ chuyển những khoản lợi nhuận từ trên trời rơi xuống trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ cho các đồng minh của mình, bảo đảm rằng của cải chỉ làm căng phồng hầu bao của các nhà tài phiệt trung thành với chế độ của họ mà thôi.

Tương tự như tất cả các hình thức tham nhũng quy mô lớn hiện nay, chế độ đạo tặc trị hoạt động trên phạm vi quốc tế và gây ra những tổn thất cũng mang tầm quốc tế. Chương 5 mô tả vai trò của hàng chục tác nhân quốc tế trong chiến dịch của một doanh nhân trẻ đầy tham vọng người Malaixia nhằm biến thủ và chi tiêu ít nhất 4,5 tỷ USD tiền công quỹ. Các báo cáo về kế hoạch này cho thấy rằng, các quan chức hàng đầu thuộc quỹ đầu tư quốc gia Abu Dhabi, vốn đang dư dả nhờ giai đoạn bùng nổ dầu mỏ, đã đóng vai trò hỗ trợ chính cùng với các giám đốc điều hành ở một công ty dịch vụ mỏ dầu của Ảrập Xêút. Những tác nhân hỗ trợ khác, dù cố ý hay vô tình, bao gồm Goldman Sachs, các ngân hàng ở Thụy Sĩ và Xingapo, các công ty luật và đại lý bất động sản ở Hoa Kỳ, những người môi giới nghệ thuật, những người buôn bán kim cương, các công ty quan hệ công chúng, các hãng phim ở Hollywood, một nhà hoạt động quan trọng của Đảng Cộng hòa, một quan chức của Bộ Tư pháp Hoa Kỳ và một cựu thành viên của nhóm hip-hop Fugees trong thập niên 1990.

Những người có thể hỗ trợ tham nhũng thường sử dụng cùng một chiến thuật. Điều này còn đặc biệt đúng khi họ giúp

những người tham nhũng chuyển những khoản tiền đánh cắp đi nơi khác. Hết lần này đến lần khác, trong giai đoạn bùng nổ đầu mỏ, dân chuyên nghiệp được thuê để thành lập các công ty bình phong ở những khu vực pháp lý và cố tình ve vãn những đồng tiền bí mật, từ Delaware, Hoa Kỳ đến Xâysen. Các công ty bình phong này mở tài khoản tại ngân hàng nước ngoài, và những tài khoản này nhận số tiền bị đánh cắp. Sau đó, khoản tiền này tiếp tục được chuyển vào các tài khoản khác do các công ty bình phong khác mở. Hết lớp này đến lớp khác, kế toán, luật sư và những kẻ hỗ trợ khác che giấu số tiền tham nhũng cho đến khi những kẻ đã đánh cắp số tiền đó có thể thoải mái hưởng thụ. Tiền bản tràn lan khắp thế giới qua những kênh như thế. Trong thập niên vừa qua, 18/20 ngân hàng lớn nhất châu Âu đã bị phạt tiền vì tội rửa tiền. Nhờ chính sách khoan dung, những người đang bị chính quyền Hoa Kỳ điều tra về tội tham nhũng, buôn lậu ma túy và các tội danh khác, cũng như các chính phủ bị Hoa Kỳ phản đối như chế độ của Nicolas Maduro ở Vênêxuêla, đều dễ dàng cất giấu tài sản trong các công ty và bất động sản của Hoa Kỳ. Câu chuyện ở Malaixia và một vài câu chuyện khác trong Chương 5 cho thấy cách thức mà những chiếc vòi bạch tuộc tham nhũng vươn ra khắp thế giới.

Liên kết quốc tế là sức mạnh lớn nhất của những kẻ tham nhũng thời hiện đại. Nhưng giai đoạn bùng nổ đầu mỏ còn cho thấy một phát hiện khác cũng đầy kinh ngạc và tiềm năng: những liên kết này cũng rất dễ bị tổn thương. Trong giai đoạn bùng nổ đầu mỏ, hết lần này đến lần khác, các yếu tố xuyên biên giới trong âm mưu này đã dẫn đến tình trạng đứt gãy các mắt xích. Đây không phải là bài học quan trọng duy nhất mà giai đoạn bùng nổ đầu mỏ dạy chúng ta về các biện pháp chống tham nhũng.

Xét cho cùng, nhiều vụ tham nhũng được nhắc đến trong cuốn sách này là những câu chuyện thành công, ít nhất là ở một mức độ nhất định. Những hành vi sai trái được đưa ra ánh sáng và thủ phạm không thể yên ổn hưởng thụ số tiền biển thủ được. Trong Chương 6, tôi viết về những thành tựu mà các tổ chức chống tham nhũng đủ mọi màu sắc đã giành được.

Mặc dù một số chiến dịch chống tham nhũng trong nước là cuộc tranh giành quyền lực chính trị trá hình, như chiến dịch do Thái tử Arập Xêút dẫn đầu, nhưng một số tổ chức khác trong nước đã đấu tranh với tham nhũng và giành được thắng lợi, như cảnh sát Braxin quyết tâm điều tra các nhân vật đầy quyền lực, các quan chức tuyển cử ở Nigêria đã bảo vệ phiếu bầu và các nhà báo ở Ănggôla và Adécbaigian đã không e sợ những vụ đàn áp. Những trường hợp khác cho thấy cảnh sát, công tố viên, nhà báo và những kẻ thù khác của nạn tham nhũng hiện đang hoạt động trên phạm vi toàn cầu, không khác gì nạn tham nhũng mà họ đang tìm cách chống lại. Họ đã vạch trần được những âm mưu tham nhũng trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ và trừng phạt các bên liên quan - thường bằng cách theo sát các xúc tu của con bạch tuộc tham nhũng trên toàn cầu. Chính phủ các nước tăng cường thực thi những bộ luật chống hối lộ và tung ra những công cụ mới nhằm truy lùng dòng tiền bẩn. Những kẻ cầm quyền đạo tặc trị giàu lên nhờ dầu khí ngày càng khó mà thư giãn được trong các dinh thự của mình ở London hay Paris. Các mạng lưới phóng viên quốc tế đã ghi được những chiến thắng to lớn khi bóc trần được nạn tham nhũng trên quy mô chưa từng có. Ngay cả những kẻ chuyên tiếp tay cho tham nhũng - những nhân viên ngân hàng, luật sư và kế toán giúp dòng tiền bẩn luân chuyển - đôi khi cũng chứng tỏ rằng họ có thể trở thành người hùng trong cuộc chiến chống tham nhũng.

Như tóm tắt trong Chương 7, hiện đã có các chiến lược xây dựng cuộc chiến chống tham nhũng thông minh hơn. Các trường hợp trong quá khứ cho thấy tham nhũng có thể xảy ra nhiều lần trong một số lĩnh vực nhất định. Rõ ràng đây là những vấn đề cần phải giải quyết. Những trường hợp trong quá khứ cũng cho thấy chiến thuật chống tham nhũng nào hoạt động có hiệu quả và cần được nhân rộng. Tựu trung lại, những nhận xét này tạo thành một kế hoạch thực tiễn nhằm giải quyết nạn tham nhũng trong lĩnh vực dầu khí và những lĩnh vực khác. Câu hỏi nan giải ở đây không phải là cần làm gì mà là liệu những người nắm trong tay quyền lực có đủ kiên định và quyết liệt hay không. Như ở Nigêria trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ, cuộc chiến chống tham nhũng thường bị gạt sang một bên vì tình trạng không chắc chắn, thờ ơ hoặc cảm thấy phiền phức.

Việc không chú ý tới nạn tham nhũng gây ra đủ thứ tai họa, một số có thể là tai họa chết người. Theo một số chuyên gia, tham nhũng làm cho nền kinh tế thế giới thiệt hại ít nhất 3,6 nghìn tỷ USD/năm, tức là khoảng 4,5% GDP toàn cầu¹². Quỹ Tiền tệ quốc tế ước tính khoản tiền chi cho hối lộ từ 1,5 đến 2 nghìn tỷ USD/năm¹³, mà hối lộ chỉ là một trong nhiều hình thức tham nhũng. Dù tính toán ra sao, cũng không có một con số nào trên tiêu đề các bài báo có thể ghi nhận tất cả những con đường mà tham nhũng gây ra tai họa cho người dân và lấy đi mạng sống của nhiều người. Tham nhũng phá hoại nền chính trị ở nhiều nước khác nhau. Như đã đề cập, lãnh đạo của hơn 20 quốc gia đã phải ra đi trước khi kết thúc nhiệm kỳ vì tham nhũng hoặc bị cáo buộc tham nhũng. Ở những nước khác, các nhà lãnh đạo vẫn nắm được quyền lực, nhưng hàng tỷ người đã mất niềm tin vào chính phủ của mình. Tâm trạng thất vọng này góp phần khiến những nhà lãnh đạo cực đoan hoặc dân túy trỗi dậy. Bị những

hành động bẩn thỉu của giai tầng chính trị đang cầm quyền phản bội, những công dân chán chường chỉ còn biết rút lui khỏi chính trị hoặc tìm kiếm một thay đổi triệt để.

Tham nhũng làm suy yếu khả năng của các chính phủ trong việc giải quyết những thách thức cấp bách nhất của thế giới, trong đó có biến đổi khí hậu và nghèo đói. Ở một số nơi, nó còn kích động các cuộc xung đột bạo lực. Ở Nam Xudăng - đất nước nghèo đói trầm trọng, chìm trong nội chiến - các quan chức của công ty dầu khí quốc gia đã biến thủ tiền để tài trợ cho các lực lượng dân quân tàn phá làng mạc và tấn công dân thường¹⁴. Ở Nigieria, các quan chức chính phủ bị cáo buộc đánh cắp ngân quỹ dành cho cuộc chiến chống lại Boko Haram - một nhóm cực đoan đã tàn sát gần 40.000 người và khiến 2 triệu người khác phải rời bỏ quê hương¹⁵. Ở Ápganixtan và Irắc, tình trạng tham nhũng tràn lan trong chính phủ đã làm suy yếu quân đội, tước quyền của công dân và thúc đẩy một số người đứng lên cầm súng chống lại nhà nước¹⁶.

Tham nhũng còn kìm hãm kinh tế phát triển. Theo Quỹ Tiền tệ quốc tế, tham nhũng ngăn cản đầu tư nước ngoài, gây khó khăn cho việc thành lập hoặc phát triển doanh nghiệp, gia tăng chi phí cho các khoản vay của chính phủ và gây lạm phát cao - tất cả đều kìm hãm tạo việc làm và tăng trưởng. Nó cũng làm giảm khả năng thu thuế của chính phủ và khiến công dân không muốn đóng thuế. Tham nhũng làm gia tăng chi phí của dự án công và giảm chất lượng của dịch vụ xã hội, tác động đặc biệt xấu đến phụ nữ và người nghèo¹⁷.

Sau khi gây ra đủ loại thiệt hại về chính trị và kinh tế trong nước, tiền tham nhũng sẽ lan ra nước ngoài và làm rối loạn mọi thực thể nước ngoài mà nó chạm đến. Như đã đề cập, việc kinh doanh và cộng sự của Donald Trump đã cho thấy mức độ lây nhiễm

có thể lan rộng đến mức nào. Mỗi khi chạm vào công việc của Trump, những đồng tiền đáng ngờ đều tạo ra rối loạn, tranh cãi và xung đột lợi ích. Mặc dù đội ngũ của Trump tỏ ra đặc biệt dễ bị mua chuộc, nhưng không hề đơn độc trong việc thu hút những dòng tiền tham nhũng. Chỉ một công ty xây dựng của Braxin đã hối lộ các quan chức cấp cao ở ít nhất 10 nước Mỹ Latinh, gây bê bối và bất ổn trên toàn lục địa. Tham nhũng và tác động gây mất ổn định của nó dường như không có biên giới.

Chúng ta đang sống trong thời kỳ bùng nổ của vấn nạn tham nhũng. Các âm mưu tham nhũng khổng lồ xuyên biên giới đẩy hàng tỷ người lâm vào cảnh nghèo đói cùng cực, thổi bùng lên những cuộc xung đột chết chóc và gây suy yếu quyền đại diện chính trị cho người dân. Nhưng các chuẩn mực đang thay đổi. Những hành vi mà cách đây một hoặc hai thập niên sẽ nghiêm nhiên bị gạt đi vì “đó là lẽ thường tình” giờ đây đã gây ra phẫn nộ và thậm chí bị điều tra hình sự. Những người chống tham nhũng có được thông tin nhanh hơn, các công cụ thực thi pháp luật mới và quan hệ hợp tác xuyên biên giới ngày càng phát triển. Điều này có nghĩa đây cũng là thời kỳ hoàng kim của chống tham nhũng.

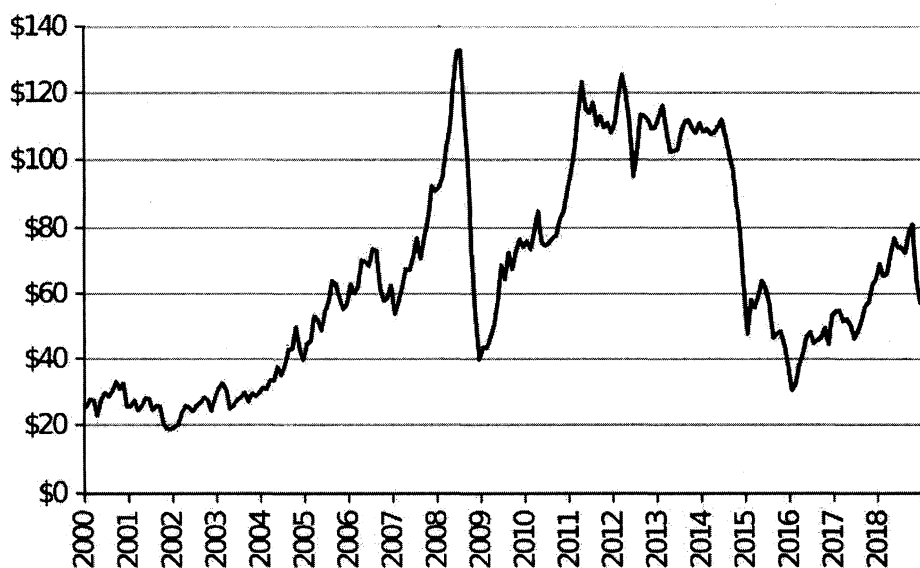
Giai đoạn bùng nổ dầu mỏ và “lời nguyên tài nguyên”

Trước khi đi sâu vào các trường hợp cụ thể, cần dành chút thời gian để mô tả lĩnh vực dầu khí, các bên tham gia và những tính chất đặc biệt của nó.

Giữa những năm 2000, nhiều nhà phân tích dự đoán rằng giá dầu có thể sẽ tăng, do nhu cầu ngày càng cao của Trung Quốc và các nền kinh tế mới nổi khác đã đẩy mạnh đầu cơ trên thị trường hàng hóa cũng như nguồn cung khó đoán từ các nước khai thác dầu quan trọng như Iran, Libi và Nigêria. Một vài nhà

phân tích táo bạo thậm chí còn dự đoán rằng, trước năm 2010, giá dầu sẽ vượt trên 120 USD/thùng. Mặc dù tất cả đều trở thành sự thật, nhưng tính chất không thể đoán trước của thị trường dầu mỏ vẫn không suy suyển. Không ai dự báo được giá dầu sẽ lên xuống thất thường như được thể hiện trên Hình 1.1. Lần đầu tiên giá dầu nhảy vọt từ 18 USD năm 2001 lên 140 USD năm 2008. Sau đó, giá lại lao xuống với tốc độ đáng kinh ngạc. Giá dầu tiếp tục sớm phục hồi và nhanh chóng trở lại mức 120 USD vào năm 2011. Giá vẫn cao trong 3 năm liên tiếp, trước khi giảm trở lại vào năm 2014. Nhờ giá dầu tăng, hơn 9.000 tỷ USD đã tràn vào ngành dầu khí trong giai đoạn bùng nổ từ năm 2008 đến 2014, tạo ra cơ hội kiếm lời chưa từng có.

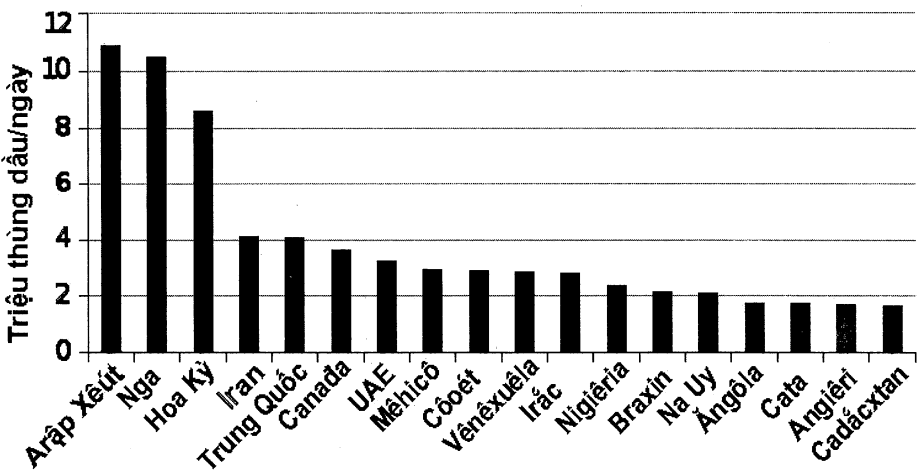
Hình 1.1: Giá một thùng dầu thô giai đoạn 2000-2018



Nguồn: Giá dầu giao ngay Brent châu Âu trung bình hằng tháng (giá dầu tiêu chuẩn được sử dụng rộng rãi), theo US Energy Information Administration, “Spot Prices for Crude Oil and Petroleum Products”, <https://www.eia.gov/petroleum/data.php#prices>.

Trong giai đoạn 2008-2014, giá khí đốt tự nhiên cũng tăng. Một vài vụ tham nhũng mà tôi mô tả liên quan đến khí đốt tự nhiên chứ không phải dầu thô. Hai sản phẩm có những khác biệt quan trọng, đặc biệt là về phương pháp khai thác, vận chuyển, tinh chế và bán. Nhưng xét về tham nhũng, cả hai đều có động cơ khá giống nhau nên có thể thảo luận cùng lúc, như được trình bày trong các chương tiếp theo.

Hình 1.2: Nhóm 15 nước sản xuất dầu hàng đầu thế giới tính theo sản lượng trung bình hằng ngày giai đoạn 2008-2014
(bao gồm dầu thô, dầu đá phiến, cát dầu, chất lỏng khí tự nhiên (NGL) và không bao gồm khí tự nhiên)



Nguồn: BP, *Annual Statistical Bulletin*, 2018.

Nga, Ả-rập Xê-út và Hoa Kỳ là những gã khổng lồ của ngành dầu khí toàn cầu, được thể hiện trên Hình 1.2. Trong giai đoạn bùng nổ, 3 quốc gia này sản xuất hơn 1/3 lượng dầu thô toàn cầu. Từ năm 2008 đến 2014, Nga và Ả-rập Xê-út khai thác trung bình 10 triệu thùng dầu mỗi ngày. Khi bắt đầu giai đoạn bùng nổ, Hoa Kỳ sản xuất chưa tới 7 triệu thùng dầu mỗi ngày. Cuối năm 2014,

Hoa Kỳ khai thác hơn 11 triệu thùng dầu mỗi ngày. Xếp sau 3 quốc gia này là một nhóm các nhà sản xuất lớn, trong đó có Iran, Trung Quốc, Canada, Các Tiểu vương quốc Ảrập thống nhất (UAE), Mêhicô, Côoét, Vê-nê-xuê-la, Irắc, Nigê-ri-a, Braxin, Na Uy và Ăng-gô-la. Trong những năm bùng nổ, mỗi nước sản xuất trung bình 2-4 triệu thùng mỗi ngày.

Mức độ quan trọng của dầu mỏ đối với những nước sản xuất hàng đầu này phụ thuộc vào quy mô nền kinh tế của họ. Hãy lấy ví dụ Hoa Kỳ và Trung Quốc. Cả hai đều là nhà sản xuất lớn, nhưng dầu thô chỉ chiếm một phần nhỏ trong toàn bộ nền kinh tế của họ. Mặt khác, dầu mỏ là ngành quan trọng nhất của Ảrập Xêút và Irắc. Hơn 3/4 doanh thu của 2 chính phủ này đến từ dầu khí. Ở những quốc gia đó, dầu khí có tác động lớn hơn hẳn đối với nền chính trị cũng như nền kinh tế.

Ở các nước sản xuất khác, dầu khí cũng có ảnh hưởng rất lớn, và họ cũng xuất hiện nổi bật trong những câu chuyện tham nhũng sau đây. Đó là những nhà sản xuất với quy mô trung bình như An-giê-ri, Ca-dắc-xtan, Libi và A-déc-bai-gi-an, những nơi mà dầu khí giữ thế thượng phong trong nền kinh tế quốc gia. Các nhà sản xuất nhỏ hơn có tác động không đáng kể tới thị trường dầu khí toàn cầu, nhưng một số nước vẫn phụ thuộc nhiều vào dầu khí. Những nước này bao gồm Sát, Cộng hòa Công-gô, Ghinê Xích đạo và Nam Xu-đăng ở châu Phi, cũng như vương quốc dầu mỏ Brunây và Tuốc-mê-nix-tan - một nhà sản xuất khí đốt tự nhiên quan trọng.

Giá cao thúc đẩy các công ty dầu khí tránh xa các nhà sản xuất lâu đời này và tìm kiếm dầu ở những khu vực mới. Các hoạt động thăm dò diễn ra trên khắp vùng bờ biển của châu Phi, từ Mô-ri-ta-ni tới Namibia, từ Xô-ma-li tới Mô-dăm-bích, nhen nhóm hy vọng và kỳ vọng của cả chính quyền và người dân. Trong con

mê loạn, các công ty vung ra những khoản tiền lớn nhằm tiếp cận khu vực, ngay cả khi chưa hề tìm thấy dầu, và trong một số trường hợp, tham nhũng đã xảy ra ngay sau đó.

Trong các nước khai thác dầu khí, giai đoạn bùng nổ giúp chính phủ có doanh thu cao kỷ lục. Nguồn thu từ lĩnh vực này thường tăng gấp đôi chỉ trong vài năm rồi sau đó giảm xuống cùng với giá dầu. Ví dụ, trước giai đoạn bùng nổ, mỗi năm Chính phủ Irắc thu được khoảng 40 tỷ USD doanh thu từ dầu mỏ. Sau đó, đột nhiên họ thu về hơn 90 tỷ USD một năm. Ở quy mô nhỏ hơn, Chính phủ Cộng hòa Cônggô thu về 2 tỷ USD từ lĩnh vực dầu khí năm 2009 và gấp 3 lần con số đó vào năm 2013¹⁸. Chẳng khác gì trúng xổ số.

Trong giai đoạn bùng nổ, một số loại hình công ty dầu khí khác nhau cũng thu được lợi nhuận cao kỷ lục. Các chính phủ nắm toàn bộ hoặc phần lớn cổ phần của các công ty dầu khí quốc gia. Theo một nghiên cứu hàng đầu, các công ty này khai thác 55 - 75% sản lượng dầu khí thế giới và kiểm soát tới 90% trữ lượng dầu khí toàn cầu¹⁹. Thể thống trị này bắt đầu từ những năm 1970, vào thời điểm chính phủ các nước như Iran, Irắc, Côoét, Arập Xêút và Vênêxuêla cảm thấy mệt mỏi khi hoạt động sản xuất dầu khí phải phụ thuộc vào các công ty phương Tây và quyết định thành lập các công ty dầu khí quốc gia hùng mạnh để khẳng định quyền kiểm soát nhiều hơn đối với lĩnh vực này. Trong một số trường hợp, các chính phủ còn lấy tài sản của các công ty nước ngoài và giao cho các công ty dầu khí quốc gia quản lý.

Hiện nay, các công ty dầu khí quốc gia đóng vai trò quan trọng trong ngành dầu khí ở tất cả các nước sản xuất chính, trừ Canada, Vương quốc Anh và Hoa Kỳ. Trung Quốc có 3 công ty dầu khí quốc gia khổng lồ là Sinopec, Công ty Dầu khí quốc gia Trung Quốc (CNPC) và Tổng Công ty Dầu khí Hải Dương

Trung Quốc (CNOOC), hoạt động ở hàng chục quốc gia trên thế giới. Nhiều công ty dầu khí quốc gia lớn khác, như của Ấn Độ, Malaixia và Na Uy, cũng đang hoạt động ở nước ngoài. Nhiều công ty lớn trong số đó được niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán quốc tế, nghĩa là chính phủ chia sẻ quyền sở hữu công ty với các nhà đầu tư tư nhân. Các chính phủ khác, như Iran và Arập Xêút, lại nắm giữ toàn bộ quyền kiểm soát các công ty dầu khí quốc gia của mình. Mặc dù những ông lớn này cũng phải cạnh tranh với các công ty dầu khí tư nhân, nhưng họ có những điểm khác biệt quan trọng. Đầu tiên và trên hết, họ vẫn nằm dưới quyền kiểm soát chặt chẽ của giới lãnh đạo chính trị của đất nước và thường được kêu gọi ủng hộ các mục tiêu chính trị, chính sách đối ngoại và các mục tiêu phi thương mại khác²⁰. Các công ty dầu khí quốc gia nhỏ hơn, như nhiều công ty ở châu Phi, cũng nằm trong hoàn cảnh tương tự. Mặc dù họ có thể thực sự thiếu năng lực sản xuất dầu, nhưng họ thu về rất nhiều tiền và là những nhân vật đầy quyền lực trên bình diện quốc gia.

Trong khu vực tư nhân, các công ty dầu khí nổi tiếng nhất là những nhân vật khổng lồ, hoạt động trong toàn ngành từ khai thác dầu thô đến bán xăng dầu cho người tiêu dùng. ExxonMobil và Chevron là những công ty dầu khí lớn nhất của Hoa Kỳ. Ở châu Âu, BP, Royal Dutch Shell, Total, Eni cùng với Lukoil của Nga đứng đầu bảng xếp hạng. Về doanh thu và sản lượng, các công ty này gần tương đương với các công ty dầu khí quốc gia lớn nhất thế giới. Bên cạnh những gã khổng lồ nổi tiếng này, còn nhiều công ty khác, cả lớn lẫn nhỏ, được niêm yết công khai và do tư nhân sở hữu.

Các công ty sản xuất dầu không phải là những nhân vật quan trọng duy nhất trong ngành, đặc biệt khi nói tới rủi ro tham nhũng. Những nhà buôn dầu khí là trung gian trong

ngành, bảo đảm cho nguồn cung được chuyển từ người mua đến người bán trên toàn thế giới. Họ kiếm tiền từ lợi nhuận kinh doanh, mua thấp bán cao và chớp thời cơ từ những biến động của giá dầu. Những nhà buôn lớn nhất là bộ phận kinh doanh của các công ty dầu khí lớn, trong đó có BP, Shell, Total, Lukoil và Sinopec, cũng như các công ty thương mại dầu khí, như 5 nhà buôn lớn của Thụy Sĩ là Glencore, Gunvor, Mercuria, Trafigura và Vitol. Những nhà buôn nhỏ hơn lấp đầy khoảng trống còn lại.

Dịch vụ mỏ dầu là một mảng khác mà nạn tham nhũng luôn rình rập. Các công ty có giấy phép thăm dò và khai thác, như ExxonMobil hay CNPC, không tự mình thực hiện mọi công việc. Họ thuê ngoài một số hạng mục bằng cách trao hợp đồng cho một nhóm các công ty dịch vụ mỏ dầu. Các nhà thầu này là các công ty đa quốc gia lớn chuyên khoan giếng dầu, xây dựng cơ sở hạ tầng và cung cấp các dịch vụ kỹ thuật cao, đắt đỏ trên khắp thế giới. Có thể kể đến một số tên tuổi lớn nhất trong ngành như: Schlumberger của Pháp, Halliburton, Weatherford và BakerHughes của Hoa Kỳ, Transocean của Thụy Sĩ, Saipem của Italia và Petrofac của Vương quốc Anh. Hợp đồng cũng được giao cho các công ty nhỏ hơn, thường là ở địa phương, cung cấp các dịch vụ cơ bản hơn như logistics, ăn uống hoặc vận chuyển. Hơn một nửa chi phí sản xuất dầu khí được dành cho hợp đồng dịch vụ, nên các công ty giành được các hợp đồng này có cơ hội thu lời rất lớn²¹.

Cùng với các thương nhân và các công ty dịch vụ, trong những năm bùng nổ, rất nhiều nhân vật khác đã đổ xô đến các nước dồi dào dầu mỏ để kiếm phần cho mình. Chính phủ nhiều nước đã chuyển phần lớn doanh thu từ dầu mỏ vào các tài khoản tiết kiệm chuyên biệt, được gọi là quỹ đầu tư quốc gia. Cuối giai đoạn

bùng nổ dầu mỏ, hơn 4 nghìn tỷ USD doanh thu từ dầu mỏ đã được đưa vào các quỹ này²². Các tổ chức tài chính tranh giành quyền quản lý và đầu tư các quỹ này. Kế toán viên, luật sư, công ty tư vấn và các nhóm quan hệ công chúng cũng chào bán dịch vụ của mình với các chính phủ giàu có. Các nhà cung cấp bất động sản cao cấp, du thuyền, máy bay phản lực tư nhân, đồ trang sức và các mặt hàng xa xỉ khác cũng đưa thế giới sản xuất dầu mỏ vào tầm ngắm của họ.

Tất cả những chủ thể này - chính phủ, các công ty dầu khí, các nhà cung cấp dịch vụ, những tay buôn, v.v. - đều muốn chiếm một phần từ giai đoạn bùng nổ này. Một số đặc tính bất thường của dầu mỏ càng thúc đẩy thêm cuộc tranh giành.

Thứ nhất, các nước chỉ có một cơ hội hưởng lợi từ tài nguyên dầu khí của họ. Vì dầu khí được sinh ra từ nhiều thiên niên kỷ trước, nên một đất nước có loại hiđrôcacbon nào thì chỉ có thể khai thác loại đó. Đặc điểm không thể tái sinh của dầu mỏ càng làm tăng thêm tính chất may rủi cho những người tìm kiếm lợi nhuận trong lĩnh vực này cũng như công dân của các quốc gia phát hiện được mỏ dầu. Dầu khí có thể giúp phát triển những lĩnh vực khác của nền kinh tế và mang lại lợi ích cho cả thế hệ ngày nay và tương lai, như đã diễn ra ở Na Uy. Hay thu nhập từ dầu khí có thể bị lãng phí, đất nước mất đi cơ hội tốt nhất để đầu tư cho phát triển kinh tế và xã hội.

Thứ hai, dầu khí là ngành rất dễ bị trục lợi. Trục lợi (rent) là thuật ngữ kinh tế mô tả phần chênh lệch giữa chi phí sản xuất món hàng nào đó, bao gồm cả một khoản lợi nhuận nhỏ dành cho người sản xuất và tiền thuế đóng cho chính phủ, và mức giá mà món hàng đó có thể bán được trên thị trường. Đối với hầu hết

hàng hóa - điện thoại, ô tô, ngô, áo sơ mi - hai con số này gần bằng nhau. Dầu khí thì không như vậy, đặc biệt là trong giai đoạn bùng nổ.

Chi phí sản xuất dầu mỗi nơi một khác, phần lớn phụ thuộc vào địa hình. Một số mỏ dầu ở Trung Đông nằm không quá sâu dưới lớp cát sa mạc và có thể sản xuất với giá chưa tới 20 USD/thùng. Khi giá vượt quá 100 USD, số tiền có thể bị trục lợi từ mỏ dầu này là hơn 80 USD/thùng. Chi phí sản xuất của những mỏ dầu khác thường cao hơn. Chi phí để khai thác dầu ngoài khơi có thể dao động từ 30 đến 60 USD/thùng, phụ thuộc vào độ sâu và vị trí của vùng biển. Khi giá cao, số tiền có thể bị trục lợi của những mỏ dầu này cũng gia tăng đáng kể.

Trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ, số tiền hàng nghìn tỷ đôla Mỹ mà người ta có thể trục lợi chẳng khác nào một miếng mồi khổng lồ đầy máu chưa từng có khiến những con thú ăn thịt trong ngành lao vào xâu xé. Số tiền có thể bị trục lợi về cơ bản là khoản tiền phụ trội để cho người ta giành giật. Phụ thuộc vào việc ai là người giành được thỏa thuận tốt nhất, khoản tiền này có thể rơi vào tay bất kỳ chính phủ hay tổ chức tư nhân nào tham gia vào lĩnh vực này.

Đợt bùng nổ giá cả trong giai đoạn 2008-2014 không phải là lần đầu số tiền có thể bị trục lợi trong ngành dầu khí gây ra cơn điên cuồng như thế. Giữa những năm 1970, giá dầu bắt đầu leo thang. Sau đó, đến năm 1979, giá dầu tăng vọt và giữ ở mức cao trong suốt 7 năm liên tiếp. Các nhà kinh tế học và chính trị học đã nghiên cứu ảnh hưởng của giai đoạn bùng nổ này đối với các nước sản xuất dầu và khai sinh ra thuật ngữ "lời nguyên tài nguyên" để tổng kết những phát hiện đáng buồn của mình. Năm 1995, Jeffrey Sachs và Andrew Warner công bố một trong những

công trình nghiên cứu lớn đầu tiên về các nền kinh tế giàu tài nguyên trên toàn cầu. Họ phát hiện rằng, trên thực tế, nền kinh tế của các nước giàu tài nguyên hoạt động kém hơn các nước nghèo tài nguyên²³. Minh họa cho xu hướng này là những con đường phát triển khác nhau của Hàn Quốc và Đài Loan (Trung Quốc) so với những nước có nhiều dầu mỏ như Mêhicô, Nigiêria, Arập Xêút và Vênêxuêla.

Các chuyên gia đưa ra một số cách giải thích kinh tế về thành tích kém cỏi này. Xuất khẩu nhiều dầu mỏ hoặc khoáng sản có thể khiến đồng nội tệ mạnh lên, nhưng lại làm cho các ngành khác trong nước gặp khó khăn. Khi tỷ giá hối đoái tăng, hàng hóa xuất khẩu của đất nước trở nên đắt hơn và khó bán hơn trên thị trường toàn cầu - hiện tượng này được gọi là “căn bệnh Hà Lan”. Ngoài ra, dầu khí là một “ngành công nghiệp trọng điểm”, có ít liên kết với các lĩnh vực khác trong nền kinh tế. Hoạt động kinh doanh dầu mỏ gia tăng trong giai đoạn bùng nổ, nhưng không tạo thêm nhiều việc làm hay kéo các ngành khác đi lên cùng với nó. Cuối cùng, doanh thu từ dầu khí nổi tiếng là không ổn định, một thách thức mà các chính phủ khó kiểm soát. Nhiều nhà sản xuất dầu hào hứng chi tiêu mạnh tay khi giá cao, rồi sau đó lâm vào cảnh nợ nần chồng chất khi giá giảm.

Sự giàu có từ dầu khí cũng gây ra những ảnh hưởng nguy hiểm về mặt chính trị. Nhà chính trị học Michael Ross phát hiện rằng, từ năm 1980 đến 2006, xác suất dân chủ hóa của các nước nhiều dầu mỏ thấp hơn 3 lần so với các nước không sản xuất dầu²⁴. Phát hiện của ông cũng phản ánh nhiều nghiên cứu nhỏ hơn về nguyên nhân làm cho quyền lực ở các nước có nhiều dầu mỏ thường tập trung trong tay một số ít cá nhân. Các biện pháp kiểm soát quyền lực, như các cuộc bầu cử hoặc các cơ quan lập pháp

và tư pháp độc lập, thường bị suy yếu. Nhiều chính phủ các nước nhiều dầu mỏ còn không thèm đánh thuế người dân hoặc doanh nghiệp ngoài ngành dầu khí, họ không hề quan tâm đến sự thịnh vượng của người dân và không thúc đẩy sự tín nhiệm cần có cho việc đánh thuế trên diện rộng. Thay vì cung cấp hàng hóa và dịch vụ công, các nhà lãnh đạo và quan chức dành thời gian cho “hành vi trục lợi”, tức là tìm cách chiếm đoạt của cải từ dầu mỏ cho mình, cho đồng minh chính trị hoặc khu vực quê nhà của họ.

Tham nhũng đóng vai trò to lớn trong những nguyên nhân gây ra lời nguyền tài nguyên. Một số nhà lãnh đạo tham nhũng nhất trong thời gian gần đây, như Sani Abacha ở Nigieria và Suharto ở Indônêxia, đã giàu lên từ dầu khí. Lãnh đạo của các nước sản xuất dầu khác, như ở Vịnh Ba Tư, nổi tiếng vì lối sống vô cùng xa hoa. Nhiều nhà độc tài tại vị lâu nhất trong thời gian gần đây như ở Ănggôla, Camorun, Ghinê Xích đạo, Libi và những nước khác, đã sử dụng tiền từ dầu khí để mua chuộc kẻ thù và giữ các đồng minh trung thành với mình trong nhiều thập niên. Các công ty dầu khí cũng tham gia. Trong hai thập niên 1980 và 1990, giới tinh hoa chính trị của Pháp và châu Phi đã nhận những khoản tiền được chuyển từ công ty dầu khí Elf Aquitaine do nhà nước sở hữu²⁵. Hàng trăm công ty đã vi phạm các quy định của Chương trình đổi dầu lấy lương thực do Liên hợp quốc quản lý và đã chuyển 1,5 tỷ USD tiền lại quả cho chính quyền Saddam Hussein ở Irắc²⁶. Và còn rất nhiều trường hợp khác nữa.

Với một lịch sử như thế, sự phổ biến của tham nhũng trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ gần đây không làm người ta ngạc nhiên. Tính chất dễ đoán định của tham nhũng không làm giảm

tầm quan trọng của nó. Vào thời điểm giá cả tăng cao chưa từng thấy, các chính phủ và công ty liền nâng cấp các thủ đoạn tham nhũng cũ và sáng tạo những thủ đoạn mới, trong đó có nhiều âm mưu khai thác hệ thống tài chính toàn cầu ngày nay. Phong trào chống tham nhũng cũng phát triển, các tổ chức chống tham nhũng có trong tay nhiều công cụ hơn trước. Giai đoạn bùng nổ dầu mỏ gần đây chính là phòng thí nghiệm hoàn hảo để tìm hiểu tất cả hành vi của họ.

Viết về tham nhũng trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ

Trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ, các nhân vật trong ngành đã sử dụng đủ kiểu chiến thuật để sân chơi nghiêng về phía có lợi cho mình và chiếm đoạt miếng bánh quá lớn trong khối tài sản do các mỏ dầu mang lại. Một số tham nhũng một cách công khai, trong khi một số khác giúp đỡ hoặc vô tình lờ đi hành động sai trái. Họ hoạt động trong bối cảnh quốc gia khác nhau, từ đó tác động đến chiến thuật mà họ lựa chọn. Để nắm được phạm vi và mức độ đa dạng, tôi đã xây dựng một mạng lưới rộng lớn trong nghiên cứu của mình và áp dụng cách tiếp cận bao quát để định nghĩa tham nhũng.

Tổ chức Minh bạch quốc tế, một nhóm vận động chống tham nhũng hàng đầu, định nghĩa tham nhũng là “lạm dụng quyền lực được giao để tư lợi”. Nhiều hành động mà tôi sẽ trình bày phù hợp với định nghĩa này. Tuy nhiên, khái niệm “quyền lực được giao” thường khiến người ta chú tâm vào nạn tham nhũng của các quan chức chính phủ. Tôi cũng xem xét các hành động của khu vực tư nhân, vì các công dân cũng phải trả giá cho những nỗ lực bẻ cong pháp luật của họ. Số tiền có thể bị trục lợi từ dầu khí là có hạn và không thể tái sinh. Vì vậy, khi một công ty chiếm đoạt

về mình một phần quá mức hợp lý, họ sẽ chiếm mất phần lợi nhuận mà lẽ ra phải dành cho đất nước sản xuất dầu và người dân ở đó. Theo lôgích này, tôi đưa vào Chương 2 một loạt hành vi gây thiệt hại từ khu vực tư nhân, trong đó có hối lộ, làm ăn với giới tinh hoa chính trị, thông đồng, trốn thuế và tránh thuế. Tôi cũng xem xét hành vi của những người tiếp tay cho tham nhũng, như nhân viên ngân hàng, kế toán viên, luật sư và những kẻ môi giới giúp thực hiện các giao dịch làm lợi cho một bộ phận giới tinh hoa nhất định và gây thiệt hại cho người dân. Một số người cố tình làm sai trong khi một số khác chỉ vô tình giúp đỡ.

Sử dụng định nghĩa rộng về tham nhũng cũng có nghĩa là một số hành vi lạm dụng mà tôi mô tả được chính quyền coi là hợp pháp ở nơi chúng diễn ra. Điều này đúng ngay cả với những tội tham nhũng điển hình nhất như hối lộ. Hầu hết các nước đều có luật cấm các công ty hối lộ công chức. Nghe có vẻ rất đơn giản. Tuy nhiên, trên thực tế, người ta đã tranh luận rất nhiều về việc thế nào là hối lộ. Ví dụ như đón tiếp khách: không có sự thống nhất nào giữa các khu vực pháp lý, hay thậm chí ngay trong khu vực pháp lý, về số tiền chi cho “ăn nhậu” đến mức nào thì bị coi là hối lộ. Như được mô tả trong Chương 2, một tòa án dân sự của Vương quốc Anh cho rằng, vụ việc Goldman Sachs ra sức lấy lòng các quan chức dầu khí Libi, với những bữa ăn cầu kỳ trong khách sạn sang trọng và thậm chí cả gái mại dâm, không phải vấn đề cần xem xét. Nhưng các nhà chức trách Hoa Kỳ lại “tuýt còi” công ty khai thác mỏ và dầu khí BHP Billiton vì đã tài trợ cho các quan chức chính phủ nước ngoài tới Thế vận hội Bắc Kinh.

Trong những vụ khác, hành vi mà tôi mô tả rõ ràng là hợp pháp - nhưng vẫn là tham nhũng. Đạo luật Dầu khí của Nigieria đặt ra rất ít hạn chế đối với thẩm quyền của Bộ trưởng Dầu mỏ trong việc lựa chọn đối tác nhận được hợp đồng dầu mỏ. Vì vậy,

việc vị cựu Bộ trưởng phân bổ hợp đồng cho các công ty không đủ năng lực do các đồng minh của bà lãnh đạo là vì được Đạo luật Dầu khí cho phép. Bà ta có thể đã vi phạm các luật khác, đặc biệt là khi các đồng minh mua nhà và các món quà khác cho bà ta, như được mô tả trong Chương 3. Nhưng bản thân việc trao hợp đồng dầu khí một cách tùy tiện cho bạn bè của bà ta thì không vi phạm luật pháp Nigieria. Ở các nước khác, như Adébaigian và Nga, các nhà lãnh đạo chính trị nhanh nhạy đã làm mọi cách để bảo đảm rằng một số nhà tài phiệt sẽ thắng lớn trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ. Những nhà lãnh đạo này tạo được ảnh hưởng lên toàn bộ chính phủ và các quy tắc hoạt động của chính phủ, vì vậy, họ không gặp nhiều khó khăn khi thực hiện mục tiêu của mình trong khuôn khổ của luật pháp. Nhưng đó vẫn là tham nhũng. *Tham nhũng hợp pháp* có nghĩa là khi tôi cho rằng người nào đó tham nhũng, tôi không khẳng định rằng họ đã vi phạm pháp luật hoặc có hành vi phạm tội²⁷.

Cuốn sách này chỉ tập trung vào những vụ tham nhũng lớn: tham nhũng quy mô lớn do những người có quyền lực thực hiện. Tham nhũng vặt không được đề cập: kiểu tham nhũng mà người dân gặp phải khi họ tìm cách tiếp cận các dịch vụ thường ngày, ví dụ như một sĩ quan xuất nhập cảnh đòi tiền hối lộ tại biên giới.

Những câu chuyện về tham nhũng mà tôi sẽ kể sau đây hoàn toàn dựa vào các nguồn thông tin công khai. Hầu hết là các tài liệu do chính phủ ban hành cho các vụ án, ví dụ như bản luận tội, đơn kiện và thỏa thuận nhận tội, tin tức trên phương tiện truyền thông và những cuộc điều tra do các tổ chức phi chính phủ công bố. Tôi đã không thực hiện các cuộc điều tra riêng, cũng như không tiết lộ bằng chứng mới về tham nhũng hoặc đưa ra những cáo buộc chưa trình bày ở những nơi khác. Tuy nhiên, việc tập hợp những bằng chứng kiểu này từ nhiều vụ việc, từ nhiều quốc gia và chỉ ra

các khuôn mẫu được lặp đi lặp lại cũng tạo ra giá trị xã hội quan trọng. Nó cho ta thấy những biện pháp có thể giúp kiểm chế các hình thức tham nhũng mang tính hệ thống được trình bày trong cuốn sách này.

Các vụ án tham nhũng thường bị vạch trần như bóc vỏ củ hành và phải mất nhiều năm mới đi đến được kết quả chung cuộc. Khi các điều tra viên nghe ngóng được về một hành động sai trái của một nhân vật, họ đi sâu vào vụ án và bắt đầu chấp nối các sự kiện đã xảy ra. Công việc ban đầu này sẽ tiết lộ thêm việc làm sai trái của nhiều nhân vật khác, sau đó cần tiến hành điều tra lần lượt, v.v.. Do tính chất phức tạp và xuyên biên giới của tội phạm tham nhũng hiện nay, các cơ quan thực thi pháp luật nhận thấy được những cuộc điều tra này tốn rất nhiều thời gian. Sau đó, khi những lời buộc tội đã được đệ trình, bắt đầu một loạt sự chậm trễ khác, ví dụ như những vụ kháng cáo kéo dài. Ở nhiều nước, các cuộc điều tra về tham nhũng thậm chí chỉ được khởi động sau khi chính phủ mới lên nắm quyền và bắt đầu lật lại những sự kiện đã xảy ra dưới thời những người tiền nhiệm.

Vì những lý do như vậy, nhiều trường hợp mà tôi đề cập trong cuốn sách này vẫn chưa đi đến kết luận cuối cùng vào thời điểm cuốn sách được xuất bản, thậm chí có cáo buộc tham nhũng đã xảy ra từ vài năm trước. Nhiều thông tin mới có thể xuất hiện và làm thay đổi bối cảnh của toàn bộ câu chuyện. Thêm nhiều bên có thể bị luận tội. Hay những lời tuyên án có thể bị kháng cáo và bị hủy bỏ.

Đây chỉ là một trong nhiều thách thức trong quá trình viết về tham nhũng. Thông tin xuất hiện một cách đột ngột, không thể nào đoán trước được. Các nguồn khác nhau có thể đưa ra những thông tin khác nhau về sự kiện. Sự phức tạp của các thủ đoạn tham nhũng

đôi khi không thể mô tả một cách rõ ràng. Các bên liên quan có thể tức giận vì bị nêu tên và sẵn sàng trả đũa. Tuy nhiên, những câu chuyện mà tôi kể phản ánh công cuộc điều tra và tường trình nghiêm túc của những cá nhân và tổ chức có uy tín, trong đó thường bao gồm những vụ xét xử chính thức và những kết luận được trình bày trong cuốn sách này là đánh giá có cân nhắc của tôi, dựa trên những bằng chứng mà tôi thu thập được.

Những câu chuyện này có ý nghĩa quan trọng. Các chính trị gia đầy quyền lực, các công ty giàu có và những tay buôn xảo quyệt đã giành giật được miếng bánh to hơn trong giai đoạn bùng nổ gần đây. Nhưng họ không phải là những người không ai dám động tới. Họ đã sử dụng các chiến thuật thông thường và phô bày những điểm yếu thông thường, đồng thời những nhận xét này có thể tạo ra nền tảng cho một hành động phản ứng thông minh hơn.

“KẾT GIAO VỚI THẾ LỰC NHIỀU LOẠN THẾ GIỚI”

Tương tự như nhiều doanh nhân đầy tham vọng khác, Brad Griffiths đã tìm cách kiếm tiền từ làn sóng tăng giá dầu. Griffiths, một chuyên gia tài chính người Canada, chăm chỉ, chịu khó, nổi tiếng ở Toronto đối với một số nhóm người vì cách làm ăn theo lối cao bồi của mình. Một đồng nghiệp gọi ông là “một tay làm ăn xuất sắc”. “Ông ấy có khả năng, như chúng ta thường nói, giải quyết phần khó khăn nhất và giành được hợp đồng”¹.

Đầu năm 2011, mọi thứ đang tiến triển tốt đẹp với Griffiths. Kỹ năng giao dịch của ông đã mang đến cho ông một cơ hội khác. Công ty dầu khí mới được thành lập của ông, Griffiths Energy, ký hợp đồng với Chính phủ Sát để khai thác 2 lô dầu có nhiều triển vọng. Nhờ hợp đồng với Sát, công ty đã nhanh chóng huy động được 165 triệu USD và bắt đầu chuẩn bị cho đợt chào bán IPO vào cuối năm đó. Cùng với chiến thắng lớn này, Griffiths, ở tuổi 55, dường như đang bắt đầu một lối sống lành mạnh hơn và bỏ lại những việc làm sai trái trong quá khứ. Một đồng nghiệp của ông nhận xét: “Ông ấy đang có phong độ tốt nhất từ trước đến nay, cả về chuyên môn lẫn tư cách cá nhân”. Theo một tờ báo ở Toronto, Griffiths đã “vượt qua được nhiều năm tiệc tùng liên miên, ổn định

cuộc sống và nối lại quan hệ với gia đình, đặc biệt là trong ngôi nhà bên hồ Joseph, cách Toronto 200km về phía bắc”².

Tuy nhiên, trên hồ Joseph, đã xảy ra một bi kịch. Tạm ngưng quá trình chuẩn bị IPO, Griffiths đi nghỉ hè ở trang trại của gia đình. Một ngày tháng 7 bình lặng, ông lấy thuyền đi câu cá. Chẳng bao lâu sau, những người hàng xóm trông thấy cách khá xa bờ có một người đang vẫy tay kêu cứu. Griffiths rời khỏi thuyền và chìm ngay sau đó. Vài ngày sau cảnh sát mới vớt được xác ông. Trong khi nhà chức trách cho rằng không có gì mờ ám, gia đình ông cũng không công bố kết quả khám nghiệm tử thi, khiến nhiều việc xảy ra lúc đó vẫn còn là một bí ẩn³.

Trong những tháng sau đó, những người còn lại trong công ty Griffiths Energy tìm cách tập hợp các thứ còn lại với nhau và khai thác tối đa khối tài sản dầu khí mà họ đang nắm trong tay. Ban lãnh đạo mới đã tới và xem xét toàn bộ các giao dịch dẫn tới thỏa thuận với Chính phủ Sát. Những vấn đề mà họ phát hiện được gây ra nhiều lo ngại, và họ đã tiến hành một cuộc điều tra trong nội bộ công ty. Năm 2012, ban lãnh đạo mới của công ty báo cáo với chính quyền Canada rằng Brad Griffiths và một số đồng nghiệp của ông đã hối lộ các quan chức chính phủ⁴.

Vào thời điểm Griffiths bắt đầu theo đuổi các vụ làm ăn với Sát, quốc gia này đã chứng tỏ là điểm đến của ngành dầu khí. Ngay từ những năm 1990, ExxonMobil đã phát hiện được mỏ dầu ở khu vực phía nam đất nước này và xây dựng một đường ống dẫn dầu tới cảng ở nước láng giềng Camorun để vận chuyển dầu xuất khẩu. Dự án đường ống dẫn dầu trị giá 4 tỷ USD đã làm cho giới phân tích chú ý tới nước này, vì Sát dường như là nạn nhân hoàn hảo của nạn tham nhũng và bất ổn kinh tế, minh chứng cho “lời nguyên tài nguyên”. Nhà độc tài Idris Deby đã cai trị đất nước này trong một thời gian dài, tỏ ra ít

khoan dung đối với những bất đồng chính kiến, tỷ lệ người nghèo cao nhất thế giới, chính phủ thiếu cả năng lực lẫn động lực để biến nguồn thu từ dầu mỏ trở thành lợi ích cho người dân. Vì vậy, Exxon đã liên hệ với Ngân hàng Thế giới, đề nghị giúp thực hiện dự án đường ống dẫn dầu và thiết lập các biện pháp bảo vệ để tiền thu được từ dầu mỏ mang lại lợi ích cho người dân Sát.

Kế hoạch được thực hiện không thật hoàn hảo. Ngân hàng Thế giới đã buộc Chính phủ Sát thông qua một số cải cách, trong đó có cam kết rằng nguồn thu từ dầu mỏ sẽ được dành cho các dự án phát triển và thành lập một hội đồng mới để giám sát các dòng tiền thu được. Tuy nhiên, như có thể dự đoán, chính phủ không thềm để ý tới những ràng buộc này ngay khi tiền thu được từ dầu mỏ bắt đầu chảy về. Các quyền chính trị và phúc lợi kinh tế của hầu hết người dân Sát không hề được cải thiện, mặc dù của cải từ ngành dầu khí bắt đầu tràn vào kho bạc của chính phủ. Và cuối cùng, tham nhũng đã lan sang giai đoạn làm ăn tiếp theo trong lĩnh vực dầu khí của đất nước này.

Sau những phát hiện của Exxon, các công ty khác bắt đầu quan tâm đến việc mua các mỏ dầu gần đó trong khu vực miền Nam Sát - Griffiths Energy cũng nằm trong số đó, khi giá dầu bắt đầu leo thang. Năm 2009, Brad Griffiths và các đối tác kinh doanh của ông đã tổ chức cuộc gặp đầu tiên với Đại sứ Sát ở Hoa Kỳ và Canada là Mahamoud Adam Bechir và vợ ông, bà Nouracham Niam. Theo một cuộc điều tra của Chính phủ Hoa Kỳ, các đối tác của Griffiths Energy đã đề nghị tặng vị Đại sứ 2 triệu USD và cơ hội mua cổ phần của công ty để đổi lấy “sự hỗ trợ bất hợp pháp” của ông trong việc bảo đảm cho họ quyền khai thác 2 lô dầu ở Sát.

Tiếp theo, Griffiths Energy ký một thỏa thuận với công ty do Bechir thành lập với tên gọi không được tinh tế lắm, Ambassade du Tchad LLC. Thỏa thuận nêu rõ rằng, Bechir sẽ nhận được khoản phí 2 triệu USD cho cái gọi là dịch vụ tư vấn, nếu chính phủ trao cho Griffiths quyền khai thác 2 lô dầu nói trên. Sau một vài tuần, các luật sư của Griffiths đã nhận ra rằng, chuyển tiền cho một quan chức chính phủ đương nhiệm thông qua một công ty mang tên chức vụ của ông ta là cách làm quá mạo hiểm. Theo hồ sơ của Tòa án Canada, các luật sư đã khuyên Griffiths chấm dứt thỏa thuận với Ambassade du Tchad LLC vì Đại sứ là quan chức chính phủ đương nhiệm. Một tuần sau, vợ của Bechir thành lập công ty Chad Oil Consultants LLC và ký thỏa thuận với Griffiths⁶.

Trong những tháng sau đó, các ông chủ của Griffiths Energy tiếp tục theo đuổi việc làm ăn ở Sát, họ đưa ra nhiều đề nghị và đàm phán với các quan chức hàng đầu, thường là có sự giúp đỡ của vị đại sứ. Cuối cùng, đầu năm 2011, thỏa thuận được thông qua và Griffiths giành được quyền khai thác 2 lô dầu nói trên. Như đã thỏa thuận, các luật sư được Griffiths Energy thuê đã chuyển 2 triệu USD từ tài khoản ký quỹ đến công ty của vợ Đại sứ, đồng thời chuyển cho bà ta và 2 cộng sự 4 triệu cổ phiếu sáng lập của công ty với mức phí danh nghĩa khoảng 2.000 USD. Chỉ trong vài năm ngắn ngủi, số cổ phiếu này đã có giá 34 triệu USD⁷. Sau khi vụ bê bối bùng lên, cơ quan thực thi pháp luật của Hoa Kỳ và Vương quốc Anh tiến hành truy lùng số tiền hối lộ mà vị Đại sứ và vợ ông đã nhận⁸.

Chỉ vài tháng trước cái chết của Brad Griffiths, khoản tiền hối lộ này đã chuyển sang tay người khác. Năm 2012, sau khi ban lãnh đạo mới của Griffiths Energy báo cáo các khoản hối lộ lên chính quyền Canada, công ty này đã bị coi là phạm tội theo đạo luật về tham nhũng của các quan chức ở nước ngoài của

Canada và đồng ý nộp phạt 10,35 triệu USD - số tiền lớn nhất mà Canada từng phạt về hành vi hối lộ ở nước ngoài vào thời điểm đó.

Mặc dù bị phạt, vụ làm ăn của Brad Griffiths ở Sát vẫn lãi lớn. Người Sát không có hành động pháp lý nào nhằm chống lại công ty, do đó Griffiths Energy vẫn giữ được quyền khai thác 2 lô dầu. Sau khi vụ bê bối hối lộ bùng ra, Griffiths Energy đổi tên thành Caracal Energy nhằm tái tạo lại nhân dạng của mình. Ban lãnh đạo công ty vẫn tự tin vào giá trị của khối tài sản ở Sát, vốn hình thành nên phần lớn tài sản của công ty. Công ty bắt đầu khai thác các mỏ dầu này và chẳng bao lâu sau đã sản xuất được 25.000 thùng/ngày vào năm 2013, số lượng dầu này trị giá hơn 900 triệu USD. Trong bước tiến lớn đầu tiên nhằm kiếm thêm tiền mặt, năm 2013, Caracal bán cổ phần 2 lô dầu ở Sát cho Glencore, một công ty thương mại lớn của Thụy Sĩ với giá 331 triệu USD. Một năm sau, Glencore mua lại toàn bộ công ty với giá 1,3 tỷ USD - một mức giá quá đắt, cao hơn 61% so với giá trị cổ phiếu của công ty⁹. Tại thời điểm bán, công ty gia đình của Brad Griffiths vẫn là cổ đông lớn nhất của Caracal.

Câu chuyện về vụ làm ăn của Griffiths Energy ở Sát cho thấy tham nhũng có thể mang lại món lời lớn đến mức nào, đặc biệt là trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ. Không giống như những trường hợp tham nhũng khác, Griffiths Energy đã bị truy tố và phạt tiền. Tuy nhiên, khoản tiền phạt hơn 10 triệu USD chẳng thấm tháy gì so với khoản tiền 1,3 tỷ USD của thương vụ mua bán công ty này.

Cân nhắc lợi hại

Các công ty dầu khí và các tác nhân khác trong khu vực tư nhân đã sử dụng nhiều chiến thuật khác nhau nhằm chiếm đoạt phần quá lớn trong số của cải được bày ra trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ. Một số chiến thuật, như tiền hối lộ của Griffiths, hoàn toàn nằm

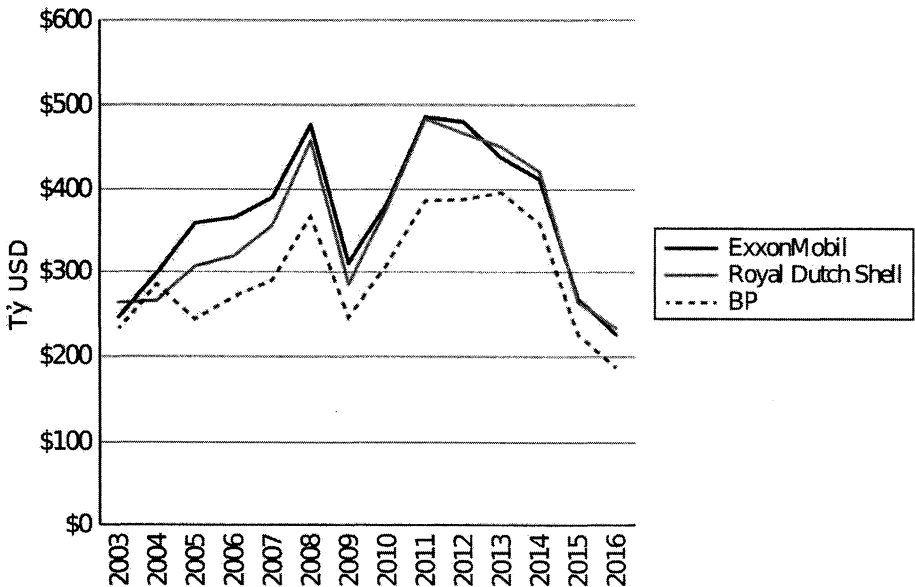
trong các định nghĩa thường thấy về tham nhũng. Những chiến thuật khác tinh vi hơn hoặc sáng tạo hơn, nhưng tác hại thì không kém. Chương này khám phá các thủ đoạn của những công ty. Chương 3 và Chương 4 tập trung vào tham nhũng trong giới tinh hoa chính trị và quan chức chính phủ ở các nước sản xuất dầu khí.

Chương 1 đã giới thiệu những hình thức công ty tư nhân hoạt động trong ngành dầu khí. Một loạt những công ty chuyên thăm dò và khai thác dầu khí. Các công ty “thượng nguồn” này có thể là các công ty dầu khí quốc gia thuộc sở hữu của chính phủ - đặc điểm này sẽ được nêu rõ trong Chương 3 và Chương 4. Nhưng nhiều công ty khác không thuộc quyền sở hữu của chính phủ, trong đó có những gã khổng lồ nổi tiếng trong lĩnh vực này, như Exxon và Chevron ở Hoa Kỳ; BP, Eni, Shell và Total ở châu Âu, cũng như những công ty nhỏ hơn như Griffiths. Các nhà sản xuất này thường thuê ngoài phần lớn công việc liên quan đến thăm dò và khai thác, giao những hợp đồng lớn cho một nhóm công ty được gọi là các công ty dịch vụ mỏ dầu. Một nhóm lớn khác là các công ty thương mại - lực lượng trung gian có hiểu biết về ngành này. Năm công ty có trụ sở ở Thụy Sĩ (Glencore, Gunvor, Mercuria, Trafigura và Vitol) và các bộ phận kinh doanh của một số công ty dầu khí lớn như BP, Shell, Total và Sinopec là những công ty thương mại lớn nhất trong ngành này. Cuối cùng là những công ty tư vấn và những công ty trung gian mà công ty dầu khí thuê để giúp họ thực hiện các giao dịch trong môi trường đầy thách thức hoặc môi trường mới; các ngân hàng, kế toán viên và luật sư giúp thu xếp những thỏa thuận làm ăn khác nhau trong lĩnh vực dầu khí. Nếu không xem xét vai trò của những tác nhân này thì cuộc thảo luận về tham nhũng trong lĩnh vực dầu khí sẽ không thể trọn vẹn.

Bối cảnh bùng nổ dầu mỏ khiến người ta sẵn sàng chấp nhận rủi ro tham nhũng hơn hẳn trước đây, vì những khoản tiền

khổng lồ đã được đem ra đặt cược. Khi giá dầu đạt đỉnh điểm, 100 USD/thùng, việc áp dụng những thủ đoạn phù hợp, đúng nơi, đúng lúc có thể mang lại những khoản lợi nhuận mang tính lịch sử. Thành công về mặt tài chính trong thời gian gần đây của ExxonMobil, BP và Shell, 3 trong số các công ty dầu khí lớn nhất thế giới, cho thấy tài sản của họ lớn đến mức nào và vận may của họ phụ thuộc trực tiếp vào giá dầu ra sao. Hình 2.1 cho thấy, tổng thu nhập được chuyển vào tài khoản của Exxon trong giai đoạn bùng nổ cao điểm vào các năm 2008, 2011 và 2012 là gần 500 tỷ USD/năm. Lợi nhuận cũng gia tăng. Năm 2005, Exxon là công ty Hoa Kỳ thu được khoản lợi nhuận lớn nhất từ trước cho đến thời điểm đó - khoảng 36 tỷ USD¹⁰ - chưa một công ty nào ở bất kỳ ngành nào của Hoa Kỳ từng kiếm được lợi nhuận lớn đến như vậy. Năm năm trong 7 năm tiếp theo, khi giá dầu tiếp tục tăng, lợi nhuận của Exxon tiếp tục vượt qua mức kỷ lục này.

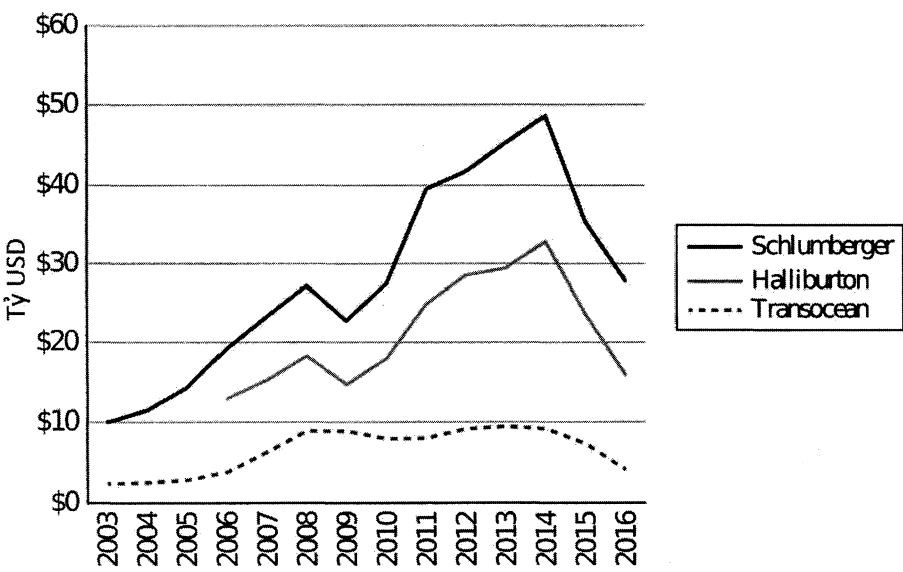
**Hình 2.1: Doanh thu của công ty dầu khí
giai đoạn 2003-2016**



Nguồn: Số liệu do tác giả thu thập từ báo cáo hàng năm của công ty.

Những gã khổng lồ này không hề đơn độc trong cuộc săn tìm lợi nhuận kỷ lục. Trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ, nhu cầu về xây dựng và kỹ thuật trong lĩnh vực dầu khí cũng gia tăng, vì các công ty như Exxon và Shell muốn khảo sát nhiều hơn, khai thác nhiều hơn và lọc dầu nhiều hơn. Họ thuê các công ty dịch vụ mỏ dầu để thực hiện phần lớn công việc, như xây dựng giàn khoan và đường ống dẫn dầu. Khi nhu cầu về dịch vụ mỏ dầu tăng lên, mức giá mà những công ty này yêu cầu cũng tăng theo. Trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ, các công ty dịch vụ cũng thu được lợi nhuận cao kỷ lục. Hình 2.2 cho thấy doanh thu của 2 công ty dịch vụ lớn nhất, Schlumberger có trụ sở tại Pháp và Halliburton có trụ sở ở Hoa Kỳ, đã tăng nhanh đến mức nào trong giai đoạn này.

**Hình 2.2: Doanh thu của công ty dịch vụ mỏ dầu
giai đoạn 2003-2016**



Nguồn: Số liệu do tác giả thu thập từ báo cáo hàng năm của công ty

Các công ty dầu khí nhỏ hơn như Griffiths Energy thậm chí còn thu được nhiều lợi nhuận hơn. Một vụ làm ăn lớn trong giai đoạn bùng nổ có thể đồng nghĩa với sự khác biệt giữa thành công vang dội và thất bại hoàn toàn. Điều này cũng đúng với nhiều cá nhân theo đuổi mục tiêu làm giàu khi giá cả tăng cao.

Tương tự như những người đào vàng thế kỷ XIX đổ xô về miền Tây để săn tìm vàng, các giám đốc điều hành cũng tìm kiếm của cải trong giai đoạn điên cuồng này. Cùng với công nghệ và tài chính, ngành công nghiệp năng lượng vẫn là một trong những con đường chính đưa các cá nhân có thể trở thành 0,1% những người có thu nhập cao nhất. Trong giai đoạn bùng nổ, mức lương hàng năm của các giám đốc điều hành (CEO) công ty dầu khí và dịch vụ mỏ dầu thường cao hơn 10 triệu USD. Năm 2012, cựu giám đốc điều hành của Exxon, Rex Tillerson đã được trả mức lương làm người ta kinh ngạc: 40 triệu USD¹¹. Cũng trong năm đó, giám đốc điều hành của Chevron mang về nhà 32 triệu USD, trong khi mỗi ông chủ ở Schlumberger và Halliburton nhận được hơn 15 triệu USD. Charles và David Koch là thành viên trong gia đình giàu thứ hai Hoa Kỳ và tài trợ tiền bạc cho nhiều tổ chức chính trị bảo thủ. Phần lớn tài sản của họ bắt nguồn từ các dự án liên doanh trong ngành dầu khí, trong đó có các dự án lọc hóa dầu lớn và khai thác dầu ở Hoa Kỳ và Canada¹². Tiếp theo là một chuỗi mất xích ăn theo, nhân viên của các công ty quy mô trung bình, cùng với các chủ ngân hàng dám nghĩ dám làm, các nhà đầu tư, các công ty tư vấn và các công ty trung gian đã tìm cách làm giàu nhanh chóng nhờ cơn sốt dầu mỏ này.

Khi vận may to lớn được đem ra đặt cược, các giám đốc điều hành chấp nhận mọi rủi ro. Các công ty dầu khí lao vào những hoạt động thăm dò và khai thác với nhiều thách thức hơn.

Họ triển khai các công nghệ thử nghiệm để tìm và khai thác dầu và khí đốt từ tầng sâu dưới đáy đại dương, trong sa thạch có chứa dầu ở Canada, tới tận cùng băng giá của Bắc Cực và giữa các lớp đá ngầm dày đặc. Tất cả các kỹ thuật này đều rất tốn kém và mang tính thử nghiệm. Một số kỹ thuật, ví dụ, thủy lực cắt phá* cũng gây nhiều tranh cãi về tác động đối với môi trường và đã làm bùng lên những cuộc biểu tình phản đối từ Pennsylvania, tới Ba Lan.

Các công ty cũng chấp nhận cả những rủi ro chính trị và chạy theo các vụ làm ăn béo bở ở những quốc gia bất ổn. Năm 2011, sau gần một năm đàm phán bí mật, ExxonMobil công bố một thỏa thuận lớn với chính quyền khu vực bán tự trị người Kurd ở Iraq. Có thể dự đoán được sự tức giận của chính quyền trung ương ở Baghdad vì họ không công nhận quyền tham gia các giao dịch dầu mỏ của chính quyền khu vực người Kurd. Chính phủ Baghdad cũng coi Exxon là đối tác *của mình*, vì chỉ trước đó 2 năm họ đã ký kết một thỏa thuận lớn với công ty này. Ngay cả đối với một công ty nổi tiếng bảo thủ như Exxon, vụ bùng nổ dầu mỏ đòi hỏi họ phải có những động thái táo bạo như vậy. Trong một bước đi đầy mạo hiểm khác về chính trị, năm 2011, Vitol, công ty kinh doanh dầu khí Thụy Sĩ, đã ký thỏa thuận với các nhóm phiến quân Libi ngay thời điểm nước này đang diễn ra cuộc nội chiến đầy biến động và khó lường - cung cấp cho các chiến binh nguồn nhiên liệu và tiền bạc mang tính sống còn. Giám đốc điều hành của Vitol, Ian Taylor, giải thích vì sao phải chấp nhận rủi ro bằng những từ ngữ sau: “Chúng tôi kỳ vọng sẽ có vai trò nào đó trong tương lai [của ngành công nghiệp dầu khí Libi]”¹³.

* Fracking là kỹ thuật khai thác mỏ bằng cách dùng áp suất chất lỏng để làm nứt các tầng đá trong lòng đất (ND).

Rủi ro tham nhũng không khác nhiều so với những rủi ro khác mà một công ty có thể chấp nhận. Mặc dù không chắc chắn, nhưng các công ty có thể ước tính được những khía cạnh tiêu cực tiềm tàng. Nếu bị phát hiện vi phạm luật phòng chống tham nhũng, công ty có thể phải đối mặt với những phí tổn pháp lý, tiền phạt lớn và ít xảy ra hơn là những hình phạt và bắt giam các giám đốc điều hành. Các công ty cũng có thể bị mang tiếng xấu nếu bị cơ quan thực thi pháp luật, các nhà báo hoặc các nhóm hoạt động buộc tội tham nhũng. Thiệt hại về uy tín này đôi khi có thể làm giảm niềm tin của các nhà đầu tư, giảm giá cổ phiếu và khiến các đối tác tiềm năng nghi ngờ.

Và do đó, người ta bắt đầu tính toán, các giám đốc điều hành phải cân nhắc các khía cạnh tiêu cực so với lợi ích tiềm tàng. Mặc dù hầu hết các công ty lớn đều có các hệ thống bao trùm nhằm ngăn chặn tham nhũng, bao gồm các quy tắc ứng xử, đội ngũ luật sư chuyên trách, các khóa tập huấn nhân viên, hệ thống rà soát đặc biệt (DDS), v.v., nhưng giai đoạn bùng nổ đầu mủ cho thấy những biện pháp trên không phát huy hiệu quả như mong muốn. Đơn giản là mặt trái của tham nhũng là quá nhỏ, không thể so được với những lợi ích tiềm tàng, nhất là khi tài sản khổng lồ, mang tính lịch sử được đem ra đặt cược. Các vụ bê bối tham nhũng rất ít khi làm cho một công ty sụp đổ hoặc khiến giám đốc điều hành phải đi tù. Thông thường, các công ty bị buộc tội tham nhũng cuối cùng chỉ bị phạt tiền. Tương tự như Griffiths Energy, họ nộp phạt, nói lời xin lỗi và lại tiếp tục kiếm tiền.

Khi nào ve vãn trở thành việc làm sai trái?

Griffiths Energy đã hối lộ để có được cuộc gặp với các quan chức cấp cao nhất của chính quyền Sát. Các ông chủ của công ty đã chấp nhận rủi ro vì họ cho rằng ở một số nước, giới tinh hoa

chính trị có thể tùy ý quyết định công ty nào sẽ nhận được cơ hội làm ăn có giá trị trong lĩnh vực dầu mỏ. Thay vì tiến hành đấu thầu cạnh tranh - các công ty trình bày năng lực và giá bỏ thầu, các quan chức cấp cao lại chỉ chọn công ty đáp ứng tối đa lợi ích của mình. Hệ quả là, các công ty làm đủ mọi cách để lấy lòng những người ban hành quyết định, làm quen, đưa ra những đề nghị béo bở và đôi khi là hối lộ. Vấn đề khi nào những hành động ve vãn như thế vượt quá giới hạn và trở thành tham nhũng là đề tài của nhiều cuộc tranh luận, đặc biệt là giữa các công ty và các cơ quan thực thi pháp luật chịu trách nhiệm giám sát họ.

Việc tiếp khách là một vấn đề khó xác định: lúc nào gọi là tham nhũng, và lúc nào thì không? Năm 2008, công ty khai mỏ và dầu khí của Ôxtrâyliya, BHP Billiton, đã mời và tiếp đón nồng nhiệt 60 quan chức chính phủ và thành viên gia đình họ ở Thế vận hội Bắc Kinh. Giấy mời bao gồm vé tham dự các sự kiện Olympic, phòng nghỉ ở khách sạn sang trọng và các chuyến tham quan, trị giá hơn 12.000 USD/người. Tại thời điểm đó, BHP Billiton đang tích cực đàm phán với một số quan chức mà họ đón tiếp, mặc dù chính sách của công ty nghiêm cấm những hành vi này. Ví dụ, trong số những người được xem những màn thi đấu ở Olympic này có bộ trưởng ngành khai mỏ của Burundi và vợ ông. Năm 2008, BHP Billiton có cổ phần trong một công ty khai thác mỏ niken ở Burundi. Công ty này có nguy cơ mất giấy phép thăm dò, mà vấn đề này lại thuộc thẩm quyền của vị bộ trưởng ngành khai mỏ¹⁴. Trong khi nhiều người trong ngành coi lòng hiếu khách của BHP Billiton là quan hệ bình thường giữa công ty và chính phủ, Ủy ban Chứng khoán và giao dịch Hoa Kỳ (SEC) lại nghĩ khác và tiến hành vụ kiện dân sự nhằm chống lại công ty, căn cứ theo Đạo luật chống tham nhũng ở nước ngoài (FCPA). BHP Billiton không thừa nhận và cũng không phủ nhận tội lỗi

trong vụ việc này. Công ty đã trả 25 triệu USD tiền phạt và đồng ý xây dựng lại quy trình chống tham nhũng của nội bộ công ty¹⁵.

Ở Tuổcmênixtan, một quốc gia biệt lập với trữ lượng khí đốt tự nhiên lớn nhất thế giới, có rất ít thông tin về quan hệ giữa chính phủ với các nhà đầu tư, trong đó có CNPC của Trung Quốc. Tuy nhiên, những chuyến đi của ngôi sao nhạc pop người Mỹ, Jennifer Lopez, thì khó giữ được bí mật. Năm 2013, CNPC trả tiền mời Lopez đến Tuổcmênixtan biểu diễn, như một phần của lễ hội âm nhạc kéo dài một tuần, trùng với sinh nhật của tổng thống nước này. Vào phút cuối, người ta đề nghị Lopez gửi lời chúc mừng sinh nhật tới nhà độc tài khét tiếng. Sau khi thay trang phục quyến rũ trên sân khấu bằng bộ quần áo truyền thống của người Tuổcmênixtan, cô đã quay trở lại sân khấu để gửi lời chúc tốt đẹp tới tổng thống. Các nhóm nhân quyền lên tiếng chỉ trích ca sĩ. Để giảm thiệt hại, cố vấn pháp luật của Lopez nhấn mạnh rằng, CNPC đã yêu cầu Lopez chúc mừng sinh nhật ngay trước khi cô bước lên sân khấu và ca sĩ này đành phải “nhã nhận chấp nhận”. Cô ấy không hề biết hồ sơ nhân quyền của đất nước này, nếu biết thì cô đã không nhận lời biểu diễn¹⁶. Người ta không biết Lopez được trả bao nhiêu tiền cho buổi biểu diễn này, cũng không ai biết quy mô của các hợp đồng dầu khí mà CNPC đã ký với tổng thống Tuổcmênixtan.

Thực tập là chiến thuật có quy mô nhỏ khác, cũng nằm trong “vùng xám”. Trong giai đoạn bùng nổ đầu khí, các ngân hàng tranh giành nhau những vụ làm ăn với chính phủ các nước có nhiều dầu mỏ đang cần đầu tư hàng tỷ đôla Mỹ. Trong các năm 2010 và 2011, Ngân hàng New York Mellon đồng ý cho con trai và cháu trai của “một người ra quyết định quan trọng” thực tập tại một quỹ đầu tư quốc gia giấu tên ở Trung Đông. Ngay sau đó,

con trai của một quan chức chủ chốt khác cũng nhận được cơ hội tương tự. Một giám đốc điều hành ngân hàng đã phàn nàn trong một email: “Những điều ngớ ngẩn như thế này [*trích nguyên văn*] giúp tạo ảnh hưởng tới những người có nhiều tài sản hơn/chiếm địa vị ưu trội hơn”. Tuy nhiên, vì muốn làm hài lòng những khách hàng nhiều dầu mỏ, các đồng nghiệp của ông kết luận: “Từ quan điểm thương mại, ngân hàng không thể từ chối yêu cầu này. Không cho họ thực tập, chúng ta có thể làm cho vụ ủy quyền này [quỹ đầu tư quốc gia ở Trung Đông] gặp nguy hiểm”. Được đưa tới các văn phòng của ngân hàng ở Boston, ba thanh niên này đã chứng tỏ là lực lượng bổ sung vô tích sự: hai người thường xuyên vắng mặt, còn người thứ ba thì làm việc không tích cực¹⁷.

Các thực tập sinh đã được nhà chức trách Hoa Kỳ chú ý và mở một cuộc điều tra chống hối lộ về vấn đề này. Năm 2015, Ngân hàng New York Mellon đồng ý trả 14,8 triệu USD tiền phạt. Ngân hàng không thừa nhận, cũng không phản đối các cáo buộc hối lộ. Vào thời điểm vi phạm, chi nhánh dịch vụ của ngân hàng này nắm trong tay khoảng 55 tỷ USD quỹ đầu tư quốc gia, trong đó, 711 triệu USD nằm trong chiến lược đầu tư chủ động - hoạt động kinh doanh sinh lợi, xứng đáng được bảo vệ, dù có thể gặp rủi ro¹⁸.

Goldman Sachs, một trong những ngân hàng lớn nhất thế giới, cũng sử dụng các phương pháp sáng tạo, đầy rủi ro và gây nhiều tranh cãi nhằm ve vãn các quan chức chính phủ ở Libi. Câu chuyện trên cho thấy ranh giới giữa việc làm sai trái hay tham nhũng là một vấn đề gây nhiều tranh cãi. Hỏi 10 người và bạn sẽ thấy 10 quan điểm khác nhau về việc liệu hành động của ngân hàng là tham nhũng, hay có lẽ là không phù hợp, hoặc chỉ là hành vi bình thường nhưng dẫn đến kết quả đặc biệt tồi tệ.

Năm 2003, Muammar Gaddafi, nhà cai trị độc tài lâu năm ở Libi, tung ra một loạt động thái nhằm tái lập quan hệ với phương Tây. Ông ta công khai từ bỏ chủ nghĩa khủng bố, đồng ý bồi thường cho gia đình các nạn nhân của vụ đánh bom chiếc máy bay dân dụng trên bầu trời Lockerbie năm 1988, đồng thời hứa từ bỏ sản xuất vũ khí hủy diệt hàng loạt (WMD). Đáp lại, quan hệ giữa Libi và phương Tây bắt đầu ấm dần lên. Hoa Kỳ và Vương quốc Anh dỡ bỏ các biện pháp trừng phạt kinh tế. Năm 2004, Thủ tướng Anh Tony Blair đến thăm Tripoli; năm 2008, Ngoại trưởng Hoa Kỳ Condoleezza Rice cũng tới thăm nước này. Quá trình bình thường hóa quan hệ mở ra cơ hội mới cho các doanh nghiệp phương Tây, trong đó có ngành dầu khí.

Cũng trong khoảng thời gian đó, khi giá dầu tăng, Libi bắt đầu có doanh thu cao kỷ lục. Libi đã khai thác dầu suốt vài thập niên trước đó và đến năm 2008, đây là nhà sản xuất đứng thứ 17 trên thế giới. Với dân số chỉ có 6 triệu người, dầu mỏ hoàn toàn thống trị nền kinh tế của đất nước này. Cùng với việc mở cửa quan hệ với phương Tây, Gaddafi còn theo đuổi chính sách nửa vùi nhằm hiện đại hóa nền kinh tế Libi, trong khi vẫn bóp nghẹt các hoạt động chính trị ở trong nước. Năm 2006, ông ta giao cho con trai của mình là Saif Al-Islam thành lập quỹ đầu tư quốc gia mang tên Cơ quan đầu tư Libi (LIA), coi đây là một phần của chiến dịch về kinh tế, và sử dụng một khoản tiền lớn, 40 tỷ USD, thu được từ ngành dầu khí để làm nguồn vốn ban đầu. Chẳng bao lâu sau, tài sản của quỹ đã lên tới hơn 60 tỷ USD.

Cùng với việc thành lập LIA, Libi còn liên kết với nhiều chính phủ các nước khai thác dầu khí để thành lập các quỹ đặc biệt nhằm quản lý tài sản dầu khí của mình. Từ năm 2007 đến 2015, tài sản do các quỹ đầu tư quốc gia trên thế giới quản lý đã tăng gấp đôi, đạt 7,2 nghìn tỷ USD vào cuối giai đoạn bùng nổ dầu mỏ.

Để hiểu thêm, xin nói rằng các quỹ dự trữ chính phủ này còn lớn hơn tất cả số tiền do các quỹ phòng hộ (hedge funds) và quỹ cổ phần tư nhân trên thế giới quản lý vào thời điểm đó. Khoảng 60% trong số 7,2 nghìn tỷ USD liên quan đến dầu mỏ và khí đốt; chính phủ các nước có nhiều dầu khí như Na Uy, UAE, Ảrập Xêút và Côoét nắm trong tay 4 trong số 5 quỹ đầu tư quốc gia lớn nhất thế giới¹⁹.

Những khối tài sản lớn tạo ra nhiều cơ hội kiếm tiền. Các ngân hàng ở Phố Wall và các tổ chức tài chính khác đã tỏ ra hào hứng với những quỹ đang bùng nổ này. Các ngân hàng đầu tư, quỹ phòng hộ và quỹ cổ phần tư nhân đều tìm cách để được quản lý một số tài sản của quỹ đầu tư quốc gia hoặc cung cấp các dịch vụ tài chính liên quan. Ngay từ năm 2008, các nhà chức trách Hoa Kỳ đã nhận thấy các quỹ dầu khí đang bùng nổ kéo theo những rủi ro về hối lộ. Bộ Tư pháp Hoa Kỳ thông báo rằng, các cuộc điều tra liên quan đến các quỹ đầu tư quốc gia luôn là “ưu tiên hàng đầu trong các vấn đề của Bộ” và nói rõ rằng các quan chức của quỹ đầu tư quốc gia phải được xử lý như các quan chức chính phủ - nghĩa là, họ không được miễn trừ.

Việc thành lập LIA kích hoạt một hình thức cạnh tranh điên cuồng, khiến các cơ quan chống hối lộ lo lắng. Ngay sau khi thành lập, ít nhất đã có 25 tổ chức tài chính hàng đầu thế giới tiến hành ve vãn các quan chức hàng đầu của quỹ này. Goldman Sachs đã cử Youssef Kabbaj, 31 tuổi, đến Tripoli để lãnh đạo chiến dịch lôi kéo của mình.

Sinh ra ở Maroc và được đào tạo tại Viện Công nghệ Massachusetts (MIT), năm 2006, Kabbaj bắt đầu làm nhân viên kinh doanh phái sinh vốn chủ sở hữu (equity derivatives) tại văn phòng Goldman ở London. Khi kết sắt của LIA bắt đầu phình to, Kabbaj đã đánh hơi được cơ hội để làm một cú đột phá lớn. Cần phải giành được lòng tin của các quan chức LIA và thuyết phục họ đầu tư hàng tỷ đôla Mỹ vào Goldman.

Quá trình này bắt đầu vào giữa năm 2007, khi Phó Giám đốc điều hành của LIA, Mustafa Zarti, đến thăm các văn phòng của Goldman ở London. Chuyến thăm đã giúp thuyết phục các giám đốc điều hành cấp cao hơn ở Goldman về thực tế mà Kabbaj đã biết: quản lý quỹ LIA có thể mang lại khoản lợi nhuận lớn cho ngân hàng này. Ông chủ của Kabbaj nói với anh ta rằng anh ta nên “ở lại Tripoli thật lâu. Điều quan trọng là anh phải luôn theo sát khách hàng, ngày nào cũng phải gặp họ. Dạy họ, huấn luyện họ, mời họ đi ăn”. Một cấp trên khác của Kabbaj viết: “Anh phải nắm được khách hàng này. Đây là cơ hội có một không hai trong nghề”²⁰. Kabbaj hăm hở làm theo. Ăn nhậu là một trong những cách tiếp cận hiển nhiên. Kabbaj đã chi tiêu hàng chục nghìn đôla Mỹ bằng thẻ công ty của mình, đây là khoản chiêu đãi các quan chức LIA tại các khách sạn 5 sao, những bữa ăn sushi cầu kỳ, những buổi biểu diễn ở nhà hát West End và các sự kiện thể thao hàng đầu khi họ đến thăm London và thủ đô các nước khác. Trong chuyến đi tới Dubai, Kabbaj đã tiếp đón em trai của Zarti, một chủ ngân hàng đầy tham vọng, ở khách sạn Ritz-Carlton. Theo những bài viết trên phương tiện truyền thông đại chúng, khi đến nơi, Kabbaj đã nhắn tin cho một gái mại dâm để xem liệu cô ta và bạn của cô có thể cùng đi chơi với họ trong buổi tối hôm đó hay không²¹. Ngoài ra, trả lời đề nghị trực tiếp của Zarti, Kabbaj hứa sẽ bảo đảm cho người em của ông ta một suất thực tập ở Goldman²².

Không chỉ chiêu chuộng LIA, Kabbaj còn làm nhiều việc khác. Các nhân viên của quỹ này hiểu biết rất ít về thị trường tài chính, trong đó có hình thức giao dịch phái sinh phức tạp mà Goldman muốn bán. Một đại diện của Goldman cho biết, nói chuyện với họ chẳng khác gì “giới thiệu các khoản vay có

cấu trúc đòn bẩy cho một người sống ở giữa sa mạc với những con lạc đà của anh ta”²³. Một nhà tư vấn người nước ngoài của LIA gọi họ là “một nhóm những người quá ngây thơ và không có nghề”²⁴. Vì vậy, Kabbaj đã sắp xếp cho nhân viên của LIA đi học, cung cấp sách vở và các chuyên gia tư vấn nhằm giúp họ có thêm hiểu biết về tài chính.

Sau tất cả những sáng kiến này của Goldman, cuối năm 2007 và đầu năm 2008, LIA quyết định đầu tư rất nhiều tiền vào ngân hàng này, trong đó có 9 giao dịch phái sinh lớn. Mọi người không ngớt lời khen Kabbaj cùng với khoản tiền thưởng 9 triệu USD. “Hoan hô Youssef. Tuyệt vời. Bạn là một người hùng”, người quản lý anh ta viết. Một thông báo nội bộ khác gọi Kabbaj “có lẽ là nhân viên kinh doanh hàng đầu của Goldman trên toàn cầu”²⁵.

Rất có khả năng là, Kabbaj và những kỹ thuật bán hàng đáng ngờ của anh ta sẽ không được chú ý nếu không có những sự kiện tiếp theo. LIA mất toàn bộ 1,2 tỷ USD mà họ đã đầu tư vào 9 giao dịch phái sinh với Goldman - một vụ thất bại hoàn toàn. Trong khi đó, Goldman kiếm được khoản phí hơn 130 triệu USD từ những vụ giao dịch đó²⁶. Những giao dịch phức tạp, có lúc được Goldman mô tả là “thỏa thuận mua có kỳ hạn được thanh toán bằng tiền mặt cho cổ phiếu Citigroup với biện pháp bảo vệ, chống giảm giá dưới hình thức quyền chọn bán với cùng mức giá như thỏa thuận kỳ hạn”, trên cơ sở đoán chắc rằng cổ phiếu của một số ngân hàng đang gặp khó khăn như Citigroup sẽ được cải thiện. Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 đã tạo ra kết quả ngược lại, và LIA đã mất trắng.

Goldman có lỗi vì kết quả thê thảm này hay không? Chắc chắn là LIA nghĩ như vậy. Ngay sau khi LIA nhận được tin tức về khoản lỗ này, người ta lại thấy Kabbaj tới các văn phòng của

quỹ nhằm giới thiệu một số sản phẩm đầu tư mới. Trong một báo cáo đầy hấp dẫn về cuộc gặp gỡ, các phóng viên của *Bloomberg* tường thuật lại những sự kiện tiếp theo như sau:

Zarti nổi giận. Ông ta la hét bằng cả tiếng Anh lẫn tiếng Ả-rập, cáo buộc Kabbaj đã lừa dối LIA về những giao dịch mà họ không hiểu. Ông ta gọi Goldman là “ngân hàng của bọn mafia” và nói rằng ông ta cũng có thể hành xử như một tên mafia. Ông ta lao ra khỏi phòng, để mặc Kabbaj, Pentreath [một người đại diện khác của Goldman] và đám nhân viên LIA trong căn phòng mờ mịt khói thuốc Marlboro.

Choáng váng, Kabbaj hỏi các trợ lý của Zarti rằng đã xảy ra chuyện gì. Không một ai trả lời. Sau vài phút, Zarti lại lao vào phòng, ông ta tỏ ra tức giận hơn bao giờ hết. Catherine McDougall, một luật sư người Ô-xtrây-li-a, cũng có mặt trong văn phòng ngày hôm đó, sau này đã nhắc lại lời văng tục của Zarti cùng với những từ: “Cút ngay khỏi đất nước tao”. Kabbaj và Pentreath thu dọn đồ đạc của mình.

Zarti theo họ ra hành lang. Nếu Kabbaj không bồi thường, ông ta hét lên, “Chúng tao sẽ truy lùng gia đình mày ở Maroc!”. Chờ mãi thang máy Tháp Al-Fateh mới tới. “Mày còn làm gì ở đây? Ra khỏi đây ngay!”. Zarti hét lên. Ông ta nói với Pentreath rằng nếu không vào thang máy ngay, ông ta sẽ ném anh ta ra ngoài cửa sổ.

Mặt Kabbaj tái mét. Zarti ném nhận xét lạnh lùng nhất của mình vào anh ta: “Mày chỉ là một thằng Maroc ở Libi”, ông ta nói: “Tao có thể làm cho mày biến mất, không ai còn biết tin tức của mày”²⁷.

Sự phản nộ của LIA không chỉ dừng lại ở đó. Năm 2014, LIA khởi kiện Goldman Sachs tại một tòa án cấp cao của Vương quốc Anh,

cáo buộc Goldman gây “ảnh hưởng không chính đáng (undue influence)” đối với LIA “ngây thơ và chất phác”. LIA còn chỉ trích Goldman về những khoản phí mà họ thu, về năng lực yếu kém trong kinh doanh quỹ đầu tư quốc gia và việc gây được ảnh hưởng không phù hợp là do thái độ tiếp đón ân cần và những suất thực tập mà ngân hàng đã dành cho họ²⁸. Luận cứ về “ảnh hưởng không chính đáng” thường được sử dụng trong các tranh chấp hôn nhân, trong đó một bên được cho là có quá nhiều quyền lực đối với bên kia đến mức mối quan hệ ràng buộc giữa họ với nhau không còn hiệu lực nữa²⁹. Đây là luận cứ mới trong kiện tụng tài chính và là một luận cứ mà Goldman cần phải đánh bại để tránh tạo ra tiền lệ có thể mang lợi cho những khách hàng bị hại khác.

Năm 2016, khi phiên tòa bắt đầu xét xử, thông tin chi tiết về các khách sạn sang trọng, gái mại dâm và những suất thực tập, cũng như các báo cáo về sự yếu kém trong lĩnh vực tài chính của LIA và các khoản đầu tư có rủi ro cao mà đội quân của Goldman đã quảng cáo một cách rầm rộ mới lọt ra ngoài. Một cố vấn của LIA khai rằng, ông ta cảm thấy “gần như bị tấn công” tại một cuộc họp với các đại diện của Goldman Sachs, những người này đã “hành động như một đàn ong chia tổ” nhằm giành giật vụ làm ăn với quỹ này³⁰. Goldman phản đối tất cả nội dung trong yêu cầu của LIA. Ngân hàng này khẳng định rằng các giao dịch đều là giao dịch thương mại hợp pháp và LIA chỉ đơn giản cảm thấy “hối tiếc vì đã đầu tư” mà thôi. Ngân hàng cho rằng quan hệ của họ “không bao giờ vượt ra ngoài mối quan hệ thông thường của một ngân hàng bán các sản phẩm đầu tư cho khách hàng giàu có”³¹.

Cuối cùng, tòa án đứng về phía ngân hàng. Thẩm phán nhận thấy rằng các khoản phí mà Goldman kiếm được dường như là

không quá mức và ngay cả khi nhân viên cấp dưới của LIA ngây thơ đi nữa, thì người đứng đầu quỹ này cũng hiểu rõ các giao dịch mà họ đang thực hiện. Những suất thực tập và chiêu đãi do Kabbaj sắp xếp có vẻ không phù hợp và vi phạm chính sách của chính ngân hàng, nhưng những sự kiện đó không phải là nguyên nhân để LIA tham gia vào các vụ giao dịch. Nhìn chung, thẩm phán cho rằng “mối quan hệ không vượt ra ngoài phạm vi quan hệ thông thường giữa ngân hàng và khách hàng”³². Thật vậy, bà thẩm phán dẫn chứng rằng có khoảng 20 ngân hàng khác cũng đã chiêu đãi nhân viên LIA như vậy. Các khoản phí lớn, những suất thực tập, những chuyến du lịch đắt tiền và các khóa đào tạo bổ sung, cũng như tổn thất tài chính to lớn của LIA, chỉ là một phần của hoạt động kinh doanh mà thôi.

Trái ngược với Goldman, một ngân hàng khác rõ ràng đã vượt qua ranh giới nhằm lôi kéo LIA tham gia vào những khoản đầu tư với chi phí khá cao. LIA cũng kiện Société Générale (SocGen), một ngân hàng lớn của Pháp mà họ đã đầu tư 2,1 tỷ USD. Đến năm 2009, LIA cũng đã mất 1,5 tỷ USD trong khoản đầu tư này³³. Đơn kiện nói rằng SocGen đã trả hàng triệu đôla Mỹ cho Leinada, một công ty tư vấn của Panama, và một trong những chủ sở hữu của Leinada, một doanh nhân người Libi có quan hệ thân thiết với giới chính trị, sau đó đã chuyển một phần số tiền nói trên cho gia đình Gaddafi và các quan chức hàng đầu khác để đổi lấy việc họ chỉ đạo LIA hợp tác làm ăn với ngân hàng Pháp.

Năm 2014, khi các cáo buộc lần đầu tiên được công bố, SocGen đã phủ nhận, cho rằng mình không làm gì sai và nói rằng cáo buộc đó là “vô căn cứ”³⁴. Ngân hàng này đã từ từ rút lại tuyên bố. Năm 2017, SocGen quyết định trả cho LIA 1,1 tỷ USD, một khoản tiền khổng lồ, nhằm dàn xếp vụ kiện. Kèm theo quyết

định này, ngân hàng tuyên bố rằng lỗi là do một số nhân viên của mình: “Société Générale mong muốn bày tỏ sự hối tiếc vì thái độ thiếu thận trọng của một số nhân viên của mình. Société Générale gửi lời xin lỗi tới LIA và hy vọng rằng những thách thức xuất hiện vào giai đoạn khó khăn trong quá trình phát triển của Libi sẽ sớm được khắc phục”³⁵. Cuối cùng, năm 2018, ngân hàng đã thú nhận một cách đầy đủ hơn và nhận tội hối lộ. Trong một thỏa thuận hòa giải với Chính phủ Pháp và Chính phủ Hoa Kỳ, ngân hàng thừa nhận đã trả khoảng 90 triệu USD cho các bên trung gian ở Libi và một phần trong khoản tiền này được dùng để hối lộ các quan chức hàng đầu của Libi³⁶.

Khi LIA tham gia vào những vụ giao dịch đầy rủi ro với Goldman và SocGen, Gaddafi đang cảm thấy sung sướng vì chính quyền hà khắc của ông ta đã tồn tại được 31 năm mà không biết rằng giai đoạn cầm quyền này chỉ còn được tính từng ngày. Vài năm sau, sự kiện “Mùa xuân Ảrập” lan ra khắp Bắc Phi và cuộc cách mạng bùng lên ở Libi. Sau vài tháng chiến đấu, quân nổi dậy đã bắt và giết người được gọi là “lãnh tụ vĩ đại” của họ. Chính phủ chuyển tiếp đã tiếp quản công việc, tìm cách thực hiện nhiệm vụ khó khăn là xây dựng nhà nước trên những nền tảng yếu kém và bất ổn. Phần lớn là do vấn đề phân chia khu vực đã tồn tại từ lâu, chẳng bao lâu sau, nỗ lực xây dựng quốc gia đã nhanh chóng sụp đổ. Từ năm 2019, Libi không có chính phủ hợp pháp, chỉ có các phe phái chính trị và nhiều nhóm dân quân cạnh tranh với nhau. Nếu có một chính phủ duy nhất thì hàng tỷ đôla Mỹ còn lại ở LIA sẽ là nguồn lực quan trọng để tái thiết đất nước này, mặc dù nguồn lực có thể lớn hơn nếu LIA không làm ăn với SocGen và Goldman Sachs.

Bên trung gian

Trong khi Goldman Sachs giao cho nhân viên của mình nhiệm vụ lôi kéo các quan chức chính phủ, SocGen dùng biện pháp phổ biến là thuê một bên trung gian thực hiện công việc đầy rủi ro này.

Những tổ chức trung gian, với những tên gọi khác nhau, có thể cung cấp các dịch vụ hợp pháp khi một công ty nào đó tìm cách thâm nhập một đất nước xa lạ. Tuy nhiên, đôi khi họ giúp khách hàng thực hiện những hành vi tham nhũng, đồng thời cung cấp hàng rào bảo vệ, che chắn cho khách hàng. Người ta có thể thuê những cá nhân có quan hệ tốt với các nhân vật quyền thế. Một số khác là những công ty chuyên hỗ trợ khách hàng tìm chỗ đứng chân trong môi trường mới hoặc môi trường có nhiều thử thách. Cá nhân hay công ty thì nguy cơ tham nhũng cũng rất cao. Đôi khi, người ta chỉ trả tiền cho họ nếu công ty đầu tiên giành được cơ hội kinh doanh mà họ tìm kiếm. Mô hình kinh doanh của những tổ chức trung gian dựa vào việc cung cấp cho khách hàng lợi thế cụ thể nào đó so với đối thủ cạnh tranh, ngoài năng lực tài chính hoặc kinh nghiệm mà khách hàng đặt lên bàn đàm phán.

Những tổ chức trung gian thường xuyên xuất hiện trong các vụ tham nhũng trong giai đoạn bùng nổ đầu mỏ, đặc biệt là những vụ liên quan đến các công ty muốn giành được sự ưu ái của các chính phủ. Một vấn đề liên quan đến tất cả các tổ chức trung gian, và thường khó trả lời: những tổ chức trung gian có lấy tiền của khách hàng và dùng số tiền này để trả cho các quan chức chính phủ hay không? Nói cách khác, họ có phải là người trung gian để hối lộ hay không?

Năm 2016, cảnh sát Mônacô đột kích văn phòng công ty Unaoil và thẩm vấn các giám đốc điều hành hàng đầu của công ty

này suốt một đêm. Ngày hôm sau, các tờ *The Age* và *Huffington Post* tung ra một loạt câu chuyện dựa trên thông tin rò rỉ của hơn 10.000 tệp tin nội bộ của Unaoil. Trong những năm tháng tiếp theo, các nhà chức trách ở Ôxtrâylia, Vương quốc Anh và Hoa Kỳ đã điều tra một số khách hàng nổi bật nhất của Unaoil, trong đó có đại diện của các công ty dịch vụ mỏ dầu lớn nhất trên thế giới. Đến năm 2018, Vương quốc Anh đã buộc tội 4 giám đốc điều hành của Unaoil với âm mưu trả những khoản tiền hối lộ cho các quan chức Chính phủ Iraq nhằm giúp khách hàng của công ty giành được những hợp đồng giá trị³⁷. Năm 2019, một trong số những người đó là Basil Al Jarrah, đại diện chính của Unaoil ở Iraq, đã nhận tội³⁸. Các công ty khách hàng cũng thừa nhận đã tạo điều kiện cho hối lộ thông qua các giao dịch với Unaoil³⁹. Các giám đốc điều hành bị buộc tội khác đã phủ nhận mọi hành vi sai trái; các ông chủ của Unaoil cũng nói rằng mình không làm gì sai, tuyên bố mình là nạn nhân của vụ tổng tiền⁴⁰.

Các công ty đã thuê Unaoil thay mặt họ đối mặt với những rủi ro. Công ty có trụ sở ở Mônacô chuyên giúp các công ty dịch vụ mỏ dầu giành được công việc làm ăn ở các thị trường khó tính ở nước ngoài, đặc biệt là ở Trung Á, Trung Đông và Bắc Phi.

Iraq chỉ là một trong số những môi trường hoạt động khó khăn, nơi những tác nhân như Unaoil có thể làm giúp nhiều việc. Cuối những năm 2000, lĩnh vực dầu khí của đất nước này đang trong giai đoạn bùng nổ, các công ty phương Tây đổ xô vào để nắm bắt các cơ hội thời hậu chiến. Iraq tự hào với trữ lượng dầu lên tới 150 tỷ thùng, đứng thứ tư thế giới. Phần lớn số dầu này ở trên đất liền và chi phí khai thác tương đối thấp, lợi nhuận tiềm năng càng trở nên hấp dẫn. Từ năm 2007 đến 2015, sản lượng khai thác dầu đã tăng gấp hơn 2 lần, mang lại vô số triển vọng hấp dẫn cho các công ty thượng nguồn, các công ty dịch vụ và

tất nhiên, cả những công ty trung gian nữa. Khi cơn cuồng loạn dầu mỏ xảy ra, Nouri al-Maliki đang giữ chức Thủ tướng đất nước tiêu cực và bất ổn này. Dưới chính quyền của ông, quá trình tái thiết và hòa giải bị ngưng trệ, bất an và căng thẳng giáo phái leo thang và các dịch vụ công không được cải thiện. Tham nhũng phát triển rất mạnh kể cả trong lĩnh vực dầu mỏ.

Việc *The Age* và *Huffington Post* công bố các email bị rò rỉ giúp chúng ta hiểu biết sơ lược về hoạt động của một số vụ làm ăn. Đầu năm 2008, CEO của Unaoil nhận được email do Al Jarah, nhân viên hàng đầu của ông ta ở Irắc, gửi về. Email này hỏi phải trả bao nhiêu cho 2 đầu mối liên lạc với chính phủ mà Al Jarah gọi là Jassim và Lighthouse. Al Jarah viết cho cấp trên của mình như sau: “Lúc trả, các đại lý phụ của chúng ta đề nghị: 10 USD/thùng cho Jassim và 3 USD/thùng cho Lighthouse. Vì năm nay có thêm những người bạn mới trong Bộ tham gia, tôi đã chuyển 5 USD từ phần của Jassim cho những người của Bộ. Tổng cộng vẫn là 13 USD. Mặc dù tôi muốn tăng phần của Lighthouse lên 1-2 USD, anh ta là người hữu ích nhất đối với chúng ta”⁴¹.

Hai tháng sau, Al Jarah lại viết thư cho cấp trên, khẩn cầu ông ta đưa cuộc gặp với Lighthouse, quan chức cấp cao đã giúp đỡ họ, vào lịch trình của mình. Để nhấn mạnh, Al Jarah liệt kê những việc mà Lighthouse, một đầu mối liên lạc được chăm sóc cẩn thận, đã hợp tác với Unaoil trong suốt 3 năm qua. Mặc dù một số chữ viết tắt khó hiểu, nhưng danh mục của Al Jarah cho thấy Lighthouse là người “kết giao với thế lực nhiều loạn”. Anh ta đã vận động hành lang cho quyền lợi của Unaoil, cung cấp các thông tin nội bộ và có lẽ đã bỏ qua một số thiếu sót trong công việc mà khách hàng của Unaoil đã làm. Al Jarah đã liệt kê những đóng góp của Lighthouse trong email của mình như sau:

1. Xử lý đơn đặt hàng của Al Kassim.
2. Chú ý vấn đề chất lượng sản phẩm.
3. Đứng về phía Unaoil thúc đẩy các yêu cầu số 2891, 3403, 3253 (yêu cầu về chất khử nhũ tương và chất chống ăn mòn) ngay cả khi việc này không thành hiện thực hoặc bị hủy bỏ.
4. Thông tin trực tiếp, đặc biệt là những vấn đề đang xảy ra về hóa chất ở SOC [một trong những công ty dầu khí quốc gia Iraq].
5. Việc đo đạc hiện đang nằm trong tay anh ta. Phòng của anh ta đang giải quyết 2 đề xuất của FMC. [FMC Technologies là một trong những khách hàng của Unaoil].
6. Đơn hàng máy hút cặn dầu nằm ở chỗ anh ta, chúng ta có một đơn chào hàng đang được xem xét.
7. Trình thư chúng ta yêu cầu lên ngành và Bộ - một người bạn trong đám lục lâm thảo khấu.
8. Được bổ nhiệm chức phó [tổng giám đốc] vào cuối năm ngoái. Có thể được thăng chức [tổng giám đốc] vào cuối năm nay.
9. Có mối quan hệ chính trị tốt. Khi các thủ tướng đến thăm [trích nguyên văn] Basrah, anh ta tháp tùng họ và có cuộc gặp riêng với họ. Trong khi [tổng giám đốc] ở ngoài.

Ban đầu, theo những email bị rò rỉ, Unaoil chỉ đề nghị những điều cơ bản nhằm thiết lập quan hệ với Lighthouse. Al Jarrah đưa anh ta đi mua sắm quần áo chỉnh tề (“khoảng 1.000-2.000 USD mỗi lần”), tổ chức các lớp học tiếng Anh cho con trai anh ta và giúp xin thị thực UAE cho anh ta. Nhưng cuối cùng, Unaoil bắt đầu cung cấp cho Lighthouse một phần tiền thu được từ công việc kinh doanh mà anh ta đã giúp khách hàng của công ty giành chiến thắng. Ví dụ, Unaoil đã thảo luận về việc dành cho

Lighthouse 1% tổng giá trị của hợp đồng được FMC Technologies, một trong những khách hàng lớn của họ ở Hoa Kỳ, sẵn lòng⁴².

Lighthouse không phải là kênh tiếp cận duy nhất với tin tức ở Irắc của Unaoil. Theo các email bị rò rỉ, Kifah Numan là một quan chức chính phủ có ảnh hưởng đối với việc trao hợp đồng cho công ty kỹ thuật Rolls-Royce ở Anh, một khách hàng của Unaoil. Al Jarah đã tìm cách kết thân với Kifah và cần có tiền để làm việc này. Văn phòng Unaoil ở trong nước nghi ngờ về một số khoản chi tiêu của ông ta. Tương tự như hầu hết các nhân viên khác, Al Jarah cảm thấy khó chịu khi bị truy vấn báo cáo chi phí của mình và đáp lại bằng một email đầy giận dữ:

Kifah là đầu mối chính của chúng ta để giành được hợp đồng hiện tại trị giá 17 triệu USD (công việc số 730) và tôi đang tích cực theo đuổi anh ta vì một loạt cơ hội tiếp theo có trị giá hơn 23 triệu USD... Tiếp cận được Kifah để nói chuyện với anh ta là phần thưởng mà các nhà thầu/nhà cung cấp nào cũng rất thích. Do đó, chi 2.684 USD cho người có quyền quyết định quan trọng và được người đó yêu quý khi xử lý những việc như đổi tên từ RR sang Unaoil có giá trị gấp 100 lần số tiền đó, không có anh ta thì bây giờ chúng ta không có hợp đồng nào trong tay. Thêm vào đó, thực tế là tôi cần giúp đỡ ngay bây giờ, trong tháng này, chứ không phải 2 năm. Khi hợp đồng đã được giải quyết.

Như đã giải thích trước đó, việc chi tiền quà cáp xảy ra trong hoàn cảnh bắt buộc, tôi không phải là người tiêu xài hoang phí, trừ khi chắc chắn rằng mỗi đồng tiền chi tiêu đều có giá trị. Tôi không thể đi ra bên cạnh cửa hàng để gọi điện cho thành viên hội đồng quản trị để được duyệt chi 2.000 USD cho một khách hàng có giá trị, tôi sẽ tự trả số tiền đó và quên nó đi⁴³.

Những đầu mối liên hệ khác trong chính phủ cần nhiều hơn 2.000 USD để gây ảnh hưởng. Các email từ năm 2010 cho thấy, Unaoil đã lập kế hoạch trả 4,5 triệu USD cho 2 quan chức hàng đầu khác, có biệt danh là “M” và “Teacher (Thầy giáo)”, liên quan đến hợp đồng đường ống dẫn dầu trị giá 750 triệu USD mà một trong những công ty khách hàng của họ săn lũng⁴⁴. Cũng trong năm đó, Unaoil đề nghị số tiền 1 triệu USD để giúp khách hàng Petrofac, một công ty của Anh, giành được một hợp đồng khác. Về giao dịch này, theo các email bị rò rỉ, Al Jarrah muốn được giúp đỡ nhằm loại bỏ Weatherford, một đối thủ cạnh tranh để dọn đường cho Petrofac. Chìa khóa cho vụ làm ăn, anh ta giải thích, là “loại bỏ Weatherford [*trích nguyên văn*] khỏi danh sách, dọn đường và hỗ trợ cho Petrofac giành được đơn hàng này. Chúng tôi đã thống nhất con số 1 [triệu] cho dịch vụ này. Nhưng Petrofac nhất định phải thắng nên chúng tôi sẽ theo vụ này và anh sẽ có tiền khi chúng tôi được trả tiền”.

Các tập tin của Unaoil bị rò rỉ ghi lại chi tiết những vụ thỏa thuận ở các quốc gia Trung Đông khác, trong đó có Côôét, Xyri, Các Tiểu vương quốc Ảrập thống nhất và Yêmen. Ở Angiêri, Libi và Tuynidi, công ty này cũng điều hành các hoạt động lớn, trong đó có vụ giúp các công ty Hàn Quốc giành được những hợp đồng xây dựng nhà máy lọc dầu của công ty dầu khí quốc gia Angiêri trị giá 1,8 tỷ USD. Unaoil đã làm việc ở Adécbaigian và Cadăcxtan, đồng thời tìm cách mở rộng phạm vi hoạt động ở các nước châu Phi, trong đó có Ănggôla và Ghinê Xích đạo. Ở Cộng hòa Cônggô, họ đã dàn xếp vụ làm ăn xuyên biên giới phức tạp nhằm giúp khách hàng của họ đấu thầu một dự án khí đốt trị giá 400 triệu USD. Một nhà báo tỏ ra ngạc nhiên trước sự phức tạp của vụ làm ăn: “Những người bên trong một công ty đa quốc gia của Italia đã cung cấp thông tin bất hợp pháp cho một người Iran làm việc trong một công ty có trụ sở ở Dubai, công ty này đã chuyển tiếp

thông tin đó cho một người Anh gốc Iran đang sống ở Mônacô, có một công ty đăng ký ở Quần đảo Virgin thuộc Anh. Tất cả mọi việc đang được thực hiện để làm lợi cho một công ty Hy Lạp, đăng ký ở Libăng, muốn đấu thầu một hợp đồng ở Tây Phi”⁴⁵.

Tìm kiếm thông tin nội bộ, thuyết phục các chính trị gia hay “thay lòng đổi dạ”, dự đoán xem việc đấu thầu đang nghiêng về hướng nào đều là những công việc khó khăn trong ngành dầu khí hiện nay. Hơn nữa, Unaoil thường chỉ được trả tiền nếu khách hàng của họ giành được hợp đồng. Nhân viên của Unaoil lúc nào cũng căng thẳng. Al Jarrah, người lãnh đạo năng nổ của công ty ở Irắc, viết: “Phải đi rất nhiều và lúc này tôi cảm thấy mình chẳng khác gì con sò bị sóng lắc qua lắc lại, nhưng người Irắc lại hạn chế đi lại và tôi phải tới gặp họ ở những nơi và những lúc tôi có thể tới”. Trong một email khác, anh ta bộc bạch: “Anh sẽ không tin khoản tiền dành cho việc vận động hành lang và sẵn đón mà chúng tôi đang đầu tư vào vụ này, thậm chí tôi đang đề nghị những người đầu đội khăn vấn [ý chỉ những quan chức lãnh đạo ngành dầu khí người Ả-rập] tạo ảnh hưởng đối với các kiểm toán viên. Ngoài ra, người của chúng tôi liên tục tác động ở Bộ, cộng với việc [một công ty dầu khí quốc gia] tạo áp lực mạnh để Bộ đưa ra quyết định. Vì vậy, xin đừng nghĩ rằng không có gì xảy ra vì tôi im lặng [*trích nguyên văn*], khi nào tôi có tin tức chắc chắn, tôi sẽ thông báo”.

Từ đó, tình cảnh của Al Jarrah đã thay đổi nhưng không dễ dàng hơn. Năm 2017, nhà chức trách Anh cáo buộc anh ta “âm mưu trả tiền hối lộ để bảo đảm hợp đồng ở Irắc cho khách hàng của Unaoil là SBM Offshore”, một công ty dịch vụ mỏ dầu lớn của Hà Lan. Một năm sau, chính quyền Anh lại trông lên cổ anh ta một cáo buộc khác: thay mặt cho công ty khách hàng khác đang cạnh tranh hợp đồng xây dựng đường ống trị giá 733 triệu USD,

cũng ở Irắc, thanh toán các khoản tiền hối lộ⁴⁶. Năm 2019, Al Jarah đã nhận tội⁴⁷.

Một loạt khách hàng của Unaoil cũng bị xử lý hình sự. Năm 2017, SBM Offshore đã đạt được thỏa thuận với chính quyền Hoa Kỳ về các cáo buộc hối lộ ở 5 nước khác nhau, trong đó có Irắc, và đồng ý trả 238 triệu USD tiền phạt⁴⁸. Hai giám đốc điều hành của công ty này bị phạt tù. Bộ Tư pháp Hoa Kỳ cũng đã dàn xếp với FMC Technologies, một công ty Hoa Kỳ, đã nhờ Unaoil trả các khoản hối lộ, trong đó có người mang biệt danh “Lighthouse”⁴⁹. Một giám đốc điều hành cấp cao của Petrofac bị Vương quốc Anh cáo buộc hối lộ liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty với Unaoil ở Irắc đã nhận tội⁵⁰. Đến năm 2019, các cuộc điều tra một số khách hàng khác của Unaoil vẫn còn tiếp tục.

Hầu hết các khách hàng của Unaoil đều có chung một đặc điểm: tất cả đều tìm kiếm các hợp đồng dịch vụ mỏ dầu. Hồ sơ cho thấy rằng, tham nhũng phát triển mạnh trong lĩnh vực dịch vụ mỏ dầu. Đa số các trường hợp trong lĩnh vực dầu khí mà Đạo luật chống tham nhũng ở nước ngoài của Hoa Kỳ (FCPA) theo đuổi là các nhà thầu dịch vụ mỏ dầu, trong đó có vụ công ty Halliburton, công ty đứng đầu trong ngành này, sẽ được trình bày ở phần sau. Bên cạnh Irắc, những cuộc điều tra gần đây, do các cơ quan chống tham nhũng của Hoa Kỳ và Anh tiến hành, nhắm tới những vụ hối lộ có thể được thực hiện bởi các công ty dịch vụ ở Angiêri, Ănggôla, Braxin, Côlômbia, Êcuado, Ghinê Xích đạo, Cadăcxtan, Nigiêria, Arập Xêút và Vênêxuêla. Tham nhũng trong hợp đồng dịch vụ sẽ còn xuất hiện trong phần sau của cuốn sách này - trong các cuộc thảo luận của tôi về vụ bê bối tham nhũng từng nhấn chìm công ty dầu khí quốc gia Braxin, Petrobras, và các chiến lược trục lợi của giới tinh hoa chính trị ở Ănggôla, Adécbaigian và Nga. Khả năng xảy ra tham nhũng

trong lĩnh vực dịch vụ mỏ dầu là một trong những kết luận rõ ràng được rút ra từ hồ sơ của giai đoạn bùng nổ dầu mỏ này.

Đối với lĩnh vực kinh doanh dầu khí cũng tương tự như vậy. Gunvor, một công ty kinh doanh dầu khí, phải đối mặt với cuộc điều tra tham nhũng lớn liên quan đến các hoạt động ở Cộng hòa Congo. Trong Chương 4, tôi sẽ thảo luận về những biện pháp mà Gunvor đã sử dụng để có thể giành được những cơ hội kinh doanh lớn ở Nga và lợi dụng những cơ hội này để trở thành một trong những công ty kinh doanh dầu lớn nhất thế giới. Nhiều năm sau, khi vụ bùng nổ dầu mỏ tăng tốc, Gunvor đã tìm cách tách khỏi Nga và nhắm vào các thị trường ở châu Phi.

Khoảng năm 2008, Gunvor bắt đầu nhắm đến những cơ hội ở Cộng hòa Congo, một trong những nước khai thác dầu lâu năm ở Trung Phi⁵¹. Lúc đó, Cộng hòa Congo khai thác được khoảng 300.000 thùng/ngày và trở thành nhà sản xuất lớn thứ tư ở châu Phi cận Sahara. Nước này phụ thuộc nhiều vào dầu mỏ; trong những năm bùng nổ, hơn 2/3 doanh thu của chính phủ là từ lĩnh vực dầu khí. Từ năm 1979, ngay sau khi lên nắm quyền, Tổng thống Denis Sassou Nguesso đã sử dụng những đồng tiền thu được từ ngành dầu khí nhằm củng cố quyền lực của mình. Tham nhũng là một trong những thủ đoạn ưa thích của ông: Cộng hòa Congo xếp thứ 159 trong số 176 quốc gia về Chỉ số cảm nhận tham nhũng của Tổ chức Minh bạch quốc tế, và các vụ bê bối lớn đã từng làm rung chuyển ngành dầu khí nước này. Doanh thu từ dầu khí chủ yếu làm giàu cho Sassou Nguesso, cho gia đình quyền lực và nhóm chính trị gia của ông ta, nhưng hầu như không mang lại lợi ích cho hầu hết 4 triệu công dân của đất nước này - 1/3 dân chúng sống với mức dưới 2 USD/ngày.

Gunvor tìm cách liên kết với những công ty thường xuyên mua dầu của công ty dầu khí quốc gia của Cộng hòa Congo.

Tương tự như hầu hết các công ty dầu khí quốc gia khác, công ty này được chia phần đáng kể trong tổng sản lượng dầu khí của đất nước. Sau đó, họ phải bán số dầu này, và các công ty thương mại như Gunvor đã hoàn thiện nghệ thuật kiếm tiền từ những vụ làm ăn như thế. Đó có thể là vụ làm ăn bẩn thỉu: nhóm giám sát Global Witness nhận định rằng, đầu những năm 2000, công ty dầu khí quốc gia của Cộng hòa Congo đã bán dầu cho 2 công ty thuộc quyền sở hữu của các chính trị gia hàng đầu, trong đó có chính lãnh đạo của công ty dầu khí quốc gia⁵². Nhưng trong khi vụ bùng nổ dầu mỏ đang tăng tốc, công ty dầu khí quốc gia đã ưu tiên bán hàng cho các công ty thương mại quốc tế lớn, có thể trả tạm ứng, do đó, ngay lập tức làm tăng dòng tiền của chính phủ.

Theo báo cáo của Public Eye, một tổ chức phi chính phủ của Thụy Sĩ, cũng như các nhà báo thuộc tổ chức Dự án Báo cáo tham nhũng và tội phạm có tổ chức (OCCRP), để tham gia hoạt động buôn bán dầu của Cộng hòa Congo, Gunvor đã hối lộ vài khoản lớn. Đầu tiên, Gunvor đề nghị tiếp cận Điện Kremlin⁵³. Theo báo cáo của Public Eye, năm 2010, một trong những người sáng lập Gunvor đã đưa con trai của Tổng thống Sassou Nguesso đến Moscow bằng máy bay riêng của mình và giới thiệu anh này với các quan chức và doanh nhân hàng đầu của Nga⁵⁴. Mấy tháng sau, Nga và Cộng hòa Congo ký một thỏa thuận hợp tác kinh tế, tập trung vào lĩnh vực năng lượng, theo đó, chính quyền Putin cam kết hỗ trợ các công ty Nga đầu tư vào lĩnh vực dầu khí ở Cộng hòa Congo. Thứ hai, Gunvor cho vay tiền. Họ sẵn sàng ứng trước để mua một lượng dầu lớn và sau đó nhận dầu theo một lịch trình do hai bên thỏa thuận.

Nhưng Gunvor không dừng lại ở đó. Năm 2007, họ tuyển dụng Pascal Collard, một công dân Bỉ, vào đội ngũ của mình. Dựa vào kinh nghiệm tích lũy được trong khi làm việc ở châu Phi,

Collard tìm cách thuyết phục những người có quyền quyết định hàng đầu ở Cônggô nhằm bảo đảm nhận được các giao dịch mua bán dầu cho công ty đã thuê mình. Các giao dịch mà anh ta thực hiện được mô tả trong bản cáo trạng và phán quyết chống lại anh ta được nộp ở một tòa án của Thụy Sĩ: năm 2018, Collard bị kết tội hối lộ các quan chức Cônggô⁵⁵.

Bản cáo trạng và phán quyết chỉ ra những biện pháp được Collard sử dụng trong khi thương lượng các thỏa thuận giữa Gunvor và một số công ty bình phong. Lúc đó, Gunvor đã trả cho các công ty này hàng triệu đôla Mỹ, trong một số trường hợp vì họ tự nguyện làm đại diện cho Gunvor. Phần lớn các khoản tiền này đã làm giàu cho các quan chức chính phủ đương nhiệm và các thành viên của gia đình Sassou Nguesso - thường chuyển qua trung gian và tài khoản ngân hàng ở nước ngoài trước khi đến tay người nhận cuối cùng. Bản cáo trạng của tòa án Thụy Sĩ tuyên bố rằng những quan chức đã nhận tiền bao gồm Tổng thống, Đệ nhất Phu nhân, con trai Tổng thống, cháu trai Tổng thống, Bộ trưởng Tài chính và một quan chức cấp cao của công ty dầu khí quốc gia, mặc dù những cá nhân này chưa bị cáo buộc phạm tội⁵⁶. Phán quyết chống lại Collard kết luận rằng anh ta hoàn toàn cố ý để các khoản thanh toán này đến tay các quan chức và thiết lập quan hệ đối tác với các công ty trung gian phục vụ cho mục đích cụ thể này⁵⁷.

Ví dụ, đây là mô tả của bản cáo trạng về một trong những quan hệ đối tác mà Collard đã sắp xếp với Maxime Gandzion, cố vấn của Tổng thống và cũng là nhà đàm phán nổi tiếng:

Để có được hợp đồng marketing dầu thô với SOCIETE NATIONALE DES PETROLES DU CONGO (SNPC) [công ty dầu khí quốc gia Cônggô], Pascal COLLARD, cùng với các nhân viên khác của GUNVOR, đã ký một thỏa thuận hối lộ với

Maxime GANDZION [trợ lý của Tổng thống], theo đó, tiền thù lao do GUNVOR trả cho công ty PETROLIA E&P SA của ông ta theo thỏa thuận đại lý sẽ được sử dụng để trả cho Maxime GANDZION và gia đình của Tổng thống Cộng hòa Cônggô, cụ thể là Denis Christel SASSOU NGUESSO và cha của người này [Tổng thống], Denis SASSOU NGUESSO⁵⁸.

Trong những năm bùng nổ dầu mỏ, Gunvor đã có những vụ làm ăn lớn ở Cộng hòa Cônggô. Các cáo buộc chống lại Collard chỉ ra rằng, Gunvor đã giành được hợp đồng marketing dầu trong 3 năm và các giao dịch thanh toán trước trị giá ít nhất là 625 triệu USD. Tổ chức Public Eye ước tính, trong giai đoạn 2010-2012, Gunvor đã mua tổng cộng hơn 2 tỷ USD dầu của Cônggô⁵⁹. Không chỉ có quy mô lớn, các giao dịch này có thể đã mang lại lợi nhuận cao hơn bình thường. Các công tố viên Thụy Sĩ cho rằng, Collard đã đàm phán được một cách tiếp cận thuận lợi để định giá dầu mà Gunvor mua và các quan chức Cônggô sẽ được một phần lợi nhuận phụ trội⁶⁰. Trong khi điều tra về Gunvor, Public Eye đã thảo luận về các giao dịch ở Cônggô của Gunvor với giám đốc điều hành ở một ngân hàng Thụy Sĩ, ông này nói: “Tôi bắt đầu nghi ngờ khi lãi suất cao hơn 1%. Hơn 1,5% thì tôi không còn nghi ngờ gì nữa. Không có dịch vụ nào có thể biện minh cho lãi suất cao như vậy... Việc không có đấu thầu cạnh tranh cộng với lãi suất cao mà công ty này nhận được là lý do vì sao chúng tôi ngừng cấp vốn cho các hoạt động ở Cônggô”⁶¹.

Các khoản thanh toán của Gunvor cho các công ty trung gian cuối cùng đã khiến người ta chú ý. Năm 2011, một quan chức ở một ngân hàng Thụy Sĩ đã cảnh báo chính quyền về những dòng tiền đáng ngờ chảy vào một trong những tài khoản của các công ty trung gian. Không lâu sau, cảnh sát Thụy Sĩ đột kích các

văn phòng của Gunvor. Gunvor nhanh chóng sa thải Collard và nộp đơn tố cáo tội gian lận và tham ô của anh ta, đồng thời cho rằng anh ta phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về vụ bê bối này. Gunvor tuyên bố: “Hệ thống kiểm soát nội bộ của chúng tôi đã bị nhân viên cũ lợi dụng nhằm làm giàu cho cá nhân, gây thiệt hại cho Gunvor”⁶². Theo Gunvor, họ đã bị Collard lừa. Người này có “ước muốn rõ ràng là chia cắt, phân chia và làm sai lệch thông tin, cố tình ngăn cản các đồng nghiệp, không để họ có cái nhìn cụ thể và bao quát về những sự kiện đã xảy ra ở Cộng hòa Cônggô”⁶³. Gunvor cũng nói rằng, trong những năm vừa qua, họ đã nỗ lực cải thiện hệ thống phòng chống tham nhũng và tuân thủ quy định, đồng thời đã giảm dần hoạt động kinh doanh ở Cộng hòa Cônggô.

Nhưng đây có phải là một người xấu xa duy nhất hay không? Bản cáo trạng của tòa án Thụy Sĩ nhiều lần nhấn mạnh rằng Collard đã cộng tác với các đồng nghiệp khác ở Gunvor để thực hiện các giao dịch và thanh toán mang tính tham nhũng. Công tố viên Thụy Sĩ nói rằng Collard “đắm mình trong bầu không khí làm việc mà ở đó, tham nhũng dường như được chấp nhận như một hoạt động kinh doanh bình thường”⁶⁴. Trong khi đó, Gunvor kiên quyết phủ nhận những đánh giá này.

Tòa án Thụy Sĩ có thể giải quyết vấn đề gây tranh cãi này. Năm 2017, Chính phủ Thụy Sĩ đã mở rộng cuộc điều tra Gunvor nhằm xem xét liệu công ty có dính líu nhiều hơn, chứ không chỉ đơn giản là thái độ tặc trách của một nhân viên bất hảo. Nhờ thỏa thuận biện hộ với nhà chức trách Thụy Sĩ mà Pascal Collard sẽ hỗ trợ cuộc điều tra này⁶⁵. Cuộc điều tra, vẫn đang tiếp tục khi cuốn sách này được xuất bản, có thể sẽ xoay quanh những câu hỏi khó trả lời khi đụng chạm đến những khoản tiền trả cho những người trung gian có liên quan: bằng cách nào mà tiền từ tài khoản của

Gunvor lại rơi được vào túi các quan chức Chính phủ Congo? Và người nào ở công ty biết rằng đang xảy ra sự việc như thế?

Bịt mũi lại

Cùng với việc ve vãn các chính phủ nước ngoài, các giám đốc điều hành sẵn sàng xích lại gần một số kẻ khá tệ hại và những việc làm không phù hợp với đạo đức nhằm duy trì địa vị thuận lợi ở các nước có nhiều dầu mỏ. Trong nhiều trường hợp, công ty nước ngoài đóng vai trò như chủ nhà để những kẻ trục lợi ăn bám. Hành vi đó tinh vi hơn hối lộ và khó bị truy tố theo những đạo luật chống hối lộ.

Ănggôla là môi trường thuận lợi cho những hoạt động như vậy - các công ty nước ngoài thường xuyên hợp tác với giới tinh hoa chính trị để nắm bắt các cơ hội kinh doanh có lợi. Trong những năm bùng nổ dầu mỏ, nước này sản xuất khoảng 1,8 triệu thùng dầu mỗi ngày và trở thành nhà sản xuất lớn thứ hai ở phía nam sa mạc Xahara, chỉ đứng sau Nigieria. Chương 5 sẽ đi sâu vào những biện pháp mà cựu Tổng thống Ănggôla, José Eduardo dos Santos và nhóm người thân cận của ông thực hiện nhằm kiểm soát chặt chẽ lĩnh vực dầu khí trong những năm bùng nổ và sử dụng nó để làm giàu cho bản thân. Chiến lược này được xây dựng với điều kiện là các công ty nước ngoài sẵn sàng tham gia cuộc chơi.

Một vài kịch bản cho thấy họ đã cùng chơi, thông qua những hình thức cố ý hoặc không cố ý. Năm 2010, nhằm tiếp cận mỏ dầu lớn ngoài khơi Ănggôla, công ty Cobalt của Hoa Kỳ đã đồng ý hợp tác với một công ty địa phương chưa có tên tuổi, có một phần thuộc sở hữu của các quan chức hàng đầu trong chính phủ⁶⁶. Năm 2011, Cobalt cùng với BP và Statoil đồng ý trả 400 triệu USD để tài trợ cho “trung tâm nghiên cứu” do Sonangol,

công ty dầu khí quốc gia đầy quyền lực của Ănggôla, điều hành. Không có gì ngạc nhiên khi, đến năm 2017, trung tâm nghiên cứu này vẫn “trong giai đoạn lập kế hoạch”⁶⁷. Trafigura, công ty kinh doanh dầu khí của Thụy Sĩ, đã hợp tác với một số công ty do Tướng Leopoldino Fragoso do Nascimento - thành viên chủ chốt trong nhóm thân cận với Tổng thống dos Santos, người từng giữ một số vị trí cao nhất của chế độ này - lãnh đạo⁶⁸. Queensway Group, một công ty của Trung Quốc, cũng dàn xếp được một số vụ làm ăn béo bở trong lĩnh vực dầu mỏ nhằm giúp giới tinh hoa chính trị làm giàu⁶⁹.

Chương 5 sẽ khảo sát kỹ lưỡng hơn từng trường hợp kể trên và cho thấy cách thức các công ty sẵn sàng tuân theo kế hoạch của dos Santos nhằm chia phần trong lĩnh vực dầu khí sinh lợi của Ănggôla. Nhưng câu chuyện về công ty Halliburton ở Ănggôla có lẽ là hấp dẫn nhất, bởi nó chỉ ra cách thức những cám dỗ của giai đoạn bùng nổ dầu mỏ có thể phá hoại những thủ tục và quy tắc kinh doanh được thiết kế cẩn thận nhằm chống tham nhũng. Các tài liệu pháp lý do SEC đệ trình cho thấy chi tiết những sai phạm đã xảy ra⁷⁰.

Một người Pháp có tên là Jeannot Lorenz biết rằng, nếu có thể làm hài lòng những người thích hợp thì anh ta sẽ vớ được những vụ làm ăn béo bở⁷¹. Anh này sống ở Ănggôla, lúc đó đang làm Phó Chủ tịch của Halliburton, một gã khổng lồ của Hoa Kỳ trong lĩnh vực dịch vụ mỏ dầu. Ở Ănggôla, cũng như hầu hết các nước mà công ty này hoạt động, Halliburton sống nhờ vào những hợp đồng lớn được giao bởi các công ty thượng nguồn đang khai thác những mỏ dầu của đất nước đó. Ở Ănggôla, Halliburton không thể nhận các hợp đồng này nếu không được Sonangol chấp thuận. Sonangol phàn nàn rằng Halliburton không ký các hợp đồng phụ với các công ty địa phương ở Ănggôla trong suốt mấy năm liền và đe dọa sẽ chặn các hợp đồng của

công ty này trong tương lai. Halliburton đã giao cho Lorenz xử lý vấn đề này.

Theo hồ sơ của SEC, năm 2010, Lorenz đã dàn xếp để Halliburton ký hợp đồng với một công ty địa phương thuộc quyền sở hữu của một người vốn là bạn và hàng xóm của chính vị quan chức đang làm cho Sonangol và cũng là người sẽ phê duyệt những hợp đồng mà Halliburton đang tìm cách giành cho bằng được. Halliburton đã trả cho công ty địa phương 3,7 triệu USD, nhưng chỉ được công ty này làm cho mấy việc không đáng kể. Mấy tháng sau, sau khi được Sonangol chấp thuận, Halliburton giành được 7 hợp đồng, làm cho lợi nhuận của họ tăng thêm 14 triệu USD⁷².

Điều thú vị trong trường hợp này là chính hệ thống nội bộ của Halliburton *gần như* đã ngăn chặn tình trạng tham nhũng tiếp diễn. Cũng theo hồ sơ do SEC thu thập được, đầu tiên Lorenz gợi ý thuê công ty địa phương làm đại lý thương mại và trả cho họ khoản phí trị giá 2% doanh thu của Halliburton ở Ănggôla. Nhưng các nhà quản lý của Lorenz bác bỏ đề xuất này vì Halliburton có quy định không thuê đại diện cho các hợp đồng đang được thực hiện. Các nhà quản lý cũng muốn tránh né các yêu cầu thẩm định kỹ lưỡng đối với các đại lý mới; đây là những biện pháp được công ty áp dụng sau khi đụng độ với FCPA về vấn đề tham nhũng ở Nigêria trước đó vài năm.

Không dễ nản lòng, Lorenz tìm cách khác. Halliburton có thể thuê công ty địa phương làm một số công việc tương đối dễ. Một lần nữa, anh ta lại gặp những thủ tục phiền hà: chính sách của Halliburton yêu cầu các nhà thầu phụ phải được lựa chọn thông qua đấu thầu cạnh tranh, vì vậy anh ta phải tổ chức đấu thầu. Sau nhiều tháng chờ đợi căng thẳng, vụ đấu thầu đã được tổ chức, công ty địa phương này có bộ hồ sơ đấu thầu quá kém.

Giá dự thầu của công ty này về cung cấp dịch vụ bảo trì bất động sản và vận chuyển đường bộ cao hơn hẳn so với các công ty khác.

Một lần nữa gặp khó khăn bởi chính các biện pháp bảo vệ của Halliburton, Lorenz thử lần thứ ba. Tuyên bố được soạn thảo một cách rõ nét của SEC giải thích những gì diễn ra sau đó: “tuyệt vọng vì không tìm ra giải pháp và cảm thấy áp lực lớn về việc làm ăn với công ty Ănggôla địa phương, Lorenz và những người khác đã chuyển hướng từ dịch vụ thuê ngoài được tính toán trong quá trình đấu thầu sang một đề xuất mới, theo đó, công ty địa phương ở Ănggôla sẽ cho thuê bất động sản nhà ở và thương mại, sau đó cho Halliburton thuê lại với mức giá đã được nâng lên khá cao, đồng thời, công ty này sẽ cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý giao dịch bất động sản. Công ty địa phương ở Ănggôla được ưu tiên có rất ít kinh nghiệm trong những lĩnh vực này và nếu để các nhân viên của Halliburton làm thì dịch vụ sẽ rẻ hơn hẳn”⁷³. Đi theo hướng này, đầu năm 2010, Lorenz ký bản thương thảo về dự định làm việc với công ty địa phương. Lúc đó, công ty địa phương này đã thông báo với các quan chức Sonangol rằng thỏa thuận đã được ký kết, Halliburton có thể lấy lại vị thế của mình. Thỏa thuận này trả phí dịch vụ cho công ty địa phương 275.000 USD/tháng trong vòng 4 năm. Một tháng sau, các nhân viên phòng tài chính và kế toán của Halliburton nói rằng họ cảm thấy lo ngại về hợp đồng này, đặc biệt là mức giá cao, không có đấu thầu và quyết định lùi thời hạn ký thỏa thuận thêm vài tháng. Những lo ngại này được đưa lên cấp cao hơn, nhưng các giám đốc điều hành cấp cao đã cho phép tiếp tục thực hiện thỏa thuận. Theo SEC, họ “tin rằng tại thời điểm đó, chỉ có thỏa thuận này với công ty địa phương ở Ănggôla mới khiến cho Sonangol hài lòng về những cam kết của Halliburton với các công ty địa phương”⁷⁴.

Không có gì đáng ngạc nhiên khi Halliburton không được nhà thầu phụ mới nhất của mình phục vụ chu đáo. Ví dụ, họ không đưa ra được phân tích mà thỏa thuận yêu cầu, “ngoại trừ một báo cáo chưa hoàn thành, được tìm thấy trong nhà của Lorenz ở Ănggôla vào năm 2011, và nội dung dường như là đạo văn hoàn toàn từ các nguồn trên mạng”⁷⁵. Cuối cùng, năm 2011, Halliburton chấm dứt thỏa thuận vì lo ngại rằng hành vi sai trái đã đi quá xa. Họ đã chủ động báo cáo vụ việc với SEC, biện pháp thường thấy đối với các công ty đang tìm cách thương lượng thỏa thuận mang tính khoan hồng hơn khi đối diện với hành vi sai trái. Năm 2017, họ đã giải quyết xong vụ việc với SEC và trả khoản tiền phạt khiêm tốn là 29 triệu USD. Lorenz đồng ý trả 75.000 USD và rời khỏi Halliburton vào năm 2013⁷⁶.

Halliburton có thể đổ tội cho Lorenz về kịch bản này, tương tự như Gunvor đổ tội cho Collard về những sai lầm của họ ở Cộng hòa Congo. Trong cả 2 trường hợp, các giám đốc điều hành cấp trung có thể đã là kiến trúc sư trưởng của những vụ làm ăn này. Tuy nhiên, những cá nhân này hoạt động trong các hệ thống công ty tinh vi và điều khiển nhiều hệ thống phân cấp, các quy định và phê duyệt để thực hiện các hoạt động kinh doanh bản thủ của mình. Các hệ thống này và các lãnh đạo cấp cao của công ty cần phải chịu một số trách nhiệm.

Rốt cuộc “tình dục an toàn” không an toàn như người ta tưởng

Hai trong số các công ty dầu khí lớn nhất thế giới đã phớt lờ những rủi ro tham nhũng lớn để bảo đảm quyền kiểm soát một trong những khu vực dầu khí có nhiều hứa hẹn nhất ở châu Phi. Quyết định này đã làm hại họ. Một trong những câu chuyện

kịch tính nhất về giai đoạn bùng nổ dầu mỏ và hậu quả của nó là việc các công ty và một số giám đốc điều hành hàng đầu của họ đang phải đối mặt với tòa án ở Italia với cáo buộc hối lộ.

Năm 2011, Royal Dutch Shell và Eni mua quyền thăm dò lô dầu khí (Oil Prospective License - OPL) số 245 của Nigêria với giá 1,3 tỷ USD. Với trữ lượng lớn, mỏ dầu này đã phải trải qua quá khứ đầy sóng gió. Năm 1998, nhà độc tài quân sự nổi tiếng về đàn áp và tham nhũng, Sani Abacha, vẫn còn cai trị Nigêria. Trước đây, Bộ trưởng Dầu mỏ của Abacha, Dan Etete, đã trao OPL 245 cho Công ty Dầu khí Malabu, một công ty do chính ông ta và con trai của Abacha nắm quyền sở hữu⁷⁷, đây được coi là trường hợp tư lợi quá trắng trợn. Malabu được Etete thành lập trước đó chỉ 5 ngày. Dĩ nhiên, công ty này không có nhiều kinh nghiệm hoặc nguồn lực tài chính phù hợp, và họ chỉ trả 2 triệu USD để mua khối tài sản mang tầm thế giới. Chẳng bao lâu sau, Abacha qua đời trong hoàn cảnh đáng ngờ, khi đang ở cùng với một số gái mại dâm. Năm 1999, Nigêria tổ chức tổng tuyển cử và chính quyền dân sự Etete đã bắt đầu đánh mất vị thế của mình trong quá trình chuyển đổi, và trong những năm sau đó, danh tiếng của ông ta còn suy giảm hơn nữa với tội danh rửa tiền ở Pháp liên quan đến việc mua một tàu cao tốc, một lâu đài và là thành viên một câu lạc bộ ở Ritz^{*78}.

Quyền sở hữu OPL 245 vẫn là đề tài tranh cãi trong suốt nhiều năm sau đó. Chính phủ Nigêria chuyển quyền sở hữu Malabu sang cho Shell trong vài năm, nhưng sau đó đã quyết định lại và đồng ý khôi phục quyền sở hữu của Malabu nếu công ty này trả cho chính phủ khoản hoa hồng ký hợp đồng là

* Khách sạn 5 sao (ND).

210 triệu USD. Xung đột pháp lý xảy ra sau đó vì Shell tìm cách khôi phục các quyền của mình. Đến năm 2011, Malabu vẫn đòi lại OPL 245 trong khi chưa trả 210 triệu USD. Khi giá dầu lên cao, chính quyền của Goodluck Jonathan muốn chuyển lô dầu này vào tay một công ty có khả năng gia tăng sản lượng khai thác. Họ cũng muốn kiếm thêm một khoản tiền ngay trong quá trình chuyển giao.

Chương 3 kể lại câu chuyện bao quát hơn về sự leo thang tham nhũng trong lĩnh vực dầu khí dưới thời chính quyền Jonathan giai đoạn 2010-2015. Đến năm 2011, Shell và Eni nhận thức rõ xu hướng mới xuất hiện này vì họ đã có những hoạt động lớn ở Nigieria trong mấy chục năm. Khi làn sóng tham nhũng trong lĩnh vực dầu khí gia tăng, các giám đốc điều hành của 2 công ty này đã tiến hành một vụ làm ăn cực kỳ rủi ro.

Nếu Chính phủ Nigieria muốn tối đa hóa lợi nhuận dài hạn do OPL 245 mang lại, họ phải bác bỏ đòi hỏi của Malabu và giải quyết tranh cãi với Shell, sau đó tiến hành đấu thầu công khai và cạnh tranh để được quyền sở hữu khối tài sản này. Nhưng chính phủ không làm như vậy, họ đàm phán riêng với Shell, Eni và Malabu trong suốt nhiều tháng trời. Sau nhiều lần đàm phán, Shell và Eni đồng ý trả khoản hoa hồng ký hợp đồng là 210 triệu USD mà Malabu nợ, cùng với 1,1 tỷ USD bổ sung nhằm bảo đảm quyền sở hữu OPL 245. Khoản hoa hồng ký hợp đồng 210 triệu USD dường như đã được nộp vào ngân sách của chính phủ. Các công ty này trả 1,1 tỷ USD còn lại - gần như tương đương với toàn bộ ngân sách dành cho lĩnh vực y tế của Nigieria trong năm đó - được đưa vào một tài khoản ngân hàng đặc biệt của Chính phủ Nigieria dành riêng cho vụ giao dịch này và sau đó số tiền này nhanh chóng được chuyển vào tay tư nhân.

Theo bản cáo trạng của Italia và các nguồn tài liệu khác, Chính phủ Nigieria đã chuyển 800 triệu USD vào 2 tài khoản của Malabu do Etete kiểm soát⁷⁹. Như được thể hiện trong Hình 2.3, Etete giữ lại khoảng 250 triệu USD từ vụ chuyển nhượng này, rồi dùng để mua những thứ không cần thiết như một máy bay phản lực trị giá 57 triệu USD và một ô tô bọc thép⁸⁰.

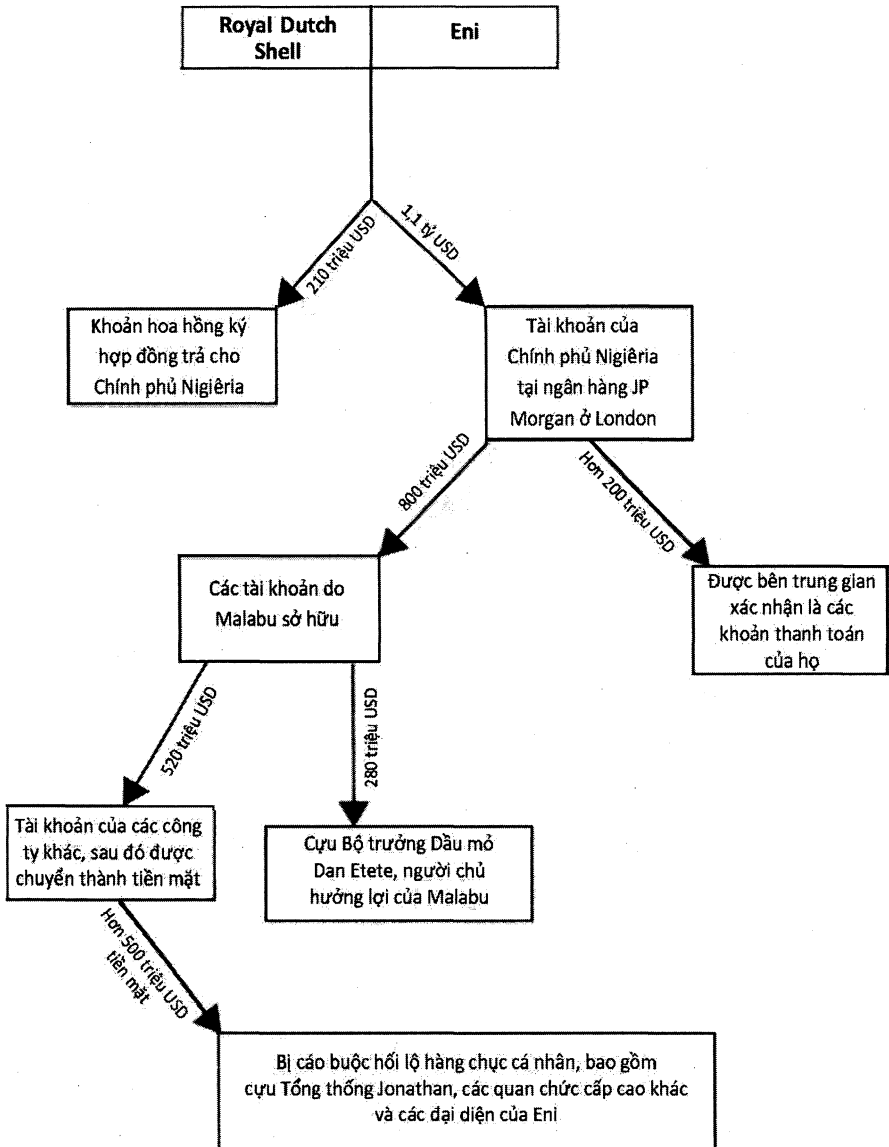
Abubakar Aliyu, được cho là tay chân của Tổng thống Jonathan, có biệt danh là “Mr. Tham nhũng” ở Nigieria, nhận được 520 triệu USD tiền mặt⁸¹. Nếu những cáo buộc của Italia và Nigieria chống lại Aliyu được chứng minh là đúng, thì anh ta đã nhận, chuyển và phân phối gần 6 tấn tiền mặt (giả sử tất cả số tiền đều là những tờ 100 USD) - một kỳ tích trong ngành logistics, có thể trở thành nội dung hấp dẫn cho ngành công nghiệp điện ảnh đang phát triển của Nigieria. Theo bản cáo trạng của tòa án Italia, Aliyu đã chuyển số tiền này cho các quan chức chính phủ, trong đó có Tổng thống, Bộ trưởng Dầu mỏ, Tổng Chương lý* và cố vấn an ninh quốc gia, và chuyển 50 triệu USD tiền mặt đến nhà của người quản lý ở châu Phi của công ty Eni⁸². Sau khi Jonathan thất bại trong cuộc bầu cử năm 2015 và đảng đối lập giành được chính quyền, Chính phủ Nigieria đã xác nhận báo cáo về những sự kiện này trong tài liệu được nộp cho Tòa án Vương quốc Anh vào năm 2019, trong đó có những cáo buộc chi tiết về cách thức những cá nhân này nhận những khoản hối lộ lớn thông qua tài khoản của Malabu⁸³. Một số người được cho là đã nhận tiền, trong đó có cựu Tổng thống Jonathan và cựu Tổng Chương lý, đều đã phủ nhận, nói rằng mình không hề liên quan đến vụ việc, và không người nào trong số họ bị kết án⁸⁴.

* Một chức vụ tương đương Bộ trưởng Tư pháp ở Việt Nam (BT).

Tranh chấp về khoản tiền trị giá 290 triệu USD còn lại đã biến thỏa thuận về OPL 245 thành một vụ bê bối công khai. Nhiều người môi giới đã tạo điều kiện thuận lợi cho các cuộc đàm phán giữa chính phủ, Shell, Eni và Malabu. Sau khi hoàn tất thỏa thuận, hai trong số những người môi giới này cảm thấy họ không được Malabu trả cho dịch vụ của mình một cách thỏa đáng và khẳng định rằng họ có phần trong số 290 triệu USD đó⁸⁵. Vì vậy, họ gửi đơn kiện dân sự lên tòa án ở London, và quá trình tố tụng tại tòa án đã dẫn tới việc công khai các chi tiết của thỏa thuận.

Năm 2013, nhờ có những phát hiện mới, các phương tiện truyền thông càng hoạt động tích cực hơn. Tổ chức Global Witness và các nhóm lợi ích công khác tiếp tục đổ thêm dầu vào lửa, buộc các công ty phải gánh chịu hậu quả. Cơ quan thực thi pháp luật ở Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Italia, Thụy Sĩ và Hà Lan đã ghi nhận và mở các cuộc điều tra; sau khi Jonathan rời nhiệm sở, chính quyền Nigêria cũng có những động thái tương tự. Năm 2016, cảnh sát ở Hà Lan và Italia đột kích các văn phòng của Shell. Năm sau, chính quyền Nigêria cáo buộc một loạt các tay chơi trong âm mưu này, trong đó có Etete, Aliyu, và cựu Tổng Chương lý, trong việc giúp dàn xếp vụ làm ăn này, mặc dù không có phiên tòa nào diễn ra sau đó⁸⁶. Các công tố viên người Italia đã đệ trình cáo buộc tội hối lộ đối với Eni, Shell và một số giám đốc điều hành cấp cao. Năm 2018, một tòa án ở Italia đã kết tội 2 người môi giới trong vụ làm ăn này và phạt mỗi người 4 năm tù giam. Cuối năm 2018, phiên tòa lịch sử xét xử Shell, Eni cùng những người điều hành của họ bắt đầu. Hai trong số các công ty dầu khí lớn nhất thế giới, các giám đốc điều hành đương chức và các cựu giám đốc điều hành của Eni cùng các nhân vật hàng đầu của Shell đều đứng trước viễn cảnh bị kết án hình sự. Phiên tòa vẫn đang xét xử khi cuốn sách này được xuất bản.

Hình 2.3: Những dòng tiền của OPL 245 bị cáo buộc



Nguồn: Sarah Kent và Eric Sylvers, “Inside the Bribery Scandal Sweeping through the Oil Industry”, Wall Street Journal, ngày 13/02/2018; Global Witness, Shell Knew, ngày 10/4/2017; Milan Court, Preliminary Investigations Magistrate Section, Indictment, December 2, 2017, <https://shellandenitrial.org/wp-content/uploads/2018/06/decision-toopen-trial->

20.12.2017_English.pdf; Federal High Court of Nigeria, Charges against Aliyu Abubakar et al., Charge No. CR/39/201, December 16, 2016, <https://shellandenitrial.org/wp-content/uploads/2018/08/2-Adoke-etc-Nigeria-charges-scanned-2.pdf>.

Trong toàn bộ trường thiên tiểu thuyết này, Shell, Eni và những người bị buộc tội luôn khẳng định rằng họ vô tội. Trong những tuyên bố khác nhau, cả hai công ty đều nói rằng họ trả tiền cho Chính phủ Nigêria và không chịu trách nhiệm về hành động mà chính phủ này đã làm với những khoản tiền đó. Năm 2018, người phát ngôn của Shell tuyên bố: “Nếu cuối cùng có bằng chứng chứng minh rằng đã có những khoản thanh toán không phù hợp... quan điểm của Shell là không có khoản thanh toán nào trong số đó được thực hiện với sự hiểu biết, ủy quyền hoặc đại diện cho công ty”. Những người đại diện cho Eni lặp lại quan điểm này vào năm 2018: “Đó là đặc quyền, là quyền lợi và suy xét của Chính phủ Nigêria khi quyết định... cách thức sử dụng tiền mà họ nhận được từ Eni và Shell”⁸⁷. Bình luận về lời biện hộ này, một điều tra viên của Global Witness giải thích rằng, Shell và Eni đã tìm cách tổ chức quá trình mua lại OPL 245 như một vụ “trao đổi tình dục an toàn” giữa một bên là Shell và Eni, một bên là Malabu, Etete cùng những người nhận hối lộ khác, còn chính phủ đóng vai trò như “bao cao su”⁸⁸.

Xét cho cùng, nó có thể không hề an toàn như người ta tưởng.

Sau cuộc đột kích văn phòng năm 2016, Ben Van Beurden, CEO của Shell, đã gọi giám đốc tài chính tới để trút cơn giận dữ. “Hình như có một số email thực sự vô bổ ở đây. Những người chúng ta thuê từ MI6 chắc chắn đã nói những điều kiểu như: “Tôi muốn biết ai được trả tiền và những thứ khác””⁸⁹. Thật vậy, một số email rất vô bổ dường như đã làm lời biện hộ về “tình dục an toàn” của Shell và Eni mất đi sức thuyết phục. Global Witness và

một số hãng truyền thông đã công bố một số email và chỉ ra rằng các giám đốc điều hành cấp cao của Shell đã nghi ngờ về việc số tiền mà họ trả cho OPL 245 chẳng bao lâu sau sẽ không còn nằm trong tay Chính phủ Nigieria.

Một số email có từ năm 2009, khi vòng đàm phán về OPL 245 vừa được khởi động. Lúc đó, Shell đã biết rằng Etete phải được lợi thì thỏa thuận này mới có thể được thực hiện và ông ta có thể không phải là người duy nhất tìm cách kiếm tiền trong vụ này. John Copleston, cố vấn đầu tư chiến lược của Shell, từng là nhân viên cơ quan tình báo Anh MI6, trong thư viết cho Peter Robinson, Phó Chủ tịch phụ trách châu Phi của Shell và các giám đốc điều hành cấp cao khác, đã thông báo về cuộc trò chuyện với một trong những mắt xích liên hệ của mình như sau: “Sáng nay, ông ta đã nói chuyện với bà E [vợ của Etete]. Bà này nói E tuyên bố rằng ông ta sẽ chỉ nhận 300 triệu mà chúng ta đề nghị [*trích nguyên văn*] - phần còn lại trả cho những người khác”. Bất chấp lời cảnh báo về những khoản tiền đã được lên kế hoạch chi trả, các cuộc đàm phán vẫn tiếp tục diễn ra. Copleston và Robinson thường xuyên gặp Etete, thường là ở các khách sạn tại Paris. Copleston viết: “Về mặt cá nhân, chúng tôi rất hợp nhau - thường ăn trưa và uống nhiều rượu sâm panh có đá”⁹⁰.

Năm 2010, các cuộc đàm phán tăng tốc trong bối cảnh tình hình chính trị sôi sục, khi Tổng thống Jonathan tìm kiếm các nguồn lực để tài trợ cho chiến dịch vận động tranh cử của mình trong năm 2011. Eni đặt hàng bản báo cáo về những rủi ro bên ngoài của Etete. Bản báo cáo này nêu ra những dấu hiệu đáng lo ngại về lý lịch của Etete và những đòi hỏi của ông ta về OPL 245⁹¹. Guy Colegate, một nhân viên khác của Shell ở Nigieria, xuất thân từ MI6, đã cung cấp cho các giám đốc điều hành của Shell một bản tóm tắt sắc sảo về tình hình chính trị, trong đó có nói: “Ở Abuja,

tất cả đều là chính trị và không có quản lý. Cuộc cạnh tranh các vị trí bộ trưởng vẫn đang rất gay gắt, nhiều người khao khát đề nghị những khoản tiền lớn để mua chức vụ... Chỉ còn 10 tháng nữa cuộc bầu cử sẽ diễn ra, nhu cầu thành lập quỹ vận động tranh cử là rất lớn”⁹².

Tình hình chính trị khá thuận lợi đối với Etete. Ông ta thân với Tổng thống Jonathan và biết rằng Jonathan cần tiền để chi cho các mục đích chính trị, vì vận động tranh cử ở Nigieria là công việc cực kỳ tốn kém. Năm 2010, Etete thông báo với Colegate rằng Jonathan đã viết thư xác nhận quyền của Malabu đối với OPL 245. Sau đó, Colegate thông báo lại tình hình cho Robinson, và cho rằng bức thư trên “rõ ràng là nỗ lực nhằm mang lại doanh thu đáng kể cho GLJ [Goodluck Jonathan], bất kỳ giao dịch nào cũng như vậy”. Ông ta viết thêm: “Đây là vấn đề lợi ích cá nhân và chính trị”. Một email khác của Colegate, được chuyển đến CEO của Shell, viết: “Etete có thể đánh hơi được mùi tiền. Nếu ở tuổi gần 70 mà ông ta quả thực từ chối gần 1,2 tỷ USD thì ông ta cần được điều trị bệnh tâm thần ngay lập tức. Nhưng tôi nghĩ ông ta biết đó là số tiền dành cho ông ta”.

Robinson cũng đưa ra phân tích như vậy trong một email khác, cũng do Global Witness thu thập và công bố. Ông ta giải thích: “Tổng thống muốn vấn đề về OPL 245 được giải quyết nhanh chóng - đó là do ông ta kỳ vọng về khoản tiền mà Malabu nhận được và kết quả là sẽ có những đóng góp cho chính trị”.

Lúc đó, Eni đã tạo được mối quan hệ thân thiết và Tổng Chương lý Mohammed Bello Adoke đã đảm nhận vai trò trung gian trong các cuộc đàm phán thay mặt cho Chính phủ Nigieria. Đường đi nước bước của thỏa thuận bắt đầu được củng cố. Tháng 01/2011, Malcolm Brinded, người đứng đầu bộ phận

thăm dò của Shell, nói với CEO khi đó là Peter Voser rằng khoản tiền 1,1 tỷ USD “sẽ được FGN [Chính phủ Liên bang Nigêria] sử dụng để giải quyết tất cả các đòi hỏi của Malabu”. Thể hiện mong muốn tha thiết của Shell trong việc giải quyết vấn đề với Malabu và Etete, ông ta viết: “Quan trọng nhất là M [Malabu] bị đẩy hoàn toàn ra khỏi lô này”⁹³.

Đến tháng 4, thỏa thuận hoàn thành. Robinson gửi email cho các đồng nghiệp ở Shell về thành tích vừa đạt được: “Malabu đã ký tất cả các thỏa thuận. Xin chúc mừng đội ngũ pháp lý của chúng ta, họ đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”. Shell và Eni có được OPL 245, Malabu và “những người bạn” nhận được 1,1 tỷ USD.

Tất cả những email này đều quan trọng vì chúng khiến lời biện hộ về “tình dục an toàn” của Shell và Eni mất đi sức thuyết phục. Đáng lẽ mua lô dầu khí với thiện chí là doanh thu sẽ mang lại lợi ích cho người dân Nigêria, thì dường như các nhà lãnh đạo của Shell và Eni đã ngờ rằng những món tiền này sẽ giúp tài trợ cho các chiến dịch tranh cử và làm giàu cho các quan chức chính phủ. Etete và các đồng nghiệp của ông ta có quyền đối với OPL 245 nhờ quy trình phân chia tham nhũng từ năm 1998. Năm 2011, nhờ thỏa thuận đạt được với Shell và Eni, họ đã nhận được hàng trăm triệu đôla Mỹ, như phần thưởng cho cách làm này. Theo cáo trạng được trình bày trong vụ án của công tố viên Italia và hồ sơ tại tòa án của Chính phủ Nigêria, các quan chức cấp cao cũng được nhận những khoản tiền lớn và các giám đốc điều hành của công ty cũng nhận được một phần trong số đó⁹⁴. Nhà nước Nigêria chỉ nhận được một khoản tiền không đáng kể là 210 triệu USD cho một trong những lô dầu khí có trữ lượng lớn, trong khi 1,1 tỷ USD còn lại thì đem thưởng cho những người lạm dụng quyền lực. Mặc dù các khoản tiền này có cơ cấu khác với khoản

hồi lộ thông thường, nhưng chiến thuật mà các công ty dầu khí sử dụng thì đã gây ra không ít thiệt hại.

Thông đồng và trốn thuế

Nhiều vụ tham nhũng trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ có hình thức như vừa được mô tả. Các công ty có những bước đi không phù hợp nhằm gây ảnh hưởng đến các quan chức chính phủ hoặc tham gia vào những giao dịch đáng ngờ với các đối tác đáng ngờ. Nhưng các công ty không chỉ có những lựa chọn như thế. Thông đồng và trốn thuế là 2 chiến thuật khác cũng thường xuyên được sử dụng. Một số định nghĩa về tham nhũng sẽ loại bỏ những hành vi tương tự như thế, mặc dù đây là những hành vi dễ nhận thấy và khó giải quyết mà các công ty có thể dùng để chà đạp lên lợi ích công.

Chính quyền liên bang Hoa Kỳ đã truy tố Aubrey McClendon về tội âm mưu dàn xếp những vụ đấu thầu cho thuê khu vực khai thác dầu ở Oklahoma ngay trước khi ông này chết có một ngày. McClendon điều hành công ty Chesapeake Energy từ năm 1989 đến 2013, giai đoạn mà công ty này trở thành một trong những nhà sản xuất khí đốt tự nhiên lớn nhất Hoa Kỳ. Là người ủng hộ kỹ thuật thủy lực cắt phá từ rất sớm, Aubrey McClendon tích cực tìm kiếm cơ hội kiếm lợi từ sự gia tăng nhanh chóng việc sản xuất khí đá phiến đang tràn qua Hoa Kỳ trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ. Trong vòng hơn 10 năm, Chesapeake đã giành được quyền thăm dò và khai thác đối với hơn 15 triệu mẫu Anh* ở Hoa Kỳ, tương đương với diện tích bang Tây Virginia, và McClendon trở thành tỷ phú⁹⁵. Ông ta trở nên nổi tiếng ngay trên quê hương mình - thành phố Oklahoma,

* 1 mẫu Anh = 0,4 héc-ta (ND).

kết thân với các nhà lãnh đạo chính trị của thành phố, giúp hồi sinh khu trung tâm, đóng góp cho nhiều tổ chức từ thiện và đưa một đội bóng rổ thuộc Hiệp hội Bóng rổ quốc gia tài năng về thành phố.

Cáo buộc thông đồng của liên bang được đưa ra vào năm 2016. Vào thời điểm đó, McClendon đã bị cách chức, không còn là giám đốc điều hành của Chesapeake nữa, giá trị tài sản ròng của ông ta sụt giảm nghiêm trọng với nhiều khoản nợ lớn. Bản cáo trạng cho rằng McClendon đã hợp sức với một công ty khác nhằm thao túng giá đấu thầu cho thuê khu vực khai thác dầu ở Oklahoma trong giai đoạn 2007-2012. Các hợp đồng thuê kiểu này cung cấp cho các công ty quyền thăm dò và sản xuất dầu khí trên đất liền trong một khoảng thời gian. Ở Hoa Kỳ, chủ đất chứ không phải chính phủ thường đấu giá quyền sử dụng và trao quyền cho người đấu giá có đủ điều kiện và trả mức giá cao nhất.

Bộ Tư pháp Hoa Kỳ cáo buộc Chesapeake và một công ty khác là đã đồng ý không cạnh tranh với nhau nhằm đẩy giá cho thuê xuống⁹⁶. Hai công ty này được cho là đã thỏa thuận trước về việc ai sẽ thắng các hợp đồng thuê khác nhau, rồi sau đó bên thắng sẽ chia phần trong hợp đồng cho công ty kia vì đã hợp tác. Bộ Tư pháp Hoa Kỳ buộc tội McClendon theo đạo luật chống độc quyền, gọi là Đạo luật Sherman, và tội lỗi của ông này có thể dẫn đến hình phạt tối đa là 10 năm tù giam. Theo vị luật sư đại diện cho Bộ Tư Pháp Hoa Kỳ trong vụ án này, McClendon “đặt lợi nhuận của công ty lên trên lợi ích của những người cho thuê có quyền chào giá cạnh tranh đối với quyền khai thác dầu khí trên đất của họ. Các giám đốc điều hành lợi dụng địa vị là lãnh đạo của các tập đoàn lớn để tổ chức hoạt động tội phạm phải chịu trách nhiệm về những hành vi của mình”⁹⁷.

Ngay lập tức McClendon đã bác bỏ cáo trạng. Ông ta tuyên bố: “Cáo trạng chống lại tôi ngày hôm nay là sai và chưa từng có tiền lệ. Trong suốt cuộc đời mình, tôi đã nỗ lực để tạo công ăn việc làm ở Oklahoma, phát triển nền kinh tế và cung cấp nguồn năng lượng dồi dào với giá cả phải chăng cho tất cả người Mỹ. Tôi tự hào về thành tích của mình trong ngành này, và tôi sẽ đấu tranh để chứng minh mình vô tội và tự mình oan cho mình”⁹⁸.

Năm 2015, Chesapeake đã trả 25 triệu USD cho bang Michigan để giải quyết một vụ tương tự⁹⁹. Chính quyền bang này cáo buộc Chesapeake về những hành vi vi phạm luật chống độc quyền, gian lận và kiểm tiền phi pháp, tất cả đều liên quan đến việc công ty này tìm cách giành hợp đồng thuê đất để khai thác khí đốt tự nhiên với mức giá thấp. Không như các cáo buộc liên bang về gian lận thầu ở Oklahoma, vụ kiện của Michigan nhắm vào công ty chứ không nhắm vào cá nhân McClendon. Cụ thể, bang Michigan cáo buộc Chesapeake thông đồng với công ty đối thủ là Encana Corp nhằm hạ giá thầu các hợp đồng thuê đất vào năm 2010, ngay khi vụ bùng nổ đá phiến tăng nhiệt.

Theo các email bị rò rỉ, các giám đốc điều hành của Chesapeake và Encana đã hợp tác với nhau nhằm phân chia lãnh thổ đầy hấp dẫn của bang Michigan sao cho có thể giảm giá thuê đất. Một giám đốc điều hành hàng đầu của Chesapeake viết thư cho người đồng cấp của mình ở Encana như sau: “Ngoài ra, khi anh quay trở lại làm việc, tôi muốn nói chuyện với anh về tác động của sự cạnh tranh giữa chúng ta đối với giá thuê đất và liệu chúng ta có nắm được cơ hội giữ cho giá đất không tiếp tục gia tăng sớm hơn hay không”. Một thời gian sau, chính McClendon đã viết thư cho Encana về một công ty thứ ba, Northstar, đang mời thuê hơn 30.000 mẫu đất ở Michigan. “Đường như Northstar

muốn chúng ta đấu giá với nhau vào tuần tới, hãy bàn xem ai quản vùng này - cảm ơn”¹⁰⁰.

Các công tố viên Michigan khẳng định rằng vụ thông đồng này góp phần làm cho giá thuê giảm từ 1.510 USD/mẫu xuống còn 40 USD/mẫu trong giai đoạn giữa những cuộc đấu giá được tiến hành chỉ cách nhau 5 tháng¹⁰¹. Họ cũng cáo buộc rằng Chesapeake đã hủy hàng trăm hợp đồng thuê đất vì những lý do giả tạo. Theo các nhà chức trách của bang này, những sự cố như vậy đã gây thiệt hại cho khoảng 700 chủ đất.

Trong khuôn khổ của thỏa thuận đã được dàn xếp, Chesapeake không phản đối các cáo buộc ít nghiêm trọng về vi phạm luật chống độc quyền và giả tạo, nhưng không thừa nhận là đã phạm tội hình sự. Đồng ý với thỏa thuận, bang này rút lại các cáo buộc hình sự, và Chesapeake phải trả 25 triệu USD vào quỹ đền bù cho các chủ đất. Về phần mình, Encana cũng thỏa thuận đồng ý trả 5 triệu USD tiền phạt và không phản đối cáo buộc gian lận đấu thầu ít nghiêm trọng¹⁰². Khi đạt được thỏa thuận, Tổng Chương lý của Michigan nhận xét: “Hành động của công ty này là một cú đòn giáng mạnh về tài chính vào những người Michigan cần cù lao động. Tôi rất vui khi thấy quy trình giải quyết này đang tiến triển và hy vọng rằng những người bị ảnh hưởng tiêu cực bởi trò lừa đảo này có thể tiếp tục phục hồi về mặt tài chính”¹⁰³.

Khác với Michigan, vụ kiện ở Oklahoma sẽ không bao giờ kết thúc. Một ngày sau khi có cáo trạng liên bang, khoảng 9 giờ sáng, McClendon rời khỏi văn phòng. Lái xe với tốc độ 78 dặm*/giờ, ông ta đâm vào mố của một cây cầu và tử vong. Nhiều đồn đoán xoay quanh thời điểm xảy ra tai nạn của người đàn ông 56 tuổi này. Sau cuộc điều tra sâu rộng về cái chết của

* 1 dặm = 1,609m (ND).

một trong những công dân nổi bật nhất của thành phố, Sở Cảnh sát thành phố Oklahoma không tìm thấy bất cứ dấu hiệu nào chứng tỏ đây là một vụ tự sát. Một đội trưởng cảnh sát nói thêm: “Chúng ta có thể không bao giờ biết được 100% những gì đã xảy ra”¹⁰⁴.

Cùng với gian lận trong đấu thầu và thông đồng, tránh thuế và trốn thuế là những chiến lược đầy rủi ro khác mà các công ty sử dụng nhằm thu được một phần lợi nhuận vượt mức. Vấn đề công bằng thuế tự nó đã là một lĩnh vực rất phức tạp và gây ra những hệ quả lớn đối với các vấn đề kinh tế toàn cầu. Các tác giả khác giải quyết những vấn đề này đầy đủ và dễ hiểu hơn hẳn so với những điều tôi có thể trình bày ở đây¹⁰⁵. Nhưng vẫn cần đề cập vấn đề tránh thuế nếu muốn đánh giá đầy đủ các chiến thuật gây tranh cãi và có khả năng gây tổn hại mà các công ty dầu khí có thể sử dụng nhằm tìm cách tối đa hóa thu nhập của mình.

Những công ty muốn giảm thuế có thể sử dụng rất nhiều chiến lược khác nhau. Một số là hợp pháp. Ví dụ, bằng cách thành lập các công ty con tại các thiên đường thuế khóa và để cho những công ty con này thực hiện một số chức năng nhất định, các công ty đa quốc gia có thể giảm các khoản thuế mà họ phải trả ở những nước thực sự khai thác và bán dầu. Một số chiến lược khác là vi phạm luật, ví dụ, khai khống các chi phí khác nhau nhằm làm giảm lợi nhuận trong báo cáo của công ty. Cũng như những hình thức rủi ro tham nhũng khác, một số công ty hoạt động trong vùng tranh tối tranh sáng giữa hợp pháp và bất hợp pháp nhằm kiếm được nhiều tiền hơn.

Chính phủ Na Uy, với chuyên môn và nguồn lực dồi dào, đã đấu tranh tại tòa án trong suốt nhiều năm nhằm chứng minh rằng Transocean - công ty khoan dầu ngoài khơi lớn nhất thế giới -

đã tránh một khoản thuế ước tính 1,8 tỷ USD. Năm 2005, các nhà chức trách Na Uy đã mở cuộc điều tra một loạt giao dịch đáng ngờ diễn ra từ năm 1997. Sau nhiều năm tìm hiểu kỹ lưỡng việc làm khôn khéo và phức tạp của các luật sư và kế toán viên của Transocean, năm 2011, các công tố viên đã truy tố công ty này và một số cố vấn về thuế của họ tại Ernst & Young¹⁰⁶.

Bản cáo trạng tập trung vào việc công ty con của Transocean ở Na Uy bán các giàn khoan dầu của cho nhiều công ty con khác nằm trong mạng lưới toàn cầu của công ty này¹⁰⁷. Ví dụ, các công tố viên cho rằng, việc bán giàn khoan dầu Polar Pioneer lẽ ra phải chịu thuế lợi tức vốn của Na Uy, nhưng Transocean tuyên bố rằng việc mua bán diễn ra bên ngoài Na Uy. Theo cáo trạng, giàn khoan đã hoạt động ở Na Uy từ năm 1985 và thuộc quyền sở hữu của chi nhánh hoạt động ở Na Uy của Transocean. Năm 1999, giàn khoan được kéo đến giữa 2 địa điểm ở Na Uy để bảo dưỡng định kỳ. Trên đường trở về, công ty đã đưa giàn khoan đi theo đường vòng kéo dài 16 giờ đồng hồ, trong đó có 8 giờ đi trong vùng biển quốc tế. Trong 8 giờ tạt ngang tạt dọc trong vùng biển quốc tế, giàn khoan này đã được những công ty con khác nhau của Transocean mua đi bán lại tới 3 lần, công ty cuối cùng sở hữu giàn khoan này có trụ sở ở thiên đường thuế - Quần đảo Cayman. Tìm ra những mưu mô phức tạp như thế - và làm cho chúng trở thành hợp pháp - là nguồn thu nhập béo bở của các cố vấn về thuế khóa toàn cầu hiện nay. Nhóm cố vấn của Transocean đã làm tốt công việc của mình. Năm 2014, tòa án đã ra phán quyết có lợi cho họ.

Ở Ôxtrâyliya, Chevron không thoát được dễ dàng như vậy. Năm 2003, nhằm hỗ trợ tài chính cho một dự án khí đốt tự nhiên lớn, một công ty con của Chevron có trụ sở tại Delaware (Hoa Kỳ) đã cho chi nhánh của Chevron ở Ôxtrâyliya vay 2,5 tỷ USD.

Khoản vay liên công ty này có lãi suất 9%/năm. Công ty con của Chevron vay vốn trên các thị trường thương mại với lãi suất 1-2%/năm, kết quả là từ năm 2004 đến 2008, lợi nhuận mà công ty con này được hưởng là gần 1 tỷ USD. Ôxtrâyliya hay Hoa Kỳ, quê hương của Chevron, đều không đánh thuế những khoản lợi nhuận này¹⁰⁸. Năm 2015, Văn phòng Thuế Ôxtrâyliya cáo buộc rằng khoản vay này đã tạo điều kiện cho chi nhánh của Chevron ở Ôxtrâyliya đòi được khấu trừ lãi suất quá mức, dẫn đến khoản khấu trừ không phù hợp trong hóa đơn thuế của công ty này ở Ôxtrâyliya. Cụ thể, khoản vay không tuân theo “nguyên tắc thị trường”, có nghĩa là về cơ bản, chi nhánh Chevron ở Ôxtrâyliya có thể vay vốn với lãi suất thấp hơn từ nguồn bên ngoài công ty. Không làm như thế, chi nhánh Chevron ở Ôxtrâyliya quyết định trả cho đối tác nội bộ của họ mức lãi suất cao hơn để sau đó họ có thể đóng thuế ít hơn. Năm 2017, các tòa án ở Ôxtrâyliya bác đơn kháng cáo của Chevron. Để giải quyết vụ việc, Chevron đồng ý trả khoảng 1 tỷ USD, trong đó có 340 triệu USD tiền thuế - theo báo cáo của các phương tiện truyền thông đại chúng, dù số liệu chính thức không được công bố¹⁰⁹.

Một thượng nghị sĩ Ôxtrâyliya phát biểu đầy thất vọng: “Đây là một trò lừa đảo!”. “Đây luôn là một trò lừa đảo và tiếp tục là một vụ lừa đảo! Chevron là trùm đòi giảm thuế ở Ôxtrâyliya và, tôi dám khẳng định đây là tránh thuế”¹¹⁰. “Rort” là từ mà người Ôxtrâyliya dùng để mô tả một âm mưu gian lận. Thật vậy, mục đích của Chevron là giảm thiểu những khoản thuế mà công ty này phải đóng. Hơn một nửa số lượng công ty con của công ty này đặt trụ sở tại các thiên đường thuế khóa, trong đó có Bermuda, Bahamas và Delaware, mặc dù Chevron không có hoạt động đáng kể nào trong những khu vực đó¹¹¹.

Trong khi Chevron và các công ty dầu khí đa quốc gia khác đều có cấu trúc bao trùm nhằm giảm đến mức tối thiểu tiền thuế của mình, thì trường hợp tương tự như ở Ôxtrâyliya là rất hiếm. Theo công ty kế toán Deloitte, “Vụ việc này cực kỳ phức tạp, liên quan đến nhiều khía cạnh của luật thuế và đã được xét xử trong khoảng 21 ngày, khiến nó trở thành một trong những vụ án về thuế kéo dài nhất từng được xét xử ở Ôxtrâyliya”¹¹². Thực tế là, vụ việc này được dàn xếp vào năm 2017, gần một thập niên sau khi khoản vay này hết hạn. Chính phủ quyết tâm theo đuổi vụ này vì nó tạo ra tiền lệ: Văn phòng Thuế Ôxtrâyliya ước tính có 2.600 công ty đòi khoản khấu trừ lãi trị giá 11 tỷ USD dành cho các khoản vay trong giai đoạn 2014-2015¹¹³. Sau chiến thắng trong vụ kiện chống lại Chevron, Văn phòng Thuế có thể tiếp tục đòi được khoản tiền này. Tổ chức Oxfam ở Ôxtrâyliya ước tính, năm 2014, do những hành vi tránh thuế của các tập đoàn đa quốc gia mà Ôxtrâyliya đã mất 4-5 tỷ USD thu nhập¹¹⁴.

Ôxtrâyliya là đất nước giàu có, chính phủ nước này có trình độ công nghệ cao. Sau khi thấy những việc họ đã làm nhằm đòi lại thuế của Chevron, thật khó tưởng tượng làm sao các nước khai thác dầu khí trong thế giới đang phát triển thu được kết quả tương tự. Những vụ tranh chấp kiểu này thường kết thúc bằng phán quyết của tòa trọng tài hoặc các dàn xếp không chính thức, với điều kiện người ta quyết tâm theo đuổi. Rốt cuộc, có hàng trăm kế toán viên và luật sư về thuế khóa có trình độ cao kiếm sống từ việc giảm gánh nặng thuế khóa cho các công ty dầu khí lớn. Theo hệ thống thuế toàn cầu hiện hành, hầu hết các thủ đoạn của họ đều hợp pháp. Ngay cả khi những thủ đoạn này là không hợp pháp thì sự phức tạp của hệ thống thuế toàn cầu đủ sức làm người ta điên đầu cũng thường bảo vệ được họ, tránh cho họ thoát khỏi hậu quả.

Chi phí quá cao và con đường phía trước

Giai đoạn bùng nổ dầu mỏ cho thấy những biện pháp đa dạng mà các công ty sử dụng nhằm bẻ cong luật lệ để giành được những cơ hội kiếm lời. Họ hối lộ và dùng những cách khác để mua chuộc các quan chức nước ngoài. Họ ngoảnh mặt làm ngơ khi giới tinh hoa chính trị địa phương bòn rút tiền bạc. Họ gian lận khi đấu thầu và tránh thuế. Nhiều hành động trong số đó đã tạo ra những khoản thu nhập lớn cho các công ty và cá nhân các giám đốc điều hành, cho dù họ có bị bắt hay không.

Nhưng, những chuyện này có thực sự quan trọng hay không? Tất nhiên, thật không hay, nhưng chẳng phải tham nhũng là cách thức hoạt động trong ngành công nghiệp dầu khí toàn cầu, đặc biệt là ở một số quốc gia có nền quản trị yếu kém hay sao? Như giám đốc điều hành của Unaoil nói, rất khó tìm được “một người bạn trong đám lục lâm thảo khấu”.

Trên thực tế, nạn tham nhũng ở các công ty gây ra nhiều tầng tai họa. Tầng thứ nhất là mất các khoản thu cho công quỹ. Đặc biệt là đối với những nước nghèo, dầu mỏ trong lòng đất là nguồn tài chính hiếm hoi dành để chi trả cho các dịch vụ xã hội và thúc đẩy phát triển kinh tế. Vì dầu mỏ là nguồn tài nguyên không thể tái sinh, các quốc gia chỉ có một cơ hội duy nhất để thực hiện những mục tiêu này. Khi các công ty tham nhũng, họ sẽ ngăn cản động lực này thành công. Chính phủ Sát có thể đạt được mức giá cao hơn khi bán các lô dầu mà họ trao cho Griffiths nếu tổ chức đấu thầu cạnh tranh chứ không phải là đàm phán trong phòng kín. Trường hợp của OPL 245 ở Nigieria cũng tương tự như vậy. Lô dầu này được trao không qua đấu thầu, và hầu hết số tiền mà Shell và Eni trả đã làm giàu cho một vài người Nigieria gặp may. Các công ty này đã nhận được một vụ làm ăn béo bở với những điều khoản quá ưu đãi, có thể làm cho

Nigeria mất tới 6 tỷ USD trong suốt giai đoạn khai thác lô đầu này - gấp đôi ngân sách mà Nigeria dành cho giáo dục và y tế trong một năm¹¹⁵.

Các quan chức nhà nước ăn lương của Unaoil có thể đã chấp nhận một mức giá thầu cao hơn để giành được các hợp đồng trong lĩnh vực dầu khí, do đó, làm giảm doanh thu từ dầu khí của Iraq. Số tiền mà Halliburton lãng phí cho nhà thầu phụ địa phương có quan hệ với các quan chức chính trị ở Angola đã làm gia tăng chi phí hoạt động của mình, và cuối cùng, làm giảm lợi nhuận mà nhà nước này nhận được từ dự án. Các chủ đất ở Michigan mất khoản tiền lớn khi Chesapeake Energy hợp tác với các công ty trong lĩnh vực của mình nhằm giảm giá thuê đất và các động thái trong lĩnh vực thuế khóa của Chevron khiến ngân sách của Chính phủ Úc mất hàng trăm triệu đôla Mỹ.

Nhưng tác hại do tham nhũng gây ra còn lớn hơn nhiều so với số tiền bị mất. Khi một công ty dầu khí phạm tội tham nhũng, tạo điều kiện hay thậm chí lờ đi hiện tượng tham nhũng, chính là họ đang củng cố một hệ thống mà ở đó, những người cầm quyền không còn phục vụ nhân dân nữa. Khi các công ty dầu khí hợp tác với nhà cai trị độc tài Sát, họ đã góp phần củng cố quyền lực của ông ta. Khi hối lộ các quan chức Iraq, họ đã tạo thêm nhiều lý do để công dân nước này bị tước quyền bầu cử. Tiền do các công ty dầu khí nước ngoài trả được giới tinh hoa chính trị Nigeria sử dụng nhằm phá hoại tiến trình dân chủ của đất nước. Giới tinh hoa Angola trở nên giàu có nhờ làm ăn với các công ty dầu khí ngay cả khi họ không mang lại bất cứ giá trị nào cho những doanh nghiệp này. Thông qua những hành vi như thế, các công ty dầu khí đã trở thành đồng lõa trong việc củng cố hệ thống quản trị phi dân chủ và bất bình đẳng ở nhiều nước khai thác dầu khí.

Giai đoạn bùng nổ dầu mỏ chứng tỏ rằng, nhiều công ty vẫn nhúng tay vào tham nhũng, mặc cho những thiệt hại mà tệ nạn này gây ra. Tuy nhiên, những câu chuyện được kể trong chương này cũng cho thấy “trong cái rủi có cái may”. Tham nhũng và các hành vi gây rắc rối khác đã bị phơi bày, đồng thời, ít nhất các công ty có liên đới phải gánh chịu một số hậu quả tiêu cực - về luật pháp hoặc danh tiếng. Chương 6 sẽ khảo sát chi tiết hơn các biện pháp phòng chống tham nhũng trong lĩnh vực này.

Cần phải chặn đứng những việc làm sai trái của các công ty. Các chiến lược phòng chống tham nhũng có thể đạt được mục tiêu hơn và hiệu quả hơn nếu hướng vào những khu vực được xác định rõ là có vấn đề liên quan đến tham nhũng. Việc sử dụng những tổ chức trung gian, ví dụ như Unaoil hoặc những công ty tư vấn mà Gunvor thuê, là một trong những cách làm bảo đảm tính minh bạch, giám sát và quy định chặt chẽ. Một cách làm khác là các công ty lựa chọn đối tác và nhà thầu phụ, ví dụ các tổ chức khác nhau ở Ảnggôla mà các công ty nước ngoài chấp nhận, mặc cho những quan hệ chính trị rõ ràng của họ. Những câu chuyện được kể trên đây cũng chỉ ra rằng, cần đặc biệt quan tâm tới các công ty dịch vụ mỏ dầu và các công ty kinh doanh dầu khí. Chắc chắn là có thể đưa ra các biện pháp bảo vệ nhắm vào những thách thức cụ thể kiểu này. Chương 7 sẽ thảo luận chi tiết hơn về nỗ lực này.

Dường như việc xác định một chương trình nghị sự cụ thể nhằm làm giảm hoạt động tham nhũng của các công ty là biện pháp khả thi. Tuy nhiên, như hầu hết những câu chuyện trong chương này cho thấy: phải có hai người thì mới nhảy được điệu tango. Vai trò của các quan chức chính phủ và các nhà lãnh đạo chính trị nằm ở đâu? Các chương tiếp theo sẽ đi sâu vào vấn đề này.

THAM NHỮNG VÀ CẠNH TRANH QUYỀN LỰC

Tháng 01/2011, một công ty có trụ sở trên đảo Xâysen đã mua một biệt thự 5 phòng ngủ ở Buckinghamshire, ngay ngoại ô London, với giá 3,2 triệu bảng Anh. Biệt thự này được gọi là “Thác nước” vì hồ nước được thiết kế cầu kỳ ở sân sau, lại nằm ở vị trí mà một công ty bất động sản gọi là “con đường đẹp nhất” khu vực. Theo hồ sơ của tòa án Hoa Kỳ, ngôi biệt thự này được dành cho Diezani Alison-Madueke, Bộ trưởng Dầu mỏ Nigieria từ năm 2010 đến 2015¹.

Hai tháng sau, một công ty có trụ sở ở Quần đảo Virgin thuộc Anh mua một ngôi nhà chỉ cách Regent’s Park ở London một dãy nhà với giá 1,7 triệu bảng Anh. Ngôi nhà này cũng dành cho Alison-Madueke và gia đình bà ta². Công việc cải tạo bắt đầu ngay lập tức, và bà cựu Bộ trưởng đã tự chọn đá lát sàn và mặt bàn đá trong phòng tắm.

Hai người đàn ông đứng sau công ty ở Xâysen và công ty ở Quần đảo Virgin thuộc Anh đã hợp tác với nhau trong nhiều vụ làm ăn chứ không chỉ trong lĩnh vực bất động sản. Họ cũng là hai ông chủ của Atlantic Energy - công ty dầu khí Nigieria. Cũng trong tháng họ mua nhà cho bà Bộ trưởng, hai người này đã ký một hợp đồng lớn với Tập đoàn Dầu khí quốc gia Nigieria (NNPC).

Một hợp đồng lớn khác được ký kết vào năm 2012. Cũng theo hồ sơ của tòa án Hoa Kỳ, trong vài năm sau đó, Atlantic Energy đã nhận được 1,5 tỷ USD tiền dầu từ NNPC, trong khi chỉ cung cấp được rất ít dịch vụ³. Các ông chủ của Atlantic Energy cũng như bà cựu Bộ trưởng đều nói rằng mình không làm gì phạm pháp.

Khi lợi nhuận bắt đầu đổ vào công ty, một ông chủ của Atlantic Energy đã mua cho mình ngôi nhà còn sang trọng hơn nhiều so với ngôi nhà mà ông ta đã mua cho bà Bộ trưởng. Ông ta trả 50 triệu USD để mua căn hộ áp mái sang trọng (penthouse) trên đỉnh tòa tháp cao 90 tầng ở Manhattan nhìn xuống Central Park và mua một du thuyền trị giá 82 triệu USD, rồi sau đó cho Beyoncé và Zay-Z thuê với giá 900.000 USD/tuần. Việc chi tiêu theo kiểu “vung tay quá trán” của ông ta đã khiến cơ quan thực thi pháp luật Hoa Kỳ chú ý. Cuộc điều tra của cơ quan này cùng với những nguồn tài liệu khác đã làm sáng tỏ làn sóng tham nhũng lan tràn trong lĩnh vực dầu khí của Nigieria trong giai đoạn bùng nổ.

Chương này khảo sát cách thức các chính trị gia và quan chức chính phủ lạm dụng quyền lực của mình để làm giàu trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ ở Nigieria và một nước dân chủ có nhiều dầu mỏ khác là Braxin. Chương này cũng xem xét tiền thu được từ dầu khí có ảnh hưởng như thế nào đến việc hoạch định chính sách ở Hoa Kỳ. Đây là 3 quốc gia có nền chính trị mang tính cạnh tranh - khác xa các chế độ độc tài thường gắn bó với nạn tham nhũng trong lĩnh vực dầu khí. Nhiều nhà lãnh đạo độc tài trong những nước có nhiều dầu khí sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên của đất nước để làm giàu cho bản thân và củng cố địa vị của mình. Những hệ thống chính trị như thế thường được gọi là *chế độ đạo tặc trị* (kleptocracy) - một thuật ngữ có xuất xứ từ tiếng Hy Lạp với nghĩa đen là “chính quyền của

bọn trộm cướp”. Trong chế độ đạo tặc trị, nhà cầm quyền gặp rất ít cạnh tranh chính trị. Họ kiểm soát toàn bộ bộ máy chính quyền và kiểm soát luôn phần lớn nền kinh tế trong một thời gian dài. Tham nhũng diễn ra một cách có hệ thống, khó có thể chống lại. Chương tiếp theo, với những câu chuyện từ Ănggôla, Adécbaigian và Nga cho thấy cách thức những kẻ đạo tặc trị sử dụng giai đoạn bùng nổ dầu mỏ để củng cố quyền lực của mình.

Có lẽ điều đáng ngạc nhiên hơn là, trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ, giới tinh hoa chính trị ở các nước dân chủ cũng tham nhũng. Tham nhũng nổi lên ở Braxin và Nigiêria trong giai đoạn bùng nổ. Ở Hoa Kỳ, nó diễn ra dưới những hình thức tinh vi hơn mà một số người gọi là làm ăn bình thường chứ không phải tham nhũng. Những câu chuyện từ 3 quốc gia này cho chúng ta thấy nghịch lý kinh hoàng: chế độ dân chủ thúc đẩy tham nhũng, và sau đó sẽ đứng lên giải cứu nó. Cạnh tranh chính trị thúc đẩy tham nhũng, khi các chính trị gia tìm kiếm tiền từ dầu mỏ nhằm giữ chặt các đồng minh và tài trợ cho các chiến dịch vận động tranh cử của mình. Cả 3 quốc gia này đều có giới tinh hoa chính trị rất chia rẽ và cạnh tranh quyết liệt với nhau, các ứng cử viên phải có hầu bao lớn thì mới đủ sức tham gia cuộc chơi. Nhưng sau đó, ngay cả khi những người có quyền lực nhất trong nước dính vào tham nhũng thì các thiết chế dân chủ không cho thủ phạm hoàn toàn thoát khỏi trừng phạt và thực thi một số biện pháp của công lý. Cuộc đấu tranh giữa sức cám dỗ của đồng tiền do dầu khí mang lại và hệ thống kiểm soát cũng như đối trọng do các thiết chế dân chủ tạo ra liên quan mật thiết với các nước khai thác dầu khí có nền chính trị cạnh tranh như Canada, Côlômbia, Êcuado, Gana, Indônêxia, Mêhicô và Na Uy.

Chắc chắn rằng, những sự kiện xảy ra ở Nigêria và Braxin trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ hội tụ đủ điều kiện để quy kết là tham nhũng. Hai nước này đã cho chúng ta những ví dụ lớn nhất và ấn tượng nhất về tham nhũng trong giai đoạn này. Chương 3 chủ yếu tập trung vào 2 trường thiên tiểu thuyết này. Trong khi đó, nhiều dòng tiền lưu chuyển giữa các công ty dầu khí và các quan chức Chính phủ Hoa Kỳ nằm trong vùng xám rộng lớn xung quanh định nghĩa về tham nhũng hay không. Tương tự như tất cả các hoạt động đấu thầu và tiệc tùng do các công ty chiêu đãi được đề cập trong chương trước, những dòng tiền này là hợp pháp, nhưng có nhiều vấn đề.

Dù xảy ra trong các chế độ dân chủ hay chế độ đạo tặc trị, các thủ đoạn tham nhũng trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ do giới tinh hoa chính trị dàn dựng đều có chung một vài xu hướng xuyên suốt. *Thứ nhất*, ranh giới giữa khu vực công và khu vực tư nhân bị xóa nhòa đến mức nguy hiểm. Các quan chức chính phủ nắm trong tay các nhóm lợi ích trong lĩnh vực dầu khí, hoặc phụ thuộc vào tiền thu được từ dầu khí để duy trì chức vụ của mình, hoặc cả hai. Các doanh nhân trong lĩnh vực dầu khí dựa vào các quan chức chính phủ để kiếm lợi nhuận, hoặc sử dụng tài sản của mình để gây ảnh hưởng đối với các quan chức chính phủ, hoặc cả hai. Các nhà tài phiệt đóng vai trò quan trọng: một nhóm các ông trùm kinh doanh được lựa chọn để duy trì quan hệ trung thành và cùng có lợi với các nhà lãnh đạo chính trị. Kết quả là, chỉ có một nhóm duy nhất trong giới tinh hoa nắm toàn bộ lĩnh vực dầu khí ở cả hai phía.

Thứ hai, các công ty dầu khí quốc gia thường là tụ điểm tham nhũng vì đây là những thiết chế dễ bị các nhà lãnh đạo chính trị kiểm soát. Trong những năm 1970, giai đoạn bùng nổ dầu mỏ

lớn gần đây nhất, hầu hết chính phủ các nước khai thác dầu khí đều thành lập các công ty dầu khí quốc gia nhằm khẳng định quyền kiểm soát nhiều hơn đối với ngành này và giảm bớt ảnh hưởng của các công ty nước ngoài. Ngoài Hoa Kỳ, Vương quốc Anh và Canada, tất cả các nước khai thác dầu khí lớn đều có các công ty dầu khí quốc gia, và gộp lại, tất cả những gã khổng lồ do nhà nước điều hành này đã kiểm soát tới 90% trữ lượng dầu mỏ toàn cầu và 55 - 75% sản lượng dầu khai thác được⁴. Một số tập đoàn nằm hoàn toàn trong tay chính phủ, như ở Nigieria; những công ty khác do chính phủ nắm đa số cổ phần, như ở Braxin.

Trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ, một lượng của cải chưa từng có đã chuyển qua tài khoản của các công ty dầu khí quốc gia. Những công ty này nằm trong vùng xám giữa khu vực công và khu vực tư nhân, nằm trong vòng ảnh hưởng của chính trị nhưng lại nằm ngoài khả năng kiểm soát của nhiều hệ thống giám sát chính thức của chính phủ. Bên trong các công ty dầu khí quốc gia, việc mua bán dầu và ký hợp đồng thầu phụ đường như là những chức năng đặc biệt dễ bị thao túng.

Thứ ba, chiến thuật được ưa thích của các quan chức chính phủ là trao các hợp đồng cực kỳ có lời cho các công ty do những người trung thành với mình lãnh đạo. Những cá nhân này sẽ trở nên giàu có và các nhà lãnh đạo chính trị có thể kêu gọi giúp đỡ khi cần. Các quan chức thích chiến thuật này vì có thể thực hiện mà không vi phạm bất kỳ điều luật nào và họ không phải tự mình động đến những khoản tiền bất hợp pháp. Tham nhũng kiểu này cũng khó bị truy tố. Khác với những trường hợp hối lộ đơn giản hơn, cái được mang ra trao đổi thường không rõ ràng như hối lộ: công ty có thể giúp đỡ quan chức chính phủ trước đó nhiều tháng hoặc sau khi nhận được vụ làm ăn béo bở.

Thứ tư và cuối cùng, mặc dù tham nhũng có thể xuất phát từ các dinh thự của tổng thống và trụ sở của các công ty dầu khí quốc gia, nhưng nó lại trở thành vấn đề của toàn thế giới. Nhiều tài khoản ngân hàng, công ty bình phong, luật sư, kế toán viên, nhà tư vấn và đối tác kinh doanh thực hiện những thủ đoạn tham nhũng lại có xuất thân từ bên ngoài đất nước nơi thủ đoạn được người ta áp dụng. Số tiền mà các quan chức tham nhũng chiếm được cũng chảy ra nước ngoài, đầu độc các doanh nghiệp nước ngoài, đầu độc thị trường bất động sản, đầu độc các trường đại học, các cơ quan truyền thông và chính phủ. Chương 5 sẽ thảo luận các khía cạnh quốc tế này.

Tham nhũng trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ ở Nigieria và Braxin không chỉ thể hiện tất cả những xu hướng này mà còn cho chúng ta thấy nhiều sự sáng tạo và táo bạo hơn.

Quá trình thăng tiến của Goodluck và Madame

Goodluck Jonathan không đặt mục tiêu trở thành Tổng thống Nigieria. Nhưng khi nắm được quyền lực, chắc chắn là ông ta muốn ở lại vị trí đó. Không phải là một chính trị gia tài năng hay nhiều tham vọng, ông ta bắt đầu thăng tiến sau khi trở thành Phó Thống đốc không mấy nổi tiếng của một trong những bang có nguồn dầu khí dồi dào ở Nigieria. Năm 2005, cấp trên của ông ta, Thống đốc bang này, bị kết án về tội tham nhũng và phải từ chức⁵. Jonathan lên thay. Ông ta hầu như chẳng có động thái nào để thể hiện bản thân khi giữ chức vụ này và đứng sang một bên khi nền chính trị mang tính bảo trợ của nhà nước tiếp tục đi theo đường lối vốn có của mình.

Hai năm sau, khi Jonathan trở thành Thống đốc, vị Tổng thống độc đoán của Nigieria, Olusegun Obasanjo, miễn cưỡng

chuẩn bị rời nhiệm sở. Ông ta đã tìm cách thay đổi Hiến pháp nhằm tạo điều kiện cho mình ở lại nhiệm kỳ tổng thống thứ ba, nhưng không thành công. Sau khi bị chặn đường, cơ hội tốt nhất để ông duy trì ảnh hưởng là chọn những ứng cử viên trung thành và không nguy hiểm sẽ đứng tên trên tấm vé tranh cử của đảng cầm quyền thay ông ta. Các chức vụ chính trị cao nhất ở Nigieria có xu hướng được chuyển giao luân phiên giữa các nhóm sắc tộc đông dân nhất của đất nước này và đây là thời điểm một người miền Bắc, theo đạo Hồi tranh cử chức tổng thống. Obasanjo chọn Umaru Yar'Adua, một người khiêm nhường và yếu đuối trở thành ứng cử viên. Sau đó, ông ta cần một người miền Nam theo Công giáo làm phó tổng thống, tốt nhất là một người ở vùng Đồng bằng sông Niger, đang khai thác dầu mỏ. Đã nhiều năm qua, không có đại diện nào của khu vực đó từng giữ chức vụ cao ở trong chính quyền, và tình trạng bất ổn ở vùng Đồng bằng sông Niger đang gia tăng. Vì vậy, Obasanjo đã chọn Jonathan tham gia liên danh với Yar'Adua, và cặp đôi kỳ quặc này đã giành được chiến thắng trong cuộc bầu cử năm 2007.

Xin bỏ qua mấy năm quản trị tệ nhạt và không có nhiều thay đổi. Đầu năm 2010, nơi ở của Tổng thống Yar'Adua và tình trạng sức khỏe của ông trở thành chủ đề được mọi người bàn tán sôi nổi. Tin đồn rằng ông đã chết ở Đức, ở Ả-rập Xê-út hoặc trên xe cứu thương ở ngoài đường, lan truyền khắp hang cùng ngõ hẻm. Cuối cùng, sau nhiều tháng đồn đoán, cái chết của ông đã được xác nhận. Goodluck Jonathan tiếp tục quá trình thăng tiến mà ít người tin là có thể xảy ra, nhưng lại đúng với tên của ông ta*. Ông ta nhậm chức Tổng thống. Chưa đầy một năm nữa thì cuộc

* Tác giả chơi chữ: Goodluck trong tiếng anh có nghĩa là chúc may mắn! - (ND).

bầu cử năm 2011 sẽ được tổ chức, vì vậy, đảng cầm quyền ủng hộ Jonathan làm ứng cử viên tổng thống. Nhờ sự kiện là phe đối lập bị rạn nứt và đảng cầm quyền chi rất nhiều tiền cho cuộc vận động tranh cử, Goodluck Jonathan đã giành được chiến thắng một cách dễ dàng.

Với chiến thắng này, Jonathan trở thành người cai trị đất nước với 170 triệu dân, và cũng là nước sản xuất dầu lớn thứ 12 thế giới. Trong chiến dịch tranh cử năm 2011, ông ám chỉ rằng sẽ chỉ làm một nhiệm kỳ - về cơ bản là tiếp tục những việc lẽ ra là nhiệm kỳ thứ hai của Yar'Adua - và sẽ không ứng cử vào năm 2015. Đây là sự kiện rất quan trọng đối với nhiều nhóm chính trị ở miền Bắc - những người coi nhiệm kỳ của Jonathan như là sự cắt ngắn 8 năm cầm quyền mà họ kỳ vọng. Điều này cũng có ý nghĩa quan trọng đối với nhiều người Nigieria, những người cho rằng Jonathan yếu đuối và không hiệu quả.

Tuy nhiên, Jonathan đã đổi ý. Ông ta và những người thân cận ngày càng gắn bó chặt chẽ hơn với những lợi ích mà quyền lực mang lại và đặt chiến thắng trong cuộc bầu cử năm 2015 trở thành vấn đề ưu tiên. Jonathan và đội ngũ của ông ta quyết định sử dụng của cải do ngành dầu khí mang lại nhằm củng cố cơ hội cho mình.

Những người xung quanh Jonathan biết rằng cơ hội giành chiến thắng của ông ta trong cuộc bầu cử năm 2015 là rất mơ hồ. Ông ta chỉ tạo được những thay đổi không đáng kể về kinh tế hoặc xã hội và không thể kiềm chế được nhóm bạo lực cực đoan Boko Haram. Nhiều nhà phân tích chính trị Nigieria, ở cả trong nước lẫn nước ngoài, thường nói về ông ta như một kẻ bại hoại, dành hết tâm trí cho việc chiếm đoạt của cải cho quê hương mình là Đồng bằng sông Niger và hoàn toàn không có đủ sức lãnh đạo đất nước rộng lớn và phức tạp này. Ông ta cũng không có bộ máy

chính trị với nền tảng rộng lớn, có thể thu được phiếu bầu trên khắp cả nước như nhiều chính trị gia hàng đầu khác ở Nigieria.

Có lẽ điều quan trọng nhất là, Jonathan đã không thể kiểm soát được đảng cầm quyền năm bè bảy phái mà ông cần để tổ chức chiến dịch tranh cử của mình và bảo đảm số phiếu bầu. Nền chính trị Nigieria nằm dưới quyền cai trị của những người có thể soạn thảo những thỏa thuận lớn trong giới tinh hoa đa dạng và rộng lớn của đất nước này, Jonathan lại không có kỹ năng như vậy⁶. Trước năm 2013, ba đảng đối lập lớn đã hợp nhất thành một liên minh đầy quyền lực và một số thống đốc nổi tiếng từ bỏ đảng cầm quyền để tham gia liên minh mới này. Đây không phải là những tín hiệu tốt đối với vị Tổng thống đương nhiệm.

Nhưng những yếu tố khác lại có lợi cho Jonathan. Ở Nigieria, cũng như trong nhiều chế độ dân chủ, người đang cầm quyền có lợi thế rất lớn trong các cuộc bầu cử, đặc biệt là trong giai đoạn bùng nổ đầu mỏ. Các vị tổng thống đương nhiệm có thể chi tiêu cho các chương trình được dân chúng ủng hộ. Họ có thể phân bổ doanh thu cho các khu vực khác nhau nhằm củng cố sự ủng hộ của các nhóm người cụ thể nào đó. Họ có thể bảo đảm rằng, các nhà lãnh đạo doanh nghiệp đầy quyền lực được hưởng những năm mỹ mãn, ví dụ, trao cho doanh nghiệp những hợp đồng lớn hoặc yêu cầu các công ty dầu khí quốc tế hợp tác với các đối tác trong nước. Họ có thể tài trợ cho các dự án riêng của những người môi giới quyền lực chủ chốt hoặc gia tăng những khoản tiền dành cho các nhà lập pháp, những người có thể mang về những lá phiếu từ quê hương của họ. Họ có thể gây ảnh hưởng lên hệ thống bầu cử và các phương tiện truyền thông đại chúng.

Tham nhũng là một biện pháp khác mà người đương nhiệm có thể sử dụng. Jonathan và những người thân cận với ông ta đã sử dụng công cụ này và tung ra các thủ đoạn tham nhũng trong toàn bộ khu vực công. Những cách làm như thế đã gây ra nhiều rắc rối cho Nigieria trong nhiều thập niên. Tuy nhiên, giá dầu tăng vọt trong giai đoạn 2011-2015 đã mang đến cơ hội có một không hai. Sau khi khảo sát các cơ hội và lựa chọn, Jonathan và nhóm thân hữu tiến hành những vụ tham nhũng trong lĩnh vực dầu khí với quy mô chưa từng có ở Nigieria - một thành tích đáng kinh ngạc, ngay cả khi so sánh với những vụ cướp bóc ồ ạt của các nhà lãnh đạo trước ông ta. Cốt lõi là, họ sử dụng những thứ mình có - ngành dầu khí đang trong giai đoạn bùng nổ và các tổ chức chính phủ yếu kém - để giành giật thứ họ muốn, là tại vị thêm một nhiệm kỳ.

Alison-Madueke xuất hiện. Alison-Madueke - thường được người ta gọi là Bà D (Madame hoặc Madam D) (những quan sát viên sáng tạo hơn có thể gọi bà là Dì Daisy hay Bà Macbeth) - trở thành Bộ trưởng Dầu mỏ của Jonathan vào năm 2010 và giữ chức Bộ trưởng trong vòng 6 năm. Bà là người nổi bật nhất trong hàng ngũ bộ trưởng của Jonathan, là người thân cận nhất với ông ta, và cũng là người khét tiếng nhất. Nhiệm kỳ của Alison-Madueke chẳng khác gì câu chuyện thần thoại, và thành phố Abuja đầy rẫy đồn đoán về những chiêu trò mà bà sử dụng để có được quyền lực lớn đến như vậy. Alison-Madueke chính là nhân vật chính trong câu chuyện về người chiếm được của cải do dầu khí mang lại trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ ở Nigieria.

Alison-Madueke, người đàn bà trên 50 tuổi với vẻ ngoài phong nhã, trở thành Bộ trưởng Dầu mỏ sau khi làm Bộ trưởng Giao thông vận tải và Bộ trưởng Khai thác mỏ trong một thời

gian ngắn. Xuất thân trong một gia đình trâm anh thế phiệt trong khu vực Đồng bằng sông Niger, bà theo học tại Đại học Howard ở Washington DC và nhận bằng Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA) ở Đại học Cambridge. Bà kết hôn với một cựu đô đốc quyền lực, người đã có một đời vợ và 5 người con riêng, bà sinh được một người con trai với ông này. Bà đã nắm vững tình hình của ngành dầu khí vì đã làm việc trong một thời gian dài tại chi nhánh của Shell ở Nigieria. Cha của Alison-Madueke cũng đã từng làm việc ở chi nhánh này. Alison-Madueke gắn bó với Shell từ năm 1992 đến 2006, khi công ty bổ nhiệm bà làm nữ giám đốc điều hành đầu tiên ở Nigieria. Khi trở thành Bộ trưởng Dầu mỏ, bà là một trong số rất nhiều giám đốc điều hành của Shell tiếp tục thăng tiến và nắm giữ các vị trí hàng đầu trong chính phủ, tạo ra ảnh hưởng qua lại giữa Shell và Nhà nước Nigieria. Mặc dù chắc chắn bà ấy là đối tượng có đặc quyền và thành công, nhưng không có gì trong lý lịch của bà ta cho thấy quy mô của những sự kiện sắp xảy ra.

Tương tự như nhiều quốc gia khai thác dầu trên thế giới, các vị tổng thống ở Nigieria không thích giao quyền kiểm soát ngành công nghiệp dầu khí vào tay người khác. Đây là lĩnh vực quá sinh lợi và đặc biệt quan trọng về chính trị, không thể để người ngoài quản lý. Ví dụ, cựu Tổng thống Obasanjo đã kiêm nhiệm chức Bộ trưởng Dầu mỏ và kiểm soát chặt chẽ các quan chức dầu khí hàng đầu của mình. Ông thường xuyên luân chuyển, không để họ tìm cách xây dựng đế chế riêng. Không ai nghĩ rằng Bộ trưởng Dầu mỏ ở Nigieria có thể giữ được chức vụ quá vài năm.

Tổng thống Jonathan đảo ngược xu hướng này và giao gần như toàn quyền kiểm soát lĩnh vực dầu khí cho Alison-Madueke. Cùng với thời gian, bà trở thành người có thế lực đến mức nhiều

ông trùm doanh nghiệp và thủ lĩnh chính trị ở Nigieria không thể nào chống lại được. Thay vì tổng thống luân chuyển người nhằm duy trì quyền kiểm soát, chính Alison-Madueke đã sử dụng thủ thuật này: trong nhiệm kỳ 6 năm, bà ta đã bổ nhiệm 5 người khác nhau để điều hành công ty dầu khí quốc gia. Đây là sự kiện phi thường, làm sao mà một người - lại là một phụ nữ, có thể giành được và tự mình nắm quyền kiểm soát lĩnh vực dầu khí khổng lồ như thế. Đặc biệt ấn tượng vì đây là Nigieria. Trong khi nhiều nước khai thác dầu khí ở châu Phi có những vị “tổng thống trọn đời”, thì giới tinh hoa đông đúc và cạnh tranh dữ dội của Nigieria thường không cho bất kỳ cá nhân nào nắm giữ vị trí có nhiều bổng lộc trong một thời gian dài.

Trong thời gian đương chức, Alison-Madueke đã điều khiển nhiều phi vụ bòn rút thỏa sức tiền bạc từ ngành dầu khí. Trong thập niên trước khi bà nhậm chức, trung bình mỗi năm Nigieria khai thác được số lượng dầu trị giá 42 tỷ USD. Trong hai năm 2011 và 2012, con số này đã tăng lên hơn 100 tỷ USD⁷. Đến năm 2011, năm đầu tiên bà làm Bộ trưởng, doanh thu từ dầu khí của chính phủ tăng thêm 54% một năm, đạt mức lịch sử là 68 tỷ USD và hầu hết đều chảy qua công ty dầu khí quốc gia làm ăn rất chênh mảng.

Giai đoạn bùng nổ dầu mỏ đáng lẽ phải là thời điểm tốt nhất để cải tổ các thiết chế trong lĩnh vực dầu khí bị tàn phá của Nigieria. Hoạt động kém hiệu quả của ngành này đã làm cho Chính phủ Nigieria mất hàng tỷ đôla Mỹ mỗi năm, nhưng các chính phủ nối tiếp nhau không thể khắc phục được. Như sẽ nói trong chương sau, nhà lãnh đạo của các nước Nga, Adébaigian và Ănggôla quản lý lĩnh vực dầu khí của mình một cách khéo léo và cẩn trọng, họ làm việc không mệt mỏi nhằm bảo đảm rằng các

cơ quan chính phủ có liên quan và công ty dầu khí quốc gia hoạt động hiệu quả. Nếu lĩnh vực dầu khí là loài ngỗng đẻ trứng vàng, thì ngỗng ở các nước này được chăm sóc chu đáo và đẻ trứng chất lượng. Còn con ngỗng vàng của Nigieria thì mỗi tuần được ăn một lần những mẩu đầu thừa đuôi thẹo và sống trong túp lều hũe mưa là dột.

Có hai lý do khiến người ta hờ hững với lĩnh vực này. Lý do thứ nhất, các nhà lãnh đạo ở Nigieria có tầm nhìn thiển cận, một lần nữa, nguyên nhân là do giới tinh hoa chính trị của đất nước này quá đông đảo và chia rẽ. Kể từ khi giành được độc lập vào năm 1960, Nigieria đã có 12 nguyên thủ quốc gia với thời gian tại vị trung bình 4 năm. Trong khi các nước khai thác dầu khí lâu đời khác ở châu Phi (Ănggôla, Camorun, Sát, Ghinê Xích đạo, Gabông, Cộng hòa Cônggô và Xuđăng) chỉ có 4 nguyên thủ từ ngày giành được độc lập. Nhiệm kỳ của các nhà lãnh đạo ở những nước này kéo dài trung bình 17 năm, một vài người có “bàn tay thép” nắm quyền hơn 3 thập niên. Các nhà lãnh đạo có tầm nhìn xa trông rộng cho rằng cần tối đa hóa nguồn lợi từ lĩnh vực dầu khí trong thời gian dài, vì họ có thể vẫn sẽ nắm quyền và được hưởng lợi nhuận cuối cùng. Ở Nigieria thì khác, các nhà lãnh đạo của quốc gia này chỉ có vài năm thụ hưởng mà thôi.

Lý do thứ hai, các nhà lãnh đạo chính trị có thể dễ dàng thao túng các thiết chế khi chúng ở trong tình trạng hỗn loạn và điều hành kém hiệu quả. Các chính trị gia Nigieria đã sử dụng lĩnh vực dầu khí nhằm chia chác của cải giữa các phe phái trong nhiều thập niên. Cải cách sẽ tạo ra luật lệ và hạn chế những quyết định tùy tiện, khiến việc chia tiền bạc trở nên khó khăn hơn. Trong suốt 8 năm cầm quyền, Tổng thống Obasanjo đã thực hiện một loạt cải cách kinh tế và tài chính, nhưng chương trình cải cách

trong lĩnh vực dầu khí lại không hề nhúc nhích. Ngay cả đối với một nhà lãnh đạo mạnh mẽ, có tư tưởng cải cách như ông thì thực tế chính trị của Nigieria buộc ông phải giữ lĩnh vực này trong tình trạng lộn xộn.

Jonathan và Alison-Madueke cũng phớt lờ chương trình cải cách, mặc dù giá dầu cao tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện nhiều yếu tố của chương trình này. Họ không tìm cách cải tổ Tập đoàn Dầu khí quốc gia Nigieria (NNPC) - vừa là “tay chơi” chủ chốt, vừa là vấn đề chính của ngành này. Về mặt tài chính, cơ cấu của NNPC khiến nó thất bại. NNPC càng chi nhiều tiền từ dầu khí, Tập đoàn này càng có thể biện hộ cho việc giữ lại nhiều tiền hơn. Với những chiêu trò như thế, chi phí sẽ tăng vọt, kém hiệu quả lan rộng khắp nơi, các quan chức tìm đủ mảnh lời để bòn rút tiền bạc cho mình và bạn bè của mình. Đây hầu như không phải là bí mật. Năm 2008, một bản báo cáo của chính phủ đã gọi NNPC là “thiết chế nan giải nhất” trong lĩnh vực dầu khí Nigieria và nói rằng Tập đoàn này “hoạt động như một trung tâm chi tiêu khổng lồ, biến hóa khôn lường, rất ít hoặc hoàn toàn không quan tâm tới lợi nhuận”⁹.

Khác với nhiều công ty dầu khí quốc gia khác, cùng với chi tiêu quá mức, NNPC không phát triển được nhiều năng lực để thực sự tìm kiếm và khai thác dầu. Bốn nhà máy lọc dầu của công ty này ngốn hàng tỷ đôla Mỹ tiền bảo trì nhưng vẫn thường xuyên sản xuất chỉ ở mức khoảng 10% công suất. NNPC thường xuyên nợ, chủ yếu là nợ các công ty nước ngoài đang khai thác dầu của Nigieria và các công ty nhập khẩu xăng và dầu diesel. Khi giá dầu lên cao, đáng lẽ Alison-Madueke có thể đầu tư nhằm nâng cao năng lực của NNPC, trả bớt nợ và bán những cơ sở hoạt động thiếu hiệu quả hoặc giải quyết tình trạng

thất bại kinh niên của nó. Nhưng không, hoạt động của công ty này ngày càng trì trệ thêm.

Alison-Madueke và đội ngũ của bà còn đánh mất cơ hội tái đàm phán một số thỏa thuận quan trọng và thu hút những khoản đầu tư mới vào lĩnh vực dầu khí. Phần lớn hoạt động sản xuất ở ngoài khơi Nigieria được điều chỉnh bởi một số hợp đồng phân chia sản xuất đã ký với các công ty nước ngoài, trong đó có Shell, Chevron và Exxon. Nigieria ký những hợp đồng này trong thập niên 1990 khi giá dầu còn thấp và đưa ra những điều khoản có lợi cho các công ty nhằm lôi kéo họ tham gia khai thác trong vùng nước sâu tốn kém. Giai đoạn bùng nổ dầu mỏ mang lại cho chính phủ những đòn bẩy mới, rất có giá trị; lẽ ra họ đã có thể đàm phán lại các hợp đồng này nhằm thu được lợi nhuận cao hơn. Hơn thế nữa, Alison-Madueke đã để phần quan trọng của bộ luật về lĩnh vực dầu khí nằm trong Quốc hội trong suốt nhiều năm liền, gây ra tình trạng không chắc chắn đối với các nhà đầu tư vào lúc mà nếu bộ luật này được thông qua thì họ sẽ đổ tiền vào những hoạt động mới trong lĩnh vực dầu khí.

Cùng với việc cản trở cải cách, Alison-Madueke còn phớt lờ những hoạt động thường ngày của lĩnh vực này. Trong suốt 20 tháng liên tiếp, giai đoạn 2012-2014, bà đã không triệu tập được các cuộc họp chính thức của Hội đồng quản trị NNPC, mặc dù luật pháp quy định hội đồng quản trị phải họp 4 lần trong một năm¹⁰. Phong cách quản lý của bà là sự kết hợp đầy xáo trộn giữa quản lý vi mô và thái độ lơ là, tắc trách: “mặc dù Bộ trưởng muốn đọc tất cả các bản ghi nhớ, nhưng bà ấy lại không bao giờ ở đây để đọc”, một quan chức NNPC căn nhắc¹¹. Các giám đốc điều hành công ty phàn nàn rằng họ phải vất vả lắm mới sắp xếp được cuộc gặp với bà, hệ quả là, các quyết định đầu tư lớn thường bị

ảnh hưởng về mặt thời gian. Exxon, Shell và Chevron phải đợi nhiều năm mới gia hạn được hợp đồng thuê khu vực khai thác, khiến việc bảo dưỡng và cải tiến hoạt động bị chậm trễ trong thời gian dài. Có báo cáo nói rằng, một công ty dầu khí hàng đầu ở Nigêria đã phải chờ hơn 18 tháng mới được Bộ trưởng ký thỏa thuận cơ sở để mua thiết bị¹².

Việc đẩy cả cải cách và quản lý ra phía sau tạo điều kiện cho Alison-Madueke tập trung vào những vấn đề bà quan tâm nhất. Alison-Madueke chủ yếu làm việc trong ngôi biệt thự tọa lạc trong khu vực thượng lưu của thủ đô, xung quanh là đội ngũ nhân viên an ninh và trợ lý riêng, bà tập trung khai thác giai đoạn bùng nổ dầu mỏ, tiến hành các giao dịch nhằm phục vụ nhu cầu chính trị của chính phủ và làm giàu cho mình và một nhóm nhỏ những người thân cận.

Vị Bộ trưởng và 20 tỷ USD không cánh mà bay

Cuối cùng, Lamido Sanusi không thể chịu đựng hơn được nữa. Sau nhiều tháng thấy mức doanh thu từ dầu khí được đưa vào kho bạc nhà nước thấp đến đáng ngờ, vị Thống đốc Ngân hàng Trung ương Nigêria được nhiều người kính trọng đã lên tiếng cảnh báo. Cuối năm 2013, ông viết một bức thư cho Tổng thống và đệ trình một tuyên bố lên Thượng viện Nigêria, cáo buộc rằng 20 tỷ USD đã “không cánh mà bay” khỏi NNPC. Theo tuyên bố này, khi NNPC thay mặt chính phủ bán dầu, họ đã giữ phần lớn số tiền thu được chứ không nộp vào kho bạc nhà nước. Theo ước tính của ông, những lời giải thích cho khoản thuế khấu trừ tại nguồn là chưa đủ.

Sau tuyên bố của Sanusi, một loạt tài liệu khác đã xuất hiện, chứng tỏ rằng những điều ông nói là hoàn toàn chính xác.

NNPC là tổ chức yếu, với những hệ thống kém chất lượng và không có động cơ làm cho nó trở nên thích đáng về mặt tài chính - một con bò lý tưởng để cho nhiều người lao vào vắt sữa. Alison-Madueke và các đồng nghiệp của mình đã lợi dụng kịch bản này. Từ năm 2011 đến 2013, trong khi NNPC thu về số tiền kỷ lục, thì doanh thu từ ngành dầu khí mà tập đoàn này thực sự chuyển vào kho bạc nhà nước *giảm* 10 tỷ USD¹³.

Những cáo buộc của Sanusi đã trở thành tiêu đề báo chí ở trong và ngoài nước, gây ra một số phản ứng. Tổng thống Jonathan ngay lập tức sa thải Sanusi. Sau đó, nhiều cơ quan khác nhau của chính phủ ra lệnh điều tra và phủ nhận, phản bác lại những cáo buộc. Những sự kiện này tạo ra một loạt số liệu mâu thuẫn đến mức chóng mặt, khi NNPC, Bộ Tài chính và các cơ quan khác ra sức giải thích tình hình. Văn phòng Tổng Kiểm toán đã ủy quyền cho công ty kế toán PriceWaterhouseCooper điều tra, công ty này xác nhận nhiều nghi ngờ của Sanusi và ghi nhận rằng NNPC không muốn công khai sổ sách của mình. Báo cáo kết luận rằng, NNPC hiện đang hoạt động với “séc ‘ký khống’, có thể tiêu tiền không giới hạn hoặc kiểm soát” và “đây là sự việc vô lý, thiếu chặt chẽ và phải được giải quyết ngay lập tức”¹⁴.

Bất chấp tất cả những lời buộc tội và bằng chứng rõ ràng như thế, Alison-Madueke vẫn giữ được chức vụ của mình, và tình trạng tham nhũng ngày càng gia tăng. Cuối cùng, cuộc bầu cử năm 2015 cũng đang đến rất gần.

Tương tự như nhiều nhà môi giới quyền lực được mô tả trong cuốn sách này, chiến lược yêu thích của Alison-Madueke là trao các hợp đồng có lợi nhuận lớn cho các công ty do những người trung thành với bà lãnh đạo. Aiteo Energy Resources là một trong những công ty dầu khí được Alison ưa thích. Dưới thời của bà,

Aiteo đã nhận được rất nhiều cơ hội kinh doanh béo bở, trong đó có hợp đồng “đổi” dầu vào năm 2011. Thỏa thuận này quy định rằng, công ty sẽ được chính phủ giao khoảng 30.000 thùng dầu mỗi ngày và công ty sẽ trả lại xăng, dầu diesel và các sản phẩm dầu mỏ tinh chế khác với giá trị tương đương. Hợp đồng kéo dài 4 năm, kết quả là Aiteo đã chuyển đi khối lượng dầu trị giá 4,7 tỷ USD. Sự lộn xộn trong NNPC, đặc biệt là các nhà máy lọc dầu thường xuyên hoạt động không hiệu quả khiến người ta phải sử dụng biện pháp tạm thời này.

Không phải đương nhiên mà người ta ký hợp đồng với Aiteo. Trước năm 2011, công ty này chưa bao giờ xuất khẩu dầu thô, mặc dù họ có một số kinh nghiệm trong nhập khẩu nhiên liệu¹⁵. Bán lượng dầu thô trị giá khoảng 1 tỷ USD/năm là nhiệm vụ bất ngờ đối với họ. Muốn giải quyết thách thức này, họ phải thuê ngoài giao dịch cho những công ty kinh doanh dầu có kinh nghiệm hơn, chủ yếu là Shell và công ty kinh doanh dầu Vitol của Thụy Sĩ, sau đó thu về số tiền bán được¹⁶. Năm 2015, Alison-Madueke thưởng cho Aiteo thị phần thậm chí còn lớn hơn trong thị trường dầu khí Nigêria. Để đẩy những công ty được ưu ái khác ra ngoài, Aiteo ký hai thỏa thuận hoán đổi mới với NNPC với 120.000 thùng mỗi ngày, chiếm hơn 10% tổng sản lượng dầu thô cả nước.

Tôi và các đồng nghiệp ở Viện Quản trị tài nguyên thiên nhiên, một nhóm phi lợi nhuận độc lập, đã phân tích các hợp đồng hoán đổi, nhằm tìm hiểu cách thức hoạt động của bộ máy được Alison-Madueke bảo trợ. Chúng tôi có được một số hợp đồng, do nhiều đầu mối ở Nigêria cung cấp. Chúng tôi cũng viết thư cho NNPC, Aiteo và một số công ty khác để hỏi về những thỏa thuận này. Nhiều người nghi ngờ nghiên cứu của chúng tôi.

Trong môi trường kinh doanh dầu khí đầy xung đột và cạnh tranh ở Nigêria, hầu hết các công ty đều cho rằng chúng tôi đang làm việc cho một trong những đối thủ của họ - suy cho cùng, tại sao người ta lại đầu tư thời gian và tiền bạc để tìm hiểu chi tiết về những giao dịch đầy phức tạp này nếu nó không mang lại cho họ hàng triệu đôla Mỹ?

Những người khác tìm cách sử dụng công trình nghiên cứu của chúng tôi nhằm phá hoại danh tiếng của đối thủ cạnh tranh. Một buổi sáng, tôi tới văn phòng và thấy một bưu kiện không đề tên người gửi từ London. Bên trong là bản sao của hai hợp đồng “đổi” dầu mà chúng tôi đã xem. Người gửi bí ẩn đã đánh dấu để giúp chúng tôi nhìn thấy những điều khoản được lựa chọn trong mỗi hợp đồng, rồi còn thêm một mũi tên để chắc chắn rằng chúng tôi không bỏ lỡ sự kiện là Aiteo đã nhận được hợp đồng có lợi hơn hẳn so với các công ty khác trong ngành.

Chúng tôi phát hiện được tình trạng thiếu cân đối. Phân tích của chúng tôi cho thấy, thỏa thuận đổi dầu năm 2015 của Aiteo có các điều khoản rất có lợi cho công ty này. Cụ thể, các khoản tương đương được sử dụng trong hợp đồng tạo điều kiện cho Aiteo nhập khẩu nhiên liệu có giá trị thấp hơn giá trị dầu thô mà họ nhận của nhà nước¹⁷. Nhờ những điều khoản hợp đồng này, Aiteo đã thu được hàng trăm triệu đôla Mỹ lợi nhuận mà đáng lẽ chính phủ phải thu, và dù làm như vậy nhưng họ lại không thực sự vi phạm bất kỳ điều luật nào. Tệ hơn nữa là, trong những tháng trước cuộc bầu cử năm 2015, Aiteo đã nhận dầu thô của chính phủ, rồi sau đó không hoàn trả số nhiên liệu tương ứng, trong khi thường xuyên nợ chính phủ hàng tỷ đôla Mỹ giá trị sản phẩm tinh chế¹⁸. Vài tháng sau đó, công ty này mới điều chỉnh lại một số hiện tượng mất cân đối kể trên.

Cứ như thế những hợp đồng giao dịch này còn chưa đủ, bà Bộ trưởng còn giúp Aiteo tiếp nhận một trong những lô dầu có lời nhất ở Nigieria. Một mối với các cuộc tấn công triền miên của dân quân và bất đồng với cộng đồng địa phương về những tác hại đối với môi trường, Shell quyết định bán một số lô dầu trên đất liền và đường ống dẫn dầu ở Nigieria. Theo các cuộc phỏng vấn những người tham gia và các chuyên gia trong ngành, bà Bộ trưởng đã cân nhắc kỹ lưỡng việc Shell nên bán cho công ty nào. Năm 2014, Aiteo được chọn là người mua chính lô dầu giá trị nhất mà Shell đề nghị bán, ước tính chứa khoảng 6% tổng trữ lượng dầu của Nigieria, cùng một đường ống dẫn dầu quan trọng. Aiteo đã vươn lên dẫn đầu, mặc dù họ có kinh nghiệm rất hạn chế về lĩnh vực liên quan¹⁹. Sau những thương vụ này, Benedict Peters, CEO của Aiteo, đã lọt vào danh sách những người giàu nhất châu Phi vào năm 2014 với khối tài sản trị giá 2,7 tỷ USD²⁰.

Một số cuộc điều tra cung cấp cho chúng ta hiểu biết sơ lược về những biện pháp mà Alison-Madueke có thể đã sử dụng nhằm thu lợi từ tài sản của Aiteo, mặc dù khi cuốn sách này được xuất bản, những cuộc điều tra này vẫn còn là đề tài gây nhiều tranh cãi và bất đồng về mặt pháp lý. Năm 2019, các tòa án ở Nigieria đã kết tội nhiều cựu quan chức bầu cử về tội nhận hối lộ trong giai đoạn chuẩn bị cho cuộc bầu cử năm 2015²¹. Ủy ban Tội phạm kinh tế và tài chính của Nigieria cáo buộc rằng các khoản hối lộ là “một phần trong 115 triệu USD do vị cựu Bộ trưởng Dầu mỏ Diezani Alison-Madueke ban phát nhằm tạo ảnh hưởng tới kết quả cuộc bầu cử”²². Quay trở lại năm 2016, khi thông tin về vụ hối lộ đang bị cáo buộc bắt đầu xuất hiện, Ủy ban này thông báo rằng 3 công ty dầu khí đã gửi 115 triệu USD vào

một tài khoản ngân hàng do bà Bộ trưởng này kiểm soát và nói rằng Peters là người đứng sau một trong những công ty đó. Ủy ban Tội phạm kinh tế và tài chính tuyên bố Peters là người bị truy nã trên cơ sở nghi ngờ ông ta đã nộp 60 triệu USD vào tài khoản này²³. Vào thời điểm đó, các nhà chức trách Nigieria phàn nàn rằng “tất cả nỗ lực truy bắt [Peters] đều bị thất bại. Hiện chúng tôi không biết ông ta đang ở đâu và ông ta hầu như không ở một chỗ cố định vì ông ta có máy bay riêng”²⁴. Từ đó đến nay, Peters vẫn chưa phải ra hầu tòa. Năm 2018, sau khi Peters khiếu nại, một thẩm phán Nigieria đã ra lệnh cho Ủy ban này xóa tên ông ta ra khỏi danh sách những người bị truy nã, vì chưa có bất kỳ thủ tục pháp lý nào được khởi động nhằm chống lại ông ta²⁵.

Peters bị nghi là đã cung cấp lối sống sung túc cũng như các chương trình nghị sự chính trị của bà Bộ trưởng. Năm 2017, Bộ Tư pháp Hoa Kỳ cáo buộc người mua ngôi nhà sang trọng ở London trị giá hơn 3 triệu USD cho Alison-Madueke thông qua một công ty bình phong có trụ sở tại Xâysen mà Peters kiểm soát là “đồng phạm số 2”²⁶. Theo cáo trạng, chỉ trong vòng hai ngày, người chủ mưu thân thiện cũng đã mua 100.000 USD tiền nội thất cho ngôi nhà này²⁷. Nhiều người tin rằng Benny Peters là “đồng phạm số 2”²⁸. Một năm trước đó, chính quyền Anh đã tiến hành đóng băng chính ngôi nhà này ở London, theo Luật về tài sản liên quan đến tội phạm của Vương quốc Anh (UK Proceeds of Crime Act) và đưa cả tên Alison-Madueke cũng như Peters vào trát của tòa án²⁹. Tuy nhiên, khi Peters khởi động cuộc chiến chống lại các cáo buộc khác nhau, ông ta đã nhận được phán quyết từ một tòa án Nigieria nói rằng, ngôi nhà ở London không liên quan đến bà Bộ trưởng và do đó có thể không bị chính quyền Nigieria phong tỏa³⁰.

Peters phủ nhận mọi hành vi sai trái và không hề bị buộc tội. Một thông cáo báo chí năm 2017 của Aiteo trích dẫn lời ông ta như sau: “Tôi khẳng định quan điểm của mình là tất cả các cáo buộc đều vô căn cứ và không có bất kỳ sự thật nào... Những cuộc thanh trừng có động cơ chính trị là thứ văn hóa độc hại, bôi nhọ danh tiếng, bóp nghẹt doanh nghiệp và khiến các nhà đầu tư nước ngoài tránh xa đất nước chúng ta. Trong hai năm qua, tôi đã phải chịu đựng những cáo buộc đầy ác ý, vô căn cứ và sai trái, treo lơ lửng ở trên đầu”³¹.

Cùng với Aiteo, Atlantic Energy cũng là công ty thu được nhiều lợi nhuận trong nhiệm kỳ của bà Bộ trưởng này. Nhiều mỏ dầu năng suất nhất của Nigieria nằm trong tay các liên doanh giữa một số công ty và NNPC. Trong nhiều thập niên, NNPC không đóng vai trò trong hoạt động khai thác hoặc sản xuất vì không có đủ cả tài chính lẫn năng lực để vận hành các mỏ dầu. Năm 2011, Alison-Madueke quyết định thay đổi cách làm này. Bà đã kêu gọi Công ty Phát triển dầu khí Nigieria (NPDC), một công ty con bí mật của NNPC, tiếp quản hoạt động của một số mỏ dầu lớn³².

Tuy nhiên, NPDC vẫn không có tiền hoặc kỹ năng cần thiết để tự mình khai thác dầu. Năm 2011 và 2012, để giải quyết thế tiến thoái lưỡng nan được sắp đặt một cách cẩn thận này, Alison-Madueke sắp xếp để NPDC tham gia một số “thỏa thuận liên minh chiến lược” với Atlantic Energy³³. Theo các thỏa thuận này, Atlantic sẽ trả phần chi phí hoạt động của chính phủ cho tổng cộng 8 khối dầu và cung cấp một số “dịch vụ kỹ thuật” liên quan. Để trả công cho những dịch vụ này - phần lớn vẫn chưa xác định được là công việc gì - Atlantic sẽ nhận phần đầu thô và khí đốt được khai thác từ các lô đó. Atlantic là một công ty hoàn toàn mới, được thành lập chưa đầy một năm trước khi ký thỏa thuận liên

minh chiến lược đầu tiên và không có kiến thức chuyên môn cần thiết để thực hiện các nghĩa vụ của mình trong các thỏa thuận lớn và phức tạp như thế³⁴.

Và vì vậy, họ không thể thực hiện được những nghĩa vụ theo thỏa thuận. Từ năm 2011 đến 2015, chi phí của NPDC trong 8 lô đầu là 3 tỷ USD và lẽ ra Atlantic phải thanh toán số tiền này. Thay vào đó, như đã giải thích trong các cáo buộc của Bộ Tư pháp Hoa Kỳ, công ty này bị cho là mới chỉ trả khoảng 10% tổng số tiền vừa nêu và do đó, đã không trả cho chính phủ nhiều khoản phí theo quy định của hợp đồng³⁵. Mặc dù có những khoản nợ như thế, Atlantic vẫn thu được khá nhiều dầu thô, coi đó là những khoản thanh toán cho các dịch vụ mà họ đã làm theo hợp đồng. Cũng trong 4 năm này, Atlantic còn nhận được dầu thô và khí đốt từ các lô đầu trị giá 1,5 tỷ USD³⁶. Nói một cách đơn giản, Atlantic được cho là đã nhận các khoản thanh toán cho những dịch vụ mà họ không hề cung cấp.

Theo hồ sơ của tòa án Hoa Kỳ và Nigieria, thỏa thuận đã được thực hiện theo đúng kế hoạch³⁷. Bộ Tư pháp Hoa Kỳ khẳng định rằng cả hai ông chủ của Atlantic đều không “có ý định thực hiện nghĩa vụ của mình hoặc công ty của mình như Brass SAA [tên gọi của một trong hai thỏa thuận] quy định, nhưng, với sự giúp đỡ của Alison-Madueke, lại thuyết phục NPDC tham gia thỏa thuận với mục đích giả dối và lừa đảo là họ có ý định và sẽ thực hiện nghĩa vụ của mình”³⁸. Theo cáo buộc, đó là vụ lừa đảo nhằm chuyển tiền từ khu vực dầu khí đang bùng nổ vào túi những người được lựa chọn.

Năm 2017, Bộ Tư pháp Hoa Kỳ bắt đầu thu giữ những tài sản mà họ cho rằng được mua bằng tiền từ âm mưu này³⁹. Một trong những giám đốc điều hành hàng đầu của Atlantic, Kola Aluko,

một người giàu sang, thường đi lại bằng máy bay phản lực, mặc những bộ quần áo lõe loét, thường xuyên chụp hình với những người như Naomi Campbell và Jamie Foxx, là một trong những đối tượng chính của cuộc điều tra này. Theo cáo buộc của Bộ Tư pháp Hoa Kỳ, ông này đã chuyển tiền ra khỏi Nigieria và chuyển vòng quanh thế giới thông qua mạng lưới phức tạp gồm các công ty và tài khoản ở nước ngoài. Ông ta đã mua những tài sản lớn ở Hoa Kỳ, như một căn penthouse ở Manhattan trị giá 50 triệu USD, mấy ngôi nhà ở Montecito, California và một du thuyền khổng lồ⁴⁰.

Theo các báo cáo của Bộ Tư pháp Hoa Kỳ, Aluko và đối tác kinh doanh của ông ta cũng đã chi rất nhiều tiền cho Alison-Madueke. Như đã nói ở phần đầu của chương này, họ bị nghi là đã mua và cải tạo một số ngôi nhà ở London cho bà ta và đưa vào đó hai máy tập thể dục mua ở cửa hàng Harrods, trị giá 14.000 USD, cho đủ bộ. Họ đã thanh toán hóa đơn trị giá 500.000 USD cho một công ty phụ trách đưa đón bà Bộ trưởng và gia đình bà ta khi họ ở London, đồng thời mua xe cho cả bà Bộ trưởng lẫn các quan chức của đảng cầm quyền. Dấu vết để lại tương đối rõ ràng là, hai người này đã thanh toán một số chi phí bằng thẻ tín dụng cá nhân của mình và gửi email trực tiếp cho bà Bộ trưởng về các bản vẽ kiến trúc mới nhất để cải tạo ngôi nhà và những vấn đề khác khá xa lạ với ngành dầu khí⁴¹.

Trong khi Aluko lãnh đạo doanh nghiệp dầu khí trị giá hàng tỷ đôla Mỹ, việc mua sắm đồ nội thất có thể hủy hoại thanh danh của ông ta. Trong cuộc điều tra ở Hoa Kỳ, các đặc vụ FBI đã hỏi một số nhân viên của hai cửa hàng nội thất ở Houston mà Alison-Madueke đã ghé thăm khi bà tới đây dự những cuộc họp khác nhau của ngành dầu khí. Các nhân viên này chứng thực rằng

bà Bộ trưởng đã xem qua các sản phẩm cao cấp của họ, nhưng chưa bao giờ thực sự mua bất kỳ sản phẩm nào. Thay vào đó, Aluko và đối tác kinh doanh của ông ta đã thanh toán hóa đơn hơn 1 triệu USD để mua đồ nội thất, trong đó có những thứ như “bàn Luigi XVI” với giá 10.000 USD. Một nhân viên cửa hàng nội thất thậm chí còn lưu số điện thoại của Aluko với tên “Kola Aluko Madame D”. Chính quyền Nigieria sau đó đã cung cấp cho các nhà điều tra Hoa Kỳ bằng chứng chứng minh những món đồ mà các ông chủ của Atlantic mua đã được chuyển đến ngôi nhà của bà Bộ trưởng ở Abuja⁴².

Vụ điều tra ở Hoa Kỳ xoay quanh thời gian mua hàng. Quan trọng nhất là, thời điểm mua bán này xảy ra ngay trong giai đoạn bà Bộ trưởng và Atlantic đàm phán về các Thỏa thuận liên minh chiến lược. Do đó, các nhà chức trách Hoa Kỳ có thể lập luận rằng Aluko và các đối tác của ông ta đã âm mưu dùng quà cáp nhằm tạo ảnh hưởng bất hợp pháp để được tham gia thỏa thuận liên minh. Theo Bộ Tư pháp Hoa Kỳ, những người này đã thực hiện một “mục đích xấu xa là thuyết phục bà ấy sử dụng quyền lực của mình trong Bộ Dầu mỏ, NNPC và NPDC để những cơ quan này trao cơ hội kinh doanh cho những tổ chức nằm dưới quyền kiểm soát của họ và quyền sở hữu mang lại lợi ích cho họ”⁴³. Rất khó có thể hợp pháp hóa hành vi hối lộ, nếu không có những vụ dàn xếp trực tiếp, theo kiểu có đi có lại như thế này.

Chính quyền Hoa Kỳ cũng đã phục hồi được một số cuộc trò chuyện được ghi âm giữa Alison-Madueke với Aluko vào năm 2014⁴⁴. Những cuộc nói chuyện này cho thấy thái độ bức bối của bà Bộ trưởng với cách quản lý tài sản của Aluko. “Ông và Jide [một ông chủ khác của Atlantic] đã được chúng tôi giúp đỡ hết sức mình”, bà Bộ trưởng nhắc nhở Aluko. “Vào thời điểm chúng tôi

không làm bất cứ việc gì khác, chúng tôi đã liều mình làm những việc liên quan đến SAA [thỏa thuận liên minh chiến lược] và chúng tôi đã ủng hộ nó. [Âm thanh không thể nghe được]. Cách hai người đã phá hỏng nó khiến tất cả chúng tôi hết sức hoài nghi và không thể tin nổi”.

Bà Bộ trưởng nói với người bạn chí cốt của mình về khoản tiêu xài phung phí của ông ta như sau:

Tôi đã nói với ông rất nhiều lần về các hành xử của ông, về việc mua tài sản, v.v., rằng phải cẩn thận hơn một chút vì [không nghe được] sẽ bắt đầu theo dõi ông. Tôi nhớ chúng ta đã thảo luận cởi mở như thế này hơn một lần rồi. Ông tiếp tục nói với tôi rằng không có vấn đề gì, vì ông đã làm một cách thận trọng, ở những nơi bảo đảm an toàn - còn tôi tiếp tục nói với ông rằng làm như thế nào không quan trọng. Một khi ông bắt đầu mua bán, chi tiêu, vung tay ở mức độ nào đó, thì dù có muốn hay không, dù được làm một cách minh bạch nhất thì vẫn sẽ khiến người ta muốn truy tìm xem nó từ đâu tới - ông có hiểu không?

Bà ấy tiếp tục cảnh báo, tập trung vào *Galactica Star*: “Nếu ông muốn thuê một chiếc du thuyền, hãy thuê nó trong vòng hai tuần hoặc gì nữa thì tùy. Lúc này, ông không nên đổ tiền vào đó, khi ngành dầu khí của Nigieria đang bị mọi người theo dõi, như chúng ta đã từng phải chịu trong một thời gian và chính Atlantic đã trở thành chủ đề của tất cả các những lời đồn thổi”⁴⁵.

Trong khi Alison-Madueke trách mắng Aluko vì thói tiêu xài phô trương của ông ta, thì không rõ liệu bà ta có tự khuyên nhủ chính mình hay không. Ủy ban Tội phạm tài chính và kinh tế Nigieria đã đột kích vào dinh thự chính của Alison ở Abuja

sau khi bà rời nhiệm sở và đã tìm được những hộp trang sức bằng vàng, bạc và kim cương cùng với tiền mặt và đồ nội thất đắt tiền, trong đó có cả những món đồ được mua từ Texas⁴⁶. Bộ sưu tập các phụ kiện trị giá 40 triệu USD của bà đủ để đeo tay cho cả một đội quân, với 419 chiếc “vòng đeo tay đắt tiền” và 189 “đồng hồ đeo tay”, cùng một chiếc iPhone mạ vàng được làm theo yêu cầu riêng⁴⁷. Một tòa án Nigieria đã ra lệnh tịch thu 56 ngôi nhà bề thế do bà mua trong thời gian tại chức “bằng số tiền bị nghi là phạm pháp mà có”⁴⁸. Cả Aluko và Jide Omokore - đối tác kinh doanh của Aluko ở Atlantic Energy - đều phủ nhận những cáo buộc về hành vi sai trái của mình, tương tự như Alison-Madueke đã làm⁴⁹. Không ai trong số họ bị cho là đã phạm tội.

Trong khi Aiteo, Atlantic và các ông chủ của hai công ty này nằm trong số những thành viên nổi bật nhất trong mạng lưới của Alison-Madueke, thì giai đoạn bùng nổ trong lĩnh vực dầu mỏ cũng mang lại lợi ích cho nhiều người khác. Một âm mưu trước đó có liên quan đến các hợp đồng nhập khẩu nhiên liệu. Ở Nigieria, tham nhũng trong lĩnh vực nhập khẩu nhiên liệu là hiện tượng đã tồn tại từ lâu, phản ánh tình trạng dễ xảy ra tham nhũng trong kinh doanh dầu khí. Dưới thời Alison-Madueke, vấn nạn này đạt đỉnh cao không thể tưởng tượng được. Ở Nigieria, xăng và dầu hỏa được nhà nước trợ giá, nghĩa là các mặt hàng này được bán với giá thấp hơn giá trên thị trường quốc tế. Vì các nhà máy lọc dầu của chính phủ thường xuyên hỏng hóc, Nigieria phải nhập khẩu nhiên liệu thì mới đáp ứng được nhu cầu trong nước. Do được trợ cấp, Chính phủ Nigieria và NNPC bồi hoàn cho các công ty nhập khẩu nhiên liệu phần chênh lệch giữa giá thị trường quốc tế và giá trong nước - một khoản chi phí quá lớn ngay cả khi hệ thống vận hành bình thường.

Từ năm 2009 đến 2011, Nigieria đã trợ cấp cho số nhiên liệu được nhập khẩu là 59 triệu lít/ngày. Nhưng đất nước này chỉ tiêu thụ 35 triệu lít/ngày. Nói cách khác, chính phủ đang trả cho các công ty số nhiên liệu mà họ không bao giờ giao. Âm mưu này đạt đỉnh điểm vào năm 2011, khi Nigieria chi 16,5 tỷ USD cho khoản trợ cấp nhiên liệu, con số này tương đương hơn một nửa ngân sách liên bang trong năm đó. Năm 2008 có 19 công ty nhập khẩu nhiên liệu thì năm 2011, con số này đã tăng lên thành 140 công ty, cho thấy có bao nhiêu bàn tay đã thò vào cái ngăn kéo đựng tiền mở ngỏ này. Hãng thông tấn *Reuters* viết: “Nhiều công ty chỉ thành lập trên danh nghĩa và thu tiền trợ cấp cho số nhiên liệu chưa từng tồn tại”⁵⁰. Khi cơn điên cuồng này chấm dứt, ước tính có khoảng 6,8 tỷ USD công quỹ đã bị những cá nhân có quan hệ với những người có thế lực trong lĩnh vực chính trị biến thủ⁵¹.

Đầu năm 2012, sau cuộc bầu cử năm 2011 và liên quan đến sự kiện này là nhu cầu phân bổ tiền mặt, chính phủ hủy bỏ trợ giá nhiên liệu mà không thông báo trước, xóa sổ cái mà nhiều người Nigieria coi là một trong số ít lợi ích mà họ nhận được từ tiền của do ngành dầu khí của đất nước mang lại. Người dân xuống đường biểu tình. Bên cạnh những lời kêu gọi giảm giá xăng dầu, phong trào “Chiếm Nigieria” nổ ra và hướng sự giận dữ của họ vào nạn tham nhũng trong việc trợ giá nhiên liệu. Để xoa dịu, chính phủ phục hồi trợ giá. Chính phủ cũng tiến hành điều tra vấn nạn tham nhũng trong trợ giá nhiên liệu và tiến hành một số vụ án theo kiểu nửa vời nhằm chống lại các công ty đã nhận các khoản thanh toán bất hợp pháp. Nhưng rất ít người bị trừng phạt và nhiều công ty vi phạm lại tiếp tục làm ăn với chính quyền Jonathan. Không có quan chức chính phủ nào bị

sa thái. Alison-Madueke vẫn giữ vững địa vị và chuyển các thủ đoạn của mình sang một loạt những giao dịch khác mà chưa được khảo sát kỹ lưỡng.

Những ví dụ kể trên - Aiteo nhận được hợp đồng mua bán dầu với những điều khoản không cân xứng, Atlantic thu gom dầu mà không cung cấp dịch vụ và các nhà nhập khẩu nhiên liệu nhận tiền trợ cấp cho những sản phẩm mà họ không bao giờ giao - đều là các giao dịch mà những công ty này thực hiện trong nhiệm kỳ của Alison-Madueke và mang về cho họ khoản lợi nhuận vô cùng lớn. Hoạt động bất bình thường của NNPC tạo cơ hội để người ta ký kết những hợp đồng tạm thời kiểu đó. Vì các nhà máy lọc dầu của NNPC hầu như không hoạt động, họ phải nhập khẩu một lượng lớn nhiên liệu. Vì thiếu năng lực, họ phải thuê bên thứ ba thực hiện công việc thay cho họ. Do thiếu tính độc lập và không có bộ máy quản trị công ty mạnh mẽ, NNPC có thể dễ dàng bị bà Bộ trưởng thao túng và buộc phải phục tùng chính trị. Hơn nữa, luật pháp Nigieria cho phép Bộ trưởng Dầu mỏ có quyền tự ý quyết định khi lựa chọn các công ty để ký hợp đồng.

Sau khi giai đoạn bùng nổ trong lĩnh vực dầu mỏ kết thúc, các cuộc điều tra cũng cho chúng ta thấy những thủ đoạn khác. Một trong những cuộc điều tra lớn nhất đã đi chệch khỏi các xu hướng được nhắc tới là làm giàu cho các công ty địa phương, bòn rút tiền từ những vụ mua bán dầu và lợi dụng hoạt động bất bình thường của NNPC. Thay vào đó, một số công ty dầu khí lớn nhất thế giới sẽ đóng vai chính trong vở kịch, khi cuốn sách này được xuất bản, vở kịch này vẫn đang được diễn tại các tòa án Italia. Năm 2011, Shell và Eni đã trả cho Chính phủ Nigieria 1,3 tỷ USD để có được quyền khai thác một lô dầu rất lớn. Nhưng chẳng bao lâu sau, 1,1 tỷ USD trong số tiền này đã không còn thuộc quyền sở hữu

của chính phủ, mà rơi vào tay tư nhân. Phần lớn số tiền này được trả cho người từng sở hữu lô dầu này - vị Bộ trưởng Dầu mỏ từ những năm 1990, khi còn đương nhiệm, đã trao lô dầu này cho công ty của chính ông ta. Theo hồ sơ tòa án do các công tố viên Italia lập và hồ sơ của Chính phủ Nigêria, thêm 500 triệu USD nữa được chia cho các chính trị gia quan trọng khác, các quan chức chính phủ đương nhiệm, trong đó có Jonathan và Alison-Madueke, cũng như nhân viên công ty dầu khí⁵². Hai công ty, giám đốc điều hành của họ và các cựu quan chức Nigêria được nêu đích danh đã phủ nhận hành vi sai trái của mình (xem giải thích của tôi về vụ án lớn này tại Chương 2, trong đó bàn luận sâu hơn về các vai trò bị cáo buộc của Shell và Eni).

Dưới thời Jonathan và Alison-Madueke, tình trạng ăn cắp dầu thô, được dân địa phương gọi là “bunkering”, cũng vuron lên một tầm cao mới. Một số vụ trộm cắp ở quy mô nhỏ - một số người ở khu vực Đồng bằng sông Niger cắt đường ống dẫn dầu đi qua vùng quê của họ, hút dầu thô và sử dụng làm nhiên liệu thay thế. Lượng dầu lớn hơn hẳn đã bị thất thoát do các hoạt động xuyên biên giới phức tạp được điều hành bởi những mạng lưới có mối liên hệ với cấp cao nhất trong chính phủ và quân đội. Tương tự như những kẻ rửa tiền, những kẻ ăn cắp dầu cũng tìm được nhiều biện pháp khéo léo để đưa dầu họ đánh cắp được ra thị trường. Một số người lấp vòi vào các đường ống dẫn dầu, rồi chuyển dầu lên những con tàu nhỏ, sau đó chuyển dầu thô lấy cắp được lên những con tàu chở dầu lớn hơn ở ngoài khơi. Một số người khác loay hoay xử lý số liệu đo lường và thủ tục giấy tờ liên quan tới xuất khẩu dầu thô, đưa nhiều dầu thô lên tàu hơn số lượng họ báo cáo hoặc không đưa dầu tới điểm đến theo quy định. Khi dầu được bán với giá 80 USD hoặc 100 USD/thùng,

những người đánh cắp dầu có thể trang trải chi phí cho việc làm của mình, trả lương cho các quan chức có liên quan, bán dầu với mức giá thấp mà vẫn kiếm được khoản lợi nhuận kék xù. Dưới thời Alison-Madueke, có lúc người ta đã ăn cắp tới 100.000 thùng mỗi ngày, trị giá tới 3,6 tỷ USD một năm⁵³.

Những cuộc điều tra về việc các công ty nước ngoài hối lộ quan chức Nigieria cho chúng ta thêm lời cảnh báo. Từ năm 2009 đến 2013, Rolls-Royce, công ty kỹ thuật lớn của Anh, đã thuê một công ty địa phương của Nigieria, sau đó công ty này trả tiền cho các quan chức NNPC. Theo thỏa thuận, Rolls-Royce được nhận thông tin bí mật về nhiều cuộc đấu thầu mà công ty này muốn thắng thầu, làm quen với các lãnh đạo cấp cao của NNPC và nhiều lợi thế khác. Âm mưu này đã được nêu chi tiết trong thỏa thuận giữa Rolls-Royce và Chính phủ Anh nhằm giải quyết các cáo buộc không ngăn chặn nạn hối lộ ở Nigieria và một số nước khác⁵⁴. Trong một vụ khác, Chính phủ Thụy Sĩ điều tra Addax, một công ty có trụ sở ở Thụy Sĩ do Sinopec (Trung Quốc) nắm toàn quyền sở hữu, vì đã có những khoản thanh toán đáng ngờ vào năm 2015 - trả cho các luật sư và một công ty xây dựng Nigieria hơn 100 triệu USD⁵⁵. Năm 2017, Addax nộp phạt 29 triệu franc Thụy Sĩ để giải quyết cáo buộc hối lộ do Chính phủ Thụy Sĩ đưa ra⁵⁶. Nhưng công ty không thừa nhận bất kỳ hành vi sai trái nào.

Thông qua các hình thức này, trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ, các quan chức chính phủ và những doanh nhân thân cận với họ đã cướp được hàng tỷ đôla Mỹ doanh thu từ dầu mỏ mà lẽ ra phải được đưa vào kho bạc của chính phủ. Nhưng cái giá phải trả không chỉ dừng lại ở đó. Đáng lẽ chính quyền Jonathan có thể sử dụng giai đoạn bùng nổ dầu mỏ để củng cố nền kinh tế Nigieria.

Nếu làm khác đi, chính phủ hẳn đã tiết kiệm được một khoản thu nhập cao kỷ lục nhằm chuẩn bị cho giai đoạn giá dầu sụt giảm. Đáng lẽ họ phải dành một phần thu nhập để xây dựng đường sá, trợ cấp cho việc xây dựng các nhà máy điện, củng cố hệ thống giáo dục thiếu hiệu quả, đồng thời giải quyết những hạn chế kìm hãm lĩnh vực kinh tế phi dầu khí.

Đáng tiếc rằng họ đã không làm như vậy, ước muốn duy trì quyền lực đã chiếm hết tâm trí của Jonathan, Alison-Madueke và các cộng sự của họ. Trong môi trường chính trị mang tính cạnh tranh cao, được thúc đẩy bằng tiền bạc của Nigêria, phải chi rất nhiều tiền thì mới mong giành được chiến thắng. Những người quản lý cấp trung trong các ủy ban bầu cử đã thu được hàng triệu đôla Mỹ tiền hối lộ. Hãy thử tưởng tượng những người môi giới quyền lực đòi bao nhiêu để nhận được sự hỗ trợ của họ. Một số nhà phân tích ước tính, chỉ riêng đảng cầm quyền đã chi hơn 10 tỷ USD cho cuộc tranh cử và nhiều khoản tiền lớn khác đã sang tay đổi chủ và làm giàu cho những người trong cuộc⁵⁷. Hệ thống dân chủ có tính cạnh tranh và được giải quyết bằng rất nhiều tiền của Nigêria có thể đã làm gia tăng quy mô tham nhũng trong ngành dầu khí dưới thời Alison-Madueke. Tuy nhiên, các thiết chế dân chủ cũng đã bắt tay giải cứu vì một số tổ chức, khác với NNPC, vẫn tiếp tục phục vụ lợi ích công cộng.

Vấn hy vọng giữa một “đống rác bốc mùi”

Ngày 31/3/2015, các quan chức bầu cử, đại diện các chính đảng và các nhà báo đã tụ tập lại để nghe ủy viên ủy ban bầu cử đáng kính của Nigêria, Attahiru Jega, công bố kết quả cuộc bầu cử

tổng thống. Vị ủy viên ủy ban bầu cử, một cựu giáo sư được mọi người kính trọng, nổi tiếng về tính chính trực, hành động một cách chậm rãi và điềm tĩnh, công bố kết quả hết bang này tới bang khác. Trên khắp cả nước và cả bên ngoài nước này, hàng triệu người Nigieria chăm chú theo dõi màn hình TV và máy tính để xem trực tiếp kết quả bầu cử. Diễn biến có vẻ xấu đối với đảng cầm quyền và ứng cử viên của đảng này - đương kim Tổng thống Jonathan. Ứng cử viên đối lập, Muhammadu Buhari, dường như đang vượt lên dẫn trước.

Đột nhiên, quá trình công bố kết quả đang diễn ra một cách trật tự bị ngắt quãng. Godsdoy Orubebe, một chính trị gia nổi tiếng của đảng cầm quyền và là đồng minh công khai của Jonathan, đã nhảy lên và thuyết phục một số trợ lý tin cậy đưa micro cho ông ta.

Lần trước, khi Jonathan trở thành Tổng thống, ông ta đã bổ nhiệm Orubebe làm Bộ trưởng Đồng bằng sông Niger. Dưới sự lãnh đạo của ông ta, Bộ này giữ vai trò như một trạm dẫn đường cho những dòng tiền ủng hộ chảy đến quê hương của Jonathan. Bộ đã trao hàng trăm hợp đồng lớn cho các dịch vụ hạ tầng và xã hội, nhưng chỉ có khoảng 12% các dự án đạt được mục đích đề ra⁵⁸. Trong đó có dự án xây dựng con đường đầy tai tiếng trong khu vực, trị giá 4,5 tỷ USD, vượt xa chi phí thực tế⁵⁹. Rất ít người trong chính phủ có mối liên hệ chặt chẽ hơn với việc chia tiền cho bộ máy quản trị rất thịnh hành dưới sự giám sát được chẳng hay chớ của Jonathan. Vì vậy, khi Orubebe cầm micro, tất cả những người đang theo dõi đều nín thở.

Mười lăm phút mà tưởng như nhiều giờ đã trôi qua, cơ hội cho một cuộc bầu cử hòa bình đang trở nên rất mong manh. Orubebe hét lên, buộc tội và phản đối. “Ông không thể tiếp tục

công bố như thế!", ông ta yêu cầu. Ông ta hét lên một cách xác xược: "Ông đã dàn xếp chuyện này! Jega thiên vị! Jega mang tính đảng phái! Jega theo chủ nghĩa bộ lạc!". "Chúng tôi không chấp nhận những điều ông công bố!", ông ta hét vào micrô và đi đi lại lại trong căn phòng đang được truyền hình trực tiếp. Ông khẳng định rằng vị ủy viên này đã không chịu nghe khiếu nại của đảng cầm quyền về kết quả bầu cử ở một tiểu bang. Thay vì để ủy viên trả lời ông ta trong diễn đàn công khai, Orubebe liên tục kêu gọi ủy viên chấm dứt buổi công bố và trở về văn phòng của mình để nhận đơn khiếu nại của họ một cách kín đáo⁶⁰.

Sau đó, có đủ thứ tin đồn xung quanh số phận sẽ chờ đợi vị ủy viên này nếu ông chấp nhận lời mời quay về văn phòng, trong đó có ý kiến cho rằng nếu trở về văn phòng thì ông ta sẽ bị bắt cóc⁶¹. Nhưng chúng ta sẽ không bao giờ biết được. Vị ủy viên chờ đợi, lặng lẽ và bình tĩnh trong khi ông kia tiếp tục la hét. Trong đoạn clip vẫn còn trên YouTube, Orubebe ngồi trên bậc thềm trước một cái bàn khá cao và nhắc đi nhắc lại: "Không, làm ơn! Không, làm ơn, chúng tôi sẽ không chấp nhận!" và "Xin mời ông ta trở về văn phòng của mình!".

Cuối cùng, Orubebe kiệt sức và tắt micro. Trong khi hướng dẫn mọi người quay trở về chỗ ngồi, vị ủy viên đã giành lại quyền kiểm soát căn phòng. Ông giải thích quy trình chính thức để đại diện các đảng phái trình kiến nghị - không có chuyện la hét trong quá trình công bố chính thức. Sau đó, ông tiếp tục công bố kết quả. Sau 18 tiểu bang, ông thông báo rằng Tổng thống Jonathan không được tái cử.

Tôi, khác với mọi người, đã bị sốc. Jonathan có trong tay hàng tỷ đôla Mỹ trong vụ bùng nổ dầu mỏ và tất cả những lợi thế của người đương nhiệm. Tuy nhiên, cuối cùng, tất cả những

thỏa thuận và tất cả những khoản tiền được thanh toán không thể làm người ta quên đi thành tích mờ nhạt của Jonathan. Không được nhiều người ủng hộ, thành tích không nổi bật và tai tiếng về tham nhũng, cử tri Nigieria đã quay lưng lại với ông ta.

Các thiết chế dân chủ non trẻ của đất nước này đã chứng tỏ có đủ sức mạnh giúp cử tri quyết định kết quả và chấm dứt tình trạng tự tung tự tác, không sợ bị trừng phạt, mà Jonathan và đồng nghiệp của ông được hưởng khi còn đương chức. Cuộc bầu cử này không được coi là hoàn hảo. Các quan chức bầu cử đã nhận hối lộ⁶². Kết quả của một số bang cho thấy tình trạng bị thao túng khá mạnh. Nhưng, ban lãnh đạo ủy ban bầu cử không bị ô uế, hệ thống nhận dạng cử tri bằng thiết bị điện tử mới đã ngăn chặn người ta đưa thêm những lá phiếu giả mạo trong quá trình kiểm đếm, và số lượng phiếu bầu được kiểm đếm một cách công bằng nhiều đến mức, lần đầu tiên trong lịch sử đất nước này, đủ sức lật đổ đảng cầm quyền. Đa số đồng ý rằng, việc Jonathan gọi điện cho đối thủ của mình là Buhari khi những lá phiếu cuối cùng được kiểm đếm và thừa nhận thất bại, tạo điều kiện cho quá trình chuyển giao quyền lực một cách hòa bình, là hành động tuyệt vời nhất của ông.

Tương tự như vậy, chế độ dân chủ ở Braxin cũng vừa thúc đẩy, vừa ngăn chặn tham nhũng. Tham nhũng tăng vọt trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ là bởi những âm mưu phức tạp do nhiều người trong giới chính khách của đất nước này dàn dựng. Nhưng, thủ phạm đã phải trả giá đắt.

Các chính trị gia, các ông trùm và công ty Petrobras

Năm 2015, cảnh sát liên bang bắt giữ Marcelo Odebrecht, người thừa kế của một trong những gia đình quyền lực nhất Braxin và

là CEO của Odebrecht - công ty xây dựng lớn nhất Mỹ Latinh. Báo chí trên khắp Braxin và cả nước ngoài đã chụp được vẻ mặt sững sờ của ông trùm khi bị tra tay vào còng và dẫn ra khỏi biệt thự vào một buổi sáng sớm để đi tới phòng giam, chứ không phải đến giảng bài ở Thụy Sĩ như kế hoạch của ông. Odebrecht đã dựng lên cảnh quan, bộ mặt của nước Braxin đương đại, từ các nhà máy điện hạt nhân và những đập nước cực kỳ lớn trong vùng rừng rậm Amazon cho tới các sân vận động World Cup và Làng Olympic. Năm 2014, đế chế kinh doanh của công ty này có doanh thu đạt 46 tỷ USD với 170.000 người lao động được tuyển dụng. Một năm sau, Marcelo bị kết án 19 năm tù.

Liên hiệp (cartel) các tập đoàn như Odebrecht đã tạo thành một phần của bộ máy tham nhũng ba mặt - như sau này người ta phan phui - đã làm thay đổi tiến trình lịch sử của Braxin. Hai mặt kia là gì? Đó là công ty dầu khí quốc gia, Petrobras và các đảng phái chính trị của đất nước này. Việc cùng nhau dàn dựng một âm mưu tham nhũng trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ của ba nhóm này rất đáng chú ý vì một số lý do. Tham nhũng khoản tiền rất lớn. Số tiền hối lộ lên tới 3 tỷ USD; chỉ một giám đốc điều hành của Petrobras đã chuyển đi hơn 97 triệu USD tiền ăn cắp được. Tham nhũng có hệ thống. Như báo cáo sau đây cho thấy, tham nhũng diễn ra thông qua những hệ thống được chính thức hóa một cách kinh ngạc, được gắn vào những hoạt động thường ngày của công ty. Cuối cùng, cũng như ở Nigêria, tham nhũng đã bị trừng phạt. Hàng trăm người đã phải đối mặt với các cuộc điều tra và các tòa án đã kết án một số người có quyền lực nhất về chính trị và kinh tế của Braxin.

Năm 2014, cảnh sát liên bang Braxin đã tiến hành điều tra một số vụ chuyển tiền đáng ngờ. Họ nghi ngờ một kẻ có tiền án đang thực hiện hành vi rửa tiền thông qua một tiệm rửa xe, cùng với

một số hoạt động kinh doanh khác. Họ bắt giữ kẻ rửa tiền, sau đó, người này bắt đầu làm lộ bí mật. Cảnh sát không ngờ rằng họ đã phát hiện được vụ án có thể làm thay đổi tương lai kinh tế và chính trị của đất nước. Từ những điều tra ban đầu này, vụ bê bối đã được người ta gán cho biệt danh: Lava-Jato, hay còn gọi là “Car Wash” (Rửa xe).

Paulo Oberto Costa là một trong số các giám đốc điều hành quan trọng nhất của Petrobras bị bắt trong cuộc điều tra này. Ông ta là người phụ trách “hạ nguồn” (chief downstream officer) kiêm giám đốc vật tư ở Petrobras từ năm 2004 đến 2012, giám sát rất nhiều hợp đồng quy mô lớn. Trong giai đoạn bùng nổ, tiếng tăm của Costa lên nhanh cùng với giá dầu. Một nhà báo viết về câu chuyện này đã miêu tả ông ta: “là người thực tế, nói nhiều và dễ tiếp cận, [Costa] thường tỏ ra xun xoe trước cánh báo chí, các chính trị gia và những người giàu có. Ông ta điều khiển những buổi nói chuyện khá dài với các nhà báo, chia sẻ với họ những tin sốt dẻo và ý kiến về hoạt động nội bộ công ty... Costa thể hiện là người bộc trực và say sưa với vai trò được mọi người cho là trực tính của mình. Ông ta có những nhà báo riêng và văn phòng báo chí của Petrobras thường giật mình vì những cuộc phỏng vấn của Costa trên các tờ báo mà họ không hề biết. Ông ta thường chụp ảnh với các chính trị gia cấp cao, trong đó có Tổng thống Rousseff”⁶³.

Sau khi bị bắt, Costa ngày càng xuất hiện nhiều hơn trên các tiêu đề báo chí. Để đổi lấy một bản án khoan hồng hơn, Costa đã cung cấp cho chính phủ một trong những báo cáo nội bộ đầu tiên về cách thức hoạt động của “Car Wash”. Trong lời khai trước tòa, có thể xem được trên YouTube, Costa giải thích một cách cặn kẽ cơ chế của trò lừa đảo này. Lời khai của ông ta đã gây ra những

hậu quả tàn khốc, hàng chục quan chức đồng lõa bị nêu tên, ông ta được gọi là “quả bom người”. Các luật sư làm việc trong vụ án nói với các nhà báo: “Ở Braxin, chúng ta biết rằng tham nhũng là một con quái vật. Nhưng chúng ta chưa bao giờ thực sự nhìn thấy nó. Điều này giống như nhìn thấy quái vật”⁶⁴.

Theo tường trình của Costa, được những cuộc điều tra sau đó khẳng định, mỗi bộ phận của Petrobras có một *padrinho*, hay bố già, do một đảng chính trị nào đó chỉ định. Đảng Công nhân cầm quyền kiểm soát 5 bộ phận của công ty, 3 đảng khác trong liên minh cầm quyền chia sẻ quyền kiểm soát 2 bộ phận còn lại⁶⁵. Bố già và những người có thế lực khác của đảng có quyền lực sẽ chọn người làm giám đốc bộ phận đó và tham gia vào hội đồng quản trị Petrobras. Đổi lại, các vị giám đốc này phải làm hài lòng các nhà lãnh đạo đảng.

Để chuyển tiền vào két sắt của các đảng phái chính trị, Petrobras sẽ phân bổ các hợp đồng xây dựng và cung ứng có giá trị cho một nhóm các công ty xây dựng và kỹ thuật lớn nhất Braxin, được xác định từ trước. Liên hiệp các công ty thường xuyên tổ chức các cuộc họp và quyết định công ty nào sẽ thắng trong một vụ đấu thầu cụ thể nào đó. Petrobras giúp đỡ họ bằng cách cung cấp dự thảo hồ sơ mời thầu và thông tin nội bộ về hình thức hồ sơ đấu thầu sẽ được chấp nhận. Trong giai đoạn này, giá thầu giành chiến thắng thường được nâng lên từ 15% đến 20%. Sau đó, công ty thắng thầu sẽ chuyển khoảng 3% giá trị của hợp đồng cho đảng chính trị có liên quan đến bộ phận ký kết hợp đồng của Petrobras⁶⁶. Các công ty thanh toán qua các điều phối viên, những người này chuyển tiền qua các công ty bình phong, tài khoản bí mật, hoặc vali tiền mặt; những người này cũng được chia một ít tiền. Bên cạnh những người đại diện

của các đảng phái chính trị, các quan chức Petrobras và một loạt các chính trị gia khác cũng được tiền lại quả.

Vào ngày cảnh sát bắt Costa, camera an ninh phát hiện mấy người con gái và con rể của ông ta đang nhét vào hành lý của họ tiền mặt, tài liệu và một máy tính xách tay. Cảnh sát đã tìm được khoảng 500.000 USD tiền mặt ở trong nhà và tiếp tục phát hiện được khoảng 28,5 triệu USD được cất giữ trong tài khoản ngân hàng Thụy Sĩ của Costa và các thành viên gia đình ông ta. Cùng với những lời khai chi tiết, Costa đồng ý với chính phủ rằng ông ta sẽ chuyển giao tất cả tiền mặt ở Thụy Sĩ và các tài sản khác, trong đó có một du thuyền, một chiếc Land Rover và một mảnh đất ở bang Rio⁶⁷.

Kế hoạch lại quả mà Costa tiết lộ không phải là bất bình thường, nếu xét về mức độ tham nhũng. Các chính phủ thường sử dụng hợp đồng của khu vực công nhằm biến thủ công quỹ, đặc biệt là hợp đồng do các công ty dầu khí quốc gia thực hiện. Ở Nigêria, nhiều công ty dầu khí quốc gia nhận và phân bổ phần khá lớn doanh thu của nhà nước và tiến hành những việc này bên ngoài hệ thống ngân sách và giám sát thông thường. Các công ty dầu khí quốc gia ở Angiêri, Irắc, Nigêria, Venêxuêla và nhiều nước khác đều gặp phải những tranh cãi về tham nhũng liên quan tới quy trình ký hợp đồng của họ. Nhưng không nước nào có cách tiếp cận quy mô và mang tính hệ thống như ở Braxin.

Làm thế nào và tại sao tham nhũng lại phát triển với quy mô như vậy? Sự cạnh tranh giữa các đảng phái chính trị ở Braxin, quan hệ giữa các chính trị gia và giới tinh hoa trong lĩnh vực kinh doanh của đất nước này, cũng như quy mô của vụ bùng nổ đầu mỏ có thể giải thích phần nào hiện tượng này.

Khoảng 30 đảng phái chính trị có người đại diện trong Quốc hội Braxin. Không có nhóm nào nắm được đa số, đảng có người

làm tổng thống đứng trước thách thức kinh niên là phải xây dựng và duy trì một liên minh đủ lớn để được Quốc hội thông qua những dự luật mà họ đề xuất. Trước cuộc cải cách gần đây, tình hình còn hỗn loạn thêm vì các chính trị gia thường xuyên chuyển từ đảng này sang đảng khác. Do đó, giới tinh hoa chính trị rất chia rẽ và cạnh tranh với nhau, họ thường xuyên lục đục nhằm giành lợi thế trước các đối thủ⁶⁸.

Luiz Inácio Lula da Silva giành chiến thắng trong cuộc bầu cử tổng thống năm 2003 và mở ra giai đoạn cầm quyền của Đảng Công nhân thiên về cánh tả. Hai nhiệm kỳ tổng thống của Lula cũng là thời kỳ tăng trưởng kinh tế và xóa đói giảm nghèo mang tính lịch sử. Là người nổi tiếng và được nhiều người kính trọng, thời điểm đó Lula dường như đã giữ được trạng thái cân bằng giữa ổn định và tăng trưởng kinh tế, đồng thời quan tâm đến các vấn đề xã hội và nhu cầu của những người dân có thu nhập thấp. Ông đã chọn Dilma Rousseff làm người kế nhiệm và bà này tiếp tục giành chiến thắng trong cuộc bầu cử tổng thống năm 2010.

Dilma, như người ta thường gọi, đã thành lập liên minh gồm 10 chính đảng. Mặc dù cách làm này đã giúp bà nắm được đa số trong Quốc hội, nhưng đôi khi bà vẫn phải nỗ lực đấu tranh thì mới thông qua được dự luật. Liên minh giữa các đảng thường dựa nhiều vào nền chính trị “rổ thịt” (pork barrel politics) và những cuộc đàm phán gay gắt hơn là mối quan hệ về hệ tư tưởng. Cụ thể, Đảng Công nhân có nhiều bất đồng với một thành viên chủ chốt trong liên minh - Đảng Phong trào dân chủ Braxin.

* Nền chính trị “rổ thịt” (còn gọi là “chi tiêu rổ thịt”) là một thuật ngữ thể hiện sự chê trách hiện tượng các chính trị gia dùng ngân sách nhà nước (hay chi tiêu chính phủ) để mua chuộc các cử tri trong khu vực tranh cử của mình. Nó còn được sử dụng để chỉ các chương trình hoặc dự án chi tiêu của chính phủ làm lợi cho một số người hoặc vùng địa phương bằng thuế do toàn bộ đất nước đóng (ND).

Bối cảnh chính trị mang tính cạnh tranh này có thể khuyến khích tham nhũng, vì muốn làm bất cứ việc gì đều phải thuyết phục nhiều chính khách đồng hành với mình, mà tất cả các quan chức này đều đứng trước những yêu cầu vận động tranh cử đầy thách thức và tốn kém. Năm 2005, trong nhiệm kỳ đầu tiên của Lula, đã nổ ra vụ bê bối Mensalão, hay còn gọi là “khoản tiền lớn hằng tháng”. Hằng tháng, văn phòng của tổng thống phải trả tiền cho các nhà lập pháp để họ ủng hộ chương trình nghị sự của tổng thống và giúp thanh toán những khoản nợ trong chiến dịch tranh cử của họ. Hai mươi lăm quan chức bị kết án, nhưng chính Lula lại không bị buộc tội. Tuy nhiên, vụ bê bối này chứng minh rằng ngay cả Lula, rất được lòng người dân và đầy quyền lực, cũng phải chi tiền.

Các nhà lãnh đạo chính trị Braxin luôn duy trì mối quan hệ cộng sinh chặt chẽ với giới tinh hoa trong lĩnh vực kinh doanh của đất nước. Giai đoạn Đảng Công nhân nắm quyền, mối quan hệ này vẫn không hề suy giảm, mặc dù nội dung cương lĩnh của họ có tính dân túy hơn. Nhiều công ty lớn nhất của Braxin thành công là nhờ sự hỗ trợ của chính phủ trong nhiều thập niên. Các ông trùm kiếm được tiền từ tất cả các lĩnh vực kinh tế, trong đó có truyền thông, nông nghiệp, tài chính, thực phẩm và đồ uống, năng lượng và khai khoáng. Nhưng quan hệ mật thiết nhất với chính phủ lại là các công ty xây dựng. Các tập đoàn lớn này “có mặt khắp nơi” trong nền kinh tế Braxin, đó là một trong những nguyên nhân vì sao hành vi tham nhũng của họ lại có ảnh hưởng sâu rộng như thế⁶⁹.

Những công ty xây dựng khổng lồ - trong đó có “bốn chị em” Odebrecht, OAS, Camargo Corrêa và Andrade Gutierrez - từ lâu đã phụ thuộc vào chính quyền để có các hợp đồng xây dựng cơ sở hạ tầng, cho vay với lãi suất thấp, cũng như các chính sách thuế

và quy định thuận lợi đối với họ. Họ đã sử dụng mối quan hệ thân thiết với giới tinh hoa chính trị nhằm ngăn chặn cạnh tranh từ cả trong và ngoài nước. Trong những năm 1950, chính phủ đã dựa vào các công ty này để xây dựng thủ đô mới. Như một số nhà bình luận nhận xét, các công ty này đã xây dựng Brasília, và sau đó không bao giờ rời đi⁷⁰.

Từ đó, các chính phủ kế tiếp đều dành cho Odebrecht và các công ty cùng ngành với nó nhiều lợi ích khác nhau. Vào thời kỳ bùng nổ trong lĩnh vực khai thác tài nguyên của Braxin, quy mô của ngân hàng phát triển thuộc sở hữu của chính phủ đã tăng gấp 4 lần. Đến năm 2015, hơn 60% các khoản cho vay ưu đãi của ngân hàng này là dành cho các “nhà vô địch quốc gia” - các công ty lớn, đầu ngành có thể huy động vốn trên thị trường thương mại mà không cần sự hỗ trợ của nhà nước⁷¹. Từ năm 2007 đến 2015, ngân hàng này đã cho Odebrecht vay 8 tỷ USD, trong đó có cả khoản tiền cho những dự án xây dựng, thậm chí nằm ở bên ngoài Braxin. Số tiền này bằng 70% toàn bộ những khoản cho vay của ngân hàng dành cho các dự án xây dựng⁷². Thực chất, người nộp thuế đã trợ cấp các khoản vay cho những tổ chức kinh doanh giàu có nhất trong nước. Odebrecht cũng đã giành được một phần của 8/10 dự án xây dựng lớn nhất liên quan đến World Cup 2014 và Thế vận hội 2016⁷³. Trong các cuộc biểu tình diễn ra trên đường phố trước khi World Cup được tổ chức - có một khẩu hiệu đã tóm tắt được tình hình: “Tiền dành cho y tế đã vào túi Odebrecht/Tiền dành cho giáo dục đã vào túi OAS”⁷⁴.

Đối lại, các ông trùm đứng đầu các công ty đã trả cho các chính trị gia những khoản tiền hậu hĩnh. Trong giai đoạn từ năm 2002 tới 2012, bốn mạnh thường quân đóng góp nhiều nhất cho

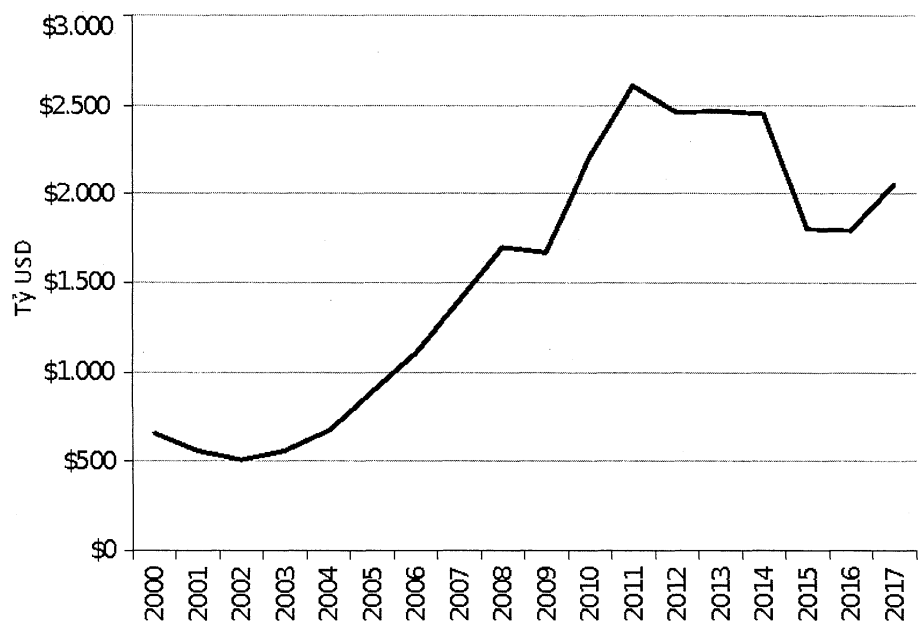
các chiến dịch tranh cử là các công ty xây dựng⁷⁵. Sau phán quyết của Tòa án Tối cao năm 2015 nhằm hạn chế các khoản đóng góp của công ty cho các chiến dịch tranh cử, các khoản đóng góp có thể đã giảm. Tuy nhiên, trong giai đoạn bùng nổ đầu mỏ, nó lại hoạt động náo nhiệt trở lại. Cùng với các khoản quyên góp chính thức, các công ty đã tìm được những kênh khác nhằm hỗ trợ các chính trị gia. Một số nhà phân tích ước tính rằng, có tới 50-90% chi tiêu của chiến dịch tranh cử đến từ *caixa dois*, “sổ thu chi thứ hai”, ghi nhận các khoản quyên góp ngầm⁷⁶. Cuối cùng, CEO của Odebrecht thú nhận đã đóng góp những khoản lớn bất hợp pháp cho chiến dịch vận động tái cử của Rousseff năm 2014, mặc dù bà này phủ nhận, nói rằng không nhận bất kỳ khoản tiền bất hợp pháp nào⁷⁷.

Cùng với sự cạnh tranh giữa các đảng phái chính trị, quan hệ chặt chẽ giữa chính phủ và doanh nghiệp đã tạo ra bối cảnh thuận lợi cho vụ bê bối “Car Wash”. Nhà báo Alex Cuadros đưa tin về các tỷ phú của Braxin trên tờ *Bloomberg* và viết một cuốn sách về họ. Ông nhận xét về sự cộng sinh khi nền kinh tế bắt đầu nóng lên như sau: “Tin rằng đó là cách cai trị duy nhất, Lula và Dilma đã liên minh với các nhóm lợi ích thâm căn cố đế của Braxin, và đầu đó trên con đường thỏa hiệp cũ, *rouba mas faz* - ‘anh ta ăn cắp, nhưng anh ta làm được việc’ - mọi thứ đã vượt ra khỏi tầm kiểm soát”⁷⁸.

Các chính trị gia và các công ty đã tạo ra âm mưu “Car Wash” gồm hai mặt, nhưng họ cần mặt thứ ba, và công ty dầu khí quốc gia thực hiện hoạt động rửa tiền một cách hoàn hảo. Petrobras là phương tiện lý tưởng để chuyển tiền từ lĩnh vực dầu khí đang bùng nổ tới các doanh nhân và chính trị gia có nhiều thế lực.

Petrobras là công ty tiêu biểu cho giai đoạn bùng nổ kinh tế của Braxin, bắt đầu vào khoảng thời gian Lula làm tổng thống năm 2003. Như được thể hiện trên Hình 3.1, từ năm 2003 đến 2011, nền kinh tế Braxin tăng trưởng với tốc độ chưa từng có. Nhiều của cải đã tập trung vào những người giàu có nhất: số người Braxin trong danh sách tỷ phú của *Forbes* đã tăng từ 6 người vào năm 2002, lên thành 36 người vào năm 2012. Sự giàu có của Braxin đã lan ra ngoài biên giới nước này: năm 2007, cứ 7 ngôi nhà được bán ở Miami thì người Braxin mua một⁷⁹. Tuy nhiên, một phần là nhờ các chính sách của chính phủ mà những tầng lớp khác cũng được hưởng lợi: tỷ lệ nghèo đói và bất bình đẳng thu nhập giảm, hàng triệu người Braxin bước vào tầng lớp trung lưu⁸⁰. Sự lạc quan quá mức xuất hiện: Braxin đang trở thành một trong những nền kinh tế quan trọng nhất trên thế giới.

Hình 3.1: GDP của Braxin giai đoạn 2000-2017



Nguồn: World Bank, *World Development Indicators*, 2018.

Petrobras phát triển cùng với nền kinh tế. Bắt đầu một giai đoạn tràn ngập những tin tốt lành, năm 2007, Petrobras công bố việc phát hiện được mỏ dầu nằm sâu dưới đáy đại dương - dưới tầng muối dày, trong một lớp đất gọi là “tiền muối” (pre-salt). Phát hiện này làm gia tăng gấp đôi trữ lượng dầu và khí đốt của Braxin. Quá phấn khích trước vận may này, Tổng thống Lula tuyên bố: “Chúa là người Braxin!” và ví lĩnh vực dầu khí của Braxin như một “cô gái xinh đẹp nhất tại một hội chợ - mọi người đều muốn khiêu vũ cùng cô”. Ủng hộ nhiệt huyết của ông, năm 2009, Petrobras phát triển thành công ty đứng thứ 5 trên thế giới, với giá trị vốn hóa thị trường là 310 tỷ USD.

Chính phủ Braxin chỉ sở hữu hơn 50% cổ phần của Petrobras, số cổ phần còn lại được mua bán trên các sàn giao dịch của Hoa Kỳ và Braxin. Là công ty niêm yết công khai, về mặt thương mại, chắc chắn Petrobras hoạt động lành mạnh hơn hẳn so với những tổ chức kiểu như NNPC, tức là những tổ chức giống như một cơ quan méo mó của chính phủ chứ không phải là công ty. Trên thực tế, năm 2013, Viện Quản trị tài nguyên thiên nhiên đã trao cho Petrobras số điểm ấn tượng 92/100 xét về tính minh bạch và công tác quản trị, đưa công ty này vào top 3/45 công ty thuộc sở hữu nhà nước mà chúng tôi đánh giá⁸¹. Chúng ta hầu như không biết những gì diễn ra trong hậu trường.

Mặc dù có tốc độ tăng trưởng cao và bề ngoài mang đẳng cấp thế giới, Petrobras vẫn bị chính phủ kiểm soát về nhiều mặt, các nhà lãnh đạo chính trị vẫn duy trì tầm ảnh hưởng đến những quyết định bổ nhiệm người vào hội đồng quản trị và các quyết định quan trọng khác. Năm 2003, Lula đưa được Dilma Rousseff, người đồng minh thân cận và là chánh văn phòng của mình, vào làm Chủ tịch Hội đồng quản trị Petrobras và bà giữ chức vụ đó

cho đến năm 2010, khi được bầu làm tổng thống. Năm 2010, chính phủ thông qua một loạt cải cách nhằm khuếch trương vai trò của Petrobras trong lĩnh vực dầu khí, các công ty dầu khí khác không còn bất cứ cơ hội nào. Những cải cách này cũng kêu gọi dành cho Petrobras độc quyền tiến hành tất cả các hoạt động thăm dò và khai thác ở những khu vực “tiền muối”. Petrobras còn nắm ít nhất 30% cổ phần trong bất kỳ tập đoàn nước ngoài nào hoạt động trong lĩnh vực này. Luật mới với yêu cầu về hàm lượng nội địa* cũng thúc đẩy các cơ hội có lợi cho các công ty Braxin, đặc biệt là trong việc cung cấp các loại hàng hóa và dịch vụ khác nhau.

Để bắt kịp tất cả những cơ hội này, Petrobras cần nhanh chóng xây dựng các cơ sở trên đất liền và ngoài khơi với quy mô lớn. Và đây chính là bàn đạp cho tham nhũng cất cánh.

“Car Wash” - giọt nước tràn ly

Từ năm 2001 đến 2016, Odebrecht đã hối lộ ít nhất 788 triệu USD để giành được những hợp đồng có giá trị ở Braxin, cũng như ở nước ngoài⁸². Phải có những hệ thống tinh vi thì mới chuyển được hàng trăm triệu đôla Mỹ một cách bí mật. Vì vậy, Odebrecht đã tạo ra những hệ thống này, và những tài liệu khác nhau mà tòa án đang có sẽ cho chúng ta cái nhìn sâu hơn cách thức hoạt động của chúng.

Đơn vị mang tên Division of Structured Operations (Bộ phận Kế hoạch hoạt động), được thành lập năm 2006, là trung tâm diễn ra các hoạt động hối lộ của Odebrecht. Bộ phận này sử dụng

* Yêu cầu về hàm lượng nội địa (LCR - Local Content Requirement) là quy định yêu cầu một tỷ lệ nhất định của hàng hóa thành phẩm (final goods) phải được sản xuất trong nước (ND).

hệ thống thông tin đặc biệt, gọi là Drousys với tên người đã được mã hóa, email chuyên dụng và chức năng nhắn tin tức thời. Họ cũng lập ra hệ thống kế toán “ẩn” nhằm giữ cho những giao dịch của bộ phận này nằm ngoài sổ sách kế toán chính thức của công ty.

Khi Odebrecht nhận được hợp đồng với giá cả được “thối” lên từ Petrobras hoặc khách hàng khác, số tiền tăng thêm này sẽ do Division of Structured Operations xử lý. Để chuyển tiền ra khỏi sổ sách của Odebrecht, bộ phận này lập ra một số công ty bình phong, có nhiệm vụ chuyển cho Odebrecht hóa đơn giả. Những bản cáo trạng của tòa án Hoa Kỳ chống lại Odebrecht giải thích cách thức những khoản tiền hối lộ được chuyển qua “nhiều cấp của các tổ chức nước ngoài và các tài khoản ngân hàng trên khắp thế giới, thường được chuyển qua tới 4 cấp tài khoản ngân hàng nước ngoài, trước khi đến tay người nhận”⁸³. Như thường thấy với những vụ tham nhũng, Odebrecht thích chuyển tiền thông qua các thiên đường thuế khóa bí mật, ví dụ Quần đảo Virgin thuộc Anh, cũng như những nước có luật bảo vệ bí mật ngân hàng và ngăn chặn việc chia sẻ thông tin về chủ tài khoản với các chính phủ khác. Odebrecht trả những khoản phí cắt cổ cho các ngân hàng ưa thích của họ nhằm bảo đảm hoạt động của mình.

Các mắt xích trong đường dây hối lộ cần phải được duy trì thường xuyên. Có thời điểm, một trong những ngân hàng yêu thích của Odebrecht ở thiên đường thuế nhiệt đới Ăngtigoa hoạt động kém hiệu quả. Vì vậy, các đối tác tham gia những âm mưu khác nhau quyết định rằng họ cần một công ty của riêng mình ở Ăngtigoa. Khoảng năm 2010, họ mua chi nhánh ở Ăngtigoa của một ngân hàng Áo và hướng dẫn một số chính trị gia và những người nhận hối lộ khác mở tài khoản ở đây⁸⁴.

Odebrecht sử dụng hệ thống này ở Braxin và những nước khác. Công ty này đã thực hiện những dự án xây dựng lớn ở

nhiều nước Mỹ Latinh, trong đó có một số cầu, đập nước và sân vận động lớn nhất khu vực. Trong số những khoản hối lộ mà người ta đã biết, có 439 triệu USD được chuyển cho các quan chức ở 12 nước bên ngoài Braxin⁸⁵. Trong một số trường hợp, tương tự như ở Braxin, Odebrecht tìm cách nhận các hợp đồng từ chính phủ các nước có nhiều dầu mỏ, vốn là những nước có nhiều tiền để chi tiêu trong giai đoạn bùng nổ. Ví dụ, công ty đã trả 50 triệu USD cho các quan chức Chính phủ Ănggôla để nhận được các hợp đồng xây dựng cơ sở hạ tầng. Ở Vê-nê-xuê-la, số tiền hối lộ lên tới 98 triệu USD do Odebrecht có mối quan hệ bền chặt với Hugo Chavez, cựu Tổng thống nước này.

Quay trở lại Braxin, có thể lấy một vụ làm ăn vào năm 2010 làm ví dụ điển hình cho trò lừa đảo. Petrobras thông báo đấu thầu hợp đồng cung cấp dịch vụ chứng nhận về môi trường và an toàn. Tương tự như lời khai của Giám đốc điều hành Petrobras, Paulo Costa, với cảnh sát, một nhóm các công ty xây dựng ở Braxin đã hợp, quyết định giá đấu thầu và đồng ý để Petrobras giao hợp đồng cho Odebrecht. Cuối cùng, có 3 công ty đấu thầu, nhưng 2 hồ sơ dự thầu chỉ “để làm cảnh”. Các giám đốc điều hành của Petrobras có dính líu tới vụ lừa đảo đều bảo đảm để Odebrecht “thắng”.

Sau đó, Division of Structured Operations sắp xếp một số công ty bình phong, trong đó có những công ty có trụ sở chính tại Quần đảo Virgin thuộc Anh và Panama, chuyển hóa đơn trị giá 40 triệu USD về những dịch vụ mà họ chưa bao giờ làm. Bộ phận này sử dụng các hệ thống ngoài ngân sách để thanh toán các hóa đơn nói trên⁸⁶. Sau đó, các cá nhân ở những công ty này chuyển tiền qua những công ty bình phong và các tài khoản bí mật khác, cho đến khi tiền đến tay các giám đốc điều hành của Petrobras, các chính trị gia và các quan chức khác trong chính phủ.

Thông qua các giao dịch theo kiểu này, từ năm 2003 đến 2016, Odebrecht đã hối lộ 349 triệu USD để giành được công việc trị giá 1,9 tỷ USD từ Chính phủ Braxin⁸⁷. Phần lớn số tiền này được chuyển qua vụ “Car Wash” của Petrobras.

Những con số đó cho chúng ta biết rất nhiều điều trong giai đoạn bùng nổ ở Petrobras. Để Odebrecht có tiền chi trả tất cả những khoản hối lộ đó, người ta phải đẩy giá hợp đồng lên khá cao. Petrobras đã nhiều lần chứng tỏ rằng họ sẵn sàng trả giá cao, để trả công cho tất cả mọi người mà vẫn hoàn thành được công việc. Hết lần này đến lần khác, những ưu tiên về mặt chính trị và lòng tham đã chà đạp lên hệ thống kiểm soát chi phí.

Xin nêu một ví dụ khác, Petrobras bắt đầu xây dựng nhà máy lọc dầu Abreu e Lima trị giá 4 tỷ USD. Dự án này trở thành một trong những vũng lầy đắt giá nhất trong toàn bộ giai đoạn “Car Wash”. Theo những cáo buộc chống lại Petrobras trong một vụ kiện tập thể, một số công ty xây dựng lớn đã gặp nhau ở Petrobras và được hướng dẫn về giá đấu thầu cho những hợp đồng khác nhau và các hợp đồng bổ sung liên quan tới nhà máy lọc dầu này⁸⁸. Trước khi nhà máy lọc dầu hoạt động vào năm 2013, dự án này có liên quan tới 300 hợp đồng với 950 bản sửa đổi⁸⁹. Mức độ “tiêu thụ” điên cuồng như thế đã đẩy tổng chi phí lên tới hơn 18 tỷ USD⁹⁰.

Petrobras đã chi thêm 21 tỷ USD cho nhà máy lọc dầu Comperj ở Rio, trao các hợp đồng trị giá lên tới 3 tỷ USD mà không qua đấu thầu⁹¹. Hàng triệu đôla Mỹ từ dự án này đã giúp tài trợ cho chiến dịch tranh cử của một chính trị gia kiểm soát khu vực đặt nhà máy lọc dầu; hàng triệu đôla Mỹ khác rơi vào tay một số giám đốc điều hành của Petrobras⁹². Do việc chi tiêu như thế mà từ năm 2009 đến 2015, các khoản nợ của Petrobras

đã tăng gấp 5 lần và công ty trở thành doanh nghiệp nợ nhiều nhất trên thế giới⁹³. Petrobras thừa nhận rằng hối lộ đã xâm nhập vào cả 2 dự án nói trên⁹⁴.

Mặc dù hầu hết các vụ tham nhũng đều liên quan đến đấu thầu dịch vụ xây dựng, nhưng các quan chức ở Petrobras và những kẻ tòng phạm không phải là “ngựa con một mách”. Braskem là một trong những công ty hóa dầu lớn nhất châu Mỹ. Odebrecht nắm hơn 50% cổ phần có quyền biểu quyết, Petrobras nắm thêm 36% nữa. Khoảng năm 2006, các giám đốc điều hành của Braskem quyết định rằng, công ty này cần có một hệ thống tốt hơn để trả tiền cho các quan chức nhà nước và quyết định sử dụng Division of Structured Operations hiện có của Odebrecht. Theo hồ sơ của tòa án Hoa Kỳ, để rút tiền hối lộ, Braskem đã ký những “hợp đồng giả mạo” với các đối tác “bịa đặt” và trả tiền cho những công ty bình phong về những dịch vụ không bao giờ được thực hiện⁹⁵. Từ đó, số tiền này được sử dụng cho những hoạt động hối lộ bao trùm khắp nơi của Odebrecht. Bằng kênh này, thông qua các tài khoản ngoài sổ sách của Odebrecht, Braskem đã trả 250 triệu USD cho những đối tượng không phù hợp, trong đó có ít nhất 75 triệu USD được dùng để hối lộ các giám đốc điều hành Petrobras, các nghị sĩ và quan chức của các đảng phái chính trị⁹⁶.

Đổi lại, các quan chức của Petrobras giúp Braskem kiếm được nhiều tiền hơn. Năm 2009, Braskem ký một thỏa thuận với Petrobras để mua naphtha, một sản phẩm phụ của quá trình sản xuất dầu, được sử dụng để tạo ra các chất hóa dầu khác nhau. Để đổi lấy 12 triệu USD tiền hối lộ, các quan chức của Petrobras đã cấp cho Braskem naphtha với giá ưu đãi đặc biệt⁹⁷. Theo ước tính của các nhà chức trách Hoa Kỳ, mức giá mềm như vậy

đã giúp Braskem kiếm thêm được 94 triệu USD trong vòng 5 năm sau. Họ cũng phát hiện ra rằng, trong số những khoản ưu đãi hấp dẫn khác, Braskem còn được nhận các khoản tín dụng thuế (tax credits) và các khoản ưu đãi ngoài quy định trị giá hơn 187 triệu USD⁹⁸.

Không chỉ các công ty Braxin hối lộ Petrobras. SBM Offshore, công ty cung cấp dịch vụ mỏ dầu của Hà Lan, là một trong những công ty nước ngoài đã thừa nhận việc hối lộ các quan chức của Petrobras. SBM đã trả một khoản “hoa hồng” lớn cho các công ty bình phong do một bên trung gian kiểm soát, và sau đó, tiền được chuyển đến các tài khoản ngân hàng Thụy Sĩ nằm dưới quyền kiểm soát của Petrobras⁹⁹.

Một số vụ tham nhũng liên quan tới SBM Offshore có thể bắt nguồn từ nền chính trị cạnh tranh tàn nhẫn của Braxin. Theo đơn kiện tập thể chống lại Petrobras, khoảng năm 2009, Đảng Công nhân tìm cách nhanh chóng vận hành một giàn khoan dầu để họ có thể tổ chức “lễ đặt tên” cho giàn khoan này gần thời điểm diễn ra cuộc bầu cử tiếp theo và ghi nhận công lao cho giai đoạn phát triển tiếp theo của ngành dầu khí. SBM Offshore đồng ý đáp ứng đòi hỏi gấp gáp về thời gian của đảng này, nhưng đòi lại phải trả giá rất cao¹⁰⁰. Theo đơn kiện, “những chi phí không cần thiết này phát sinh nhằm mang lại lợi ích cho chiến dịch chính trị của chính phủ và tiêu tốn của Petrobras hàng triệu đôla Mỹ”¹⁰¹.

Đến năm 2014, sau nhiều năm phát triển liên tục, những người điều hành Division of Structured Operations của Odebrecht bắt đầu lo lắng, họ sợ rằng các nhà chức trách có thể phát hiện ra tình trạng mục nát này. Các giám đốc điều hành bắt đầu che giấu và tiêu hủy bằng chứng về hoạt động của mình, trong đó có các khóa mã hóa vật lý được sử dụng để truy cập hệ thống ngân quỹ ngoài sổ sách. Năm 2015, một giám đốc điều hành đã bay đến

Miami để gặp một quan chức chính phủ từ Ăngtigoa tới. Ăngtigoa chính là đại lộ được ưa thích trong việc vận chuyển những đồng tiền đã được “rửa sạch” của công ty này. Vị giám đốc điều hành đề nghị trả cho quan chức này và đồng nghiệp của ông ta 4 triệu USD, nếu họ từ chối cung cấp sổ sách ngân hàng cho cơ quan thực thi pháp luật nước ngoài¹⁰².

Nhưng những nỗ lực nhằm che đậy chứng tỏ là rất ít, quá ít. Hay, có lẽ rằng, tham nhũng đã phát triển quá lớn, không thể nào che giấu được nữa.

Hậu quả từ thành phố Curitiba

Một số công tố viên, hoạt động tại thành phố Curitiba, miền Nam Braxin đệ trình các cáo buộc ban đầu nhằm chống lại một kẻ rửa tiền, từng rút tiền mặt thông qua vụ “Car Wash” đầy tai tiếng và buộc tội Giám đốc điều hành Petrobras, Paulo Costa, người đầu tiên khai ra những âm mưu này. Họ quyết định theo đuổi vụ kiện dù nó có thể dẫn tới bất cứ đâu. Họ đã mời các công tố viên khác, được cho là độc lập, cùng tham gia vào vụ kiện ở Curitiba, tạo thành một nhóm cố kết, làm việc suốt ngày đêm để triển khai vụ án. Nhiều người còn trẻ và đã được đào tạo tại các trường luật ưu tú ở nước ngoài, và họ hoạt động bên ngoài hệ thống bảo trợ chính trị bao trùm phần lớn hệ thống tư pháp ở Braxin. Thật may mắn, vụ án ban đầu diễn ra ở Curitiba, nơi cảnh sát và công tố viên của thành phố ít bị tiền bạc và ảnh hưởng chính trị lũng đoạn hơn so với các đồng nghiệp của họ ở các thành phố lớn nhất của Braxin.

Khi cuộc điều tra được khởi động, các công tố viên và thẩm phán liên bang chủ tọa phiên tòa đã ngăn chặn được nỗ lực của các luật sư bào chữa nhằm chuyển thủ tục tố tụng sang các khu vực pháp lý khác hoặc chuyển lên Tòa án Tối cao kém hiệu quả

hơn¹⁰³. Nhóm các công tố viên và thẩm phán đã sử dụng phương pháp không thông dụng ở Braxin nhằm mở cuộc điều tra. Ví dụ, họ sẽ tổng những kẻ tình nghi có tâm cỡ vào tù ngay lập tức nhằm gây áp lực buộc những người này phải ký thỏa thuận nhận tội, trong đó có nhắc tới những người từng dính líu đến những âm mưu phạm tội.

Có thời, những nhân vật chính xóa sổ vụ “Car Wash” đã trở thành những anh hùng dân tộc. Trong các cuộc biểu tình diễn ra sau khi vụ bê bối bị phát hiện, những người tuần hành đeo mặt nạ và mang theo các áp phích ca tụng những viên cảnh sát đã dẫn các tỷ phú bị còng tay và ca ngợi vị thẩm phán đã chủ tọa phiên tòa. Một trong những công tố viên, Paulo Roberto Galvão de Carvalho, giải thích mục tiêu của nhóm luật sư: “Lo sợ rằng ở Braxin, luật pháp không được áp dụng với các chính trị gia và tội phạm cổ cồn trắng*. Điều này cần được thay đổi, và nó đang thay đổi”¹⁰⁴.

Mặc dù ở Braxin, tham nhũng đã xâm nhập công ty dầu khí quốc gia và các thiết chế khác của chính phủ, nhưng nó vẫn chưa thể vươn tới tất cả các ngõ ngách của hệ thống tư pháp. Một số cảnh sát, công tố viên và tòa án có đủ quyền lực và độc lập để hạ bệ những kẻ nhiều quyền lực nhất đất nước. Pháp quyền, dấu hiệu mong manh của chế độ dân chủ, vẫn còn nguyên vẹn, ngay cả khi các bị cáo từng giữ chức vụ cao hay từng ngồi trên thượng tầng của đế chế kinh doanh. Tương tự như hệ thống bầu cử ở Nigêria, thành công của những nỗ lực đó chứng tỏ rằng tham nhũng không phải là lựa chọn duy nhất.

* Hay còn gọi là tội phạm trí tuệ cao, là những người vi phạm quy định về pháp luật nhưng không sử dụng bạo lực để thực hiện các hành vi vì lợi ích tài chính (BT).

Ít người ở Curitiba nghi ngờ về triển vọng của các cuộc điều tra. Số người trong giới tinh hoa liên lụy ngày càng tăng lên cùng với mỗi lời nhận tội. Các chính khách hàng đầu cũng như các ông trùm kinh doanh bắt đầu rơi rụng dần. Trong đó có Marcelo Odebrecht, chẳng bao lâu sau ông này đã bị bắt giam ở Curitiba.

Ngay sau đó, vụ việc đã lan rộng ra ngoài lĩnh vực dầu khí khi các nhà điều tra cố gắng theo dõi các manh mối được thu thập ngày càng nhiều. Cảnh sát và các công tố viên bắt đầu kiểm tra các bộ phận khác trong ngành xây dựng, trong đó có các dự án khổng lồ do chính phủ giao nhằm chuẩn bị cho World Cup 2014 và Olympic Rio 2016. Từ thời gian đó, Sergio Cabral, Thị trưởng thành phố Rio de Janeiro trong giai đoạn diễn ra những sự kiện phô trương này, đã bị kết án 14 năm tù vì nhận hối lộ 66 triệu USD, trong đó có hợp đồng cải tạo sân vận động bóng đá Maracanã nổi tiếng thế giới. Ông trùm kinh doanh Eike Batista, từng là người giàu thứ 8 thế giới, đã bị kết tội hối lộ Thị trưởng Cabral và bị kết án 30 năm tù¹⁰⁵. Nhiều người trong giới tinh hoa Braxin cũng gia nhập cùng họ sau song sắt nhà tù.

Các công ty bắt đầu cảm nhận được hậu quả. Petrobras đã đồng ý nộp phạt 850 triệu USD do các cáo buộc hình sự mà chính quyền Hoa Kỳ và Braxin đưa ra và trả 2,9 tỷ USD nhằm giải quyết một vụ kiện dân sự do các cổ đông của mình khởi xướng¹⁰⁶. Giá trị của Petrobras đã rơi khỏi đỉnh cao của giai đoạn bùng nổ vì vụ bê bối tham nhũng nổ ra ngay khi giá dầu lao dốc. Odebrecht và Braskem thương lượng vụ dàn xếp tổng trị giá 3,5 tỷ USD với chính phủ các nước Braxin, Thụy Sĩ và Hoa Kỳ, mặc dù đã có sự thương lượng để giảm các khoản tiền phạt trả cho mỗi nước vì các công ty này không đủ khả năng thanh toán¹⁰⁷. Nhiều đối tác nước ngoài của Petrobras, trong đó có Rolls-Royce ở Anh, SBM Offshore ở Hà Lan và Keppel Offshore

có trụ sở ở Xingapo, đều đã nộp phạt vài trăm triệu đôla Mỹ để giải quyết các cáo buộc hối lộ¹⁰⁸.

Các hoạt động lớn ở nước ngoài của Odebrecht đã khiến vụ bê bối “Car Wash” lan ra khắp khu vực Mỹ Latinh. Bê bối nổ ra ở Peru, Mêhicô, Vê-nê-xuê-la, Cô-lôm-bia và Ô-nê-đư-rát, tiết lộ cách thức các chính trị gia hàng đầu nhận tiền từ công ty xây dựng khổng lồ của Braxin.

Có lẽ tầng lớp chính trị trên khắp Braxin bị ảnh hưởng nặng nề nhất. Theo nghĩa đen, những lời thú tội khác nhau dính líu tới hàng trăm chính trị gia đương nhiệm của tất cả các đảng phái lớn. Hơn 80 nghị sĩ Quốc hội phải đối mặt với các thủ tục pháp lý.

Công chúng, đứng trước quy mô tham nhũng cùng với suy thoái kinh tế nặng nề, đã phản ứng một cách đầy phần nộ. Năm 2015, người dân Braxin đổ ra đường để phản đối, chỉ riêng ở São Paulo đã có 200.000 người biểu tình tuần hành. Tổng thống Rousseff rơi vào tâm bão. Mặc dù không liên quan trực tiếp đến vụ tham nhũng “Car Wash” khi nó xảy ra, nhưng bà từng là Chủ tịch Hội đồng quản trị Petrobras và sau đó trở thành Tổng thống trong khi hàng tỷ đôla Mỹ đã bị đánh cắp.

Người ta kêu gọi luận tội bà Tổng thống, cả dân chúng trên đường phố lẫn các chính trị gia của mọi phe phái chính trị Braxin. Phó Tổng thống Michel Temer, người đứng đầu Đảng Phong trào dân chủ Braxin đầy quyền lực, đã tổ chức thành công một chiến dịch luận tội. Họ phát hiện Rousseff phạm tội thao túng số liệu trong ngân sách liên bang nhằm bóp méo quy mô thâm hụt của chính phủ. Hành vi phạm tội này không phải là thủ đoạn mới và nhiều tranh cãi xung quanh việc liệu lý do đó đã đủ để luận tội hay chưa. Nhưng bầu không khí chính trị đã ngả sang phía chống lại Rousseff và những lá phiếu đòi bà ra đi cho thấy rõ điều đó. Temer trở thành Tổng thống ngay sau khi bước chuyển giao quyền lực diễn ra thành công.

Nhưng vụ “Car Wash” không phải là để nhấn chìm tham vọng chính trị. Nhiệm kỳ tổng thống không được lòng dân của Temer kéo dài chưa được một năm thì đã xuất hiện các đoạn băng ghi âm từ một trong những thỏa thuận nhận tội của bị cáo trong vụ “Car Wash”. Các đoạn băng ghi âm dường như cho thấy Temer đồng ý “các khoản thanh toán ngầm” để bảo đảm một chính trị gia nổi tiếng đang ngồi tù vì vụ “Car Wash” không nêu thêm những cái tên khác¹⁰⁹. Sau đó, các công tố viên đã tìm được bằng chứng cho thấy Temer đã nhận hối lộ hàng triệu đôla Mỹ từ một công ty đóng gói thịt lớn, mà công ty này cũng dính líu vào mạng lưới “Car Wash” và cáo buộc Temer tội nhận hối lộ. Temer phủ nhận các cáo buộc này và gọi đó là những cuộc tấn công đã bị chính trị hóa¹¹⁰.

Việc kết tội cựu Tổng thống Lula đã gây ra những cơn chấn động lớn nhất, lớn hơn cả quá trình luận tội Rousseff hay những cáo buộc chống lại Temer. Lula có uy tín cao, chẳng khác gì một huyền thoại. Từng là công nhân và lãnh đạo công đoàn, ông trở thành tổng thống và chứng kiến quá trình phát triển mang tính lịch sử: 30 triệu người Braxin thoát khỏi cảnh đói nghèo cùng cực và đất nước trở thành một trong những nền kinh tế hùng mạnh nhất thế giới. Năm 2018, ông muốn tranh cử tổng thống một lần nữa với mục đích hàn gắn đất nước đang bị tổn thương. Nhưng mạng lưới điều tra rộng lớn của vụ “Car Wash” cũng đã tóm được ông. Năm 2017, ông bị kết án tù vì nhận của OAS - một trong những công ty xây dựng dính líu sâu vào tập đoàn hối lộ của Petrobras - một căn hộ bên bờ biển và các khoản lợi ích khác trị giá khoảng 1 triệu USD¹¹¹. Trong khi vẫn còn những câu hỏi nghiêm trọng, như liệu việc truy tố Lula có phải là động cơ chính trị hay không¹¹², thì kết quả vụ “Car Wash” đã rõ ràng: quyền lực và của cải không còn là những lá chắn bảo vệ người phạm tội trước sự trừng phạt của pháp luật.

Siêu PAC và những người vận động hành lang trong chế độ dân chủ giai đoạn bùng nổ dầu mỏ

Câu chuyện của Braxin cho thấy, không một ai, dù giàu có hay có tầm ảnh hưởng tới mức nào, được phép đứng trên pháp luật. Nhưng nếu pháp luật quá khoan dung thì sao?

Mặc dù chắc chắn là ít kịch tính hơn so với những gì đã diễn ra ở Braxin và Nigieria, nhưng vụ bùng nổ dầu mỏ ở Hoa Kỳ cũng mang lại cho chúng ta những bài học quan trọng về cách thức tiền bạc từ dầu mỏ tác động đến quá trình hoạch định chính sách trong các chế độ dân chủ. Ở Hoa Kỳ, cuối những năm 2000 là giai đoạn bùng nổ dầu mỏ theo cả hai mặt. Giá cả gia tăng, trong khi quy mô sản xuất cũng tăng theo: sản lượng dầu thô của Hoa Kỳ tăng từ 6,8 triệu thùng/ngày vào năm 2008 lên 13 triệu thùng/ngày vào năm 2017. Nhờ sự gia tăng vượt bậc này mà năm 2014, lần đầu tiên kể từ năm 1975, Hoa Kỳ đã vượt qua cả Nga và Ả-rập Xê-út, để giành được danh hiệu nước sản xuất dầu mỏ lớn nhất thế giới¹¹³. Năm 2009, tổng số tiền mà lĩnh vực dầu khí của Hoa Kỳ mang về là khoảng 165 tỷ USD, đến năm 2011 là khoảng 400 tỷ USD - đây là minh họa sơ bộ về sự giàu có mà giai đoạn bùng nổ này mang lại cho Hoa Kỳ. Thời kỳ bùng nổ dầu mỏ đã làm thay đổi chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ, đặc biệt là khi nước này nhập khẩu dầu từ Trung Đông ít hơn hẳn so với trước đây và đã chuyển đổi các vùng của đất nước. Chỉ trong vòng 10 năm, sản lượng dầu của bang Bắc Dakota tăng gấp 10 lần, còn các bang Colorado, Tây Virginia và Wyoming trở thành những điểm nóng về dầu khí. Sau nhiều thập niên suy giảm, năm 2009, sản lượng ở Texas bắt đầu tăng, và tăng gấp 3 lần trong vòng 5 năm sau¹¹⁴.

Năm 2011, giữa lúc mọi thứ đều gia tăng thì một luật sư của Devon Energy, một trong những công ty dầu khí lớn nhất Hoa Kỳ,

gửi email cho một nhân viên trong văn phòng Tổng Chương lý của Oklahoma. “Crystal: rất vui được gặp cô vào tuần trước. Tôi tự hỏi liệu bức thư mà Tổng Chương lý Pruitt dự định gửi cho EPA [Cơ quan Bảo vệ môi trường] về vấn đề phát thải khí mêtan có phải đã thay đổi rất nhiều so với bản dự thảo mà chúng tôi đã đề xuất? Cảm ơn, AJF”. Crystal trả lời: “Xin chào AJ, hiện tại chúng tôi đang trình ký công văn cho các AG [Tổng Chương lý] khác để ký ngay bây giờ. Sau khi hoàn thiện, chúng tôi sẽ gửi. Chúng tôi sẽ thường xuyên cập nhật tình hình để ông được rõ!”¹¹⁵.

Vài ngày sau, EPA, một cơ quan quản lý liên bang, nhận được công văn chính thức của Scott Pruitt, Tổng Chương lý Oklahoma, một trong 5 bang sản xuất nhiều dầu nhất cả nước. Công văn này, được đăng trong cuộc điều tra của tờ *New York Times*, cáo buộc rằng EPA đánh giá quá cao tình trạng ô nhiễm do quá trình khoan giếng khí đốt tự nhiên gây ra. Pruitt chỉ thay đổi 37 trong số 1.016 từ trong bản nháp của Devon.

Soạn thảo công văn chỉ là một phần của quá trình hợp tác chặt chẽ giữa văn phòng của Pruitt và một số công ty dầu khí, khi hai bên đều nỗ lực ngăn cản các quy định về môi trường được ban hành dưới thời Tổng thống Barack Obama. Trong một hình thức hợp tác mới lạ khác, bang Oklahoma đã tham gia nhóm vận động hành lang của ngành dầu khí, gọi là Liên minh các nhà sản xuất năng lượng trong nước, để kiện Bộ Nội vụ liên bang về các quy định liên quan đến động vật hoang dã, do những quy định này đe dọa việc khai thác dầu khí trên những khu vực có khả năng sinh lợi cao. Nếu vụ kiện thành công thì Devon Energy, thành viên của Liên minh này, cùng với hàng chục công ty khác sẽ được lợi.

Ở Hoa Kỳ và những nước khác, cá nhân các chính trị gia và các nhà hoạch định chính sách thường điều chỉnh quan điểm cho phù hợp với chương trình nghị sự của một số nhóm lợi ích là

việc hoàn toàn bình thường. Ví dụ, một số quan chức nhà nước hợp tác chặt chẽ với các nhóm bảo vệ môi trường, trong khi một số người khác nghiêng nhiều hơn về phía các ngành công nghiệp. Câu hỏi khó trả lời là điều gì khiến họ trở nên thân thiết như vậy. Có phải là họ có chung niềm tin? Hay đó là do những khoản tiền mà các công ty và những người giàu có xuất ra nhằm giúp các quan chức cạnh tranh trong những cuộc bầu cử quá tốn kém?

Vào thời điểm diễn ra vụ kiện tập thể kể trên, Harold Hamm, người giàu nhất Oklahoma, đang là lãnh đạo Liên minh các nhà sản xuất năng lượng. Là một tỷ phú tự thân, Hamm là người con thứ 13 trong gia đình nông dân phải thuê ruộng đất của địa chủ (lĩnh canh) và lần đầu tiên tiếp xúc với ngành công nghiệp dầu khí khi làm công việc bơm ga năm ông 16 tuổi. Ông lập ra Continental Resources, và công ty này đã phát triển thành một trong những công ty dầu khí độc lập lớn nhất cả nước. Được coi là người tiên phong trong công nghệ thủy lực cắt phá, khi vụ bùng nổ dầu mỏ đạt tới đỉnh điểm, tài sản của Hamm cũng cán mốc 20 tỷ USD.

Hamm quyên góp tiền cho các chiến dịch tranh cử của Pruitt trong các năm 2010 và 2014, đóng góp một phần trong số tiền 250.000 USD mà ngành công nghiệp dầu khí hỗ trợ cho Pruitt. Những người làm trong ngành dầu khí, như Hamm, ủng hộ nhiệt tình đến mức các khoản quyên góp đổ về như thác lũ ngay cả khi Pruitt không có đối thủ. Đó là chiến dịch tranh cử năm 2014 do chính Hamm làm chủ tịch. Các công ty năng lượng cũng quyên góp một cách hào phóng cho một số ủy ban hành động chính trị (PAC) mà Pruitt đã hỗ trợ thành lập¹¹⁶. Siêu PAC, như nhiều người vẫn gọi, là các tổ chức ở Hoa Kỳ tạo điều kiện cho các tập đoàn và cá nhân tài trợ cho các chiến dịch tranh cử với số tiền lớn hơn khoản tiền mà họ được phép quyên góp trực tiếp một cách hợp pháp cho cá nhân các ứng viên.

Những cuộc chiến của Pruitt chống lại EPA, được các công ty đồng minh của ông ta ủng hộ đã khiến ông ta trở nên nổi tiếng. Khi Tổng thống Trump cần một người làm giám đốc cơ quan này, ông đã bổ nhiệm Pruitt. Điều này khiến các ông trùm trong lĩnh vực dầu khí rất vui mừng - một số người trong bọn họ đã tích cực tư vấn cho Trump cả trước và sau khi ông đắc cử. Năm 2016, Hamm nói với các nhà báo rằng: “Tổng thống không thể chọn được người đứng đầu EPA nào tốt hơn”, trong khi chỉ trích cơ quan này trước đây đã “ban hành quá nhiều quy định”¹¹⁷.

Không có gì ngạc nhiên khi Pruitt, sau khi lên làm Giám đốc EPA, bắt đầu nghĩ đến việc hủy bỏ những quy định mà ông từng đấu tranh chống lại khi còn ở Oklahoma. Chỉ trong vòng một năm, ông ta đã đề xuất bãi bỏ hoặc trì hoãn áp dụng hơn 30 luật lệ về môi trường và không phản đối đề xuất của Nhà Trắng, nói rằng sẽ cắt giảm 25% ngân sách của cơ quan này¹¹⁸.

Thái độ thù địch công khai của Pruitt đối với sứ mệnh của EPA không gây lo ngại cho ông chủ mới của ông ta [Tổng thống Trump]. Nhưng ông ta say mê chức vụ mới của mình. Nhằm tăng cường an ninh và bí mật, ông ta ra lệnh cho cơ quan mua một bộ điện thoại cách âm với giá 43.000 USD. Ông ta thuê một căn hộ của những người vận động hành lang trong ngành năng lượng ở Washington DC với giá rẻ bất ngờ và lợi dụng các mối quan hệ công việc của mình để tìm việc làm cho bà vợ. Ông ta có những chuyến du lịch xa hoa và đề xuất thuê một chiếc máy bay với giá 100.000 USD/tháng. Ông ta đã xóa thông tin nhạy cảm trong lịch trình làm việc công khai của mình¹¹⁹. Do những vi phạm kể trên và những vi phạm khác nữa, Pruitt thường xuyên xuất hiện trên các tiêu đề của các phương tiện truyền thông với hàng tá các cuộc điều tra đạo đức liên bang. Những vụ bê bối này bắt đầu bào mòn sự ủng hộ của Đảng Cộng hòa đối với Pruitt,

nhưng Tổng thống vẫn không lay chuyển. Tuy nhiên, cuối cùng, tham vọng của Pruitt đã hủy hoại ông ta. Theo báo cáo của các phương tiện truyền thông, cuối cùng, khi Pruitt đòi hỏi chức Tổng Chương lý của Hoa Kỳ thì Trump không còn ủng hộ ông ta nữa. Năm 2018, Pruitt từ chức.

Trong khi Pruitt thất bại quá đột ngột, cách ông ta sử dụng tiền có được từ đầu khí để vươn lên vị trí quyền lực và quan tâm tới lợi ích của ngành dầu khí khi còn đương chức là không có gì bất thường. Drew Darby cũng đi theo con đường này. Darby, đại diện của Đảng Cộng hòa ở Texas đã làm Chủ tịch Ủy ban Tài nguyên năng lượng Hạ viện Texas trong vài năm. Từ năm 2013 đến 2016, Darby đã được ngành năng lượng tài trợ 174.000 USD, mặc dù ít nhất trong 4 cuộc vận động bầu cử, ông ta không có đối thủ¹²⁰. Trong khi làm Chủ tịch Ủy ban Tài nguyên năng lượng, Darby cũng nằm trong Ủy ban Chính sách tiền thuê mỏ của Bộ Nội vụ Hoa Kỳ - cơ quan xem xét số tiền mà các công ty phải trả cho chính phủ liên bang để được khai thác dầu khí trên lãnh thổ liên bang và trên Vịnh Mexico. Một số công ty trả tiền thuê, trong đó có Exxon, Chevron và Anadarko, cũng quyên góp tiền cho Darby¹²¹. Trong hệ thống của Hoa Kỳ, đây không phải là việc làm bất hợp pháp hay phải giữ bí mật. Thay vào đó, quan hệ đối tác kiểu này còn được tôn vinh: năm 2013, Hiệp hội Dầu khí Texas đã trao cho Darby giải thưởng trong lĩnh vực lập pháp với tên gọi là Legislative Champion Award.

Trong giai đoạn bùng nổ, đóng góp của ngành dầu khí cho các chiến dịch tranh cử đã gia tăng đáng kể. Chỉ so sánh các năm có chiến dịch tranh cử tổng thống, ta thấy các khoản đóng góp từ ngành công nghiệp này đã tăng từ 27 triệu USD vào năm 2004 lên 40 triệu USD vào năm 2008 và sau đó lên 82 triệu USD vào năm 2012 trước khi lên tới 102 triệu USD vào năm 2016¹²².

Hơn 3/4 số tiền quyên góp dành cho Đảng Cộng hòa. Khoảng một nửa số tiền được chuyển trực tiếp cho các ứng cử viên, đặc biệt là những người đến từ các bang khai thác dầu khí. Phần còn lại dành cho các siêu ủy ban hành động chính trị (siêu PAC) hoặc các nhóm bên ngoài khác. Tên của nhà tài trợ lớn nhất trong ngành này không làm cho những người theo dõi nền chính trị Hoa Kỳ ngạc nhiên. Koch Industries, công ty do 2 nhà gây quỹ bảo thủ nổi tiếng là Charles và David Koch lãnh đạo, đứng đầu danh sách trong các năm 2014, 2016 và 2018, theo sau là Chevron. Gia đình Koch không chỉ mở hầu bao mà còn chĩa mũi dùi “cuộc phản công lén lút nhưng có đầy đủ vũ khí tối tân” vào chương trình nghị sự đang ngày càng gia tăng về biến đổi khí hậu, như Jane Mayer viết trong công trình nghiên cứu về ảnh hưởng chính trị của gia đình này¹²³.

Cùng với vụ bùng nổ dầu khí theo cả hai hướng, thì một thay đổi khác giúp giải thích lý do vì sao ngành dầu khí lại gia tăng đóng góp cho các chiến dịch vận động tranh cử. Năm 2010, Tòa án Tối cao Hoa Kỳ đã phán quyết trong quyết định nhan đề *Citizens United* rằng, không có giới hạn đối với số tiền mà các tổ chức và cá nhân có thể chi ra nhằm thuyết phục cử tri ủng hộ hoặc bác bỏ một ứng cử viên nào đó. Các công ty không thể trao trực tiếp cho các ứng viên, nhưng họ có thể tài trợ cho các tổ chức khác. Quyết định này dẫn đến việc thành lập các siêu PAC và cung cấp cho các cá nhân và công ty giàu có những biện pháp mới nhằm gây ảnh hưởng đến kết quả bầu cử.

Tất cả những khoản tiền dành cho chiến dịch tranh cử đặt ra cho chúng ta câu hỏi khó trả lời: tham nhũng là gì? Giả sử một công ty dầu khí đóng góp khoản tiền lớn cho chiến dịch của một chính trị gia nào đó, và sau đó ông này có những quyết định giúp công ty dầu khí đó kiếm được nhiều tiền hơn. Khoản đóng góp

có thể lớn đến mức nào để nó không tạo ra ảnh hưởng không phù hợp? Quyết định đó phải mang lại lợi ích trực tiếp như thế nào cho công ty để khoản tiền quyền góp không bị coi là hối lộ? Giao dịch này cấu thành tội tham nhũng trong những hoàn cảnh nào?

Trong những năm gần đây, các tòa án ở Hoa Kỳ đã đưa ra những câu trả lời rất thận trọng cho những câu hỏi kiểu như vậy. Một cựu Thống đốc Virginia đã được một doanh nhân tặng món quà trị giá 175.000 USD, sau đó, khi còn đương chức, ông đã có những quyết định mang tính ưu ái đối với doanh nhân kia. Ông ta bị kết án về tội tham nhũng. Nhưng sau đó, năm 2016, Tòa án Tối cao Hoa Kỳ đã lật ngược bản án và khẳng định rằng những quyết định mang tính ưu ái không phải là hành động chính thức và cụ thể của chính phủ, đó chỉ là hình thức ủng hộ chung chung mà một quan chức nhà nước có thể thể hiện với cử tri. Với những tiền lệ pháp lý như thế, người ta có thể tiếp tục những mối quan hệ cộng sinh giữa các công ty dầu khí và các quan chức như Pruitt và Darby.

Quyền góp cho các chiến dịch tranh cử không phải là những khoản tiền duy nhất mà các công ty dầu khí sử dụng nhằm tác động đến chính sách công. Từ năm 2008 đến 2015, mỗi năm, các công ty dầu khí đã chi cho vận động hành lang lên tới 130 triệu USD; trong khi một thập niên trước đó, mỗi năm, họ chỉ chi khoảng 60 triệu USD¹²⁴. Một lần nữa, danh sách những công ty chi nhiều nhất cũng không làm người ta ngạc nhiên: Koch Industries, Occidental, Exxon, Chevron, BP và Shell là những công ty đứng đầu bảng. Nhiều nhà vận động hành lang trong ngành dầu khí được trả công từ những khoản tiền này đã và đang “lúc thì làm nhà vận động hành lang, lúc thì làm cho các cơ quan khác nhau của chính phủ”. Tỷ lệ các nhà vận động hành lang trong ngành dầu khí, từng làm

việc cho các nghị sĩ hoặc các bộ phận khác của chính phủ cao hơn hẳn so với các ngành khác¹²⁵.

Các công ty dầu khí không chỉ sử dụng những người vận động hành lang để tiếp cận các nhà hoạch định chính sách, mà họ còn tìm được cách tác động trực tiếp tới công chúng. Trong hơn 8 năm, các công ty trong ngành này, được dẫn đầu bởi các quỹ liên kết với anh em nhà Koch và các ông trùm dầu mỏ nổi tiếng khác, đã đầu tư nửa tỷ đôla Mỹ vào hơn 90 tổ chức phi lợi nhuận nhằm lan truyền những ý kiến phủ nhận môn khoa học nghiên cứu về quá trình nóng lên toàn cầu. Họ cũng tài trợ cho các công trình nghiên cứu. Theo đánh giá của Mayer, Kochs cùng với ExxonMobil và hiệp hội công nghiệp dầu khí hàng đầu đã tài trợ cho công trình nghiên cứu không được bình duyệt (non-peer-reviewed study) tuyên bố rằng có vẻ tương lai của quần thể gấu Bắc Cực dường như là khá tốt. Một trong những học giả đứng sau công trình “Nghiên cứu theo lối xét lại về gấu Bắc Cực” đã nhận được khoản quyền góp của ngành này lên tới 1,2 triệu USD¹²⁶.

Sau nhiều năm đấu tranh với chính quyền Obama, hiện nay ngành công nghiệp dầu khí đã chuyển sang khai thác những cơ hội do Donald Trump - một người đồng cảm với họ tạo ra. Các nhóm được ngành dầu khí tài trợ đã nhiệt tình cung cấp tiền bạc cho các chiến dịch quảng cáo và truyền thông xã hội nhằm ủng hộ những nỗ lực của chính quyền Trump trong việc cắt giảm các tiêu chuẩn về tiết kiệm nhiên liệu dành cho ô tô. Rốt cuộc, ô tô càng tiêu thụ nhiều xăng thì người ta càng mua nhiều xăng hơn. Những chiến dịch này sử dụng ngôn ngữ của chủ nghĩa tự do cá nhân với những lời quảng cáo trên Facebook: “Ủng hộ Chương trình nghị sự về tự do xe hơi của Tổng thống”. Những khoản tiền của ngành này, được chuyển qua một số hiệp hội, đã được dùng

để tài trợ cho một bản kiến nghị về cùng vấn đề và đã thu được thành công: nhận được 3.300 ý kiến công chúng gửi đến Bộ Tài chính Hoa Kỳ. Cũng như các phương pháp khác, chiến thuật gây ảnh hưởng nói trên là hợp pháp và phổ biến¹²⁷.

Tiền từ ngành dầu khí cũng tạo được ảnh hưởng tới các cơ quan quản lý của chính phủ. Trước khi bị giải tán, Cục Quản lý khoáng sản (MMS) là cơ quan thuộc Bộ Nội vụ Hoa Kỳ, chịu trách nhiệm quản lý lĩnh vực khai thác dầu khí ngoài khơi và mỗi năm thu về hơn 10 tỷ USD tiền thuê mỏ. Theo một cuộc điều tra của Quốc hội, các nhân viên của MMS đã nhận quà của công ty dầu khí, việc làm này vi phạm quy tắc đạo đức công chức nhà nước, trong đó có những chuyến đi chơi golf, trượt tuyết và đánh trận giả (bắn súng sơn), vé xem buổi biểu diễn của Toby Keith và xem một số trận đấu thể thao chuyên nghiệp. Các quan chức uống rượu đến say xỉn, sử dụng ma túy và quan hệ tình dục với nhân viên công ty dầu khí. Trong một chuyến chơi golf do Shell tài trợ, 2 quan chức MMS đã mệt mỏi đến mức không thể lái xe về khách sạn và phải vào nhà nghỉ do công ty sắp xếp. Tổng Thanh tra của Bộ Nội vụ nói rằng, MMS khốn đốn vì “vấn đề đạo đức bại hoại”¹²⁸.

Những cuộc điều tra tiếp theo phát hiện được những khiếm khuyết trong hệ thống MMS đã dẫn đến việc thất thu hàng tỷ đôla Mỹ mỗi năm¹²⁹. Vụ nổ giàn khoan Deepwater Horizon ở Vịnh Mexico, năm 2010, khiến 11 người thiệt mạng và gây ra những thiệt hại to lớn về môi trường, đã đóng chiếc đinh cuối cùng vào quan tài của MMS. Một số báo cáo chỉ ra rằng, MMS không tiến hành kiểm tra đầy đủ giàn khoan trong suốt thời gian giàn khoan hoạt động¹³⁰. Năm 2010, MMS đã bị giải thể.

Bất chấp tất cả các khoản chi cho chiến dịch tranh cử và vận động hành lang, các công ty dầu khí không thể đơn phương

thiết lập chương trình nghị sự ở Hoa Kỳ. Cũng như ở Braxin và Nigieria, các thiết chế dân chủ và các nhóm công dân thường đẩy lùi được những cố gắng của họ thông qua việc sử dụng một số biện pháp, cả lớn lẫn nhỏ. Văn phòng Trách nhiệm giải trình của Chính phủ Hoa Kỳ, một cơ quan nghiên cứu của Quốc hội, đã báo cáo về những vi phạm chỉ tiêu của Pruitt khi ông ta mua bất động sản cách âm¹³¹. Các khoản đóng góp cho chiến dịch tranh cử, thậm chí nhiều khoản đóng góp cho siêu PAC là minh bạch, và Ủy ban Bầu cử Liên bang, cũng như các nhóm vận động, ví dụ, OpenSecrets.org và Viện Nghiên cứu quốc gia về tiền bạc trong chính trị cung cấp dữ liệu trực tuyến để công dân và các nhà báo có thể biết ai đang tài trợ cho ứng cử viên nào. Người ta cũng làm điều tương tự đối với các dữ liệu vận động hành lang.

Mặc dù có hầu bao rủng rỉnh, nhưng ngành công nghiệp dầu khí chỉ là một nhóm lợi ích, cạnh tranh với các nhóm khác nhằm gây ảnh hưởng đến chính sách công ở Hoa Kỳ mà thôi. Năm 2017, giới vận động hành lang của ngành dầu khí đã thất vọng trước việc bang Maryland cùng với bang New York cấm khai thác bằng công nghệ thủy lực cắt phá. Thống đốc Maryland, đảng viên Đảng Cộng hòa, đã ủng hộ lệnh cấm được cơ quan lập pháp bang - do Đảng Dân chủ kiểm soát - bỏ phiếu thông qua. Bang Florida ra lệnh cấm khoan trên thềm lục địa. Bên ngoài hệ thống chính thức của chính phủ, các cuộc biểu tình phản đối của người dân đã thành công trong việc trì hoãn, chỉ ít là tạm thời, việc xây dựng các đường ống Keystone XL và Dakota Access. Những bài viết trên các phương tiện truyền thông cho thấy những cố gắng phản cảm hơn của ngành này và sự phản đối của các chuyên gia. Nhờ chủ nghĩa đa nguyên và các thiết chế dân chủ của Hoa Kỳ, các chiến dịch vận động hành lang của ngành dầu khí không thể hy vọng thành công.

Các biện pháp khắc phục đã đủ mạnh?

Ở Braxin, Nigieria và Hoa Kỳ, những quan chức nhà nước đưa ra quyết định có lợi cho một số công ty nhất định thì sau đó, những công ty này cũng ủng hộ chương trình nghị sự chính trị và cá nhân của họ. Dùng NNPC đang rơi vào tình trạng rối loạn của Nigieria làm phương tiện, Bộ trưởng Alison-Madueke đã chuyển hàng tỷ đôla Mỹ tiền từ dầu mỏ sang những công ty do các đồng minh của bà lãnh đạo. Những con tàu chở đầy dầu được giảm giá nối đuôi nhau rời khỏi Nigieria và nguồn thu từ dầu mỏ đáng lẽ phải dành cho những khoản chi tiêu công thì cuối cùng lại được sử dụng để phục vụ lối sống xa hoa của bà. Ở Braxin, các chính trị gia, các giám đốc điều hành công ty dầu khí quốc gia và các ông trùm ngành xây dựng đã phát triển một hệ thống vô đạo đức và tinh vi nhằm bòn rút công quỹ thông qua những hợp đồng nâng giá đến mức giả tạo. Hàng trăm quan chức nhà nước đã tham gia, và các công ty thành lập hẳn những bộ phận chuyên thực hiện những âm mưu này. Ở Hoa Kỳ, tiền thu được từ ngành dầu khí chảy vào các chiến dịch vận động tranh cử và phí vận động hành lang, đồng thời tạo được ảnh hưởng lên chính sách.

Các thiết chế dân chủ và giám sát có thể cung cấp cho chúng ta một số biện pháp khắc phục những căn bệnh này. Tất cả các cơ chế giải trình có thể giúp hạn chế tham nhũng quy mô lớn. Bên trong chính phủ, có các tòa án - như ở Braxin, cũng như các cơ quan giám sát - như các thanh tra và tổng kiểm toán. Nếu các cơ quan lập pháp thực hiện đúng chức năng, họ có thể gióng lên những hồi chuông cảnh báo về tham nhũng và tiến hành các cuộc điều tra. Các cuộc bầu cử cũng có thể khiến các nhà lãnh đạo

tham nhũng phải đối mặt với những hậu quả. Các tổ chức bên ngoài chính phủ cũng quan trọng không kém, như báo chí tự do, các cơ quan nghiên cứu với các công trình nghiên cứu độc lập có thể đơm hoa kết trái và các nhà hoạt động xã hội có thể làm công việc của mình mà không bị đe dọa. Ở Nigieria và Braxin, các phương tiện truyền thông và các nhóm xã hội dân sự đã tìm ra nguyên nhân tham nhũng và gây áp lực buộc người ta phải giải quyết. Ở Hoa Kỳ, những nhóm này tìm cách phơi bày và giảm bớt tầm ảnh hưởng của hoạt động vận động hành lang của ngành dầu khí đối với chính phủ.

Trong nhiều tình huống chính trị, việc củng cố các cơ chế giải trình có thể giúp phòng chống tham nhũng. Hầu hết những nỗ lực này phải xuất phát từ trong nước thì mới đạt được lợi ích lâu dài. Tuy nhiên, các tổ chức quốc tế cũng có thể hữu ích. Nhiều quốc gia có những chương trình nhằm củng cố các tổ chức này ở các nước đang phát triển có nguy cơ tham nhũng cao và coi đây là một phần của viện trợ nước ngoài. Tuy nhiên, các chương trình viện trợ này chỉ là một phần rất nhỏ của toàn bộ hoạt động hỗ trợ phát triển. Năm 2016, Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID) chỉ chưa đến 10% ngân sách cho công tác hỗ trợ dân chủ và cải cách quản trị ở nước ngoài¹³². Từ những câu chuyện vừa nêu, dường như có thể rút ra kết luận: cần phải ủng hộ hơn nữa các thiết chế dân chủ.

Tuy nhiên, không nên đánh giá thấp những thách thức mà các nước như Braxin, Nigieria và Hoa Kỳ sẽ phải đối mặt. Các yếu tố mang tính cơ cấu là nguyên nhân của nạn tham nhũng vẫn còn tồn tại: nền chính trị kim tiền, giới tinh hoa chính trị cần phải được các phe phái đẩy quyền lực khác ủng hộ, ranh giới mờ nhạt giữa khu vực công và tư, và chính bản thân ngành dầu khí.

Mặc dù một số chính khách chủ mưu các vụ lừa đảo đã bị trừng phạt; nhưng không có sẵn các chính khách thay thế, có thể tiếp quản. Những người lên nắm quyền, ở mức độ nào đó, sẽ vẫn là một phần của hệ thống, hay chí ít là mắc nợ những người cầm quyền trước.

Khi các nhà lãnh đạo chính trị và kinh doanh của Braxin tiếp tục bị hạ bệ, một số người đặt câu hỏi: có nên nói lỏng hình phạt hay không? Nếu nền kinh tế và sự ổn định chính trị của đất nước phụ thuộc vào giới thượng lưu hiện nay, thì có lẽ họ “quá lớn, đến mức không thể thất bại?”¹³³. Các nhà phân tích so sánh tình hình này với chiến dịch chống tham nhũng “Bàn tay sạch” (Clean Hands) ở Italia trong những năm 1990, không chỉ hạ bệ được một số nhân vật quyền lực, mà còn dẫn tới cuộc khủng hoảng chính trị kéo dài. Có nên tha thứ cho các nhà lãnh đạo doanh nghiệp để họ có thể tiếp tục đóng vai trò chủ chốt trong nền kinh tế đang gặp khó khăn? Có nên để các chính trị gia tiếp tục nắm quyền, nhưng phải chịu những quy định chặt chẽ hơn và bị giám sát kỹ lưỡng hơn hay không?

Jair Bolsonaro sẽ trả lời một số câu hỏi vừa nêu. Chính trị gia bảo thủ này đã giành chiến thắng trong cuộc bầu cử tổng thống năm 2018 ở Braxin bằng những lời hứa chống tham nhũng và lập trường dân túy cánh hữu quyết liệt. Sau vụ bê bối “Car Wash”, suy thoái kinh tế và thất vọng về những năm cầm quyền của Đảng Công nhân, các cử tri Braxin chắc chắn mong chờ một sự thay đổi. Bolsonaro hứa rằng sẽ không bổ nhiệm bất kỳ ai từng bị kết tội tham nhũng. Nhưng có thể, ở Braxin, không đấu tranh chống tham nhũng thì không thể cai trị được. Ông bổ nhiệm vị thẩm phán đã đưa nhiều kẻ chủ mưu vụ “Car Wash” vào tù làm bộ trưởng tư pháp. Một số nhà quan sát tỏ ra bất bình. Họ đặt ra

câu hỏi rằng phải chăng vị thẩm phán được tưởng thưởng địa vị sau khi đã đưa Lula vào tù và ngăn cản ông cạnh tranh với Bolsonaro trong cuộc bầu cử. Trong khi những người khác ca ngợi động thái này, họ nói rằng, nó có thể dẫn đến việc thông qua những đạo luật phòng chống tham nhũng cứng rắn hơn.

Ở Nigieria, giá dầu hạ và vị tổng thống ít đòi hỏi lộ hơn đã làm giảm hiện tượng tham nhũng trong lĩnh vực dầu khí. Nhưng trước cuộc bầu cử năm 2019, các phe phái khác nhau trong giới tinh hoa chính trị lại bắt đầu tranh giành và các ứng viên tìm cách huy động hàng trăm triệu đôla Mỹ mà họ cần để giành chiến thắng. Các tổ chức của Nigieria, trong đó có công ty dầu khí quốc gia hoạt động kém hiệu quả, vẫn rất dễ bị lạm dụng. Không có gì ngạc nhiên: một chính trị gia thực sự cải tổ NNPC sẽ mất đi một nguồn kinh phí quan trọng và sự bảo trợ mà ông ta cần để duy trì quyền lực. Và do đó, hệ thống này cứ thế tự duy trì đến muôn đời sau.

Phơi bày vấn nạn tham nhũng ở Braxin và Nigieria không mang lại cho những nước này tương lai sạch sẽ và ngăn nắp. Tham nhũng sẽ tiếp tục chiến đấu với các thiết chế dân chủ còn người dân thì cảm thấy nản lòng. Nhưng ít nhất, đây cũng là một cuộc chiến đấu. Chương tiếp theo sẽ kể những câu chuyện về giai đoạn bùng nổ ở một số quốc gia, nơi chế độ đạo tặc trị lan tràn liên mạch từ chính phủ sang khu vực tư nhân. Trong những hoàn cảnh như vậy, con đường dẫn tới tiến bộ thậm chí còn mờ mịt hơn.

NHỮNG ÔNG HOÀNG CỦA CHẾ ĐỘ THAM NHŨNG

Đầu năm 2018, cả hai chị em Isabel và José Filomeno dos Santos đều thất nghiệp. Cha của họ, José Eduardo dos Santos, đã cai trị Ănggôla trong 38 năm trước khi từ chức vào năm 2017. Ông đã chứng kiến cuộc nội chiến kéo dài suốt nhiều thập niên làm hàng nghìn dân thường thiệt mạng và để lại vùng nông thôn Ănggôla đầy bom mìn. Sau khi giành chiến thắng trong cuộc xung đột, ông đã dựng lên chế độ đạo tặc trị phức tạp nhất châu Phi.

Kể từ khi chiến tranh kết thúc vào năm 2002, sản lượng dầu khai thác được của nước này đã tăng hơn 2 lần. Trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ, xã hội Ănggôla bị chia tách rõ rệt xét về khoảng cách giàu nghèo. Các thành viên gia đình dos Santos và một nhóm đồng minh thân cận với ông ta đã kiếm được khối tài sản trị giá hàng tỷ đôla Mỹ. Những tòa nhà chọc trời bóng loáng, những khu phức hợp nhà ở sang trọng, rợp bóng cây xanh, mọc lên trên khắp Thủ đô Luanda, các cửa hàng đồ hiệu, những chiếc xe hơi sang trọng, các hộp đêm chỉ dành cho một nhóm người đặc tuyển mọc lên như nấm sau mưa. Chính phủ tuyên bố Luanda đã trở thành “Dubai mới”. Kiêu dân và ngoại tệ chảy vào thành phố, giá thuê nhà tăng lên ngang với những thành phố đắt đỏ nhất thế giới, và người ta kể cho nhau nghe những câu chuyện

về lon Coca-Cola giá 15 USD, trái dừa hấu giá 150 USD. Tuy nhiên, phần lớn trong số 29 triệu người dân Ănggôla không được hưởng những điều kiện như vậy, mức sống của họ vẫn thuộc mức thấp nhất thế giới. Ngay cả trong thành phố thủ đô đang bùng nổ, y tế, giáo dục, vệ sinh và nguồn điện vẫn nghèo nàn một cách đáng thương.

Năm 2017, sau khi chứng kiến sự chênh lệch này, dos Santos, lúc đó đã 74 tuổi, quyết định dần xếp để nghỉ hưu. Ông ta tìm kiếm người kế nhiệm chứ không bám víu vào quyền lực cho đến chết như một số nhà độc tài ở những nước châu Phi nhiều dầu mỏ khác. Trước khi diễn ra cuộc bầu cử, dos Santos đã đưa João Lourenço, một đồng minh chính trị của ông ta lên lãnh đạo đảng cầm quyền. Sau đó, đảng cầm quyền thắng cử một cách dễ dàng, dos Santos rút lui và Lourenço lên kế nhiệm.

Bên cạnh việc chọn người kế nhiệm, dos Santos còn tiến hành những bước đi khác nhằm bảo đảm di sản của mình. Năm 2016, ông ta đưa con gái của mình là Isabel lên làm Giám đốc Sonangol, công ty dầu khí quốc gia đầy quyền lực của đất nước. Địa vị nổi bật này, chắc chắn nằm trong số 5 vị trí có ảnh hưởng nhất trên toàn quốc, bên cạnh danh mục đầu tư trong nhiều lĩnh vực của Isabel. Là người phụ nữ giàu nhất châu Phi, bà có cuộc sống xa hoa - tham dự các sự kiện ở Cannes, đeo viên kim cương 400 carat, tổ chức những bữa tiệc cầu kỳ để chiêu đãi bạn bè. Bà còn kiểm soát đế chế kinh doanh trải dài trong nhiều lĩnh vực từ ngân hàng, kim cương, năng lượng đến truyền thông và viễn thông, cả ở Ănggôla lẫn nước ngoài. Tài sản của bà bao gồm 25% mạng điện thoại di động lớn nhất Ănggôla và gần một nửa ngân hàng lớn nhất đất nước này. Ở Bồ Đào Nha, bà sở hữu cổ phần trong công ty dầu khí Galp Energia, một công ty kỹ thuật lớn, và công ty truyền hình cáp và viễn thông khổng lồ Nos SGPS¹.

Các khoản đầu tư của Isabel và những người Ănggôla giàu có khác đã đưa một lượng tiền mặt dồi dào vào nền kinh tế Bồ Đào Nha, vốn đang bị suy thoái đúng vào lúc vụ bùng nổ dầu mỏ bắt đầu ở Ănggôla. Những khoản đầu tư ở Bồ Đào Nha đã cung cấp cho người Ănggôla tính hợp pháp quốc tế và địa điểm an toàn để cất giữ những khoản tiền cả hợp pháp lẫn bất hợp pháp. Một nhà hoạt động phòng chống tham nhũng ở Bồ Đào Nha nhận xét: “Nếu Ănggôla là tiền trạm của tham nhũng, thì Bồ Đào Nha là hậu phương”². Nhưng xác định và ngăn chặn các khoản tiền bị đánh cắp không phải là việc dễ dàng. Khi con gái của nhà cai trị độc tài ở đất nước nhiều dầu mỏ, lại là tỷ phú và là cổ đông lớn của một công ty viễn thông và truyền thông lớn ở châu Âu với hàng triệu thuê bao, làm sao bạn tìm được ranh giới giữa kinh doanh hợp pháp và bất hợp pháp?³.

Năm 2013, một cuộc điều tra của *Forbes* đã truy tìm nguồn gốc tài sản của Isabel từ địa vị của cha bà. Các nhà báo nhận xét: “Chúng tôi truy được là, tất cả những khoản đầu tư lớn ở Ănggôla do dos Santos thực hiện đều bắt nguồn từ việc nắm một phần vốn của công ty muốn kinh doanh ở nước này hoặc bút phê của Tổng thống đưa bà ta vào”⁴. Isabel phủ nhận cáo buộc nói rằng bà được hưởng lợi do có cha là tổng thống. Phát ngôn viên của bà nói: “Bà là nữ doanh nhân độc lập và là nhà đầu tư tư nhân chỉ đại diện cho quyền lợi của riêng mình”⁵. Tuy nhiên, cha của bà ra đi cũng là lúc vai trò của bà ở Sonangol kết thúc: không lâu sau khi Lourenço lên nắm quyền, bà đã được cho nghỉ việc - một đòn giáng mạnh vào nỗ lực duy trì ảnh hưởng của gia đình này. Tệ hơn nữa là, công ty này đã điều tra về khả năng tham ô trong thời gian bà chịu trách nhiệm quản lý⁶.

Nếu Isabel cho chúng ta thấy những biện pháp mà giới đạo tặc trị dùng để gom góp của cải và chuyển tài sản ra khắp

thế giới, thì em trai của bà, José Filomeno, cho chúng ta thấy cách thức họ sử dụng các cơ quan nhà nước nhằm theo đuổi những mục tiêu cá nhân. Năm 2011, noi gương nhiều nước giàu dầu mỏ khác, Ănggôla thành lập quỹ đầu tư quốc gia với số vốn đầu tư ban đầu là 5 tỷ USD. Tổng thống đã đưa con trai mình vào vị trí điều hành hoạt động mới này. Đến lượt mình, người con trai lại bổ nhiệm một trong những người bạn của mình, doanh nhân người Thụy Sĩ gốc Ănggôla, Jean-Claude Bastos de Moraes, làm người quản lý tài sản của quỹ.

Hồ sơ thiên đường (Paradise Papers) cho chúng ta thấy cách thức mà 2 người này đảm nhận những trọng trách của mình. Năm 2017, một nhóm các tổ chức truyền thông nhận được nhiều tài liệu rò rỉ từ Appleby, một công ty tự xưng là “công ty luật nước ngoài hàng đầu”. Được đặt biệt danh là Hồ sơ thiên đường vì những văn phòng lớn của Appleby nằm ở những nơi như Bermuda và Quần đảo Cayman. Những hồ sơ bị rò rỉ này cho thấy cách thức những người giàu có sử dụng các thiên đường thuế khóa, các công ty bình phong và những công cụ khác nhằm che giấu những giao dịch tài chính và tránh thuế.

Vụ rò rỉ Hồ sơ thiên đường cho thấy cách thức hoạt động của quỹ đầu tư quốc gia Ănggôla đã mang lại lợi ích cho những đồng minh của chế độ, ví dụ Bastos. Trong khi Bastos quản lý tài sản của quỹ này, thì quỹ lại đầu tư vào ít nhất 4 dự án mà Bastos là cổ đông lớn. Ví dụ, quỹ đầu tư quốc gia quyết định đầu tư vào cảng nước sâu mới do công ty của Bastos đang xây dựng trên bờ biển phía bắc Ănggôla. Công trình xây dựng một khách sạn sang trọng và khu phức hợp mua sắm ở thủ đô cũng tương tự như vậy⁷. Hành động tự trục lợi này đã tạo ra xung đột lợi ích rõ ràng. Ngoài ra, trong hai năm 2014 và 2015, công ty của Bastos đã nhận hơn 90 triệu USD trả cho dịch vụ quản lý tài sản mà họ đã thực hiện.

Sau đó, những khoản tiền được chuyển vào một chuỗi các công ty ở nước ngoài mà ông ta kiểm soát⁸. Bastos và công ty của ông ta phủ nhận mọi hành động sai trái, đồng thời nói rằng ông ta đã tiết lộ quyền lợi của mình trong các công ty và những giao dịch này mang lại lợi ích cho tất cả các bên: “Quyền lợi của tất cả các cổ đông được điều chỉnh phù hợp với tốc độ tăng trưởng và thành công cuối cùng của mọi khoản đầu tư”⁹.

Sau những tiết lộ của Hồ sơ thiên đường, Lourenço cho José Filomeno dos Santos nghỉ việc ở quỹ đầu tư quốc gia. Chỉ vài tháng sau, các công tố viên Ănggôla cáo buộc ông ta tìm cách biến thủ 500 triệu USD công quỹ. Sau đó, Bộ Tài chính nâng số tiền bị đánh cắp lên tới 1,5 tỷ USD¹⁰. Năm 2018, chính phủ bắt giam con trai cựu Tổng thống và Bastos, bạn của ông ta.

Các cáo buộc khẳng định rằng, năm 2017, khi người cha chuẩn bị rời nhiệm sở, José Filomeno dos Santos và một số cộng sự đã thực hiện một âm mưu phức tạp liên quan đến việc thành lập một quỹ đầu tư giả mạo trị giá 35 tỷ USD¹¹. Dưới vỏ bọc của quỹ giả mạo này, họ đã tìm cách chuyển 500 triệu USD từ một tài khoản chính phủ sang tài khoản ngân hàng HSBC, London, của một công ty bình phong, đăng ký ở Vương quốc Anh mà một trong những cộng sự của ông ta kiểm soát. Theo tờ *Wall Street Journal*, “các điều tra viên tìm hiểu giao dịch cho Ănggôla đã xác định được nơi cất giấu các tài liệu ngân hàng giả mạo và những nhân vật theo phong cách bộ phim *Ocean’s Eleven* (Mười một tên cướp thế kỷ), trong đó có một người Braxin đeo mặt nạ ở Tokyo và một kỹ sư nông nghiệp người Hà Lan”¹². Trong những thủ tục giấy tờ kèm theo vụ chuyển tiền này có một thư bảo lãnh giả mạo từ ngân hàng Credit Suisse. Nhóm này đã chuyển tiền thành công, nhưng cuối cùng, một nhân viên giao dịch ngân hàng ở London đã cảm thấy điều mờ ám và nộp

báo cáo về hoạt động đáng ngờ. Chính quyền Ănggôla, dưới sự lãnh đạo của Lourenço, đã tiếp nhận vụ việc và đệ đơn cáo buộc con trai của cựu Tổng thống¹³.

Những vụ bê bối này đã làm cho các bên lâm vào cuộc tranh chấp kéo dài. Cụ thể là, quỹ đầu tư quốc gia đã tìm cách thu hồi tiền bạc của mình từ tài sản ở các công ty của Bastos. Chính quyền Anh và Thụy Sĩ vào cuộc, họ đột kích các văn phòng, đóng băng tài khoản và mở các cuộc điều tra của riêng mình. Năm 2019, sau các cuộc đàm phán kéo dài, quỹ đầu tư quốc gia và công ty của Bastos đã đạt được thỏa thuận bí mật. Chính quyền Ănggôla nói rằng, họ đã thu hồi hơn 3 tỷ USD từ tài sản của Bastos, Thụy Sĩ và Anh kết thúc điều tra, Ănggôla rút lại những cáo buộc chống dos Santos và đôi bạn được trả tự do¹⁴.

Nhiều người Ănggôla chào đón cuộc điều tra người thừa kế của dos Santos với thái độ vui mừng xen lẫn ngạc nhiên. Tuy nhiên, vẫn chưa rõ là ban lãnh đạo mới có tìm cách cải tổ bộ máy chính trị hay chỉ đơn giản là thay thế những “tay trong” cũ bằng những “tay trong” mới. Dù sao, cũng khó lật ngược được di sản của chế độ dos Santos. Trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ, chế độ này đã giúp giới tinh hoa chính trị kiếm được hàng tỷ đôla Mỹ. Những người này hiện rất quan tâm tới sự tồn vong của hệ thống.

Chế độ đạo tặc trị độc tài ở những nước giàu dầu mỏ

Những ông hoàng của giới đạo tặc trị được nói tới trong chương này là những người ngồi trên đỉnh của những cỗ máy phức tạp, có thể biến dầu mỏ thành quyền lực chính trị. Chế độ đạo tặc trị hoạt động trơn tru nhất khi quyền lực nằm ở trung ương, trong tay một nhà lãnh đạo độc tài cứng rắn. Không bị phe đối lập hoặc cơ quan giám sát trói chân trói tay, người này có thể sử dụng các

thể chế và nguồn thu của chính phủ nhằm củng cố quyền lực của mình. Ở các nước có nhiều dầu mỏ, lĩnh vực dầu khí và bộ máy quản lý của nó trở thành trung tâm của những hoạt động theo hướng này.

Trong những thập niên 1960 và 1970, các học giả bắt đầu sử dụng thuật ngữ “chế độ đạo tặc trị” (kleptocracy) để mô tả nền chính trị của một số quốc gia châu Phi, châu Á và khu vực Mỹ Latinh. Mặc dù có nhiều định nghĩa về chế độ này nhưng các khái niệm chính vẫn khá nhất quán. Như đã đề cập, chế độ đạo tặc trị tồn tại ở một đất nước nơi nạn tham nhũng lan tràn với quy mô lớn và do những người cầm quyền gây ra. Giới tinh hoa cầm quyền này thao túng hoạt động của tất cả các tổ chức của chính phủ nhằm thúc đẩy những chương trình nghị sự chính trị hay cá nhân của mình và gây thiệt hại cho công chúng. Kết quả là, tham nhũng trở thành một phần không thể thiếu đối với hoạt động của chính phủ, và theo một số học giả hàng đầu, “các thiết chế chính thức [ví dụ, tòa án hoặc luật lệ bầu cử] không đặt ra những hạn chế đáng kể đối với hành động của các chính trị gia, cũng như buộc họ phải có trách nhiệm giải trình trước công dân”¹⁵.

Các chế độ đạo tặc trị ở Ảnggôla, Adécbaigian và Nga - trọng tâm của chương này - có một số đặc điểm khiến chúng trở nên ổn định, thành công và rất khó phá bỏ. Theo khía cạnh nào đó, tham nhũng trong các chế độ đạo tặc trị nhiều dầu mỏ cũng tương tự như tham nhũng trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ ở các nước dân chủ như Braxin, Nigiêria và Hoa Kỳ. Trong những chế độ này, một người hoặc một nhóm ít người độc chiếm quyền lực. Mặc dù có thể tồn tại nhiều ý kiến bất đồng, nhưng mọi người đều biết ai là người chịu trách nhiệm chính. Các thành viên của nhóm tinh hoa cầm quyền có thể là chủ sở hữu các công ty dầu khí và trở nên rất giàu có, nhưng dầu khí và doanh thu

từ dầu khí thực sự là tài sản của người lãnh đạo vì ông ta có quyền quyết định ai được nhận cái gì. Kết quả là, chế độ đạo tặc trị vận hành theo cấu trúc từ trên xuống dưới, có thứ bậc và lòng trung thành được tưởng thưởng.

Vì người lãnh đạo nắm chắc quyền lực trong tay, ông ta thường giữ được địa vị trong một thời gian dài. Nigêria và Braxin thì ngược lại, các chính trị gia ở những nước này biết rằng nhiệm kỳ của họ khó có thể kéo dài quá 8 năm và chỉ vài tháng sau khi cuộc bầu cử gần nhất kết thúc là người ta đã lập kế hoạch cho cuộc bầu cử tiếp theo. Đối với lĩnh vực dầu khí, tầm nhìn dài hạn hơn có thể khiến nhà lãnh đạo quan tâm đến kết quả hoạt động lâu dài của nó.

Nhà lãnh đạo trong chế độ đạo tặc trị kiểm soát và quyết định hành vi của các cơ quan nhà nước. Những câu chuyện sau đây cho thấy những biện pháp mà các nhà lãnh đạo đã sử dụng những công ty dầu khí quốc gia, thuế vụ, hải quan và nhiều cơ quan nhà nước khác nhằm phục vụ các chương trình nghị sự cá nhân của mình. Trong một chế độ đạo tặc trị có cấu trúc xuyên suốt từ trên xuống dưới, người lãnh đạo còn nắm giữ các cơ quan kiểm soát và cân bằng chính thức, ví dụ như tòa án hoặc cơ quan lập pháp, vì vậy họ không hề lo sợ trước sự giám sát của những cơ quan này.

Cuối cùng, kết quả của sự kiểm soát toàn diện này là tham nhũng trở nên có hệ thống và được coi là bình thường. Những trò chơi quyền lực khác nhau được mô tả trong chương này chắc chắn được coi là tham nhũng, trong đó các quan chức chính phủ thao túng hoạt động của cơ quan nhà nước nhằm thúc đẩy các chương trình nghị sự cá nhân hoặc chính trị hạn hẹp của mình mà không vì lợi ích công. Tuy nhiên, nhiều hoạt động của họ là hoàn toàn hợp pháp. Khi có quyền kiểm soát toàn bộ chính phủ,

người ta thường không cần phải vi phạm luật để khẳng định chương trình nghị sự của mình. Có cảm giác tham nhũng là điều không thể tránh khỏi. Mọi thứ đơn giản là như thế.

Bản phác thảo về cách thức hoạt động của chế độ đạo tặc trị này được áp dụng ở nhiều mức độ khác nhau đối với các nước có nhiều dầu mỏ. Phần lớn các công trình nghiên cứu về ảnh hưởng chính trị của dầu mỏ đều kết luận rằng, tài sản do dầu mỏ mang lại có xu hướng làm suy yếu hệ thống dân chủ và tập trung quyền lực vào tay một số cá nhân¹⁶. Trong một công trình nghiên cứu hàng đầu về vấn đề này, nhà nghiên cứu chính trị Michael Ross phát hiện được rằng, khả năng chuyển đổi sang chế độ dân chủ của các quốc gia giàu dầu mỏ thấp hơn 40% so với các nước không có nhiều dầu mỏ.

Nga, Adécbaigian và Ănggôla chắc chắn là những ví dụ điển hình về các nước có nhiều dầu mỏ, nơi chế độ dân chủ đã và đang phải chiến đấu để bám trụ. Các nhà lãnh đạo độc tài của những nước này đã thao túng lĩnh vực dầu khí để có thêm quyền lực, chủ yếu bằng cách làm giàu cho một nhóm nhỏ các ông trùm trung thành với mình, đánh đổi bằng mồ hôi, nước mắt của đa số người dân. Mô hình này cũng có thể áp dụng cho một vài nước khác. Ví dụ, trong những năm bùng nổ dầu mỏ, các vấn đề trong lĩnh vực dầu khí ở Cadăcxtan và Angiêri cũng diễn ra theo mô hình tương tự.

Mặc dù vẫn là đề tài tranh luận, một nhóm các nước có rất nhiều dầu mỏ, phần lớn đều nằm ở vùng Vịnh Ba Tư, được coi là “các quốc gia phân phối” (distributional states), tuy rằng chắc chắn là những nước này có một số đặc điểm của chế độ đạo tặc trị. Baren, Brunây, Côoét, Ôman, Cata, Arập Xêút và Các tiểu vương quốc Arập thống nhất (UAE) có doanh thu từ dầu khí tính trên đầu người cao nhất thế giới. Ở những nước này, chắc chắn

các nhà lãnh đạo sẽ thúc đẩy cơ hội kinh tế cho những đồng minh của mình và là những người cực kỳ giàu có. Tuy nhiên, chênh lệch giữa tài sản của những người này và các công dân khác không đáng kể. Chính phủ những nước này đầu tư rất nhiều cho phúc lợi của người dân. Trợ cấp nhiên liệu và việc làm trong các cơ quan chính phủ là hai trong số những hình thức phân phối lớn nhất, mặc dù chính phủ cũng trợ cấp cho những lĩnh vực như giao thông vận tải, giáo dục, y tế và các dịch vụ khác. Ở một số nước khai thác dầu khí ở Vùng Vịnh, cứ một người làm việc trong khu vực tư nhân thì có khoảng 2 người làm việc cho chính phủ - tỷ lệ này cao gấp 10 lần so với mức trung bình toàn cầu¹⁸. Vì chính phủ chi tiêu nhiều và mật độ dân số thấp, dầu mỏ mang lại lợi ích cho tất cả mọi người; trong những thập niên gần đây, các chỉ số phúc lợi xã hội của những nước này đã được cải thiện nhanh chóng. Một nhà nghiên cứu về Ả-rập Xêút nhận xét, “chưa có thời điểm nào trong lịch sử, Nhà nước Ả-rập Xêút lại quan tâm sâu sắc đến đời sống của dân chúng như giai đoạn đỉnh điểm của thời kỳ bùng nổ dầu mỏ vào đầu những năm 2010 - một yếu tố có thể đã góp phần vào phản ứng kiềm chế của khu vực trước các cuộc nổi dậy của người Ả-rập năm 2011”¹⁹. Tham nhũng ở những nước này có thể khó phát hiện và khó xác định: có rất ít thông tin về việc tiền từ dầu mỏ cuối cùng đã làm giàu cho giới tinh hoa chính trị như thế nào (tuy nhiên, Ả-rập Xêút và UAE đóng vai trò quan trọng trong vụ bê bối, được trình bày ở Chương 5).

Một số nước khác có thể được gọi là các quốc gia đạo tặc trị năng lực thấp. Chính phủ một số nước khai thác dầu mỏ ở châu Phi sử dụng lĩnh vực dầu khí để làm giàu cho bản thân và nhóm người thân cận với mình, chứ không mang lại nhiều lợi ích cho nhân dân nước mình. Họ cũng chứng tỏ rằng mình có khả năng nắm giữ quyền lực trong nhiều thập niên. Nhưng, họ chưa

xây dựng được bộ máy đạo tặc trị sành sỏi về kinh tế như ở Ănggôla, Adécbaigian và Nga. Ví dụ, họ có ít động thái nhằm chuyển doanh thu từ dầu mỏ thành sức mạnh của nhà nước hoặc tạo ảnh hưởng trên trường quốc tế. Camorun, Sát, Cộng hòa Cônggô, Ghinê Xích đạo, Gabông, Libi dưới thời Gaddafi, Nam Xuđăng, Xuđăng và Tuổcmênixtan - nước sản xuất khí đốt tự nhiên lớn - có thể là những nước nằm trong nhóm này. Tham nhũng ở những nước này thường diễn ra theo các hình thức truyền thống. Ví dụ, các nhà chức trách Pháp đã kết án con trai Tổng thống Ghinê Xích đạo về tội biển thủ công quỹ và sử dụng những khoản tiền này để mua biệt thự, ô tô thể thao và những món hàng hóa xa xỉ khác²⁰. Trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ, cách thức tham nhũng ở những nước này cũng biến hóa khôn lường, đặc biệt là người ta ngày càng sử dụng hệ thống tài chính toàn cầu nhiều hơn nhằm luân chuyển những khoản tiền bất chính. Nhưng không may là, hệ thống chính trị chống lưng cho tham nhũng đã tồn tại từ lâu, khá quen thuộc và đã được những người khác nghiên cứu kỹ lưỡng²¹.

Những câu chuyện được kể trong chương này ở nhiều mức độ khác nhau, đều liên quan đến tất cả các nước được nêu trên. Những câu chuyện này cho chúng ta thấy những lựa chọn mà các nhà lãnh đạo chế độ đạo tặc trị có thể sử dụng khi cần thao túng lĩnh vực dầu khí. Nhưng trước khi bắt đầu câu chuyện, tôi cần nói về loài ngỗng.

“Con ngỗng đẻ trứng vàng”

Ngành dầu khí giữ thế thượng phong trong nền kinh tế của các nước như Ănggôla, Adécbaigian và Nga: đây chính là “con ngỗng đẻ trứng vàng”. Có 3 lý do để các lãnh đạo chế độ đạo tặc trị

bền vững quan tâm tới những con ngỗng của mình. *Thứ nhất*, họ phải kiểm soát những con ngỗng này để không người nào có thể đoạt lấy ngỗng hoặc những quả trứng đắt giá của nó. *Thứ hai*, họ phải chăm sóc ngỗng để nó lớn nhanh và đẻ nhiều trứng, cả ở hiện tại lẫn tương lai. *Cuối cùng*, người lãnh đạo phải phân chia trứng cho những nhân vật quyền lực khác để họ vừa trung thành vừa phụ thuộc vào chính quyền của ông ta.

Cả 3 chương trình hành động nói trên đều được thực hiện trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ. Tất nhiên, những chương trình này không phải là toàn bộ câu chuyện về hoạt động chính trị ở Ănggôla, Adécbaigian và Nga. Cùng với những thủ đoạn trong lĩnh vực dầu khí, các nhà lãnh đạo còn sử dụng hành động quân sự, chính sách đối ngoại, tuyên truyền, cải cách Hiến pháp, thao túng bầu cử, đàn áp và các công cụ khác nhằm củng cố chính quyền của mình, nhưng những chiến thuật này không phải là mối quan tâm chính của chúng ta ở đây. Các tác nhân quốc tế cũng có vai trò hỗ trợ, sự đồng lõa của họ sẽ được bàn trong chương tiếp theo.

“Kiểm soát ngỗng”

Ở các nước phụ thuộc vào dầu mỏ, người kiểm soát được lĩnh vực này là người có quyền lực rất lớn. Trong giai đoạn bùng nổ, dầu và khí đốt chiếm hơn 90% kim ngạch xuất khẩu và hơn 75% doanh thu của chính phủ ở Ănggôla và Adécbaigian. Cũng trong giai đoạn này, với nền kinh tế đa dạng hơn, dầu và khí đốt ở Nga vẫn chiếm khoảng 70% kim ngạch xuất khẩu và 50% doanh thu của chính phủ liên bang. Khi giá dầu giảm, dầu vẫn giữ thế thượng phong trong xuất khẩu của cả 3 nước này, đồng thời đóng góp gần một nửa ngân sách của Chính phủ Ănggôla, Chính phủ Adécbaigian và 1/3 ngân sách của Chính phủ Nga²².

Ở Adécbaigian và Ănggôla, các tổng thống trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ đã giành được quyền lực trước khi ngành dầu khí trải qua những giai đoạn phát triển vượt bậc. Năm 1979, dos Santos trở thành tổng thống thứ hai của Ănggôla, lúc đó nước này chỉ khai thác được 146.000 thùng dầu/ngày. Năm 2008, khi vụ bùng nổ dầu mỏ bắt đầu, sản lượng khai thác tăng lên 1,9 triệu thùng/ngày. Ở Adécbaigian, Heydar Aliyev lên cầm quyền vào năm 1993 và sau đó chuyển giao quyền lực cho con trai vào năm 2003. Từ năm 1993 đến 2008, sản lượng dầu của Adécbaigian tăng gấp 4 lần, lên mức 900.000 thùng/ngày.

Vì là người lãnh đạo quá trình tăng trưởng của ngành, những nhà lãnh đạo này khá dễ dàng trong việc khẳng định quyền kiểm soát “đàn ngỗng” của mình. Các công ty dầu khí quốc gia của họ, Socar và Sonangol đã nhập cuộc ngay từ đầu và thâm nhập hoạt động của ngành từ lúc đó. Các nhà lãnh đạo của 2 công ty này đều báo cáo trực tiếp với Tổng thống và là những trợ tá trung thành trong các dự án mang tính đạo tặc trị của ông ta. Vì đã kiểm soát lĩnh vực đang bùng nổ này ngay từ đầu, Aliyev và dos Santos có thể sử dụng ngành công nghiệp dầu khí nhằm mở rộng ảnh hưởng của mình đối với phần còn lại của nền kinh tế, như tôi sẽ mô tả trong phần sau.

Tuy nhiên, Vladimir Putin phải đối mặt với thách thức lớn hơn. Ông nhậm chức vào năm 1999 và nhận thấy một số công ty dầu khí tư nhân của Nga là những công ty kinh doanh lớn. Nhờ làn sóng tư nhân hóa quy mô lớn sau khi Liên Xô tan rã, các công ty này đã nắm được tài sản trong lĩnh vực dầu khí mang tầm cỡ quốc tế với giá thấp nhất. Trong những năm hỗn loạn sau đó, các ông chủ của những công ty này đã trở thành những người giàu nhất thế giới. Thế hệ những nhà tài phiệt đầu tiên này không nhờ

Putin mà có tài sản, do đó họ không phụ thuộc nhiều vào quyền lực của ông.

Ngành công nghiệp dầu khí rộng lớn của Nga là trọng tâm của nền kinh tế quốc gia. Trong những năm bùng nổ dầu mỏ, Nga khai thác được khoảng 10 triệu thùng dầu/ngày, chiếm khoảng 12% tổng sản lượng toàn cầu. Phần lớn là từ Siberia và vùng Volga-Urals, nhưng Nga có trữ lượng lớn chưa được khai thác ở Bắc Cực, biển Caspi và những khu vực khác trên vùng lãnh thổ rộng lớn, xa xôi này. Nguồn tài nguyên giàu có này cũng cố thêm đòn bẩy địa - chính trị của Nga, đặc biệt là khi châu Âu nhập từ Nga hơn 1/3 lượng dầu mà họ cần và hơn 2/3 nhu cầu về khí đốt²³. Tài sản từ dầu khí của Nga cũng giúp tạo ra một số tỷ phú trong thời kỳ tư bản sơ khai sau khi Liên Xô sụp đổ.

Đối với Putin, thế hệ những ông trùm đầu tiên có quá nhiều ảnh hưởng đối với con ngỗng vàng. Trước tình hình này, ông đã tiến hành một chiến dịch nhằm đưa lĩnh vực dầu khí trở nên vững mạnh hơn dưới sự lãnh đạo của mình²⁴. Ông chọn Igor Sechin, một đồng minh của mình, trở thành người lãnh đạo chiến dịch và sử dụng công ty dầu khí quốc gia Rosneft trong chiến dịch này. Năm 2004, Rosneft khai thác được 5% lượng dầu của Nga. Mười năm sau, ở đỉnh cao của giai đoạn bùng nổ dầu mỏ, công ty này sản xuất tới 39% dầu khí của Nga và trở thành công ty dầu khí giao dịch công khai (công ty đại chúng) lớn nhất thế giới xét về cả trữ lượng và sản lượng²⁵.

Igor Sechin biết Putin khi họ cùng làm việc tại văn phòng của thị trưởng thành phố St. Petersburg vào đầu những năm 1990 và từ đó trở đi vẫn là người ủng hộ nhiệt thành của Putin. Igor Sechin từng là Phó Chánh Văn phòng của Putin từ năm 2000 đến 2008 và giữ chức Phó Thủ tướng trong 4 năm sau đó. Năm 2004, Putin cử Sechin làm người lãnh đạo Rosneft, và từ năm 2012 trở

thành Chủ tịch của Tập đoàn này. Với biệt danh “Darth Vader”*, bộ mặt đáng sợ và nghiêm khắc của Sechin được mô tả trong bức điện của Đại sứ quán Hoa Kỳ là “mờ ảo đến mức có người nói đùa rằng ông có thể không thực sự tồn tại mà là một loại truyền thuyết đô thị**”, một ông ba bì, do Điện Kremlin tạo ra để gây sợ hãi”²⁶. Một giám đốc điều hành trong lĩnh vực dầu khí, người Anh, đang hoạt động ở Nga nhận xét: “Sechin không hề biểu lộ cảm xúc hay tình cảm nào. Bạn không thể biết ông ta nghĩ gì. Thậm chí ông ta còn không thèm gật đầu. Ông ta giống như một pho tượng vậy”²⁷.

Từ giai đoạn bùng nổ dầu mỏ, giới quan sát cũng gọi Sechin là người đàn ông có quyền lực thứ hai ở Nga. Sau khi Nga sáp nhập Crimea năm 2014, ông ta nằm trong danh sách các cá nhân phải chịu lệnh trừng phạt của Hoa Kỳ. Chính phủ Hoa Kỳ giải thích lý do đưa Sechin vào danh sách này như sau: ông ta “thể hiện lòng trung thành tuyệt đối với V. Putin - thành tố quan trọng đối với địa vị hiện nay của ông ta”.

Có 3 tình tiết quan trọng cho thấy những biện pháp mà Putin và Sechin sử dụng nhằm dựng lên hàng rào bảo vệ “con ngỗng đẻ trứng vàng” này.

Đầu những năm 2000, Mikhail Khodorkovsky là nhân vật quan trọng nhất trong số những ông trùm dầu khí đe dọa quyền

* Nhân vật trong phim *Chiến tranh giữa các vì sao* (ND).

** Truyền thuyết đô thị là một hình thức văn hóa dân gian thời hiện đại, bao gồm những truyện kể mà người kể chúng có thể tin hoặc không tin là có thật. Cũng giống như các truyện dân gian và truyện thần thoại khác, mô tả về những truyền thuyết đô thị không nói lên điều gì về tính xác thực của những câu chuyện đó mà chỉ đơn thuần nói rằng những truyện kể ấy lưu hành trong xã hội, tam sao thất bản qua thời gian và chứa đựng trong đó những ý nghĩa góp phần thúc đẩy cộng đồng bảo tồn và truyền bá nó (ND).

kiểm soát “con ngỗng đẻ trứng vàng” ở Nga. Thành tích kinh doanh của Khodorkovsky kéo dài từ những năm dưới thời Gorbachev, khi ông ta và những người bạn của mình tận dụng các mối quan hệ của Liên đoàn thanh niên cộng sản để mở một quán cà phê tư nhân và bắt đầu những dự án kinh doanh nhỏ như nhập rượu từ Pháp và máy tính của nước ngoài. Sau nhiều năm, ông ta bước vào lĩnh vực ngân hàng và mở rộng các hoạt động kinh doanh của mình. Năm 1995, những năm đầu tiên của nước Nga hậu Xôviết, Khodorkovsky ở tuổi 32 tuổi đã cùng một vài đồng nghiệp mua lại công ty dầu khí Yukos tại một trong những cuộc bán đấu giá với mục đích chuyển tài sản thuộc sở hữu nhà nước vào tay tư nhân. Ông ta chỉ phải trả một khoản tiền không đáng kể là 320 triệu USD thông qua quá trình đã bị những vụ xung đột lợi ích vây bủa. Ví dụ, trước khi bị bán, ngân hàng của chính Khodorkovsky cho công ty Yukos vay tiền, Yukos vỡ nợ, sau đó ngân hàng này tổ chức đấu giá, để rồi cuối cùng ông chủ của nó là người thắng cuộc.

Yukos nắm trong tay một số mỏ dầu lớn nhất ở Siberia, nhưng hoạt động kém vì cơ chế thị trường hỗn loạn và tiêu chuẩn hoạt động thấp. Sau vài năm khó khăn ban đầu, Khodorkovsky bắt đầu xây dựng một công ty dầu khí tầm cỡ thế giới bằng cách đưa các kỹ sư phương Tây tới nhằm cải thiện kỹ thuật sản xuất lạc hậu ở những khu mỏ này. Đến năm 2000, sản lượng khai thác của Yukos bắt đầu tăng vọt. Khodorkovsky đầu tư vào quản trị doanh nghiệp và thu hút các khoản đầu tư lớn từ nước ngoài; ông ta niêm yết công ty trên thị trường chứng khoán Moscow và London; và năm 2003, ông ta mua lại OAO Sibneft - một công ty dầu khí lớn khác. Đến năm 2004, công ty hợp nhất có giá trị vốn hóa thị trường

là 36 tỷ USD - lớn nhất trong số các công ty dầu khí của Nga - và khai thác được 1,7 triệu thùng dầu/ngày, tương đương khoảng 20% tổng sản lượng dầu của nước Nga²⁸.

Cổ phiếu của Khodorkovsky gia tăng cùng với cổ phiếu của Yukos. Ông ta trở thành người giàu có đến mức khó tin, được *Forbes* xếp hạng là người giàu thứ 16 thế giới năm 2004. Ông ta có vai trò mà ai cũng thấy trên trường quốc tế, từng ăn trưa với Tổng thống Hoa Kỳ George W. Bush, từng quyên góp cho Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ, đồng thời đưa Henry Kissinger và những người nổi tiếng khác vào Hội đồng quản trị Quỹ nước Nga mở rộng của mình²⁹. Khi đế chế kinh doanh phình ra, cũng là lúc ông ta bắt đầu lên tiếng về nhu cầu tiến hành các cuộc cải cách kinh tế theo đường lối tân tự do ở nước Nga và công bố kế hoạch hỗ trợ 2 đảng chính trị theo phái tự do từng lên tiếng chỉ trích các chính sách của Điện Kremlin. Hoạt động từ thiện của Khodorkovsky ngày càng lớn về quy mô và tầm ảnh hưởng, ông ta tài trợ cho các quán cà phê Internet ở các thị trấn xa xôi và hiện đại hóa các trường học. Với những hoạt động như thế, ông ta thử thách luật lệ bất thành văn dưới thời Putin: các ông trùm được phép kiểm hàng tỷ đôla Mỹ nếu họ không quan tâm đến chính trị.

Năm 2003, căng thẳng lên đến đỉnh điểm. Putin triệu tập Khodorkovsky tới một cuộc họp mà giới truyền thông có thể tham gia. Vị tỷ phú này đã trình bày một bài thuyết trình bằng PowerPoint, với dữ liệu về cái giá mà nền kinh tế Nga phải trả cho vấn nạn tham nhũng. Ông ta sử dụng một vụ làm ăn trong thời gian gần đó của Rosneft làm ví dụ và hỏi Igor Sechin, cũng đang có mặt ở đó, rằng ông ta có muốn bình luận gì hay không. Trong khi Sechin còn lưỡng lự, thì Putin phản pháo: “Một số công ty, trong đó có Yukos, có nguồn dự trữ lớn bất thường. Câu hỏi đặt ra là: làm thế nào mà những công ty này có được nguồn

dự trữ lớn như thế? Còn công ty của ông có những vấn đề về thuế. Xin thể hiện sự kính trọng đối với ban lãnh đạo Yukos, họ đã tìm được cách giải quyết mọi thứ và giải quyết mọi vấn đề của họ với nhà nước”, ngụ ý rằng Yukos cũng đã thao túng hệ thống thì mới vươn được tới tầm cao hiện tại³⁰.

Trong những tháng sau đó, Khodorkovsky và Yukos bắt đầu nhận thấy hậu quả. Nhà chức trách đột kích các văn phòng của công ty và bắt giữ một cổ đông lớn của công ty với tội danh trốn thuế và lừa dối nhà nước. Các nhân viên của Yukos bắt đầu vượt biên, nhưng Khodorkovsky vẫn “lẩn trốn, thực hiện các âm mưu, tránh những tình huống bất lợi, có lẽ đó là đường lối hành động đúng đắn, nhưng tôi không biết làm thế nào để sống như vậy và tôi không muốn sống theo cách đó”³¹, ông ta viết trong cuốn hồi ký của mình.

Một buổi sáng sớm năm 2003, cảnh sát mật đột kích chiếc máy bay phản lực riêng của Khodorkovsky tại một điểm dừng để tiếp nhiên liệu ở Siberia và bắt giữ ông ta vì tội gian lận và trốn thuế. Tại phiên tòa xét xử, lúc thì ngồi trong lồng giam, lúc thì ngồi trong hộp nhựa trong suốt, ông ta bị kết án 9 năm tù. Từng thi hành án ở một trại lao động hẻo lánh gần biên giới Trung Quốc và trong một nhà tù ở Moscow với điều kiện sống cực kỳ thiếu thốn, ông trùm trở thành tù nhân này đã làm những công việc của “gulag”^{*} như bốc hàng, may quần áo và bị bạn tù đâm vào mặt. Ông ta vẫn tiếp tục giữ liên hệ với công chúng bằng những bài viết và các hoạt động tương tác với các đồng minh ở nước ngoài, truyền cảm hứng cho các sự kiện vinh danh,

^{*} Trại cải tạo lao động của Liên Xô với những hình phạt lao động khổ sai khét tiếng (BT).

nộp hồ sơ lên các tòa án quốc tế và trở thành tù nhân chính trị nổi tiếng nhất ở nước Nga.

Trong những bài viết từ nhà tù, Khodorkovsky phê phán hệ thống đạo tặc trị: “Tôi vô cùng lấy làm tiếc rằng thái độ chính trị và hoạt động công khai của cá nhân tôi đã trở thành cái cớ cho việc chiếm đoạt tài sản của tất cả các cổ đông của Yukos một cách bất hợp pháp - do một nhóm quan chức tham nhũng và những doanh nhân phục vụ quyền lợi của họ tiến hành. Tôi chưa bao giờ tham gia bất kỳ đảng phái nào. Tuy nhiên, tôi luôn tin tưởng và tiếp tục tin rằng, với tư cách cá nhân và tư cách công dân, tôi có quyền ủng hộ các lực lượng chính trị khác nhau về mặt tài chính, không cần biết thái độ của chính phủ hiện hành đối với họ như thế nào”³².

Cùng với việc triển khai hệ thống luật pháp của Nga để bắt giam Khodorkovsky và các cộng sự của ông ta, chính quyền đã sử dụng cơ quan thuế nhà nước nhằm gây áp lực về mặt tài chính đối với Yukos. Từ năm 2000 đến 2003, Chính phủ Nga đã đưa ra một loạt hóa đơn thuế chưa thanh toán, tuyên bố rằng Yukos nợ hơn 24 tỷ USD tiền thuế³³. Tòa án ra lệnh đóng băng tài sản của công ty, cũng có nghĩa là cản trở khả năng thanh toán các khoản nợ được quy kết. Sau đó, chính quyền sử dụng các khoản thuế chưa nộp nhằm buộc họ phải bán đấu giá các tài sản chính của công ty.

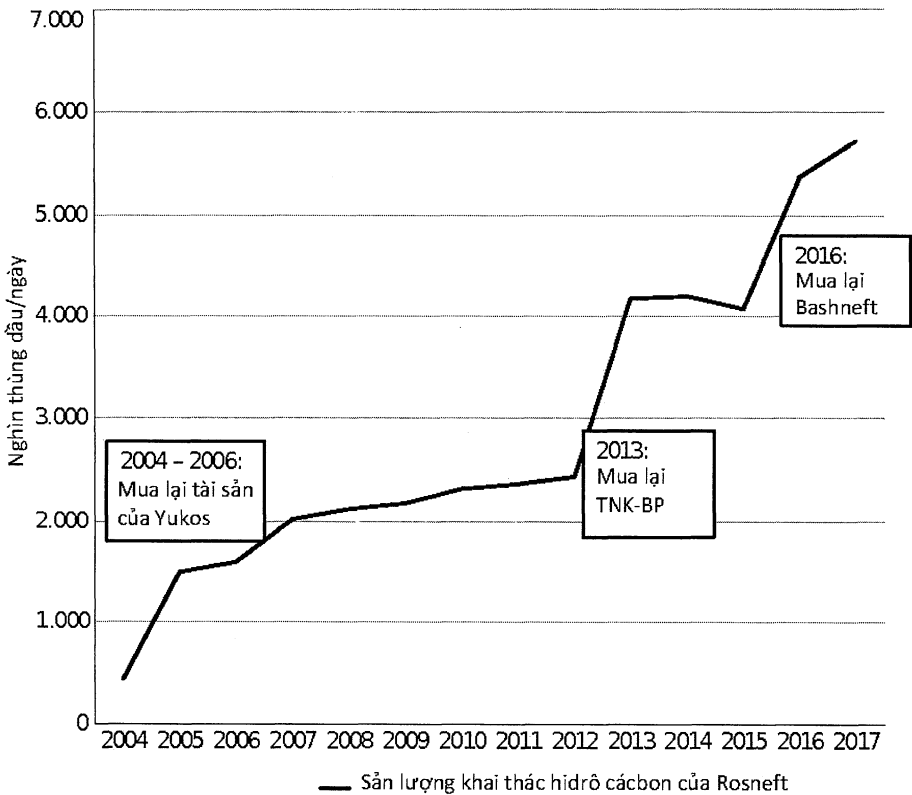
Năm 2004, chính phủ thông báo rằng họ sẽ bán đấu giá Yuganskneftegaz, bộ phận sinh lời nhất của tập đoàn Yukos nhờ có các mỏ dầu lớn ở Siberia. Giá đấu thầu tối thiểu chưa bằng một nửa giá do thị trường ước tính, các nhà thầu chỉ có một tháng để tiến hành phân tích và chuẩn bị hồ sơ. Ngạc nhiên là, người chiến thắng là một công ty chưa ai biết đến, mới được thành lập trước đó 2 tuần và đăng ký cùng địa chỉ với một cửa hàng tạp hóa ở thành phố nhỏ Tver³⁴. Rosneft đã cho công ty bí ẩn,

mới được thành lập này, vay 9 tỷ USD để có thể mua Yuganskneftegaz trong buổi bán đấu giá. Hai ngày sau, Rosneft mua lại công ty mới và nắm quyền kiểm soát các mỏ dầu chính của Yukos³⁵.

Phát biểu về cuộc đấu giá, CEO của Yukos khi đó nhận xét đầy tiếc nuối: “Thông báo hôm nay làm người ta ngạc nhiên, nhưng cũng được chờ đợi từ lâu. Ngạc nhiên bởi vì đó là một minh chứng tráo tráo về thái độ khinh thường của chính phủ đối với chế độ pháp quyền. Việc mua bán này là do chính phủ gây ra cuộc khủng hoảng tiền mặt hoàn toàn giả tạo, bằng cách đóng băng tài sản và tài khoản ngân hàng, đồng thời đòi những khoản thuế phi lý và ngó ngẩn, lớn hơn cả doanh thu của công ty”³⁶. Vài năm sau, Tòa án Nhân quyền châu Âu đồng ý và thay mặt các cổ đông của Yukos đưa ra phán quyết. Tòa án nhận xét rằng cuộc bán đấu giá “không phải bắt nguồn từ mục đích thu thuế mà là do ý định chiếm đoạt tài sản có giá trị nhất của Yukos và làm cho Yukos phá sản. Nói ngắn gọn, trên thực tế, đó là vụ chiếm đoạt có tính toán và thủ đoạn”³⁷. Putin khẳng định: “nhà nước - sử dụng cơ chế thị trường hoàn toàn hợp pháp - bảo đảm lợi ích của mình. Tôi cho rằng điều này là hoàn toàn bình thường”³⁸.

Trong những năm tiếp theo, Rosneft giành thêm những bộ phận bổ sung của công ty đang gặp khó khăn này, trong đó có một số công ty thượng nguồn khác, 6 nhà máy lọc dầu và số cổ phiếu Rosneft mà Yukos nắm giữ. Năm 2006, sau khi mua lại Yukos, Rosneft tổ chức IPO đầu tiên trên sàn giao dịch chứng khoán London với số tiền 10 tỷ USD. Đây là đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng lớn nhất của một công ty Nga tính đến thời điểm đó. Ngược lại, năm 2007, Yukos tuyên bố phá sản sau khi thua trò chơi đạo tặc trị.

Hình 4.1: Sản lượng khai thác hiđrô cacbon và những thương vụ chính của Rosneft



Nguồn: Báo cáo hằng năm của Rosneft giai đoạn 2004-2017 tại địa chỉ: https://www.rosneft.com/Investors/Reports_and_presentations/Consolidated_financial_statements/.

Từ năm 2004 đến 2007, phần lớn là do mua được Yukos nên sản lượng khai thác của Rosneft đã tăng gấp 4 lần, giá trị của Rosneft cũng tăng với tốc độ tương tự. Hình 4.1 cho thấy tình tiết này đã đóng góp như thế nào vào đồ thị tăng trưởng tổng thể. Khi giá dầu bắt đầu leo thang cũng là lúc Putin mở rộng được khu vực kiểm soát của nhà nước trong ngành dầu khí. Ông còn gửi đi thông điệp mạnh mẽ về những biện pháp sẽ được áp dụng đối với các ông trùm “có hành vi không đúng mực”.

Việc tiếp quản Yukos chỉ là bước đầu. Khi vụ bùng nổ dầu mỏ tăng tốc, những bước đi sau đó tiếp tục củng cố sức mạnh của Rosneft và mở rộng quyền kiểm soát của nhà nước đối với ngành dầu khí.

Năm 2003, BP, một công ty dầu khí lớn của Anh gia nhập TNK-BP, đã liên doanh với một số nhà tài phiệt Nga. Liên doanh này phát triển thành công ty dầu khí lớn thứ ba của Nga và đem lại lợi nhuận đáng kể cho cả 2 nhóm đối tác. Tuy nhiên, khoảng năm 2008, giữa BP và các đối tác Nga phát sinh mâu thuẫn. Các đối tác Nga muốn kiểm soát nhiều hơn hoạt động của liên doanh. Nhưng những sự kiện diễn ra sau đó cho thấy Putin cũng muốn nhà nước kiểm soát nhiều hơn.

Nhận thấy cơ hội gia tăng ảnh hưởng đối với công ty đầy sức mạnh của Anh, Điện Kremlin bắt đầu tạo áp lực, gây ra hiện tượng mà Bob Dudley, lúc đó là CEO của TNK-BP, gọi là “sách nhiễu liên tục”³⁹. Cảnh sát đột kích các văn phòng của công ty. Một tòa án thu hồi giấy phép liên quan đến nhân viên nước ngoài của BP làm việc trong một số dự án. Các nhân viên nước ngoài, trong đó có Dudley, phải vất vả lắm mới giữ được thị thực. Vị giám đốc điều hành này gặp một số rắc rối với pháp luật, trong đó có vụ kiện về phân biệt đối xử của một số nhân viên TNK-BP và những biện pháp trừng phạt vì những cáo buộc vi phạm luật lao động. Trong một cuộc trò chuyện tại Đại sứ quán Hoa Kỳ, Dudley nói rằng ông ta tin là chính phủ, trong đó có Igor Sechin, hợp tác với các đối tác Nga của BP nhằm đẩy BP vào vai trò phụ thuộc hơn trước. Lúc đó, theo bức điện của Đại sứ quán tóm tắt cuộc gặp gỡ, Dudley dự đoán rằng, cuối cùng, các công ty dầu khí quốc doanh của Nga sẽ “làm thịt” doanh nghiệp này, “cuối cùng [Chính phủ Nga] sẽ nắm quyền kiểm soát TNK-BP thông qua việc Gazprom

hay Rosneft mua lại, hoặc người ta đồn rằng TNK-BP sẽ hợp nhất với Gazprom Neft và Surgutneftgaz”⁴⁰.

Linh cảm của Dudley hóa ra đã đúng. Ngay sau khi chia sẻ lo ngại của mình với những người Mỹ, Dudley đã rời khỏi Nga; người ta nói rằng ông đã thề không bao giờ quay trở lại nữa⁴¹. Người thay thế ông là một giám đốc điều hành do các cổ đông người Nga của TNK-BP lựa chọn. Thỏa thuận của các cổ đông cũng được sửa đổi nhằm giảm bớt ảnh hưởng của BP. Cùng với những rắc rối này, giá dầu lúc đó đang ở mức thấp và TNK-BP đang thua lỗ. BP chuẩn bị cắt lỗ và rút lui khỏi liên doanh.

Nhưng sau đó giá dầu bắt đầu gia tăng và BP không thể quay lưng lại với ngành dầu khí đang bùng nổ của Nga. Dudley bất ngờ trở thành CEO của BP sau khi xảy ra biến động trong ban lãnh đạo công ty sau sự cố tràn dầu thảm khốc ở giàn khoan Deepwater Horizon trên Vịnh Mexico. Vì vậy, năm 2011, Dudley trở lại Moscow, gặp Sechin và tìm cách thoát khỏi tình trạng bế tắc. BP gặp bất lợi trong vòng đàm phán này. Dudley và Sechin đã dàn xếp được thỏa thuận trị giá 16 tỷ USD với Rosneft, cho phép BP tăng cường các hoạt động thăm dò tại các mỏ dầu ở khu vực Bắc Cực của Nga. Nhưng thỏa thuận đã thất bại theo cách ít ai ngờ tới. Các đối tác Nga trong TNK-BP phản đối, nói rằng họ đã bị đối tác Anh cho ra rìa. Chính phủ ủng hộ họ và ký thỏa thuận Bắc Cực với ExxonMobil, chứ không ký với BP.

Chỉ còn ít ảnh hưởng, BP chấp nhận lựa chọn tiếp theo do Sechin đưa ra. Rosneft sáp nhập toàn bộ liên doanh TNK-BP, mua lại tất cả các tài sản khổng lồ của nó. Hình 4.1 cho thấy động thái này đã gia tăng hơn nữa quyền kiểm soát của Rosneft đối với việc khai thác dầu của nước Nga. Để thực hiện việc tiếp quản, đầu năm 2013, Rosneft mua lại một nửa công ty thuộc phần

sở hữu của BP với giá 16,7 tỷ USD tiền mặt và 12,8% cổ phần của Rosneft. BP mua thêm 5,7% cổ phần của Rosneft với giá 4,9 tỷ USD, nâng tổng số cổ phần của BP lên gần 20%⁴². BP giữ lại số lượng lớn cổ phần trong lĩnh vực dầu khí đang bùng nổ lúc đó, nhưng phải thông qua một cơ chế có sự kiểm soát chặt chẽ.

Rosneft đã trả 28 tỷ USD để mua nửa còn lại của TNK-BP mà các nhà tài phiệt Nga đang nắm giữ. Các nhà tài phiệt muốn được trả bằng cổ phiếu của BP, nhưng dường như họ lại chấp nhận trả bằng tiền một cách tương đối nhẹ nhàng, vì vụ giao dịch ẩn chứa nhiều rủi ro. Một trong những nhà tài phiệt, Mikhail Fridman, là người giàu thứ hai ở Nga. Tương tự như Khodorkovsky, ông đã kiếm được phần lớn tài sản trước khi Putin trở thành Tổng thống. Có lần, ông ta đã xung đột với Sechin, một trong nhiều cuộc đụng độ giữa các nhà tài phiệt thế hệ thứ nhất và chính quyền Putin⁴³.

Mặc dù không muốn, nhưng khoản tiền 28 tỷ USD đã tạo điều kiện cho Fridman và các đối tác của ông ta thoát khỏi đề tài TNK-BP đầy tranh cãi mà không bị nợ nần và bất kỳ sút mẻ gì. Sau khi kết thúc vụ mua bán khổng lồ này, Fridman và một nhà đầu tư khác ở TNK-BP, có thể nói, bắt đầu một cuộc sống vui vẻ mới; họ bắt đầu cười lạc đà trên vùng sa mạc ở Israen với một đoàn làm phim truyền hình Nga. Vừa hát các bài dân ca Ucraina xung quanh đồng lửa, vừa học cách làm bánh mì theo phong cách địa phương, Fridman dường như cảm thấy hạnh phúc với kết quả như vậy⁴⁴.

Sau khi tiếp quản TNK-BP trị giá 55 tỷ USD, Rosneft trở thành công ty dầu khí trên sàn giao dịch lớn nhất thế giới - ngay thời điểm giá dầu gần đạt đỉnh. Đó là chiến thắng vang dội đối với đội ngũ của Putin. Một nhà phân tích nói rằng: “Putin thể hiện

rõ ràng rằng nhà nước cần kiểm soát các ngành chiến lược như dầu khí. Loại bỏ công ty mà phương Tây giữ thế thượng phong như TNK-BP trong lĩnh vực chiến lược - và vẫn giữ BP như một cổ đông thiểu số - là một phần của chiến lược đó”⁴⁵. Thỏa thuận này chứng tỏ BP cũng là người chiến thắng, dù rằng Sechin là người quyết định điều kiện. Năm 2014, 20% lợi nhuận của BP đến từ Rosneft⁴⁶.

Bashneft là thương vụ thầu lớn thứ ba của Rosneft. Năm 2014, cảnh sát Nga bắt giữ Vladimir Yevtushenkov, Chủ tịch Tập đoàn kinh doanh lớn Sistema và là người giàu thứ 15 của Nga⁴⁷. Điện Kremlin bác bỏ động cơ chính trị đằng sau cáo buộc rửa tiền nhằm vào nhà tài phiệt này. Thật ra, Yevtushenkov không được coi là người hoạt động chính trị. Tuy nhiên, ông là chủ sở hữu công ty dầu khí Bashneft. Bashneft hoạt động ở phía bắc Cadăcxtan, khai thác được khoảng 400.000 thùng dầu/ngày, chiếm gần 4% tổng sản lượng dầu của Nga⁴⁸. Sau khi Yevtushenkov bị bắt, cổ phiếu của Sistema giảm 37%. Nhiều nguồn tin nói rằng, vụ bắt giữ có thể là nước cờ của Sechin nhằm hạ giá Bashneft để Rosneft có thể mua lại một cách dễ dàng hơn. Người phát ngôn của Rosneft bác bỏ ý kiến đó, gọi nó là “vớ vẩn” và nói thêm rằng Rosneft không có ý định tiếp quản Bashneft⁴⁹.

Cuối năm đó, chính phủ nắm giữ 72% cổ phần của Bashneft, tiếp tục chuyển thêm tài sản trong lĩnh vực dầu khí từ tay tư nhân sang nhà nước quản lý. Năm 2016, Sechin nhận được tín hiệu là Rosneft có thể mua lại Bashneft từ tay chính phủ với giá 5,3 tỷ USD. Sau khi giá dầu giảm, chính phủ vừa cần tiền, vừa muốn nâng giá trị của Rosneft trước một đợt phát hành cổ phiếu đã được lên kế hoạch.

Một số người trong Điện Kremlin phản đối việc Rosneft mua cổ phần của chính phủ ở Bashneft, họ khẳng định rằng không nên

đưa tài sản của chính phủ từ bộ phận này sang bộ phận khác. Các bản báo cáo tiết lộ rằng, Bộ trưởng Kinh tế, Alexei Ulyukayev, một người có tư tưởng tương đối tự do về kinh tế, là một trong số những người phản đối⁵⁰. Ngay sau khi vụ làm ăn với Bashneft được khởi động, Ulyukayev bị bắt vì tìm cách đòi Rosneft hồi lộ 2 triệu USD thì ông ta mới chấp thuận vụ làm ăn này. Theo *Reuters*, “vai trò của Rosneft trong việc giúp khởi tố vụ án đã khiến một số người trong giới cầm quyền của Nga coi đó là một phần của cuộc chiến giữa các gia tộc đầy quyền lực trong giới tinh hoa cầm quyền”⁵¹. Ulyukayev bác bỏ cáo buộc, nhưng bị tuyên có tội và bị kết án 8 năm tù. Ông ta nhận ra mình không đứng về phía Sechin và đã thua.

Sau khi Rosneft hoàn tất việc mua lại Bashneft, chính quyền không còn giam lỏng tại gia ông trùm tài phiệt Yevtushenkov nữa và cũng bác bỏ luôn cáo buộc chống lại ông ta. Nhưng vụ trừng phạt tiếp theo đang còn ở phía trước. Năm 2017, Rosneft khởi kiện Sistema, đòi công ty này trả 4,5 tỷ USD với cáo buộc rằng Sistema đã lấy một phần tài sản của Bashneft trước khi đem bán công ty này. Sistema phủ nhận cáo buộc, nhưng đã thua ở một số phiên tòa xử vụ này. Cuối năm 2017, nhằm cắt lỗ, Sistema đã thương lượng trả cho Rosneft 1,7 tỷ USD⁵². Vụ việc này là lời nhắc nhở rõ ràng rằng, trong khi Yevtushenkov và các ông trùm khác có thể điều hành các công ty dầu khí, thì Putin lại là người có quyền lực cao nhất.

Thông qua cả 3 bước dịch chuyển quyền lực - giải tán Yukos, sáp nhập TNK-BP và mua Bashneft - nhiều công cụ của quyền lực nhà nước đã được sử dụng nhằm thực hiện chương trình nghị sự của người nắm quyền. Rosneft đóng vai trò chính, nhưng cũng nhận được nhiều hỗ trợ rất có giá trị. Khi cần, các cơ quan

thực thi pháp luật đã đột kích các văn phòng, buộc tội các công ty trốn thuế và bắt giữ các tỷ phú. Các tòa án ra phán quyết ủng hộ chương trình nghị sự của Điện Kremlin. Các ngân hàng do nhà nước kiểm soát cung cấp vốn, ví dụ, khi Rosneft cần vay để mua tài sản của Yukos. Năm 2014, Rosneft gặp khó khăn về tài chính sau khi giá dầu giảm, Ngân hàng Trung ương đã cung cấp cho công ty này khoản cứu trợ khá hào phóng. Kịch bản ở Nga hoàn toàn khác với các kịch bản ở Braxin hay Nigieria, những nước mà ý đồ của những người có quyền lực không thể qua mặt được tất cả các tòa án hay ủy ban bầu cử.

Vỗ béo “con ngỗng đẻ trứng vàng”

Các ông hoàng của chế độ đạo tặc trị có tầm nhìn xa trông rộng. Họ không cần phải hối hả cướp bóc lĩnh vực dầu khí, như chính quyền Goodluck Jonathan đã làm ở Nigieria. Họ cũng không cần phải vài năm một lần đưa hàng đồng tiền vào quỹ tranh cử, như các chính trị gia ở Braxin. Khi các nhà lãnh đạo chế độ đạo tặc trị còn đơn phương kiểm soát được quyền lực thì họ còn được hưởng lợi ích từ những quả trứng vàng do con ngỗng này đẻ ra cả trong hiện tại lẫn tương lai. Do đó, cùng với việc kiểm soát con ngỗng này, họ còn muốn tối đa hóa khả năng sinh đẻ của nó cả trong ngắn hạn lẫn dài hạn.

Muốn năng suất ngành dầu khí gia tăng cùng với thời gian, nhà lãnh đạo chế độ đạo tặc trị cần làm hai việc. Các tổ chức trong lĩnh vực dầu khí, trong đó có các công ty dầu khí quốc gia phải nâng cao năng lực kỹ thuật và tài chính tới một trình độ tương xứng. Các nhà lãnh đạo cũng phải làm cho các công ty nước ngoài cảm thấy thoải mái để họ đầu tư hàng tỷ đôla Mỹ vào lĩnh vực này. Nếu các công ty nước ngoài tin rằng hợp đồng của họ

với chính phủ là không bền vững hoặc lo lắng về việc phải đối mặt với các cuộc khủng hoảng về uy tín hoặc pháp lý, hay thường xuyên gặp rắc rối với bộ máy hành chính làm việc thiếu hiệu quả, thì họ vẫn có thể tiếp tục đầu tư. Dù sao thì các hãng dầu khí vốn nổi tiếng là sẵn sàng làm việc trong những môi trường khó khăn. Nhưng họ sẽ đòi chia cho mình miếng bánh doanh thu lớn hơn để bù đắp cho tất cả những mặt tiêu cực kể trên. Một số nhà lãnh đạo chế độ đạo tặc trị có năng lực tránh hiện tượng này bằng cách quản lý lĩnh vực dầu khí tương đối chuyên nghiệp và hiệu quả.

Ở Nga, các công ty dầu khí quốc gia chắc chắn hoạt động không hiệu quả bằng các công ty tư nhân trong cùng lĩnh vực, nhưng họ có thể hợp tác với nhau khi ngành này gặp nguy hiểm. Họ đầu tư rất nhiều vào các biện pháp kỹ thuật để có thể bơm được dầu từ những mỏ dầu đã khai thác từ lâu, làm cho số lượng dầu khí khai thác được từ một số khu vực đã khai thác lâu hơn ở Tây Siberia và vùng Volga-Urals suy giảm một cách từ từ và kết quả là doanh thu của chính phủ gia tăng⁵³. Để có được kiến thức chuyên môn cần thiết nhằm khai thác dầu mỏ ở vùng Bắc Cực của Nga, Nhà nước Nga đã ưu tiên đưa các công ty phương Tây như ExxonMobil vào chứ không tự trở thành chuyên gia. Exxon cảm thấy đủ an toàn đến mức trong các năm 2012 và 2014 đã ký các thỏa thuận với Rosneft với khoản đầu tư dự kiến lên tới 500 tỷ USD cho các hoạt động ở biển Bắc Cực và Biển Chết. Tranh thủ khoản đầu tư quy mô như vậy là một bước đi khác mà chính quyền Nga có thể làm, mặc dù họ không lường trước được các lệnh trừng phạt mà Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu (EU) áp dụng, cuối cùng khiến Exxon phải rút lui khỏi thỏa thuận.

Tại Ănggôla, Tổng thống dos Santos và các đồng minh của ông phải đối mặt với thách thức lớn hơn: xây dựng ngành dầu khí

hiệu quả cao trong một đất nước bị chiến tranh tàn phá và cũng không có nhiều hoạt động khác. Họ nắm công ty dầu khí quốc gia Sonangol nhằm thực hiện mục tiêu này. Ngay cả trong giai đoạn nội chiến, Sonangol vẫn hoạt động bên trong một nhà nước đã tan hoang. Nhận thức được rằng mình hoàn toàn phụ thuộc vào lĩnh vực dầu khí đang hoạt động, dos Santos đã bảo vệ Sonangol, không để những tình huống bất ngờ của chiến tranh và hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa của chế độ ảnh hưởng tới công ty này. Ông ta tuyển dụng những người ngoại quốc có tài và đòi hỏi thành tích cao. Trong giai đoạn chiến tranh, Sonangol đã ký hợp đồng với các công ty quốc tế, thậm chí là với các công ty của Hoa Kỳ, mặc dù Hoa Kỳ ủng hộ quân nổi dậy đang chiến đấu chống lại chế độ của dos Santos. Chủ nghĩa thực dụng đã lấn át ý thức hệ, công ty này vẫn an toàn và tách biệt khỏi môi trường hỗn loạn xung quanh nó. Một giám đốc điều hành lâu năm của Sonangol tóm tắt như sau: “Bạn đã chứng kiến chủ nghĩa thực dân, giặc ngoại xâm, chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa tư bản, mà tôi vẫn chưa ra khỏi tòa nhà đó”⁵⁴.

Năm 2002, chiến tranh kết thúc, dos Santos và quân đội của ông ta giành toàn thắng. Từ năm 2003 đến 2008, sản lượng khai thác dầu gia tăng gấp đôi nhờ một số mỏ lớn ở ngoài khơi, phát hiện được trong những năm 1990, cuối cùng đã mang lại lợi nhuận. Vụ bùng nổ dầu mỏ xảy ra đúng vào thời điểm dos Santos đứng đầu lĩnh vực dầu khí có hiệu quả cao do các công ty quốc tế hàng đầu điều hành, tạo ra nguồn thu dồi dào để tài trợ cho chương trình nghị sự của chế độ.

Tình trạng hoạt động tốt của Sonangol đã lôi kéo các nhà đầu tư nước ngoài vào một môi trường rủi ro khác. Ví dụ, vào năm 2006, công ty đã tổ chức một cuộc đấu giá quyền khai thác một số

lô dầu lớn và đầy hứa hẹn ở thềm lục địa. Mặc dù nước này nổi tiếng là bất ổn và tham nhũng, nhưng quá trình đấu thầu diễn ra một cách chuyên nghiệp, minh bạch và thu hút được nhiều đơn dự thầu từ các công ty dầu khí hàng đầu thế giới. Sonangol ký hợp đồng với BP, Chevron và Sinopec. Phí tham gia hợp đồng từ các nhà đầu tư đang háo hức muốn tham gia, có trường hợp lên tới 1 tỷ USD, cho thấy người ta sẵn sàng đặt cược lớn vào Ănggôla. Công ty dầu khí quốc gia cũng đã đàm phán các khoản vay hàng tỷ đôla Mỹ từ Trung Quốc - sẽ được trả bằng dầu, và những khoản vay này tài trợ cho phần lớn công cuộc tái thiết thời hậu chiến của Ănggôla. Các giám đốc điều hành người nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí ca ngợi hiệu quả và tính chuyên nghiệp của Sonangol, còn doanh thu từ lĩnh vực dầu khí thì chảy như thác lũ vào kho bạc nhà nước. Đến năm 2013, công ty này đã mở rộng hoạt động vào tất cả ngóc ngách của lĩnh vực dầu khí Ănggôla và đầu tư vào Angiêri, Braxin, Cuba, Irắc, Bồ Đào Nha, Nam Xudăng và Vênêxuêla⁵⁵.

Ricardo Soares de Oliveira, một học giả ở Đại học Oxford, người viết khá nhiều về Sonangol, gọi công ty này là “phép lạ Ănggôla”. “Không còn nghi ngờ gì nữa”, ông giải thích, “từ góc độ kỹ thuật thuần túy mà nói Sonangol đã được quản lý một cách khôn ngoan. Tập đoàn châu Phi khác lạ này gần như hoạt động theo các nguyên tắc, như có kiến thức kỹ thuật, ổn định và đáng tin cậy, hoàn toàn ngược lại với các cơ quan quản lý hành chính Ănggôla. Tuy nhiên, công ty này làm như vậy vì quyền lợi của Tổng thống. Chính ông ta đã biến Sonangol thành công cụ chính trị quan trọng nhất nhằm siết chặt Ănggôla”⁵⁶.

Tương tự như Ănggôla, muốn phát triển ngành công nghiệp dầu khí, Adécbaigian cũng cần trình độ chuyên môn và kinh nghiệm

từ bên ngoài. Trình độ và kinh nghiệm không thể có ngay lập tức. Sau khi Liên Xô tan rã, nền chính trị Adécbaigian trải qua những biến động mạnh mẽ. Đất nước 9 triệu dân nằm bên bờ biển Caspi này phải đối mặt với ảnh hưởng cùng một lúc từ 3 gã láng giềng khổng lồ: Iran, Nga và Thổ Nhĩ Kỳ. Khác với các nước láng giềng vùng Caucasus là Grudia và Ácmênia, Adécbaigian đã khai thác dầu mỏ từ những năm 1840.

Trong những năm 1990, khi các nước từng thuộc Liên Xô trước đây mở cửa cho các nhà đầu tư, các công ty dầu khí phương Tây đã hăng hái tìm cách tiếp cận các mỏ dầu và khí đốt lớn chưa được khai thác ở thềm lục địa Caspi thuộc Adécbaigian. Cụ thể, BP, Chevron, Amoco và Pennzoil vừa phải mua chuộc chính phủ ở Baku, vừa phải đối phó với những nhân vật nông cuồng và chẳng có gì là chắc chắn. Nhiều lần họ đã gần đạt được thỏa thuận với chính quyền Adécbaigian mới, nhưng sau đó chính phủ lại đẩy họ ra. Trong một vòng đàm phán đầy mạo hiểm, một quan chức chính phủ thậm chí còn chĩa súng lục vào một số giám đốc điều hành dầu khí phương Tây⁵⁷. Trong khi đó, các mỏ dầu và khí đốt lớn dưới đáy biển Caspi vẫn không được khai thác.

Chẳng bao lâu sau, vụ hỗn loạn mà người ta phải trả giá đắt này chấm dứt. Năm 1993, Heydar Aliyev giành được và giữ chặt quyền kiểm soát Adécbaigian. Chế độ của ông ta lập tức được củng cố và ổn định. Cùng với ổn định, người ta mong muốn quản lý ngành công nghiệp dầu khí theo hướng chuyên nghiệp hơn và mang lại nhiều lợi nhuận hơn. Con trai ông là İlham Aliyev tiếp tục mục tiêu của cha mình khi ông này giành được quyền lãnh đạo chế độ độc tài vào năm 2003, ngay thời điểm lĩnh vực dầu khí của đất nước bắt đầu thời kỳ tăng trưởng bền vững. Aliyev con,

người thừa kế vẫn nắm vững chắc quyền lực trong tay, đã phát triển Socar, công ty dầu khí quốc gia của nước này thành một tổ chức trung thành và đầy sức mạnh. Đội ngũ cán bộ hàng đầu của Socar phản ánh rõ nét những mục tiêu kép này: Rovnag Abdullayev là Giám đốc điều hành từ năm 2005 và vẫn giữ được vị trí này nhờ lòng trung thành không dao động của ông ta với gia tộc đang thống trị đất nước. Ông ta cũng là đại diện cho đảng của Tổng thống trong Quốc hội nước này⁵⁸. Một số giám đốc điều hành dưới quyền ông ta là những bộ óc giỏi nhất và sáng suốt nhất của đất nước, họ đã và đang thúc đẩy công ty phát triển trong suốt nhiều năm qua.

Sự ổn định chính trị và lĩnh vực dầu khí được điều hành một cách chuyên nghiệp đã phần nào thuyết phục các công ty nước ngoài đặt cược lớn vào Adécbaigian. BP giành được quyền xây dựng đường ống dẫn dầu Baku-Tbilisi-Ceyhan, một dự án cơ sở hạ tầng khổng lồ trị giá 3,9 tỷ USD. Đến năm 2005, đường ống đã bắt đầu vận chuyển dầu của Adécbaigian từ biển Caspi qua Grudia tới cảng Ceyhan của Thổ Nhĩ Kỳ.

Nhờ có đường ống dẫn dầu và giá dầu tăng nên có giai đoạn, Adécbaigian từng là nền kinh tế phát triển nhanh nhất thế giới. Doanh thu của Socar cũng tăng theo - từ 6 tỷ USD vào năm 2008 lên 49 tỷ USD vào năm 2014⁵⁹. Tương tự như Sonangol, Socar cũng khuếch trương hoạt động của mình ra nước ngoài như Thổ Nhĩ Kỳ, Ucraina, Mônđôva, có chi nhánh ở Dubai và Thụy Sĩ, đồng thời là công ty đóng thuế nhiều nhất ở Grudia.

Cùng với đà phát triển, các công ty dầu khí quốc gia của Ănggôla và Adécbaigian đã trở thành bộ phận gắn bó mật thiết với cách thức hoạt động của 2 chế độ này. Các công ty này tiếp cận được số tiền trị giá hàng tỷ đôla Mỹ, hoạt động hiệu quả hơn

các cơ quan chính phủ khác và báo cáo trực tiếp với tổng thống. Kết quả là, đầu việc của họ ngày càng nhiều. Trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ, Sonangol đã thực hiện nhiều dự án phô trương không liên quan gì đến lĩnh vực dầu khí, ví dụ như một khu nhà ở cao cấp, hào nhoáng và một khu chế xuất nghèo nàn hay thành lập các công ty con chuyên về viễn thông, bất động sản, y tế và hàng không.

Thông tin từ Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) cho ta một số hiểu biết về quy mô những khoản chi tiêu của Santos thông qua Sonangol. Trong một báo cáo năm 2011, IMF dấy lên lo ngại về “khoản tiền còn lại không giải thích được trong ngân sách” trong giai đoạn 2007-2010 - lên tới 32 tỷ USD⁶⁰. Nói một cách đơn giản hơn, với mức báo động hơn, 32 tỷ USD trong công quỹ đã biến mất mà không có một lời giải thích nào. Con số này bằng khoảng 25% GDP của Ănggôla vào thời điểm đó. Chính phủ tìm cách giải thích và cuối cùng tiết lộ rằng Sonangol đã chi cho tất cả các dự án công, từ nhà ở đến đường sắt mà không chuyển vào tài khoản của chính phủ. Tránh các thủ tục khi sử dụng tiền trong ngân sách, chính phủ có thể tránh được một số bất cập của bộ máy quan liêu, nhưng đồng thời họ cũng ngang nhiên coi thường các luật lệ do chính mình đặt ra và coi thường trách nhiệm giải trình, thậm chí là ở mức thấp nhất.

Giao dịch nội bộ trong ngành dầu khí ở một mức độ nhất định

Vào thời điểm giá dầu bắt đầu leo thang năm 2008, các Tổng thống Aliyev, dos Santos và Putin đã nắm chắc được quyền kiểm soát lĩnh vực dầu khí và có thừa năng lực để quản lý lĩnh vực này.

Quy mô quá lớn của vụ bùng nổ đã tạo ra một tình thế khó xử: tham nhũng ở mức độ nào thì ngành dầu khí không bị đe dọa? Ngành công nghiệp dầu khí quá nhiều tham nhũng thì sẽ trở nên kém hiệu quả, làm cho nước ngoài sợ hãi, không dám đầu tư và ít lợi nhuận hơn hẳn. Điều này có thể thấy ở Nigieria, nơi mà nạn tham nhũng thường trực của các chế độ kế tiếp nhau đã khiến lĩnh vực dầu khí hoạt động kém hiệu quả và rối loạn.

Mặc dù các chế độ đạo tặc trị muốn giữ cho những “con ngỗng” của mình khỏe mạnh, nhưng họ cũng khó có thể ngồi nhìn hàng tỷ đôla Mỹ đổ vào lĩnh vực dầu khí mà không kiểm soát được gì. Với suy nghĩ này, hãy tưởng tượng, trong các chế độ đạo tặc trị được tổ chức chặt chẽ, với các nhà lãnh đạo có tầm nhìn xa trông rộng và muốn tối đa hóa lợi nhuận từ ngành dầu khí, nạn tham nhũng trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ sẽ như thế nào?

Mặc dù không thể đánh giá toàn bộ quy mô tham nhũng trong lĩnh vực dầu khí, nhưng dường như các nhà lãnh đạo này đã không để cho nạn tham nhũng hoành hành và phân bổ cẩn thận những cơ hội kiếm lời cho những người thân tín trong những nhóm thân cận với mình. Họ cũng đã hướng các hoạt động trục lợi vào một số khu vực của ngành này để có thể kiếm lời mà không ảnh hưởng đến thu nhập chung của cả nước. Các nhà lãnh đạo này luôn là những người chăm sóc, bảo vệ đàn ngỗng của mình, không để chúng rơi vào những nguy hiểm do khinh suất gây ra.

Cơ chế tham nhũng điển hình nhất trong lĩnh vực dầu khí cũng tương tự như các cơ chế trong những khu vực khác của nền kinh tế: đưa những ông trùm đáng tin cậy vào những thương vụ béo bở. Ở Nga, một số ông trùm đã tận dụng được những cơ hội này và hiện đang là những người đứng đầu các đế chế kinh doanh

tầm cỡ thế giới, trong đó có các tập đoàn dầu khí lớn. Những nhóm tinh hoa khác, đặc biệt là ở những nước nghèo hơn như Ănggôla, bầu víu vào những vụ làm ăn trong lĩnh vực dầu khí như những kẻ ăn bám thâm lặn. Các nhà lãnh đạo tạo điều kiện cho họ bòn rút của cải dồi dào trong lĩnh vực dầu khí với điều kiện là không đe dọa sự thịnh vượng của ngành này. Hoạt động kinh doanh của nhiều công ty quốc tế đã tạo điều kiện cho tham nhũng ở cả 2 hình thức trên.

Một số nhà lãnh đạo khôn ngoan đã chọn cách tránh tham nhũng trong các hợp đồng thăm dò và khai thác dầu khí. Lợi nhuận của lĩnh vực dầu khí phụ thuộc vào việc các chức năng “thượng nguồn” này diễn ra trơn tru và các nhà đầu tư lớn của nước ngoài cảm thấy hạnh phúc và an toàn. Các hợp đồng thăm dò và khai thác dầu khí cũng bị các phương tiện truyền thông và dân chúng theo dõi một cách sát sao. Ở Ănggôla, dos Santos đã để cho hành vi đáng ngờ xâm nhập một số hợp đồng thăm dò và khai thác có giá trị cao và kết quả cho thấy tại sao tốt nhất nên tránh xa chiến thuật này.

Năm 2008, khi vụ bùng nổ dầu mỏ được tiếp thêm động lực, công ty dầu khí Cobalt International Energy có trụ sở tại Hoa Kỳ đã đàm phán với Chính phủ Ănggôla về quyền khai thác 2 lô dầu trên thềm lục địa có nhiều triển vọng. Chính phủ Ănggôla khăng khăng đòi Cobalt hợp tác với 2 công ty không mấy tiếng tăm là Nazaki Oil & Gas và Alper Oil. Nghi ngờ về những công ty mới này, các nhà báo bắt đầu “chọc ngoáy” khắp nơi. Nhóm giám sát Global Witness đã đưa ra một số câu hỏi hóc búa về những đối tác này và nhà hoạt động xã hội người Ănggôla, Rafael Marques de Morais trả lời rằng 3 nhân vật đầy quyền lực trong chính phủ sở hữu nhiều cổ phần của công ty Nazaki⁶¹.

Tom Burgis, cây bút của tờ *Financial Times* còn đào sâu hơn. Ông cũng chính là tác giả cuốn sách *The Looting Machine* (Máy cướp), xuất bản năm 2015, cung cấp cho chúng ta một bản mô tả chi tiết về nạn tham nhũng tài nguyên thiên nhiên mà ông chứng kiến khi làm phóng viên ở châu Phi. Nhà báo này đã xem xét giấy tờ đăng ký của Nazaki và tìm thấy bằng chứng nhằm củng cố những phát hiện của Marques. Ông ta còn tiếp xúc với 3 quan chức vừa kể trên, họ thừa nhận sở hữu một công ty và công ty này nắm giữ cổ phần ở Nazaki⁶². Một người trong số họ là Manuel Vicente, lãnh đạo của Sonangol trong thời điểm thỏa thuận với Cobalt được ký kết. Phát hiện này đã làm cho Cobalt gặp nhiều rắc rối. Mặc dù không bị coi là phạm tội, nhưng công ty vẫn bị chính quyền Hoa Kỳ điều tra về tội hối lộ, bị các nhà đầu tư khởi kiện dân sự, khiến giá cổ phiếu giảm và cuối cùng bị phá sản⁶³.

Đưa các quan chức chính phủ vào hợp đồng thăm dò dầu khí lớn, rốt cuộc, chính phủ đã làm hỏng một thỏa thuận quan trọng và đe dọa thu nhập trong tương lai của chính họ. Các hoạt động mang tính ăn bám của các ông trùm đã đe dọa tới sức khỏe của con ngỗng này. Ba quan chức của Ănggôla đã nhanh chóng bán cổ phần của mình để đổi lấy một khoản lợi nhuận không rõ là bao nhiêu và từ bỏ những hình thức trực lợi quá trắng trợn đó.

Mặc dù đã có những bài học kinh nghiệm từ Cobalt, nhưng những người môi giới quyền lực Ănggôla vẫn không chấp nhận từ bỏ hoàn toàn đòi hỏi của họ đối với các thỏa thuận về thăm dò và khai thác dầu khí. Vicente, ông chủ của Sonangol cùng những người khác đã nghĩ ra một cơ chế phức tạp hơn. China Sonangol là liên doanh giữa Sonangol và Queensway Group - một tập đoàn có trụ sở tại Hồng Kông do Sam Pa, một doanh nhân người

Trung Quốc đứng đầu, chuyên mua bán vũ khí và tài nguyên thiên nhiên trên khắp châu Phi. Tom Burgis và một số điều tra viên khác đã nghiên cứu các chiến tích của Sam Pa và viết báo cáo chi tiết về các giao dịch của ông này - có lẽ đã kết thúc năm vào 2015 khi ông ta bị chính quyền Trung Quốc bắt giam⁶⁴.

Burgis giải thích cách thức được China Sonangol sử dụng để bòn rút tiền từ các hợp đồng thăm dò và khai thác dầu khí của Ănggôla: “Manuel Vicente và Sam Pa tạo ra một khu vực tách biệt trong ngành công nghiệp dầu khí Ănggôla, một cái lô cốt của tập đoàn bên trong những bức tường vốn đã tối tăm của Sonangol. Thông qua một mạng lưới các công ty ít người biết đến, đăng ký ở Hồng Công, Futungo [biệt danh của giới tinh hoa cầm quyền ở Ănggôla] tự gắn mình vào cơ chế hải ngoại, tức là cơ chế đưa quyền lực chính trị của những người cai trị độc tài ở Ănggôla vào để chế kinh doanh tư nhân mà Sam Pa và những người đồng sáng lập Tập đoàn Queensway đã bắt đầu ráp nối lại với nhau”. Cùng với việc thành lập China Sonangol, “Futungo đã đổi một chiếc Cessna lấy một chiếc Concorde, một tàu đánh cá lấy một tàu ngầm”⁶⁵.

Chiếc Concorde trực lợi này đã giành được một số hợp đồng dầu khí lớn nhất Ănggôla. China Sonangol, với các ông chủ giấu mặt và dòng tiền bí mật, đã mua một phần lớn trong 13 lô dầu, trong đó có Lô 18, một mỏ dầu lớn nằm dưới quyền điều hành của BP. Liên doanh này cũng đóng vai trò trung gian giúp Sonangol vay hàng tỷ đôla Mỹ, được bảo đảm bằng dầu mỏ⁶⁶. Chính phủ thường xuyên đòi các công ty dầu khí nước ngoài, trong đó có các công ty quốc doanh Trung Quốc, hợp tác với China Sonangol, mặc dù một số công ty lên tiếng phản đối. Burgis viết: “Sam Pa đã trở thành người gác cổng của ngành dầu thô Ănggôla. Từ vị trí này, Sam Pa giúp nhân rộng những

biện pháp mà chế độ có thể đưa người của họ vào các giao dịch với những khoản đặt cược lớn.

Như thường thấy trong các chế độ đạo tặc trị, Burgis và các nhà điều tra khác đã không phát hiện được bằng chứng nào rõ ràng, giấy trắng mực đen, cho thấy những biện pháp mà China Sonangol đã sử dụng nhằm làm giàu cho các quan chức của chế độ. Tuy nhiên, ông ta đã xem được các tài liệu của tòa án Hồng Công về vụ tranh chấp thương mại liên quan đến công ty này. Trong đó, một cộng sự của Sam Pa được hỏi rằng: Lợi nhuận thu được từ các hợp đồng khai thác ở Ănggôla đi đâu hết? Người đại diện của công ty giải thích rằng, China Sonangol đã kiếm được tiền từ các giao dịch ở Ănggôla, nhưng số tiền đó “được dùng để tài trợ cho các dự án ở Ănggôla nhằm tạo dựng lòng tin”⁶⁷.

Hoàn toàn có khả năng là chính bản thân dos Santos chưa bao giờ giàu lên nhờ những thương vụ làm ăn với China Sonangol. Xu hướng lặp đi lặp lại ở Adécbaigian và Nga là những người lãnh đạo thường phân bổ các cơ hội sinh lợi cho những đồng minh đáng tin cậy của mình mà không cần cắt xén chút nào. Đáp lại, những đồng minh này hoạt động như những người được ủy nhiệm trung thành đối với nhà lãnh đạo: người ta có thể kêu gọi họ sử dụng tài sản của mình theo những cách có ích cho chế độ.

Ngoài những thỏa thuận về thăm dò và khai thác với những khoản đặt cược lớn, tham nhũng trong lĩnh vực dầu khí có thể phân cành rẽ nhánh một cách tự do hơn mà không đe dọa đến sức khỏe của ngành này. Những ghi nhận về Ănggôla, Adécbaigian và Nga đã củng cố nhận xét được trình bày trong Chương 2 và Chương 3: hợp đồng thầu phụ trong lĩnh vực dầu khí và mua bán dầu là 2 khu vực phổ biến để giới tinh hoa chính trị làm giàu từ vụ bùng nổ dầu mỏ.

Các công ty dầu khí tư nhân lẫn quốc gia đều chi rất nhiều tiền để mua sắm hàng hóa và dịch vụ khác nhau - đường ống, giàn khoan, xây dựng, hàn, nhà ở cho công nhân, v.v.. Các hợp đồng thầu phụ này, còn được gọi là hợp đồng dịch vụ, cung cấp cơ hội hoàn hảo cho người ta thực hiện những thủ đoạn tham nhũng với rủi ro thấp, đặc biệt là trong giai đoạn giá dầu cao. Giá hợp đồng có thể được thổi lên một cách giả tạo, lợi nhuận có thể được thu về mà vẫn còn đủ tiền để hoàn thành công việc trên thực tế. Câu chuyện về Petrobras và các hợp đồng xây dựng được định giá quá cao hay các khoản hối lộ từ các khách hàng của Unaoil ở Irắc cho thấy cách thức này diễn ra như thế nào. Những ví dụ từ Ănggôla, Adécbaigian và Nga cũng là những minh chứng.

Tương tự như nhiều nước sản xuất dầu khí khác, trong những năm bùng nổ dầu mỏ, Ănggôla yêu cầu các công ty nước ngoài thuê nhiều nhà cung cấp và nhà thầu địa phương hơn. Như chuyên gia về Ănggôla, Soares de Oliveira giải thích rằng, quá trình chính trị quyết định những ông trùm nào được hưởng lợi từ những cơ hội này. Một số công ty địa phương thắng thầu, nhưng không đủ nhân lực hoặc trụ sở làm việc và rất ít công ty có chứng chỉ về lĩnh vực dầu khí. Khi nhận được hợp đồng thầu phụ, họ thường không làm nhiều công việc thực tế, ví dụ như nhà thầu phụ có quan hệ gần bó trong lĩnh vực chính trị của Halliburton, được đề cập trong Chương 2, Soares de Oliveira nhận xét: “Kết quả thường thấy nhất là một công ty Ănggôla ở thiên đường thuế, có nhiều quan hệ với các quan chức Sonangol, giành được những hợp đồng với các điều khoản ưu đãi dành cho công ty trong nước, còn công việc thì đơn giản là thuê lại các công ty nước ngoài”⁶⁸.

Hối lộ cũng xâm nhập hệ thống hợp đồng dịch vụ của Sonangol. Nhằm gia tăng xác suất giành được các hợp đồng của Ănggôla, công ty dịch vụ mỏ dầu SBM Offshore của Hà Lan đã hối lộ hơn 14 triệu USD cho các công ty bình phong ở nước ngoài nằm dưới quyền kiểm soát của ít nhất 9 quan chức Ănggôla, kèm theo quà tặng, những chuyến du lịch, giải trí và cung cấp cơ hội việc làm, như được tiết lộ trong hồ sơ của tòa án Hoa Kỳ⁶⁹. Các tòa án ở Vương quốc Anh kết tội một số nhân viên của một công ty dịch vụ khác là FH Bertling vì đã hối lộ một đại lý của Sonangol nhằm giành hợp đồng vận chuyển trị giá 20 triệu USD. Việc các nhà chức trách Anh tiến hành điều tra Bertling vì họ nghi ngờ công ty này hối lộ nhằm giành hợp đồng dịch vụ cho tập đoàn dầu khí khổng lồ ConocoPhillips của Hoa Kỳ khi tập đoàn này hoạt động ở khu vực Biển Bắc của Vương quốc Anh⁷⁰ chính là lời cảnh tỉnh về sự phổ biến của những hành vi hối lộ này.

Ở Adécbaigian, hợp đồng thầu phụ trong lĩnh vực dầu khí cũng là môi trường tiềm ẩn nguy cơ tham nhũng. Bản tin của tờ *Wall Street Journal* đã mô tả một kịch bản đầy rủi ro. BP là nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất ở Adécbaigian. Để vận hành chỉ một dự án khai thác khí đốt lớn là mỏ khí Shah Deniz đẳng cấp thế giới, trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ, BP đã trao một số hợp đồng thầu phụ trị giá lên tới 2,5 tỷ USD/năm. Panalpina, một công ty Thụy Sĩ, là một trong những nhà thầu phụ lớn nhất của BP ở Shah Deniz, chuyên cung cấp các thiết bị và dịch vụ khác nhau trong quá trình khai thác khu mỏ này. Tờ *Wall Street Journal* đưa tin, năm 2013, một nhân viên của Panalpina bị cáo buộc đã phê duyệt hàng trăm hóa đơn trị giá khoảng 16 triệu USD để thanh toán dịch vụ vận tải của một công ty bình phong, nhưng

công ty này chưa bao giờ cung cấp dịch vụ đó⁷¹. Người ta không biết chủ sở hữu của công ty bình phong này là ai, còn tiền thì được chuyển tới một tài khoản ngân hàng ở Dubai. BP công nhận rằng, họ đã điều tra vấn đề này, nhưng không tìm thấy bất kỳ bằng chứng sai trái nào. Panalpina nói rằng họ là nạn nhân của vụ gian lận bởi một nhà thầu phụ trước đó và họ đã sa thải người quản lý văn phòng ở Adécbaigian, ông này cũng phủ nhận mọi tội lỗi.

Trong một trường hợp khả thi khác, cũng theo cuộc điều tra đó, BP đã trả một mức giá cao cho các dịch vụ xây dựng do một tập đoàn các nhà thầu, trong đó có các công ty quốc tế và Adécbaigian cung cấp. Theo tường thuật của *Wall Street Journal*, “tập đoàn này thường đòi BP mức giá cao hơn giá thị trường cho các dịch vụ cơ bản và công trình xây dựng trọng điểm - theo các tài liệu và những người biết rõ vấn đề này”. Các phương tiện truyền thông còn trích dẫn lời của một nhà thầu cũ của BP trong dự án này, ông ta chỉ ra là có “những nỗ lực trục lợi trắng trợn” và nhận xét rằng, “chi phí quá cao” khi các công ty địa phương tham gia dự án⁷².

Các tập đoàn hỗn hợp, tương tự như những công ty ký hợp đồng với BP, có thể phục vụ các chương trình nghị sự kép của nhà lãnh đạo chế độ đạo tặc trị: đối tác chính có năng lực xây dựng cơ sở hạ tầng với tiêu chuẩn cao, để đầu khí tiếp tục chảy còn các đối tác nhỏ hơn thực hiện các chương trình nghị sự trong lĩnh vực chính trị. Giá đầu cao làm cho việc thực hiện cùng một lúc 2 chương trình nghị sự trở nên dễ dàng. BP và nhà thầu chỉ ra rằng, chi phí của dự án đã được phê duyệt đầy đủ và phù hợp với dự toán ngân sách. Không có công ty nào trong số những công ty được nêu tên bị buộc tội liên quan đến dự án này, mặc dù trước đó Panalpina thừa nhận đã từng hối lộ các quan chức

ở Adécbaigian cũng như ở Ănggôla, Braxin, Cadắcxtan, Nigiêria, Nga và Tuổcmênixtan trong giai đoạn 2002-2007⁷³.

Trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ, các công ty dầu khí quốc gia Nga cũng chi tiêu hào phóng cho nhiều loại hàng hóa và dịch vụ khác nhau. Sau khi củng cố quyền lực đối với hai gã khổng lồ thuộc sở hữu nhà nước trong lĩnh vực dầu khí là Rosneft và Gazprom, nhà cầm quyền có thể dễ dàng quyết định ông trùm nào sẽ có cơ hội ký kết những hợp đồng thầu phụ béo bở, tức là quyết định người nào sẽ trở nên giàu có - đây là một trong những công cụ chính trị tuyệt vời trong tay họ.

Trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ, Gazprom đã chi hàng tỷ đôla Mỹ cho công trình xây dựng đường ống. Một số nhà quan sát kết luận rằng, Gazprom đã xây dựng nhiều đường ống hơn mức cần thiết, bỏ qua những đường ống ngắn hơn và dễ dàng hơn để làm những đường ống dài hơn và phức tạp hơn. Gazprom cũng đã trả cao hơn giá thị trường, đường ống dài 1.500 dặm có giá trị 44 tỷ USD, đắt gấp 3 lần chi phí tiêu chuẩn trong ngành này⁷⁴.

Hai anh em Arkady và Boris Rotenberg quản lý một phần công việc xây dựng đường ống này. Họ là những người bạn cũ của Putin từ những ngày cùng tham gia câu lạc bộ judo ở St. Petersburg và đang là những người đứng đầu nhóm những ông trùm mới nổi trong nhiệm kỳ của Putin. Những vụ làm ăn lớn với Gazprom thúc đẩy sự thăng tiến và lòng trung thành không thể lay chuyển của họ. Phần lớn hoạt động kinh doanh mà họ nhận được liên quan đến việc mua các đường ống dẫn khí đốt từ một công ty rồi bán cho Gazprom - vai trò trung gian quá dễ dàng để người ta trục lợi⁷⁵. Một nhà phân tích trong lĩnh vực này nhận xét, Gazprom đã “chuyển từ nguyên tắc tối đa hóa

lợi nhuận cho cổ đông sang nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận cho nhà thầu”, vì các dự án của nó đã tạo ra “phương pháp ‘đúc’ các tỷ phú mới ở nước Nga: trả quá nhiều tiền cho các dịch vụ và làm cho họ trở thành những người giàu có”⁷⁶. Các chuyên gia khác ước tính rằng, tham nhũng và kém hiệu quả, trong đó có các hợp đồng bị thổi giá, trong giai đoạn bùng nổ đầu mỏ, đã khiến Gazprom mỗi năm thiệt hại 40 tỷ USD⁷⁷. Nhưng đối với tổng thống, điều này hoàn toàn không phải là thiệt hại. Những khoản chi này đã tạo ra những tỷ phú trung thành nhằm củng cố quyền lực của ông.

Gazprom còn giúp tổng thống làm giàu cho các đồng minh của chính quyền ở bên ngoài nước Nga. Trong một loạt “vụ làm ăn với các bạn vàng”, doanh nhân người Ucraina, Dmitry Firtash, đã mua được khí đốt giá rẻ của Gazprom đem về Ucraina. Một cuộc điều tra của hãng *Reuters* ước tính, giá khí đốt dành cho Firtash đã giúp ông ta kiếm thêm được 3 tỷ USD⁷⁸. Những vụ làm ăn này và những vụ khác, được lèo lái về phía ông ta, ví dụ như các khoản vay ưu đãi từ các ngân hàng Nga đã giúp ông ta trở thành tỷ phú. Ông ta cũng nổi tiếng vì là người ủng hộ sự giàu có và quyền lực của Victor Yanukovych - người trở thành Tổng thống Ucraina vào năm 2010 và là đồng minh đáng tin cậy của Nga trong suốt giai đoạn cầm quyền. Các phóng viên rút ra kết luận trong cuộc điều tra về Firtash như sau: các vụ làm ăn này cho thấy “cách nhà cầm quyền Nga sử dụng tài sản của nhà nước nhằm tạo ra dòng tiền cho các đồng minh chính trị của mình và cách xuất khẩu mô hình này sang Ucraina nhằm chi phối nước láng giềng được coi là quan trọng đối với lợi ích chiến lược của nước Nga”⁷⁹.

Cùng với hợp đồng thầu phụ, mua bán dầu cũng là lĩnh vực mà giới tinh hoa chính trị có thể trục lợi mà không gây nguy hiểm đến sức khỏe tổng thể của ngành này. Hầu hết các công ty dầu khí quốc gia đều nhận được một phần lớn số dầu thô khai thác ở nước mình. Sau đó, họ phải bán số dầu này cho các nhà máy lọc dầu hoặc những người buôn bán dầu thô. Số tiền thu được từ các hoạt động bán hàng này thường nằm trong số nguồn thu lớn nhất trong nước⁸⁰. Ví dụ, tiền bán dầu thô của các công ty dầu khí quốc gia Adécbaigian và Ănggôla lần lượt chiếm 58% và 67% tổng doanh thu của các chính phủ đó trong giai đoạn 2011-2013⁸¹. Muốn có giá dầu tốt nhất, các công ty dầu khí quốc gia phải nắm chắc được những biến động phức tạp của giá cả và diễn biến trên thị trường dầu mỏ toàn cầu. Kỹ năng giao dịch của họ càng tốt thì lãi càng cao.

Ở hai nước này, cũng như ở Nga, một số ít doanh nhân đã thắng lớn trong những thương vụ mua bán dầu thô được người ta lèo lái về phía họ. Điểm chung của cả 3 quốc gia là các doanh nhân này đều được những người có quyền lực lựa chọn, chứ không thông qua đấu thầu cạnh tranh.

Ở Adécbaigian, một trong những người chiến thắng là một người trẻ tuổi tên là Anar Aliyev (không có quan hệ họ hàng với Tổng thống Aliyev). Khác với những ông trùm cỡ lớn của Adécbaigian được đề cập sau đây, không mấy ai từng nghe nói về doanh nhân này trước khi tổ chức Global Witness công bố báo cáo mang tên *Azerbaijan Anonymous* (Những người Adécbaigian ẩn danh) vào năm 2013. Bản báo cáo này đặt câu hỏi tại sao Anar Aliyev lại nhận được hàng chục hợp đồng béo bở của Socar trong khoảng 6 năm, mặc dù anh ta không có thành tích nổi bật trong ngành dầu khí. Một trong những hợp đồng làm ăn đó liên quan đến việc Socar thành lập một công ty con

mang tên Socar Trading vào năm 2007. Global Witness phát hiện được rằng, một trong những công ty của Anar Aliyev là Heritage vốn không có kinh nghiệm kinh doanh dầu khí, đã nhận được 25% cổ phần trong Socar Trading với giá chỉ vốn vịn 5 triệu USD. Năm năm sau, Heritage bán lại cổ phần của mình trong Socar Trading cho công ty mẹ, Socar, với giá 103 triệu USD⁸². Báo cáo yêu cầu Socar minh bạch hơn trong việc làm ăn của mình và kêu gọi Adécbaigian yêu cầu các công ty dầu khí tiết lộ các chủ sở hữu sau cùng hoặc “được lợi”, tức là người hoặc những người thực sự kiểm soát những công ty này và được hưởng lợi từ những vụ làm ăn của họ.

Phản ứng quyết liệt trước báo cáo của Global Witness, Socar đã viết thư phản đối, gọi báo cáo là “sai lầm và vô căn cứ”, đồng thời thuê một công ty quan hệ công chúng của Anh lập ra trang web với tiêu đề theo đúng nghĩa đen www.azerbaijananonymousexplained.com để đáp lại⁸³. Bản báo cáo đã đẩy Anar Aliyev ra trước công chúng. Doanh nhân này cũng đưa ra một tuyên bố, lập một trang web và trả lời một số cuộc phỏng vấn, tất cả đều nhấn mạnh rằng công việc kinh doanh của anh ta là hợp pháp và khẳng định không có liên kết với bất kỳ nhân vật chính trị nào. Anh ta còn đổi họ từ Aliyev thành Alizade, với lời giải thích: “Tôi luôn gặp nhiều câu hỏi về quan hệ gia đình với những người có nhiều quyền lực ở Adécbaigian”⁸⁴.

Phản ứng của Socar và Alizade (trước đây là Aliyev) trước báo cáo của Global Witness đã làm sáng tỏ vận may của doanh nhân này. Socar xác nhận rằng Alizade đã kiếm được 2.000% lợi nhuận từ khoản đầu tư ban đầu của mình vào Socar Trading và khẳng định rằng anh ta xứng đáng nhận được khoản lợi nhuận này vì đã giúp đưa Socar Trading còn non trẻ vươn lên, trong đó

có việc giúp công ty này bảo đảm nguồn tài chính trong những năm khó khăn sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu⁸⁵. Socar giải thích chi tiết các trường hợp khác, khi họ thành lập một đơn vị mới là đối tác với một công ty thuộc quyền sở hữu của Alizade, rồi một thời gian ngắn sau đó, công ty của Alizade bán lại cổ phần của mình cho Socar. Nói chung, Alizade báo cáo rằng 10 công ty của anh ta đã hợp tác với Socar dưới nhiều hình thức khác nhau⁸⁶.

Mặc dù Socar và Alizade kiên quyết phủ nhận mọi hành vi bất chính hoặc sự tham gia của các nhân vật chính trị trong những vụ làm ăn này, nhưng họ không thể phủ nhận việc các công ty của doanh nhân này liên tục nhận được những cơ hội kinh doanh dầu khí có một không hai mà không cần bất kỳ hình thức đấu thầu hay cạnh tranh nào. Trong khi bảo vệ tiếng tăm của mình, chính Socar nhiều lần nhấn mạnh: “Theo luật pháp Adécbaigian và các thủ tục thu mua nội bộ của Socar, không có quy định chào bán công khai hay đấu thầu khi thành lập liên doanh hoặc hợp tác với các nhà đầu tư và tập đoàn tư nhân”⁸⁷. Quyền tự do mà Socar được hưởng trong việc lựa chọn đối tác hầu như không phải là chuyện lạ trong ngành dầu khí, nhưng vẫn để ngỏ rất nhiều khoảng trống, ở Adécbaigian cũng như các nước khác khiến người ta phải đặt câu hỏi rằng: “nhưng tại sao lại là những người này?”.

Trong giai đoạn bùng nổ, Socar Trading đã phát triển thành một công ty kinh doanh dầu mỏ lớn trên trường quốc tế, dù là nhờ sự tham gia của công ty của Alizade hay không. Công ty con này hoạt động tốt và nổi tiếng trong ngành vì đã lôi kéo được những tài năng hàng đầu từ các công ty thương mại lớn khác. Đến năm 2017, tròn 10 năm sau ngày thành lập, Socar Trading báo cáo thu được 45 tỷ USD doanh thu và giao dịch tới 2 triệu thùng dầu mỗi

ngày, hầu hết đều đến từ bên ngoài Adébaigian⁸⁸. Mặc dù các doanh nhân được đặt đúng chỗ đã kiếm được nhiều tiền trong quá trình phát triển của công ty này, nhưng không ai được phép “nuốt chửng” toàn bộ công ty này. Xin so sánh với các công ty con của công ty dầu khí quốc gia Nigieria chuyên làm nhiệm vụ kinh doanh dầu mỏ. Các công ty này đã tồn tại suốt hàng chục năm, nhưng chưa bao giờ có bất kỳ khả năng thương mại nào.

Chế độ ở Ănggôla cũng tuân theo một sách lược tương tự, mặc dù một số doanh nhân nắm trong tay những hợp đồng mua bán dầu lớn với các vị thế chính trị rất cao. Tướng Leopoldino Fragoso do Nascimento, biệt danh “Dino”, là một trong những nhân vật hàng đầu trong lĩnh vực chính trị và kinh doanh của Ănggôla dưới thời dos Santos. Ông ta giữ một số chức vụ có ảnh hưởng trong chính phủ, đồng thời còn là lãnh đạo của công ty mang tên Cochan⁸⁹. Ít nhất là từ năm 2009 đến 2012, Cochan hợp tác với một công ty Thụy Sĩ, Trafigura, một trong những công ty kinh doanh dầu khí lớn nhất thế giới, để thành lập một liên doanh mang tên DTS Refining, mỗi bên nắm 50% cổ phần. Sau đó, Sonangol trao cho DTS Refining một số hợp đồng “hoán đổi” lớn. Theo các hợp đồng này, DTS Refining nhận một phần sản lượng dầu thô của Ănggôla, sau đó trả lại bằng cách nhập khẩu các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế như xăng và nhiên liệu máy bay⁹⁰. Một bản tin trên phương tiện truyền thông ước tính rằng, trong năm 2011, các sản phẩm nhập khẩu trị giá 3,3 tỷ USD, có lúc DTS Holdings đã độc quyền nhập khẩu toàn bộ nhiên liệu của Ănggôla⁹¹. Trong vài năm bùng nổ, nhờ những vụ làm ăn với Sonangol, mỗi giọt nhiên liệu nhập khẩu vào nước này đều mang lại lợi nhuận cho Tướng Dino.

Những người ủng hộ Putin đã giàu lên nhờ kinh doanh dầu mỏ. Tương tự như anh em nhà Rotenberg, những người đã nhận

được những hợp đồng cung cấp đường ống béo bở của Gazprom, Gennady Timchenko cũng là người nổi bật trong nhóm những ông trùm mới nổi, giữ thế thượng phong dưới thời Putin. Phần lớn tài sản khổng lồ của Timchenko, 13 tỷ USD vào năm 2016, đến từ những vụ làm ăn trong lĩnh vực dầu khí. Ông là đồng sáng lập công ty Gunvor, có trụ sở ở Thụy Sĩ. Công ty này đã phát triển thành một trong những nhà kinh doanh dầu lớn nhất thế giới. Timchenko cũng nắm giữ phần lớn cổ phần ở Novatek, một công ty khí đốt lớn.

Khi Yukos giải thể và các lô dầu này được chuyển cho Rosneft, Gunvor được kéo vào cuộc để công ty này bán dầu khai thác được từ nhiều mỏ trước đây thuộc Yukos. Phần lớn nhờ những hợp đồng thương mại với Rosneft mà doanh thu của Gunvor đã tăng từ 5 tỷ USD vào năm 2004 lên 80 tỷ USD vào năm 2011 và công ty này đảm nhận tới 30% lượng hàng xuất khẩu bằng đường biển của Nga⁹². Trong những năm sau đó, dựa vào nền tảng này, Gunvor đã mở rộng hoạt động trên toàn thế giới (trong đó có vụ thâm nhập đầy tranh cãi vào thị trường ở Cộng hòa Congo, đã thảo luận trong Chương 2).

Trong suốt quá trình vươn lên của Gunvor, có tin đồn rằng công ty thuộc sở hữu bí mật của Putin và Timchenko là người đại diện. Tại sao Gunvor lại nhận được nhiều vụ làm ăn giá trị như vậy? Cuối những năm 2000, một nhà nghiên cứu người Nga tuyên bố rằng Putin là chủ sở hữu của Gunvor và kiểm soát tới 75% cổ phần của công ty này. Sau đó, tờ *The Economist* đưa tin rằng, Gunvor có mối liên hệ với Putin, đây là cách tờ báo này giải thích quá trình vươn lên nhanh chóng của Gunvor⁹³. Vài năm sau, năm 2014, Hoa Kỳ nhắc lại những tuyên bố này khi thông báo lệnh trừng phạt sau khi Nga sáp nhập Crimea. Hoa Kỳ đưa Timchenko vào danh sách các cá nhân bị trừng phạt, tuyên bố

rằng ông ta thuộc “nhóm chủ chốt” và “bị kiểm soát bởi, hành động vì hoặc thay mặt cho, hoặc cung cấp vật chất hay những hỗ trợ khác cho một quan chức chính phủ cấp cao”. Cáo buộc tiếp tục nói rằng Timchenko là “một trong những người sáng lập Gunvor, một trong những công ty kinh doanh hàng hóa độc lập lớn nhất thế giới tham gia vào thị trường dầu mỏ và năng lượng. Các hoạt động của Timchenko trong lĩnh vực năng lượng liên quan trực tiếp đến nhà lãnh đạo Nga - người đầu tư vào Gunvor và có thể có quyền tiếp cận với tiền bạc của Gunvor”⁹⁴.

Đáp lại, Gunvor và Timchenko kiên quyết phủ nhận những tuyên bố này. Năm 2009, Timchenko kiện tờ *Economist* tội phỉ báng sau khi tờ này đăng một bài báo. Vụ kiện đã được dàn xếp sau đó⁹⁵. Năm 2014, trong thư trả lời các lệnh trừng phạt của Hoa Kỳ, Gunvor “phủ nhận một cách dứt khoát về việc Putin đang có hoặc đã từng có bất kỳ quyền sở hữu nào, hoặc ông ấy là người hưởng lợi trực tiếp hoặc gián tiếp từ hoạt động kinh doanh của chúng tôi. Hiểu thế là hoàn toàn sai và là một sự xúc phạm”⁹⁶. Phát ngôn viên của Putin cũng nhắc lại quan điểm này. Để không cản trở hoạt động của công ty, Timchenko đã bán cổ phần của mình ở Gunvor ngay khi Hoa Kỳ công bố lệnh trừng phạt. Ông ta nói việc bị đưa vào danh sách trừng phạt là “hoi ngạc nhiên, nhưng đó là một vinh hạnh đối với tôi”, có lẽ vì đối với một doanh nhân Nga, đứng trong nhóm người thân cận của Tổng thống Nga Putin không hề đáng sợ.

Kịch bản này một lần nữa cho thấy thực tế là, các nhà lãnh đạo chế độ đạo tặc trị không cần thu lợi trực tiếp từ tất cả các vụ làm ăn, họ chỉ cần hưởng lợi nhuận về phía các đồng minh trung thành. Hồ sơ Panama tiết lộ một số nhà tài phiệt ở Nga đã chuyển tiền vào và ra khỏi các công ty bình phong mà không có mục đích kinh doanh rõ ràng, điều này cho chúng ta một góc

nhìn khác về cơ cấu đạo tặc trị này. Ví dụ, năm 2013, Rotenberg cho một công ty có trụ sở tại Quần đảo Virgin thuộc Anh vay 230 triệu USD mà không có kế hoạch đòi nợ⁹⁷. Người phát ngôn của ông ta nói rằng khoản tiền đó dành cho các giao dịch thương mại. Một phóng viên của tờ *The New Yorker*, viết về Rotenberg, đã tóm tắt đầy đủ cơ sở chính trị của nền kinh tế tập trung như sau: “Nhà cầm quyền dường như không cần phải tự mình sở hữu bất cứ thứ gì, ít nhất là trên giấy tờ, khi các đồng minh đáng tin cậy có thể làm điều đó”⁹⁸.

Phân chia “trúng vàng” nhằm tăng cường quyền lực

Vì các nhà lãnh đạo đã chăm sóc cẩn thận những con ngỗng của mình và bảo vệ chúng khỏi những thất thường của việc không kiểm soát được tham nhũng, nên họ thu được rất nhiều trúng.

Khoảng năm 2010, mấy người con trai của một bộ trưởng đầy quyền lực ở Adécbaigian đã tìm cách mua 2 máy bay phản lực Gulfstream. Trong quá trình thẩm định thỏa thuận, nhà sản xuất máy bay ở Hoa Kỳ đã yêu cầu người mua cung cấp thông tin về tài chính của họ. Theo một bức điện ngoại giao của Hoa Kỳ bị rò rỉ, “gia đình này đã cung cấp cho Gulfstream bản miêu tả ngắn gọn về tài sản của họ và dường như họ sở hữu nhiều doanh nghiệp hơn bất kỳ gia đình nào khác ở Adécbaigian, trong đó có các công ty chuyên đóng hộp thực phẩm, vật liệu xây dựng, bê tông, nhựa đường, hóa chất, gạch, dệt may, sản xuất đĩa CD và DVD, chế biến sữa, du lịch, vật liệu bằng thạch cao, da, nông nghiệp, đàn piano và rượu, nước trái cây, ngân hàng, bảo hiểm và xây dựng”⁹⁹. Những khoản đầu tư của hai người con trai vươn ra tận nước ngoài: mua bất động sản ở Tây Ban Nha, Dubai và Grudia, cũng như một số nhà máy ở Pháp¹⁰⁰. Mạng lưới kinh

doanh đáng nể này là của gia đình Kamaladdin Heydarov, Bộ trưởng các vấn đề khẩn cấp của Adécbaigian - hay còn gọi là “Bộ những vấn đề quan trọng”, theo bức điện bị rò rỉ của Đại sứ quán Hoa Kỳ.

Quá trình vươn lên của Heydarov và những ông trùm hàng đầu khác cho thấy các biện pháp mà Tổng thống Aliyev sử dụng nhằm giành được quyền kiểm soát toàn diện nền kinh tế Adécbaigian. Trong giai đoạn bùng nổ giá cả, doanh thu dầu mỏ hàng năm của Adécbaigian đã tăng từ 5,5 tỷ USD năm 2007 lên 23 tỷ USD năm 2011¹⁰¹. Được những của cải này tiếp thêm sức mạnh, Aliyev đã sử dụng các hợp đồng, các khoản cho vay và các kênh khác của chính phủ để làm giàu cho các đồng minh của mình, xây dựng được một chế độ đạo tặc trị hùng mạnh và thâm nhập mọi ngõ ngách của đất nước. Những dòng tiền này chẳng đóng góp được bao nhiêu vào sự phát triển khu vực kinh tế ngoài dầu khí, và kết quả là, sau thời kỳ bùng nổ, đất nước rơi vào giai đoạn suy thoái kéo dài.

Nhiều năm trước, khi các con trai của ông ta bắt đầu tìm mua máy bay phản lực, Heydarov từng là người đứng đầu cơ quan hải quan của Adécbaigian. Theo các nhà ngoại giao Hoa Kỳ, đây chính là nơi giúp ông ta tạo dựng được ảnh hưởng của mình và mang lại lợi ích cho Tổng thống Aliyev thông qua những biện pháp như, dành cho những doanh nhân trung thành với chế độ được độc quyền nhập khẩu một số sản phẩm nào đó¹⁰². Sau đó, Aliyev thưởng cho Heydarov vai trò lớn hơn trong cả khu vực công lẫn khu vực tư nhân, cả hai đều phình ra cùng với những khoản đầu tư trong ngành dầu khí. Năm 2006, Heydarov được bổ nhiệm làm Bộ trưởng phụ trách các vấn đề khẩn cấp đầu tiên của đất nước - một bộ có phạm vi trách nhiệm rộng lớn đối với một loạt các cơ quan quan trọng, trong đó có cả một số đơn vị

bán quân sự và an ninh. Với năng lực và lòng trung thành với Tổng thống, Bộ này đã kiểm soát được một loạt nhiệm vụ có thể mang lại lợi nhuận. Ví dụ, Bộ đã bắt đầu cấp giấy phép xây dựng tại thị trường bất động sản đang bùng nổ ở thành phố Baku. Chính phủ đã chi các khoản thu nhập từ dầu khí cho những dự án xây dựng tốn kém và cho vay tiền nhằm tài trợ cho các dự án khác do các ông trùm dẫn dắt. Cũng như khi còn làm ở hải quan, Heydarov sử dụng quyền ban hành các quy định mới, nhằm hướng những cơ hội về bất động sản này vào tay những người phù hợp.

Một bức điện của Đại sứ quán Hoa Kỳ năm 2007 đã giải thích cách thức Heydarov sử dụng quyền lực chính phủ nằm trong tay mình nhằm thúc đẩy quyền lợi kinh doanh của cá nhân ông ta như sau: “Trong 6 tháng đầu năm 2007, MES (Bộ các vấn đề khẩn cấp) báo cáo đã phát hiện hơn 200 tòa nhà vi phạm các quy tắc xây dựng và/hoặc quy tắc an toàn của địa phương, đồng thời yêu cầu ngưng mọi hoạt động. Cuối năm 2006, MES đình chỉ việc xây dựng một tòa nhà văn phòng lớn trong vài tháng với lý do vi phạm quy tắc xây dựng và an toàn, gây tổn kém hàng triệu đôla Mỹ. Nhà đầu tư của tòa nhà sau đó nói thêm rằng những người đại diện phát ngôn thay mặt các quan chức [chính quyền] cấp cao, trong đó có Heydarov, đòi kiểm soát hơn 50% quyền sở hữu tòa nhà mới này”¹⁰³. Bức điện của Đại sứ quán Hoa Kỳ cũng viết về cách thức Bộ này sử dụng quyền quy hoạch để đóng cửa văn phòng của 2 tờ báo đã đăng những bài viết phê phán chính phủ. Bộ này cũng buộc một số công ty phải mua bình chữa cháy “được MES phê chuẩn” với giá cao. “Theo các nhà kinh doanh, bình chữa cháy của MES có chất lượng thấp và phải thay 6 tháng một lần. Hầu hết các quan chức trong lĩnh vực kinh doanh mà

chúng tôi đã nói chuyện đều tin rằng Heydarov có phần trong các bình chữa cháy ‘được MES phê duyệt’”¹⁰⁴.

Gia đình Heydarov sẽ tấn công khi cần, đây cũng là một phần trong nỗ lực của chế độ nhằm khóa chặt mọi ngõ ngách của nền kinh tế quốc gia. Người quản lý một chuỗi cửa hàng sách đang phát triển thuật lại rằng, năm 2014, bà nhận được lời mời tham dự cuộc họp ở công ty chủ quản của Heydarov. Ở đó, một quan chức của công ty đã đe dọa đóng cửa cơ sở kinh doanh của bà: “Chúng tôi là voi, bà chỉ là một con kiến - chúng tôi sẽ nghiền nát bà”. Bà nói rằng, sau cuộc họp này, hải quan lễ mề trong việc thông quan sách báo nhập khẩu của công ty bà, cảnh sát thì quấy rối nhân viên của bà và bà đã bị mất trộm. Cũng trong khoảng thời gian đó, con trai của Heydarov bắt đầu mở một chuỗi cửa hàng sách cạnh tranh với bà. Chuỗi cửa hàng mới phủ nhận bất kỳ mối liên hệ nào với chính phủ và nói rằng họ không thực hiện bất kỳ hành vi đe dọa nào¹⁰⁵.

Cùng với Heydarov, Ziya Mammadov và gia đình ông ta nằm trong số những nhà tài phiệt hàng đầu của Adécbaigian. Mammadov từng là Bộ trưởng Giao thông vận tải trong 15 năm. Ông và gia đình đã xây dựng được một đế chế kinh doanh khổng lồ nhờ vào 2 lợi thế thường thấy mà chế độ mang lại cho các đồng minh của mình: những cơ hội kinh doanh có một không hai và các hợp đồng béo bở của chính phủ. Ví dụ, một công ty mà gia đình Mammadov sở hữu một phần cổ phiếu đã nhận được hợp đồng của chính phủ để nhập 1.000 chiếc “taxi đen” [taxi truyền thống] kiểu London nhằm phục vụ nhu cầu vận tải của Thủ đô. Để thúc đẩy doanh nghiệp taxi mới này, Bộ Giao thông vận tải đã sửa đổi các quy tắc đỗ xe của thành phố nhằm gây bất lợi cho các công ty taxi cạnh tranh và yêu cầu tài xế taxi phải trả thuế và

phí cấp giấy phép thông qua ngân hàng thuộc quyền sở hữu của con trai Mammadov¹⁰⁶.

Những công ty liên kết với gia đình Mammadov cũng giữ thế thượng phong tương tự trong ngành vận tải xe buýt, xây dựng đường bộ và vận chuyển hàng hóa - không phải ngẫu nhiên mà Ziya được trao quyền kiểm soát Bộ Giao thông vận tải. Các công ty này nhận được những hợp đồng xây dựng đường sá béo bở. Một đầu mối liên lạc người Adécbaigian nói với tôi: “Tôi thề rằng tôi đã thấy một đoạn đường hoàn toàn tốt được xây đi xây lại 3 hoặc 4 lần”. Những nhà quan sát khác cho rằng Adécbaigian có những con đường đất đỏ nhất hành tinh¹⁰⁷. Theo một bức điện của Đại sứ quán Hoa Kỳ: “Với quá nhiều của cải từ ngành dầu khí quốc gia được đổ vào xây dựng đường sá, gia đình Mammadov còn kiểm soát khả năng trục lợi đáng kể”¹⁰⁸.

Như đã thấy ở Ănggôla và Nga, Mammadov và những ông trùm khác đã sử dụng “tiền đầu tư” của doanh nghiệp nhà nước nhằm phát triển đế chế của mình. Các doanh nghiệp của gia đình Mammadov lan sang các ngành xây dựng, thể thao, khách sạn, bảo hiểm, dầu khí, cũng như ngân hàng. Mammadov đã trở thành tỷ phú, mặc dù mức lương chính thức của ông ta là 12.000 USD/năm và con trai ông cũng là tỷ phú¹⁰⁹.

Khi được hỏi về mạng lưới các doanh nghiệp này và mối quan hệ của họ với nhà nước, người phát ngôn của Bộ Giao thông vận tải nhận xét: “Đối với Bộ trưởng, chỉ có lợi ích của Adécbaigian là quan trọng. Có thể những doanh nghiệp này thuộc về một người thân cận của Bộ trưởng. Nếu những người này đề xuất các dự án vững chắc và hiệu quả, tại sao họ không được ưu tiên?”¹¹⁰. Thật vậy, trong những năm gần đây, các đế chế kinh doanh của các ông trùm đã giữ thế thượng phong và lan rộng đến mức khó có thể kinh doanh ở Adécbaigian mà tránh xa được họ.

Mặc dù thành công như thế nhưng Mammadov và mạng lưới của ông ta có thể đã không còn phục vụ Tổng thống Aliyev hiệu quả như trước. Năm 2017, Mammadov mất chức Bộ trưởng Giao thông vận tải, đây là lời nhắc nhở rằng các ông trùm có thể trở nên giàu có và giữ các vị trí hàng đầu, nhưng tất cả đều do Tổng thống quyết định.

Trong những năm bùng nổ dầu mỏ, Heydarov và Mammadov được xếp vào nhóm những ông trùm có tầm ảnh hưởng nhất. Nhưng không người nào vượt qua được những nỗ lực của Aliyev và gia đình ông ta. Aliyev và vợ có 2 người con gái và 1 người con trai, tất cả đều đam mê vật chất. Hai cô con gái, giống như mẹ mình, đều là những chuyên gia thời trang. Khi họ làm người mẫu cho một tạp chí thời trang địa phương, các phát thanh viên trên đài truyền hình Adécbaigian tỏ ra rất thích thú. Hai cô con gái đã thể hiện “bằng chứng rõ ràng rằng, họ không chỉ được thừa hưởng gen di truyền về ngoại hình, mà còn cả trí tuệ, thể giới nội tâm, sức quyến rũ và cá tính. Mỗi lần xuất hiện trước công chúng, những mỹ nhân phương Đông này đều mang đến cho bạn cơ hội mãn nhãn về cách ứng xử đẹp, kỹ năng giao tiếp xã hội của họ với bạn bè, gia đình và những người xung quanh”¹¹¹.

Nhờ tài sản của gia đình Tổng thống, những người con của Aliyev sẽ được thừa hưởng nhiều thứ, chứ không chỉ sắc đẹp và sự quyến rũ. Trong khi tổng giá trị tài sản của đế chế nằm sau vô số công ty bình phong của họ vẫn còn là bí mật, thì các cuộc điều tra bèn bí của các phương tiện truyền thông đã khám phá ra một số của cải ở nhiều nơi khác nhau. Đệ nhất phu nhân và các con của bà được cho là sở hữu những ngôi nhà tổng trị giá hơn 140 triệu USD, trong đó có một biệt thự ở London trị giá 25 triệu USD và 9 ngôi nhà bên bờ biển ở Dubai tổng trị giá 44 triệu USD¹¹². Để

đăng cai tổ chức cuộc thi Ca khúc truyền hình châu Âu (Eurovision Song Contest) năm 2012 một cách hoành tráng, Chính phủ Adécbaigian đã cung cấp tiền để xây dựng Baku Chrystal Hall, một sân vận động có 9.500 bóng đèn LED nhấp nháy theo điệu nhạc. Theo các phương tiện truyền thông, Đệ nhất Phu nhân và 2 người con gái của bà nằm trong số những người hưởng lợi từ một công ty nhận một phần công việc xây dựng sân vận động, mặc dù quyền sở hữu của họ được một loạt các công ty bình phong hải ngoại che giấu¹¹³. Hai cô con gái còn liên quan tới 7 khách sạn 5 sao mọc lên ở thành phố Baku trong thời kỳ bùng nổ dầu mỏ và 2 khu nghỉ dưỡng dành riêng cho những người đặc tuyển nằm ở trên núi¹¹⁴.

Các cuộc điều tra khác của các phương tiện truyền thông cho biết, các công ty do Đệ nhất Phu nhân và các con gái của bà kiểm soát còn có cổ phần trong một số công ty lớn đang giữ thế thượng phong trong môi trường kinh doanh ở Adécbaigian¹¹⁵. Bằng cách làm này, cùng với những cách làm khác, gia đình Aliyev đã thu được lợi nhuận từ gần như tất cả các phân khúc của nền kinh tế. Gia đình Aliyev và các cố vấn thân cận của họ cũng là những cổ đông quan trọng trong ít nhất 8 ngân hàng lớn của Adécbaigian¹¹⁶. Cũng như ở Ănggôla và Nga, giới tinh hoa chính trị ở Adécbaigian sử dụng quyền kiểm soát của họ đối với một số ngân hàng nhằm thúc đẩy lợi ích kinh doanh của các nhà tài phiệt hàng đầu. Ngân hàng Pasha, có những mối quan hệ với các cô con gái của Tổng thống, đã cung cấp tài chính cho khách sạn Four Seasons ở thành phố Baku và một khu nghỉ dưỡng trên đỉnh núi, khai trương trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ. Đây là 2 trong số những khách sạn cao cấp mà các thành viên trong gia đình Tổng thống sở hữu một phần cổ phiếu¹¹⁷. Chỉ những đồng minh thân cận nhất của

Aliyev mới được quyền tham gia vào nhóm người trục lợi kiểu đó mà thôi.

Năm 2012, Khadija Ismayilova, một nhà báo người Adécbaigian, tung ra câu chuyện về cách thức chính phủ cấp giấy phép khai thác mỏ vàng giá trị lớn cho một tập đoàn các công ty, một trong số đó thuộc quyền sở hữu của 2 người con gái của Tổng thống¹¹⁸. Như thường thấy trong hoạt động của gia đình Tổng thống, vụ làm ăn này liên quan đến các công ty bình phong, lần này được đăng ký ở những khu vực thuộc quyền tài phán của Vương quốc Anh và Panama. Năm 2015, một cuộc điều tra khác của Ismayilova đã tiết lộ gia đình Tổng thống là chủ sở hữu thực sự của một số khách sạn mới, sang trọng bậc nhất Adécbaigian¹¹⁹.

Tuy nhiên, khi câu chuyện này được tiết lộ, Ismayilova đã nằm trong nhà giam. Bị bắt vì bản án ngụy tạo, bà phải ngồi tù 18 tháng vì tội tiết lộ những hoạt động bên trong của nền kinh tế đạo tặc trị. Bà được trả tự do, nhưng hàng chục nhà báo, nhà hoạt động và chính trị gia đối lập khác vẫn bị giam trong nhà tù Adécbaigian. Aliyev không chỉ sử dụng tiền từ dầu khí và các ông trùm để duy trì quyền lực: sợ hãi và đàn áp cũng là những công cụ quan trọng.

Ngoài việc làm giàu cho gia đình Tổng thống và các đồng minh, chính quyền Aliyev còn sử dụng tiền từ dầu khí nhằm củng cố danh tiếng và uy tín của mình. Trong một chuyến công tác đến Baku, tôi lang thang qua công viên cực kỳ sạch sẽ và ngăn nắp nằm dọc bờ biển Caspi, tới chân một lá cờ Adécbaigian khổng lồ. Nhìn lên cột cờ cao 162m, tôi phải loay hoay mãi mới có thể tìm một vị trí chụp được chiều cao bất thường của nó. Được dựng lên vào năm 2010 với giá 38 triệu USD, trong một

thời gian ngắn, đây là cột cờ cao nhất thế giới¹²⁰. Quá trắng trợn, chỉ vài tháng sau, Tátgikixtan đã xây một cột cờ còn cao hơn.

Lá cờ khổng lồ chỉ là bước khởi đầu. Với sự ủng hộ của những tay sai đầu sỏ trung thành, İlham Aliyev đã đầu tư rất nhiều vào việc marketing cho chế độ của mình, quảng bá rằng đây là chế độ thành công, đầy sức mạnh và tất yếu. Baku nổi lên từ giai đoạn bùng nổ dầu mỏ với một loạt tòa nhà mới, tráng lệ, nhiều cao ốc trong số đó có thể lấy cảm hứng từ những tòa nhà chọc trời hào nhoáng ở Dubai¹²¹. Hình ảnh về Tháp lửa (Flame Towers), một trung tâm văn hóa do kiến trúc sư nổi tiếng người Anh thiết kế, hiện diện trên tất cả các tài liệu quảng cáo về đất nước này. Các tòa nhà cũ được cải tạo khiến các khách sạn 5 sao mọc lên như nấm, còn các cửa hàng thời trang trông ấm cúng hơn. Chính phủ đã làm lại mặt tiền cho nhiều công trình xây dựng từ thời Liên Xô, mô phỏng theo các thủ đô của châu Âu như Vienna và Paris. Là một chính trị gia thông thái, Aliyev không chỉ nâng cấp các khu trung tâm sầm uất của thành phố Baku. Các công viên, sân chơi và trường học mới mọc lên trên khắp cả nước, đường sá và các cơ sở hạ tầng khác cũng được cải thiện. Thông điệp đưa ra là rất rõ ràng: Adécbaigian đang thịnh vượng.

Cùng với các công trình xây dựng, chính quyền ở Baku đã chi mạnh tay cho hoạt động từ thiện mang động cơ chính trị. Câu châm ngôn trên website của Quỹ Heydar Aliyev được trích dẫn từ người cha của vị Tổng thống hiện tại và cũng là người sáng lập chế độ gia đình trị: “Ngăn chặn nguy hiểm dễ hơn là loại trừ hậu quả của nó”. Thật vậy, thông qua những chương trình trong nhiều lĩnh vực của mình, Quỹ này đã và đang hoạt động nhằm ngăn chặn những mối đe dọa đối với chế độ. Trong nước, Quỹ hỗ trợ các cuộc triển lãm nghệ thuật, phòng khám đa khoa, các sự kiện thể thao và đặc biệt quan tâm lưu giữ những ký ức về

cuộc xung đột với nước láng giềng Ácmênia - một trong những cội nguồn lâu đời góp phần củng cố khối đoàn kết dân tộc. Ở nước ngoài, Quỹ nâng cao uy tín của Adécbaigian. Người ta rất thích dựng tượng Heydar Aliyev ở các nước trên khắp thế giới. Quỹ cũng hỗ trợ công trình cải tạo các kính màu trên cửa sổ nhà thờ của Strasbourg, sửa chữa hầm mộ của Tòa thánh Vaticăng, xây dựng một bệnh viện mới ở Bôxnia, và vô số triển lãm văn hóa Adécbaigian¹²². Nếu điều hành Adécbaigian là công việc của gia đình, thì Quỹ này chính là bộ phận quan hệ công chúng có nhiều nguồn lực.

Không có gì ngạc nhiên khi các cuộc điều tra đặt ra câu hỏi về bộ máy quản lý của Quỹ. Tiền bạc dễ dàng lưu chuyển giữa các tài khoản của chính phủ, của Quỹ, của các nhà tài phiệt và ngược lại¹²³. Quỹ này không công bố ngân sách hằng năm. Chủ tịch của Quỹ là Đệ nhất Phu nhân, con gái bà là Phó Chủ tịch. Các cá nhân và doanh nghiệp thường xuyên đóng góp cho Quỹ với mong muốn được chế độ ưu tiên ưu đãi. Một chính trị gia đối lập nói rằng các khoản đóng góp cho Quỹ này là “thẻ ra tù miễn phí (get out of jail freecard)*” dành cho quan chức địa phương¹²⁴.

Chính phủ cũng đã chi tiền từ đầu khí cho các sự kiện quốc tế được tổ chức một cách công phu. Năm 2012, họ đã chi tới 75 triệu USD để tổ chức cuộc thi Ca khúc truyền hình châu Âu¹²⁵. Vài năm sau, họ lại đăng cai Đại hội thể thao châu Âu lần thứ nhất. Những sự kiện mang tính khoa trương này cho thấy một số thách thức mà các nhà độc tài phải đối mặt khi tìm cách đánh bóng tên tuổi của mình. Aliyev mời, nhưng không có nhà lãnh

* Thành ngữ tiếng Anh, có nghĩa là sở hữu một thứ gì đó giúp thoát khỏi những tình huống éo le, không mong muốn hoặc thoát khỏi sự trừng phạt (BT).

đạo nước lớn nào trong Liên minh châu Âu tham dự, ngoài các nguyên thủ quốc gia cảm thấy thoải mái hơn với tác phong độc đoán và thành tích nhân quyền ngày càng xấu đi của ông ta, như Thổ Nhĩ Kỳ, Bêlarút,...¹²⁶.

Các ông trùm đã hỗ trợ những bước đi trong quan hệ công chúng và cũng được hưởng lợi. Một trong những công ty cổ phần lớn nhất do thế lực này kiểm soát đã mua bản quyền in dòng chữ “Azerbaijan: Land of Fire” (Adécbaigian: Vùng đất lửa) trên áo thi đấu của đội bóng nổi tiếng châu Âu - Atletico Madrid. Theo một cuộc điều tra của tờ *Foreign Policy* (Chính sách đối ngoại) có nhan đề khá khiêu khích “Các Corleone* của biển Caspi”, 3 gia đình được nhắc tới là Aliyev, Heydarov và Mammadov đã điều hành phần lớn bộ máy vận động hành lang của chính phủ ở phương Tây trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ. Ví dụ, Liên minh người Mỹ gốc Adécbaigian do con trai của Mammadov thành lập và do một cựu nghị sĩ Hoa Kỳ, bang Indiana, làm Chủ tịch. Con trai của Heydarov phụ trách bộ phận quản lý danh tiếng ở Vương quốc Anh, thông qua các sự kiện do Hiệp hội Adécbaigian châu Âu tổ chức - một nhóm vận động hành lang có trụ sở chính tại khu phố sang trọng Mayfair gần London - đã mời các nghị sĩ Quốc hội và các nhân vật hàng đầu khác ăn nhậu¹²⁷.

Các vôi bạch tuộc của chế độ đạo tặc trị do Aliyev đứng đầu đã vươn ra khắp thế giới. Họ bòn rút của cải thông qua các công ty bình phong, tài khoản ngân hàng và bất động sản. Họ lôi kéo các nhà đầu tư, đối tác kinh doanh và các chính trị gia ở châu Âu, Hoa Kỳ và Trung Đông. Trong giai đoạn bùng nổ dầu

* Vito Andolini Corleone là nhân vật xã hội đen hư cấu trong tiểu thuyết *Bố già* của Mario Puzo (ND).

mỏ, ngay cả doanh nghiệp gia đình của Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump cũng hợp tác với gia đình Mammadov¹²⁸. Cách tiếp cận theo lối tự do kinh tế (*laissez-faire*) của các chính phủ châu Âu - coi Adécbaigian là nhà cung cấp khí đốt tự nhiên chiến lược - cũng mang lại lợi ích cho chính phủ này. Những tác nhân này, cùng với những tác nhân khác, đã làm ngơ trước những tính chất đạo tặc trị của chế độ (sẽ được thảo luận thêm trong Chương 6).

Các nhà lãnh đạo của Nga và Ănggôla cũng áp dụng một số mô thức tương tự khi họ sử dụng những quả trứng vàng của mình. Chắc chắn là chính quyền Nga chi nhiều hơn Adécbaigian cho các sự kiện thể thao danh tiếng. Thế vận hội Sochi năm 2012 diễn ra vào giữa giai đoạn bùng nổ dầu mỏ và đáng được trao huy chương vàng về việc chuyển của cải từ ngành dầu khí vào túi tư nhân. Chi phí cho các cuộc tranh tài lên tới 50 tỷ USD - một con số lớn hơn Thế vận hội mùa Hè Bắc Kinh năm 2008 và gấp nhiều lần con số 7 tỷ USD mà Vancouver chi cho Thế vận hội mùa Đông năm 2010.

Như trong hợp đồng xây dựng đường ống của Gazprom, anh em nhà Rotenberg đứng đầu danh sách những người được hưởng lợi. Các nhà chức trách Hoa Kỳ, trong khi giải thích cho việc đưa anh em nhà Rotenberg vào danh sách trừng phạt năm 2014, đã tuyên bố rằng 2 người này “đã hỗ trợ các dự án con cưng của Nga bằng cách nhận và thực hiện các hợp đồng đã được nâng giá cho Thế vận hội Sochi và cho công ty Gazprom nằm dưới quyền kiểm soát của nhà nước. Họ đã kiếm được hàng tỷ đôla Mỹ trong các hợp đồng với Gazprom và Thế vận hội mùa Đông Sochi. Trong những năm Putin cầm quyền ở Nga, cả 2 anh em nhà này đều đã tích lũy được khối tài sản khổng lồ. Anh em nhà Rotenberg đã thực hiện các hợp đồng cho Thế vận hội Sochi với giá trị khoảng

7 tỷ USD và chỉ trong vòng 2 năm, tài sản cá nhân của họ đã tăng thêm 2,5 tỷ USD”¹²⁹.

Không còn được hưởng giá dầu cao từng giúp thanh toán hóa đơn cho Thế vận hội Sochi, đồng thời những biện pháp trừng phạt của Hoa Kỳ cũng làm suy yếu nền kinh tế Nga, tuy nhiên, anh em nhà Rotenberg và bạn hữu dường như vẫn đang sống khỏe. Tạp chí *Forbes* phiên bản Nga năm 2015 đã đăng câu chuyện về những người được hưởng lợi nhiều nhất từ các hợp đồng của chính phủ dưới thời Putin. Arkady Rotenberg và con trai ông ta, Igor, đã lọt vào top 5, Gennady Timchenko cũng nằm trong nhóm này. Năm 2015, ba người này đã nhận được các hợp đồng trị giá 11,3 tỷ USD, mặc dù sau khi giá dầu giảm, chính phủ đã có chính sách thắt lưng buộc bụng. Một chính trị gia đối lập đã gọi những người này là “5 ông hoàng của các hợp đồng chính phủ” và kết luận: “Về cơ bản, đó là tất cả những điều bạn cần biết về nền kinh tế Nga”¹³⁰. Nhưng dù sao vẫn còn một thực tế nữa: 10% người Nga giàu có nhất sở hữu 87% của cải của đất nước - một tỷ lệ cao hơn bất kỳ nước lớn nào khác¹³¹.

Ở Ănggôla, chế độ dos Santos đã chuyển tiền dầu của mình vào các dự án vốn (capital projects), trong đó có những dự án không được cân nhắc đến nơi đến chốn, họ không tìm cách giúp người dân thường Ănggôla thoát khỏi cảnh nghèo đói. Từ đường bộ, đường sắt đến sân vận động và trung tâm mua sắm, các dự án mang tính phô trương với chi phí lớn đã tạo ra nhiều cơ hội kiếm lợi cho giới tinh hoa. Rất ít người nhận được những khoản chi tiêu hào phóng này của nhà nước. Soares de Oliveira cho rằng hàng trăm người được hưởng lợi, và có lẽ thêm mấy nghìn người khác nhận được một khoản kha khá từ những người kia¹³². Loại người thứ hai bao gồm những nhóm người phải được “nuôi” vì là một phần của bộ máy chính trị, ví dụ, các quan chức đảng, giới tinh

hoa khu vực, quân đội và lực lượng an ninh. Đối với những ông trùm may mắn được chọn, họ thường thấy mình trong danh sách ông chủ của dự án kinh tế mới hình thành, thường được nhà nước hoặc một ngân hàng trung thành với nhà nước tài trợ, thậm chí ngay cả khi họ không có kinh nghiệm gì trong ngành đó. Không quan trọng. Các ông chủ sẽ chỉ việc thuê người nước ngoài điều hành hoạt động và giữ một phần lợi nhuận cho mình¹³³.

Sự dai dẳng của chế độ đạo tặc trị

Trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ, “con ngỗng vàng” đã mang lại cho chế độ của Aliyev rất nhiều lợi nhuận. Lĩnh vực dầu khí được quản lý tương đối tốt, khiến doanh thu từ dầu mỏ chảy vào tài khoản của chính phủ cao chưa từng thấy. Gia đình Tổng thống và một số nhà tài phiệt nhận được phần lớn nhất trong những vụ trục lợi này. Họ làm mọi cách để bảo đảm rằng các doanh nghiệp không liên kết với họ sẽ không thể phát triển được và họ chuyển tiền lại cho các chiến dịch được tổng thống bảo trợ. Các dự án gây thanh thế và các chiến dịch quan hệ công chúng làm gia tăng uy tín của chế độ cả ở trong và ngoài nước. Tiền từ dầu mỏ cũng tạo điều kiện cho Aliyev củng cố lực lượng vũ trang quốc gia. Trong những năm bùng nổ dầu mỏ, chi phí cho lực lượng vũ trang đã tăng lên tới 4 tỷ USD/năm, trong khi 2 nước láng giềng là Grudia và Ácmênia gộp lại cũng chỉ chi khoảng 750 triệu USD/năm¹³⁴.

Quá thành công, chính phủ Aliyev còn theo đuổi các chiến lược chính trị nhằm củng cố quyền kiểm soát của họ. Cuộc bỏ phiếu trưng cầu ý dân năm 2009 đã loại bỏ giới hạn nhiệm kỳ tổng thống; các phương tiện truyền thông nhà nước chỉ đưa những thông tin mà công dân có thể tiếp nhận; các cơ quan

truyền thông độc lập bị đóng cửa và các trang web quốc tế bị hạn chế truy cập; các nhóm xã hội dân sự không được nhận tiền từ nước ngoài; nhiều nhà báo, nhà hoạt động và chính trị gia đối lập bị bỏ tù hoặc thường xuyên bị đe dọa.

Trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ, mức sống của người dân thường Adébaigian được cải thiện. Đất nước 9 triệu dân này khá nhỏ, một phần của cải đã lan xuống dưới. Vụ bùng nổ trong lĩnh vực xây dựng đã tạo ra những công việc được trả lương cao cho người lao động, nhiều người trong số họ xuất thân từ các vùng nông thôn nghèo của đất nước. Một số tiền đã được chi nhằm nâng cấp các tòa nhà trong trường học, mặc dù giáo viên vẫn được trả lương khá thấp. Các bệnh viện tự hào vì những thiết bị mới, khác thường, ngay cả khi nhân viên không biết cách vận hành. Cảnh sát được tăng lương, một phần là để bảo đảm rằng họ trung thành với chế độ. Nhờ Quỹ Heydar Aliyev mà có thêm các công viên, cơ sở thể thao và trung tâm văn hóa mới, và con cái của các gia đình có quan hệ tốt với chính quyền nhận được học bổng du học.

Trong khi đó, Aliyev và những người cùng hội cùng thuyền với ông ta chuẩn bị cho thế hệ tiếp theo. Giờ đây, những người con của Aliyev và con của một ông trùm hàng đầu đều là những nhân vật nổi bật trong số các chủ sở hữu những tập đoàn hàng đầu của đất nước. Dos Santos chỉ định con gái mình làm CEO của Sonangol và bổ nhiệm con trai mình làm chủ tịch quỹ đầu tư quốc gia. Người ta nói rằng, con gái Putin và chồng cô có tài sản ròng trị giá hơn 2 tỷ USD, và những người con trai của Arkady Rotenberg nắm giữ những vị trí quyền lực nhất ở các công ty dầu khí và ngân hàng thuộc quyền quản lý của nhà nước¹³⁵.

Trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ, các nhà lãnh đạo này đều trở nên mạnh mẽ hơn, nhưng sức mạnh của họ đã bị thách thức khi giá dầu giảm. Trước vụ sụt giá năm 2014, Chính phủ

Adécbaigian phải cắt giảm chi tiêu và chấp nhận những khoản nợ lớn. Chi phí sinh hoạt gia tăng đột ngột và việc làm do các hợp đồng của chính phủ tạo ra đã mất dần. Chính phủ tiến hành hai đợt phá giá mạnh mẽ đồng nội tệ, khiến nhiều người từng vay bằng đồng đôla Mỹ trong giai đoạn bùng nổ đầu mỏ bị thiệt hại nặng nề¹³⁶. Thất vọng gia tăng và người ta nói nhiều về những người không thể chịu được áp lực tài chính gia tăng đã phải quyền sinh. Năm 2015 - 2016 đã nổ ra một số cuộc biểu tình nhỏ với một số khẩu hiệu như: “Nói không với chế độ quân chủ, chấm dứt cướp bóc!” và “140 tỷ USD tiền dầu đã đi đâu?”¹³⁷.

Ở Nga, chính phủ cho vay hàng tỷ đôla Mỹ để cứu Rosnet - bảo vệ động cơ quan trọng của bộ máy quản trị. Trên mặt trận chính trị, những thách thức cũng nổi lên. Năm 2007, chính trị gia đối lập và nhà hoạt động bài trừ tham nhũng, Alexei Navalny, công bố một đoạn video cho thấy Thủ tướng Nga đã sử dụng một mạng lưới phức tạp gồm những công ty bình phong và các quỹ từ thiện để mua các bất động sản đắt giá ở Nga và nước ngoài. Một phần là do hoạt động của Navalny khuyến khích, hàng nghìn người Nga ở hơn 100 thành phố, trong đó có nhiều người ở độ tuổi thanh thiếu niên, đã xuống đường phản đối; chỉ riêng ở Moscow, cảnh sát chống bạo động đã bắt giữ 700 người. Nhưng, cũng như ở Adécbaigian, phe đối lập không gây ra mối đe dọa thực sự nào đối với chế độ.

Ở Ănggôla, giá dầu giảm và giai đoạn suy thoái sau đó đã gây ra những ảnh hưởng nặng nề đối với người nghèo. Một nhà bình luận giải thích: “Điều đau lòng nhất trong tất cả những hiện tượng gần đây là sự sụp đổ của các dịch vụ y tế công cộng. Chưa bao giờ tốt - Ănggôla là một trong những nước có tỷ lệ tử vong ở trẻ em cao nhất thế giới - nhưng vào mùa mưa năm 2016, rác rưởi và nghèo đói lan tràn khắp nơi cùng điều kiện thiếu vệ sinh

đã gây ra một đợt bùng phát bệnh sốt rét, sốt vàng da, sốt xuất huyết, sốt chikungunya, suy hô hấp cấp tính và tiêu chảy”¹³⁸. Trước khi dos Santos về hưu, một số cuộc biểu tình nhỏ đã nổ ra, nhưng bị chính quyền đàn áp quyết liệt. Tuy nhiên, ở Angola, khác với Nga và Adécbaigian, động lực ở cấp cao nhất đã thay đổi. Những người con của dos Santos mất việc và bị giám sát gắt gao sau những động thái đáng ngạc nhiên của Lourenço - vị Tổng thống mới được bầu. Chỉ có thời gian mới trả lời được câu hỏi: Liệu ông ta có tiến hành các bước tiếp theo nhằm phá bỏ chế độ đạo tặc trị do dos Santos dựng nên hay không.

Mặc dù kiểm soát gần như tất cả các đòn bẩy quyền lực, nhưng chưa có ai nói rằng các chế độ đạo tặc trị có nhiều dầu mỏ sẽ không sụp đổ. Gaddafi ở Libi mất cả quyền lực lẫn mạng sống dưới tay của những người nổi dậy và các nhà cách mạng trong phong trào “Mùa xuân Ảrập” năm 2011. Năm 2019, những cuộc biểu tình lịch sử đã làm rung chuyển đất nước Angiêri nhiều dầu mỏ, nhân dân đã giành được chiến thắng, buộc Tổng thống tại vị trong thời gian dài, Abdelaziz Bouteflika, phải từ chức. Sau những hoạt động sôi nổi và tình trạng bất ổn lan tràn trên diện rộng, nhà độc tài đã cai trị Xuđăng trong thời gian dài cũng bị quân đội giành mất quyền lực vào năm 2019. Nếu bất đồng gia tăng mạnh mẽ, các nhà lãnh đạo đạo tặc trị đầy quyền lực cũng có thể bị hạ bệ.

Tuy nhiên, trong những chế độ đạo tặc trị được quản lý tốt, những người bất đồng chính kiến trong nước đứng trước một con dốc cao vọt vọt và rất khó vượt qua. Các nhà lãnh đạo ở những quốc gia này nắm quyền kiểm soát mọi lĩnh vực. Họ có thể dùng của cải và cơ hội để mua chuộc hoặc dùng luật pháp để đe dọa, không cho hưởng quyền tự do kinh doanh hoặc tự do đi lại và gây ra nhiều thiệt hại khác. Những thiết chế nhằm tạo điều

kiện cho phe đối lập và bảo vệ lợi ích công cộng, trong đó có các cuộc bầu cử, đảng đối lập, tòa án và cơ quan lập pháp, thường nằm dưới tầm ảnh hưởng của nhà lãnh đạo. Các khoản chi tiêu của nhà nước làm giàu cho những người ủng hộ chế độ, sau đó, họ chuyển sang thu tóm phần còn lại của nền kinh tế. Kết quả là của cải lệ thuộc vào chính trị.

Vì phe đối lập ở trong nước phải đối mặt với sự chênh lệch lực lượng quá lớn, điều quan trọng là phải giảm những biện pháp mà hệ thống quốc tế dùng để tạo điều kiện cho các chế độ đạo tặc trị. Các chế độ đạo tặc trị giàu dầu mỏ vơ vét các xúc tu của chúng ra khắp thế giới, khiến nhiều tay chơi trên trường quốc tế trở thành a tòng và phụ thuộc lẫn nhau. Những mối quan hệ quốc tế này tạo điều kiện cho các đạo tặc trị khai thác các mỏ dầu của mình, cất giữ tiền ở nước ngoài và giữ được tính hợp pháp địa - chính trị. Nhưng các mối quan hệ quốc tế cũng có những điểm yếu, dễ bị tấn công. Các chương tiếp theo sẽ bàn về những biện pháp tác động tốt nhất tới những người hỗ trợ các chế độ đạo tặc trị như chúng ta đang thấy ở Ảnggôla, Adécbaigian và Nga với mục đích làm suy yếu chế độ này.

“CON BẠCH TUỘC VƯỜN VÒI KHẮP TOÀN CẦU”

Đôi khi các xúc tu của tham những vươn ra và làm rơi những món quà đáng yêu

Năm 2014, siêu sao Hollywood, Leonardo DiCaprio, nhận được một món quà nhân dịp sinh nhật của mình là một bức tranh vẽ đầu lâu bò đầy răng bên cạnh một chiếc bình màu xanh đặt trên bàn. Bức tranh của danh họa Picasso, do một doanh nhân người Malaixia gửi tới - người đã đầu tư vào bộ phim gần đây của nam diễn viên nói về lòng tham và lừa dối với nhan đề *The Wolf of Wall Street* (Sói già Phố Wall). Cũng chính doanh nhân Malaixia này đã chiêu chuộng cô bạn gái Miranda Kerr, một siêu mẫu người Ôxtrâylia, nổi tiếng từ các buổi trình diễn thời trang mang tên Victoria's Secret, bằng món quà là chiếc mặt dây chuyền kim cương màu hồng 9 carat trị giá 4 triệu USD.

Những xúc tu bám vào các món quà xa xỉ vươn ra khắp thế giới và vô tình kết nối những người nổi tiếng này bằng một trong những âm mưu tham những lớn nhất trong lịch sử. Số tiền được sử dụng để mua những món quà này bắt nguồn từ Malaixia và hầu hết các “kiến trúc sư” của âm mưu này cũng đến từ quốc gia này. Nhưng câu chuyện về những món tiền này là của toàn thế giới.

Viên kim cương và bức tranh chỉ là một phần nhỏ trong câu chuyện làm người ta choáng váng ở 1MDB - một quỹ đầu tư của Chính phủ Malaixia. Các tay chơi quốc tế đã giúp một số người tham nhũng ăn cắp khoảng 4,5 tỷ USD công quỹ của Malaixia và cất giấu số tiền này trên khắp thế giới. Vô số vôi bạch tuộc vươn ra tất cả các hướng và băng qua hàng chục biên giới quốc gia. Tuy nhiên, các nhà báo và các nhà điều tra đã lần ra được dấu vết. Sau nhiều tháng truy tìm theo các đầu mối khác nhau, Bộ Tư pháp Hoa Kỳ đã vạch trần một loạt nhân vật quốc tế dính líu vào vụ này và yêu cầu DiCaprio và Kerr trả lại những món quà mà họ nhận được.

Bốn kiểu tác nhân hỗ trợ quốc tế

Dường như không thể chống lại các hình thức tham nhũng được đề cập trong chương trước. Các nhà độc tài đã tạo dựng được hệ thống chính trị và kinh tế nhằm củng cố quyền lực và mang lại lợi ích cho gia đình và đồng minh của mình. Họ soạn ra các luật chơi và do đó, có thể củng cố hệ thống này và loại bỏ các mối đe dọa. Ngay cả ở những quốc gia như Braxin và Nigiêria, nơi mà sự cạnh tranh chính trị và mức độ dân chủ nào đó dẫn tới hạn chế các âm mưu mang tính đạo tặc trị, nhưng giới tinh hoa chính trị cũng đã tìm cách đánh cắp được hàng tỷ đôla Mỹ công quỹ. Làm sao chống được hình thức trộm cắp có hệ thống, khi mà chính thủ phạm lại nắm giữ rất nhiều quyền lực?

Câu trả lời có thể nằm ở sự phụ thuộc quá lớn của chế độ đạo tặc trị vào các tác nhân hỗ trợ trên thế giới. Một nhà hoạt động người Adécbaigian đã nhắc tôi rằng, mặc dù tham nhũng có thể bắt đầu từ giới tinh hoa chính trị ở một quốc gia, nhưng sau đó nó trở thành “con bạch tuộc vươn vôi khắp thế giới”. Chỉ số nhận thức tham nhũng của Tổ chức Minh bạch quốc tế -

một thước đo tham nhũng phổ biến - đã xuất bản tấm bản đồ thế giới, mà phần lớn đều có màu đỏ, với mức độ đậm nhạt khác nhau, thể hiện nguy cơ tham nhũng cao, còn các nước giàu nhất ở Bắc Mỹ và Tây Âu có màu vàng, rất đáng phấn khởi. Câu chuyện của 1MDB và nhiều câu chuyện khác đã chỉ ra rằng, hình ảnh về tham nhũng trên tấm bản đồ này đã lỗi thời và bỏ qua hiện tượng đồng lõa xuyên biên giới. Ví dụ, theo xếp hạng năm 2018 của Tổ chức Minh bạch quốc tế, Đan Mạch là nước ít tham nhũng nhất thế giới. Nhưng ngân hàng lớn nhất của Đan Mạch lại là trung tâm của một trong những vụ bê bối về rửa tiền lớn nhất trong lịch sử. Năm 2018, Danske Bank thừa nhận rằng, người nước ngoài đã chuyển 230 tỷ USD tiền mặt, chủ yếu từ Nga, thông qua chi nhánh Extônia nhỏ bé của họ mà chỉ bị kiểm tra qua loa, mặc dù hầu hết các giao dịch đều đáng ngờ¹.

Nhà báo Oliver Bullough chấp bút tác phẩm nói về tất cả những tác nhân hỗ trợ quốc tế này - những người đã kết hợp với nhau để tạo ra một địa hạt mới mà ông gọi là "Moneyland" (đất tiền). Ông viết: "Hộ chiếu Manta, tội phi báng của nước Anh, quyền riêng tư của người Mỹ, công ty bình phong Panama, quỹ tín thác Jersey, quỹ Lichtenstein, tất cả phối hợp cùng nhau nhằm tạo ra một không gian ảo lớn hơn hẳn các phần của chúng cộng lại với nhau. Luật pháp của Moneyland là bất cứ điều luật nào ở bất cứ đâu đều phù hợp nhất với những người đủ giàu để chi trả vào bất cứ thời điểm nào. Cứ như thế những người giàu có nhất ở các nước như Trung Quốc, Nigêria, Ucraina và Nga đã đào hầm để đi vào vùng đất mới ẩn giấu dưới tất cả các quốc gia - dân tộc của chúng ta, nơi không còn biên giới nữa. Họ đưa tiền bạc, con em, tài sản và chính mình đến bất cứ nơi nào họ muốn, tùy ý lựa chọn luật của đất nước mà họ muốn bị chế tài"².

Trong khi hệ thống quốc tế mang lại vô số lợi thế cho những kẻ đạo tặc trị hiện nay, nó cũng tạo ra những cơ hội để chống lại họ.

Các liên kết quốc tế có thể trở thành những địa điểm khiến những kẻ đạo tặc trị thất vọng, xấu hổ, bị trừng trị hoặc bị cản trở. Quốc tế hóa mạnh mẽ nạn tham nhũng trong lĩnh vực dầu mỏ là điểm mạnh nhất, đồng thời cũng là điểm yếu nhất của nó.

Nhiều nhà phân tích chính trị hàng đầu cho rằng, Chiến tranh lạnh kết thúc và các xu hướng toàn cầu hóa sẽ cô lập và cuối cùng là xóa bỏ các chế độ chuyên chế và đạo tặc trị, chế độ dân chủ tự do sẽ lan rộng trên toàn thế giới mà không gì cản trở được. Nhưng hóa ra, một số nước vừa toàn cầu hóa hơn lại vừa trở thành đạo tặc trị hơn nữa³. Bullough khẳng định rằng chế độ đạo tặc trị hiện đại thoát thai từ sự kết hợp giữa chế độ độc tài và hệ thống tài chính toàn cầu mới. Ông viết: “Chế độ đạo tặc trị... là mặt tối của toàn cầu hóa. Nền tài chính hải ngoại làm cho chế độ đạo tặc trị trở nên khả thi”⁴. Đáng lẽ phải cản trở chế độ đạo tặc trị, thì trên thực tế, toàn cầu hóa lại giúp các chế độ tham nhũng giữ được nhiều quyền lực và của cải hơn.

Tác giả Ben Judah giải thích thêm:

Thay vì rút lui, dân chủ hóa và cải cách theo hướng nhà nước pháp quyền, các giai cấp thống trị chuyên chế ở một số quốc gia và khu vực đã toàn cầu hóa với thành công rực rỡ. Sự cởi mở của thế kỷ mới mà Hoa Kỳ và EU đang tìm kiếm, trên thực tế lại khá phù hợp với những nhà độc tài đạo tặc trị - với một nhóm các luật sư người Mỹ, các chủ ngân hàng Pháp, kế toán Đức và các nhóm quan hệ công chúng của Anh mà họ lôi kéo được... Trở thành đạo tặc trị chưa bao giờ đơn giản hơn hoặc an toàn hơn lúc này... Giờ đây, không chỉ tiền vốn có thể tự che giấu và biến mất không dấu vết, mà còn những khoản tiền khổng lồ hiện đang chu du khắp thế giới một cách bí ẩn”⁵.

Các xúc tu quốc tế của chế độ đạo tặc trị xuất hiện thường xuyên trên các tiêu đề báo chí. Những vụ làm ăn của Donald Trump càng làm người ta chú ý. Ví dụ, một trong những người quản lý chiến dịch tranh cử năm 2016 của Trump, Paul Manafort, trước đây từng phục vụ cựu Tổng thống đạo tặc trị Ucraina, Viktor Yanukovych. Chính quyền Hoa Kỳ đã truy tố Manafort về tội rửa khoản tiền thu nhập của ông ta ở Ucraina thông qua các công cụ tài chính khác nhau ở hải ngoại. Ví dụ khác, doanh nghiệp của gia đình Trump hợp tác với một ngân hàng Panama bị cáo buộc che giấu những khoản tiền bất chính⁶. Một số nhân vật liên quan tới tham nhũng của các chế độ đạo tặc trị - từ cựu bộ trưởng lưu vong của Cadăcxtan bị cáo buộc tham ô tới con gái của tổng thống Cộng hòa Cônggô - đều đã mua căn hộ trong những tòa cao ốc của Trump⁷.

Cùng với việc bầu Trump lên làm Tổng thống, Hồ sơ Panama cũng xuất hiện vào năm 2016, khiến người ta khó lòng đi hiện tượng các chế độ đạo tặc trị đã vươn vỏi bạch tuộc của chúng ra toàn thế giới. Hơn 100 phương tiện truyền thông đã hợp tác nhằm sàng lọc hàng nghìn tài liệu bị rò rỉ từ một công ty luật của Panama, Mossack Fonseca. Những câu chuyện được viết ra từ đây đã làm sáng tỏ cách thức mà 140 chính trị gia từ 50 nước đã sử dụng các phương tiện tài chính ở nước ngoài để chuyển tiền, và đôi khi che giấu tiền bạc của họ. Trong một số trường hợp, những khoản tiền này là do đánh cắp được. Năm 2017, xuất hiện một vụ rò rỉ khác, lần này là từ một công ty tài chính ở Bermuda. Được gọi là Hồ sơ Thiên đường (Paradise Papers) - vụ rò rỉ này cho chúng ta biết thêm về cách thức các luật sư, kế toán viên và thiên đường thuế khóa giúp giới siêu giàu trên thế giới tích trữ tiền bạc một cách an toàn, không phải đóng thuế và tránh được những cặp mắt tò mò.

Trước làn sóng chú ý ngày càng gia tăng, đã đến lúc phải xem xét kỹ lưỡng cách chế độ đạo tặc trị và những hình thức tham nhũng lớn khác phụ thuộc vào hệ thống quốc tế. Xem xét hàng chục vụ tham nhũng trong lĩnh vực dầu mỏ cho thấy, các tác nhân quốc tế đã giúp đỡ các đạo tặc trị theo bốn hình thức⁸.

Thứ nhất, các tác nhân quốc tế giúp giới tinh hoa chính trị chiếm được của cải. Các công ty dầu khí khác nhau thường hoạt động theo cách này, vì lĩnh vực dầu mỏ là khu vực làm giàu được nhiều người ưa chuộng. *Thứ hai*, các tác nhân quốc tế giúp chuyển các khoản tiền bất hợp pháp ra khỏi đất nước tạo ra chúng và đưa những khoản tiền này vào hệ thống tài chính toàn cầu. *Thứ ba*, các tổ chức nước ngoài giúp những kẻ tham nhũng tiêu tiền của mình, thường là ở các quốc gia ổn định, nơi họ có thể cảm thấy là được bảo vệ và thoải mái và tiền của họ thì cũng vậy. *Thứ tư*, một nhóm các tay chơi quốc tế khác tiếp tục giúp những kẻ tham nhũng đánh bóng tên tuổi của mình và tránh những lời chỉ trích.

Để minh họa cách thức hoạt động của cả 4 lực lượng này trên thực tế, chương này kể về câu chuyện của quỹ đầu tư Malaixia 1MDB. Tiếp theo, Chương 6 sẽ trình bày mặt trái của hiện tượng này bằng cách chỉ ra cách các tác nhân quốc tế cũng giúp ngăn chặn tham nhũng.

Trước hết, phải kể đến một số thông tin cơ bản về câu chuyện của 1MDB. Năm 2009, thông qua các cuộc bầu cử, nhưng không phải là những cuộc bầu cử mang tính cạnh tranh cao, Najib Razak trở thành Thủ tướng Malaixia. Ở Malaixia, một đảng đã nắm chắc quyền lực kể từ khi nước này giành được độc lập từ tay người Anh vào năm 1957. Malaixia là một quốc gia đa dạng với 31 triệu người, chủ yếu là người gốc Mã Lai, Trung Quốc và Ấn Độ. Từ những năm 1990, nền kinh tế của nước này đã

phát triển nhanh chóng và đa dạng hóa với những thành tựu lớn trong lĩnh vực chế tạo, du lịch và nông nghiệp. Mặc dù tình trạng nghèo đói cùng cực là khá hiếm, nhưng lợi ích của tăng trưởng kinh tế được phân bổ không đồng đều. Giới tinh hoa quyền lực kiểm soát phần lớn tài sản quốc gia và nạn tham nhũng được coi là phổ biến. Cha của Najib đã cai trị đất nước này trong một thời gian dài trong những năm 1970 và chuẩn bị cho con trai của mình kế nghiệp. Khi đang giữ cương vị Phó Thủ tướng, người thừa kế này dường như đã lún sâu vào những hình thức ủng hộ thương mại trong giới tinh hoa chính trị và kinh tế. Vợ ông, Rosmah Mansor, trở nên nổi tiếng và không được lòng nhiều người vì sở thích mua sắm những túi xách và đồ trang sức xa xỉ. Khi cuộc bầu cử diễn ra vào năm 2009, cả hai người đều mong muốn được hưởng thêm thành quả của quyền lực.

Ngay sau khi trở thành Thủ tướng, Najib liền kêu gọi chính quyền liên bang nắm quyền kiểm soát quỹ đầu tư quốc gia của các tỉnh và đổi tên thành 1Malaysia Development Berhad, hay còn gọi là 1MDB. Quỹ này nằm hoàn toàn trong tay chính phủ và Najib tự bổ nhiệm mình làm Chủ tịch Hội đồng cố vấn. Mục đích được tuyên bố của 1MDB là gây quỹ, thúc đẩy quan hệ đối tác với nước ngoài và đầu tư vào các lĩnh vực chính của nền kinh tế Malaixia, trong đó có năng lượng, bất động sản, du lịch và kinh doanh nông nghiệp.

Từ đó, 1MDB đã trở thành nguồn gốc của vụ bê bối tham nhũng lớn nhất trong lịch sử Malaixia và là một trong những thủ đoạn lớn nhất và trơ trẽn nhất chưa từng xảy ra trên thế giới. Các cuộc điều tra của cơ quan thực thi pháp luật, các tổ chức phi chính phủ và các nhà báo đều cho thấy hơn 4,5 tỷ USD của quỹ này đã tìm được đường đi vào túi của một số kẻ giàu có. Sau khi chiếm được tiền, những người này cất giữ của cải trong các

tài khoản ngân hàng, các công ty bình phong và các khoản đầu tư trên toàn thế giới. Chính Thủ tướng Najib bị cáo buộc nhận hơn 681 triệu USD trong số tiền của 1MDB bị đánh cắp và gửi vào tài khoản ngân hàng cá nhân của mình⁹. Trong bài phát biểu năm 2016, Tổng Chương lý của Najib đã tuyên bố rằng khoản tiền này là một khoản quyên góp cá nhân của Hoàng gia Ả-rập Xêút và Najib thực sự đã trả lại hầu hết số tiền đó - đây chỉ là một trong nhiều mối quan hệ của câu chuyện có liên quan tới vùng Vịnh Ba Tư giàu dầu mỏ¹⁰.

Giai đoạn bùng nổ dầu mỏ đã tạo ra những điều kiện chín muồi cho âm mưu ở 1MDB. Malaixia là quốc gia có quy mô trung bình trong lĩnh vực dầu mỏ - sản xuất được khoảng 700.000 thùng/ngày. Nhưng ngành công nghiệp dầu khí của Malaixia chỉ đóng một vai nhỏ trong vở kịch này. Thay vào đó, những xúc tu kéo dài từ Malaixia đến vùng Vịnh Ba Tư thực sự có nhiều dầu mỏ, nơi mà quan niệm “tiền để dành” đã choán hết tâm trí mọi người trong những năm bùng nổ dầu mỏ.

Một công ty dầu khí ở Ả-rập Xêút và một quỹ dầu khí ở Abu Dhabi đã đóng một vai trò thiết yếu trong việc giúp quỹ của Malaixia huy động được hàng tỷ đôla Mỹ mà cuối cùng đã bị đánh cắp toàn bộ. Những kẻ giáo hoạt từ các quốc gia này ranh ma hơn, họ đã tạo điều kiện cho hành vi trộm cắp diễn ra và thu lợi từ vụ trộm cắp. Âm mưu này sẽ không thể triển khai được nếu lúc đó không có lượng dầu mỏ rất lớn, sẵn có ở các nước vùng Vịnh Ba Tư hoặc không có sự kiểm soát quá lỏng lẻo của các quốc gia này.

Để kể về trường thiên tiểu thuyết 1MDB, tôi phải dựa trên một loạt các cuộc điều tra của các phương tiện truyền thông và hồ sơ tòa án mô tả chi tiết thủ đoạn và cách những dòng tiền bị đánh cắp chảy ra nước ngoài. Đặc biệt, tôi dựa vào đơn kiện

dài 250 trang do Bộ Tư pháp Hoa Kỳ công bố vào năm 2017, trình bày vụ án dân sự của Hoa Kỳ trong việc chiếm đoạt tài sản trị giá hơn 1 tỷ USD, liên quan đến vụ tham nhũng ở 1MDB, và báo cáo của Bradley Hope và Tom Wright, hai phóng viên của tờ *Wall Street Journal*, tác giả cuốn sách hấp dẫn về âm mưu 1MDB có nhan đề *Cá voi tỷ đô* (Billion Dollar Whale), xuất bản năm 2018¹¹. Sau khi tung ra đơn kiện, các nhà chức trách Hoa Kỳ đã đệ trình cáo buộc nghiêm trọng đối với Jho Low, kiến trúc sư trưởng của âm mưu này và một số đồng nghiệp của anh ta. Chính quyền Malaixia đã cáo buộc Jho Low cũng như Najib. Vào thời điểm cuốn sách này được xuất bản, các phiên tòa hình sự chống lại những tay chơi chính vẫn đang diễn ra hoặc chưa bắt đầu. Nhiều người có tên trong các đơn kiện và cáo buộc khác nhau đã phủ nhận mọi tội lỗi và chống lại báo cáo của Bộ Tư pháp Hoa Kỳ, trong đó có Najib và Jho Low, luôn khẳng định rằng mình vô tội. Jho Low phản đối tất cả các cáo buộc chống lại anh ta và từ chối hợp tác, với tuyên bố rằng mình “sẽ không phục tùng bất kỳ cơ quan tài phán nào, khi mà tội lỗi là do chính trị quyết định từ trước và không có quy trình pháp lý độc lập”¹².

Phần 1: Kiếm tiền

Trước hết, giới tinh hoa chính trị tham nhũng muốn thò tay vào khoản tiền lớn. Các chương trước đã giải thích khá chi tiết cách thức những cá nhân đây quyền lực sử dụng lĩnh vực dầu mỏ để làm giàu cho bản thân và những người thân cận với mình. Một số người, ví dụ như các quan chức của Petrobras ở Braxin, đã nhận hối lộ. Ở những nơi khác, như Nigieria, Ănggôla và Nga, các quan chức chính phủ trao những cơ hội béo bở trong lĩnh vực dầu mỏ cho các công ty do những đồng minh của họ lãnh đạo.

Sau đó, các quan chức có thể tiếp cận hoặc tác động đến phần lợi nhuận mà đồng minh thu được.

Các tác nhân quốc tế thường hỗ trợ việc chiếm đoạt số của cải này. Đôi khi các công ty dầu khí là bên trực tiếp nhúng tay vào tham nhũng, ví dụ khi họ đưa hối lộ hoặc phân bổ các hợp đồng được nâng giá hoặc gian lận cho các công ty liên kết với các chính trị gia. Chương 2 mô tả nhiều ví dụ về hành vi này. Công ty Griffiths của Canada đã hối lộ một quan chức của Sát nhằm tổ chức các cuộc gặp gỡ với tổng thống nước này. Các công ty dịch vụ mỏ dầu của Hoa Kỳ, Ôxtrâylia và châu Âu đã thuê công ty trung gian Unaoil để giúp họ giành được hợp đồng ở Irắc, Angiêri và các nơi khác, và Unaoil đã trả công cho các quan chức chính phủ, coi đây là một phần dịch vụ của họ. Các công ty của Hoa Kỳ, Anh, Trung Quốc và Thụy Sĩ hợp tác với các công ty có quan hệ chặt chẽ với các quan chức Ănggôla, và bằng cách đó giúp giới tinh hoa Ănggôla làm giàu. Shell và Eni đã trả cho Chính phủ Nigiêria hơn 1 tỷ USD để nắm quyền khai thác một lô dầu và hầu hết các khoản tiền đó cuối cùng đã chạy vào túi cá nhân.

Trong những kịch bản khác, các công ty dầu khí đóng vai trò là tác nhân gián tiếp trợ giúp tham nhũng. Những công ty này hoạt động cùng với những giao dịch tham nhũng sao cho có thể giúp những vụ làm ăn này diễn ra trôi chảy. Thảo luận về Nigiêria trong Chương 3 đề cập công ty Atlantic của Nigiêria nhận được những hợp đồng béo bở từ cựu Bộ trưởng Dầu mỏ. Nhờ những thương vụ đó, Atlantic đã có một lượng lớn dầu thô mà họ cần để bán cho các thương nhân quốc tế. Theo cuộc điều tra của Bộ Tư pháp Hoa Kỳ về hoạt động kinh doanh của Atlantic, trong các năm 2013 và 2014, Glencore, công ty kinh doanh hàng hóa lớn của Thụy Sĩ, đã mua của Atlantic số lượng dầu trị giá khoảng 800 triệu USD, bất chấp những lo ngại của

nhiều người về tham những xung quanh Atlantic và các ông chủ của công ty này¹³. Sau đó, Atlantic bị cáo buộc đã chi một phần số tiền mà họ kiếm được từ vụ bán dầu để mua nhà và những món quà xa xỉ khác cho bà Bộ trưởng¹⁴. Glencore không phải là bên trực tiếp liên quan tới tham nhũng và cũng chưa bị cáo buộc bất kỳ tội danh nào liên quan đến vụ này, nhưng công ty này đóng vai trò hỗ trợ và giúp Atlantic lấp đầy chỗ trống trong các tài khoản ngân hàng của họ.

Những trường hợp tương tự như vậy đặt ra những câu hỏi đầy thách thức về trách nhiệm pháp lý. Có nên chỉ trích các tác nhân quốc tế vì vai trò gián tiếp, mang tính hỗ trợ hay không? Nigieria không phải là nơi duy nhất xuất hiện câu hỏi này. Năm 2018, các nhóm hoạt động xã hội đã công bố báo cáo nói rằng công ty dầu khí quốc gia Nam Xuđăng tài trợ cho một số nhóm dân quân tiến hành cuộc nội chiến khốc liệt trong khu vực¹⁵. Công ty dầu khí quốc gia Nam Xuđăng có tiền để bắt đầu công việc này là nhờ vào mối quan hệ đối tác với các công ty dầu khí nước ngoài, các công ty kinh doanh dầu khí và những người cho vay, trong đó có các đại gia dầu khí châu Á như ONGC-Videsh, Petronas, CNPC và các công ty kinh doanh dầu khí Thụy Sĩ như Trafigura, Vitol và Glencore.

Các ngân hàng quốc tế, các luật sư, nhân viên kế toán, các công ty trung gian, các đại lý và những chuyên gia khác cũng hỗ trợ bằng cách giúp thiết kế hoặc thực hiện những giao dịch tham nhũng hoặc giúp những kẻ tham nhũng chuyển tiền của họ - trong nhiều trường hợp, những hoạt động này là hợp pháp. Một số là những người giỏi thương lượng, đóm dáng và khét tiếng, những người lang thang khắp thủ đô của các nước có nhiều dầu mỏ nhằm tìm kiếm các vụ làm ăn béo bở. Farid Bedjaoui, một anh chàng bảnh trai và khôn ngoan, mang quốc tịch Angiêri,

Thụy Sĩ và Canada, là một trong những nhân vật như thế. Ông ta đã giúp dàn xếp một trong những vụ hối lộ lớn nhất trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ - công ty khoan dầu Saipem của Italia đã hối lộ các quan chức Angiêri hơn 200 triệu USD để giành hợp đồng dịch vụ trị giá hơn 8 tỷ USD. Làm việc tại một khách sạn sang trọng ở Milan, Bedjaoui thành lập nhiều công ty bình phong và tài khoản ngân hàng nhằm giúp các quan chức Angiêri che giấu các khoản hối lộ mà họ đã nhận¹⁶. Ông ta đã bị tòa án Italia kết án vì những hoạt động này của mình¹⁷.

Những chuyên gia hỗ trợ khác là nhân viên của các công ty luật, tài chính và kế toán lớn nhất và được tôn trọng nhất trên thế giới. Vụ kiện tập thể chống lại Petrobras của Braxin đã lên án một công ty kế toán nằm trong số “4 ông lớn*” khác, PricewaterhouseCoopers, vì đã làm ngơ trước vụ gian lận lớn của Petrobras khi họ kiểm toán sổ sách của công ty này trong giai đoạn 2012-2014¹⁸. Các nhà chức trách Hoa Kỳ đã đệ trình cáo buộc hình sự đối với một số nhân viên ngân hàng ở Credit Suisse vì vai trò của họ trong việc thu xếp khoản vay bí mật trị giá 2 tỷ USD cho Chính phủ Môdambích, gây ra một vụ bê bối tham nhũng lớn ở nước này¹⁹.

Vỏ kịch 1MDB ngay từ đầu đã là một sản phẩm quốc tế. Dàn diễn viên nhiều màu sắc, từ khắp nơi trên thế giới, nhưng đoàn kết với nhau cùng chia sẻ một ước muốn làm giàu. Để chiếm đoạt được khối tài sản, những kẻ chủ mưu ở 1MDB đã đặc biệt dựa vào một công ty dầu khí của Arập Xêút, một quỹ đầu tư quốc gia của Các Tiểu vương quốc Arập thống nhất và ngân hàng đầu tư nổi tiếng nhất thế giới.

* Big4 là cách gọi quen thuộc 4 hãng kiểm toán lớn nhất thế giới về quy mô và doanh thu, bao gồm: PricewaterhouseCoopers (PWC), Deloitte, Ernst and Young (EY) và KPMG (ND).

Ngay sau khi Thủ tướng Najib thành lập 1MDB, quỹ này đã tham gia liên doanh với một công ty dịch vụ tư nhân của Ả-rập Xêút mang tên PetroSaudi International. Mục đích được tuyên bố của quan hệ đối tác này là khai thác các mỏ dầu do PetroSaudi kiểm soát ở Tuốc-mê-nix-tan và Á-chentina, mặc dù không có bằng chứng nào cho thấy liên doanh đã từng hoạt động ở những khu mỏ này²⁰. Năm 2009, 1MDB tung ra thông cáo báo chí về mối quan hệ đối tác, giới thiệu thỏa thuận này là “phương tiện cho các khoản đầu tư từ Trung Đông vào khu vực, và bằng cách đó, mang lại cho Malaixia lợi thế trong việc thu hút các khoản đầu tư từ khu vực có nhiều tiền mặt và tài nguyên này”²¹.

Khi thỏa thuận được thông qua, một doanh nhân người Malaixia 28 tuổi đầy tham vọng, Low Taek Jho (Jho Low), viết thư cho gia đình và khoe rằng: “vừa hoàn tất thỏa thuận với PetroSaudi. Đường như chúng ta có thể đã đụng vào một mỏ vàng”²².

Mặc dù có vẻ ngoài khá trẻ và ăn nói mềm mỏng, Jho Low đã chứng tỏ khả năng hiểm có trong việc thuyết phục mọi người rằng anh ta là một người làm ăn lớn. Là một người đang học cách “hãy cứ giả vờ cho đến khi trở thành sự thật”, Jho Low đã vươn lên ngay từ khi còn học ở Trường Kinh doanh Wharton danh tiếng thuộc Đại học Pennsylvania. Trong tác phẩm *Cá voi tỷ đô*, Wright và Hope đã tái hiện những nỗ lực ban đầu của Jho Low để có đời sống thượng lưu²³. Theo cuốn sách của hai nhà báo này, khi học đại học, Jho Low đã bắt đầu tổ chức những bữa tiệc sang trọng, hầu như vượt quá khả năng chi trả, trong đó có bữa tiệc trị giá 40.000 USD nhân dịp sinh nhật lần thứ 20 của mình tại một hộp đêm ở Philadelphia - những người tham dự ăn sushi thượng hạng và uống sâm banh thỏa thích. Luôn say mê những người phụ nữ xinh đẹp, dường như vì địa vị, anh ta rất quan tâm tới

việc gửi giấy mời đặc biệt cho các hội nữ sinh đến dự tiệc, tặng những món quà cho cô bạn gái là vũ công múa thoát y và bị những người nổi tiếng như Britney Spears và Paris Hilton ám ảnh. Anh ta thích đưa các bạn sinh viên của mình từ Trung Đông và châu Á đến thành phố Atlantic đánh bạc, và đã dùng những chuyến đi chơi như thế để kết giao với những người có xuất thân giàu có. Trong khuôn viên trường này, người ta đồn rằng anh ta là hoàng tử Malaixia.

Ngoài việc đam mê cuộc sống thượng lưu, ngay trong thời gian học đại học, Jho Low đã bắt đầu theo đuổi những mục tiêu ưa thích khác. Lúc 22 tuổi, anh ta đã thuyết phục được một số bạn bè ở Wharton thu xếp một chuyến du lịch kết nối ở Vịnh Ba Tư. Trong các cuộc họp, anh ta tìm được những người có tham vọng và cùng chí hướng với mình và lôi kéo họ vào mạng lưới do mình lập ra. Trong những năm sau đó, anh ta tạo dựng thêm nhiều mối quan hệ như vậy và để họ đối chọi với nhau, đồng thời lợi dụng ước muốn chung của mọi người nhằm thành lập một mạng lưới lớn.

Trong một chuyến phiêu lưu đàn đúm quanh Vùng Vịnh, được mô tả trong *Cá voi tỷ đô*, ở Abu Dhabi Jho Low đã gặp một thanh niên có mối quan hệ rộng, đầy tham vọng nhưng thiếu kinh nghiệm, và như thường thấy, Jho Low đã lợi dụng anh ta nhằm mục đích tiếp cận các quan chức ở quỹ đầu tư quốc gia cực kỳ lớn, mới được thành lập của chính phủ. Sau đó, anh ta sử dụng những mối quan hệ ở Vùng Vịnh để làm quen với Najib, lúc đó đang giữ chức Phó Thủ tướng. Vài năm sau, tại một bữa tiệc ăn mừng việc hoàn thành khoản đầu tư lớn của quỹ Abu Dhabi vào một dự án bất động sản ở Malaixia, bà vợ của Najib đã đích thân cảm ơn Jho Low. Nhằm thúc đẩy mối quan hệ, Jho Low còn chăm sóc thế hệ trẻ, kết bạn với con trai riêng của Najib,

giúp gia đình này đóng học phí đại học cho con gái của họ và tham dự bữa tiệc tốt nghiệp của cô bé này²⁴.

Trong học kỳ cuối cùng ở Wharton, Jho Low thành lập công ty ngoại biên (offshore company*) đầu tiên, gọi là Wynton Group, có trụ sở ở Quần đảo Virgin thuộc Anh. Mặc dù còn trẻ, nhưng anh ta đã cảm nhận được rằng hệ thống tài chính toàn cầu có thể giúp che giấu những sự thật không tiện nói ra. Ngay ở giai đoạn đầu trong sự nghiệp giao dịch của mình, vẻ hào nhoáng của công ty ngoại biên có thể giúp che giấu sự thiếu kinh nghiệm và tài chính hạn hẹp của anh ta khi anh quảng bá Wynton Group là phương tiện cho các khoản đầu tư của Trung Đông vào Malaixia²⁵.

Đến năm 2009, Jho Low trở thành người thân cận của chính quyền Najib và quyết tâm biến 1MDB thành bước khởi đầu lớn nhất của mình. Anh ta chưa bao giờ có chức vụ chính thức ở 1MDB, nhưng lại điều hành hầu hết công việc của quỹ này và là người giật dây chính trong toàn bộ âm mưu lừa đảo 1MDB. Năm 2009, 1MDB đồng ý đưa khoản đầu tư ban đầu trị giá 1 tỷ USD vào liên doanh PetroSaudi. Cùng thời gian này, Jho Low thành lập Good Star - một công ty bình phong ở Xâysen - và trở thành cổ đông duy nhất của công ty này. Theo cáo buộc của Hoa Kỳ, anh ta chỉ đạo 1MDB chuyển 700 triệu USD từ khoản đầu tư ban đầu vào tài khoản ngân hàng do Good Star kiểm soát²⁶. Những quan chức chính trị cao nhất có quan hệ với anh ta và các quan chức chủ chốt của 1MDB đồng lõa với anh ta đã buộc 1MDB phải tuân thủ.

* Là công ty được đăng ký ở vùng lãnh thổ mà họ được ưu đãi miễn thuế hoàn toàn nếu công ty hoạt động với những khoản lợi nhuận phát sinh ngoài lãnh thổ đó (BT).

Cả ngân hàng Đức, Deutsche Bank, ngân hàng xử lý giao dịch chuyển tiền cho 1MDB lẫn RBS Coutts, chi nhánh của ngân hàng Hoàng gia Xcốtlen, nắm giữ tài khoản của Good Star, đều nghi ngờ về vụ chuyển tiền này. Họ muốn biết tại sao 1MDB, một tổ chức thuộc sở hữu nhà nước, lại chuyển tiền cho một bên thứ ba chứ không chuyển vào các tài khoản do PetroSaudi hoặc liên doanh vừa được thành lập kiểm soát. Các quan chức ở 1MDB đã lừa Deutsche Bank bằng cách khẳng định rằng, trên thực tế, khoản tiền này đã được chuyển đến tài khoản do PetroSaudi kiểm soát²⁷. 1MDB và Jho Low đã cho RBS Coutts xem thỏa thuận nói rằng Good Star là nhà quản lý đầu tư cho 1MDB - đây cũng là nói dối. Tuy nhiên, sự bảo đảm của họ là đủ để các ngân hàng chấp thuận chuyển tiền²⁸.

Chỉ một năm sau khi thành lập liên doanh PetroSaudi, 1MDB đã rút ra khỏi quan hệ đối tác. Muốn cho bảng cân đối tài chính bớt thảm hại hơn, 1MDB đã chuyển một số khoản đầu tư vào PetroSaudi thành các khoản cho vay. Năm 2011, liên doanh này đã tìm cách trả cho 1MDB 330 triệu USD trong khoản tiền đã vay. Một lần nữa, số tiền này lại được chuyển vào tài khoản của Good Star chứ không trả vào tài khoản của PetroSaudi. Một trong những ông chủ của PetroSaudi đã ký tên vào hóa đơn chuyển tiền và một lần nữa các quan chức của 1MDB lại nói dối rằng PetroSaudi là bên nhận tiền. Jho Low đã cung cấp cho các ngân hàng nhiều tài liệu khiến người ta thêm hiểu lầm. Trong đó có những tài liệu thể hiện mối quan hệ kinh doanh khác nhau giữa Good Star và 1MDB, bao gồm cả việc Good Star có ý định bán một khách sạn ở New York cho 1MDB mà cả Good Star cũng như Jho Low đều chưa từng làm chủ bao giờ²⁹.

Sau vài giao dịch giả mạo, Jho Low đã chiếm đoạt hơn 1 tỷ USD từ các tài khoản công.

Không những không thỏa mãn được lòng tham của Jho Low và các đồng nghiệp của anh ta, các vụ giao dịch của PetroSaudi lại càng khuyến khích họ thúc đẩy hơn nữa âm mưu của mình. Khi 1MDB bắt đầu huy động được hàng tỷ đôla Mỹ bằng cách bán trái phiếu, Low và nhóm của anh ta đã tìm cách chuyển nhiều tiền hơn vào tài khoản của riêng họ. Một lần nữa, họ lại được các tay chơi ở vùng Vịnh Ba Tư nhiều dầu mỏ trợ giúp, lần này là từ Abu Dhabi.

Trong hai năm 2012 và 2013, thông qua việc bán trái phiếu, 1MDB đã huy động được hơn 6 tỷ USD. Hầu hết những trái phiếu đều được bảo lãnh bởi Công ty Đầu tư dầu khí quốc tế (IPIC) - quỹ đầu tư quốc gia thuộc sở hữu của chính phủ Abu Dhabi³⁰. Năm 2013, IPIC là một trong những quỹ đầu tư quốc gia lớn nhất thế giới. Quỹ này nắm giữ khối lượng tài sản trị giá khoảng 67 tỷ USD, tăng gấp 3 lần trong vòng 5 năm. Phần lớn sự tăng trưởng đến từ ngành công nghiệp dầu khí đang bùng nổ.

Một trong những công ty con của IPIC là Aabar Investments PJS Limited, gọi tắt là Aabar. Ông chủ của Aabar lúc đó là Mohamed Ahmed Badawy Al Hussein, một người Mỹ gốc Kênia. Ông ta rơi vào quỹ đạo của Jho Low, thông qua một người bạn chung, và ở lại đó một phần vì ông ta thích những buổi tiệc tùng hoành tráng có rất nhiều người nổi tiếng tham dự mà Jho Low bắt đầu tổ chức sau ngày PetroSaudi trả lương. Al Hussein cũng ở lại để kiếm tiền.

Al Hussein có địa vị ở Aabar vì ông ta thường xuyên là cánh tay phải của Khadem Al Qubaisi, một doanh nhân đầy quyền lực ở Abu Dhabi. Từ năm 2007 đến 2015, Al Qubaisi là Giám đốc điều hành của IPIC. Địa vị này mang lại quyền lực to lớn kể từ khi IPIC bắt đầu mua cổ phần của các công ty lớn

trên thế giới. Al Qubaisi cũng có quan hệ mật thiết với các thành viên quyền lực của gia đình Hoàng gia Abu Dhabi. Tương tự như nhiều nhân vật trong vở kịch 1MDB, Al Qubaisi rất thích cuộc sống xa hoa với đam mê mạo hiểm. Wright và Hope viết:

Ngay cả khi ở UAE hào nhoáng và bất cần, thái độ ngạo mạn chưa từng thấy của Al Qubaisi cũng làm cho các chủ ngân hàng choáng váng. Ông ta luôn được bảo vệ bởi một đoàn tùy tùng các nhân viên an ninh Ai Cập và tên viết tắt của ông ta - KAQ - được khắc lên xì gà, những miếng lót cốc chén, hộp khăn giấy và thậm chí cả bộ sưu tập những chiếc xe cao cấp trị giá hàng chục triệu euro. Ở Abu Dhabi, Al Qubaisi thường mặc chiếc áo choàng truyền thống của UAE và đội khăn trùm đầu. Ông ta có gia đình, một biệt thự rộng lớn, vợ và 4 người con của ông ta sống ở đó. Nhưng, tương tự như nhiều người giàu có khác, ông ta có một cuộc sống khác ở nước ngoài. Tại biệt thự của mình ở Côte d’Azur với những chiếc Bugatti và Ferrari đậu bên ngoài, ông ta tiệc tùng với những người mẫu và có một người vợ Maroc trẻ hơn ở Paris³¹.

Al Qubaisi và Al Husseiney đều là những đối thủ bị Jho Low lôi kéo và thao túng. Đầu năm 2012, như được trình bày chi tiết trong các cáo buộc của Bộ Tư pháp Hoa Kỳ, hai ông này thành lập một công ty ở Quần đảo Virgin thuộc Anh, gọi là Aabar Investments PJS Limited, hay Aabar-BVI. Họ lập một tài khoản ở ngân hàng Thụy Sĩ cho công ty này và tự phong mình là giám đốc. Tên công ty được người ta cố tình làm cho gần giống tên công ty con của IPIC do Husseiney lãnh đạo, nhưng thực tế nó là một công ty với hình thức hoàn toàn khác³².

Cũng trong khoảng thời gian này, 1MDB thuê Goldman Sachs giúp thực hiện hai đợt bán trái phiếu lớn, một đợt trị giá

1,5 tỷ USD, đợt kia trị giá 1,75 tỷ USD³³. 1MDB tuyên bố rằng, họ cần vốn để đầu tư vào lĩnh vực năng lượng, trong đó có vụ mua lại nhà máy điện lớn của Malaixia. IPIC đứng ra bảo lãnh cho cả hai đợt phát hành. Trong vòng một ngày kể từ khi nhận được số tiền từ đợt phát hành trái phiếu đầu tiên, 1MDB đã chuyển 577 triệu USD cho công ty ngoại biên mới được thành lập - Aabar-BVI. Aabar-BVI nhận được thêm 790 triệu USD từ lần phát hành trái phiếu thứ hai.

Hồ sơ kèm theo hai lần bán trái phiếu không nói gì về những lần thanh toán cho Aabar-BVI. Như trong vụ làm ăn với PetroSaudi, Jho Low và các đồng nghiệp của ông ta đã tạo các giấy tờ giả để giải thích những vụ chuyển tiền cho các ngân hàng và các bên khác. Các quan chức ở Abu Dhabi là Al Qubaisi và Al Hussein đã giúp che đậy bằng cách khai man với các chủ ngân hàng Thụy Sĩ và Xingapo rằng công ty con Aabar thực sự là chủ sở hữu tài khoản ngân hàng của Aabar-BVI³⁴.

Năm 2013, khi Najib đối mặt với vụ tái tranh cử đầy khó khăn, 1MDB lại huy động thêm 3 tỷ USD từ lần bán trái phiếu thứ ba, cũng do Goldman Sachs dàn xếp. Mục đích được tuyên bố của lần bán này là gây quỹ cho một liên doanh mới giữa 1MDB và Aabar (công ty con thực sự của IPIC): Công ty Đầu tư Abu Dhabi Malaixia (Abu Dhabi Malaysia Investment Company). Al Qubaisi, với tư cách là Chủ tịch của Aabar, đã ký thỏa thuận và còn được bổ nhiệm làm chủ tịch liên doanh này. Thỏa thuận có sự chứng kiến của Al Hussein. Ngay từ đầu, mỗi bên phải góp 3 tỷ USD, đây là lý do để 1MDB tiến hành đợt bán trái phiếu rất lớn khác trong vòng chưa đầy 2 năm³⁵.

Tuy nhiên, sau khi bán được trái phiếu, hơn 1,2 tỷ USD trong số tiền thu được đã được chuyển vào tài khoản ngân hàng của

các công ty bình phong, không có liên quan với Aabar hay liên doanh mới thành lập. Cáo buộc của Chính phủ Hoa Kỳ giải thích cách thức mà sau khi chuyển qua một số công ty trung gian, số tiền kể trên được chuyển tới tài khoản của hai công ty là Tanore và Granton. Hai cộng sự thân cận và được Jho Low ủy quyền là những người ký tên trên tài khoản ngân hàng của Tanore và Granton, và các email tiết lộ rằng, Jho Low thường xuyên liên lạc với hai người này để nói về việc chuyển tiền. Al Hussein được gọi là “người giới thiệu” cho một trong các tài khoản này và một lần nữa đã giúp thuyết phục các nhân viên ngân hàng rằng những giao dịch này là hợp pháp³⁶.

Lần giặt tiền cuối cùng diễn ra vào năm 2014. Năm đó, 1MDB vay 2 khoản ở Deutsche Bank với tổng trị giá là 1,2 tỷ USD. Cũng nhóm người đó, bao gồm Al Qubaisi, Al Hussein, Jho Low và một số quan chức 1MDB đã hướng dẫn Deutsche Bank chuyển 175 triệu USD trong số tiền vay được vào tài khoản của Aabar-BVI và cung cấp cho ngân hàng này những bảo đảm và giải thích cần thiết³⁷. Sau đó, Al Hussein mở tài khoản cho tổ chức mới, Aabar-Seychelles, và ông ta cũng nói dối rằng đây là chi nhánh của công ty con Aabar của IPIC. Theo chỉ dẫn của 1MDB và các đối tác của quỹ này, Deutsche Bank đã chuyển thêm 681 triệu USD trong số tiền đã vay vào một tài khoản của Aabar-Seychelles³⁸.

Với những giao dịch này, Jho Low và Al Hussein dường như đang hoạt động trên cơ sở “nếu mọi thứ đang tiến triển tốt thì đừng thay đổi”. Nhà chức trách Hoa Kỳ cáo buộc rằng, “Aabar-Seychelles, tương tự như tài khoản của Aabar-BVI, là tài khoản giả được sử dụng để chuyển những khoản tiền gian lận”³⁹.

Để tóm tắt chuỗi sự kiện bất thường này: Bộ Tư pháp Hoa Kỳ đệ trình cáo buộc một nhóm những kẻ chủ mưu đến từ Malaixia, Arập Xêút và Abu Dhabi đã chuyển sai địa chỉ hơn 3,25 tỷ USD công quỹ trong vòng hơn 5 năm. Khoản tiền đầu tiên xuất phát từ vụ lừa đảo PetroSaudi - tiền đổ vào tài khoản của Good Star. Tiếp theo, họ chuyển 1,37 tỷ USD từ hai lần bán trái phiếu đầu tiên vào tài khoản của Aabar-BVI. Sau đó, họ thu được 1,26 tỷ USD từ lần bán trái phiếu thứ ba thông qua tài khoản của các công ty Tanore và Granton. Cuối cùng, một lần nữa, theo cáo buộc của Bộ Tư pháp Hoa Kỳ, họ đã lấy 856 triệu USD từ các khoản vay ở Deutsche Bank và chuyển vào tài khoản của Aabar-BVI và Aabar-Seychelles. Bộ Tư pháp Hoa Kỳ và các nguồn khác ước tính rằng hơn 1 tỷ USD nữa đã biến mất thông qua các kênh khác không được nêu chi tiết trong đơn kiện. Tổng số tiền bị đánh cắp là 4,5 tỷ USD.

Ở mỗi bước, chính các cộng sự quốc tế đã làm cho hiện tượng tham nhũng trở thành khả thi. Jho Low không thể chiếm đoạt được nhiều tiền như vậy, nếu không có các đồng nghiệp ở Arập Xêút và UAE giúp đỡ. Anh ta đã tìm được những đối tác có thiện chí, chính là hai đồng sáng lập của PetroSaudi. Tarek Obaid, một doanh nhân người Arập Xêút, 33 tuổi, có cùng phong cách sống thượng lưu, thích tiệc tùng ồn ào như Jho Low. Hoàng tử Turki bin Abdullah là con của Quốc vương Abdullah đã quá cố, trị vì Arập Xêút từ năm 2005 đến 2015, nhưng không có nhiều nguồn lực kinh tế nên phải dựa vào việc “buôn bán tên tuổi của mình”⁴⁰. Hai nhân vật này đã thành lập PetroSaudi nhằm củng cố các mối quan hệ của mình ở Arập Xêút và giành giật một phần nào đó trong vụ bùng nổ dầu mỏ lần này. Tờ *Guardian* viết: “Việc kinh doanh của PetroSaudi là tiếp cận với

chủ nghĩa tư bản: mở rộng cánh cửa với sự giúp đỡ của bạn bè giữ những địa vị cao. Tư tưởng cơ bản là giành lấy một phần doanh thu khổng lồ trong lĩnh vực dầu khí do các doanh nghiệp quốc doanh ở các nước đang phát triển tạo ra - những chiếc rương đầy châu báu đang chờ được công ty vốn là ‘phương tiện của Hoàng gia Ả-rập Xêút’ mở khóa - một công ty được ‘ngoại giao đoàn của vương quốc ủng hộ hoàn toàn’. PetroSaudi nói với các đối tác tiềm năng rằng, họ kiểm soát các mỏ dầu ở Trung Á và sẽ dùng làm tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản tiền mặt từ các công ty đầu tư quốc gia”⁴¹.

Năm 2009, Hoàng tử Turki thuê một chiếc du thuyền dài 300 foot* và đậu gần bờ biển Mônacô để tổ chức một cuộc họp. Cùng với Obaid, hai ông chủ của PetroSaudi đã gặp thủ tướng Najib, Jho Low và những người khác để bàn thảo thỏa thuận liên doanh. Trong những tháng sau đó, hai người Ả-rập Xêút đã giúp Good Star nhận được phần của mình. Theo cáo buộc của Hoa Kỳ, năm 2011, Obaid đã ký giấy ủy quyền chuyển 330 triệu USD cho Good Star. Cuối năm 2015, để đáp lại những yêu cầu tiếp theo của ngân hàng, anh ta đã viết một lá thư khác, xác nhận rằng Good Star là một phần của Tập đoàn PetroSaudi⁴².

Âm mưu này rõ ràng là quá béo bở đối với Obaid và Hoàng tử Turki bin Abdullah. Good Star đã chuyển khoảng 153 triệu USD cho Obaid, sau đó, ông này gửi 77 triệu USD cho Hoàng tử Turki⁴³. Vị Hoàng tử này cũng nhận được 24 triệu USD trực tiếp từ Good Star. Vì vậy, tất cả những người dự cuộc họp đầu tiên trên du thuyền đều được chia phần, sau đó Hoàng tử Turki đã gửi 20 triệu USD cho Thủ tướng Najib⁴⁴.

* 1 foot = 0,3048 m (ND).

Các ông chủ của PetroSaudi tỏ ra ít hào phóng với một số nhân viên của mình. Xavier Justo, một giám đốc điều hành cũng là chủ ngân hàng ở Thụy Sĩ và là bạn lâu năm của Obaid, tỏ ra tức giận vì công ty không thực hiện những lời hứa hẹn của mình. Xung đột leo thang khi Justo từ chức vào năm 2011 và Obaid đề nghị trả khoản tiền thôi việc cho ông ta thấp hơn dự kiến. Quá thất vọng, Justo sao chép dữ liệu từ các máy chủ của PetroSaudi, trong đó có 227.000 email nội bộ và mang theo tài liệu này khi thôi việc.

Năm 2013, Xavier Justo giao tài liệu cho một nhà báo điều hành trang tin trực tuyến có nhan đề *Sarawak Report*, chuyên điều tra về Malaixia. Sau đó, nhà báo này đã công bố câu chuyện với tiêu đề “Vụ trộm thế kỷ: Cách thức Jho Low dùng PetroSaudi làm 'bình phong' để rút hàng tỷ đôla Mỹ từ 1MDB!”⁴⁵. Vụ rò rỉ này đưa vấn đề tham nhũng ở 1MDB ra trước công chúng, mở ra một loạt các sự kiện mà cuối cùng đã dẫn tới các cuộc biểu tình lớn trên đường phố, thay đổi chính phủ ở Malaixia và các hành động pháp lý chống lại nhiều tay chơi trong vụ này. Sau khi làm cho nhiều người có quyền lực tức giận vì vụ rò rỉ, Justo đã bị bắt khi đang sống tại Thái Lan và bị kết án 3 năm tù vì tội tống tiền⁴⁶.

Sau vụ bê bối, các cộng tác viên người Ả-rập Xê-út cũng phải đối mặt với nhiều rắc rối. Năm 2013, Hoàng tử Turki thoái vốn khỏi PetroSaudi và năm sau thì được bổ nhiệm làm thống đốc tỉnh Riyadh. Năm 2017, ông là một trong 11 hoàng tử bị bắt trong một vụ truy quét bài trừ tham nhũng do Thái tử Mohammad bin Salman chỉ đạo (sẽ nói thêm trong Chương 6). Hãng *Reuters* đưa tin về các cáo buộc chống lại Hoàng tử Turki liên quan đến vụ tham nhũng trong dự án Riyadh Metro và sử dụng địa vị thống đốc để trao hợp đồng cho các công ty của mình⁴⁷. Về phần Obaid,

một số tài sản của ông ta đã bị Bộ Tư pháp Hoa Kỳ tịch thu vào năm 2017 như một phần của vụ 1MDB, và ông ta cũng phải đối mặt với cuộc điều tra của các nhà chức trách Thụy Sĩ. Obaid phủ nhận mọi tội lỗi, kể cả khi bị đưa ra trước tòa án ở Hoa Kỳ vào năm 2017⁴⁸. Chính PetroSaudi lại không bị bất kỳ tòa án nào buộc tội và phủ nhận toàn bộ hành vi sai trái⁴⁹. Tuy nhiên, PetroSaudi cũng phải đối mặt với cuộc điều tra ở Venêxuêla vì một vấn đề khác. Công ty này bị cáo buộc đã sử dụng một số tiền của mình trong 1MDB để mua một giàn khoan dầu, rồi sau đó hợp tác với Công ty dầu khí quốc gia Venêxuêla. Các nhà chức trách Venêxuêla nghi ngờ rằng, các quan chức của công ty dầu khí quốc gia nước mình đã trả quá nhiều tiền cho giàn khoan của PetroSaudi và sau đó đã cắt khoản tiền vượt trội này; PetroSaudi phủ nhận mọi tội lỗi và bác bỏ các cáo buộc vì cho rằng có động cơ chính trị⁵⁰.

Trong giai đoạn sau của âm mưu ở 1MDB, hai quan chức ở Abu Dhabi là Al Qubaisi và Al Hussein đã giữ những vai trò tuyệt đối cần thiết. Trong nhiều vụ việc khác nhau, họ đã cung cấp cho một số ngân hàng những lời bảo đảm đối trá. Họ còn giúp thành lập các doanh nghiệp và tài khoản ngân hàng cần thiết, ví dụ như Aabar-BVI, tức là những thực thể đã nhận phần lớn số tiền bị chuyển sai địa chỉ. Đơn kiện của Bộ Tư pháp Hoa Kỳ cũng nói rằng hai người này đã nhận được những khoản tiền lớn. Năm 2012, Aabar-BVI đã chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của hai người này thông qua các công ty trung gian. Al Qubaisi nhận 472 triệu USD, còn những tài khoản dưới quyền kiểm soát của Al Hussein thì nhận được 66 triệu USD⁵¹.

Năm 2015, sau khi bị cáo buộc tham nhũng, cả hai quan chức này ở Abu Dhabi đều bị sa thải, còn IPIC thì khẳng định rằng

họ không có mối liên hệ nào với Aabar-BVI. Hai người này bị bắt sau đó vài tháng, ngay sau khi Al Qubaisi chứng kiến dự án mới nhất của ông được khánh thành - hộp đêm lớn nhất ở Las Vegas. Một số chính phủ đã tịch thu tài sản của ông trùm UAE này, trong đó có hàng chục triệu đôla Mỹ nằm trong tài khoản ngân hàng Lúcxămbua, trong khi ông ta khẳng định từ trong nhà tù rằng chính phủ sử dụng ông ta như một “con dê tế thần”⁵². Các nhà điều tra cũng đang xem xét liệu có phải tiền của 1MDB đã cung cấp tài chính để mua một chiếc du thuyền dài 482 foot, có hồ bơi, rạp chiếu phim và bãi đậu trực thăng riêng, cho một gia đình hoàng gia nổi tiếng ở Abu Dhabi⁵³ hay không.

Như thường thấy với những người trợ giúp quốc tế, Al Qubaisi và Al Hussein có thể đã tránh xa âm mưu này nếu luật lệ của các tổ chức của chính họ không lỏng lẻo như thế. Trong trường hợp này, công tác quản lý thiếu chặt chẽ của IPIC đã giúp cho âm mưu ở 1MDB trở nên khả thi. Những người trong nhóm tinh hoa đương quyền có quyền tùy ý điều chỉnh các quyết định đầu tư của IPIC, và thế là Al Qubaisi, với tư cách là người được ủy quyền, có thể phê duyệt các khoản đầu tư mà không cần hội đồng quản trị chấp thuận. IPIC cũng không tạo được bức tường thành vững chắc ngăn cách giữa các nguồn lực của công ty và nguồn lực của người nắm giữ ghế chủ tịch. Theo Wright và Hope: “Sổ sách của Aabar có một mớ hồ lớn những vụ giao dịch với các công ty liên kết với Sheikh Mansour [một quan chức hàng đầu của UAE và Hoàng gia Abu Dhabi]. Ngoài công việc hằng ngày, Al Qubaisi còn theo dõi công việc kinh doanh tư nhân này, và vị trí đặc biệt của mình - thân thiết với Al Nahyans [gia đình Mansour] - đã tạo điều kiện cho ông ta tự do làm giàu cho bản thân”⁵⁴.

Ngân hàng Goldman Sachs cũng trợ giúp theo cách tương tự: một số giám đốc điều hành giao hoạt đã khéo léo kết hợp với Jho Low nhằm thực hiện âm mưu, các biện pháp phòng chống tham nhũng của ngân hàng không thể ngăn chặn được họ. Trong các năm 2012 và 2013, ngân hàng này thực hiện ba đợt bán trái phiếu cho 1MDB. Có thể dễ dàng hiểu được động cơ của họ. Phí và doanh thu mà Goldman nhận được từ ba lần bán này là khoảng 600 triệu USD - gấp 200 lần mức phí thông thường cho những dịch vụ kiểu này⁵⁵.

Tim Leissner, một trong những nhà đàm phán hàng đầu của Goldman ở châu Á lúc đó, cũng là một trong những người tham vọng khác bị Jho Low lôi kéo. Là một “chuyên viên quan hệ ngân hàng” (relationship banker), Leissner thể hiện khả năng tuyệt vời trong việc lấy lòng những người ban hành quyết định chủ chốt ở một số nước châu Á, đặc biệt là ở Malaixia. Ông ta cũng có thiên hướng sống về đêm và nổi tiếng vì có thể bẻ cong luật lệ để làm cho vụ làm ăn diễn ra suôn sẻ⁵⁶. Trong vụ làm ăn với 1MDB, ông ta được Andrea Vella giúp sức. Andrea Vella là một chủ ngân hàng có vai trò quan trọng trong vụ làm ăn được đề cập ở Chương 2, người đã khiến quỹ đầu tư quốc gia của Libi mất hàng tỷ đôla Mỹ trong các giao dịch chứng khoán phái sinh đầy rủi ro với Goldman Sachs.

Thông qua những mối liên kết với Jho Low, Leissner gắn kinh doanh của 1MDB vào Goldman. Sau đó, ngân hàng được quyền quyết định giao dịch có được thực hiện hay không. Vào thời điểm đó, sẵn đón các quỹ đầu tư quốc gia là ưu tiên hàng đầu của Goldman. Theo Wright và Hope, điều này có thể giúp giải thích vì sao 5 ủy ban đã xem xét thỏa thuận và những rủi ro của nó mà vẫn bỏ qua một số đặc điểm rất đáng lo ngại và những

dấu hiệu khả nghi⁵⁷. Một phần lớn tiền bán trái phiếu được chuyển vào BSI, một ngân hàng tư nhân khá nhỏ ở Thụy Sĩ, chứ không chuyển cho một tổ chức lớn. Đây là cách làm bất thường đối với các giao dịch quy mô lớn như thế này, đồng thời cũng rất bất thường đối với một chính phủ, trong trường hợp này là Abu Dhabi đã bảo lãnh trái phiếu của một chính phủ khác thông qua IPIC. Vai trò của Jho Low trong vụ làm ăn này cũng có vẻ đáng ngờ, và thậm chí gần đây, Goldman còn không cho ông ta đặc quyền mở tài khoản riêng ở ngân hàng này⁵⁸.

Cụ thể, đợt bán trái phiếu năm 2013 không bao giờ vượt qua được các biện pháp kiểm soát chống rửa tiền của ngân hàng hoặc các cuộc kiểm tra chặt chẽ khác. Cùng với những dấu hiệu cảnh báo đã được nhắc tới, thời gian tổ chức bán trái phiếu gấp rút năm 2013 - chỉ 2 tháng trước khi Thủ tướng phải đối mặt với cuộc tái cử đầy khó khăn - lẽ ra phải làm dấy lên những nghi ngờ⁵⁹. Trước đợt bán trái phiếu năm 2013, tài liệu nội bộ của Goldman xác định “giữ bí mật” và “tốc độ thực hiện” là những mục tiêu hàng đầu của 1MDB trong đợt bán trái phiếu này⁶⁰. Với mỗi lần bán, thông báo chi tiết của 1MDB về trái phiếu sắp được phát hành đã trình bày sai lệch về cách thức số tiền được sử dụng. Mặc dù Goldman có thể khó phát hiện được những dấu hiệu cảnh báo này trong lần bán đầu tiên, nhưng đáng ngạc nhiên là đến lần thứ ba mà họ cũng không hề quan tâm.

Bộ Tư pháp Hoa Kỳ phát hiện ra rằng, Leissner và một nhân viên ngân hàng khác của Goldman đã trực tiếp câu kết với Jho Low nhằm biến thủ tiền từ 1MDB, trong đó có việc chuẩn bị tiền hối lộ cho một số quan chức của Chính phủ Malaixia và Abu Dhabi để Goldman nhận công việc bán trái phiếu. Leissner và đồng nghiệp của ông ta biết rõ kế hoạch đánh cắp tiền bán trái

phiếu của Jho Low và họ cũng nhận được tiền lại quả. Năm 2018, Leissner đã nhận tội do các cáo buộc đưa ra và đồng ý trả 43 triệu USD để tìm cách xoa dịu phản ứng trước cuộc phiêu lưu 1MDB của ông ta⁶¹.

Nhưng tổ chức của ông ta thì phủ nhận mọi hành vi sai trái. Người phát ngôn của Goldman nói với tờ *Guardian*, “chúng tôi đã giúp kiếm tiền cho quỹ đầu tư quốc gia dự định đầu tư vào Malaixia. Chúng tôi không biết liệu một số tiền trong đó có thể đã được chuyển cho những mục đích khác hay không”⁶². Đứng trước bằng chứng về việc họ đã tạo điều kiện cho tham nhũng, những người trợ giúp quốc tế thường khẳng định rằng họ chỉ đang làm công việc của mình và không chịu trách nhiệm trước bất cứ hành vi tham nhũng nào mà khách hàng của họ có thể đã theo đuổi. Tuy nhiên, như khẳng định trong Chương 7, việc yêu cầu các tác nhân hỗ trợ này phải chịu trách nhiệm giải trình nhiều hơn về hậu quả công việc của mình sẽ trở thành một phần cốt lõi của quá trình thúc đẩy cuộc chiến chống tham nhũng.

Phần 2: Chuyển tiền

Sau khi kiếm được tiền, những kẻ tham nhũng chuyển sang thực hiện nhiệm vụ mang tiền ra khỏi nước mình và đưa vào hệ thống tài chính toàn cầu. Chiến lược điển hình, phổ biến khắp nơi trong các vụ án tham nhũng hiện nay là thành lập các công ty bình phong trong một khu vực tài phán có các biện pháp bảo vệ bí mật mạnh mẽ và không có nhiều rào cản gia nhập thương trường. Sau đó, các công ty bình phong sẽ mở tài khoản ngân hàng nước ngoài để có thể nhận tiền. Các thủ phạm thường sử dụng nhiều công ty bình phong và tài khoản ngân hàng,

nằm trong nhiều khu vực pháp lý khác nhau nhằm che đậy các giao dịch của mình và làm nản lòng các nhà điều tra. Để quản lý công việc phức tạp này, cần nhiều luật sư và kế toán viên có trình độ cao, chuyên trách nhiệm vụ điều phối các dòng tài chính xuyên biên giới.

Hệ thống thiên đường thuế khóa và tài chính nước ngoài toàn cầu được thiết lập chủ yếu là để phục vụ những tập đoàn giàu có và các cá nhân siêu giàu. Trong những năm gần đây, nhu cầu này càng gia tăng khi những gia đình giàu nhất ngày càng có được nhiều của cải hơn so với phần còn lại của chúng ta. Ví dụ, ở Hoa Kỳ, 0,1% người trưởng thành giàu nhất nắm khoảng 20% tổng tài sản của các hộ gia đình, tăng khoảng 10% so với những thập niên 1970 và 1980⁶³. Tổng số tiền được cất giữ ở hải ngoại bằng khoảng 10% GDP toàn cầu. Việc chuyển tiền ra nước ngoài khá tốn kém, đặc biệt là khi muốn trốn các khoản thuế thông thường. Ví dụ, EU mất khoảng 20% doanh thu từ thuế doanh nghiệp ở các thiên đường thuế khóa, với mức ước tính thiệt hại toàn cầu là 12%⁶⁴.

Tình hình ở một số nước giàu dầu mỏ thậm chí còn tồi tệ hơn. Một nhóm các nhà kinh tế học đã tiến hành điều tra tiền ở hải ngoại xuất phát từ đâu. Họ đã xem xét 38 nền kinh tế lớn nhất thế giới và phát hiện được rằng, trung bình số tiền nằm ở hải ngoại bằng khoảng 10% GDP của mỗi nền kinh tế⁶⁵. Một số ít các quốc gia giàu dầu mỏ đi ngược lại xu hướng này. Tài sản ở hải ngoại của UAE, Vê-nê-xuê-la và Ả-rập Xê-út lớn hơn một nửa GDP của các nước này. Nga cũng có rất nhiều tài sản ở hải ngoại. Năm 2012, giới tinh hoa Nga giữ tới 403 tỷ USD ở các thiên đường thuế khóa. Và họ không hề đơn độc. Giới tinh hoa Cadắcxtan thích thành lập công ty ở Quần đảo Virgin thuộc Anh đến mức quốc đảo

nhỏ bé này nằm trong số 5 khu vực đầu tư hàng đầu của Cadăxtan, mặc dù 2 quốc gia này không có bất kỳ quan hệ kinh doanh thực sự nào⁶⁶.

Một số nước ve vãn các dòng tài chính hải ngoại. Các nền kinh tế của Quần đảo Cayman, Quần đảo Virgin thuộc Anh, Quần đảo Xâysen và một số nước khác phụ thuộc rất nhiều vào ngành dịch vụ tài chính. Chỉ số Bí mật tài chính (Financial Secrecy Index) xác định khu vực pháp lý bí mật là một quốc gia “cung cấp các phương tiện tạo điều kiện cho cá nhân hoặc tổ chức trốn tránh hoặc ngấm phá hoại luật pháp, quy tắc và quy định của các khu vực pháp lý khác, sử dụng bí mật như một công cụ chính”. Bảng xếp hạng do Chỉ số này nghi ngờ những hòn đảo nằm trong vùng nhiệt đới, nhưng các quốc gia khác cũng tương tự như vậy. Ví dụ như Thụy Sĩ, Hoa Kỳ (đặc biệt là các bang Delaware, Nevada và Wyoming), Lúcxămbua và Đức - nguyên nhân là do những chính sách không đáp ứng được các tiêu chuẩn chung (subpar policies) và vai trò quan trọng của các quốc gia này trong hệ thống tài chính toàn cầu⁶⁷.

Các nhà cung cấp dịch vụ người Mỹ và Anh đã chứng tỏ rằng họ luôn sẵn sàng tạo điều kiện cho việc kinh doanh mờ ám. Nhằm kiểm tra xem các nhà cung cấp dịch vụ tài chính tuân theo luật lệ đến mức nào, một nhóm các nhà nghiên cứu người Ôxtrâylia đã gửi 7.400 yêu cầu, nhân danh các khách hàng giả mạo, đề nghị nhiều tổ chức khác nhau thành lập các công ty bình phong. Trong quá trình thực hiện những yêu cầu này, các nhà cung cấp dịch vụ ở Hoa Kỳ và Vương quốc Anh tỏ ra không chặt chẽ bằng những nhà cung cấp dịch vụ từ các khu vực tài phán hải ngoại khét tiếng hơn trong việc thực hiện các bước đi nhằm tuân thủ các nguyên tắc quốc tế hiện hành, ví dụ như yêu cầu

xác định danh tính thực sự của khách hàng trước khi thành lập công ty⁶⁸. Tương tự như vậy, cả các tổ chức tài chính lớn nhất thế giới, có trụ sở chính tại những nước với các quy định chống rửa tiền mạnh mẽ cũng tham gia nhận những khoản tiền bị đánh cắp.

Trong khi giới siêu giàu thúc đẩy quá trình hình thành hệ thống tài chính toàn cầu này, thì những kẻ tham nhũng lại tận dụng tối đa những lợi thế mà nó mang lại. Có rất nhiều ví dụ từ vụ bùng nổ dầu mỏ này. Giới tinh hoa chính trị của Adécbaigian điều hành mạng lưới tài chính hải ngoại rộng lớn mà các nhà báo điều tra - những người đã phơi bày được một số hoạt động của mạng lưới này - gọi là “Trạm giặt là Adécbaigian”. Các nhà báo này ước tính, trong giai đoạn từ năm 2012 đến 2014, hơn 2,9 tỷ USD đã chảy qua Trạm giặt là. Một phần trong những khoản tiền này được dùng nhằm tạo ảnh hưởng lên các chính trị gia châu Âu - một mục quan trọng trong cái gọi là “ngoại giao trứng cá muối” của Adécbaigian. Nghị viện Đức đã khiển trách một nghị sĩ vì không tiết lộ số tiền mà bà nhận được từ một nhà vận động hành lang cho Adécbaigian. Bà này luôn tỏ ra mềm mỏng với Adécbaigian, thậm chí trên trang web của bà ấy còn có một bức ảnh mà bà chụp với Tổng thống Aliyev⁶⁹. Một nghị sĩ Quốc hội Italia bị cáo buộc đã bí mật nhận hơn 2,5 triệu USD thông qua các công ty bình phong ở Anh và có những hoạt động thiên vị Adécbaigian ở Hội đồng châu Âu - một tổ chức đa phương có nhiệm vụ thúc đẩy dân chủ và nhân quyền trên lục địa này⁷⁰. Trong cuộc điều tra riêng của mình, Hội đồng châu Âu phát hiện Adécbaigian đã trả tiền cho một số cựu nghị sĩ và cả nghị sĩ đương nhiệm để vận động hành lang thay cho họ⁷¹.

“Trạm giặt là Adécbaigian” là một cỗ máy quốc tế. Ở Vương quốc Anh, có một số công ty bình phong từng có vai trò quan trọng

đối với các hoạt động của nó. Chi nhánh Extônia của ngân hàng lớn nhất Đan Mạch, Danske Bank, đã thực hiện các giao dịch quan trọng, đồng thời thực hiện hoạt động rửa tiền đối với hàng tỷ đôla Mỹ bất hợp pháp từ Nga, như đã đề cập ở đầu chương⁷². Ngân hàng của Manta, Pilatus, là một đầu mối quan trọng khác; những nhân vật nổi bật về chính trị ở Adécbaigian chiếm đa số khách hàng của Pilatus⁷³. Một công ty luật ở Anh thành lập một công ty bình phong ở Quần đảo Virgin thuộc Anh để giúp quản lý bất động sản của những người con gái Tổng thống Aliyev. Khi điền vào các biểu mẫu theo quy định, đáng ngạc nhiên là các luật sư đã trả lời “không” cho câu hỏi: Các chủ sở hữu của công ty có bất kỳ mối liên hệ chính trị đáng chú ý nào hay không⁷⁴? Một luật sư người Anh khác thành lập một quỹ tín thác bí mật ở Panama cho gia đình này. Khi bị buộc tội không tuân thủ các quy định hiện hành, ông này tự biện hộ bằng cách nói rằng mình bị “mắc chứng sợ hãi khi mở bất kỳ thư từ nào của chính quyền”⁷⁵.

Một ví dụ khác xuất xứ từ Vênêxuêla chứng minh cách thức những kẻ tham nhũng sử dụng ngân hàng nhằm vươn ra toàn cầu. Năm 2015, Bộ Tài chính Hoa Kỳ đưa ra kết luận chống lại một ngân hàng ở Andôra, tuyên bố ngân hàng này là “mối quan ngại hàng đầu về rửa tiền”. Cùng với việc thực hiện các hoạt động ngân hàng cho tội phạm có tổ chức của Nga, ngân hàng này cũng bị các nhà chức trách Hoa Kỳ cáo buộc rửa tiền đối với hơn 2 tỷ USD từ công ty dầu khí quốc gia Vênêxuêla, PDVSA. Một luật sư người Andôra và một đại diện người Panama bị nghi ngờ đã làm việc với các quan chức cấp cao của Vênêxuêla nhằm thành lập các công ty bình phong ở Panama, Bêlixê và Quần đảo Virgin thuộc Anh, sau đó mở tài khoản ở ngân hàng Andôra⁷⁶. Nhóm người này đã sử dụng các hợp đồng giả mạo và được

định giá quá cao của PDVSA, cũng như những âm mưu giao dịch tiền tệ để tạo ra các khoản tiền rồi sau đó dùng các phương tiện này để rửa tiền. Các công ty dầu khí, trong đó có một số công ty ở Trung Quốc, cũng trả các khoản tiền hối lộ vào những tài khoản này. Thông qua những thủ đoạn toàn cầu hóa kiểu này, ước tính khoảng 3 tỷ USD trong số 15 tỷ USD mà PDVSA chi hằng năm cho các hợp đồng dịch vụ đã được dùng để trả cho các khoản nâng giá và lại quả⁷⁷.

Cần phải có nhiều cuốn sách dày để trình bày chi tiết tất cả các ví dụ về xu hướng này, trong đó có những cách thức mà tất cả các chủ thể người Nigêria, Braxin, Nga và Ănggôla - đã đề cập trong các chương trước - đưa của cải bất chính ra nước ngoài bằng cách sử dụng các công ty bình phong, thiên đường thuế khóa bí mật và tài khoản ngân hàng nước ngoài. Khó có thể cường điệu sự nhất quán của những kẻ tham nhũng trong việc tận dụng các công cụ này.

Các bậc thầy trong âm mưu 1MDB cũng đi theo xu hướng này. Jho Low quyết định thành lập công ty bình phong Good Star ở Quần đảo Xâysen, một thiên đường thuế khóa bí mật nổi tiếng, đòi hỏi rất ít thông tin về những người thành lập công ty⁷⁸. Giám đốc duy nhất của Good Star là một công ty mang tên Smart Power, còn giám đốc duy nhất của Smart Power chính là Jho Low⁷⁹. Bên cạnh sự rắc rối về thuế khóa xuyên biên giới, địa chỉ của Good Star là văn phòng của một nhân viên ngân hàng ở Xingapo, đang làm việc cho ngân hàng RBS Coutts của Thụy Sĩ.

Chính tài khoản RBS Coutts của Good Star đã nhận được số tiền chuyển khoản trị giá 700 triệu USD và 330 triệu USD trong số tiền của 1MDB. Nhưng Xingapo chỉ là điểm dừng chân đầu tiên của hành trình chu du khắp thế giới của các khoản tiền này:

24 triệu USD được chuyển từ Xingapo vào một tài khoản ngân hàng của Arập Xêút do hai cộng sự người Arập Xêút của Jho Low kiểm soát; 20 triệu USD được chuyển đến tài khoản ở Malaixia của Thủ tướng Najib; 30 triệu USD được chuyển đến một tài khoản tại Ngân hàng Standard Chartered ở Vương quốc Anh nằm dưới quyền kiểm soát của một cộng sự nổi tiếng của Jho Low. Một số khác sau đó đã tìm được đường vào tài khoản ngân hàng Thụy Sĩ của một công ty bình phong do một quan chức 1MDB kiểm soát.

Jho Low đã gửi khoảng 368 triệu USD vào một tài khoản của công ty luật Shearman & Sterling LLP, có trụ sở tại Thành phố New York⁸⁰, anh ta dường như biết rõ rằng các công ty luật không phải tuân theo các quy tắc rửa tiền nghiêm ngặt như các ngân hàng. Sau đó, anh ta đã chuyển thêm 389 triệu USD vào tài khoản Xingapo mang tên “Abu Dhabi Kuwait Malaysia Investment Corp” ở một ngân hàng Thụy Sĩ. Mặc dù có cái tên đa quốc gia như thế, nhưng chỉ một mình Jho Low là người thụ hưởng.

Theo báo cáo của Bộ Tư pháp Hoa Kỳ, Blackstone Asia Real Estate Partners là một điểm trung chuyển lớn khác với khoảng 1,1 tỷ USD lấy cắp từ 1MDB được chuyển qua các tài khoản của công ty này. Bộ Tư pháp Hoa Kỳ gọi công ty này là “công ty bình phong được tạo ra với mục đích duy trì tài khoản ngân hàng để chuyển những khoản tiền đi chệch hướng”⁸¹. Thật vậy, công ty này có nhiều biểu hiện kinh điển của một công ty bình phong: trụ sở tại Quần đảo Virgin thuộc Anh; tài khoản thiếu những bằng chứng về các giao dịch kinh doanh bình thường, như bảng lương hoặc các khoản thanh toán cho nhà cung cấp; chuyển tiền thông qua những vụ trao đổi tiền khó theo dõi và tránh các ngân hàng lớn; và tên của nó tương tự như tên của Blackstone Group,

một trong những công ty quản lý tài sản lớn nhất thế giới nhằm làm cho nó có vẻ hợp pháp.

Blackstone Asia không nhận tiền gửi trực tiếp từ 1MDB. Ví dụ, năm 2012, công ty bình phong Aabar-BVI gửi khoảng 460 triệu USD vào tài khoản ngân hàng của hai công ty đầu tư nhỏ ở Curaçao, sau đó chuyển tiền cho Blackstone Asia. Bộ Tư pháp Hoa Kỳ giải thích những biện pháp được Blackstone Asia sử dụng sau đó để chuyển tiền vào các tài khoản của một số đồng phạm: 472 triệu USD được chuyển vào tài khoản ở Lúcxambua của Al Qubaisi; 66 triệu USD được chuyển đến một tài khoản ở Đức của công ty bình phong thuộc quyền sở hữu của Al Hussein; 30 triệu USD được chuyển vào tài khoản AmBank ở Malaixia của Thủ tướng Najib; và 5 triệu USD được chuyển vào tài khoản của cố vấn trưởng của 1MDB ở Thụy Sĩ⁸².

Giao dịch gây tranh cãi nhất trong toàn bộ vụ bê bối 1MDB liên quan đến Tanore Finance Corporation, một công ty bình phong có trụ sở tại Quần đảo Virgin thuộc Anh. Năm 2013, 1MDB gửi 1,6 tỷ USD vào tài khoản của ba quỹ đầu tư hải ngoại: một quỹ nằm ở Quần đảo Virgin thuộc Anh và hai quỹ ở Curaçao đã sử dụng từ năm trước đó. Sau đó, ba quỹ này đã chuyển 835 triệu USD vào một tài khoản ngân hàng Xingapo do Tanore nắm giữ. Theo Bộ Tư pháp Hoa Kỳ và các nguồn chứng thực khác, 681 triệu USD được đưa khỏi tài khoản Tanore và chuyển vào một tài khoản ngân hàng bí mật của Thủ tướng Najib mà Jho Low đã mở trước đó vài năm⁸³. Cho đến nay, vụ chuyển tiền năm 2013 là khoản tiền lớn nhất mà nhà lãnh đạo Malaixia nhận được từ âm mưu ở 1MDB. Vài tháng sau - vẫn chưa hiểu rõ lý do vì sao - 620 triệu USD đã được rút ra từ tài khoản của Najib và trả về tài khoản của Tanore⁸⁴. Sau đó, Low đã dùng một số trong

khoản tiền được trả lại này để mua mặt dây chuyền bằng kim cương hồng 22 carat và tặng cho Đệ nhất Phu nhân Malaixia - có lẽ là một món quà an ủi.

Khi 681 triệu USD trong tài khoản ngân hàng được công chúng biết, phần nộ và biểu tình phản đối nổ ra trên khắp Malaixia. Sau vài tháng phủ nhận và che giấu, cuối cùng, Najib tuyên bố rằng đây là quà tặng của Hoàng gia Ả-rập Xê-út. Tổng Chương lý Malaixia đã xác nhận chuyện này và chứng minh rằng Thủ tướng không làm gì sai. Bộ trưởng Ngoại giao Ả-rập Xê-út cũng chống lưng cho kịch bản này với tuyên bố: “đó là quà tặng chân thành mà không kỳ vọng đền đáp”⁸⁵.

Cùng với Good Star, Blackstone Asia và Tanore, đơn kiện của Bộ Tư pháp Hoa Kỳ còn liệt kê hơn 100 công ty bình phong tham gia bằng cách này hay cách khác trong những vụ giao dịch của 1MDB. Trong vụ này, Quần đảo Cayman và Quần đảo Virgin thuộc Anh dường như là các khu vực pháp lý được người ta ưa chuộng, nhưng còn có các công ty bình phong then chốt khác có trụ sở ở Abu Dhabi, Hồng Kông, Lúcxăm-bua, Quần đảo Xâysen và một số bang của Hoa Kỳ, trong đó có Delaware, New York và Nevada. Vì cuộc điều tra của Bộ Tư pháp Hoa Kỳ chỉ tập trung vào những tài sản được đưa vào Hoa Kỳ, nên đây có thể là danh sách không đầy đủ. Ở mỗi khu vực tài phán, luật pháp địa phương bảo vệ bí mật tài chính đã giúp thực hiện âm mưu này.

Đơn kiện và các vụ điều tra khác cũng nêu tên một loạt các ngân hàng để dòng tiền bất hợp pháp chảy vào tài khoản của mình, bao gồm các ngân hàng có trụ sở ở Đức, Hồng Kông, Lúcxăm-bua, Malaixia, Ả-rập Xê-út, Xingapo, Thụy Sĩ và Hoa Kỳ. Hầu hết các ngân hàng đều phải tuân thủ luật lệ ngăn chặn rửa tiền. Một số ngân hàng liên quan đến vụ bê bối 1MDB đã bị phạt

vì không chú ý thực hiện trách nhiệm này. RBS Coutts, ngân hàng nắm giữ tài khoản của Good Star là một ví dụ. RBS đã bán chi nhánh Coutts vào năm 2015. Năm sau, chính quyền Xingapo và Thụy Sĩ phạt Coutts hàng triệu đôla Mỹ vì không thực hiện các tiêu chuẩn chống rửa tiền trong vụ 1MDB⁸⁶.

Chi nhánh ở Xingapo của ngân hàng Thụy Sĩ, BSI cũng được Jho Low và các cộng sự ưa chuộng. Năm 2012, Jho Low thậm chí còn mua vé máy bay tới Los Angeles cho một nhân viên ngân hàng BSI, rồi đưa đến khách sạn mà anh ta đã mua bằng tiền đánh cắp được từ 1MDB và thảo luận về cách thức hoạt động của một số giao dịch sắp tới. Chính quyền Xingapo đã phạt và bỏ tù ba nhân viên ngân hàng BSI vì tiếp tay cho vụ tham nhũng ở 1MDB, gọi đây là “trường hợp sai sót tồi tệ nhất và hành vi sai trái nghiêm trọng nhất mà chúng ta từng chứng kiến trong lĩnh vực tài chính Xingapo”⁸⁷. Chính quyền cũng ra lệnh cho BSI và một ngân hàng khác là Falcon đóng cửa các chi nhánh ở Xingapo, đưa một cựu giám đốc tư vấn về tài sản của BSI vào tù và phạt một số ngân hàng lớn hơn, trong đó có UBS và Standard Chartered vì đã bỏ qua các dấu hiệu cảnh báo và chấp thuận các giao dịch không phù hợp của 1MDB⁸⁸.

Các kiểm toán viên của 1MDB là nhóm tác nhân quốc tế khác có thể tuyệt còi khi phát hiện hành vi tài chính khinh suất. Hồ sơ cho thấy các kiểm toán viên có thể không hợp tác như các ông chủ 1MDB mong muốn, đó là một dấu hiệu tốt. Nhanh chóng tìm được biện pháp thông qua các công ty kiểm toán “Big4”, năm 2010, 1MDB sa thải Ernst & Young, không cho tiếp tục làm kiểm toán; năm 2014, họ sa thải KPMG; và sau đó, năm 2016, họ sa thải Deloitte⁸⁹. Ernst & Young mất việc sau khi họ đặt ra quá nhiều câu hỏi phiền phức về giá trị của liên doanh PetroSaudi. Công ty thế

chỗ cho Ernst & Young, KPMG, đã ký các báo cáo của quỹ này trong giai đoạn 2010-2012 trên cơ sở các thông tin có những điều dối trá do 1MDB cung cấp và định giá tài sản bởi các chuyên gia bên ngoài đã nhận hối lộ. Mặc dù cảm thấy lo lắng trước những điều đã nhận thấy, nhưng KPMG vẫn thông qua báo cáo sau khi nhận được sự bảo đảm rằng cả 2 chính phủ đều tán thành thỏa thuận - bằng chứng mà các ông chủ của PetroSaudi và Jho Low đã thu thập được⁹⁰.

Vài năm sau, KPMG cũng bị sa thải sau khi các quan chức của 1MDB không chịu cung cấp cho họ thông tin về khối tài sản lớn mà 1MDB tuyên bố đang nắm giữ ở Quần đảo Cayman. Deloitte đã thế chân và đồng ý chuẩn bị báo cáo tài chính năm 2013-2014 cho 1MDB sau khi nhận được thêm hồ sơ do Aabar cung cấp. Deloitte chỉ rút lui sau khi Bộ Tư pháp Hoa Kỳ đưa ra tuyên bố, gọi đích danh tên Deloitte và chỉ trích việc họ sẵn sàng thông qua các báo cáo dù có những dấu hiệu cảnh báo nghiêm trọng⁹¹. Đây là một thành tích nửa vời: các công ty kiểm toán đã thông qua báo cáo của 1MDB vào những năm mà tình trạng tham nhũng diễn ra tràn lan, nhưng họ cũng phát hiện được những mảnh khóe không thể bỏ qua.

Phần 3: Tiêu tiền

“Giới đạo tặc trị có mối quan hệ kỳ lạ với chế độ pháp quyền: ở trong nước thì tỏ ra khinh thường và phá hoại, nhưng lại tha thiết muốn đưa của cải của mình tới những quốc gia mà quyền sở hữu được bảo vệ một cách vững chắc và luật pháp hiệu quả”, J.C. Sharman đã đưa ra nhận định này trong cuốn sách *The Despot's Guide to Wealth Management* (tạm dịch: Hướng dẫn quản lý tài sản

của bạo chúa), xuất bản năm 2017⁹². Thật vậy, một khi các khoản tiền ăn cắp được “rửa sạch” ở nước ngoài, chúng thường được sử dụng để mua tài sản ở các quốc gia giàu có và ổn định. Việc làm này có nhiều mục đích. Các thị trường như ở Bắc Mỹ và châu Âu là những địa điểm an toàn để giữ tiền. Không giống như các nước sản xuất dầu mỏ, Bắc Mỹ và châu Âu có nền chính trị, tiền tệ và chế độ pháp lý ổn định. Những khoản đầu tư này còn tạo ra nơi trú ẩn an toàn cho những kẻ có chức có quyền và gia đình họ. Họ có thể rút về những biệt thự nguy nga tráng lệ của mình ở nước ngoài, cho con đi học ở những trường danh giá của nước ngoài và tiếp cận với dịch vụ y tế hàng đầu thế giới. Tiền bạc còn có thể mua được ảnh hưởng và thanh thế, đặc biệt là khi đầu tư vào các công ty hợp pháp, các đội thể thao chuyên nghiệp và tài trợ cho các trường đại học. Cuối cùng, những khoản đầu tư này giúp những kẻ tham nhũng tiếp cận với giới tinh hoa chính trị trên thế giới hoặc những người nổi tiếng tùy theo sở thích của từng người.

Bất động sản có thể là tài sản được giới đạo tặc trị và những kẻ cùng phe cánh với họ ưa thích, và London là nơi được ưa chuộng nhất. Năm 2016, một nhóm các nhà báo và công dân quan tâm đã chen chúc nhau trên một chiếc xe buýt để tham dự chuyến tham quan chưa từng có của London mang tên “Kleptocrazy Tour” (Chuyến thăm đạo tặc trị). Được tài trợ bởi một nhóm bài trừ tham nhũng, chuyến tham quan đi qua những khu vực sang trọng nhất London trong khi các chuyên gia giới thiệu những bất động sản mà khách tham quan quan tâm. Bên bờ sông Thames là Whitehall Court, tòa nhà của Phó Thủ tướng Nga được cho là có giá trị gấp 100 lần lương của ông ta⁹³. Tiếp theo, ở Knightsbridge, đoàn tham quan dừng lại trước 1 Hyde Park,

những người sống ở đây được bảo vệ bởi các nhân viên được huấn luyện đặc biệt, có kính chống đạn, xe ô tô của họ được vận chuyển bằng thang máy. 64 trong số 76 ngôi nhà được bán là của các công ty bình phong ẩn danh, trong đó, một số có liên quan tới những người có quyền thế ở các nước có nhiều dầu mỏ⁹⁴. Trong những chuyến tham quan sau, xe buýt dừng lại trước tài sản của cựu Bộ trưởng Dầu mỏ Nigieria, do người bạn trung thành mua cho bà ta, như đã đề cập trong Chương 3.

Tổ chức Minh bạch quốc tế đã sử dụng các tài liệu công khai để xác định được số tài sản ở London trị giá 5,6 tỷ USD do các chính trị gia và các quan chức mua bằng những đồng tiền đáng ngờ. Nhưng vì việc mua những tài sản này phần lớn đều được thực hiện bởi các công ty bình phong ẩn danh, dường như đây chỉ là phần nổi của tảng băng. Họ còn xác định được 44.022 mảnh đất ở London thuộc quyền sở hữu của các công ty nước ngoài, 91% trong số đó được đăng ký tại các thiên đường thuế khóa bí mật. Một lần nữa, con số này dường như còn rất xa so với thực tế⁹⁵. Mua bán nhà chup giat như thế gây ảnh hưởng rất tiêu cực tới thị trường nhà ở cho người có thu nhập trung bình. Trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ, giá bất động sản ở London tăng chóng mặt, một phần là do những người mua từ Nga, vùng Vịnh Ba Tư, Nigieria và Cadăcxtan tràn vào. Suy ngẫm về thành phần siêu giàu mới ở London sau cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008, một người môi giới bất động sản nhận xét: “Tôi không thể nhớ lần cuối cùng tôi bán cho chủ ngân hàng là khi nào. Khó mà cạnh tranh với người Nga, người Cadăcxtan. Tất cả bọn họ đều làm dầu khí - đó là công việc của họ”⁹⁶.

London không phải là duy nhất. Trong một cuộc điều tra vào năm 2015, tờ *New York Times* phát hiện được danh tính đằng sau những công ty bình phong làm chủ các căn hộ ở Time Warner

Center, một cao ốc nằm đối diện (Central Park). Trong đó có ít nhất 16 người nước ngoài, từng là đối tượng điều tra của chính phủ, bao gồm một số hành vi tham nhũng. Một số khác là các quan chức chính phủ hoặc những kẻ cùng phe cánh với họ từ Nga, Côlômbia, Trung Quốc, Cadăcxtan và Mêhicô, cũng như anh bạn Jho Low từ 1MDB⁹⁷.

Các căn hộ trong những tòa nhà thuộc quyền sở hữu của Tổng thống Donald Trump cũng được bán cho các công ty bình phong ẩn danh. Trong 2 năm trước khi đắc cử, chỉ có 4% doanh thu của Trump được chuyển đến các công ty bình phong. Sau khi lên làm Tổng thống, tỷ lệ này đã nhảy vọt lên 70%, khiến chúng ta khó mà biết được người trong nước hay nước ngoài đang đầu tư vào doanh nghiệp gia đình của vị Tổng thống này⁹⁸.

Chính phủ Pháp đã tịch thu toàn bộ tòa nhà 101 phòng ở Paris trị giá khoảng 180 triệu USD của con trai nhà độc tài ở đất nước Ghinê Xích đạo nhiều dầu mỏ. Các cuộc điều tra khác cho thấy Tổng thống Gabông sở hữu 33 ngôi nhà ở Paris và 70 tài khoản ở các ngân hàng của Pháp, trong khi gia đình Tổng thống Cộng hòa Cônggô có 16 tòa nhà và 111 tài khoản ngân hàng ở Pháp⁹⁹. Boris và Arkady Rotenberg, 2 trong số những ông trùm yêu thích của Putin, đã giới thiệu trong Chương 3, mua những tòa nhà sang trọng ở Rome, Sardinia và French Riviera, mặc dù các biện pháp trừng phạt gần đây làm cho họ khó tận hưởng cuộc sống an nhàn ở Địa Trung Hải¹⁰⁰. Gia đình Tổng thống Adécbaigian là một trong những đồng sở hữu khách sạn Sofitel và hơn 30 biệt thự trên những hòn đảo nhân tạo dành riêng cho giới tinh hoa của Dubai, một trong những địa điểm được nhiều người ưa chuộng khi cần chuyển của cải do vụ bùng nổ dầu mỏ mang lại¹⁰¹.

Jho Low và những đồng phạm trong vụ 1MDB của anh ta hướng phần lớn các khoản chi tiêu của họ vào Hoa Kỳ. Anh ta tổ chức những bữa tiệc cực kỳ hoành tráng. Vào dịp sinh nhật lần thứ 31 của mình, anh ta đã tổ chức một trong những bữa tiệc công phu nhất mà Las Vegas từng thấy. Anh ta bay tới đây cùng nhiều đồng phạm trong vụ 1MDB, có người từ ngân hàng Goldman Sachs, có người từ công ty PetroSaudi và có cả người từ Abu Dhabi. Trong cuốn sách viết về Jho Low, Wright và Hope mô tả chi tiết cảnh hội hè đình đám này. Sau khi ký thỏa thuận không tiết lộ, các khách mời của anh ta được tận hưởng vòng đu quay, vòng quay ngựa gỗ, phòng hút xì gà và được thưởng thức các màn trình diễn của Pharrell, Chris Brown và Psy, cũng như các vũ công, những nghệ sĩ nhào lộn và khoảng 20 người lùn mặc quần áo như Oompa-Loompas. Cao trào của dạ tiệc là khi Britney Spears bật ra khỏi chiếc bánh sinh nhật và hát tặng Jho Low bài “Happy Birthday”. Quà tặng là một chiếc Lamborghini, một chiếc Bugatti và nhiều mô tô. Robin Leach, người từng dẫn chương trình *Lifestyles of the Rich and Famous* (tạm dịch: Phong cách sống của những người giàu có và nổi tiếng), cũng tham dự dạ tiệc này và gọi đó là “dạ tiệc thượng đẳng”¹⁰².

Trong một dịp khác, Jho Low tham gia cuộc đua du thuyền hằng năm gọi là “bottle parade” tại một sự kiện du thuyền ở Saint-Tropez. Như Wright và Hope mô tả, Jho Low cạnh tranh với Winston Fischer, là gia đình vốn nổi tiếng trong lĩnh vực bất động sản ở New York, xem ai có thể chi nhiều nhất để mua sâm panh hiệu Cristal. Jho Low đã thắng với hóa đơn trị giá 2 triệu USD; một số chai được Paris Hilton và những người bạn khác tham gia cùng anh ta đem đó bật nắp khiến bọt văng ra tung tóe để mua vui¹⁰³. Trong những dịp khác, anh ta chi hàng triệu đôla Mỹ cho một đêm đánh bạc, thường là với Leonardo DiCaprio và

những người bạn thân khác. Có năm, Jho Low đưa Jamie Foxx và một số người bạn đến Ôxtrâyliia để đón năm mới, rồi bay đến California để đón năm mới lại một lần nữa sau đó vài giờ. Chi tiêu tùy hứng như thế đã trở thành điều bình thường đối với Jho Low. Một người bạn của anh ta từng thốt lên: “Anh ấy là người chi tiêu hoành tráng nhất mà tôi từng gặp trong đời. Mọi thứ đều nằm trong tầm tay của anh ấy”¹⁰⁴.

Ngay sau khi thu được thành công trong vụ làm ăn với PetroSaudi, Jho Low có nhiều hơn số tiền mà anh ta có thể chi cho giải trí và những chuyến du lịch hào nhoáng. Phần lớn thu nhập bất chính của anh ta cũng được đưa vào bất động sản.

Chắc hẳn bạn đọc còn nhớ các công ty bình phong Tanore và Granton, những công ty đã nhận được tiền bán trái phiếu của 1MDB? Năm 2013, khoảng 218 triệu USD được chuyển đi từ tài khoản của Tanore và Granton, đồng thời thông qua một số trung gian không có mục đích kinh doanh rõ ràng, số tiền này được chuyển đến tài khoản do Jho Low nắm giữ ở DLA Piper, một công ty luật có uy tín ở Hoa Kỳ¹⁰⁵. Công ty luật này cũng nhận được 135 triệu USD từ một quỹ đầu tư hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của chính phủ Abu Dhabi để đầu tư vào những giao dịch bất động sản cùng với Jho Low. Cả 2 khoản tiền cuối cùng được dùng để mua khách sạn Park Lane trị giá 654 triệu USD của một chủ khách sạn khét tiếng ở New York và “nữ hoàng xấu tính” Leona Helmsley¹⁰⁶.

Nhóm 1MDB còn mua bất động sản ở New York, California và London. Số tiền từ tài khoản của Good Star được dùng để mua một căn hộ trị giá 30 triệu USD trong tòa nhà Time Warner mà Jay-Z và Beyoncé từng thuê trước đó với giá 40.000 USD/tháng. Jho Low đã mua khách sạn Viceroy L’Ermitage ở Beverley Hills

trị giá 44 triệu USD - một điểm dừng chân cao cấp với 116 căn hộ và một hồ bơi trên tầng thượng. Một trong những vụ mua lại khác là một biệt thự ở Beverley Hills có hồ bơi dài 120m, 10 phòng tắm, trong nhà có một kim tự tháp bằng vàng được bao quanh bởi hồ nước phản chiếu.

Jho Low và những người khác đã mua nhiều bất động sản ở Hoa Kỳ, thông qua các công ty trách nhiệm hữu hạn (LLC) đăng ký tại quốc gia này. Đây là một thủ đoạn thường thấy, tạo điều kiện cho họ giữ không để tên của mình xuất hiện trên giấy tờ mua bán. Vào thời điểm 1MDB mua, các giao dịch mua bất động sản ở Hoa Kỳ có thể tiến hành theo lối ẩn danh, miễn là không liên quan đến thế chấp. Các bên không có nghĩa vụ xác minh danh tính của người mua hoặc người bán hay đánh giá giao dịch để phát hiện những rủi ro rửa tiền. Do đó, các đại lý bất động sản, đại lý xác minh quyền sở hữu, luật sư và những người khác không có lý do gì để tiến hành thẩm định khách hàng của mình¹⁰⁷. Vì vậy, các đại lý vui vẻ tiếp nhận công việc và đòi những khoản phí khổng lồ. Ví dụ, công ty môi giới Douglas Elliman thu được 1,2 triệu USD vì thu xếp được vụ mua bán căn hộ trong tòa nhà Time Warner¹⁰⁸.

Cũng như ở Vương quốc Anh và các khu vực pháp lý khác, những khoản tiền bất hợp pháp không gặp nhiều trở ngại khi tiếp cận bất động sản ở Hoa Kỳ. Năm 2016, lo ngại về tình trạng này, Bộ Tài chính Hoa Kỳ đã khởi động một chương trình thí điểm, yêu cầu các công ty bình phong mua bất động sản đắt tiền bằng tiền mặt phải tiết lộ danh tính cho chính quyền. Chương trình này đã hoạt động trong vài tháng ở các thành phố mà những người giàu có ngoại quốc ưa thích, trong đó có New York, Los Angeles, Miami và San Francisco. Trong thời gian thí điểm này, 30% số giao dịch mua bất động sản được điều chỉnh bởi luật lệ mới liên quan

đến một người mua từng bị coi là đối tượng của “báo cáo hoạt động đáng ngờ”. Điều này càng làm dấy lên mối lo ngại rằng các trùm ma túy, bọn buôn người, đạo tặc trị và những kẻ lừa đảo khác đang chuyển đến sống ngay bên cạnh chúng ta¹⁰⁹.

Bất động sản không phải là biện pháp cất giấu tiền duy nhất ở nước ngoài. Trong những năm làm cho 1MDB, Jho Low đã trở thành một nhà sưu tập nghệ thuật có tiếng. Trong bộ sưu tập của anh ta có cả *Dustheads*, tác phẩm của họa sĩ tranh tường người Mỹ, Jean-Michel Basquiat. Năm 2013, công ty bình phong Tanore mua bức tranh này với giá 49 triệu USD tại một cuộc đấu giá do Christie’s tổ chức, sau đó đem “tặng” Jho Low¹¹⁰. Cũng trong năm 2013, Jho Low còn mua tác phẩm *Tête de femme* của Picasso tại cuộc đấu giá của Sotheby’s với giá 39 triệu USD. Trong số những bức tranh mà Jho Low liên tục mua còn có 2 bức của Calder, 2 bức của Monets, 1 bức của Rothko, 1 bức của Van Gogh, 1 bức của Warhol, 1 bức của Lichtenstein và nhiều tác phẩm khác. Có thời điểm người ta nói rằng bộ sưu tập của anh ta lên tới 350 triệu USD¹¹¹.

Năm 2014, Jho Low dùng một số kiệt tác này để vay 107 triệu USD của Sotheby’s. Đây là một phần trong bộ công cụ rộng lớn mà anh ta sử dụng để di chuyển, che giấu và huy động tiền. Trong quá trình chuẩn bị cho vụ làm ăn, một đại diện của Sotheby’s đã viết thư để cập nhật tình hình cho các đồng nghiệp; nội dung bức thư làm người ta nghi ngờ về hệ thống thẩm định nội bộ của Sotheby’s:

Tôi chỉ muốn cập nhật tin tức về cơ hội cho vay lớn. [Người vay] không muốn chúng ta dùng tên của anh ta khi chúng ta trao đổi, anh ta muốn được gọi là “khách hàng” và chúng ta sẽ gọi giao dịch này là dự án Cheetah (ám chỉ tốc độ mà chúng ta phải

cố gắng tiến hành). Bảo mật là điều tối quan trọng đối với anh ta. Tôi đã nói qua điện thoại nhiều lần với anh ta và các luật sư của anh ta về cơ chế, vì anh ta rất có thể sẽ muốn sử dụng pháp nhân Cayman/BVI làm người vay, nhưng vẫn giữ quyền sở hữu và thế chấp tác phẩm nghệ thuật cho khoản nợ của công ty, cộng với bảo lãnh của cá nhân. Mặc dù anh ta không tự nói với tôi, nhưng các luật sư của anh ta cho biết anh ta đang dùng khoản tiền này để mua một du thuyền¹¹².

Theo các phương tiện truyền thông, Sotheby's nói với các nhà điều tra rằng Jho Low đã trả khoản vay và tuyên bố rằng họ “luôn hợp tác với các cuộc điều tra của chính phủ”¹¹³.

Thị hiếu của Jho Low và nhu cầu chuyển lượng tiền lớn đã đưa anh ta đến tất cả các ngõ ngách của thị trường xa xỉ phẩm. Anh ta mua một du thuyền *Equanimity* trị giá 250 triệu USD và thường chiêu đãi bạn bè trên du thuyền này, và một máy bay riêng trị giá 35 triệu USD. Số tiền từ 1MDB cũng được dùng để mua những viên kim cương lớn và các món đồ trang sức khác cho mẹ anh ta, cho siêu mẫu Miranda Kerr - bạn gái của anh ta, và cho Đệ nhất Phu nhân Malaixia. Cũng như trên thị trường nghệ thuật, anh ta tận dụng lợi thế của việc dễ dàng chuyển tiền thông qua những vụ bán đồ trang sức. Anh ta đã mua đồ trang sức với tổng trị giá 200 triệu USD trong vòng chỉ hơn một năm¹¹⁴.

Các khoản đầu tư khác của Jho Low và các cộng sự đã cho thấy cách thức những khoản tiền bị đánh cắp xâm nhập các doanh nghiệp hợp pháp của nước ngoài. Bộ phim *Sói già Phố Wall* được sản xuất năm 2013 có sự tham gia của Leonardo DiCaprio trong vai một nhà tài phiệt cực kỳ thành công, trở nên quá giàu nhờ những thủ đoạn phi đạo đức và có lối sống lãng phí đến mức bệnh hoạn. Trong một trường đoạn đầy mỉa mai

về cuộc đời bất chước nghệ thuật, chính những người siêu giàu nhờ các thủ đoạn phi đạo đức và lối sống có rất nhiều điểm chung với những nhân vật được miêu tả trên phim đã tài trợ một phần cho bộ phim này.

Năm 2012, Aabar-BVI chuyển 238 triệu USD cho Red Granite Capital Limited, một công ty tại Quần đảo Virgin thuộc Anh thuộc quyền sở hữu của Riza Aziz, con riêng của Thủ tướng Malaixia và là bạn của Jho Low. Nhằm giúp biện minh cho những giao dịch này, Al Hussein đã cung cấp một bức thư khẳng định những khoản tiền chuyển từ Aabar-BVI chỉ là món quà hậu hĩnh dành cho Aziz, thực sự là một “khoản tiền chuyển không có lý do, một cử chỉ hào phóng vô tư và không vụ lợi, trên cơ sở quan hệ cá nhân thân thiết của chúng tôi”¹¹⁵.

Aziz lấy 64 triệu USD từ khoản tiền này và chuyển cho công ty của ông ta là Red Granite Pictures, có trụ sở tại Hoa Kỳ và cũng là công ty sản xuất bộ phim vừa kể trên; công ty này còn nhận thêm 10 triệu USD từ tài khoản của Good Star. Từ những khoản tiền này, Red Granite chi hơn 60 triệu USD để sản xuất bộ phim *Sói già Phố Wall*. Với sự ủng hộ của mình, Jho Low đã nhận được một lời cảm ơn đặc biệt trong phần kết của bộ phim. Khi phát biểu nhận giải Quả cầu vàng cho vai diễn chính, DiCaprio đã gọi những người cộng tác với mình là “Riz và Jho”¹¹⁶. Red Granite Pictures cũng đã chi hàng triệu đôla Mỹ từ tiền của Aabar-BVI để tài trợ cho bộ phim *Siêu ngốc gặp nhau* (Dumb and Dumber To) và bộ phim *Bố ngoan, bố hư* (Daddy's Home) của Mark Walberg và Will Ferrell. Aziz phủ nhận mọi tội lỗi và nói rằng không hề biết về các giao dịch của 1MDB¹¹⁷.

Tại Liên hoan phim Cannes năm 2011, ngay sau khi tuyên bố sẽ sản xuất bộ phim *Sói già Phố Wall*, Red Granite của Aziz đã

tổ chức một bữa tiệc hoành tráng để thông báo về sự xuất hiện của mình. Kanye West và Jamie Foxx biểu diễn, còn các khách mời, trong đó có Bradley Cooper, Kate Upton và DiCaprio, đều là những người thường xuyên tham dự các buổi tiệc do 1MDB tài trợ. Một khách mời đặc biệt khác được Red Granite mời tới tham dự sự kiện này bằng máy bay, đó là Jordan Belfort, nhà tài chính bị mọi người ghét bỏ - kịch bản phim được xây dựng trên cơ sở cuốn hồi ký của ông này. Sau khi nhận tội gian lận chứng khoán và rửa tiền, Belfort đã phải ngồi tù 22 tháng - một trải nghiệm mà ông ta mô tả là “hoàn toàn thoải mái”¹¹⁸. Năm 2011, ông ta được thả tự do và tự làm mới bản thân bằng cách trở thành một diễn giả truyền cảm hứng.

Có vẻ như việc Belfort từng sống trong dư dả do lừa đảo mà có đã khiến ông ta là người duy nhất có đủ khả năng đánh hơi thấy sự xấu xa của 1MDB. Năm 2017, trả lời phỏng vấn về bữa tiệc này, ông ta giải thích:

Họ đã đưa tôi đến Cannes 4 hoặc 5 tháng sau khi họ mua bộ phim này và họ muốn công bố ở Cannes. Thậm chí, bộ phim còn chưa được bấm máy mà họ đã tổ chức một bữa tiệc ra mắt. Chắc chắn là họ đã chi 3 triệu USD cho bữa tiệc ra mắt này. Họ mua vé máy bay cho Kanye West, và tôi nói với Anne [bạn gái của anh ta], “đây là trò lừa đảo vô cùng bất lương, bất cứ người nào làm vụ này thì đều đã đánh cắp được tiền”. Bạn sẽ không tiêu số tiền mà bạn phải làm việc mới có theo kiểu đó... Tôi đã rút ra được bài học của mình. Tất cả đều là Red Granite. Họ tìm cách đưa tôi tiền và tặng quà cáp cho tôi, tôi thậm chí chưa bao giờ nói chuyện với những người này. Tôi nghĩ: “Mình không cần những kẻ như thế này”. Tôi biết, rõ ràng quá mà¹¹⁹.

Trong khi Aziz đưa những đồng tiền đánh cắp được vào Hollywood, thì Jho Low bận xâm nhập các lĩnh vực khác. Anh ta rút 143 triệu USD từ tài khoản Good Star để đầu tư vào Electrum, một công ty cổ phần tư nhân chuyên khai thác khoáng sản, dầu mỏ và khí đốt. Anh ta đưa những món tiền khác của Good Star qua một số công ty bình phong trước khi đầu tư hơn 100 triệu USD để mua cổ phần trong EMI Music Publishing Group - công ty sản xuất âm nhạc lớn thứ ba thế giới và là chủ sở hữu sản phẩm âm nhạc của Beatles và Beach Boys¹²⁰. Obaid, một trong những đồng phạm người Ả-rập Xê-út đã đầu tư vào Palantir Technologies, một công ty phần mềm và phân tích dữ liệu có trụ sở tại Thung lũng Silicon. Tất cả những công ty này đều bị liên lụy trong những vụ kiện liên quan đến vụ án 1MDB.

1MDB đã làm vấy bẩn cả một số doanh nghiệp ở bên ngoài Malaixia, tạo ra những thách thức lớn cho các công ty đó và những nhà đầu tư của họ. Điều này phản ánh một xu hướng rộng lớn hơn. Xuất hiện những câu hỏi đầu đầu liên quan đến các khoản đầu tư của tỷ phú Isabel dos Santos - con gái của nhà cựu độc tài Ănggôla - vào các công ty viễn thông và năng lượng chủ chốt ở Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha. Các ông trùm người Nga liên kết chặt chẽ với nhà cầm quyền Nga quản lý các công ty có hoạt động quy mô lớn trên phạm vi toàn cầu, ví dụ như công ty dầu khí Novatek mà Gennady Timchenko nắm giữ một phần sở hữu. Như đã trình bày trong Chương 1, Tổng thống Trump đã bán thương hiệu của mình cho một khách sạn ở Adébaigian, do một trong những ông trùm chính trị hàng đầu của đất nước này tài trợ. Khối tài sản khổng lồ mà nhiều kẻ tham nhũng tiếp cận được đã lôi kéo và khiến các doanh nghiệp trên toàn thế giới mắc bẫy.

Nhiều kẻ trợ giúp cũng sẵn lòng nhận tiền của 1MDB và không nhìn thấy hoặc làm ngơ trước nguồn gốc thiếu minh bạch

của những đồng tiền này. Trong một số trường hợp, tương tự như các giao dịch bất động sản, người bán và đại lý chỉ phải đối mặt với những yêu cầu khá dễ dãi khi cần kiểm tra danh tính của người mua. Họ dễ dàng bán tài sản để thành lập ngay các công ty trách nhiệm hữu hạn mà không cần đặt câu hỏi về việc ai đứng sau vụ mua bán và làm thế nào mà họ có tiền. Các sòng bạc, những tay buôn bán tác phẩm nghệ thuật và những người bán du thuyền, máy bay và đồ trang sức cũng thường hành xử theo cách tương tự.

Một số công ty luật của Hoa Kỳ đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong âm mưu của 1MDB, nhưng họ không bị cáo buộc về bất kỳ tội danh nào và dường như không gặp bất kỳ hậu quả nào. Luật sư không phải thực hiện những hình thức kiểm tra chống rửa tiền như ngân hàng, đây là sơ hở mà Jho Low và các cộng sự của anh ta tìm cách tận dụng triệt để¹²¹. Như đã đề cập, công ty DLA Piper nổi tiếng đã nắm giữ những tài khoản mà Jho Low sử dụng để chuyển hơn 200 triệu USD, và công ty này đã giúp thu xếp việc mua một số bất động sản, trong đó có khách sạn Park Lane¹²². Hồ sơ của Bộ Tư pháp Hoa Kỳ cũng tiết lộ rằng, công ty Shearman & Sterling sở hữu một tài khoản từng nhận 368 triệu USD từ Good Star, và Jho Low cung cấp cho công ty này thông tin về việc phải trả tiền cho ai, trong đó có sòng bạc Vegas, các thành viên trong gia đình anh ta và một số nhà cung cấp những mặt hàng xa xỉ khác nhau. Một công ty hàng đầu khác là Sullivan & Cromwell, đại diện cho những tổ chức liên quan đến việc mua những ngôi biệt thự ở Los Angeles và các giao dịch khác, được thực hiện nhân danh Riza Aziz hoặc “khách hàng 37965” trong hồ sơ của công ty này¹²³. Công ty Crow & Dunleavy ở Oklahoma, từng là đại lý ủy thác pháp định cho việc mua chiếc máy bay tư nhân của Jho Low. Một công ty khác, Costello & Associates,

đại diện cho một công bình phong nằm dưới quyền kiểm soát của một quan chức hàng đầu của 1MDB trong vụ mua một căn hộ sang trọng ở New York bằng tiền của Aabar-BVI.

Được sự giúp đỡ của dàn trợ thủ này, chỉ trong vòng 5 năm, Jho Low và các cộng sự của anh ta đã mua được tài sản với tổng trị giá hơn 1,7 tỷ USD ở nước ngoài - và đây chỉ là những khoản đầu tư mà chính quyền Hoa Kỳ đã phát hiện được. Chi tiêu với tốc độ này không hề dễ dàng. Một nhóm rất nhỏ có thể chuyển tiền với tốc độ chóng mặt như vậy cho thấy hệ thống quốc tế giúp những người siêu giàu chuyển tiền một cách hiệu quả đến mức nào, ngay cả khi số tiền đó có nguồn gốc rất đáng ngờ.

Phần 4: Khuếch trương danh tiếng

Các quan chức chính quyền tham nhũng rửa sạch danh tiếng cũng như tiền bạc của họ. Khác với những kẻ khủng bố hoặc buôn ma túy, các nhà lãnh đạo chính trị tham nhũng phải giữ hình ảnh trước công chúng, và họ muốn hình ảnh đó càng chính danh và càng nổi bật thì càng tốt¹²⁴. Đây là việc khó, nhưng kết quả thu được có thể rất lớn. Nếu nhà lãnh đạo bản lĩnh được khắp nơi trên thế giới kính trọng, ông ta sẽ áp đặt uy tín và sức mạnh đối với người dân ở trong nước. Uy tín quốc tế cũng có thể ngăn chặn được các biện pháp trừng phạt chính thức và không chính thức từ các tác nhân nước ngoài, ví dụ từ chối các khoản đầu tư, hỗ trợ quân sự hoặc viện trợ phát triển.

Một số học giả chuyên nghiên cứu về hành vi ở nước ngoài của giới đạo tặc trị giải thích: “Gột rửa danh tiếng là giảm thiểu hoặc xóa sạch bằng chứng về tham nhũng và chủ nghĩa độc tài tại quê hương của giới đạo tặc trị và chuyển thương hiệu đạo tặc trị thành những công dân tích cực toàn cầu”¹²⁵. Các tác nhân quốc tế

sẵn sàng giúp đỡ giới đạo tặc trị hoàn thành mục tiêu này - đặc biệt là khi của cải từ đầu mỏ có thể mang lại cho họ những món tiền lớn. Các công ty quan hệ công chúng cố vấn cho giới đạo tặc trị, thu thập thông tin về các đối thủ của họ, làm gia tăng lượt truy cập trong Wikipedia của họ, thực hiện các chiến dịch truyền thông xã hội, tổ chức các bữa tiệc linh đình, sắp xếp các cuộc gặp gỡ và chụp ảnh với các nhân vật chính trị hoặc văn hóa có uy tín.

Công việc này có thể không được như ý. Một quan chức ở Bộ Ngoại giao Vương quốc Anh đã xin nghỉ việc không lương, rồi gia nhập công ty PR nổi tiếng và bắt đầu xử lý các tài khoản của gia đình Hoàng gia Ả-rập Xê-út ở công ty này, do đó, tạo ra xung đột lợi ích giữa hai chức vụ mà ông ta nắm giữ cùng một lúc¹²⁶. Công ty tư vấn của cựu Thủ tướng Anh Tony Blair nhận phục vụ khách hàng là Tổng thống Nazarbayev của Cadắcxtan và giúp ông ta biện hộ cho vụ đàn áp các cuộc biểu tình của công nhân dầu mỏ, làm chết 14 người vào năm 2011¹²⁷. Năm 2016, một công ty quan hệ công chúng của Rumani, được Chính phủ Cộng hòa Congo thuê, đã dựng lên câu chuyện nói rằng Tổng thống Sassou-Nguesso sẽ là một trong những nhà lãnh đạo thế giới đầu tiên gặp gỡ Tổng thống mới đắc cử Donald Trump. Thậm chí có cả một bức ảnh ghép hai người này đứng cùng nhau được làm giả. Hóa ra toàn bộ sự việc đều chỉ là “diễn”, Nhà Trắng phủ nhận và nói rằng chưa từng lên kế hoạch cho một cuộc gặp nào như vậy¹²⁸.

Mặc dù có những sai sót như thế, nhưng việc đầu tư cho quan hệ công chúng vẫn có thể mang lại hiệu quả. Chính phủ Ghinê Xích đạo đã chi hàng triệu đôla Mỹ cho công ty Qorvis/MSLGroup ở Washington DC để trả cho các dịch vụ, trong đó có việc viết những bài báo tích cực về thành tựu phát triển kinh tế mà Tổng thống Teodoro Obiang đã giành được -

ông này đã cai trị đất nước nhỏ bé giàu dầu mỏ này từ năm 1979. Các công ty dầu khí Hoa Kỳ cũng có những phát biểu khá lạc quan. Năm 2014, những nỗ lực này dường như đã được đền đáp. Nhân Hội nghị Thượng đỉnh các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ - châu Phi, Tổng thống Barack Obama đã mời Obiang tới ăn tối tại Nhà Trắng, nhưng không mời một số nhà lãnh đạo độc tài khác¹²⁹.

Cùng với việc thuê các chuyên gia quan hệ công chúng, giới đạo tặc trị còn sử dụng những đồng tiền của họ nhằm lôi kéo đồng minh và tìm kiếm sự tôn trọng ở nước ngoài bằng những biện pháp rất tinh tế (và rất hợp pháp). Đóng góp cho hoạt động từ thiện là một trong những biện pháp như thế. Năm 2008, Trường Kinh tế London (London School of Economics) nhận được khoản tài trợ trị giá 2 triệu USD từ một tổ chức từ thiện nằm dưới quyền quản lý của con trai Gaddafi. Một vụ bê bối nổ ra khiến các quan chức hàng đầu của trường đại học này phải từ chức, ngay sau khi nguồn gốc của những đồng tiền này bị tiết lộ. Những tổ chức tư vấn (think tank) nổi tiếng của Hoa Kỳ, như Viện Brookings (Brookings Institution) và Hội đồng Đại Tây Dương (Atlantic Council) nhận tài trợ từ chính phủ những nước có nhiều dầu mỏ, trong đó có Baren, Cadăcxtan, Cata, Arập Xêút và UAE, và một số bài viết trên các phương tiện truyền thông cho rằng những khoản tiền này có ảnh hưởng đến chương trình của những tổ chức vừa kể trên¹³⁰. UNESCO bị chỉ trích vì đã lập ra giải thưởng nghiên cứu khoa học về sự sống do Tổng thống Obiang của Ghinê Xích đạo tài trợ và được đặt theo tên của vị tổng thống này.

Các tổ chức quốc tế khác thường nhắm mắt làm ngơ trước chế độ đạo tặc trị, cũng có nghĩa là góp phần hợp pháp hóa các chế độ này. Các tổ chức phát triển quốc tế được tài trợ công khai, trong đó Ngân hàng Thế giới (WB) và Ngân hàng Tái thiết và Phát triển châu Âu (EBRD) tiếp tục cho các chính phủ

thường xuyên dính líu vào tham nhũng quy mô lớn vay tiền. Các chính phủ nước ngoài cũng thường tỏ thái độ hữu hảo với các chế độ tham nhũng, thường là vì lý do an ninh. Ví dụ, Hoa Kỳ làm ngơ trước nạn tham nhũng tràn lan do các chính phủ thời hậu chiến tranh ở Iraq và Ápganixtan gây ra để tập trung vào việc ngăn chặn các nhóm cực đoan ở những nước này¹³¹. EBRD tài trợ hàng trăm triệu đôla Mỹ cho các dự án cơ sở hạ tầng khí đốt ở Adécbaigian vì ưu tiên mang tính chiến lược của châu Âu là bảo đảm nguồn cung cấp khí đốt không phải đến từ nước Nga. Trong những vụ khác, người ta không hành động là do thái độ thờ ơ của tổ chức và mọi người cùng mong muốn duy trì mối quan hệ tốt đẹp vốn có. Điều này giải thích lý do vì sao Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) đã cho Gabông vay 640 triệu USD vào năm 2017 hoặc vì sao cộng đồng quốc tế phớt lờ tình trạng tham nhũng làm người ta choáng váng và dễ dàng nhận thấy ở Nigiêria trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ¹³².

Quay lại với những người bạn của chúng ta ở Malaixia, Thủ tướng Najib đã nắm được nhiều kỹ thuật gột rửa danh tiếng này từ rất lâu trước khi nổ ra vụ bê bối 1MDB. Chính phủ của ông ta nổi tiếng về tham nhũng và các chiến thuật đàn áp, trong đó có vụ bắt giam nhân vật đối lập chính trị hàng đầu với cáo buộc “gian dân đồng tính” gây nhiều tranh cãi, cần phải thay đổi hình ảnh một cách thật sự nghiêm túc, đặc biệt là khi Malaixia đang tìm cách thu hút du lịch, đầu tư, thương mại và liên minh về an ninh từ nước ngoài. Không phải tất cả những nỗ lực của các tổ chức quan hệ công chúng này đều diễn ra một cách thuận lợi.

Năm 2009, văn phòng của Thủ tướng Najib đã thuê APCO, một công ty quan hệ công chúng hoạt động trên toàn thế giới vận động hành lang cho chính phủ ở Washington DC, đồng thời điều hành 1Malaixia - một chiến dịch truyền thông mới, tuyên truyền

rằng chính quyền của Najib là hiện thân của tinh thần đoàn kết dân tộc và hiệu quả¹³³. Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau, hợp đồng với APCO đã gây ra nhiều tranh cãi khi một lãnh đạo phe đối lập công khai lên án APCO về việc xây dựng chiến dịch 1Malaixia tương tự như ở Ixraen. Đây là một lời tuyên bố đặc biệt mang tính khiêu khích ở một đất nước Hồi giáo, vốn không công nhận Nhà nước Ixraen¹³⁴. Văn phòng Thủ tướng đáp trả bằng cách khẳng định rằng chiến dịch này được Thủ tướng Najib phát động thậm chí trước khi thuê APCO.

Sau vụ rắc rối này, Paul Stadlen, chuyên viên quan hệ công chúng, thành viên nhóm quốc tế của APCO, đã ở lại Kuala Lumpur để làm việc trực tiếp với Thủ tướng. Trái ngược với nhiệm vụ được giao, ông ta và thú vui với đời sống ban đêm sôi động của mình đã tạo ra nhiều nhận xét tiêu cực của giới báo chí¹³⁵. Văn phòng Thủ tướng nói rằng họ không thuê Stadlen làm việc, nhưng ông ta vẫn tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ về truyền thông và báo chí trong suốt năm 2017, trong đó có trả lời những câu hỏi của báo chí xung quanh vụ bê bối 1MDB. Ví dụ, ông ta chỉ trích tờ *Wall Street Journal*, coi đây là “ô nhục đối với giới báo chí” vì đã đưa quá nhiều tin về vấn đề này¹³⁶.

APCO và Stadlen không phải là những nỗ lực duy nhất trong quan hệ công chúng thực sự của chính phủ khiến người ta chú ý theo lối tiêu cực. Trong các năm 2010 và 2011, chính quyền Najib đã trả phí dịch vụ khoảng 9 triệu USD mỗi năm cho FBC Media, một công ty truyền thông có trụ sở ở Anh. Công ty này đã làm việc cho một số nguyên thủ quốc gia khác với những hình ảnh quốc tế không mấy tốt đẹp như Hosni Mubarak của Ai Cập và Nazarbayev của Cadăcxtan.

Năm 2009, FBC Media đã thực hiện 4 bộ phim tài liệu về Malaixia và phát sóng trên đài BBC, Vương quốc Anh. Những

bộ phim này được trình bày dưới dạng các chương trình thông tin chứ không phải quảng cáo, đề cập những vấn đề nhạy cảm như bảo tồn rừng mưa nhiệt đới và người dân bản địa; ca ngợi quá trình phát triển của ngành công nghiệp dầu cọ trong khi phớt lờ những phản đối mạnh mẽ về môi trường trước sự lan rộng của rừng cọ. Tuy nhiên, FBC Media không bao giờ tiết lộ với BBC rằng họ làm việc cho Chính phủ Malaixia, những bộ phim tài liệu này cũng không nói cho người xem về thực tế đó¹³⁷. Năm 2011, BBC mở một cuộc điều tra về vấn đề này và chấm dứt quan hệ với FBC Media. Kênh truyền hình CNBC của Hoa Kỳ cũng cắt đứt quan hệ với chương trình *World Business* - với hình ảnh Malaixia xuất hiện trong nhiều sự kiện - do FBC sản xuất. Chính Najib cũng xuất hiện trong 10 trường đoạn. Người ta còn nghi ngờ về thái độ công tâm của John Defterios, người dẫn chương trình của CNN vì ông này từng là Chủ tịch FBC Media từ năm 2000 đến 2011¹³⁸. Năm 2011, trên chương trình của CNN, chỉ vài ngày sau khi Chính phủ Malaixia bắt giữ hơn 1.500 người biểu tình chống chính phủ, Defterios đã phỏng vấn Najib. Buổi phỏng vấn tập trung vào triển vọng kinh tế của Malaixia. Defterios chỉ hỏi một câu về các cuộc biểu tình và vị Thủ tướng đã trả lời bằng cách ca ngợi cảnh sát vì cách thức họ đối xử tốt với những người bị bắt giữ¹³⁹. Phản ứng trước những lo ngại về vụ việc, CNN nhấn mạnh rằng Defterios đã cắt đứt quan hệ với FBC trước khi tham gia CNN và các tiêu chuẩn biên tập của đài này không hề bị ảnh hưởng¹⁴⁰.

FBC phủ nhận và nói rằng họ không hành động bất chính và luôn duy trì sự tách biệt giữa bộ phận thương mại và bộ phận sản xuất của chương trình. Tuy nhiên, theo một cuộc điều tra của tờ *Independent* tại Anh, tài liệu quảng cáo của FBC đã thu hút

khách hàng với tuyên bố “chúng tôi kiểm soát giò vàng” có thể “bảo đảm thông điệp được kiểm soát từ A đến Z trên các kênh tin tức hàng đầu thế giới”¹⁴¹. Công ty đã đệ đơn xin phá sản vào năm 2011, không lâu sau khi vụ bê bối ở Malaixia vỡ lở.

Vết nhơ của chế độ đạo tặc trị còn lan xa hơn nữa, tới tận các phương tiện truyền thông nước ngoài khác. Năm 2011, tờ *Guardian* chia tay với nhà bình luận bảo thủ Josh Trevino vì ông này không tiết lộ mối quan hệ trong quá khứ của mình với Chính phủ Malaixia¹⁴². Trước đây, Trevino từng đăng bài ủng hộ Najib trên các tờ *Huffington Post* và *Washington Times*; cả hai bài đều đã bị xóa. Nhóm điều tra trực tuyến *Sarawak Report* của Malaixia, thường xuyên chỉ trích Najib, đã cáo buộc FBC thuê Trevino viết blog chỉ trích các tiếng nói đối lập, tạo các trang web *Sarawak Report* giả để đánh lừa người đọc và thao túng các mục liên quan trên Wikipedia¹⁴³. Trevino phủ nhận tất cả những cáo buộc này. Tuy nhiên, cuối cùng ông ta đã nộp các thủ tục giấy tờ cần thiết mà Chính phủ Hoa Kỳ đòi hỏi đối với những người vận động hành lang làm việc cho chính quyền nước ngoài. Bộ hồ sơ này cho biết, FBC Media và APCO đồng ý trả cho Trevino 6.200 USD/tháng để sản xuất nội dung trên một số phương tiện truyền thông “thể hiện Malaixia và bộ máy quản trị của quốc gia này theo hướng tích cực nhằm vào đối tượng độc giả đại chúng”¹⁴⁴.

Có lẽ Chính phủ Malaixia cũng đã sử dụng nhiều nỗ lực trong quan hệ công chúng thành công hơn, âm thầm tạo ra báo chí lạc quan chứ không phải những tiêu đề bi quan. Suy cho cùng, trong những năm trước khi vụ bê bối 1MDB bùng ra, Najib đã giành được những chiến thắng lớn trên vũ đài quốc tế. Khi còn tại chức, Tổng thống Obama đã thăm Malaixia 2 lần - chuyến thăm đầu tiên của người đứng đầu Hoa Kỳ trong vòng 5 thập niên.

Najib cũng có cơ hội tạo dựng hình ảnh tích cực trước công chúng khi chơi golf với Obama ở Hawaii trong kỳ nghỉ Giáng sinh năm 2014. Như đã đề cập trong bài phát biểu của Obama trong chuyến thăm tới Kuala Lumpur năm 2015, Hoa Kỳ ưu tiên quan hệ với Malaixia vì quốc gia này tham gia liên minh quốc tế chống Nhà nước Hồi giáo và vì vai trò của quốc gia này trong một số biện pháp nhằm chống lại ảnh hưởng của Trung Quốc trong khu vực, bao gồm Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương và an ninh ở Biển Đông¹⁴⁵.

Trong khi Obama có thể đã ủng hộ Chính phủ Malaixia vì chính sách đối ngoại, việc những đồng tiền của 1MDB lan rộng đã dẫn đến những câu hỏi nhức nhối: liệu có động cơ nào khác giúp giải thích thái độ ưu ái của Obama với Najib hay không. Pras Michel, thành viên của nhóm hip-hop Fugees những năm 1990, nằm trong số những người nổi tiếng ủng hộ các chiến dịch tranh cử của Obama. Ông ta cũng là một trong số những bạn bè nổi tiếng của Jho Low. Năm 2012, theo Wright và Hope, Jho Low đã chuyển 20 triệu USD cho hai công ty do Michel làm chủ. Sau đó, Michel lấy 1,2 triệu USD trong khoản tiền này để thanh toán cho Black Men Vote - một siêu PAC hỗ trợ chiến dịch tranh cử của Obama¹⁴⁶.

Michel còn giới thiệu Jho Low với Frank White Jr., một nhà gây quỹ nổi tiếng của Đảng Dân chủ cho cả Obama lẫn Hillary Clinton. Jho Low đã đầu tư 10 triệu USD vào công ty năng lượng tái tạo của White. Anh ta chuyển số tiền này qua một số trung gian, cùng với những vụ làm ăn khác. Báo cáo của các phương tiện truyền thông nghi ngờ rằng, để đổi lại, White đã sắp xếp cho Jho Low tham dự một bữa tiệc Giáng sinh ở Nhà Trắng và tổ chức cho nhóm người liên quan tới bộ phim *Sói già Phố Wall*, trong đó có Aziz, con trai

riêng của Najib tới thăm Phòng Bầu dục¹⁴⁷. Theo báo cáo của các phương tiện truyền thông, các nhà điều tra liên bang Hoa Kỳ đã xem xét mối liên hệ giữa các khoản đầu tư và nỗ lực của White trong việc tổ chức cuộc gặp mặt ở Phòng Bầu dục¹⁴⁸. Mặc dù cuộc điều tra không dẫn đến cáo buộc nào, nhưng nó cho thấy vết nhơ tham nhũng khiến cả các tổ chức của chính phủ, dù không cố ý, cũng phải đối mặt với những cuộc bút chiến.

Nhu cầu về quan hệ công chúng của Najib và Jho Low càng trở nên cấp thiết hơn khi vụ tham nhũng ở 1MDB được đưa ra ánh sáng. Một số tác nhân nước ngoài đã tìm cách biến tình trạng tuyệt vọng của hai người này thành cơ hội kiếm lời cho chính họ.

Nhà đầu tư mạo hiểm Elliott Broidy, một người gây quỹ nổi tiếng của Đảng Cộng hòa, đã tìm cách giúp một số cá nhân người Malaixia thoát khỏi tình trạng rắc rối ở 1MDB. Broidy từng là phó chủ tịch quỹ chung của chiến dịch tranh cử của Trump và Đảng Cộng hòa, từng huy động được hơn 108 triệu USD trước cuộc bầu cử năm 2016 và sau đó trở thành Phó Chủ tịch Ủy ban tài chính quốc gia của Đảng Cộng hòa. Tờ *Wall Street Journal* nhận được các email bị rò rỉ cho thấy Broidy và vợ của ông ta, luật sư Robin Rosenzweig, đã từng nghiên cứu quan hệ làm ăn với Jho Low¹⁴⁹. Một trong những email đề cập một thỏa thuận dự thảo với Jho Low mà lẽ ra anh ta phải trả cho công ty luật của Rosenzweig 75 triệu USD nếu Bộ Tư pháp Hoa Kỳ hủy bỏ vụ kiện 1MDB trong vòng 180 ngày. Bản dự thảo sau đó đã thay đổi kế hoạch, phí trả cho công ty này không còn ràng buộc với hành động của Bộ Tư pháp Hoa Kỳ nữa. Các email khác cho thấy Jho Low không muốn trả tiền trực tiếp cho Rosenzweig, mà tìm cách chuyển tiền thông qua người bạn của anh ta là Pras Michel. Các email này cũng cho biết Broidy đã chuẩn bị các đề tài thảo luận

cho Najib về nhiều vấn đề khác nhau, ví dụ như lập trường của Malaixia về Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên.

Vài tháng sau khi tờ *Wall Street Journal* công bố bài viết về các email của Broidy bị rò rỉ, Bộ Tư pháp Hoa Kỳ đã tịch thu khoảng 73 triệu USD của Pras Michel và George Higginbotham, lúc đó hai người này đang làm việc tại một bộ phận khác của Bộ Tư pháp Hoa Kỳ¹⁵⁰. Bắt đầu từ năm 2017, khi vận may của Jho Low suy giảm nhanh chóng, Michel và Higginbotham bắt đầu thành lập các công ty bình phong và mở tài khoản ngân hàng để giúp Jho Low đưa tiền vào Hoa Kỳ. Hai người này gọi người bạn Malaixia Jho Low là “Wu Tang” trong các email được mã hóa mà họ gửi cho nhau và gặp riêng anh ta ở Thái Lan và Ma Cao (Trung Quốc) để thảo luận về biện pháp rửa tiền. Theo Bộ Tư pháp Hoa Kỳ, Jho Low cần hai người này giúp xây dựng “chiến dịch vận động hành lang” với mục đích chấm dứt các hành động pháp lý của Hoa Kỳ nhắm vào anh ta và những người khác ở 1MDB. Sau đó, Michel và Higginbotham đã liên lạc với hai người có những mối liên hệ phù hợp và uy tín cần thiết để thực hiện nhiệm vụ này. Mặc dù các cáo buộc của Bộ Tư pháp Hoa Kỳ không nêu tên hai người này, nhưng một người là doanh nhân, còn người kia là “chủ doanh nghiệp, nhà gây quỹ chính trị và nhà tài chính có quan hệ chính trị ở cấp cao trong Chính phủ Hoa Kỳ”¹⁵¹. Một bản dự thảo thỏa thuận tiết lộ hình thức vận động hành lang mà Jho Low mong muốn: anh ta sẽ trả cho một trong những người này 75 triệu USD nếu vụ kiện của Bộ Tư pháp Hoa Kỳ được giải quyết trong vòng 180 ngày và khoản tiền sẽ ít hơn là 50 triệu USD nếu kéo dài một năm¹⁵².

Năm 2018, Higginbotham đã nhận tội tham gia âm mưu, thừa nhận rằng ông ta đã nói dối các ngân hàng để đưa những đồng tiền bẩn của Jho Low vào Hoa Kỳ¹⁵³. Năm 2019, một luật sư

làm việc cho Michel đã kêu gọi Bộ Tư pháp Hoa Kỳ hủy bỏ vụ kiện, và khách hàng của ông ta đã phủ nhận mọi tội lỗi¹⁵⁴. Broidy và vợ của ông ta cũng đã phủ nhận mọi hành vi sai trái và nhấn mạnh rằng chưa từng thảo luận trường hợp của Jho Low với Tổng thống Trump, với nhân viên của Trump hoặc bất kỳ người nào ở Bộ Tư pháp Hoa Kỳ đang xử lý vụ 1MDB và rằng các thỏa thuận được báo chí mô tả chỉ là những bản dự thảo¹⁵⁵.

Trong khi các nỗ lực vận động hành lang của Jho Low gặp phải một số rắc rối, thì Trump vẫn làm cho uy tín của Thủ tướng Najib gia tăng mạnh mẽ. Một năm sau khi Bộ Tư pháp Hoa Kỳ ám chỉ Najib dính líu vào vụ bê bối 1MDB trị giá 4,5 tỷ USD, ông ta đã được chào đón nồng nhiệt ngay tại Nhà Trắng. Ông ta và đoàn tùy tùng của mình cũng ở tại khách sạn quốc tế Trump gần đó. Các nhà bình luận tức giận. Trong một bài báo với giọng điệu gay gắt, Paul Wolfowitz, cựu quan chức chính quyền Bush đã viết rằng Trump “lẽ ra phải tìm được một lý do ngoại giao để hoãn cuộc gặp đáng xấu hổ này. Việc làm này sẽ gửi một tín hiệu mạnh mẽ đến các nhà vận động hành lang khác đang cố gắng bán quyền tiếp cận với Tổng thống”¹⁵⁶. Một bài xã luận trên tờ *Washington Post* gọi cuộc gặp này là “thấp hèn mới”. “Ông Najib không chỉ nổi tiếng vì bỏ tù những người chống đối ôn hòa, bịt miệng các phương tiện truyền thông phê phán và đảo ngược tiến trình dân chủ hóa của Malaixia. Ông ta còn là đối tượng của cuộc điều tra về chế độ đạo tặc trị nước ngoài lớn nhất từng được Bộ Tư pháp Hoa Kỳ đưa ra”¹⁵⁷. Như một xu hướng, quyết định gặp Najib của Trump mâu thuẫn với kết luận của chính Bộ Tư pháp Hoa Kỳ.

Năm 2018, sau khi âm mưu 1MDB vỡ lở và những cáo buộc chống lại Jho Low bắt đầu gia tăng, không ai còn nhìn thấy

anh ta nữa. Hầu hết mọi người đều nói rằng Jho Low đã trốn sang Trung Quốc, tránh được sự chú ý của mọi người và không hợp tác với chính quyền Hoa Kỳ hoặc Malaixia. Dù ở đâu, anh ta vẫn thường xuyên tiếp cận những người trợ giúp quốc tế và họ tiếp tục bắt máy khi anh ta gọi. Lần này là các chuyên gia trong một lĩnh vực quan hệ công chúng tuy mới mẻ nhưng đang phát triển: “truyền thông kiện tụng”. Anh ta thuê hai công ty luật của Hoa Kỳ là Kobre & Kim và Schillings International để giúp giải quyết hàng loạt cáo buộc hình sự, các vụ kiện dân sự cũng như hình ảnh tiêu cực mà anh ta đang phải đối mặt¹⁵⁸.

Bên cạnh nhiều công việc khác, những công ty này đã giúp Jho Low thiết lập một trang web dành riêng cho việc bào chữa là www.jho-low.com, trong đó có các tuyên bố truyền thông được trau chuốt cẩn thận và một tiểu sử đầy hoàn chỉnh, đầy những những lời lẽ tâng bốc, với một bức ảnh rạng rỡ của nhà tài chính trẻ tuổi. Các luật sư người Anh và Ôxtrâyliya do Jho Low thuê cũng nỗ lực bảo vệ phần danh tiếng còn sót lại của anh ta, trong đó có cả việc gửi thư tới các nhà sách ở Anh và Ôxtrâyliya, đe dọa rằng họ sẽ bị kiện vì tội phỉ báng nếu bán cuốn sách *Cá voi tỷ đô* của Wright và Hope. Bất chấp những mưu kế đầy sáng tạo như thế, những người trợ giúp quốc tế này sẽ rất khó để phục hồi được vị thế của Jho Low. Vào kỳ nghỉ lễ năm 2018, người Malaixia có thể mua những chiếc túi vải mới lạ màu đỏ tươi vẽ hình biếm họa khuôn mặt trẻ con của Jho Low và khẩu hiệu “Hãy tiêu như tôi từng ăn cắp”¹⁵⁹.

Đồng lõa và thâm nhập

Vụ hối lộ quy mô lớn diễn ra ngay bên cạnh chúng ta. Một đội ngũ những trợ thủ quốc tế đã làm cho nó trở thành khả thi và

việc làm này đã giúp cho vết nhơ tham nhũng ngày càng lan rộng. Chỉ trong câu chuyện 1MDB, những khoản tiền bất hợp pháp đã thâm nhập các dự án kinh doanh đáng tin cậy khác và làm ảnh hưởng đến danh tiếng của một số ngân hàng và công ty luật uy tín nhất thế giới. Sự lan tràn của những đồng tiền này làm người ta nghi ngờ hiệu quả của các cơ quan quản lý tài chính ở Lúcxămbua, Xingapo, Thụy Sĩ, Anh và Hoa Kỳ. Những đồng tiền này đã tiến đến gần Nhà Trắng đến mức làm người ta khó chịu, trong hai chính quyền kế tiếp nhau - những người gây quỹ hàng đầu cho cả Obama lẫn Trump đều góp phần trong vụ bê bối này. Những nỗ lực trong lĩnh vực quan hệ công chúng do Najib tung ra có thể đã tạo được ảnh hưởng quá mức đến các hãng truyền thông nổi tiếng như tờ *Guardian*, hãng BBC và hãng CNN.

Mặc dù đã gây ra thiệt hại cho các tổ chức ở Hoa Kỳ và nước ngoài khác, nhưng vẫn không là gì so với cái giá mà Malaixia phải trả. Chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn và bất chấp tất cả, 1MDB đã tích lũy khoản nợ 13 tỷ USD mà Nhà nước Malaixia hiện đang phải trả. IPIC, quỹ đầu tư quốc gia của Abu Dhabi, đã đưa Malaixia ra trọng tài phân xử về khoản nợ 6,5 tỷ USD mà quỹ này tuyên bố là họ được hưởng. Malaixia rất khó thu hồi số tiền bị đánh cắp, chủ yếu là do số tiền này đã được che giấu bởi những cơ chế quốc tế phức tạp.

Ngoài thiệt hại nặng nề về tài chính, âm mưu ở 1MDB đã gây thiệt hại cho chế độ dân chủ của Malaixia. Từ tài khoản nhận được 700 triệu USD trong số tiền của 1MDB, Najib đã trích 140 triệu USD cho các chi nhánh địa phương của đảng cầm quyền trước khi diễn ra cuộc bầu cử năm 2013¹⁶⁰. Nhà thầu hưởng lợi từ những vụ làm ăn với 1MDB cũng ủng hộ sự nghiệp chính trị và việc làm từ thiện của Najib trong giai đoạn trước

bầu cử¹⁶¹. Sau khi vụ bê bối nổ ra, và khi cuộc bầu cử năm 2018 đến gần, Najib đã thẳng tay đàn áp những người chỉ trích, thanh trừng những đối thủ có thể có trong nội các của ông ta và tái khẳng định những căng thẳng về sắc tộc và tôn giáo khi hùng biện trong chiến dịch tranh cử của mình.

Nhưng đó chưa phải là ngày tận thế, cả ở Malaixia cũng như ở các nước khác. Năm 2018, nhờ sự phản nộ lan rộng trước vụ bê bối 1MDB, ứng cử viên đối lập Mahathir Mohamad đã khiến Najib thất bại nghiêm trọng trong cuộc bầu cử. Ba tháng sau cuộc bầu cử, Najib bị bắt vì những cáo buộc liên quan đến vai trò của ông ta trong vụ 1MDB và phiên tòa xét xử ông ta được khởi động vào năm 2019. Najib không nhận tội. Dù ông ta có bị bắt giam hay không, người dân Malaixia đã sử dụng bầu cử để tước quyền lực của một nhà lãnh đạo có vấn đề. Kết quả này cũng là hiện tượng mà người ta đã thấy ở Nigieria và Braxin, đã được đề cập trong Chương 3, nơi chế độ dân chủ và pháp quyền cuối cùng vẫn kiểm chế được những kế hoạch tham nhũng khổng lồ.

Những kẻ trợ giúp quốc tế cũng không thoát được đòn trừng phạt. Trên thực tế, chính các khía cạnh quốc tế trong âm mưu ở 1MDB đã khiến âm mưu này không thể thực hiện được trọn vẹn. Chương tiếp theo sẽ tôn vinh những chiến sĩ chống tham nhũng quốc tế - người hùng trong những câu chuyện như thế này, đây là những người anh hùng.

KẺ THÙ MUÔN MÀU MUÔN VẺ CỦA THAM NHƯNG

Mỗi vụ việc được nhắc tới trong cuốn sách này đều đại diện cho sự thành công của các lực lượng chống tham nhũng. Ông chủ của các công ty và những nhân vật chính trị quyền thế dính líu vào tham nhũng không thể yên ổn tận hưởng những đồng tiền của họ. Họ sẽ phải đối mặt với những hậu quả tiêu cực về danh tiếng, pháp luật hoặc tài chính. Bị lu mờ trước những sự kiện kinh hoàng và cái giá đáng sợ phải trả do tham nhũng gây ra, thành công to lớn này chưa được người ta công nhận một cách tương xứng.

Các chính phủ, doanh nghiệp, xã hội dân sự và giới truyền thông đều góp phần đấu tranh chống tham nhũng trong giai đoạn bùng nổ đầu mỏ. Thành tích của tất cả các nhóm này đều khá đa dạng, có những chiến thắng to lớn cũng như những sai lầm và cơ hội bị bỏ lỡ. May mắn là, những điểm mạnh khác nhau của nhóm này lại bù đắp cho điểm yếu của nhóm khác.

Vụ 1MDB cho thấy khả năng tương hỗ này hoạt động ra sao trên thực tế. Các nhà báo trong nước là một trong số những người đầu tiên công khai bày tỏ quan ngại về vấn nạn tham nhũng. Năm 2013, tờ *The Edge* của Malaixia thực hiện những cuộc điều tra quan trọng đầu tiên về những hành vi sai trái có thể đã

xảy ra ở 1MDB. Một vài phương tiện truyền thông khác cũng đã tiếp bước. Năm sau, một chính trị gia đối lập khuấy động vấn đề này và viết thư cho Hội đồng quản trị của 1MDB, đưa ra một số câu hỏi hóc búa. Sau đó, năm 2015, các nhà chức trách Malaixia đã tiến hành một số cuộc điều tra. Một đội chuyên trách do Tổng Chương lý đứng đầu, một nhóm nghị sĩ và cảnh sát, tất cả đều bắt đầu “đào bới” xung quanh công ty này. Họ đã nắm được nhiều vấn đề, đủ sức làm cho Thủ tướng phải lo lắng, đặc biệt là khi họ bắt đầu phát hiện được dấu hiệu cho thấy 681 triệu USD đã hạ cánh vào tài khoản ngân hàng cá nhân của ông. Vì vậy, Thủ tướng hạ lệnh chấm dứt các cuộc điều tra, sa thải Tổng Chương lý và trấn áp những hành động phản đối của công chúng diễn ra sau đó.

Rất may, các nhà chức trách Malaixia không phải là những người duy nhất chống tham nhũng. Năm 2015, tờ *Wall Street Journal* nhận được một số hồ sơ từ cuộc điều tra bị cản trở do các nhà chức trách Malaixia tiến hành. Trang web điều tra *Sarawak Report* của Malaixia nhận được thông tin rò rỉ về vụ việc từ một nhân viên bất mãn của PetroSaudi - một trong những đối tác kinh doanh của 1MDB - và từ một cựu nhân viên của một bên liên quan ở UAE. Sau khi nắm được thông tin nội bộ, các phương tiện truyền thông bắt đầu vào cuộc. Họ phơi bày thủ đoạn tham nhũng ra trước công luận thế giới, giải thích rõ ai là người điều hành, những việc họ làm với tài sản của mình, cách họ đưa tiền tới tay Thủ tướng và vai trò của những tay chơi khác nhau ở Abu Dhabi, Ả-rập Xê-út, Xingapo, Thụy Sĩ và Hoa Kỳ.

Các nhà báo có thể làm mất uy tín và gây áp lực buộc chính quyền phải hành động. Nhưng họ không thể chính thức trừng phạt những người dính líu vào tham nhũng. Các chính phủ quốc tế có thể trừng phạt và họ là những người tiếp theo cần hành động.

Tại một cuộc họp báo năm 2016, Bộ trưởng Tư pháp Hoa Kỳ, Loretta Lynch, bước lên bục, đứng bên cạnh là những người đại diện hàng đầu của Bộ Tư pháp và FBI, tuyên bố: “Chúng tôi ở đây để thông báo một bước quan trọng trong công việc đang được tiến hành của chúng tôi nhằm chống nạn tham nhũng toàn cầu và bảo đảm rằng không phải là thiên đường cho những người sử dụng trái phép công quỹ vì lợi ích cá nhân. Hôm nay, Bộ Tư pháp Hoa Kỳ đã trình vụ kiện dân sự để tìm cách tịch thu và thu hồi hơn 1 tỷ USD tài sản liên quan đến âm mưu quốc tế nhằm rửa những đồng tiền bị đánh cắp từ 1 Malaysia Development Berhad, hay còn gọi là 1MDB, một công ty hoàn toàn thuộc sở hữu của Chính phủ Malaixia”¹.

Hoa Kỳ hành động theo một chương trình mới với tên gọi là Sáng kiến thu hồi tài sản của chế độ đạo tặc trị (Kleptocracy Asset Recovery Initiative) - được khởi động năm 2010. Theo chương trình này, các nhà chức trách Hoa Kỳ sử dụng các thủ tục tố tụng dân sự chứ không phải hình sự để tịch thu số tiền từ những vụ tham nhũng ở nước ngoài nếu những món tiền và tài sản đó được đưa vào Hoa Kỳ hoặc sử dụng hệ thống tài chính của Hoa Kỳ. Sáng kiến này chỉ là một trong những sáng kiến chống tham nhũng chứng tỏ dũng khí của họ trong giai đoạn hậu-bùng nổ dầu mỏ.

Cùng với việc tịch thu 1,7 tỷ USD tài sản, Bộ Tư pháp Hoa Kỳ công bố công khai báo cáo dài và chi tiết về âm mưu ở 1MDB, nêu tên nhiều công ty, ngân hàng và luật sư quốc tế đóng vai trò trợ giúp². Ví dụ, các tài liệu của Bộ Tư pháp Hoa Kỳ trình bày chi tiết cuộc trò chuyện giữa CEO của Falcon Bank và Al Hussein, quan chức ở Abu Dhabi, người đã giúp điều hành âm mưu 1MDB. “Mohammed”, CEO này khẩn khoản, “phần còn lại của

các tài liệu mà người bạn của chúng ta ở Malaixia đã cung cấp là hoàn toàn lố bịch, giữa ông và tôi... Đây là... sẽ khiến mọi người gặp rắc rối. Nó được làm theo lối không chuyên nghiệp, không được chuẩn bị và quá nghiệp dư. Tài liệu mà họ gửi cho tôi là một trò đùa, giữa ông và tôi, Mohammed, đó là một trò đùa!... Bây giờ ông đang nói chuyện với Jho [Low], và nói với anh ta, hãy xem lại đi, ông cũng vậy, ông biết đấy, trong vòng 6 tiếng đồng hồ nữa phải làm ra tài liệu mà các nhân viên tuân thủ của tôi có thể chấp nhận, nếu không chúng ta sẽ gặp rắc rối lớn”³. Mặc dù đã có những cân nhắc như thế, nhưng các tài liệu của Bộ Tư pháp Hoa Kỳ chỉ ra rằng Falcon Bank đã chấp thuận chuyển số tiền rất đáng ngờ này của 1MDB.

Trong tương lai, họ có thể không còn dễ dàng bỏ qua những dấu hiệu cảnh báo như thế nữa. Các nhà chức trách Thụy Sĩ tiến hành điều tra một vụ án hình sự chống lại ngân hàng này, còn Xingapo thì thu hồi giấy phép hoạt động của ngân hàng, đây là một phần trong một loạt các hành động pháp lý mà 2 nước này đã thực hiện nhằm chống lại những tay chơi dính líu đến âm mưu 1MDB⁴.

Trong khi các nhà chức trách nước ngoài phản ứng trước vụ bê bối, thì ở quê nhà, xã hội dân sự Malaixia và các nhóm đối lập tiếp tục lên tiếng cảnh báo. Trước nguy cơ bị Najib đàn áp, các nhóm ở địa phương đã lên tiếng và tổ chức các cuộc biểu tình lớn. Các nhóm truyền thông độc lập tiếp tục làm hết sức mình để đưa tin về vụ bê bối. Động thái này của họ cùng tin tức trên các phương tiện truyền thông toàn cầu và vô số hành động pháp lý do các chính phủ Hoa Kỳ, Lúcxăm-bua, Xingapo, Thụy Sĩ và những nước khác thực hiện, đã làm suy yếu vị thế của Thủ tướng Najib và khiến ông không thể che giấu vụ bê bối. Ông đã thua

trong cuộc bầu cử năm 2018 - một kết quả mà tưởng chừng là bất khả thi về mặt chính trị.

Sau đó, câu chuyện đã đi hết một vòng. Khi vị thủ tướng mới giành được quyền lực, ông đã chỉ đạo các nhà chức trách Malaixia tái khởi động các cuộc điều tra chính thức về vụ án này, và hiện nay các thủ phạm, trong đó có cả Najib và Jho Low, phải đối mặt với cáo buộc nghiêm trọng từ chính phủ nước mình. Được giúp đỡ bởi các quan chức hàng đầu và một đội quân trợ giúp, nhóm người ở 1MDB đã đánh cắp hơn 4,5 tỷ USD tiền công quỹ. Tuy nhiên, một đội ngũ chống tham nhũng đa dạng đã khiến họ không thể thoát cùng số tiền đó.

Phần còn lại của chương này tìm hiểu sâu hơn về vai trò chống tham nhũng của chính phủ trong nước, các chính phủ nước ngoài, các doanh nghiệp, các phương tiện truyền thông và xã hội dân sự. Muốn ngăn chặn tham nhũng thường xuyên hơn thì tất cả các nhóm này đều cần phải nỗ lực. Nếu hành động đơn độc sẽ dẫn đến nhiều hạn chế, không thể tạo ra sự khác biệt.

“Thanh lọc” nội bộ

Vào một đêm khuya năm 2017, hàng chục doanh nhân quyền lực nhất của Ả-rập Xê-út, trong đó có 11 thành viên của gia đình hoàng gia, đã bị đồn ra khỏi nhà và bị bắt vì cáo buộc tham nhũng. Các nhân viên an ninh đã đưa nhiều người trong số đó đến một “nhà tù” tạm ở khách sạn Ritz Carlton tráng lệ tại thành phố Riyadh, mà theo các bài viết trên các phương tiện truyền thông thì nhân viên khách sạn đã dỡ bỏ những thanh rèm và cửa phòng tắm bằng kính để phòng họ tìm cách tự sát. Tù nhân không có quyền tiếp xúc với điện thoại và tài khoản ngân hàng của mình, và một số người cáo buộc rằng họ đã trải qua những cuộc thẩm vấn khắc nghiệt kéo dài, không được ngủ và thậm chí bị hành hạ về

thể xác. Để được tự do, họ đã đồng ý chuyển cho nhà nước một khoản tiền lớn - tổng cộng được cho là lên tới 100 tỷ USD⁵.

Chẳng bao lâu sau vụ bắt giữ, Tổng Chương lý Ả-rập Xêút giải thích rằng Quốc vương Salman và Thái tử Mohammed bin Salman “muốn diệt trừ tham nhũng bằng lực lượng mạnh nhất và minh bạch tối đa”. Chính phủ cũng bảo vệ tính hợp pháp của các cuộc điều tra và cách đối xử với các tù nhân, bảo đảm với công chúng rằng các vụ bắt giữ “dựa trên bằng chứng cụ thể về tội phạm và những hành động với mục đích phạm tội và thu lợi bất hợp pháp”⁶. Tuy nhiên, chính phủ đưa ra rất ít thông tin về các cáo buộc hoặc những thỏa thuận mà những người bị giam giữ đã thực hiện để lấy lại quyền tự do của họ.

Năm 2015, không lâu trước những vụ bắt giữ này, Quốc vương Salman, lúc đó đã khá già, giành được quyền lãnh đạo vương quốc nhiều dầu mỏ sau khi người cai trị lâu năm là Quốc vương Abdullah qua đời. Nhà vua mới nhanh chóng tìm cách nâng cao địa vị của người con trai, Thái tử Mohammed bin Salman, người đã sớm trở thành người kế vị. Với quyền kiểm soát một loạt các chức năng của chính phủ, vị thái tử trẻ tuổi đã nhanh chóng tìm cách củng cố địa vị của mình và khiến người ta chú ý tới những phương pháp của anh ta. MBS - người ta vẫn thường gọi anh ta như thế - đã công bố những cuộc cải cách, như cho phép phụ nữ lái xe, một chương trình đa dạng hóa kinh tế đầy tham vọng và quyết định bán cổ phần của công ty dầu khí quốc gia. Một số giới chức quốc tế đã nhanh chóng ca ngợi vị Thái tử về những bước đi này. Nhưng quan điểm này lập tức thay đổi khi lực lượng đặc vụ Ả-rập Xêút sát hại nhà báo Jamal Khashoggi ở Thổ Nhĩ Kỳ. Thái độ hung hăng ngày càng gia tăng của MBS trước cuộc xung đột ở Yêmen cũng tạo ra những lời

chỉ trích gay gắt. Việc trấn áp nạn tham nhũng trong giới tinh hoa Arập Xêút là một cuộc chơi quyền lực khác của MBS.

Arập Xêút là nước xuất khẩu dầu thô lớn nhất thế giới và dầu đã chi phối các vấn đề kinh tế và chính trị của vương quốc này ngay từ khi những thùng dầu đầu tiên rời khỏi bờ biển của đất nước này trong những năm 1940. Trong suốt thời kỳ này, của cải từ dầu mỏ mang lại lợi ích trực tiếp cho Hoàng gia và giới tinh hoa chính trị - xu hướng này càng gia tăng nhanh chóng trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ thời gian gần đây. Những cá nhân có đặc quyền này không phân biệt được ranh giới giữa tiền công và tiền tư. Những người trong Hoàng gia nổi tiếng với lối sống phô trương và một số người đã sử dụng của cải để dựng lên những đế chế kinh doanh vươn ra khắp thế giới.

Không ai biết chính xác cách thức phân chia những đồng tiền mà ngành dầu khí mang lại cho giới tinh hoa Arập Xêút. Hệ thống này dường như bao gồm sự kết hợp các khoản phụ cấp, phân bổ tài sản và tập đoàn thuộc sở hữu nhà nước, các hợp đồng và trợ cấp béo bở của chính phủ, cũng như các khoản vay ưu đãi. Tuy nhiên, chắc chắn rằng những biện pháp phân bổ này mang lại quá nhiều lợi lộc cho một nhóm người được lựa chọn. Trong một hệ thống như vậy, việc xác định đâu là tham nhũng và đâu là chức năng bình thường của chính quyền là việc không hề dễ dàng. Theo định nghĩa của Tổ chức Minh bạch quốc tế: tham nhũng là “lạm dụng quyền lực được giao để tư lợi”, thì quá trình làm giàu của giới tinh hoa Arập Xêút này chắc chắn sẽ được coi là tham nhũng. Nhưng trước khi MBS xuất hiện, những nhà lãnh đạo ở Arập Xêút chưa bao giờ chia sẻ quan điểm đó.

Theo chỉ thị của MBS, chính phủ buộc tội những người Arập Xêút nổi tiếng về hành vi thu lợi bất chính từ hoạt động kinh doanh

của người khác và chiếm đoạt công quỹ, đồng thời đưa ra một số hình phạt nặng nề cho những vi phạm này. Với cách cư xử thường thấy như vậy trên khắp cả nước, hầu hết những thành viên gia đình Hoàng gia hoặc những người có ảnh hưởng lớn trong lĩnh vực kinh doanh đều có thể bị lôi kéo. Và MBS cũng không phải ngoại lệ. Chưa đầy 2 tuần sau vụ bắt giữ nói trên, trong bối cảnh đang thúc đẩy những biện pháp thắt lưng buộc bụng về kinh tế ở trong nước, các phương tiện truyền thông đưa tin rằng MBS đã bỏ ra 450 triệu USD để mua một bức tranh của Leonardo da Vinci - mức giá cao nhất từng được trả trong cuộc đấu giá cho một tác phẩm nghệ thuật⁷. Năm 2015, MBS mua một bất động sản trị giá 300 triệu USD bên cạnh Điện Versailles ở Pháp, được một số tờ báo bất động sản mệnh danh là ngôi nhà đắt nhất thế giới và mua một du thuyền dài 440 foot từ một nhà tài phiệt người Nga với giá hơn 500 triệu USD⁸. Với việc Thái tử rõ ràng đã tham gia vào hệ thống bảo trợ tiền đầu của Ả-rập Xê-út, cái gì đã thúc đẩy anh ta tiến hành cuộc thập tự chinh chống tham nhũng và anh ta dùng biện pháp nào để chọn người mà mình coi là mục tiêu?

Có thể tìm thấy câu trả lời cho những câu hỏi này trong hồ sơ ghi lại kết quả, khi thành công, lúc thất bại và thường là khá rắc rối của chiến dịch chống tham nhũng do một nhà lãnh đạo có bàn tay sắt khởi xướng. Cuộc trấn áp chỉ đích danh những người trong giới tinh hoa tham nhũng và yêu cầu những người bị buộc tội trả lại một số tài sản mà họ đã có được bằng cách lợi dụng quyền lực của mình. Tuy nhiên, các vụ bắt giữ này lại nhắm vào một số đối thủ tiềm năng của Thái tử, trong đó có những người con đầy quyền lực của Vua Abdullah - vị Quốc vương tiền nhiệm - và có thể người ta đã vi phạm các quyền con người của những

người bị buộc tội. Một lần nữa, những sự kiện này cho thấy ảnh hưởng của Hoàng gia đối với các tổ chức tư pháp. Trong khi đó, các nhà chức trách thẳng tay đàn áp các phương tiện truyền thông độc lập, phe đối lập chính trị và những tổ chức chống tham nhũng quan trọng khác, ngăn cản họ thực hiện công việc của mình. Bằng cách làm bẽ mặt những người giàu có và quyền lực, đồng thời tịch thu tài sản của họ, cuộc thập tự chinh chống tham nhũng của MBS gửi đi một thông điệp rõ ràng rằng, ngay cả những người Ả-rập Xêút có ảnh hưởng nhất cũng chỉ được hưởng đặc quyền đặc lợi mà Thái tử ban cho.

Ở Trung Quốc, những cuộc thập tự chinh chống tham nhũng và phục vụ mục đích chính trị cũng thường được thực hiện song hành với nhau. Tương tự như Thái tử Ả-rập Xêút, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình cũng triển khai các chiến dịch chống tham nhũng trong toàn bộ giới tinh hoa Trung Quốc, trong đó có chiến dịch nhắm tới một số giám đốc điều hành hàng đầu ở các công ty dầu khí quốc gia khổng lồ của đất nước này.

Tướng Khiết Mẫn (Jiang Jiemin) được thăng chức ở Công ty Dầu khí quốc gia Trung Quốc (CNPC) nhờ liên minh với Chu Vĩnh Khang, cựu Giám đốc CNPC. CNPC - cùng với Sinopec và Tổng Công ty Dầu khí Hải Dương Trung Quốc (CNOOC) - là một trong ba công ty dầu khí quốc gia khổng lồ của Trung Quốc. Được giao nhiệm vụ mở rộng quyền kiểm soát của Trung Quốc đối với các nguồn tài nguyên dầu khí ở trong và ngoài nước, đầu những năm 2000, ba công ty này đã phát triển với quy mô rất lớn. Đến năm 2013, PetroChina, công ty con của CNPC được niêm yết công khai, trở thành công ty lớn thứ tư trên thế giới. So với động cơ thương mại, động cơ chính trị và an ninh năng lượng có sức mạnh hơn trong việc thúc đẩy quá trình mở rộng này.

Do đó, CNPC có thể chi tiêu mà không lo lắng nhiều về lợi nhuận. Vốn đầu tư cơ bản của công ty này đã tăng gấp đôi trong giai đoạn từ năm 2006 đến 2012, họ chi mạnh tay cho các dự án cơ sở hạ tầng hữu ích về mặt chính trị ở Trung Quốc và sử dụng một lực lượng lao động đông đảo, tới hơn 1,5 triệu người. Trong khi hầu hết các công ty dầu khí đều thu được lợi nhuận kỷ lục trong giai đoạn này, thì lợi nhuận của CNPC lại giảm⁹.

Năm 2013, khi Tập Cận Bình lên nắm quyền, các công ty dầu khí quốc gia đã phát triển thành các đế chế hùng mạnh do các quan chức hàng đầu, gọi là “nhóm dầu khí” kiểm soát. Thói quen chi tiêu của các công ty không kiểm soát, trong đó tham nhũng đã trở nên phổ biến. Nhân vật có quyền lực trong bộ máy của CNPC là Chu Vĩnh Khang, cũng thuộc giới tinh hoa chính trị và là một trong những đối tượng nhắm tới trong chiến dịch chống tham nhũng của Tập Cận Bình.

Năm 2013, Tổng Giám đốc CNPC, Trương Khiết Mẫn, bị sa thải và sau đó bị bắt. Hai năm sau, ông ta bị kết án 16 năm tù vì tội “nhận hối lộ, sở hữu số lượng lớn tài sản không rõ nguồn gốc và lạm dụng quyền lực được giao trong một công ty quốc doanh”¹⁰. Người bảo trợ cho ông ta, Chu Vĩnh Khang, bị tù chung thân, nhà nước đã tịch thu khối tài sản trị giá hơn 14 tỷ USD của ông ta và các cộng sự¹¹. Hơn 300 người thân và cộng sự của Chu Vĩnh Khang, trong đó có các quan chức CNPC từng giúp điều hành hoạt động kinh doanh của công ty ở Ấn Độ, Iran, Cadắcxtan và Tuốc-mê-ni-xtan, đều phải đối mặt với những điều tra về tội tham nhũng.

Cũng như ở Ả-rập Xê-út, chính phủ công bố rất ít thông tin chi tiết về các cáo buộc tham nhũng chống lại các quan chức ở CNPC. Tuy nhiên, có những tình tiết sơ lược cho thấy đại khái

mọi sự đã diễn ra như thế nào. Hãng *Reuters* đưa tin rằng Tưởng Khiết Mẫn đã sử dụng tiền của CNPC, theo lệnh của Chu Vĩnh Khang, để giúp che đậy vụ tai nạn xe hơi liên quan đến con trai của một quan chức cấp cao trong Đảng¹². Cơ quan chống tham nhũng của Trung Quốc chỉ trích nhiều bộ phận không thuộc lĩnh vực dầu khí của CNPC được dùng để phục vụ mục đích bảo trợ, ví dụ như khách sạn và các doanh nghiệp taxi¹³. Bên ngoài Trung Quốc, các báo cáo gán CNPC với những vụ bê bối tham nhũng ở Sát, Cadắcxtan và Tuốcmênixtan¹⁴. Ngoài ra, các quan chức CNPC có tiếng là những người bạo tay trong việc chi tiêu tiền ngân sách, thích chơi bời, quà cáp xa xỉ và vùng tay quá trán.

Vì vậy, khi Tập Cận Bình trấn áp tham nhũng ở CNPC và các công ty dầu khí quốc gia khác là ông đang giải quyết một vấn đề thực tế báo hiệu giai đoạn cải tổ ở CNPC và các công ty quốc doanh khác. Tuy nhiên, hành động của ông còn phục vụ mục đích chính trị. Tương tự như nhiều chiến dịch chống tham nhũng mạnh tay khác, cuộc trấn áp này lộ rõ những khiếm khuyết của các cơ quan tư pháp chứ không phải là sức mạnh của họ. Phần lớn các thủ tục tố tụng diễn ra trong vòng bí mật, được các tòa án đặc biệt bảo trợ và một số bị cáo cho biết đã có hành động bạo lực. Viết về vụ này, Tổ chức Theo dõi nhân quyền (Human Rights Watch) cho rằng: “Trong trường hợp không có cơ quan tư pháp độc lập, phương tiện truyền thông tự do, chế độ pháp quyền thực sự và hệ thống tư pháp hình sự có thể điều tra và truy tố tham nhũng một cách hiệu quả và công bằng, thì bất kỳ chiến dịch chống tham nhũng nào cũng khó có thể thu được thành công”¹⁵.

Chiến dịch chống tham nhũng do Tổng thống Vênêxuêla Nicolas Maduro khởi xướng cũng giải quyết các vấn đề tham nhũng thực sự, nhưng dường như đã làm cho vấn đề trở nên

tồi tệ hơn. Năm 2017, chính phủ của ông đã sa thải khoảng 70 quan chức của công ty dầu khí quốc gia vì cáo buộc tham nhũng, trong đó có Giám đốc điều hành của công ty và Bộ trưởng Dầu mỏ. Động thái này diễn ra trong bối cảnh thành tích của ngành sụt giảm nghiêm trọng, phần lớn là do quản lý kém.

Trong khi tham nhũng tại công ty dầu khí quốc gia thực sự là một vấn đề lớn, thì cuộc thanh trừng trước hết và trên hết là một động thái chính trị. Theo Francisco Monaldi, một nhà phân tích hàng đầu về lĩnh vực dầu khí ở Vênêxuêla, “vụ thanh trừng này bị nhiều người cho rằng có động cơ chính trị nhằm đạt được nhiều mục tiêu: trút mọi tội lỗi về vụ sụp đổ kinh tế lên những vị giám đốc điều hành này, loại bỏ Ramirez [cựu Bộ trưởng], đối thủ chính trị của Tổng thống Maduro, đồng thời mở cửa cho quá trình quân sự hóa ngành công nghiệp dầu khí”¹⁶. Một vị tướng chẳng có mấy kinh nghiệm về dầu khí nắm quyền điều hành công ty dầu khí quốc gia, khiến các nhà đầu tư càng thêm bi quan về khả năng giành lại số tài sản đang sụt giảm của mình.

Trái ngược hoàn toàn với những chiến dịch do các nhà lãnh đạo Trung Quốc, Ả-rập Xêút và Vênêxuêla tung ra, các tổ chức dân chủ và giám sát đã giành được một số thắng lợi trong cuộc chiến chống tham nhũng. Họ thậm chí còn chứng minh được khả năng truy quét tham nhũng dính líu tới các nhà lãnh đạo cấp cao.

Như đã đề cập trong Chương 3, hệ thống tư pháp Braxin đã điều tra và truy tố một số chính trị gia và doanh nhân quyền lực nhất trong cả nước. Các nhà chức trách trong vụ này phải đối mặt với cáo buộc là có thành kiến về chính trị, đặc biệt là khi các vụ truy tố đã ngăn cản cựu Tổng thống Lula tham gia tranh cử trong cuộc bầu cử năm 2018. Tuy nhiên, thành công của các nhà chức trách Braxin chứng tỏ một cách rõ ràng cách thức các thiết chế

ở trong nước có thể chống tham nhũng nếu chế độ pháp quyền đủ mạnh. Về khía cạnh này, Braxin không phải là quốc gia duy nhất. Một tòa án ở Ôman đã tuyên phạt cựu giám đốc điều hành của công ty dầu khí quốc gia hơn 20 năm tù với tội danh nhận hối lộ từ một công ty Hàn Quốc đang tìm kiếm hợp đồng xây dựng¹⁷. Ở Indônêxia, cựu lãnh đạo cơ quan quản lý ngành dầu khí bị tuyên án 7 năm tù vì nhận hối lộ từ một công ty kinh doanh dầu khí có trụ sở ở Xingapo thông qua huấn luyện viên môn đánh golf của ông ta¹⁸. Mặc dù không liên quan đến dầu khí, nhưng các nguyên thủ quốc gia ở các nước khác như Ixraen và Hàn Quốc, cũng đã bị cơ quan thực thi pháp luật của nước họ điều tra về tội tham nhũng.

Ở Nigiêria và Malaixia, các cuộc bầu cử trong nước được xem như một công cụ chống tham nhũng. Các cuộc tranh cử đủ công bằng để cử tri có thể hạ bệ những kẻ tham nhũng. Một lần nữa, biện pháp này không chỉ được áp dụng ở những nước có nhiều dầu mỏ. Trong những năm gần đây, những người đang cầm quyền ở Ăchentina, Bênanh, Côxta Rica, Gana, Ấn Độ, Xiêra Lêôn cũng như ở Xri Lanca đã bị thất bại trong các cuộc bầu cử, một phần do các vụ bê bối tham nhũng¹⁹. Các cơ quan giám sát của chính phủ cũng vào cuộc bằng cách lên tiếng báo động về tham nhũng ở trong nước. Ở Hoa Kỳ, như đã nói trong Chương 3, tổng thanh tra của Bộ Nội vụ và Văn phòng Trách nhiệm giải trình của chính phủ đã tiết lộ những xung đột lợi ích và hoạt động kém hiệu quả ở Cục Quản lý Khoáng sản (MMS), một đơn vị thuộc Bộ Nội vụ trực tiếp quản lý ngành dầu khí ở nước ngoài²⁰.

Mặc dù đã có những hành động như vậy, nhưng thành tích của các tác nhân chống tham nhũng ở trong nước, vẫn không ổn định. Thông thường, các chính phủ tiến hành hoạt động chống

tham nhũng để đánh bóng tên tuổi của mình. Ba hoa về chống tham nhũng là việc khá dễ dàng, khởi động (nhưng ít khi hoàn thành) các cuộc điều tra một số quan chức theo hình thức chiếu lệ cũng tương tự. Cuối cùng, các chiến dịch ở trong nước trước hết là để phục vụ mục đích chính trị, còn chống tham nhũng chỉ đứng vai trò thứ yếu. Mặc dù có thể giải quyết các vấn đề tham nhũng hoàn toàn có thật và mang lại một số kết quả, nhưng các chiến dịch này thường không hoàn chỉnh và còn nhiều khiếm khuyết. Những tác nhân phòng chống tham nhũng khác có thể giúp khắc phục những thiếu sót này.

Đôi khi chính phủ nước ngoài tiếp lửa

Như đã trình bày ở chương trước, các vòi bạch tuộc của tham nhũng vươn ra cả nước ngoài. Mặc dù những liên kết quốc tế này giúp các quan chức dễ dàng đánh cắp và cất giấu được nhiều tiền, nhưng chúng cũng tạo ra những lỗ hổng. Vươn ra ngoài biên giới quốc gia, âm mưu tham nhũng lập tức bị các tổ chức chống tham nhũng nước ngoài theo dõi và tìm cách ngăn chặn.

Jason Sharman, một chuyên gia về các phong trào chống tham nhũng đã kinh ngạc khi nhận xét về việc hiện nay các chính phủ thường xuyên lên tiếng và hành động để chống tham nhũng ở các quốc gia khác. Ông lập luận rằng diễn biến này làm người ta ngạc nhiên vì chống tham nhũng ở nước ngoài không có sức hấp dẫn đối với cử tri ở trong nước và thường gây rắc rối cho các nhóm lợi ích đầy quyền lực, ví dụ như ngành ngân hàng. Hành động chống tham nhũng đi ngược lại niềm tin của nhiều người về chủ quyền và có thể gây rắc rối cho chính sách đối ngoại và an ninh²¹. Tuy nhiên, phong trào quốc tế chống tham nhũng và chống chế độ đạo tặc trị đã ghi nhận được một số thắng lợi to lớn.

Các chính phủ ngoại quốc chỉ có một vài công cụ để sẵn lòng tham nhũng xảy ra ở nước ngoài. Giả sử Hoa Kỳ muốn giúp ngăn chặn tham nhũng ở Nigieria, Malaixia hay Adécbaigian. Thứ nhất, Hoa Kỳ có thể truy tố bất kỳ thực thể nào đã đưa hối lộ ở nước đó, với điều kiện là thực thể đó có quan hệ rõ ràng với Hoa Kỳ. Thông thường, quan hệ được coi là rõ ràng khi có trụ sở chính ở Hoa Kỳ hoặc niêm yết trên sàn chứng khoán Hoa Kỳ. Thứ hai, Hoa Kỳ có thể tịch thu tài sản bị đánh cắp khi tài sản này tới Hoa Kỳ hoặc được chuyển qua các ngân hàng Hoa Kỳ. Thứ ba, Chính phủ Hoa Kỳ có thể sử dụng các biện pháp trừng phạt và các biện pháp ngoại giao khác để hạ nhục các quan chức tham nhũng và khiến cuộc sống của họ trở nên khó khăn hơn. Thứ tư, Hoa Kỳ có thể ban hành các chính sách hạn chế tham nhũng xảy ra trong tương lai. Cuối cùng, Chính phủ Hoa Kỳ có thể tài trợ cho các tổ chức phi chính phủ, ví dụ như xã hội dân sự và các nhóm truyền thông, những người chống tham nhũng trên toàn cầu hoặc ở một quốc gia cụ thể nào đó. Mặc dù không đồng đều, nhưng những nỗ lực trong cả 5 biện pháp nói trên đã và đang mang lại những kết quả quan trọng.

Hoa Kỳ vẫn dẫn đầu thế giới trong việc sử dụng biện pháp thứ nhất - truy tố những kẻ hối lộ. Đạo luật chống tham nhũng ở nước ngoài (FCPA), ban hành năm 1977, quy định rằng hành động hối lộ của các cá nhân và công ty ở Hoa Kỳ, hoặc các cá nhân và công ty có quan hệ chặt chẽ với Hoa Kỳ, đều là bất hợp pháp. Có giai đoạn, các nhà chức trách đã không thường xuyên sử dụng FCPA. Nhưng mọi sự đã thay đổi với một vài vụ án bom tấn trong những năm 2000, các công ty thượng hạng (blue chip), trong đó có những gã khổng lồ trong lĩnh vực dầu khí như Chevron và BakerHughes, đã phải trả những khoản tiền phạt lớn vì tội hối lộ²².

Trong một hành động mang tính lịch sử, chính quyền Hoa Kỳ đã buộc Halliburton và đối tác KBR của họ phải trả khoản tiền phạt khổng lồ là 579 triệu USD vì đã hối lộ ở Nigêria trong những năm 1990, mặc dù hai công ty này đều có những mối quan hệ chính trị mạnh²³. FCPA là một công cụ nghiêm túc và các công ty dầu khí bắt đầu chú ý tới bộ luật này.

Gần đây, ngay sau vụ bùng nổ dầu mỏ, các hoạt động chống tham nhũng đã gia tăng và lan rộng. Nếu Bộ Tư pháp Hoa Kỳ và Ủy ban Chứng khoán và giao dịch Hoa Kỳ không tích cực thực thi FCPA thì nhiều vụ án được nói tới trong cuốn sách này sẽ chưa được phát hiện. Thật vậy, ngành dầu khí có nhiều vụ án được xét xử theo FCPA hơn bất kỳ lĩnh vực kinh tế nào khác. Có thể kể ra một vài vụ việc khác như: Việc thực thi FCPA đã buộc Halliburton phải nộp phạt 29 triệu USD vì ký hợp đồng với một công ty có quan hệ chính trị ở Ănggôla²⁴. Bộ Tư pháp Hoa Kỳ đã phạt nặng Petrobras và một số công ty hối lộ Petrobras, trong đó có Odebrecht và SBM Offshore²⁵. Och-Ziff, quỹ phòng ngừa rủi ro hay quỹ phòng hộ (hedge fund) khổng lồ ở Hoa Kỳ, bị phạt 213 triệu USD vì đã hối lộ để bảo đảm hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực khai thác dầu khí ở Libi, Sát và Cộng hòa Dân chủ Cônggô²⁶. Hoa Kỳ đã tiến hành nhiều cuộc điều tra những công ty đã thuê công ty trung gian Unaoil nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh ở Irắc và những nơi khác, căn cứ theo luật FCPA. Cuối năm 2018, một số doanh nhân đã thừa nhận những cáo buộc của Hoa Kỳ về tội hối lộ các quan chức ở các công ty dầu khí quốc gia của Venêxuêla và Êcuado²⁷.

Các vụ ở Venêxuêla cho thấy một hướng đi mới đầy hứa hẹn trong việc thực thi FCPA. Cơ quan thực thi pháp luật Hoa Kỳ sử dụng các cáo buộc rửa tiền để truy lùng những kẻ nhận hối lộ sau nhiều năm tập trung chủ yếu vào các công ty hối lộ.

Năm 2018, bốn quan chức của công ty dầu khí quốc gia Vênêxuêla đã nhận tội trước các cáo buộc của Hoa Kỳ về âm mưu rửa tiền liên quan đến nhận hối lộ²⁸. Trong những vụ này và những vụ khác, Hoa Kỳ có thể sử dụng vai trò bao quát của các ngân hàng đại lý Hoa Kỳ và các giao dịch tài chính bằng đồng đôla Mỹ nhằm thiết lập thẩm quyền đối với nhiều vụ chuyển tiền hối lộ. Với khả năng như thế, các nhà chức trách Hoa Kỳ nắm giữ một vị trí vững chắc trong việc giúp các nhà chức trách ở nước ngoài điều tra những vụ giao dịch bằng đồng đôla Mỹ.

Các nước khác cũng không còn miễn cưỡng theo đuổi các vụ hối lộ như trước đây. Một nghiên cứu của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) cho thấy vai trò quan trọng của Hoa Kỳ trong lĩnh vực chống hối lộ, giai đoạn 1999-2014: xử phạt 128 vụ hối lộ. Tiếp theo là Đức với 26 vụ, sau đó là Hàn Quốc với 11 vụ. Pháp, Thụy Sĩ, Vương quốc Anh và các quốc gia được khảo sát khác đều xử lý tối đa 6 vụ²⁹.

Nhưng những con số này chưa thể hiện một số tiến bộ thực sự. Trong những năm 1990, ở các nước như Ôxtrâyliya, Pháp, Đức, Hà Lan và Thụy Sĩ, các công ty không bị truy tố về tội hối lộ. Trên thực tế, họ có thể xóa khoản hối lộ, coi đó là chi phí kinh doanh được khấu trừ thuế³⁰. Kể từ đó, nhiều điều đã thay đổi. Năm 1997, OECD thông qua Công ước chống hối lộ (Anti Bribery Convention)* và đặt mục tiêu thúc đẩy 44 nước thành viên cải thiện thành tích phòng chống hối lộ của mình. Ví dụ, vào năm 2012, OECD đã công khai khiển trách Pháp vì chưa cố gắng một cách thỏa đáng trong việc thực thi luật chống hối lộ, với nhận xét:

* Công ước chống hối lộ của OECD là công ước chống tham nhũng, theo đó OECD yêu cầu các nước ký kết phải hình sự hóa hành vi hối lộ của các quan chức nước ngoài (ND).

“Chúng tôi không cảm thấy ấn tượng về số lượng các vụ kết án và hơn thế nữa, chưa có nhiều nỗ lực thực sự... Trong 20 năm qua, có rất nhiều vụ bị rơi vào bế tắc hoặc phải khép lại vì lý do chính trị”³¹.

Từ ngày bị phê phán, việc thực thi pháp luật ở Pháp đã được cải thiện và, năm 2016, Chính phủ Pháp thông qua một trong những luật phòng chống tham nhũng nghiêm ngặt nhất thế giới. Năm 2010, Vương quốc Anh thông qua Đạo luật Hồi lộ (Bribery Act) khá nghiêm khắc, còn Đức cũng củng cố chế độ pháp lý chống hối lộ vào năm 2015. Italia thông qua đạo luật mới vào năm 2012 và tiến hành một trong những phiên tòa xét xử hối lộ lớn nhất trong lịch sử với cáo buộc chống lại Shell và Eni trong vụ bê bối OPL 245 ở Nigêria³².

Nhờ những cải tiến này, trong những năm gần đây, nhiều chính phủ đã ráo riết truy quét hối lộ trong lĩnh vực dầu khí. Thậm chí, họ còn tiến hành những hành động chống lại một số công ty lớn nhất và có ảnh hưởng nhất của nước mình. Cảnh sát Thụy Sĩ đã điều tra Gunvor, một trong những công ty kinh doanh dầu khí lớn nhất thế giới, vì có khả năng tham nhũng ở Cộng hòa Cônggô³³. Các nhà chức trách Hà Lan đã vào cuộc sau khi công ty dịch vụ dầu khí SBM Offshore có trụ sở tại Amsterdam hối lộ các quan chức ở Ănggôla, Braxin, Ghinê Xích đạo, Cadăcxtan và Irắc, đồng thời công ty này đã đồng ý trả 240 triệu USD để giải quyết các cáo buộc³⁴. Vương quốc Anh cáo buộc Rolls-Royce tội hối lộ trong một số vụ làm ăn thuộc lĩnh vực dầu khí, đồng thời truy tố một số giám đốc điều hành của Barclays về tội âm mưu gian lận trong khi lôi kéo hoạt động kinh doanh từ nước Cata có nhiều khí đốt, mặc dù sau đó được tòa tuyên vô tội³⁵.

Tốc độ thực thi luật pháp cũng đã gia tăng. OECD theo dõi tất cả các vụ án chống hối lộ do 17 quốc gia giàu nhất thế giới

đang theo đuổi cho đến khi hoàn tất. Số vụ tăng từ chưa tới 10 vụ/năm trong giai đoạn trước năm 2003 lên hơn 70 vụ vào năm 2011³⁶. 20% trong số những vụ việc này liên quan đến các công ty khai thác dầu mỏ hoặc khai khoáng - đây là tỷ lệ cao nhất trong tất cả các lĩnh vực.

Các chính phủ cũng đang tìm cách để cùng nhau theo đuổi các vụ việc khi cần thiết vì nạn tham nhũng mà họ muốn diệt trừ có tính chất xuyên biên giới. Hoa Kỳ và Pháp cùng truy lùng ngân hàng Société Générale (Pháp) vì đã hối lộ các quan chức Libi, được đề cập trong Chương 2³⁷. Vụ việc đã được dàn xếp - lần đầu tiên các nhà chức trách Hoa Kỳ và Pháp cùng phối hợp để giải quyết một vụ hối lộ. Hành động phối hợp cũng giúp giải quyết nhiều vụ hối lộ khác, ít nhất là trong những khu vực tài phán mà cơ quan tư pháp được phép theo đuổi những vụ việc kiểu này. Ví dụ, các nhà chức trách Hoa Kỳ đã thông báo về công cuộc hợp tác xuất sắc của họ với cơ quan thực thi pháp luật Braxin trong các cuộc điều tra về hoạt động của Petrobras.

Hoa Kỳ và một số nước khác hiện đang thường xuyên truy xét cá nhân các giám đốc điều hành về tội hối lộ chứ không chỉ phạt tiền các công ty nơi họ làm việc. Suy cho cùng, các công ty không hối lộ; con người hối lộ. Thông báo nội bộ của Bộ Tư pháp Hoa Kỳ, năm 2015 khuyến khích các công tố viên của Bộ này thúc đẩy vấn đề vừa nêu. Kết quả là, trong năm 2017, 70% các vụ thực thi FCPA do Bộ Tư pháp Hoa Kỳ tiến hành là nhằm vào các cá nhân thay vì các tập đoàn. Một số người không may mắn này làm việc trong ngành công nghiệp dầu khí. Một số người trong đó là những người giữ địa vị trung bình trong các cơ quan hay công ty bị bắt quả tang đang nhận tiền bẩn. Một luật sư người Mỹ đã nhận tội che giấu các khoản hối lộ cho Petrobras, một số

doanh nhân Texas nhận tội hối lộ các quan chức ở công ty dầu khí quốc gia Venêxuêla³⁸. Một tòa án Hoa Kỳ kết tội Patrick Ho, người đại diện cho một công ty dầu khí Trung Quốc, hối lộ các quan chức ở Sát và Uganda³⁹. Ở Thụy Sĩ, Pascal Collard bị kết tội hối lộ các quan chức Cônggô trong thời gian ông này làm việc tại công ty kinh doanh dầu Gunvor⁴⁰. Một nhân viên ngân hàng Goldman Sachs, người đã từng giúp lật tẩy vụ lừa đảo ở 1MDB đã thừa nhận những cáo buộc của Hòa Kỳ về tội rửa tiền và vi phạm FCPA⁴¹.

Các công ty thường thích đổ lỗi cho nhân viên như vậy và cho rằng tham nhũng là do hành động của một vài kẻ phá hoại tổ chức, chứ không phải là vấn đề mang tính hệ thống. Tuy nhiên, trong một số trường hợp nhỏ hơn, các công tố viên đã truy lùng những người đứng đầu, bắt họ phải giải trình riêng về những sự kiện đã xảy ra trong giai đoạn họ chịu trách nhiệm. Ví dụ, một thẩm phán Hoa Kỳ đã tuyên phạt cựu giám đốc điều hành của SBM Offshore 36 tháng tù do “thành tích” hối lộ của công ty do ông ta điều hành⁴². Kèm theo phán quyết, Bộ Tư pháp Hoa Kỳ tuyên bố cứng rắn như sau: “Bản án nên dùng như một lời cảnh báo đối với các giám đốc điều hành công ty trên khắp mọi nơi: nếu quý vị hối lộ để thúc đẩy lợi ích trong công việc kinh doanh của mình, thì chúng tôi sẽ bắt quý vị và sẽ truy tố quý vị ở mức cao nhất của luật pháp”⁴³.

Năm 2018, sau nhiều năm trì hoãn, một tòa án Italia đã phát hiện được một cựu giám đốc điều hành của công ty dịch vụ mỏ dầu Saipem, phạm tội hối lộ và ông ta đã bị kết án 5 năm tù. Dưới sự điều khiển của vị giám đốc điều hành này, Saipem đã hối lộ các quan chức công ty dầu khí quốc gia Angiêri hơn 200 triệu USD để giành được các hợp đồng trị giá hơn 8 tỷ USD⁴⁴.

Chẳng bao lâu nữa, vị cựu giám đốc điều hành này sẽ có thêm bạn tù. Cho đến nay, các giám đốc điều hành quyền lực nhất trong lĩnh vực dầu khí phải đối mặt với tòa án là các giám đốc điều hành đương nhiệm cũng như đã bãi nhiệm của Eni và một số giám đốc điều hành cấp cao của Shell đang bị xét xử ở Italia vì vai trò của họ trong vụ bê bối OPL 245, được đề cập trong Chương 2⁴⁵.

Mặc dù vậy, những vụ kiện các giám đốc điều hành và những người ban hành quyết định hàng đầu khác của các công ty lại không diễn ra thường xuyên. Một thẩm phán Hoa Kỳ, trong khi kết tội một người trung gian tầm trung vì vai trò của ông này trong việc dàn xếp vụ hối lộ quỹ phòng ngừa rủi ro Och-Ziff, đã nhận xét đầy thất vọng rằng các giám đốc điều hành cấp cao vẫn tìm được cách trốn tránh trách nhiệm trực tiếp. Không những không phải chịu hậu quả, mà “những người còn lại trong số những người từng tham gia [vào tham nhũng] đã đi chơi ở một sân golf nào đó”, ông ta nhận xét một cách phẫn nộ⁴⁶.

Do có những vụ truy tố tội hối lộ, các công ty dầu khí đã phải trả những khoản tiền phạt lớn và đối mặt với những thiệt hại về danh tiếng trước công chúng và các nhà đầu tư. Hoạt động thực thi pháp luật gia tăng cũng khiến hầu hết các công ty dầu khí lớn đầu tư mạnh vào các hệ thống “liêm chính”, trong đó có các quy tắc ứng xử, huấn luyện phòng chống tham nhũng cho nhân viên và các bộ phận chuyên trách theo dõi việc tuân thủ luật chống hối lộ. Hiện nay, nhiều công ty đang tiến hành thẩm định kỹ lưỡng các nhà thầu và khách hàng của mình, trong đó có kiểm tra xem liệu các đối tác tiềm năng này có quan hệ với các quan chức nhà nước hay không. Trong khi một số cải cách chỉ là làm đẹp báo cáo tài chính thì những cải cách khác lại thể hiện những thay đổi quan trọng trong hành vi của các công ty đang thực sự cố gắng tránh những cuộc điều tra chống hối lộ trong tương lai.

Đây là những thành tựu quan trọng và đáng ca tụng trong cuộc chiến chống tham nhũng. Nhưng những đạo luật chống hối lộ, ngay cả khi được thực thi một cách tích cực, vẫn chưa thật sự đầy đủ. Những dữ liệu đã có chứng tỏ rằng các công ty tiếp tục hối lộ ngay cả khi có nguy cơ bị bắt. Trong một công trình nghiên cứu, các nhà nghiên cứu đã tiến hành phân tích chi phí - lợi ích của hành động hối lộ. Họ phát hiện được rằng “do những biện pháp trừng phạt trong nhiều khu vực pháp lý vẫn còn khá nhẹ, các công ty vẫn cảm thấy có lợi khi dành thời gian và công sức cho âm mưu hối lộ, ngay cả khi biết chắc rằng họ sẽ bị bắt khi âm mưu này kết thúc”⁴⁷.

Việc các thỏa thuận khởi tố bị hoãn lại (DPA) ngày càng trở thành hiện tượng phổ biến có thể làm giảm tình trạng không rõ ràng và hậu quả mà các công ty vi phạm phải đối mặt. Ở Hoa Kỳ, cũng như ở Canada, Vương quốc Anh và một số nước khác, các công ty sốt sắng và hợp tác với chính quyền có thể hy vọng không bị đưa ra tòa và thương lượng với nhà chức trách hình phạt mà họ phải chịu. Một vụ bê bối chính trị đã nổ ra khi cơ quan tư pháp của Canada buộc tội Thủ tướng Justin Trudeau vì đã khuyến nghị một công ty xây dựng lớn của Canada nên chấp nhận dàn xếp thay vì phải hầu tòa. Công ty này, từng phủ nhận hành vi sai trái, đã bị buộc tội hối lộ các quan chức Libi khoảng 48 triệu USD trong khoảng thời gian 10 năm.

Cùng với các khoản tiền phạt có thể chịu đựng được, các công ty liên quan đến hối lộ chỉ gặp những phản ứng không quá nghiêm khắc từ các nhà đầu tư. Một nghiên cứu khác đã so sánh hiệu quả hoạt động của hai nhóm công ty nằm trong danh sách chỉ số thị trường chứng khoán S&P 500 của Hoa Kỳ - những công ty đã bị xử phạt vì tham nhũng theo FCPA và những công ty không bị xử phạt. Nghiên cứu này đưa ra một kết luận gây nản lòng: “Chúng tôi

không tìm thấy dấu hiệu nào cho thấy các công ty hoạt động kém hơn trong khi bị điều tra hoặc sau khi bị trừng phạt vì vi phạm FCPA”⁴⁸. Nhà báo Jesse Eisinger, trong khi lên án Bộ Tư pháp Hoa Kỳ vì không trừng phạt tội phạm cổ cồn trắng, đã phê phán xu hướng trong thời gian gần đây, thường áp dụng cho các vụ việc trong lĩnh vực dầu khí: các công ty đồng ý thừa nhận tội lỗi, cơ quan có thẩm quyền coi đây là chiến thắng lớn, còn các hình phạt thực tế chỉ gây ra thiệt hại không đáng kể⁴⁹.

Hành vi của một số công ty dầu khí càng củng cố thêm mối lo ngại này. Chắc chắn là họ không thích bị bắt vì tội tham nhũng. Cùng với những khoản tiền phạt cao ngất ngưỡng, họ còn phải đối mặt với nhiều câu hỏi hóc búa từ giới truyền thông, các đối tác kinh doanh và quan trọng nhất là các nhà đầu tư. Nhưng, chắc chắn là họ hành xử một cách mạo hiểm. Ví dụ, theo điều tra của Global Witness, trong năm 2013, ExxonMobil đã sốt sắng mua lô dầu ở Libêria mặc dù họ biết chủ sở hữu của lô này có quan hệ với các quan chức nhà nước⁵⁰. Thủ đoạn của Eni, công ty dầu khí Italia, đã thúc đẩy người ta tiến hành liên tiếp những cuộc điều tra chống hối lộ. Trong 10 năm qua, Hoa Kỳ, Italia và chính quyền các nước khác đã mở các cuộc điều tra những hành vi hối lộ có thể được công ty Eni và các công ty con của nó thực hiện ở Angiêri, Braxin, Cộng hòa Congo, Irắc, Cadăcxtan, Côoét, Libi và Nigiêria⁵¹. Một số cuộc điều tra không có kết quả và Eni phủ nhận hành vi sai trái trong những vụ khác, nhưng ít nhất, bộ hồ sơ này cho thấy khả năng bị điều tra không làm Eni thoái chí, họ tiếp tục dính líu vào những dự án kinh doanh đầy rủi ro.

Một nhược điểm khác là, FCPA và các đạo luật tương tự khác là công cụ hữu ích nhất để xử lý những hành vi hối lộ khá đơn giản. Tham nhũng thường tinh vi hơn hối lộ kiểu “tiền trao cháo múc” (quid pro quo), trong đó, công ty trả tiền cho

quan chức để nhận được một lợi ích cụ thể nào đó. Ví dụ, các công ty dầu khí có thể trao hợp đồng cho các đơn vị địa phương có quan hệ chính trị để duy trì mối quan hệ tốt đẹp với chính phủ, ngay cả khi không có yêu cầu cụ thể nào được đưa lên bàn cân. Loại tham nhũng này khó bị truy tố hơn nhiều.

Các cáo trạng chống hối lộ thường không trừng phạt được hành vi tham nhũng của các quan chức nước ngoài. Nhưng ở đây, những năm bùng nổ dầu mỏ cho thấy những tiến bộ quan trọng. Thông qua các phương pháp tiếp cận pháp lý mới, một số chính phủ đã vươn tay tới những đối tượng này bằng cách thu giữ số tiền mà họ đã đánh cắp được, cũng như tịch thu tất cả những thứ mà họ đã dùng những đồng tiền này để mua.

Năm 2010, Bộ Tư pháp Hoa Kỳ khởi động Sáng kiến thu hồi tài sản của chế độ đạo tặc trị và lập ra một nhóm công tố viên nhằm truy tìm nguồn tiền bẩn đã được đưa vào Hoa Kỳ. Nếu những tài sản được mua bằng tiền có được từ tham nhũng hoặc các tội phạm khác, Bộ Tư pháp Hoa Kỳ có thể tiến hành tịch thu bất động sản, du thuyền, máy bay và các đồ đạc khác được mua ở Hoa Kỳ, tịch thu lợi nhuận từ các khoản đầu tư kinh doanh ở Hoa Kỳ, tịch thu tiền trong các ngân hàng Hoa Kỳ, hoặc thậm chí tịch thu các khoản tiền đang được chuyển qua các ngân hàng Hoa Kỳ để đến những nước khác. Tổng Chương lý Hoa Kỳ Eric Holder đã đưa ra lời giải thích cao quý về việc lập ra sáng kiến mới: “Khi giới đạo tặc trị cướp ngân khố của quốc gia họ, đánh cắp tài nguyên thiên nhiên và biến thủ các khoản viện trợ phát triển, là chúng đẩy trẻ em ở đất nước mình vào tình trạng nghèo đói và bệnh tật. Trước bất công hiển nhiên này, việc thu hồi tài sản của chúng là một vấn đề cấp thiết toàn cầu”⁵².

Mục tiêu đầu tiên và rõ ràng của chương trình là Teodoro Obiang Nguema, con trai của người đã cai trị Ghinê Xích đạo từ

năm 1979. Trong những năm 1990, sau khi phát hiện được các mỏ dầu lớn, Ghinê Xích đạo trở thành một trong những nước phụ thuộc nhiều nhất vào dầu mỏ. Do có ít người, trong thời kỳ bùng nổ dầu mỏ, GDP bình quân đầu người của nước này lên tới 30.000 USD - cao hơn hẳn những nước khác ở châu Phi cũng như các nước phát triển hơn như Tây Ban Nha và Hàn Quốc. Nhưng công dân của đất nước này dường như chưa từng thấy khoản tiền đó: tuổi thọ trung bình và tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh của Ghinê Xích đạo thấp hơn mức trung bình của châu Phi. Của cải từ dầu khí hầu hết được tài trợ cho cơ sở hạ tầng, trong đó có các dự án mà chi phí không tương thích với hiệu quả và giá trị của chúng, ví dụ như một thủ đô mới ở giữa rừng rậm.

Gia đình cầm quyền cũng thu được những món lợi lớn và bắt đầu chi tiêu ở nước ngoài. Obiang, con trai Tổng thống, nắm giữ một số chức vụ hàng đầu trong chính phủ, trong đó có các chức vụ Phó Tổng thống và Bộ trưởng Nông nghiệp và Lâm nghiệp. Trong suốt những năm 2000, ông ta chuyển tiền ra khỏi Ghinê Xích đạo thông qua một số tài khoản ngân hàng nước ngoài và các công ty bình phong, trong đó có cả các công ty ở Hoa Kỳ.

Sau khi tiến đi vào hệ thống tài chính toàn cầu, Obiang sử dụng chúng để trang trải cho lối sống của một tay chơi tầm cỡ thế giới. Quá nhiều nhưng vô cùng lãng phí, anh ta có một dàn xe sang trọng, trong đó có một chiếc Bugatti Veyron và một chiếc Koenigsegg One trị giá khoảng 2 triệu USD mỗi chiếc. Anh ta mua bất động sản ở Braxin, Pháp, Nam Phi, Tây Ban Nha và Hoa Kỳ, trong đó có một tòa nhà trị giá 30 triệu USD ở Malibu và một biệt thự ở Paris trị giá hơn 100 triệu USD - có vũ trường, phòng spa, tiệm làm tóc, khung cảnh ngoạn mục của Khải Hoàn Môn,

đồng nội thất trị giá 40 triệu USD, một bức tượng của Rodin và một tá trứng phục sinh Fabergé đắt đỏ. Anh ta có một máy bay phản lực hiệu Gulfstream, một du thuyền khổng lồ, đồ trang sức và đồng hồ trị giá hàng triệu đôla Mỹ, một hầm rượu đẳng cấp thế giới, những bức tranh của Degas, Renoir và Matisse, và chiếc găng tay trắng đính pha lê mà Michael Jackson đeo trong Bad tour - chuyến lưu diễn đầu tiên của mình. Bộ Tư pháp Hoa Kỳ ước tính, từ năm 2000 đến 2012, Obiang đã chi hơn 300 triệu USD, mặc dù mức lương chính thức của anh ta chưa bao giờ vượt qua 6 con số⁵³.

Đáng tiếc là, hành vi này không có gì thực sự mới hoặc khác biệt, có lẽ là ngoại trừ sự tương phản tột độ giữa cách sống của Obiang và cuộc sống của người dân bình thường ở Ghinê Xích đạo. Một người trong giới tinh hoa chính trị đã sử dụng địa vị của mình để chiếm đoạt của cải do đầu mỏ mang lại cho đất nước; anh ta cất giữ tiền bạc trong hệ thống tài chính toàn cầu bằng cách sử dụng các công ty bình phong, tài khoản ngân hàng và những người hỗ trợ; rồi sau đó mua những món đồ xa xỉ và bất động sản. Điều đặc biệt là, Obiang đã không phải chịu trách nhiệm về hậu quả do hành động của mình gây ra ở Ghinê Xích đạo.

Cái mới ở đây là, chính phủ một số nước truy lùng Obiang và của cải của anh ta. Anh ta là một trong những đối tượng đầu tiên của Sáng kiến thu hồi tài sản của chế độ đạo tặc trị. Trong các năm 2011-2013, Bộ Tư pháp Hoa Kỳ nộp 3 đơn kiện nhằm tịch thu khoảng 70 triệu USD tài sản của Obiang, trong đó có một du thuyền, tòa nhà ở Malibu và đôi găng tay trắng của Michael Jackson. Về mặt pháp lý, Bộ Tư pháp Hoa Kỳ dựa trên 2 nguyên tắc: những tài sản có được từ các hành động phi pháp, căn cứ theo luật pháp của Ghinê Xích đạo, và sau đó tài sản này được

đưa vào Hoa Kỳ. Trợ lý Tổng Chương lý Hoa Kỳ nói về Obiang như sau: “Bằng những hành vi tham ô và tống tiền liên tục, Phó Tổng thống Nguema Obiang đã cướp bóc chính phủ của mình một cách trơ trẽn và tống tiền các doanh nghiệp ở đất nước mình nhằm cung cấp cho lối sống xa hoa của anh ta, trong khi nhiều đồng bào của anh ta đang phải sống trong cảnh nghèo đói cùng cực. Sau khi thu vén được hàng triệu đôla Mỹ tiền hối lộ và tiền lại quả, Nguema Obiang đã mạnh tay chi tiêu những khoản tiền kiếm được nhờ tham nhũng ở Hoa Kỳ”⁵⁴.

Các nhà chức trách Pháp cũng truy lùng Obiang. Năm 2007, một số tổ chức phi chính phủ ở Pháp đã có một bước đi táo bạo và đầy sáng tạo nhằm chống lại các chính trị gia nước ngoài đã và đang đưa tiền bẩn vào Pháp. Họ đã đệ đơn kiện các tổng thống và thành viên trong gia đình các tổng thống ở 3 nước châu Phi nhiều dầu mỏ: Cộng hòa Cônggô, Ghinê Xích đạo và Gabông. Đơn kiện khẳng định rằng những người này có bất động sản ở Pháp, nhiều hơn số tiền mà họ có thể mua được bằng mức lương chính thức của mình. Ví dụ, Tổng thống Gabông và gia đình ông ta được cho là có 39 bất động sản ở Pháp, chủ yếu là ở những khu thượng lưu ở Paris, 70 tài khoản ngân hàng ở Pháp và một dàn ô tô trị giá 1,5 triệu USD⁵⁵.

Sau một vài sai lầm, cuối cùng, các nhà chức trách Pháp đã mở cuộc điều tra pháp lý về vấn đề này với tâm điểm là Obiang, mục tiêu lớn nhất trong số những người được nêu trong đơn kiện hình sự. Một cuộc chiến pháp lý khốc liệt diễn ra sau đó. Nhà chức trách Pháp tịch thu ô tô của Obiang, đột kích dinh thự của anh ta ở Paris và cuối cùng truy tố anh ta. Các luật sư của Obiang và Chính phủ Ghinê Xích đạo chống trả, tuyên bố thân chủ của họ được hưởng quyền miễn trừ truy tố, chuyển dinh thự này

thành tài sản của chính phủ và đệ đơn phản đối lên Tòa án Công lý quốc tế (ICJ)⁵⁶.

Cuối cùng, năm 2017, một tòa án ở Pháp đã kết án Obiang về tội biển thủ hơn 170 triệu USD. Anh ta bị phạt 3 năm tù treo và tiền phạt treo 35 triệu USD; án treo ở đây có nghĩa là những hình phạt này sẽ chỉ có hiệu lực nếu anh ta phạm một tội khác ở Pháp. Cùng năm đó, sau một cuộc điều tra về phương thức mua và cải tạo một ngôi nhà đất tiền ở ngoại ô Paris, nhà chức trách Pháp cáo buộc con gái và con rể Tổng thống Cộng hòa Cônggô về tội rửa tiền và lạm dụng công quỹ⁵⁷.

“Đó là một làn gió mới”, William Bourdon, người từng làm việc với các tổ chức phi chính phủ lên tiếng. “Những điều mà cách đây 10 hoặc 15 năm được coi là hoàn toàn phi thực tế thì nay được coi là có thể thực hiện được”⁵⁸. Thật vậy, những vụ án này đại diện cho một kỷ nguyên mới, nơi các quan chức tham nhũng có thể bị pháp luật sờ gáy nếu của cải của họ được chuyển ra nước ngoài.

Cùng với Obiang, một số nhân vật trong cuốn sách này cũng cảm thấy phần nợ trước Sáng kiến thu hồi tài sản của chế độ đạo tặc trị do Bộ Tư pháp Hoa Kỳ ban hành. Chương trình này truy lùng tài sản trị giá cả tỷ đôla Mỹ của Jho Low, kiến trúc sư trưởng của âm mưu ở 1MDB. Họ cũng truy lùng khoản tiền hối lộ mà cựu Đại sứ Sát tại Hoa Kỳ và Canada cùng vợ ông ta nhận từ một công ty dầu khí của Canada, như đã đề cập trong Chương 2⁵⁹.

Kola Aluko, một doanh nhân người Nigieria, được giới thiệu trong Chương 3, cũng bị xử lý tương tự như vậy. Aluko là người lãnh đạo Atlantic Energy, công ty dầu khí từng nhận được những hợp đồng cực kỳ béo bở trong thời gian bà Diezani Alison-Madueke làm Bộ trưởng Dầu mỏ Nigieria. Tất cả những

vụ làm ăn dễ dàng đó đã mang về cho Aluko hàng tỷ đôla Mỹ cần phải chuyển đi và một số tiền trong đó đã được chuyển vào Hoa Kỳ. Năm 2017, Bộ Tư pháp Hoa Kỳ tịch thu căn hộ trị giá 50 triệu USD của Aluko ở New York và siêu du thuyền trị giá 80 triệu USD mà Beyoncé và JayZ đã từng thuê⁶⁰. Bộ Tư pháp Hoa Kỳ cũng cáo buộc Aluko và cộng sự đã sử dụng các công ty bình phong ở Quần đảo Virgin thuộc Anh và Xâysen để mua một số ngôi nhà trị giá hàng triệu đôla Mỹ ở trong và xung quanh London để biếu Alison-Madueke⁶¹.

Đối với Alison-Madueke và nhiều quan chức giàu có đáng ngờ khác, Vương quốc Anh là điểm đến được họ lựa chọn. Khi các đặc vụ Nga bị cáo buộc sử dụng chất độc thần kinh để đầu độc một cựu điệp viên và con gái của ông ta trên đất Anh, sự phản đối công khai và có tính chính trị đối với xu hướng này vươn lên tầm cao mới. Các nhà chức trách Vương quốc Anh đã áp dụng một số biện pháp để đối phó, mà thú vị nhất là một công cụ pháp lý được gọi là Lệnh tài sản không giải thích được (UWO). Các nhà chức trách Vương quốc Anh có thể áp dụng lệnh này khi các chính trị gia và gia đình của họ có số tài sản nhiều hơn khả năng của họ nếu chỉ dựa vào thu nhập chính thức. Khi lệnh được ban hành, chủ sở hữu phải giải thích bằng cách nào họ lại có những tài sản này. Trong khi cảnh sát Hoa Kỳ và Pháp phải lần theo các dòng tiền trên toàn thế giới để chứng minh ai là người sở hữu những tài sản đáng ngờ, thì UWO buộc nghi phạm phải giải trình. Vì vậy, Lệnh này là một bước tiến đặc biệt ấn tượng⁶².

Vài tháng sau khi chương trình được tung ra, các nhà chức trách Vương quốc Anh đã ban hành UWO đầu tiên nhắm vào “bà A”, sau này người ta mới biết bà A là vợ của một cựu quan chức

ở một ngân hàng quốc doanh Adécbaigian. Theo các nhà chức trách Anh, bà A và chồng có bất động sản trị giá 28 triệu USD ở Vương quốc Anh và nghiện mua sắm; họ đã chi 21 triệu USD tại Harrods*, và mua các món đồ trang sức trị giá 150.000 bảng Anh chỉ trong một ngày. Hồ sơ vụ án cáo buộc rằng cặp vợ chồng này có được tài sản là do người chồng biển thủ một khoản tiền lớn khi còn làm việc tại một ngân hàng quốc doanh. Họ phủ nhận cáo buộc⁶³.

Như với tất cả các công cụ phòng chống tham nhũng, giá trị của UWO phụ thuộc vào việc các nhà chức trách Anh có sử dụng thường xuyên hơn và trong những vụ khó khăn hơn về chính trị hay không. Tòa án Adécbaigian đã kết án chồng của “bà A” về tội tham nhũng, vì vậy cảnh sát Anh không gặp nguy hiểm vì xúc phạm chế độ ở Baku khi lần đầu tiên sử dụng công cụ pháp lý mới. Trong khi thế giới chờ xem quá trình thực thi sẽ diễn ra như thế nào, thì những quan chức nước ngoài đã tiêu những khoản tiền lớn ở Vương quốc Anh dường như đang cảm thấy lo lắng. Ví dụ, Tổ chức Minh bạch quốc tế đã công bố danh sách bất động sản mà chính quyền Anh nên xem xét, trong đó có những ngôi nhà thuộc sở hữu của gia đình Tổng thống Adécbaigian, Phó Thủ tướng Nga, một thượng nghị sĩ Nigieria và một tướng quân đội Libi đã nghỉ hưu⁶⁴.

Ngay cả với những công cụ mới này, đây vẫn là công việc cực kỳ khó khăn đối với Vương quốc Anh, Hoa Kỳ và các chính phủ khác. Việc tịch thu tài sản của một chuỗi các công ty bình phong có trụ sở ở những khu vực pháp lý bí mật không phải là công việc dễ dàng. Các nhà điều tra còn phải chứng minh rằng, đây là những tài sản có nguồn gốc từ những đồng tiền do

* Cửa hàng bách hóa tổng hợp nổi tiếng ở London (ND).

phạm tội ở đất nước, nơi những khoản tiền này được gửi đi - cũng là nơi mà các chính trị gia thường chiếm được tiền bằng những biện pháp hợp pháp về mặt kỹ thuật, hoặc những nơi cơ quan thực thi pháp luật địa phương rất khó khăn trong việc hợp tác⁶⁵. Vì những lý do này, có khá ít chính phủ theo đuổi những vụ như thế và phải mất nhiều năm mới có thể giải quyết được.

Làm gì với số tài sản đã tịch thu được là một thách thức khác. Ví dụ như vụ Obiang. Hoa Kỳ không muốn trả lại những gì tịch thu được cho chính chính phủ ngay từ đầu đã cho phép biến thủ số tiền đó. Nhưng còn có những lựa chọn nào khác? Có những khoản tiền đã được hồi hương, ví dụ, một phần số tiền mà nhà độc tài Nigieria, Sani Abacha, đã biến thủ được trong những năm 1990. Trong một trường hợp khác, Ngân hàng Thế giới đã thành lập một quỹ đặc biệt để sử dụng số tiền tịch thu được ở Cadácxtan - một cơ chế để giữ số tiền này bên ngoài kho bạc của chính phủ. Nhưng phải mất nhiều năm mới dàn xếp được những vụ như thế và hầu hết những món tiền tịch thu được vẫn ở trong tình trạng lấp lửng hoặc được chuyển về cho các nhà chức trách đã thu giữ khoản tiền.

Chính phủ nước ngoài có các công cụ ngoại giao cũng như công cụ pháp lý để trừng phạt tham nhũng. Một cách lịch sự hơn, họ có thể làm giảm uy tín các nhà lãnh đạo tham nhũng và cộng sự của họ. Năm 2015, Tổng thống Aliyev trải thảm đỏ để đón các nguyên thủ quốc gia châu Âu tới dự lễ khai mạc Đại hội thể thao châu Âu đầu tiên được tổ chức ở nước này. Các cuộc thi đấu đã tiêu tốn 8 tỷ USD tiền thu được từ vụ bùng nổ dầu mỏ của Adécbaigian - chính quyền đã xây dựng các sân vận động lộng lẫy và thanh toán chi phí cho tất cả 6.000 vận động viên⁶⁶. Các khoản chi này là để thực hiện chương trình nghị sự rõ ràng.

Vị Bộ trưởng Thể thao tuyên bố: “Sau Đại hội thể thao châu Âu ở Baku, người dân trên toàn thế giới sẽ biết rằng Adécbaigian nằm ở châu Âu”⁶⁷.

Các nhà lãnh đạo từ khắp châu Âu đều được mời tham dự lễ khai mạc và phải quyết định có tham gia cùng Aliyev hay không, mặc dù chính phủ của ông ta vốn nổi tiếng về tham nhũng và vi phạm nhân quyền. Bỏ qua cơ hội xem Lady Gaga biểu diễn tại lễ khai mạc, hầu hết các nguyên thủ quốc gia thuộc Liên minh châu Âu đều không tới dự, và trên khán đài chỉ có các nguyên thủ từ Bungari, Lúcxămbua, Mônacô và Xan Marinô⁶⁸.

Chính phủ nước ngoài có thể sử dụng các biện pháp trừng phạt để chống tham nhũng - đây là một bước cao hơn so với việc làm bẽ mặt bằng biện pháp ngoại giao. Năm 2018, Dan Gertler, một doanh nhân khét tiếng người Ixraen, đã biết những biện pháp này hoạt động như thế nào. Các công ty của Gertler có những vụ làm ăn lớn trong lĩnh vực khai khoáng ở Cộng hòa dân chủ Cônggô - ông ta có quan hệ bạn bè thân thiết với tổng thống của nước này. Gertler kiếm được hàng tỷ đôla Mỹ từ các hợp đồng khai thác mỏ rất thuận lợi và một số ít trong lĩnh vực dầu khí. Ví dụ, năm 2014, ông bán quyền khai thác một lô dầu của Cônggô với giá gấp 300 lần số tiền ông đã bỏ ra⁶⁹. Hoạt động chủ yếu bên ngoài các khu vực pháp lý hải ngoại, Gertler không phải gánh chịu những hậu quả chính thức do các hoạt động của mình gây ra trong suốt nhiều năm liền. Tuy nhiên, cuối cùng, Hoa Kỳ đã có thể trừng phạt ông ta. Năm 2017, Chính phủ Hoa Kỳ đóng băng tất cả tài sản của Gertler tại Hoa Kỳ và cấm các tổ chức và cá nhân ở Hoa Kỳ kinh doanh với ông ta và các công ty của ông. Hậu quả là, các công ty khai khoáng toàn cầu vội vàng cắt đứt quan hệ với Gertler sau nhiều năm sử dụng ông ta nhằm bảo đảm vị thế chính trị tốt ở Cộng hòa dân chủ Cônggô⁷⁰.

Để trừng phạt Gertler, Hoa Kỳ còn sử dụng một công cụ mới khác là Đạo luật Magnitsky toàn cầu, được ban hành năm 2016, dành cho những kẻ tham nhũng và vi phạm nhân quyền. Luật này được đặt theo tên của Sergei Magnitsky, một luật sư người Nga đã chết trong tù sau khi ông phanh phui một vụ bê bối tham nhũng quy mô lớn dính líu tới các quan chức ở Điện Kremlin. Một số nước, trong đó có Canada, Extônia và Litva, đã áp dụng các biện pháp tương tự. Đạo luật Magnitsky của Hoa Kỳ trao quyền cho một nhóm nhỏ các quan chức ở Bộ Tài chính thực hiện hành động dứt khoát nhằm chống lại một số tội phạm toàn cầu, tạo được những lợi ích có thể thấy được đúng vào thời điểm Bộ Ngoại giao rơi vào tình trạng tiềm ẩn hỗn loạn dưới thời Ngoại trưởng Rex Tillerson.

Cộng hòa dân chủ Cônggô không phải là đối tượng được ưu tiên trong chính sách đối ngoại của chính quyền Trump, đây là lý do vì sao Gertler bị trừng phạt. Đối với các nước khác, việc sử dụng các biện pháp trừng phạt có liên quan nhiều hơn đến chính sách đối ngoại hoặc những lo ngại về an ninh chứ không chỉ nhằm chống tham nhũng. Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu đã sử dụng các biện pháp trừng phạt mạnh tay đối với một số ông trùm trong lĩnh vực dầu khí của nước Nga, cũng như người lãnh đạo công ty dầu khí quốc gia Rosneft. Các biện pháp này được áp dụng vào năm 2014 nhằm trừng phạt Nga vì sáp nhập Crimea, chứ không phải để giải quyết những lo ngại về tham nhũng. Tuy nhiên, các biện pháp này cũng nhằm vào dòng tiền dầu khí có lợi cho quan chức cấp cao Nga và nhóm thân hữu. Các động cơ của chính sách đối ngoại cũng là lý do để Hoa Kỳ áp dụng các biện pháp trừng phạt đối với công ty dầu khí quốc gia Vênêxuêla

trong thời gian gần đây: đóng cửa “tụ điểm tham nhũng”, nơi các quan chức có thể thông qua đó để làm giàu cho bản thân⁷¹.

Cuối cùng, cùng với những biện pháp pháp lý và ngoại giao, các chính phủ nước ngoài có thể thực hiện các chính sách khiến khó có thể tham nhũng ngay từ đầu. Một lần nữa, ở đây cũng đã có một số tiến bộ. Hiện nay, nhiều người đã hiểu và thảo luận nhằm tìm ra những chính sách có lợi và đây chính là cơ sở để xây dựng những biện pháp triển khai trên thực tế. Một trong những mục tiêu chính của chính sách là loại trừ các công ty bình phong ẩn danh, biện pháp phổ biến nhất nhằm ngăn chặn dòng tiền bẩn. Hiện nay, Chính phủ Anh đã yêu cầu tất cả các công ty của nước này phải công khai “chủ sở hữu hưởng lợi”, tức là những người thực sự được hưởng lợi từ các công ty chứ không chỉ là tên gắn trên cánh cửa. Năm 2018, Nghị viện Anh có bước đi đầy tham vọng: yêu cầu các lãnh thổ hải ngoại của nước này, trong đó có các thiên đường thuế khóa nổi tiếng và các khu vực pháp lý bí mật như Quần đảo Virgin thuộc Anh và Quần đảo Cayman, phải thực hiện yêu cầu trên trong những năm tới. Hoa Kỳ đã áp dụng các biện pháp mới nhằm ngăn chặn, không cho giới đạo tặc trị bí mật mua bất động sản. Từ năm 2018, các công ty phải xác định chủ sở hữu thực sự trước khi tham gia vào các vụ mua bất động sản trị giá trên 300.000 USD hoàn toàn bằng tiền mặt ở các thành phố được liệt kê trong danh sách. Các điều khoản dự thảo của Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương và Hiệp định Hoa Kỳ - Mêhicô - Canada (kế thừa NAFTA) có các biện pháp phòng chống tham nhũng tiến bộ đến mức đáng ngạc nhiên, ví dụ bảo vệ người tố giác và yêu cầu công khai tài sản của các quan chức chính phủ, mà các bên ký kết các hiệp định cần phải thông qua⁷². Nếu chính phủ nào đó lúng túng, không biết phải

áp dụng chính sách nào, thì Lực lượng đặc nhiệm hành động tài chính quốc tế (FATF) sẽ công bố các đánh giá khá nghiêm ngặt về mức độ hiệu quả của 38 quốc gia thành viên trong việc bảo vệ chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và “các mối đe dọa khác đối với tính toàn vẹn của hệ thống tài chính quốc tế”.

Nhờ tất cả các biện pháp này, các chính phủ có một bộ công cụ tốt nhất từ trước tới nay nhằm truy vết tham nhũng diễn ra ở nước ngoài. Luật chống hối lộ của các chính phủ nghiêm khắc hơn và được sử dụng thường xuyên hơn. Họ có thể tịch thu tài sản tham nhũng và kích hoạt các biện pháp trừng phạt mạnh mẽ nhằm chống lại các cá nhân và công ty tham nhũng. Nếu được thông qua và thực hiện tốt, các chính sách mới có thể làm cho việc chuyển tiền bí mật trở nên khó khăn hơn. Nhưng tất cả những công cụ này đều có khiếm khuyết. Tệ hơn nữa, các chính phủ sử dụng chúng một cách thất thường. Thông thường, những ưu tiên cạnh tranh với nhau sẽ cản trở việc thực hiện các biện pháp trên.

Trong những năm bùng nổ dầu mỏ, tham nhũng trong lĩnh vực này ở Nigieria đã tăng tới quy mô lịch sử. Tham nhũng lớn đến mức không thể nào che giấu được, chắc chắn là các nhà chức trách Hoa Kỳ có đầy đủ thông tin để đánh giá được quy mô của vấn đề. Tuy nhiên, họ đã không hành động vì muốn giữ quan hệ tốt đẹp với chính phủ của Goodluck Jonathan. Nigieria được coi là đồng minh trong cuộc chiến chống khủng bố, các công ty dầu khí của Hoa Kỳ muốn dàn xếp mối quan hệ với các quan chức địa phương, còn các quan chức đại sứ quán thích thân thiện hơn là chống tham nhũng⁷³. Sau đó, trong cuộc bầu cử năm 2015, Tổng thống Buhari đánh bại Jonathan, phần lớn là nhờ những thành tích về phòng chống tham nhũng của ông.

Đột nhiên, các thành viên của cộng đồng quốc tế, trong đó có Hoa Kỳ, cảm thấy rất hào hứng giúp nhà lãnh đạo mới truy lùng những kẻ tham nhũng mà họ đã từng vui vẻ bắt tay trong suốt những năm trước đó.

Tương tự như ở Nigêria, tham nhũng cũng leo thang trong những năm bùng nổ dầu mỏ ở Irắc trong nhiệm kỳ của Thủ tướng Nouri Al-Maliki. Hoa Kỳ và các đối tác quốc tế của nước này đã làm ngơ trước vấn đề với hy vọng giữ được ổn định chính trị ở mức nào đó. Cách tiếp cận này có thể đã phản tác dụng. Khi bị Nhà nước Hồi giáo tự xưng (IS) đe dọa, tham nhũng đã làm suy yếu lực lượng quân sự và làm cho nhiều người dân thất vọng. Ví dụ, một ủy ban của Quốc hội Irắc ước tính quân đội đã chi 150 tỷ USD nhưng chỉ nhận được số vũ khí, khí tài trị giá 20 tỷ USD⁷⁴. Ở Nigêria, các quan chức an ninh bị cáo buộc đã chuyển hàng tỷ đôla Mỹ dùng cho cuộc chiến chống Boko Haram vào túi riêng và cho chiến dịch tranh cử năm 2015 của Jonathan⁷⁵. Trong cuốn sách *Kẻ trộm nhà nước* (Thieves of State), Sarah Chayes, chuyên gia về Ápganixtan, giải thích rằng việc coi thường hiện tượng tham nhũng dường như đã giúp Taliban trỗi dậy và ông khẳng định rằng chống tham nhũng nên là ưu tiên trong chính sách an ninh quốc gia, chứ không nên coi thường khi xuất hiện những lo ngại về an ninh quốc gia⁷⁶.

Trong khi Hoa Kỳ đôi khi có quan điểm cứng rắn đối với tham nhũng, thì các cường quốc khác lại có thái độ khoan dung hơn. Một lần nữa, vụ 1MDB cung cấp cho chúng ta một minh họa hữu ích. Tờ *Wall Street Journal* đưa tin rằng, năm 2016, Chính phủ Trung Quốc đã đề nghị tìm cách giúp Malaixia thoát khỏi ràng buộc với 1MDB. Cụ thể, biên bản các cuộc họp mà *Wall Street Journal* nhìn thấy đã chỉ ra rằng các quan chức Trung Quốc

đề nghị gây áp lực buộc Hoa Kỳ và các chính phủ khác từ bỏ những cuộc điều tra của họ về 1MDB. Họ cũng đề nghị theo dõi các phóng viên của *Wall Street Journal* làm việc ở Hồng Kông từng đưa tin về 1MDB. Đổi lại, theo báo cáo, Malaixia cho tiếp cận những dự án lợi nhuận cao trong ngành đường sắt và đường ống dẫn dầu, nằm trong sáng kiến cơ sở hạ tầng quốc tế khổng lồ “Vành đai, Con đường” của Trung Quốc⁷⁷.

Đại sứ quán Trung Quốc ở Malaixia, cũng như cựu Thủ tướng Najib, đã bác bỏ những thông tin mà *Wall Street Journal* đưa ra và gọi nó là “vô căn cứ”⁷⁸. Nếu quả thật Trung Quốc đã đưa ra lời đề nghị như vậy thì những cuộc đàm phán này cung cấp cho chúng ta một ví dụ khá rõ nét về việc lợi ích kinh tế cũng giống như những lo ngại về an ninh, có thể ngăn cản các chính phủ đầy quyền lực chống tham nhũng.

Các chính phủ trên thế giới đã phản ứng thất thường, đôi khi lợi bất cập hại trước nạn tham nhũng ở Malaixia, Nigêria, Irắc và nhiều nước khác. Mặc dù một số chính phủ đã hành động quyết liệt nhằm chống lại tham nhũng trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ, nhưng họ cũng thường khoanh tay đứng nhìn.

Khi những người trợ giúp tiềm năng cản trở thay vì tiếp tay cho tham nhũng

Bí mật mang theo một chiếc máy quay phim, Ralph Kayser (không phải tên thật), một điều tra viên của nhóm giám sát chống tham nhũng của Global Witness, sắp xếp các cuộc gặp tại 13 công ty luật ở New York. Anh ta nói với các luật sư rằng mình là cố vấn của một vị bộ trưởng ngành khai thác mỏ ở châu Phi. Vị bộ trưởng này muốn mua một máy bay, một ngôi nhà đắt tiền và một du thuyền ở Hoa Kỳ mà không muốn bị phát hiện. Đoạn phim

từ chiếc máy quay bí mật được phát sóng trên chương trình thời sự có tên là *60 Minutes* (60 phút) ở Hoa Kỳ, ghi được 12/13 luật sư đề xuất biện pháp thực hiện nhiệm vụ này: sử dụng các công ty bình phong⁷⁹.

Một số luật sư đưa ra lời khuyên chính xác cho bất kỳ người nào đang tìm cách che giấu những món tiền bất hợp pháp: bạn nên “thiết lập một nhóm nhỏ các chủ sở hữu nhằm bảo vệ quyền riêng tư giống như bất kỳ thứ gì khác”. Người khác giải thích: “nghĩa là công ty A thuộc quyền sở hữu của công ty B; công ty C và D lại cùng sở hữu công ty B; và công ty của bạn sở hữu toàn bộ hoặc phần lớn cổ phần của công ty C và D”. Họ còn nói thêm rằng, vị bộ trưởng này “có lẽ tốt hơn nên làm việc với một ngân hàng nhỏ” và “có thể có các hệ thống ngân hàng khác ít khắt khe hơn về vấn đề này so với ngân hàng ở Hoa Kỳ. Chúng tôi có thể cung cấp cho anh danh sách những nước với hệ thống ngân hàng yêu cầu ít chi tiết hơn về quyền sở hữu hoặc nguồn tiền”.

Nhưng có một luật sư không làm như vậy. Một người anh hùng thực sự, một người hành nghề độc lập tên là Jeffrey M. Herrmann, lắng nghe kịch bản trong khi dùng ống hút để uống Diet Snapple. “Tôi không làm những việc này”, anh đáp lại bằng giọng New York cổ điển, nhíu mày và phẩy tay. “Tiêu chuẩn của tôi cao hơn”. Khi Kayser hỏi liệu anh ấy có thể giới thiệu ai khác hay không, Herrmann trả lời: “Tôi không nghĩ vậy và tôi cũng sẽ không giới thiệu vì đó là một sự xúc phạm đối với họ”. Và với những lời này, một người trợ giúp tiềm năng đã nói “không” với việc tiếp tay cho tham nhũng.

Tham nhũng trong lĩnh vực dầu khí, trong mỗi trường hợp mà tôi nghiên cứu, đều được một liên minh nào đó, trong đó có các công ty dầu khí quốc tế, ngân hàng, luật sư và kế toán viên

trợ giúp. Những tác nhân trợ giúp nước ngoài làm cho tham nhũng trở nên khả thi. Nhưng đôi khi những người trợ giúp tiềm năng cũng chống lại tham nhũng. Những ví dụ được công chúng biết đến vẫn còn ít, nhưng điều quan trọng là phải tìm hiểu những hành động này nếu muốn chúng ngày càng phổ biến hơn.

Hầu hết các tác nhân trợ giúp tiềm năng đều có hệ thống được thiết kế nhằm phát hiện tham nhũng. Họ nghiên cứu các đối tác hoặc khách hàng tiềm năng, tìm hiểu xem khách hàng có điều tai tiếng nào cần che giấu hay không. Hầu hết những người trợ giúp tiềm năng cũng có các bộ phận chuyên theo dõi việc tuân thủ, để bảo đảm rằng công ty của họ không vi phạm những đạo luật phòng chống tham nhũng có liên quan. Khi công việc tiến triển, những hệ thống này và những hệ thống khác khá hiệu quả trong việc phát hiện rủi ro tham nhũng. Xét cho cùng, khó mà bỏ qua những vấn nạn này. Câu hỏi lớn là, người trợ giúp tiềm năng quyết định làm gì sau đó.

Khi một kế toán viên hoặc một công ty luật hay một ngân hàng nghi ngờ rằng một giao dịch hay một khách hàng tiềm năng bị tham nhũng vấy bẩn, họ phải đưa ra sự lựa chọn. Họ có thể tiếp tục giao dịch, có lẽ là thực hiện các bước đi nhằm che đậy sự dối trá của chính mình, nghĩ ra những lời phủ nhận có thể chấp nhận được. Hoặc họ có thể cự tuyệt vụ làm ăn và rời đi. Có rất nhiều ví dụ theo cách thứ nhất, như thường thấy. Các vụ ở Ănggôla, Adécbaigian, Malaixia, Nigiêria, Nga và nhiều nước khác cho thấy các ngân hàng quốc tế đã bật đèn xanh cho các giao dịch lớn, đáng ngờ. Trong những năm khi tham nhũng hoành hành ở 1MDB và Petrobras, các công ty kế toán đã ký khống báo cáo tài chính của những công ty này. Đôi khi những người trợ giúp tiềm năng trấn an lẫn nhau. Khi cân nhắc có nên

thực hiện một số công việc kinh doanh mạo hiểm ở Ănggôla hay không, một luật sư làm việc tại công ty quốc tế Appleby's viết trong một email: “Chúng tôi cần phải tìm hiểu nguồn của cải và nguồn tiền”. Đồng nghiệp của ông ta trả lời: “Tôi cho rằng chúng ta cũng có thể cảm thấy tương đối an tâm vì thực tế là KPMG chính là cố vấn cho khách hàng này và công việc kinh doanh của ông ta”⁸⁰.

Giống như Herrmann, những trường hợp đi ngược với xu hướng này thú vị hơn hẳn. Để công bằng đối với những người trợ giúp tiềm năng, có lẽ có nhiều hành vi tốt thường không bao giờ được đưa ra ánh sáng. Nếu một công ty từ bỏ một vụ làm ăn phi pháp, công ty đó khó có thể công khai quyết định của mình. Thông báo như vậy có thể khiến các đối tác tiềm năng khác ở trong nước sợ hãi, tạo ra phản ứng chính trị hoặc khiến các cổ đông, giới truyền thông hoặc các cơ quan quản lý chú ý một cách không cần thiết.

Một tài liệu khó hiểu của công ty và một bức thư bị rò rỉ cho thấy Deloitte, một trong “4 công ty kế toán lớn” đã ít nhất một lần tìm cách tránh tiếp tay cho tham nhũng. Năm 2016, công ty đã gửi một bức thư không bình thường cho Ban Quản lý và Hội đồng quản trị Addax, một công ty dầu khí và công ty mẹ của công ty này là công ty dầu khí quốc doanh Trung Quốc, Sinopec⁸¹. Bức thư được một tờ báo Thụy Sĩ thu thập và đăng tải. Bức thư cho thấy những lo ngại của Deloitte về các khoản thanh toán đáng ngờ mà họ đã phát hiện được khi kiểm toán sổ sách của Addax. Bức thư cũng trình bày chi tiết về việc Addax và Sinopec liên tục từ chối trả lời về những lo ngại đó.

Cụ thể, trong bức thư gửi Addax và Sinopec, Deloitte lưu ý tới khoản tiền lên tới 20 triệu USD mà Addax đã trả cho một số

luật sư Nigêria và 80 triệu USD trả cho một công ty kỹ thuật thuộc sở hữu của một chính trị gia nổi tiếng của Nigêria, cả 2 vụ đều được thực hiện trong năm 2015. Theo những sự kiện mà Deloitte có thể thấy, cả 2 lần thanh toán này đều không tương thích với các dịch vụ thực sự được cung cấp. Ngoài ra, thời điểm thanh toán cũng đáng ngờ: Addax thanh toán ngay trước khi giải quyết vụ tranh chấp kéo dài với chính phủ về các khoản nợ thuế của mình - công ty đã được lợi lớn sau khi giải quyết xong vụ này. Bức thư cũng nói rằng một số người tố giác đã tiếp cận với các kiểm toán viên của Deloitte và báo cáo những việc làm gian dối như mua một chiếc đồng hồ trị giá 70.000 USD cho Bộ trưởng Dầu mỏ Nigêria, một âm mưu lại quả có lợi cho các giám đốc điều hành của Addax và hoạt động tham nhũng có thể xảy ra trong doanh nghiệp của Addax ở Gabông⁸².

Trong thư, Deloitte cảnh báo rằng họ sẽ cần phải từ bỏ công việc nếu Addax không kịp thời xử lý vấn đề bằng cách mở cuộc điều tra riêng⁸³. Vì một công ty con của Addax có trụ sở ở Vương quốc Anh, Deloitte phải tuân theo các quy định của Anh và giải thích lý do từ bỏ công việc trong một tuyên bố công khai. Và đó chính xác là những gì đã diễn ra. Một tháng sau khi viết thư, Deloitte từ bỏ công việc và nộp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh của Vương quốc Anh (United Kingdom's Company House) một bản tóm tắt về vụ gian lận khả nghi, trong đó có nhiều lời chỉ trích gay gắt tương tự như vừa trình bày⁸⁴.

Bất kỳ lúc nào trước khi viết thư, Deloitte đều có thể che giấu vấn đề này, đóng dấu chấp thuận cho các báo cáo của Addax và nhận được các khoản phí đáng kể cho các dịch vụ của mình. Họ giữ vững lập trường, không những thế, còn làm cho vấn đề trở nên căng thẳng hơn.

Các nhân viên bất mãn ở Addax làm mọi việc để các phương tiện truyền thông Thụy Sĩ biết đến và đến lượt mình, các cơ quan thực thi pháp luật của nước này đã biết việc Deloitte nộp báo cáo cho cơ quan quản lý Vương quốc Anh. Năm 2017, cảnh sát Thụy Sĩ bắt giữ giám đốc điều hành và giám đốc pháp lý của Addax, cáo buộc họ và công ty của họ vì nghi ngờ hối lộ các quan chức nước ngoài. Vụ án đã kết thúc, Addax bị phạt 32 triệu USD và không có hình phạt nào dành cho các giám đốc điều hành⁸⁵. Như thường lệ, các công tố viên đã chứng minh rằng không thể truy vết đường đi của những đồng tiền này từ Addax đến tay các quan chức Nigêria, và do đó không thể chứng minh được ý định phạm tội. Sau vụ này, năm 2017, Sinopec đóng cửa các văn phòng Addax ở Anh, Hoa Kỳ và Thụy Sĩ, đồng thời tìm cách bán bớt các doanh nghiệp dầu khí ở Nigêria và Gabông.

Camera bí mật của Global Witness và bức thư của Deloitte đã tiết lộ những khoảnh khắc khi các luật sư và kế toán viên quyết định không tiếp tay cho tham nhũng. Giai đoạn bùng nổ dầu mỏ cung cấp cho chúng ta một vài ví dụ khác, mặc dù không nhiều. Năm 2015, công ty dầu khí quốc gia Venêxuêla ký hợp đồng với Trenaco, một công ty kinh doanh và vận tải nhỏ, để khoan tới 600 giếng dầu trong Vành đai Orinoco, mỏ dầu lớn nhất thế giới. Hợp đồng trị giá lên tới 4,5 tỷ USD. Theo điều tra của hãng *Reuters*, Trenaco không có kinh nghiệm hoạt động ở quy mô lớn như vậy và họ bắt đầu thuê nhân viên mới trước khi hợp đồng chính thức được ký kết⁸⁶. Nếu thỏa thuận được thông qua, Trenaco sẽ phải làm việc với các công ty dầu khí quốc tế lớn, đang hoạt động trong Vành đai Orinoco, trong đó có Chevron và Rosneft.

Một số công ty quốc tế viết thư phản đối công ty dầu khí quốc gia, thể hiện lo ngại rằng Trenaco “không đủ năng lực về mặt kỹ thuật và tài chính” để xử lý dự án này. Các công ty này cũng

phàn nàn rằng họ có thể sẽ bị chính phủ nước mình giám sát về tham nhũng nếu phải hợp tác với Trenaco, đặc biệt trong bối cảnh Hoa Kỳ đang tiến hành những cuộc điều tra về tham nhũng trong lĩnh vực dầu khí của Venêxuêla. Để an toàn hơn, giám đốc điều hành của những công ty này cũng gửi những bức thư đó cho *Reuters*. Bước đi này đã mang lại hiệu quả. Thay vì ký kết thỏa thuận, công ty dầu khí quốc gia Venêxuêla đã chia nhỏ gói thầu và trao từng phần cho những công ty có kinh nghiệm hơn.

Một số ngân hàng cũng đã có những bước đi đúng hướng. Một ngân hàng Thụy Sĩ đã báo cho nhà chức trách về những vụ chuyển tiền đáng ngờ từ các tài khoản của những công ty trung gian, được công ty kinh doanh dầu Gunvor thuê nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh của họ ở Cộng hòa Congo. Ngân hàng Credit Suisse đã mua lại Clariden Leu, một ngân hàng tư nhân nhỏ đang được đề cập và thiết lập hệ thống chống rửa tiền cứng rắn hơn⁸⁷. Báo cáo của ngân hàng này đã giúp thúc đẩy cuộc điều tra của Thụy Sĩ về hành vi hối lộ của một nhân viên Gunvor, như đã đề cập trong Chương 2. HSBC, một ngân hàng lớn của Vương quốc Anh, cũng đã đệ trình “báo cáo về hoạt động đáng ngờ” khi khoảng 500 triệu USD từ ngân hàng trung ương của Ănggôla được chuyển vào một tài khoản tư nhân⁸⁸. Con trai của cựu Tổng thống Ănggôla phải đối mặt với một cuộc điều tra tham nhũng liên quan đến giao dịch này, như đã đề cập trong Chương 4⁸⁹. HSBC công khai việc làm tốt đẹp này như một bằng chứng về các biện pháp phòng chống tham nhũng mới và cải tiến, được áp dụng sau những vụ rửa tiền sai trái trong quá khứ, trong đó có việc giúp rửa gần 1 tỷ USD cho các trùm ma túy ở Mêhicô. Tuy nhiên, việc nộp báo cáo về hoạt động đáng ngờ, tự nó không phải là một phản ứng hiệu quả. Chỉ trong vòng 12 tháng, từ năm 2017 đến 2018, Cục chống tội phạm quốc gia

Vương quốc Anh (UK National Crime Agency) đã nhận được 463.938 báo cáo tương tự như vậy, vượt quá khả năng xem xét một cách hiệu quả của một cơ quan chỉ có nguồn lực hạn chế.

Tìm những ví dụ về những người trợ giúp tiềm năng kiềm chế tham nhũng là công việc khó khăn. Phân tích động cơ đằng sau những hành động như vậy thậm chí còn khó khăn hơn. Đôi khi, những người trợ giúp tiềm năng làm những việc đúng đắn vì họ không muốn bị bắt. Điều này đặc biệt đúng nếu họ phải tuân theo các quy định chặt chẽ ở nước mình. Ví dụ, không phải ngẫu nhiên mà các ngân hàng có nhiều khả năng báo cáo các giao dịch đáng ngờ hơn các đại lý bất động sản, vì các ngân hàng phải tuân theo các quy định chống rửa tiền cứng rắn hơn. Nếu các hậu quả pháp lý không phải là vấn đề, một ngân hàng có thể muốn tránh bị thổi bay danh tiếng nếu một vụ bê bối tham nhũng nổ ra. Trong các trường hợp khác, hệ thống chống tham nhũng nội bộ hoặc thiên hướng đạo đức của những người ban hành quyết định chủ chốt ngăn chặn âm mưu này.

Ngay cả khi những người trợ giúp tiềm năng phải đối mặt với luật lệ cứng rắn hơn nhiều và bắt đầu ngăn chặn tham nhũng thường xuyên hơn, thì khát khao kiếm tiền đôi khi cũng chiến thắng. Tương tự như các chính phủ trong và ngoài nước, các công ty này sẽ tiếp tục thực hiện một cách tiếp cận có chọn lọc để ngăn chặn tham nhũng. Phản ứng của họ sẽ không thỏa đáng và bị chi phối bởi lợi ích vật chất. Vì lý do này, xã hội dân sự và phương tiện truyền thông là cực kỳ cần thiết.

Cơ quan giám sát

Xã hội dân sự và các phương tiện truyền thông bù đắp những khiếm khuyết mà các chính phủ và khu vực tư nhân chưa

thực hiện được. Những tác nhân này bao gồm nhiều loại hình tổ chức phi chính phủ khác nhau, các nhóm cộng đồng và các nhà báo chống tham nhũng hoạt động ở trong và ngoài nước. Những nhóm này phải đối mặt với nhiều trở ngại lớn. Họ không có quyền lực, thông tin và sự an toàn mà những người hoạt động trong hệ thống chính thức được hưởng. Tuy nhiên, họ thường nhanh nhẹn, rất năng động và không bị ràng buộc về chính trị.

Xã hội dân sự và các phương tiện truyền thông đã vạch trần một số vụ tham nhũng trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ, từ Ănggôla và Adécbaigian đến Malaixia và Nam Xudăng⁹⁰. Trong các trường hợp khác, những tác nhân này đã hình thành mạng lưới liên kết trong hành động chống tham nhũng. Như đã nói ở trên, các nhà báo biết được tài liệu mà Deloitte đệ trình cho các cơ quan quản lý của Vương quốc Anh, mô tả hành vi gian lận mà các kiểm toán viên nhận thấy ở Addax; các nhà báo, bằng những bài viết của mình đã buộc các cơ quan thực thi pháp luật Thụy Sĩ quan tâm tới vấn đề này. Trong vụ 1MDB, các nhà báo đã viết những bài báo dựa trên các tài liệu bị rò rỉ, và sau đó, các nhà chức trách nước ngoài đã đánh hơi được. Các nhà báo và nhà hoạt động còn giúp bảo đảm không để người ta che giấu những vụ làm ăn bẩn thỉu và gây áp lực, buộc chính quyền phải phản ứng.

Thay vì kể lại tất cả những câu chuyện kiểu này, tôi xin tập trung vào 3 xu hướng mới. Xu hướng thứ nhất, xã hội dân sự và các phương tiện truyền thông thường xuyên đối phó với những hình thức tham nhũng khó khăn nhất. Trong tất cả các hình thức tham nhũng đã thấy trong thời kỳ bùng nổ dầu mỏ, khó chống nhất là chế độ đạo tặc trị. Trong các chế độ đạo tặc trị, ví dụ như ở Nga, Adécbaigian và Ănggôla, những người

cầm quyền sử dụng lĩnh vực dầu khí nhằm củng cố địa vị của chính họ. Họ chuyển doanh thu từ dầu khí vào các tài khoản cá nhân, trao những hợp đồng béo bở cho các đồng minh và đẩy đối thủ chính trị của mình ra khỏi thương trường. Trong bối cảnh này, nỗ lực phòng chống tham nhũng đứng trước cuộc chiến đầy khó khăn. Các chế độ đạo tặc trị thường không để cho cảnh sát, tòa án, các cuộc bầu cử và cơ chế kiểm soát và đối trọng khác hoạt động như thường lệ. Các chính phủ và công ty nước ngoài cũng khó đấu tranh với chế độ đạo tặc trị. Khi tham nhũng liên quan đến nguyên thủ quốc gia, các chính phủ và công ty nước ngoài thường chấp nhận hiện trạng, đặc biệt là khi, họ muốn giữ thái độ thân thiện vì lý do địa - chính trị hoặc thương mại. Không chịu sự ràng buộc này, các nhà báo dũng cảm và xã hội dân sự là chứng nhân của những vụ tham nhũng ngay cả khi thủ phạm không bị trừng phạt.

“Gia đình Aliyev cùng bạn bè du ngoạn trên siêu du thuyền SOCAR” là nhan đề bài viết được tung ra bởi Dự án báo cáo tham nhũng và tội phạm có tổ chức (OCCRP)⁹¹. Câu chuyện này tiết lộ rằng Socar, công ty dầu khí quốc gia Adécbaigian sở hữu 2 du thuyền trị giá hơn 20 triệu USD mỗi chiếc, những nhân vật chính trị du ngoạn trên những du thuyền này. Để viết nên câu chuyện, các nhà báo đã phỏng vấn những người từng làm trên những du thuyền này, mặc dù họ được thuê “vì khả năng giữ mồm giữ miệng hơn là kỹ năng chuyên môn”. Họ đã kể về cách giết thời gian trên du thuyền của một số bộ trưởng và sĩ quan quân đội ở những điểm đến sang trọng và hấp dẫn như Saint-Tropez và Cannes. Các phóng viên đã đào xới tài liệu từ Panama, Hoa Kỳ và Nga để phát hiện ra rằng Socar sở hữu 2 chiếc thuyền cực đẹp. Đây chỉ là một trong hàng chục câu chuyện của OCCRP kể lại

chi tiết cách làm giàu và tiêu tiền của giới đạo tặc trị ở trong và ngoài nước.

Các nhà báo và nhà hoạt động đấu tranh chống đạo tặc trị phải đối mặt với những nguy hiểm vô cùng lớn. Khadija Ismayilova, một phóng viên người Adécbaigian từng làm việc với OCCRP, đã bị bỏ tù trong 18 tháng vào năm 2015 - 2016 vì các cáo buộc ngụy tạo. Trong một vụ điều tra nổi tiếng, Khadija Ismayilova phát hiện được cách thức các công ty mà vợ và mấy người con gái của Tổng thống nắm một phần quyền sở hữu đã thu lợi từ các dự án do chính phủ tài trợ với khoản tiền như từ trên trời rơi xuống trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ, trong đó có xây dựng sân vận động cho Cuộc thi ca khúc truyền hình châu Âu năm 2012⁹². Sau khi được trả tự do, mặc dù bị cấm đi lại và một vài hạn chế khác, Ismayilova vẫn hăng hái tiếp tục công việc của mình, đóng góp nhiều câu chuyện mới được công bố trong thời gian gần đây - trong đó có câu chuyện về những du thuyền của Socar.

Các bài viết khác của OCCRP nhằm mục đích tiếp tục công việc của Daphne Caruana Galizia, một nhà báo người Manta - đã phải trả giá cho những bài viết về tham nhũng bằng chính mạng sống của mình. Năm 2017, sau nhiều năm có những bài tường thuật đầy dũng khí, Caruana Galizia bị một chiếc xe bom sát hại. Sau khi bà bị sát hại, 18 tổ chức truyền thông trên khắp thế giới đã thành lập “Dự án Daphne” để tiếp tục các cuộc điều tra của bà, trong đó có tổ cáo ngân hàng Pilatus của Manta đã giúp gia đình Tổng thống Adécbaigian rửa sạch tài sản. Trong khi thực hiện một phần của dự án này, OCCRP và tờ *Guardian* phát hiện thêm chi tiết về tài sản khổng lồ của giới tinh hoa chính trị Adécbaigian trong lĩnh vực kinh doanh và bất động sản,

trong đó có bất động sản ở Dubai và một số nhà máy ở Pháp mà họ sở hữu thông qua các công ty hải ngoại có tài khoản ở ngân hàng Pilatus⁹³.

Các chế độ thường tìm cách mô tả các nhà báo và nhà hoạt động như kẻ thù của nhà nước. Nhà báo người Ănggôla, Rafael Marques de Morais, tạo dựng được sự nghiệp bằng cách can đảm vạch trần những biện pháp mà chế độ của dos Santos và đồng minh đã dùng để thu lợi về mặt kinh tế nhờ nắm giữ quyền lực, trong đó một phần thông qua ngành công nghiệp dầu khí. Ông đã bị bắt giữ nhiều lần với các tội danh như “lãng mạ chính quyền” và “sỉ nhục cơ quan công quyền”⁹⁴.

Đàn áp thường gia tăng nếu các nhà hoạt động còn thách thức về chính trị. Tổ chức Chống tham nhũng (Anticorruption Foundation), một tổ chức phi lợi nhuận ở Nga do Alexei Navalny, một chính trị gia đối lập nổi tiếng điều hành (được giới thiệu trong Chương 4), đã công bố một bản tường trình chi tiết và toàn diện về việc chính phủ “vung tay quá trán” cho Thế vận hội Sochi. Báo cáo nêu tên những người trong số các ông trùm được chính quyền ưu ái và thu lợi từ các hợp đồng đã bị nâng giá⁹⁵. Sau đó, tổ chức này đã phát hành một số video thú vị, một trong số đó cáo buộc một thủ tướng Nga là người “quá say mê tiền và bất động sản”⁹⁶. Phương tiện bay không người lái còn quay được những dinh thự lộng lẫy được cho là của ông. Tổ chức này tuyên bố rằng số tiền được sử dụng để mua các bất động sản này được chuyển qua các quỹ từ thiện bí mật do các cộng sự thân cận nhất của ông kiểm soát.

Video của Tổ chức Chống tham nhũng kết thúc với kết luận đầy thất vọng: “Hệ thống này đã mục nát đến mức không còn gì lành mạnh. Những con người trong thước phim này đã nắm quyền

hàng chục năm và họ đã xây dựng được một cơ chế hoàn hảo để biến tài sản của quốc gia thành lâu đài và tài khoản ngân hàng của chính họ và con cái họ. Và đây là lý do chính giải thích vì sao đất nước chúng ta, về tổng thể là rất giàu, nhưng những con người sống ở đây lại rất nghèo”. Video kết thúc bằng đoạn quảng cáo cho chiến dịch tranh cử tổng thống năm 2018 của Navalny, nhưng cuối cùng đã bị chính quyền ngăn chặn, không cho tiến hành.

Những nỗ lực của các nhà hoạt động và nhà báo trong các chế độ đạo tặc trị có lúc dường như không có kết quả. Nhưng thay đổi có thể xảy ra. Năm 2017, ít ai ngờ rằng các nhà báo đã vạch trần được một số vụ bịp bợm ở quỹ đầu tư quốc gia của Ănggôla có liên quan đến con trai của cựu Tổng thống dos Santos⁹⁷. Sau tất cả, dos Santos đã tự lựa chọn người kế vị. Trước sự ngạc nhiên của tất cả mọi người, vị Tổng thống mới đã tranh thủ các bài viết, sa thải con trai của cựu Tổng thống khỏi vị trí giám đốc quỹ đầu tư và tiến hành điều tra hình sự⁹⁸. Không chỉ làm chứng cho các xu hướng khó thay đổi, bài viết này đã dẫn đến một sự thay đổi ngoạn mục.

Xu hướng thứ hai, các nhà báo và các nhóm xã hội dân sự cộng tác xuyên quốc gia. Cũng giống như những vụ tham nhũng mà họ muốn phanh phui, những tác nhân này làm việc xuyên biên giới bằng những biện pháp sáng tạo và hiệu quả.

Hãy xem xét trường hợp của OCCRP và công việc mà tổ chức này làm ở Adébaigian. Họ đã công bố một loạt bài viết về cái gọi là “Xưởng giặt là” Adébaigian, một cơ cấu tinh vi, hoạt động trên bình diện toàn cầu, được giới tinh hoa chính trị dùng để rửa hơn 2,9 tỷ USD trong khoảng 2 năm. Liên đoàn các nhóm đóng góp công sức cho cuộc điều tra cũng hoạt động trên

bình diện toàn cầu, trong đó có các báo và tạp chí *Berlingske* (Đan Mạch), *The Guardian* (Anh), *Süddeutsche Zeitung* (Đức), *Le Monde* (Pháp), *Tages-Anzeiger* và *Tribune de Genève* (Thụy Sĩ), *De Tijd* (Bỉ), *Novaya Gazeta* (Nga), *Dossier* (Áo), *Atlatszo.hu* (Hunggari), *Delo* (Xlôvênia), Dự án RISE (Rumani), *Bivol* (Bungari), *Aripaev* (Extônia), Trung tâm Báo chí điều tra Séc (Cộng hòa Séc) và *Barron's* (Hoa Kỳ). Một vụ hợp tác xuyên biên giới đầy sức mạnh khác được khởi động vào năm 2014 khi một người tự xưng là John Doe tiếp xúc với Bastian Obermeyer, một nhà báo của tờ *Süddeutsche Zeitung* và đưa cho ông này một bộ nhớ cache chứa dữ liệu “nhiều hơn bất cứ thứ gì ông từng thấy”. Vụ rò rỉ sau đó, sau này được gọi là Hồ sơ Panama, đã kích hoạt hành động tham vọng nhất của nền báo chí quốc tế trong suốt lịch sử tồn tại. Hiệp hội các nhà báo điều tra quốc tế (International Consortium of Investigative Journalists), có trụ sở tại Hoa Kỳ, đảm nhiệm vai trò lãnh đạo. Cùng với *Süddeutsche Zeitung*, họ đã dành hẳn một năm để tổ chức và phân tích 11,5 triệu tài liệu bị rò rỉ từ công ty luật Mossack Fonseca ở Panama. Những tập tin này chứa thông tin về hơn 214.000 công ty hải ngoại và tên của 140 quan chức nhà nước đến từ 50 quốc gia. Tài liệu phân tích này chứa thông tin liên quan đến các vụ tham nhũng trong lĩnh vực dầu khí ở Angiêri, Ănggôla, Baranh, Cộng hòa Congo, Êcuado, Nigiêria, Nga và một số nước khác. Để khám phá kho tài liệu khổng lồ này, Hiệp hội các nhà báo điều tra quốc tế đã giúp kết hợp các nhà báo từ hơn 100 hãng truyền thông làm việc ở gần 80 quốc gia. Họ làm việc cùng nhau một cách bí mật và đồng loạt tung ra những bài đầu tiên, tạo ra một làn sóng chấn động trên khắp thế giới.

Hiệp hội các nhà báo điều tra quốc tế và một số hãng truyền thông lớn khác có các chuyên gia dữ liệu, họ đã sắp xếp 2,6 tera

byte dữ liệu. Các nhà báo từ các quốc gia cụ thể đã cung cấp bối cảnh địa phương khi cần thiết. Ví dụ, các hệ thống phân tích do Hiệp hội các nhà báo điều tra quốc tế lập ra đã gắn cờ một số tài liệu liên quan đến các quan chức của công ty dầu khí quốc gia Êcuado, Petroecuador. Họ đã gửi những tài liệu này cho tờ báo *El Universo* của Êcuado, sau đó tờ báo này đăng bài viết về một nhà quản lý tại công ty dầu khí quốc gia nước này kiểm soát 4 công ty ngoại biên đáng ngờ ở Panama. Vụ tiết lộ này đã thúc đẩy một công tố viên liên bang Thụy Sĩ phong tỏa tài sản mà người quản lý và công ty của ông ta đang nắm giữ trong các ngân hàng Thụy Sĩ, đồng thời mở cuộc điều tra rộng hơn về khả năng tham nhũng xung quanh việc trao hơn 140 hợp đồng của Petroecuador⁹⁹.

Các mạng lưới toàn cầu khác thúc đẩy quá trình thay đổi chính sách. Liên minh Công bố các khoản chi trả (Publish What You Pay) liên kết hơn 700 nhóm xã hội dân sự hoạt động ở 40 quốc gia. Năm 2002, một số tổ chức phi chính phủ có trụ sở tại London lập ra liên minh này với một mục tiêu duy nhất: yêu cầu các công ty khai khoáng và dầu khí tiết lộ số tiền họ phải trả cho các chính phủ. Lý do là, nếu những khoản tiền này được công bố công khai thì người dân có thể phát hiện được những vụ làm ăn gian lận và buộc chính phủ phải giải trình việc sử dụng những đồng tiền này. Từ khi thành lập, ý kiến chuyên môn và thậm chí một số biện pháp bảo vệ đã được truyền qua mạng lưới của liên minh. Các tổ chức phi chính phủ châu Âu gấp rút bảo vệ các nhà hoạt động bị bỏ tù ở Nigê. Các thành viên của liên minh từ Mianma đã học hỏi những biện pháp tương tác với các công ty khai khoáng nước ngoài từ các đồng nghiệp người Mông Cổ. Những người hoạt động ở Uganda khẳng định rằng cần có luật minh bạch trong lĩnh vực dầu khí của Hoa Kỳ.

Một phần nhờ tất cả quan hệ hợp tác này, các nhà báo và xã hội dân sự đang tạo được những thay đổi có thể thấy được. Đó là bước tiến lớn thứ ba mà ta có thể thấy từ hoạt động chống tham nhũng trong lĩnh vực dầu khí. Mặc dù chính phủ và các công ty vẫn có nhiều quyền lực hơn, nhưng những nhóm người này đã thực hiện được những công việc vượt quá mọi kỳ vọng.

Một số chính trị gia và công ty lớn đã phải đối mặt với các cuộc điều tra, nộp phạt, hoặc thậm chí phải ngồi tù vì các cuộc điều tra của các tổ chức phi chính phủ và nhà báo. Trong một số trường hợp, họ đã vạch trần hành vi sai trái và cơ quan thực thi pháp luật thực thi công việc tiếp theo. Trong những trường hợp khác, họ gây áp lực, cung cấp thông tin cơ bản hoặc kết nối các sự kiện rời rạc nhằm giúp cảnh sát và công tố viên lập chuyên án. Báo cáo của các phương tiện truyền thông hoặc tổ chức phi chính phủ giúp thúc đẩy cuộc điều tra về Addax và Gunvor ở Thụy Sĩ, Cobalt ở Hoa Kỳ và nhóm người làm việc trong âm mưu 1MDB do nhiều chính phủ lập ra. Hoạt động của các phương tiện truyền thông và tổ chức phi chính phủ đã thúc đẩy các cuộc điều tra trong tất cả các trường hợp liên quan đến Unaoil và trường hợp OPL 245 ở Nigêria, cùng với nhiều vụ khác.

Cuộc thập tự chinh về minh bạch

Xã hội dân sự cũng giành được thắng lợi trên mặt trận chính sách. Năm 1999, Global Witness công bố báo cáo với nhan đề *Crude Awakening* (Dầu mở thức giấc) vào thời điểm Chính phủ Ănggôla ký kết các hợp đồng lớn với các công ty dầu khí quốc tế như BP. Làm sao mà hàng tỷ đôla Mỹ doanh thu dự kiến có thể mang lại lợi ích cho người dân nghèo của nước này nếu chúng

được bí mật chuyển vào tay một chính phủ đạo tặc trị? Ít nhất, báo cáo này khẳng định các khoản tiền này phải được minh bạch.

Global Witness, cùng với một số nhóm khác ở Vương quốc Anh và Hoa Kỳ, trong đó nhiều nhóm được Quỹ xã hội mở (OSF) của George Soros hỗ trợ về tài chính, đã chung sức thực hiện ý tưởng này và phong trào Công bố các khoản chi trả ra đời. BP đã chú ý và bắt đầu tiết lộ thêm thông tin về các khoản tiền mà trước đây họ đã trả cho Ănggôla. Nhưng nhà chức trách Ănggôla đã phản ứng gay gắt và BP nhanh chóng thay đổi đường lối. Các công ty bắt đầu phàn nàn rằng chính phủ các nước nhiều dầu mỏ nên là người công bố thông tin trước, chứ không phải họ. Năm 2002, Chính phủ Anh công bố một sáng kiến mới với tên gọi là Sáng kiến minh bạch trong ngành công nghiệp khai thác (EITI), nhằm giải quyết vấn đề minh bạch trong ngành dầu khí. Các nước có thể tham gia EITI nếu họ đồng ý với 2 điều kiện: tiết lộ tất cả doanh thu từ dầu mỏ, khí đốt và khai khoáng, đồng thời thành lập một ủy ban với các thành viên là chính phủ, công ty và xã hội dân sự để giám sát quá trình này. Sáng kiến thu được thành công tốt đẹp. Đến năm 2019, đã có 52 thành viên, trong đó có những nước khai thác dầu lớn như Côlômbia, Irắc, Mêhicô, Nigieria và Na Uy. Ở một số nước, việc triển khai EITI còn nhiều sai sót lớn. Các báo cáo chỉ có dữ liệu cũ, những người tham gia xã hội dân sự bị quấy rối hoặc dữ liệu về các khoản thanh toán bị mắc kẹt trong các báo cáo theo định dạng PDF dài 400 trang mà không ai đọc. Nhưng ở những nơi khác, sức mạnh liên kết và những vụ tiết lộ của sáng kiến đã dẫn đến những cải cách thực sự. Ở cấp độ toàn cầu, không có tác nhân nào khác làm được nhiều hơn sáng kiến này trong việc hợp pháp hóa ý tưởng về minh bạch trong lĩnh vực dầu khí, nơi mà bí mật thường giữ thế thượng phong.

Tuy nhiên, EITI chỉ có tác dụng đối với ở những nước tham gia. Những nước sản xuất dầu lớn như Ả-rập Xê-út, Nga và UAE không bao giờ quan tâm đến việc này, chưa kể đến những nước như Iran và Vênêxuêla có mối quan hệ căng thẳng với phương Tây, khiến việc tham gia dường như là không thể. Một số nước giàu dầu mỏ có nhiều hoạt động tham nhũng hơn cũng đã né tránh EITI, trong đó có Ănggôla, Ghinê Xích đạo và Tuốc-mê-ni-xtan không tham gia.

Vì EITI có những lỗ hổng lớn như vậy, nên Liên minh công bố khoản chi trả tiếp tục thúc đẩy các công ty dầu khí công bố các khoản thanh toán. Cụ thể, tổ chức này thúc đẩy chính phủ của những nước có trụ sở của các công ty dầu khí, như Hoa Kỳ, Vương quốc Anh và Liên minh châu Âu, thông qua các quy định yêu cầu tiết lộ những khoản tiền mà các công ty phải trả. Chiến dịch đã kéo dài trong nhiều năm với một số nhân viên các tổ chức phi chính phủ ngoan cường tìm cách thúc đẩy chương trình nghị sự. Các công ty dầu khí phản công mãnh liệt và khẳng định rằng EITI là không phù hợp.

Sau đó, năm 2010, các nhà hoạt động đã ghi được một chiến thắng bất ngờ. Vào thời điểm đó, giá dầu tăng vọt và bóng ma của lời nguyền tài nguyên ngày càng hiện rõ trong các quốc gia đang phát triển - số quốc gia rơi vào tình trạng như thế ngày càng gia tăng. Một số nhà lập pháp của Hoa Kỳ có lập trường ủng hộ đã nắm được cơ hội vào phút cuối để đưa quy tắc minh bạch vào Đạo luật Cải cách Phố Wall do Dodd-Frank đề xuất (Dodd-Frank Wall Street Reform Act). Đạo luật này chủ yếu nhằm kiềm chế hành động thái quá, từng gây ra cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008. Nhưng mục 1504 lại tập trung vào các ngành công nghiệp khai thác dầu khí và khai khoáng thay vì tập trung vào lĩnh vực tài chính. Mục này yêu cầu tất cả các công ty có trụ sở ở Hoa Kỳ

và các công ty niêm yết ở Hoa Kỳ phải tiết lộ các khoản tiền mà họ trả cho các chính phủ nước ngoài. Các công ty thậm chí phải chia dữ liệu theo từng dự án: chi tiết sẽ làm sáng tỏ từng vụ làm ăn riêng lẻ mà họ ký với các chính phủ nước ngoài. Các nhà hoạt động trong phong trào công bố các khoản chi trả vui mừng khôn xiết, họ mở tiệc ăn mừng với những chai sâm panh bình dân ở Washington và nhiều nơi khác. Cuối cùng, sau một thập kỷ làm việc không ngừng nghỉ, những ngọn đèn sáng hơn sẽ rọi chiếu vào những vụ làm ăn trong lĩnh vực dầu khí và khai khoáng.

Họ ăn mừng là đúng. Đập ngăn đã bị phá vỡ, nhưng không phải theo cách nghĩ ban đầu. Ủy ban Giao dịch và chứng khoán Hoa Kỳ (SEC), được đạo luật này ủy quyền, phải soạn thảo các quy định chi tiết để thực hiện mục 1504. Khi SEC đưa ra bản dự thảo đầu tiên, ngành công nghiệp dầu khí đã phản ứng bằng một vụ kiện. Tòa án đứng về phía những người vận động hành lang của ngành dầu khí và ra lệnh cho SEC làm dịu đi một số khía cạnh của những quy định này. Quá trình này phải mất nhiều năm mới hoàn thành được.

Tháng 01/2017, Trump nhậm chức ngay khi SEC đang hoàn thiện các quy định đã được điều chỉnh. Một trong những hành động chính thức đầu tiên của mình trên cương vị Tổng thống là Trump cắt bỏ mục 1504, thể hiện thái độ đồng tình với các đồng minh trong ngành dầu khí. Các công ty dầu khí Hoa Kỳ, trong đó có ExxonMobil và Chevron, những công ty dẫn đầu trong cuộc chiến chống lại quy định báo cáo những khoản chi cho chính phủ nước ngoài, đã giành được chiến thắng.

Các công ty ở những nước khác không thành công như vậy. Năm 2013, Liên minh châu Âu đã ban hành chỉ thị mới yêu cầu các nước thành viên thông qua các quy định công bố thông tin về những khoản tiền trả cho chính phủ nước ngoài. Các nhà

lãnh đạo châu Âu đã quan tâm tới luật pháp Hoa Kỳ và Nicolas Sarkozy nổi lên với vai trò là người ủng hộ cuộc cải cách đầu tiên của EU sau vụ can thiệp đầy khí thế của Bono, ca sĩ chính của ban nhạc U2 và là nhà hoạt động chống đói nghèo. Canada và Na Uy cũng đã thông qua các luật lệ tương tự. Năm 2016, các công ty dầu khí bắt đầu công bố báo cáo về những khoản thanh toán hằng năm của mình. Một số công ty, ví dụ như Shell đã kịch liệt phản đối. Nhưng không biết vì lý do gì, họ nhận thấy có thể báo cáo tất cả các khoản thanh toán của mình, ngay cả những khoản trả cho các chính phủ như Trung Quốc và Cata, mà trước đây Shell từng cho rằng tiết lộ là bất hợp pháp và sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc. Các khoản tiền mà BP trả cho Ănggôla, mục tiêu ban đầu của phong trào công bố các khoản chi trả, hiện đã được báo cáo một cách chi tiết.

Trong khi Hoa Kỳ tiếp tục tụt lại phía sau, thì các nhà hoạt động trong xã hội dân sự đã thành công trong việc buộc hàng trăm công ty khai thác dầu, khí đốt và khai khoáng phải báo cáo các khoản tiền mà họ trả cho chính phủ. Đây không phải là chiến thắng duy nhất của họ trên mặt trận minh bạch.

Việc công khai người sở hữu được hưởng lợi chiếm vị trí quan trọng nhất trong chương trình nghị sự về chống tham nhũng. Gần như mọi âm mưu tham nhũng được đề cập trong cuốn sách này đều sử dụng các công ty bình phong ẩn danh bằng cách này hay cách khác. Đây là cách tốt nhất để nhận hối lộ, trả tiền cho các đồng minh chính trị hoặc rửa tiền đánh cắp được. Nhưng nếu những công ty này không ẩn danh thì sao? Việc tiết lộ người sở hữu được hưởng lợi yêu cầu các công ty phải báo cáo tên của những người thực sự, bằng xương bằng thịt, những người kiểm soát công ty và thu lợi từ các hoạt động của công ty.

Một chuỗi các công ty với tên gọi mập mờ không còn có thể vươn ra những khu vực pháp lý khác nhau, khiến cơ quan thực thi pháp luật - chưa nói tới công chúng - gần như không thể biết người nào sở hữu cái gì.

Như thường thấy, các nhóm xã hội dân sự tạo dựng cơ sở giải thích vì sao minh bạch về người sở hữu được hưởng lợi lại quan trọng, sau đó đưa ra trước các nhà hoạch định chính sách, và chờ đợi thời điểm thích hợp về mặt chính trị. Các tổ chức phi chính phủ, trong đó có Tổ chức Minh bạch quốc tế, Tổ chức Liêm chính Tài chính toàn cầu, Tổ chức Mạng lưới Công bằng thuế và Tổ chức Global Witness đã thúc đẩy vấn đề này trong suốt những năm qua. Vụ đột phá đầu tiên của họ diễn ra tại Hội nghị Thượng đỉnh G8 năm 2013 khi Thủ tướng Vương quốc Anh, David Cameron, thúc đẩy báo cáo về người sở hữu được hưởng lợi như một phần của chương trình nghị sự phòng chống tham nhũng rộng lớn hơn. Trong khi một số thành viên G8 phản đối, Vương quốc Anh đã bắt đầu thiết lập cơ quan đăng ký công khai đầu tiên trên thế giới về dữ liệu người sở hữu được hưởng lợi. Năm 2016, EITI đã thông qua báo cáo về người sở hữu được hưởng lợi như một phần của nội dung mà hơn 50 quốc gia thành viên phải báo cáo. Phong trào “đào tận gốc, trốc tận rễ” các công ty ẩn danh đã được khởi động.

Những tiết lộ trong Hồ sơ Panama năm 2016 đã tạo thêm những động lực mới. Một phần là để phản ứng trước sự kiện này, Liên minh châu Âu đã thông qua các yêu cầu báo cáo của mình vào năm 2017 mặc dù các nước thành viên có thể quyết định có công khai dữ liệu về người sở hữu được hưởng lợi hay không. Năm 2018, các sự kiện lại xen vào, ít nhất là ở Vương quốc Anh. Như đã đề cập, các đặc vụ Nga được cho là đã tấn công

một cựu điệp viên và con gái của ông ta bằng chất độc thần kinh ngay trên đất Anh. Áp lực lên chính phủ gia tăng nhằm gây khó khăn hơn cho người Nga trong việc bí mật rửa những đồng tiền được chuyển qua Vương quốc Anh. Nghị viện chú ý tới yêu cầu mà xã hội dân sự đã tạo áp lực trong nhiều năm qua và thông qua luật yêu cầu các vùng lãnh thổ hải ngoại của Vương quốc Anh phải thiết lập các cơ quan đăng ký người sở hữu được hưởng lợi, một đòn giáng tiềm tàng vào bí mật mà các công ty bình phong đăng ký ở Quần đảo Virgin thuộc Anh, và những nơi khác, vẫn được hưởng. Chính phủ Vương quốc Anh còn cho biết họ sẽ yêu cầu các công ty nước ngoài tiết lộ chủ sở hữu trước khi mua bất động sản ở Vương quốc Anh. Trong khi nhiều khu vực pháp lý vẫn cho phép các công ty ẩn danh hoạt động, thì xu hướng công khai hơn đã được kích hoạt.

Trong khi xã hội dân sự giúp mang lại những thành tựu mang tính lịch sử, thì tính minh bạch hầu như không phải phép màu trong phòng chống tham nhũng. Trước hết, rất nhiều thông tin vẫn còn là bí mật. Nhờ ảnh hưởng của mình ở Washington, các công ty dầu khí của Hoa Kỳ không phải báo cáo số tiền thuế mà họ phải nộp. Họ cũng đã thuyết phục được Hoa Kỳ rút khỏi EITI. Ở Liên minh châu Âu, tiến bộ về việc minh bạch người sở hữu được hưởng lợi vấp phải những mối lo ngại về quyền riêng tư. Ở các nước đang phát triển, trong đó có nhiều thành viên của EITI, các chính phủ đang chật vật trong việc thu thập các dữ liệu đầy đủ và kịp thời. Ngay cả ở Vương quốc Anh, quốc gia đầu tiên thành lập cơ quan đăng ký công khai dữ liệu người sở hữu được hưởng lợi, dữ liệu cũng có nhiều sai sót và các cơ quan chức năng hầu như chẳng làm gì để xác minh số liệu do các công ty báo cáo. Ví dụ, phân tích ban đầu đối với các dữ liệu cho thấy

hơn 2.000 chủ sở hữu khai sinh năm 2016, một số người còn khai sinh năm 9988¹⁰⁰.

Ngay cả khi thông tin được tiết lộ, vẫn khó có thể theo dõi cách thức và thời điểm mà sự minh bạch có thể ngăn ngừa được tham nhũng. Trong những năm qua, trước khi bắt đầu công khai tất cả những khoản tiền trả cho các chính phủ, các công ty dầu khí châu Âu đã lập các bảng chi tiêu không đầy đủ. BP và Statoil đã trả những khoản tiền lớn cho Chính phủ Ănggôla để xây dựng một trung tâm nghiên cứu không có thực và chưa bao giờ xuất hiện¹⁰¹. Shell và Eni đã trả cho Chính phủ Nigêria 1,3 tỷ USD để mua quyền khai thác lô dầu khổng lồ 245, mặc dù nghi ngờ rằng số tiền này sẽ bị các chính trị gia chiếm đoạt. Có lẽ, giờ đây họ đã minh bạch hơn, các công ty châu Âu tránh thực hiện các khoản thanh toán có vấn đề như vậy vì tài chính của họ bị giám sát chặt chẽ hơn. Thật không may, cũng như với hầu hết các trường hợp đã kết thúc không như dự kiến, gần như không thể chứng minh được liệu kết quả này có xảy ra hay không.

Đồng thời, ảnh hưởng của sự minh bạch không phải là không nhìn thấy được. Sau khi Hồ sơ Panama được tung ra và tiêu điểm được chiếu rọi vào hoạt động tài chính ở nước ngoài, những người Côlômbia bất an đã báo cáo cho cơ quan thuế vụ số công ty tài chính hải ngoại nhiều gấp 15 lần so với con số mà cơ quan này nắm được, giúp gia tăng tiền thuế thu được cho đất nước¹⁰². Trong các cuộc điều tra của chúng tôi về những vụ mua bán dầu có dấu hiệu tham nhũng ở Nigêria, tôi và các đồng nghiệp ở Viện Quản lý tài nguyên thiên nhiên đã sử dụng nhiều dữ liệu của EITI, cũng như của Global Witness trong những tài liệu nói về việc ExxonMobil sẵn sàng ký hợp đồng với các tổ chức có quan hệ với giới chính khách ở Libêria¹⁰³. Tại một trong những

vụ bê bối về rửa tiền lớn nhất thế giới từ trước đến nay, chi nhánh ở Extônia của Danske Bank của Đan Mạch đã cho phép hơn 200 tỷ USD đáng ngờ, chủ yếu từ Nga, đi qua tài khoản của mình. Vụ bê bối cuối cùng đã nổ ra khi một nhân viên ngân hàng cấp trung tiến hành một vụ khảo sát bằng cách sử dụng sổ đăng ký các công ty của Vương quốc Anh và phát hiện ra một công ty đã chuyển 480 triệu USD trong vòng 5 tháng, mặc dù tài sản ròng của công ty này là “0.00”¹⁰⁴.

Minh bạch dường như có tác dụng tương tự như lực lượng phòng chống tham nhũng khác. Nó là một thành phần quan trọng, nhưng, tự nó lại không có nhiều tác dụng. Tương tự như những nỗ lực của các chính phủ ở trong nước, chính phủ nước ngoài, những tác nhân trợ giúp và những cơ quan giám sát được nêu trong chương này, đôi khi minh bạch giúp làm giảm tham nhũng, nhưng đôi khi thành tích lại khá khiêm tốn.

Tất cả các tác nhân phòng chống tham nhũng khác nhau này đã thể hiện sức mạnh của mình sau giai đoạn bùng nổ dầu mỏ. Hàng chục công ty, chính phủ và cá nhân tham nhũng đã cảm nhận được ảnh hưởng từ sức mạnh ngày càng tăng của những tác nhân này. Nhiệm vụ hiện nay là làm thế nào để tăng cường sức mạnh bổ sung của những tác nhân nói trên.

CHÚNG TA BIẾT CÁCH PHÒNG CHỐNG THAM NHƯNG

Người dân New York đã từng gọi Đại lộ Queens là “Đại lộ tử thần”. Tại một số giao lộ, người đi bộ chỉ có 32 giây để băng qua 12 làn đường. Một số người không thể qua được. Từ năm 1990, hơn 130 người đi bộ đã thiệt mạng trên đường phố này. Nhưng không chỉ có họ. Trong nhiều năm, tai nạn của khách bộ hành là nguyên nhân gây tử vong hàng đầu đối với trẻ em ở New York. Trung bình cứ 2 giờ lại có một người dân New York bị xe cộ gây thương tích nặng hoặc tử vong¹.

Với hàng triệu chiếc ô tô, thậm chí số lượng người hối hả trên những khu phố đông đúc ngày một nhiều hơn, thì lúc nào cũng có người đi bộ thiệt mạng ở New York. Nhưng đây không phải lý do để ngồi yên và không làm gì hết. Năm 2014, chính quyền thành phố phát động chiến dịch nhằm giải quyết vấn đề này. Các quan chức triển khai một loạt các biện pháp: giới hạn tốc độ trên toàn thành phố, thêm làn đường dành cho xe đạp, thiết kế lại các giao lộ đông đúc và chỉnh lại tín hiệu qua đường; tiến hành các chiến dịch an toàn công cộng, đào tạo lái xe trẻ và trang bị thiết bị an toàn mới cho các phương tiện đi lại trong thành phố.

Họ cũng tập trung vào những con phố nguy hiểm nhất. Nếu bạn tìm cách giảm số người đi bộ bị thiệt mạng, thì “Đại lộ tử thần”

có lẽ là nơi khởi đầu phù hợp nhất. Tập hợp những cố gắng này dường như có tác dụng. Năm 2017, thành phố New York ghi nhận số người đi bộ thiệt mạng thấp nhất so với trước đó.

Tương tự như vấn đề tử vong vì tai nạn giao thông, tham nhũng sẽ không bao giờ biến mất hoàn toàn trong lĩnh vực dầu khí cũng như bất kỳ lĩnh vực nào khác, nơi mà người ta có thể kiếm tiền bằng cách bẻ cong luật lệ. Nhưng đây không phải là lý do để khoanh tay đứng nhìn. Tài liệu trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ đưa ra 3 kết luận về những việc cần làm. *Thứ nhất*, đừng cố gắng giải quyết những giao dịch có thể xảy ra tham nhũng mà hãy tập trung vào những lĩnh vực có vấn đề. *Thứ hai*, các tổ chức chống tham nhũng nên tăng cường gấp đôi các biện pháp đã và đang có tác dụng, trong đó, coi những vôi bạch tuộc tham nhũng trên bình diện quốc tế là mục tiêu. *Thứ ba*, huy động đồng thời nhiều tác nhân vì “một cây làm chẳng nên non”. Quan sát những vụ tham nhũng trong quá khứ sẽ cho thấy những biện pháp nào có tác dụng và phải bắt đầu từ đâu.

Nhắm mục tiêu vào những khu vực có vấn đề

Đối với tham nhũng, “Đại lộ tử thần” nằm ở đâu? Giai đoạn bùng nổ dầu mỏ cho thấy thương vong cao xảy ra ở khu vực nào.

Dịch vụ mỏ dầu là một trong những khu vực rõ ràng là có vấn đề. Trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ, tham nhũng đã xâm nhập các hợp đồng dịch vụ mỏ dầu ở Angiêri, Ănggôla, Braxin, Côlômbia, Êcuado, Ghinê Xích đạo, Irắc, Cadăcxtan, Nigieria, Nga, Arập Xêút, Vương quốc Anh và Vê-nê-xuê-la². Có rất nhiều quốc gia, nhưng đó chưa phải là toàn bộ. Trong số tất cả các vụ hối lộ trong lĩnh vực dầu khí mà các nhà chức trách Hoa Kỳ truy xét theo FCPA, hơn một nửa là các công ty dịch vụ mỏ dầu.

Trong một vụ nổi bật, SBM Offshore, một công ty của Hà Lan đã hối lộ các quan chức công ty dầu khí quốc gia ở Braxin, Ănggôla, Ghinê Xích đạo, Cadăcxtan và Irắc với số tiền 180 triệu USD để thu về ít nhất 2,8 tỷ USD lợi nhuận³. Các công ty dịch vụ cũng hợp tác với các công ty có liên kết với các chính khách, giúp giới tinh hoa địa phương nhận được một phần từ số tiền thu được bởi những công ty này mà chẳng phải làm gì. Ví dụ, Halliburton thuê một công ty Ănggôla có liên kết với các quan chức chính phủ và trả tiền cho công ty này, trong khi công ty này không thực sự cung cấp bất kỳ dịch vụ nào⁴. Hợp đồng dịch vụ là trung tâm của vụ bê bối Car Wash ở Braxin: các quan chức Petrobras nhận hối lộ hàng tỷ đôla trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ và trao những hợp đồng được nâng khống giá, khiến xã hội phải trả giá đắt.

Mặc dù đã có những trường hợp như vậy, nhưng những nỗ lực toàn cầu nhằm cải thiện tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của ngành dầu khí thường bỏ qua những công ty dịch vụ mỏ dầu. Thay vào đó, người ta thường tập trung vào các công ty thượng nguồn, ví dụ như Chevron hoặc Shell, những công ty ký kết các hợp đồng thăm dò và khai thác với chính phủ các nước khai thác dầu khí. Ví dụ, hàng chục công ty thượng nguồn này tham gia EITI và một số công ty có chân trong hội đồng quản trị của tổ chức này. Có khá ít công ty dịch vụ bận tâm tới việc tham gia EITI, chủ yếu là vì không có ai thúc đẩy họ. Những quy định mới đòi hỏi minh bạch hơn trong lĩnh vực dầu khí, được Liên minh châu Âu và những nơi khác thông qua, đều ít đề cập đến các công ty dịch vụ. Cùng với thái độ thờ ơ như thế, hoạt động mua sắm của các công ty dầu khí quốc gia vẫn là vùng “ao tù nước đọng” đầy tính quan liêu bị các cơ quan giám sát trong và ngoài nước lơ đi, cho đến khi có sự cố rất lớn xảy ra.

Trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ, nhiều hợp đồng mua bán dầu cũng tiềm ẩn rủi ro tham nhũng lớn. Một công ty hóa dầu của Braxin, một nhân viên tập đoàn dầu khí khổng lồ của Thụy Sĩ và các giám đốc ở một hãng kinh doanh của Xingapo nằm trong số những người bị kết tội hối lộ các quan chức chính phủ⁵. Ở Ănggôla, Adécbaigian, Nga và Ucraina, giới tinh hoa chính trị và tài phiệt được lựa chọn đã kiếm được hàng tỷ đôla Mỹ từ các hợp đồng mua bán dầu khí do các công ty dầu khí quốc gia mang lại⁶. Trong những năm bùng nổ, mua bán dầu đã chứng tỏ là lĩnh vực dễ bị tổn thương nhất trong ngành dầu khí Nigiêria và bòn rút được hàng tỷ đôla Mỹ bất chính⁷. Những vấn đề này và nhiều vấn đề khác đã khiến người ta chú ý tới lĩnh vực này và tạo áp lực buộc các công ty kinh doanh lớn phải công khai. Đáp lại, một số công ty thương mại lớn của Thụy Sĩ bắt đầu công khai số liệu tổng hợp về các giao dịch của họ với các chính phủ. EITI cũng yêu cầu các nước thành viên cung cấp thông tin về các hợp đồng mua bán dầu. Mặc dù được hoan nghênh, nhưng đây là những bước đầu muộn màng và quá chậm chạp. Trong bối cảnh phức tạp của các giao dịch mua bán dầu, họ vẫn bỏ qua nhiều tay chơi lớn nhất trong ngành và cơ hội lạm dụng vẫn nảy nở.

Mặc dù số lượng các hợp đồng dịch vụ và các vụ mua bán dầu làm người ta phải kinh ngạc, nhưng không thể nào so sánh được với nạn tham nhũng của công ty dầu khí quốc gia trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ. Giới tinh hoa chính trị đã nhiều lần bắt những thực thể khổng lồ này phục vụ họ. Dos Santos sử dụng Sanagol như tài khoản ngân hàng của chế độ bằng cách để phần lớn doanh thu từ dầu khí nằm ngoài ngân sách của chính quyền trung ương. Petrobras là trung tâm của vụ bê bối tham nhũng góp phần tàn phá cơ sở kinh doanh và chính trị của Braxin. NNPC đã ký kết các hợp đồng, theo đó hàng tỷ đôla Mỹ công quỹ

bị đưa vào tay tư nhân. Chỉ dựa vào các vụ án đã có kết luận, dường như quan chức các công ty dầu khí quốc gia ở Angiêri, Ănggôla, Braxin, Côlômbia, Cộng hòa Cônggô, Êcuado, Ghinê Xích đạo, Irắc, Cadăcxtan, Nigiêria, Ôman, Nga và Vênêxuêla đều đã đòi hỏi hoặc nhận hối lộ trong những năm bùng nổ dầu mỏ⁸.

Những nghiên cứu gần đây nói lên xu hướng này. Trong số 224 vụ hối lộ được OECD nghiên cứu, 27% liên quan đến các hình thức doanh nghiệp nhà nước khác nhau, trong đó có các công ty dầu khí quốc gia. Trong những vụ này, số tiền hối lộ còn lớn hơn: 80% tổng số tiền hối lộ được chuyển cho các công ty quốc doanh⁹. Một công trình nghiên cứu khác của OECD khảo sát 213 công ty quốc doanh ở 34 quốc gia, trong đó 63% người được khảo sát làm trong lĩnh vực dầu khí cho biết họ đã nhìn thấy rủi ro tham nhũng khá cao hoặc thấy những thủ đoạn bất thường khác trong 3 năm gần đây. Trong khi mức trung bình trên tất cả các ngành chỉ là 42%¹⁰.

Ngành dầu khí có ba “đại lộ” sai phạm khác không phải là đặc điểm nổi bật. Thứ nhất, các quan chức dễ dàng hơn trong việc thưởng cho bạn bè và đồng minh của mình khi họ có thể bí mật hay tùy ý phân bổ các hợp đồng dầu khí. Ví dụ, khi cựu Bộ trưởng Dầu mỏ Nigiêria, Diezani Alison-Madueke đưa các hợp đồng mua bán dầu quá béo bở cho các công ty mà bà yêu thích, về mặt pháp lý, bà ta không có trách nhiệm tổ chức đấu thầu cạnh tranh hoặc công bố những điều khoản cơ bản của những hợp đồng này¹¹. Tương tự như vậy, Tổng thống Sát tự ý trao quyền thăm dò và khai thác các lô dầu cho công ty Griffiths Energy của Canada - giao dịch bị hối lộ làm cho hoen ố¹². Việc giám sát những vụ trao hợp đồng cũng thường không đạt yêu cầu. Hội đồng quản trị của Petrobras hầu như không có động thái nào nhằm kiểm chế tình trạng bội chi quá mức. Ở Nga,

Ănggôla và Adécbaigian, các nhà báo và chính trị gia đối lập bị hăm dọa, truy tố và nhiều nguy hiểm khác khi họ hỏi tổng thống nước mình về cách thức họ trao cơ hội kinh doanh trong lĩnh vực dầu khí cho các nhà tài phiệt.

Các công ty dầu khí ngoại biên (offshore) xuất hiện trong hầu hết các vụ tham nhũng trong lĩnh vực dầu khí mà tôi nghiên cứu. Khác với các công ty thông thường, tức là những công ty cung cấp sản phẩm và có văn phòng, nhân viên và chi phí hoạt động, các thực thể bí mật này thường chỉ có tên, địa chỉ và một vài tài khoản ngân hàng. Tuy nhiên, họ nhận hàng tỷ đôla Mỹ tiền hối lộ, là đối tác trong các giao dịch dầu khí khổng lồ và bòn rút của cải bất hợp pháp ở hải ngoại. Đây là công cụ hữu ích nhất trong việc thực hiện các âm mưu tham nhũng.

Cuối cùng, việc sử dụng các đơn vị trung gian và các đại lý đường như rất dễ dẫn đến tham nhũng. Hãy xem xét những ưu đãi dành cho Unaoil, một công ty từng giúp các công ty dịch vụ mỏ dầu tiếp cận với cơ hội kinh doanh ở nước ngoài. Như đã đề cập trong Chương 2, nếu Unaoil bỏ dỡ được các quan chức phù hợp để khách hàng của họ giành được hợp đồng, thì đổi lại, Unaoil sẽ được trả khoản phí lớn hơn. Đối với những tổ chức trung gian như Unaoil, động cơ để tham gia hối lộ là cực kỳ cao. Rủi ro tham nhũng nằm trong mô hình kinh doanh của họ.

Không cần khoanh tay trước thách thức của tham nhũng khi tồn tại những khu vực có vấn đề hiển nhiên như thế. Trong lĩnh vực dầu khí, các lực lượng phòng chống tham nhũng cần đặc biệt lưu ý tới các hợp đồng dịch vụ mỏ dầu, hợp đồng kinh doanh dầu khí và các công ty dầu khí quốc gia, đồng thời cũng cần giải quyết vấn đề trao hợp đồng một cách tùy tiện và bí mật, việc lạm dụng các công ty ẩn danh và hoạt động của các đại lý và trung gian.

Đây đều là những việc làm cần thiết để có thể đạt được những bước tiến thực chất.

Cần phải làm gì nhằm giải quyết những lĩnh vực khó khăn này? Một trong những biện pháp quan trọng là sử dụng các chiến lược quốc tế, phù hợp với bản chất quốc tế của chính vấn nạn tham nhũng. Một biện pháp khác là tập hợp nỗ lực của tất cả những kẻ thù khác nhau của tham nhũng - dựa trên những điểm mạnh có thể bổ sung cho nhau của những lực lượng này.

Đòn bẫy quốc tế

Bản chất quốc tế của tham nhũng trong lĩnh vực dầu khí là điểm mạnh nhất và cũng là tử huyệt của nó. Vụ 1MDB ở Malaixia cho thấy cả hai mặt của con dao hai lưỡi này. Trong khi tìm cách đánh cắp hơn 4,5 tỷ USD, Jho Low đã hợp tác hoặc sử dụng công ty dầu khí của Ả-rập Xêút, quỹ đầu tư của UAE, ngân hàng Goldman Sachs và các ngân hàng ở Thụy Sĩ và Xingapo. Như đã đề cập trong Chương 5, số tiền bị đánh cắp sau đó đã được chuyển đến các công ty ngoại biên được thành lập ở các thiên đường bí mật như Quần đảo Virgin thuộc Anh và Quần đảo Cayman. Các luật sư, các công ty mua bán bất động sản và những người kinh doanh tác phẩm nghệ thuật người Mỹ đã giúp Jho Low và các đồng nghiệp của anh ta mua tài sản ở nước ngoài. Trong khi đó, các công ty quan hệ công chúng ở Hoa Kỳ và châu Âu giúp cựu thủ tướng của Malaixia và Jho Low cải thiện danh tiếng và tìm cách khiến người ta không chú ý tới những việc làm sai trái của họ. Kết quả hoạt động của những vòai bạch tuộc này là, vết nhơ của vụ tham nhũng 1MDB đã lan sang hàng chục cá nhân ở nước ngoài, các nước láng giềng, ngân hàng, doanh nghiệp,

cơ quan truyền thông và thậm chí cả Nhà Trắng dưới thời 2 chính quyền nối tiếp nhau của Hoa Kỳ.

Một nhóm các tác nhân chống tham nhũng trên bình diện toàn cầu đã phát hiện và trừng phạt vụ tham nhũng ở 1MDB. Khi Thủ tướng Najib ra lệnh ngưng các cuộc điều tra về âm mưu này, thì các nhà báo nước ngoài đã tìm ra được dấu vết. Sau đó, Chính phủ Hoa Kỳ đã tịch thu 1,7 tỷ USD tài sản được mua bằng tiền đánh cắp trong vụ 1MDB. Báo cáo chi tiết của Bộ Tư pháp Hoa Kỳ về âm mưu này đã chỉ đích danh nhiều công ty trợ giúp, và những tay chơi này, ví dụ như các ngân hàng Thụy Sĩ và Xingapo, bắt đầu bị chính quyền nước mình xử lý về mặt luật pháp. Các nhà chức trách Hoa Kỳ cũng đã mở một cuộc điều tra Goldman Sachs vì vai trò trợ giúp của ngân hàng này và buộc tội Jho Low.

Mặc dù là một trong những minh họa ngoạn mục về động lực ở cả hai phía trên toàn thế giới, nhưng vụ 1MDB không phải là trường hợp bất bình thường. Các tác nhân quốc tế đã giúp ngăn chặn nạn tham nhũng, và các tác nhân quốc tế cũng đã buộc thủ phạm phải gánh chịu hậu quả.

Việc tôi nhấn mạnh các tác nhân chống tham nhũng quốc tế không có nghĩa là các thực thể ở trong nước ít quan trọng hơn. Hoàn toàn ngược lại. Các nhà báo Malaixia là những người đầu tiên phanh phui vụ bê bối 1MDB, và một số cơ quan chính phủ Malaixia đã tìm được bằng chứng cực kỳ quan trọng trước khi bị bịt miệng. Vài năm sau, hệ thống bầu cử của chính quốc gia này đã đưa Thủ tướng Najib ra khỏi văn phòng và đối mặt với phiên tòa xét xử tại Malaixia. Các tổ chức trong nước ở Braxin, Nigieria và Hoa Kỳ cũng vạch trần và trừng phạt tham nhũng.

Tuy nhiên, trong các chế độ đạo tặc trị, các tổ chức phòng chống tham nhũng trong nước đứng trước cuộc chiến đầy cam go.

Giới độc tài trong các nước nhiều dầu mỏ có rất nhiều cách để buộc họ phải im lặng. Tuy nhiên, trên trường quốc tế, các quan chức tham nhũng không có quyền kiểm soát lớn như vậy. Các chế độ đạo tặc trị phụ thuộc rất nhiều vào các đối tác nước ngoài để hoạt động và những mối liên kết với nước ngoài lại là những mắt xích có thể được dùng để chống lại, hạ nhục, trừng phạt hay ngăn cản các chế độ đạo tặc trị.

Tất nhiên, nói bao giờ cũng dễ hơn làm. Các chính phủ nước ngoài thường xuyên hợp tác với các chế độ đạo tặc trị vì lý do an ninh hay kinh tế, còn các công ty nước ngoài thì đồng lõa với họ để được hưởng lợi. Đó là cách chính phủ của Aliyev ở Adécbaigian được hưởng lợi. Ngân hàng Tái thiết và Phát triển châu Âu cung cấp các khoản vay trị giá hơn 1 tỷ euro để xây dựng cơ sở hạ tầng cần thiết nhằm đưa khí đốt từ Adécbaigian đến châu Âu. Washington và các đồng minh NATO của họ dựa vào Adécbaigian, coi nước này là điểm trung chuyển hàng hóa bằng đường hàng không nhằm hỗ trợ các hoạt động quân sự ở Ápganixtan. BP và các công ty lớn khác đã đầu tư rất nhiều tiền vào các mỏ dầu và khí đốt của Adécbaigian. Chế độ của Aliyev nhấn mạnh và đôi khi phóng đại tầm quan trọng về địa - chiến lược của đất nước này đối với phương Tây nhằm át đi những lời chỉ trích về nạn tham nhũng và vi phạm nhân quyền của chế độ này¹³.

Nhưng ngay cả ở Adécbaigian, những người chống tham nhũng đã bám vào các xúc tu ở nước ngoài của chế độ đạo tặc trị và khiến “con vật” này phải đau đớn. Trong cuộc điều tra về công ty dầu khí quốc gia Adécbaigian, tổ chức Global Witness của Anh đã nghiên cứu hồ sơ công ty nằm ở Xingapo, Thụy Sĩ và các khu vực pháp lý khác để làm sáng tỏ một số giao dịch đáng ngờ.

Một tổ chức tư vấn có trụ sở ở Berlin đã vạch trần những biện pháp mà chế độ của Aliyev sử dụng nhằm thao túng các nghị sĩ châu Âu thông qua Hội đồng châu Âu - và sau đó, cảnh sát Italia tiến hành điều tra những lo ngại này¹⁴. OCCRP, tổ chức kết nối các nhà báo làm việc ở 34 quốc gia, đã tiết lộ những biện pháp mà chế độ này sử dụng để rửa tiền ở nước ngoài, trong đó có thông qua các công ty và ngân hàng ở Anh, Pháp, Latvia và Manta. OCCRP và các nhóm toàn cầu khác còn giúp khuếch trương tiếng nói của các nhà báo và nhà hoạt động dũng cảm ở Adébaigian, đồng thời công khai hoàn cảnh khó khăn của họ khi họ bị bắt giữ và hăm dọa.

Cùng với nhau, những tác nhân phòng chống tham nhũng nước ngoài đã tạo nên một câu chuyện trái ngược hẳn với câu chuyện được chế độ Aliyev và các công ty quan hệ công chúng mà họ thuê dựng lên. Bằng cách chất vấn và vạch trần tư cách của giới tinh hoa chính trị Adébaigian, những tác nhân bên ngoài này dần loại bỏ quan niệm cho rằng chế độ này là tất yếu. Điều này, cuối cùng và tùy thuộc vào những sự kiện ở trong nước, có thể làm giảm bớt các hành vi có hại nhất của chế độ hoặc khiến nền chính trị phải thay đổi.

Huy động những kẻ thù muôn hình vạn trạng của tham nhũng

Trong vài năm gần đây, những người hỏi cuốn sách này viết về điều gì đều có chung một phản ứng: “Hả. Nghe thất vọng quá!”.

Đôi khi, đúng là như vậy. Tham nhũng đã tước đoạt của người dân hàng tỷ đôla Mỹ mà lẽ ra có thể dùng để trả lương cho giáo viên, tu sửa đường sá và mua thuốc cho những trẻ em bệnh tật. Khi nguồn thu của chính phủ bị mất vì tham nhũng trong

lĩnh vực dầu khí, thì kết quả sẽ là sinh mạng của người dân. Và cái giá phải trả không chỉ dừng lại ở đó. Các chính trị gia ở Braxin và Nigieria đã sử dụng những đồng tiền đánh cắp được từ ngành dầu khí nhằm làm lệch cán cân trong các cuộc bầu cử về phía có lợi cho mình. Ở Angola, Adécbaigian và Nga, tham nhũng củng cố những chế độ mà ở đó, các đồng minh của họ trở thành tỷ phú, còn kẻ thù của họ thì sống trong lao tù. Những vết nhơ của nạn tham nhũng từ Malaixia và những nước khác đã tràn lan ra nước ngoài và đầu độc các thị trường bất động sản, các doanh nghiệp, ngân hàng, cơ quan truyền thông và quan chức nước ngoài.

Nhưng việc nghiên cứu cuốn sách này cũng là nguồn động viên. Mỗi khi một vụ án tham nhũng mới được khởi động, một tác nhân chống tham nhũng giành chiến thắng. Cho dù thủ phạm có mạnh tới mức nào, chúng cũng không thể hoàn toàn thoát tội. Các chính trị gia, quan chức, giám đốc điều hành và các công ty sẽ bị truy tố, phải nộp phạt, mất doanh thu và mất uy tín. Một số người bị mất việc làm và đi tù. Trong nhiều vụ, ta thấy hậu quả là quá nhẹ nhàng, nhưng không phải là không có giá trị. Vì vậy, nhiều kẻ tham nhũng không thể yên ổn hưởng chiến lợi phẩm của mình và không dám thực hiện những âm mưu như thế một lần nữa.

Những tác nhân chống tham nhũng là một nhóm muôn màu muôn vẻ. Mỗi tác nhân đều có điểm yếu trí mạng, như đã trình bày trong Chương 6. Nhưng may mắn thay là không có ai phải một mình chiến đấu với tham nhũng. Điểm mạnh của họ bổ sung cho nhau: khi một người không thể hành động, thì người khác sẽ thay thế.

Các chính phủ trong nước có quyền lực rất lớn vì họ có thể áp dụng các chế tài pháp lý trực tiếp chống lại những người bị nghi ngờ tham nhũng. Tuy nhiên, đặc biệt là ở các nước chuyên chế,

các nhà lãnh đạo chính trị thường sử dụng các thủ tục phòng chống tham nhũng để làm suy yếu các đối thủ của mình, như Thái tử Mohammad bin Salman nhất hàng chục người trong giới tinh hoa Ả-rập Xêút ở khách sạn Riyadh Ritz-Carlton. Các nhà lãnh đạo chính trị còn đàn áp quyền tự do của công dân - trong đó có các nhà báo và các chính trị gia đối lập - trong việc kiểm tra kỷ lưỡng hành vi của chính phủ và chỉ ra các vấn đề khi họ phát hiện được. Trong khi những người có bàn tay sắt sẵn sàng sử dụng những ngôn từ khoa trương về chống tham nhũng, thì họ lại bỏ qua sự thật và công bằng. Ngược lại, khi được hoạt động độc lập, các cơ quan giám sát thường có thành tích tốt hơn là những người có quyền lực này. Như đã trình bày trong Chương 3, hệ thống tư pháp của Braxin đã buộc giới tinh hoa chính trị và kinh doanh hàng đầu phải chịu trách nhiệm về việc họ dính líu vào tham nhũng, còn các cơ quan giám sát của Chính phủ Hoa Kỳ thì chỉ ra quan hệ nòng ấu của cơ quan quản lý dầu khí với những công ty mà họ chịu trách nhiệm giám sát.

Trong một số trường hợp, các chính phủ nước ngoài đã thu được thành công rực rỡ trong việc truy quét nạn tham nhũng trong giai đoạn bùng nổ đầu mỏ. Họ có trong tay một bộ công cụ đầy ấn tượng của riêng họ. Họ có thể truy tố những vụ hối lộ ở nước ngoài hoặc truy tìm số tiền bị đánh cắp được chuyển qua biên giới quốc gia của họ. Họ có thể tránh xa các chính phủ tham nhũng trên phạm vi toàn cầu hoặc áp dụng các biện pháp trừng phạt. Họ có thể tài trợ cho các nhóm xã hội dân sự phòng chống tham nhũng ở trong và ngoài nước và có thể ban hành các chính sách gây khó khăn cho việc thực hiện các âm mưu tham nhũng. Nhưng các chính phủ nước ngoài chỉ triển khai bộ công cụ này khi thấy thuận lợi. Các chương trình nghị sự về chính sách đối ngoại, quân sự và

an ninh năng lượng, hoặc đơn giản là tính tự mãn và không có nhiều kỳ vọng, thường là những yếu tố gây cản trở việc phòng chống tham nhũng.

Thế giới cần nhiều thứ tốt hơn nữa. Các chính phủ nên triển khai bộ công cụ phòng chống tham nhũng của mình một cách nhất quán và mạnh mẽ. Ngoài Hoa Kỳ, các nước đã bắt đầu theo đuổi nhiều vụ hối lộ lớn hơn. Việc thực thi luật chống hối lộ một cách tốt hơn sẽ đòi hỏi nhiều nguồn lực hơn để điều tra các âm mưu tham nhũng vô cùng phức tạp. Sau đó, các công tố viên cần áp dụng những hình phạt thực sự hiệu quả, ngay cả khi họ tiếp tục đàm phán các vụ dàn xếp với các công ty chứ không đưa ra xét xử. Họ phải tiếp tục truy lùng các giám đốc điều hành chịu trách nhiệm về các âm mưu tham nhũng cũng như các công ty mà họ làm việc. Việc cơ quan thực thi pháp luật công khai chi tiết thông tin về các vụ án cũng hỗ trợ rất nhiều cho các tổ chức phòng chống tham nhũng khác trong công việc của họ. Những hoạt động này đã thu được thành công trong việc vạch trần và trừng phạt nhiều vụ nhận hối lộ trong lĩnh vực dầu khí và cần được nhân rộng.

Các chính phủ nước ngoài còn sử dụng những vụ án trong công nghiệp dầu khí để thí điểm một số công cụ mới, trong đó có Sáng kiến thu hồi tài sản của chế độ đạo tặc trị của Hoa Kỳ và Lệnh tài sản không giải thích được của Vương quốc Anh. Những công cụ này phù hợp với cách thức hoạt động của tham nhũng trong hệ thống toàn cầu hiện nay bằng cách xử lý các dòng tiền chảy ra nước ngoài, đồng thời đây cũng là ví dụ tuyệt vời về cách truy lùng những điểm yếu trên trường quốc tế của chế độ đạo tặc trị. Các biện pháp trừng phạt mang tên Magnitsky được Hoa Kỳ và Canada áp dụng là công cụ mới

đầy hứa hẹn, có thể trừng phạt những kẻ tham nhũng bằng cách hạn chế việc làm ăn của họ ở nước ngoài. Cần tăng cường những cách tiếp cận này ở những quốc gia đã áp dụng và đưa vào áp dụng ở những quốc gia khác.

Các chính sách khiến tham nhũng khó xảy ra hơn cũng tương tự như vậy. Các chính phủ biết cách loại bỏ các cơ chế ưa thích của tham nhũng. Đứng đầu danh sách này là loại trừ các công ty bình phong ẩn danh. Không cần phải đợi thêm bằng chứng thì mới hành động. Vương quốc Anh yêu cầu tất cả các công ty tiết lộ tên của những chủ sở hữu thực sự “bằng xương bằng thịt” và họ sẽ sớm yêu cầu những người nước ngoài mua bất động sản phải làm điều tương tự. Trong khi cần phải làm nhiều hơn nữa, thì Chính phủ Anh đã và đang thúc đẩy các vùng lãnh thổ, ví dụ như Quần đảo Virgin thuộc Anh, sửa đổi luật pháp và kiểm soát chặt chẽ cái gọi là thị thực vàng đã cho phép các nhà đầu tư giàu có vào nước này ngay cả khi tài sản của họ có nguồn gốc đáng ngờ. Các chính sách phòng chống tham nhũng này cần phải phổ biến ở nhiều quốc gia, nếu không tiền bẩn sẽ tìm kiếm những khu vực tài phán khoan dung nhất.

Thành tích của Vương quốc Anh nhắc nhở chúng ta rằng, chính sách tốt phải đi đôi với bộ máy thực thi hiệu quả. Chính sách công bố thông tin về công ty của họ là rất tốt, nhưng chính phủ đã và đang phân bổ quá ít nguồn lực để xác minh dữ liệu về quyền sở hữu do các công ty cung cấp. Với quy mô của số tiền bẩn ước tính chảy qua London, các nhà chức trách cũng theo đuổi quá ít vụ án hình sự và đưa ra những lời khiển trách nhẹ nhàng. Năm 2018, tờ *Economist* lập luận rằng:

Nhiệm vụ không chỉ là soạn thảo những bộ luật mới mà quan trọng là thực thi những điều đã được viết thành sách - một căn bệnh thường thấy ở Anh. Dành nhiều nguồn lực hơn cho các vụ

tham nhũng sẽ rất có ích trong việc cải thiện tình hình. Phải chi thêm tiền để tăng lương cho các điều tra viên, hiện nay lương của họ thấp hơn hẳn so với các đồng nghiệp người Mỹ. Tăng cường giám sát các công ty bình phong và những công ty thành lập công ty bình phong, cũng như chi thêm tiền cho việc xác minh thông tin về quyền sở hữu đều là những việc làm hữu ích. Cho đến nay, phản ứng của Anh trước những đe dọa do các dòng tiền bất hợp pháp gây ra vẫn mang tính hình thức “đao to búa lớn” chứ không phải là hành động có ý nghĩa. Đã đến lúc phải điều chỉnh¹⁵.

Mặc dù bị ngôn ngữ quan liêu khô khan gây khó hiểu, nhưng hai cơ chế kiểm tra liên chính phủ đã vạch ra một chương trình nghị sự rõ ràng và cụ thể, giúp các nước cải thiện nỗ lực phòng chống tham nhũng của mình. Mặc dù có tầm quan trọng như vậy, nhưng người ta hầu như không chú ý tới hai cơ chế này. Cơ chế thứ nhất, OECD đánh giá mức độ thực hiện Công ước chống hối lộ (Anti-Bribery Convention) của từng quốc gia. Ví dụ, trong lần đánh giá Thụy Sĩ được tiến hành trong thời gian gần đây, OECD khen ngợi nước này vì đã tăng những cuộc điều tra hối lộ và rửa tiền từ 24 vụ năm 2011 lên 137 vụ năm 2016; nhưng lại phê bình nước này vì không có biện pháp bảo vệ thích đáng đối với những người tố giác và phạt nhẹ những kẻ có tội, ví dụ, phạt Odebrecht 0 đồng trong vụ Car Wash¹⁶.

Cơ chế thứ hai, Lực lượng Đặc nhiệm hành động tài chính đánh giá các chính phủ thành viên trong việc áp dụng những biện pháp chống lại các dòng tiền bẩn. Trong một lần đánh giá của mình, lực lượng này đã thúc giục Xâysen, một địa điểm thường được người ta sử dụng để thành lập các công ty bình phong, tăng cường các hoạt động thực thi pháp luật. Mặc dù có rất nhiều dòng tiền bẩn chảy qua các công ty ở Xâysen, nhưng

nước này chỉ tiến hành ba cuộc điều tra rửa tiền và cả ba đều liên quan đến buôn bán ma túy chứ không phải trốn thuế hay tham nhũng¹⁷. Lực lượng này chỉ trích Hoa Kỳ đã không xử lý vai trò liên đới của các luật sư, kế toán viên và đại lý bất động sản trong các vụ rửa tiền¹⁸. Nếu các công cụ giám sát của OECD và Lực lượng Đặc nhiệm hành động tài chính hiện có được đưa vào áp dụng với mức độ thực sự cấp thiết và quan trọng thì không cần phải tạo ra những công cụ mới.

Một phần là do Hoa Kỳ và chính phủ các nước khác không cho những kẻ tiếp tay cho tham nhũng trốn tránh trách nhiệm, cho nên họ hiếm khi trở thành những người hùng trong cuộc chiến chống tham nhũng. Giai đoạn bùng nổ đầu mỏ cung cấp cho chúng ta một vài ví dụ đơn lẻ về những người trợ giúp cản trở tham nhũng bằng cách từ chối giúp đỡ những vụ làm ăn đáng ngờ, mặc dù những vụ làm ăn khác có thể đã xảy ra mà công chúng không hề hay biết. Ví dụ, các báo cáo về hoạt động đáng ngờ do các nhân viên ngân hàng đệ trình đã giúp thúc đẩy cuộc điều tra về những vụ mua bán dầu của Gunvor ở Cộng hòa Congo¹⁹. Nhưng nhiều báo cáo khác đã không được điều tra. Deloitte rút ra khỏi hợp đồng kiểm toán sổ sách của Addax khi họ phát hiện được bằng chứng về khả năng gian lận trong các hoạt động của công ty này ở Nigêria và đã báo cáo nghi ngờ của mình cho cơ quan đăng ký kinh doanh của Vương quốc Anh²⁰. Nhân viên của một số tổ chức trợ giúp, như công ty luật ở trung tâm của Hồ sơ Panama, đã báo động về tham nhũng khi họ nhận thấy tình trạng này, đã giúp phơi bày nhiều trường hợp được đề cập trong cuốn sách này. Một số công ty khác đã tự báo cáo những hành vi gian lận và lạm dụng khác ngay trong hàng ngũ của mình cho chính quyền với hy vọng sẽ nhận được sự khoan hồng.

Tham nhũng đã bị phát hiện thông qua tất cả những kênh này, và những kênh này cần phải tiếp tục để ngỏ.

Để khuyến khích những người trợ giúp tiềm năng thường xuyên làm những việc đúng đắn thì cần phải có sự kết hợp tốt hơn giữa cây gậy và củ cà rốt. Bằng các quy định và biện pháp thực thi, các chính phủ có thể đưa ra đường lối cứng rắn hơn trong việc xác định những gì cấu thành hành vi không phù hợp dành cho những tay chơi này và những hình phạt mà họ sẽ phải đối mặt khi vượt qua ranh giới. Điều này đang diễn ra ở một mức độ nào đó. Hoa Kỳ điều tra Goldman Sachs vì ngân hàng này đã dàn xếp việc bán trái phiếu của 1MDB và một nhân viên ngân hàng của Goldman đã nhận tội vì vai trò của mình trong quá trình thực hiện vụ lừa đảo²¹. Hoa Kỳ cũng đã truy tố một kế toán viên người Mỹ, một cố vấn đầu tư người Đức và một luật sư người Panama có quan hệ với Mossack Fonseca - công ty luật bị phanh phui trong vụ Hồ sơ Panama. Những người trợ giúp tiềm năng có thể thường xuyên tránh được những vụ làm ăn đáng ngờ nếu họ phải đối mặt với các biện pháp trừng phạt thực sự như vậy. Để thêm nhiều phần thưởng hơn sự trừng phạt, họ cần phải được xã hội tôn trọng hơn khi vạch trần hiện tượng tham nhũng và được áp dụng các biện pháp bảo vệ tốt hơn, ví dụ như tăng cường tính minh bạch.

Xã hội dân sự và các phương tiện truyền thông không để các chính phủ và những người trợ giúp tiềm năng trốn tránh trách nhiệm phòng chống tham nhũng của mình, đồng thời góp phần vạch trần tham nhũng. Nhưng những nhóm người này có nền tảng không vững chắc. Họ không có kênh tiếp cận thông tin đáng tin cậy và chỉ có thể tác động đến uy tín chứ không thể giải quyết được những hậu quả khác. Việc làm của họ có thể dẫn tới những

rủi ro về pháp lý, nghề nghiệp và những nguy hiểm cho chính bản thân họ. Tuy nhiên, họ vẫn tiếp tục cuộc chiến chống tham nhũng và tạo ra những thay đổi về chính sách. Họ đã và đang đương đầu với giới đạo tặc trị khi không còn ai khác và đã tạo dựng được quan hệ đối tác quốc tế đầy sáng tạo để điều tra quá trình vươn ra toàn cầu của nạn tham nhũng.

Nhóm của các nhà hoạt động và các nhà báo thường làm việc với ngân sách eo hẹp. Nếu có nhiều kinh phí hơn, họ có thể thuê các nhà điều tra tài ba, đi sâu vào những kho dữ liệu ngày càng phát triển, cộng tác với nhiều người hơn, đưa thông điệp của họ đến các nhà hoạch định chính sách ở nhiều quốc gia hơn và giữ được các luật sư cần thiết nhằm bảo vệ mình trước các cuộc phản công. Các quỹ tư nhân và mạnh thường quân nên tăng cường giúp đỡ các phương tiện truyền thông và các nhóm đấu tranh chống tham nhũng trên toàn thế giới, cả ở các nước khai thác dầu lẫn ở nước ngoài. Các nhà tài trợ nên ủng hộ các nhóm đang chiến đấu với các chế độ đạo tặc trị, ngay cả khi công việc của họ không tạo ra được kết quả có thể đo lường tức thời, như các nhà tài trợ mong muốn. Ở nhiều nước, các nhà hoạt động và nhà báo là những người duy nhất phản bác lại câu chuyện do giới đạo tặc trị đang nắm quyền đưa ra.

Tất cả các tác nhân phòng chống tham nhũng này cần giải quyết các lĩnh vực có vấn đề nêu trên: các công ty kinh doanh dầu khí, các công ty dịch vụ mỏ dầu và các công ty dầu khí quốc gia; những vụ trao hợp đồng tùy tiện và bí mật, các công ty bình phong ẩn danh và những tổ chức trung gian. Các vấn đề trong những khu vực này xuất hiện thường xuyên đến mức sẽ chẳng thể nào ngạc nhiên khi chúng tái diễn. Tất cả đều được hưởng lợi khi có sự minh bạch và giám sát cẩn thận hơn, luật lệ được hoàn thiện hơn nhằm xác định hành vi nào được chấp nhận, thực thi

nghiêm túc các luật lệ đó, tiến hành nhiều cuộc điều tra hơn về hành vi đáng ngờ và trừng phạt nghiêm khắc đối với hành vi vi phạm pháp luật.

Chống tham nhũng đòi hỏi nhiều tác nhân khác nhau hành động, bao gồm một số hành động đe dọa hoặc gây phiền phức. Ngay cả khi vượt qua được khó khăn để có thể có hành động mang tính tập thể thì kết quả cũng sẽ không trọn vẹn hoặc hoàn toàn thỏa mãn. Ở Braxin, cảnh sát phanh phui vụ bê bối Car Wash, và tòa án đã đưa nhiều người trong số đó ra trước công lý. Ở Nigêria, một vị tổng thống không tái đắc cử, một phần vì ông ta để cho tham nhũng hoành hành, đồng thời các quan chức lạm dụng quyền lực cũng đang bị điều tra. Mặc dù đây là những thắng lợi to lớn, nhưng đã không loại bỏ được các vấn đề mang tính cơ cấu, là nguyên nhân đầu tiên khiến tham nhũng gia tăng, ví dụ như bất bình đẳng về kinh tế và nền chính trị dựa trên tiền bạc. Tuy nhiên, việc thiếu các giải pháp hoàn hảo không phải là lý do kìm hãm cuộc chiến chống tham nhũng. Cũng không nên lo lắng về việc phải làm gì. Các vụ việc trong quá khứ cho thấy rõ đâu là lĩnh vực có vấn đề và những biện pháp khắc phục nào có hiệu quả. Thờ ơ với chương trình nghị sự mang lại kết quả chính là thỏa hiệp với nạn tham nhũng trong tương lai.

Tin tốt?

Cuối năm 2018, khi tôi đang viết chương này, một dòng tiêu đề bài viết xuất hiện trên Twitter của tôi: “Những nhà kinh doanh dầu mỏ lớn nhất thế giới đút lót trong vụ bê bối ở Braxin - Các công tố viên”²².

Câu chuyện này nói về một giai đoạn khác của vụ bê bối Car Wash. Các công tố viên Braxin cáo buộc ba công ty của Thụy Sĩ

là Glencore, Trafigura và Vitol đã hối lộ các quan chức ở công ty dầu khí quốc gia Petrobras hơn 30 triệu USD và chuyển những khoản tiền này qua đơn vị trung gian là các công ty ở Quần đảo Virgin thuộc Anh và các tài khoản ngân hàng ở Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Thụy Điển, Thụy Sĩ và Uruguay²³. Theo điều tra của các công tố viên, Petrobras sau đó đã để các công ty thương mại mua và tích trữ dầu với mức giá thấp hơn. Theo báo cáo, từ năm 2011 đến 2014, âm mưu này đã xâm nhập 160 giao dịch riêng biệt. Vitol và Glencore cho biết, họ đang hợp tác với chính quyền. Trafigura phủ nhận, nói rằng ban quản trị công ty không biết gì về hành vi hối lộ bị cáo buộc²⁴. Khi cuốn sách này được xuất bản, cuộc điều tra vẫn đang được tiếp tục và chưa có công ty nào bị buộc tội.

Liệu đây có phải chỉ là một tin xấu nữa từ lĩnh vực dầu khí? Nếu các cáo buộc trở thành sự thật, thì tham nhũng đã vấy bẩn lĩnh vực kinh doanh của Petrobras, thậm chí còn lớn hơn so với những gì mà các phiên tòa xử vụ Car Wash trước đó đã tiết lộ, và thậm chí nhiều công ty nước ngoài cũng sẵn sàng hợp tác²⁵. Như thường thấy, các cáo buộc luôn có sự tham gia của các ngân hàng và tổ chức trung gian nước ngoài. Thật vậy, hai tổ chức phi chính phủ công bố cuộc điều tra được thực hiện trước đó vài tuần đã chỉ trích chính những công ty kinh doanh dầu này vì đã làm việc với một số tổ chức trung gian dính líu sâu sắc vào vụ bê bối Car Wash, trong đó có một người được gọi là “Trợ tế tham nhũng”²⁶.

Hay tất cả đều là tin tốt? Không nao núng trước thực tế là âm mưu tham nhũng có thể dính líu tới những chính khách đầy quyền lực, cảnh sát Braxin và các công tố viên đã lật tung hàng đống tài liệu thu giữ được để thành lập chuyên án. Tiếp tục quá trình hợp tác hiệu quả trong việc theo đuổi vụ Car Wash, các nhà chức trách Hoa Kỳ đã cùng với các đối tác Braxin điều tra vấn đề này²⁷.

Nhóm cơ quan giám sát Global Witness ở Vương quốc Anh và đối tác Public Eye của họ ở Thụy Sĩ cũng tìm hiểu kỹ những thông tin sẵn có và nêu ra những câu hỏi thông minh và kịp thời về những vụ làm ăn ở Braxin của các công ty kinh doanh này²⁸. Nói cách khác, cảnh sát, công tố viên và các nhà hoạt động đã đảm nhận một số lĩnh vực khó khăn nhất đã được xác định trong cuốn sách này, bao gồm kinh doanh dầu mỏ, các công ty dầu khí quốc gia, các tổ chức trung gian và các dòng tiền được chuyển ra nước ngoài. Âm mưu tham nhũng xuyên biên giới khả thi đã phải đối mặt với phản ứng xuyên biên giới ngang sức ngang tài. Các công ty liên quan sẽ phải trả lời những câu hỏi hóc búa của các nhà đầu tư và chính phủ nước sở tại và sẽ đứng trước áp lực buộc họ phải củng cố những biện pháp phòng chống tham nhũng của mình. Thật vậy, năm 2019, Trafigura và Glencore đã tuyên bố không tiếp tục nhờ các tổ chức trung gian để giành các hợp đồng mới²⁹. Nếu bị kết án, các công ty và nhân viên chịu trách nhiệm có thể phải đối mặt với những hình phạt nặng nề.

Dù kết quả của những vụ truy tố có như thế nào, thì việc kiểm tra kỹ các thương vụ làm ăn trong lĩnh vực dầu khí đã là một chiến thắng trong cuộc chiến chống tham nhũng. Những tay chơi đầy quyền lực sẽ đối diện với chuẩn mực tố tụng, và sự thật có thể sẽ được phơi bày. Vụ bùng nổ dầu mỏ cho thấy tham nhũng có thể vấy bẩn toàn thế giới như thế nào. Tuy nhiên, các vụ án cũng cho thấy chúng ta rất biết cách chống tham nhũng. Bây giờ là lúc bắt tay vào việc.

PHỤ LỤC

Quy mô của vụ bùng nổ dầu mỏ
ở một số quốc gia

	Sản lượng dầu mỏ		Giá trị của số lượng dầu mỏ được khai thác	Tầm quan trọng của dầu mỏ đối với nền kinh tế quốc gia
Các quốc gia được đề cập trong cuốn sách này	Trung bình thùng/ngày (2008-2014)	Xếp hạng thế giới	Tổng giá trị số lượng dầu mỏ khai thác được trong giai đoạn bùng nổ dầu mỏ (2008-2014), <i>triệu USD</i>	Giá trị dầu mỏ khai thác được theo % GDP (2008-2014)
Nga	10.482.400	2	2.567.212	20%
Hoa Kỳ	8.599.722	3	2.129.892	2%
UAE	3.238.306	7	801.455	34%
Irắc	2.790.772	11	691.001	55%
Nigeria	2.336.443	12	571.608	21%
Braxin	2.119.712	13	519.175	3%
Anggôla	1.751.811	15	426.749	60%
Libi	1.229.303	19	288.072	64%
Adécbaigian	934.739	22	225.856	52%
Ghinê	313.430	33	76.156	55%
Xích đạo				
Cộng hòa Congo	274.667	35	66.850	74%
Sát	108.676	45	26.228	32%

Nguồn: Theo tính toán của tác giả. Số liệu về sản lượng và giá: BP, *Annual Statistical Bulletin*, 2018. Số liệu về GDP: World Bank, *World Development Indicators*, 2018.

CHÚ THÍCH

Chương 1: Khủng hoảng tham nhũng

1. Dữ liệu của UNICEF về Nigêria, <https://data.unicef.org/country/nga/>; UN Population Division, *World Population Prospects 2017*, <https://population.un.org/wpp/Download/Standard/Population/>; World Poverty Clock, <https://worldpoverty.io/>.

2. Aaron Sayne, Alexandra Gillies, and Christina Katsouris, *Inside NNPC Oil Sales: A Case for Reform in Nigeria*, Natural Resource Governance Institute, August 2015.

3. US District Court for the Southern District of Texas, *Complaint, United States of America v. The M/Y Galactica Star*, No. 4:17-c 02166 (S.D. Tex. July 14, 2017), <https://www.courtlistener.com/docket/6120284/1/united-states-v-the-my-galactica-star-being-a-65-meter-motor-yacht-built/>.

4. Public Prosecution Office at the Ordinary Court of Milan Proc. No. 54772/13 General Criminal Records Registry, Indictment, December 20, 2017, https://shelland-enitrial.org/wp-content/uploads/2018/06/decision-to-open-trial-20.12.2017_English.pdf; Global Witness, *Shell Knew*, Global Witness, April 10, 2017. Shell và Eni phủ nhận mọi hành vi sai trái. Phiên tòa xét xử 2 công ty này đang diễn ra khi cuốn sách này được xuất bản.

5. Nigeria Economic and Financial Crimes Commission, “Diezani Alison-Madueke: What an Appetite!”, August 8, 2017, <https://efccnigeria.org/efcc/news/2706-diezani-alison-madueke-what-an-appetite>.

6. Julia Payne and Felix Onuah, “‘Nigeria’s Ex-oil minister Alison Madueke Arrested In London—Sources”, *Reuters*, October 2, 2015. Diezani Alison-Madueke phủ nhận hành vi sai trái.

7. Thomas Carothers and Christopher Carothers, “The One Thing Modern Voters Hate Most”, *Foreign Policy*, July 24, 2018.

8. International Consortium of Investigative Journalists, *Panama Papers: The Power Players*, ICIJ, January 31, 2017.

9. US District Court for the Southern District of New York, *Petrobras Securities Litigation, Demand for Jury Trial*, Case No. 14-cv-9662 JSR (S.D.N.Y. July 16, 2015), 28–30, http://securities.stanford.edu/filings-documents/1053/PBSP00_01/2015716_r01c_14CV09662.pdf.

10. Edward Robinson, Hugo Miller, and Nariman Gizitdinov, “Was Trump SoHo Used to Hide Part of a Kazakh Bank’s Missing Billions?” *Bloomberg*, December 11, 2017; Adam Davidson, “Donald Trump’s Worst Deal”, *New Yorker*, March 13, 2017.

11. Council of Europe, *Report of the Independent Investigation Body on the Allegations of Corruption within the Parliamentary Assembly*, Council of Europe, April 15, 2018.

12. World Economic Forum, “Corruption Is Costing the Global Economy \$3.6 Trillion Dollars Every Year”, WEF, December 31, 2018, <https://www.weforum.org/agenda/2018/12/the-global-economy-loses-3-6-trillion-to-corruption-each-year-says-u-n/>.

13. International Monetary Fund, *Corruption: Costs and Mitigating Strategies*, IMF Staff Discussion Note, IMF, 2016.

14. The Sentry, *Fueling Atrocities: Oil and War in South Sudan*, The Sentry, March 2018.

15. “‘\$2bn Stolen’ from Anti-Boko Haram Fight”, *BBC News*, November 18, 2015, <https://www.bbc.com/news/world-africa-34855695>.

16. Sarah Chayes, *Thieves of State* (New York: Norton, 2015).

17. International Monetary Fund, “Corruption: Costs and Mitigating Strategies”, IMF Staff Discussion Note 16/05. IMF, May, 2016.

18. Extractive Industries Transparency Initiative, Iraq and Republic of Congo country pages, <https://eiti.org/countries>.

19. Silvana Tordo, *National Oil Companies and Value Creation*, World Bank, 2011.

20. Patrick Heller and David Mihalyi. *Massive and Misunderstood: Data-Driven Insights into National Oil Companies*. Natural Resource Governance Institute, April 2019.

21. Nghiên cứu chưa công bố của Natural Resource Governance Institute.

22. Simon Clark, Mia Lamar, and Bradley Hope, "The Trouble with Sovereign-Wealth Funds," *Wall Street Journal*, December 23, 2015.

23. Jeffrey Sachs and Michael Warner, "Resource Abundance and Economic Growth", National Bureau of Economic Research Working Paper Series, NBER, 1995.

24. Michael Ross, *The Oil Curse: How Petroleum Wealth Shapes the Development of Nations* (Princeton: Princeton University Press, 2013).

25. Nicholas Shaxson, *Poisoned Wells: The Dirty Politics of African Oil* (London: St. Martin's Griffin, 2008).

26. Independent Inquiry Committee into the United Nations Oil-for-Food Programme, *Manipulation of the Oil-for-Food Programme by the Iraqi Regime*, October 27, 2005, <https://www.files.ethz.ch/isn/13894/ManipulationReport.pdf>.

27. Để tìm hiểu thêm về khái niệm tham nhũng hợp pháp, xem: Daniel Kaufmann and Pedro C. Vicente, "Legal Corruption," *Economics & Politics*, Vol. 23, Issue 2, pp. 195–219, 2011; và Oguzhan C. Dincer and Michael Johnston, "Measuring Illegal and Legal Corruption in American States," Edmond J. Safra Working Papers, No. 58 (2015).

Chương 2: "Kết giao với thể lực nhiều loạn thể giới"

1. Kim Mackrael and Paul Waldie, "Griffiths Remembered as Bay Street Innovator," *Globe and Mail*, July 24, 2011.

2. Ibid.

3. Alexis Flynn, “Glencore Xstrata Buys Caracal Energy,” *Wall Street Journal*, April 14, 2014.

4. Court of Queen’s Bench of Alberta, *Her Majesty the Queen and Griffiths Energy International, Inc. Agreed Statement of Facts*, January 2013, https://www.millerchevalier.com/sites/default/files/resources/Spring2013_GriffithsAmendedStatmentofFacts.pdf.

5. US District Court for the District of Columbia, *Complaint, US Department of Justice v. Mahamoud Adam Bechir*, Case: 1:14-cv-01178-RJL (D.D.C. July 8, 2014), 5, https://www.justice.gov/sites/default/files/opa/press-releases/attachments/2014/11/07/bechir_complaint.pdf.

Xem thêm: Court of Queen’s Bench of Alberta, *Her Majesty the Queen and Griffiths Energy International, Inc. Agreed Statement of Facts*, January 2013, https://www.millerchevalier.com/sites/default/files/resources/Spring2013_GriffithsAmendedStatementofFacts.pdf.

6. Court of Queen’s Bench of Alberta, January 2013, paras. 20–22, https://www.millerchevalier.com/sites/default/files/resources/Spring2013_GriffithsAmended StatmentofFacts.pdf.

7. US District Court for the District of Columbia, *Complaint, US Department of Justice v. Mahamoud Adam Bechir*, Case: 1:14-cv-01178-RJL (D.D.C. July 8, 2014), 5, https://www.justice.gov/sites/default/files/opa/press-releases/attachments/2014/11/07/bechir_complaint.pdf, 1.

8. UK Serious Fraud Office, “SFO recovers £4.4m from Corrupt Diplomats in ‘Chad Oil’ Share Deal,” thông cáo báo chí, March 22, 2018; US District Court for the District of Columbia, *Complaint, US Department of Justice v. Mahamoud Adam Bechir*, Case: 1:14-cv-01178-RJL (D.D.C. July 8, 2014), https://www.justice.gov/sites/default/files/opa/press-releases/attachments/2014/11/07/bechir_complaint.pdf.

9. Flynn, “Glencore Xstrata.”

10. Simon Romero and John Holusha, “Exxon Mobil Posts Largest Annual Profit for U.S. Company,” *New York Times*, January 30, 2006.

11. "XOM Exxon Mobil Corp Executive Compensation," Morningstar, http://insiders.morningstar.com/trading/executivecompensation.action?t=XOM®ion=USA&culture=en_US.

12. "Koch Family," in "2016 America's Richest Families Net Worth," Forbes, June 29, 2016, <https://www.forbes.com/profile/koch/#67fc02aa5a5b>. Xem thêm Jane Mayer, *Dark Money: The Hidden History of the Billionaires behind the Rise of the Radical Right* (New York: Doubleday, 2016).

13. Javier Blas, "Risky Oil Supply Deal Pays Off for Vitol," *Financial Times*, September 5, 2011.

14. US Securities and Exchange Commission, *BHP Billiton Ltd. and BHP Billiton Plc., SEC Order Instituting Cease and Desist Proceedings*, File No. 3-16546, Release No. 74998, May 20, 2015, <https://www.sec.gov/litigation/admin/2015/34-74998.pdf>.

15. US Securities and Exchange Commission, "SEC Charges BHP Billiton with Violating FCPA at Olympic Games," thông cáo báo chí, May 20, 2015, <https://www.sec.gov/news/pressrelease/2015-93.html>.

16. Miriam Elder, "Jennifer Lopez Sparks Controversy with Show for Turkmenistan President," *Guardian*, June 30, 2013; Brian Spegele and Lukas Alpert, "Jennifer Lopez Turkmenistan Gig Shines Light on Chinese Oil Firm," *Wall Street Journal*, July 1, 2013.

17. US Securities and Exchange Commission, *Bank of New York Mellon Corporation, Respondent, SEC Order Instituting Cease and Desist Proceedings*, File No. 3-16762, Release No. 75720, August 18, 2015, <https://www.sec.gov/litigation/admin/2015/34-75720.pdf>.

18. *Ibid.*, 4.

19. Simon Clark, Mia Lamar, and Bradley Hope, "The Trouble with Sovereign-Wealth Funds," *Wall Street Journal*, December 23, 2015.

20. Royal Courts of Justice, Judgement Approved in the case of *The Libyan Investment Authority v Goldman Sachs International* [2016] EWHC

2530 (Ch), October 14, 2016, para.229, <http://www.bailii.org/ew/cases/EWHC/Ch/2016/2530.html>.

21. Matthew Campbell and Kit Chellel, “How Goldman Sachs Lost \$1.2 Billion of Libya’s Money,” *Bloomberg Businessweek*, September 29, 2016.

22. Royal Courts of Justice, Judgement Approved in the case of *The Libyan Investment Authority v Goldman Sachs International* [2016], EWHC 2530 (Ch), October 14, 2016, para. 229, <http://www.bailii.org/ew/cases/EWHC/Ch/2016/2530.html>.

23. Royal Courts of Justice, Judgement Approved in the case of *The Libyan Investment Authority v Goldman Sachs International* [2016], EWHC 2530 (Ch), October 14, 2016, para. 224e, <http://www.bailii.org/ew/cases/EWHC/Ch/2016/2530.html>. Thẩm phán Vương quốc Anh nhận thấy rằng, khác với đội ngũ nhân viên cấp dưới của mình là những đối tượng được hưởng lợi từ những khóa đào tạo, những người có quyền quyết định quan trọng ở LIA có đủ năng lực để hiểu được những giao dịch do Goldman cung cấp.

24. Jane Croft, “Goldman Sachs Bankers ‘Swarmed’ around Libya Fund,” *Financial Times*, June 16, 2016.

25. Campbell and Chellel, “How Goldman Sachs Lost \$1.2 Billion.”

26. Royal Courts of Justice, Judgement Approved in the case of *The Libyan Investment Authority v Goldman Sachs International* [2016], EWHC 2530 (Ch), October 14, 2016, para. 372, <http://www.bailii.org/ew/cases/EWHC/Ch/2016/2530.html>.

27. Campbell and Chellel, “How Goldman Sachs Lost \$1.2 Billion”. Mặc dù có một số cách diễn đạt khác nhau, nhưng lời kể này khớp với lời khai của 2 nhân chứng được trích dẫn trong bản án của Tòa án Vương quốc Anh về “Stormy Meeting” tại: Royal Courts of Justice, Judgement Approved in the case of *The Libyan Investment Authority v Goldman Sachs International* [2016], EWHC 2530 (Ch), October 14, 2016, paras. 126–129, <http://www.bailii.org/ew/cases/EWHC/Ch/2016/2530.html>.

28. Royal Courts of Justice, Judgement Approved in the case of *The Libyan Investment Authority v Goldman Sachs International* [2016], EWHC 2530 (Ch), October 14, 2016, <http://www.bailii.org/ew/cases/EWHC/Ch/2016/2530.html>.

29. Matt Levine, “Goldman’s Libya Salesman Was a Little Too Good,” *Bloomberg*, September 29, 2016.

30. Croft, “Goldman Sachs Bankers ‘Swarmed’”.

31. Royal Courts of Justice, Judgement Approved in the case of *The Libyan Investment Authority v Goldman Sachs International* [2016], EWHC 2530 (Ch), October 14 2016, paras. 11–12, <http://www.bailii.org/ew/cases/EWHC/Ch/2016/2530.html>.

32. Royal Courts of Justice, Judgement Approved in the case of *The Libyan Investment Authority v Goldman Sachs International* [2016], EWHC 2530 (Ch), October 14 2016, paras. 235, 427–428, <http://www.bailii.org/ew/cases/EWHC/Ch/2016/2530.html>.

33. Jenny Anderson, “Libyan Fund Sues French Bank over \$1.5 Billion in Losses on Derivatives,” *New York Times DealBook*, March 31, 2014.

34. Margaret Coker, Liz Rappaport, and Noémie Bisserbe, “Libya Fund Accuses Société Générale of Fraud,” *Wall Street Journal*, March 30, 2014.

35. Jill Treanor, “Société Générale to Pay £815m to Settle Libyan Lawsuit,” *Guardian*, May 5, 2017.

36. US Department of Justice, “Société Générale S.A. Agrees to Pay \$860 Million in Criminal Penalties for Bribing Gaddafi-Era Libyan Officials and Manipulating LIBOR Rate,” June 4, 2018, thông cáo báo chí, <https://www.justice.gov/opa/pr/soci-t-g-n-rale-sa-agrees-pay-860-million-criminal-penalties-bribing-gaddafi-era-libyan>.

37. UK Serious Fraud Office, “Unaoil,” page as modified on June 27, 2019, <https://www.sfo.gov.uk/cases/unaoil/>.

38. UK Serious Fraud Office, “Former Unaoil Executive Pleads Guilty to Conspiracy to Give Corrupt Payments,” thông cáo báo chí, July 19, 2019, <https://www.sfo.gov.uk/2019/07/19/former-unaoil-executive-pleads-guilty-to-conspiracy-to-give-corrupt-payments/>.

39. US District Court for the Eastern District of New York, *United States v. TechnipFMC plc, Deferred Prosecution Agreement*, Case No. 19-CR-278. (June 25, 2019), A-18, <https://www.justice.gov/sites/default/files/criminal-fraud/legacy/2012/11/14/06-28-10-technip-agreement.pdf>; Năm 2017, FMC Technologies và Technip hợp nhất thành TechnipFMC. US Department of Justice, “SBM Offshore N.V. and United States-Based Subsidiary Resolve Foreign Corrupt Practices Act Case Involving Bribes in Five Countries,” thông cáo báo chí, November 29, 2017, <https://www.justice.gov/opa/pr/sbm-offshore-nv-and-united-states-based-subsidiary-resolve-foreign-corrupt-practices-act-case>.

40. Rebekah Giles, “No Equity When Guilty Verdicts Are Delivered through the Media,” *The Australian Business Review*, May 16, 2016.

41. Các email của Unaoil dẫn tại đây được trích từ các bài báo sau: Nick McKenzie, Richard Baker, Michael Barchelard, and Daniel Quinlan, “Unaoil: How the West Bought Iraq,” *The Age*, March 30, 2016; Jessica Schulberg, Nick Baumann, Nick McKenzie, and Richard Baker, “Unaoil Middleman Paid Millions to Influence Iraqi Officials Had U.S. Ties,” *Huffington Post*, May 20, 2016.

42. Năm 2017, FMC Technologies và Technip hợp nhất thành TechnipFMC. US District Court for the Eastern District of New York, *United States v. TechnipFMC plc, Deferred Prosecution Agreement*, Case No. 19-CR-278. (June 25, 2019), A-18, <https://www.justice.gov/sites/default/files/criminal-fraud/legacy/2012/11/14/06-28-10-technip-agreement.pdf>.

43. McKenzie et al., “Unaoil: How the West Bought Iraq.”

44. Ibid.

45. Richard Baker, Michael Bachelard, Daniel Quinlan, and Nick McKenzie, "The Bribe Factory: Unaoil in Africa," *The Age*, March 30, 2016.

46. UK Serious Fraud Office, "Two Charged in SFO's Unaoil Investigation," thông cáo báo chí, November 16, 2017, <https://www.sfo.gov.uk/2017/11/16/two-charged-sfos-unaoil-investigation/>. Vụ kiện chống lại Unaoil đang diễn ra vào thời điểm cuốn sách này được xuất bản. US Department of Justice, "SBM Offshore N.V. and United States-Based Subsidiary Resolve Foreign Corrupt Practices Act Case Involving Bribes in Five Countries," thông cáo báo chí, November 29, 2017, <https://www.justice.gov/opa/pr/sbm-offshore-nv-and-united-states-based-subsidiary-resolve-foreign-corrupt-practices-act-case>.

47. UK Serious Fraud Office, "Former Unaoil Executive Pleads Guilty to Conspiracy to Give Corrupt Payments," July 19, 2019, <https://www.sfo.gov.uk/2019/07/19/former-unaoil-executive-pleads-guilty-to-conspiracy-to-give-corrupt-payments/>.

48. US Department of Justice, "SBM Offshore N.V. and United States-Based Subsidiary Resolve Foreign Corrupt Practices Act Case."

49. US District Court for the Eastern District of New York, *United States v. TechnipFMC plc, Deferred Prosecution Agreement*, Case No. 19-CR-278. (June 25, 2019), <https://www.justice.gov/sites/default/files/criminal-fraud/legacy/2012/11/14/06-28-10-technip-agreement.pdf>. Năm 2017, FMC Technologies và Technip hợp nhất thành TechnipFMC.

50. UK Serious Fraud Office, "Former Senior Executive Convicted in Petrofac Investigation," thông cáo báo chí, February 7, 2019, <https://www.sfo.gov.uk/2019/02/07/former-senior-executive-convicted-in-petrofac-investigation/>.

51. Ministère public de la Confédération de la Suisse, *Act d'Accusation en procédure simplifiée Art. 360 CPP En la cause Prévenu: Pascal Collard* [Indictment of Pascal Collard], July 6, 2018. On file with author.

52. Global Witness, *The Riddle of the Sphinx: Where Has Congo's Oil Money Gone?*, Global Witness, December 2005.

53. Marc Guéniat and Agathe Duparc, *Gunvor in Congo*, Public Eye, September 2017; Philippe Engels and Khadija Sharife, *The Unlikely Partnership That Unlocked Congo's Crude*, Organized Crime and Corruption Reporting Project, September 7, 2018.

54. Guéniat and Duparc, *Gunvor in Congo*.

55. Ministère public de la Confédération de la Suisse, *Act d'Accusation en procédure simplifiée Art. 360 CPP En la cause Prévenu: Pascal Collard* [Indictment of Pascal Collard], July 6, 2018; Ministère public de la Confédération de la Suisse, *Jugement du 28 août 2018 contre A., ressortissant belge*, Numéro du dossier: SK.2018.38. On file with author.

56. Ministère public de la Confédération de la Suisse, *Act d'Accusation en procédure simplifiée Art. 360 CPP En la cause Prévenu: Pascal Collard* [Indictment of Pascal Collard], July 6, 2018. Xem thê Sylvain Besson, "Un ex-trader de Gunvor va être condamné pour corruption au Congo et en Côte d'Ivoire," *Le Temps*, August 15, 2018.

57. Ministère public de la Confédération de la Suisse, *Jugement du 28 août 2018 contre A., ressortissant belge*, Numéro du dossier: SK.2018.38.

58. Ministère public de la Confédération de la Suisse, *Act d'Accusation en procédure simplifiée Art. 360 CPP En la cause Prévenu: Pascal Collard* [Indictment of Pascal; Collard], July 6, 2018, 6–7; bản dịch theo nguyên gốc tiếng Pháp.

59. Guéniat and Duparc, *Gunvor in Congo*, 32.

60. Ministère public de la Confédération de la Suisse, *Act d'Accusation en procédure simplifiée Art. 360 CPP En la cause Prévenu: Pascal Collard* [Indictment of Pascal Collard], July 6, 2018, 15–17.

61. Guéniat and Duparc, *Gunvor in Congo*, 27.

62. Được trích dẫn trong Guéniat and Duparc, *Gunvor in Congo*.

63. Hugo Miller and Andy Hoffman, “Ex-Gunvor Oil Trader Found Guilty of Bribing African Officials,” *Bloomberg*, August 28, 2018.

64. Được trích dẫn trong Besson, “Un ex-trader de Gunvor va être condamné pour corruption au Congo et en Côte d’Ivoire”; bản dịch theo nguyên gốc tiếng Pháp.

65. Julia Payne and Michael Shields, “Swiss Court Approves Gunvor Ex-employee’s Congo Bribery Plea Bargain,” *Reuters*, August 28, 2018.

66. Tom Burgis, *The Looting Machine: Warlords, Oligarchs, Corporations, Smugglers, and the Theft of Africa’s Wealth* (New York: Public Affairs, 2016).

67. “Update 1—Statoil Says Briefed Norwegian Police on Angola Payments,” *Reuters*, February 19, 2016, <https://www.reuters.com/article/statoil-angola/update-1-statoil-says-briefed-norwegian-police-on-angola-payments-idUSL8N15Y2EB>; Tom Burgis, “US Regulator Probes Angolan Deal Involving BP and Cobalt,” *Financial Times*, March 16, 2017.

68. Public Eye, *Trafigura’s Business in Angola*, Public Eye, February 3, 2013.

69. Burgis, *Looting Machine*.

70. US Securities and Exchange Commission, *Halliburton Company and Jeannot Lorenz, SEC Order Instituting Cease and Desist Proceedings*, File No. 3–18080, Release No. 81222, thông cáo báo chí, July 27, 2017, <https://www.sec.gov/litigation/admin/2017/34-81222.pdf>.

71. Ibid.

72. Ibid.

73. Ibid., 6.

74. Ibid., 7.

75. Ibid., 7.

76. US Securities and Exchange Commission, “Halliburton Paying \$29.2 Million to Settle FCPA Violations,” thông cáo báo chí, July 27, 2017, <https://www.sec.gov/news/press-release/2017-133>.

77. Sarah Kent and Eric Sylvers, "Inside the Bribery Scandal Sweeping through the Oil Industry," *Wall Street Journal*, February 13, 2018; Global Witness, *Shell Knew*, Global Witness, April 10, 2017.

78. Global Witness, *Shell Knew*, 8.

79. Milan Court, Preliminary Investigations Magistrate Section, Indictment, December 20, 2017, https://shellandenitrial.org/wp-content/uploads/2018/06/decision-to-open-trial-20.12.2017_English.pdf.

80. Milan Court, Preliminary Investigations Magistrate Section, Indictment, December 20, 2017, https://shellandenitrial.org/wp-content/uploads/2018/06/decision-to-open-trial-20.12.2017_English.pdf; Kent and Sylvers, "Inside the Bribery Scandal Sweeping through the Oil Industry."

81. Milan Court, Preliminary Investigations Magistrate Section, Indictment, December 20, 2017, https://shellandenitrial.org/wp-content/uploads/2018/06/decision-to-open-trial-20.12.2017_English.pdf; Federal High Court of Nigeria, *Charges against Aliyu Abubakar et al.*, Charge No. CR/39/201, December 16, 2016, <https://shellandenitri-al.org/wp-content/uploads/2018/08/2-Adoke-etc-Nigeria-charges-scanned-2.pdf>; Global Witness, *Shell Knew*.

82. Milan Court, Preliminary Investigations Magistrate Section, Indictment, December 20, 2017, https://shellandenitrial.org/wp-content/uploads/2018/06/decision-to-open-trial-20.12.2017_English.pdf, 9.

83. High Court of Justice of England and Wales Commercial Court, *Case between Federal Republic of Nigeria (Claimant) and (1) Royal Dutch Shell PLC, et al. (Defendants)*, April 8, 2019.

84. Adekunle Aliyu, "There Is Nothing New in This Fabricated Bribery Claim, Jonathan Tells FG," *Vanguard*, May 11, 2019; Musikilu Mojeed and Abdulaziz Abdulaziz, "INTERVIEW: Our Roles in the Controversial Malabu OPL 245 Saga—Ex-Minister Adoke," *Premium Times*, June 14, 2019.

85. Libby George and Shadia Nasralla, "Don't Neglect to Pay the Middlemen: How Shell and Eni Ended Up on Trial," *Reuters*, May 20, 2018.

86. Federal High Court of Nigeria, *Charges against Aliyu Abubakar et al.*, Charge No. CR/39/201, December 16, 2016, <https://shellandenitrial.org/wp-content/uploads/2018/08/2-Adoke-etc-Nigeria-charges-scanned-2.pdf>; Federal High Court of Nigeria, *Charges against Shell Nigeria Exploration Production Company Ltd., et al.*, Charge No. CR/124/17, February 28, 2017, <https://shellandenitrial.org/wp-content/uploads/2018/08/3-Adoke-etc-Nigeria-charges-scanned-3.pdf>.

87. Kent and Sylvers, "Inside the Bribery Scandal Sweeping through the Oil Industry."

88. Được trích dẫn trong "Safe Sex in Nigeria," *Economist*, June 15, 2013, <https://www.economist.com/business/2013/06/15/safe-sex-in-nigeria>.

89. Tất cả những email của Shell được trích dẫn từ Global Witness, *Shell Knew*. Phần lớn đều được công bố tại: James Ball and Claudio Gatti, "Shell Shocks: How one of the world's biggest oil firms secured a \$1.3 billion deal mired in corruption allegations," *BuzzFeed News*, April 9, 2017.

90. Ibid.

91. Kent and Sylvers, "Inside the Bribery Scandal Sweeping through the Oil Industry."

92. Global Witness, *Shell Knew*.

93. Ibid.

94. Milan Court, Preliminary Investigations Magistrate Section, Indictment, December 20, 2017, https://shellandenitrial.org/wp-content/uploads/2018/06/decision-to-open-trial-20.12.2017_English.pdf.

95. Brian Grow, Joshua Schneyer, and Jane Roberts, "Special Report: Chesapeake and Rival Plotted to Suppress Land Prices," *Reuters*, June 25, 2012.

96. US Department of Justice, "Former CEO Indicted for Masterminding Conspiracy Not to Compete for Oil and Natural Gas

Leases,” thông cáo báo chí, March 1, 2016, <https://www.justice.gov/opa/pr/former-ceo-indicted-masterminding-conspiracy-not-compete-oil-and-natural-gas-leases>; Christopher Helman, “The Federal Indictment of Aubrey McClendon,” *Forbes*, May 1, 2016.

97. US Department of Justice, “Former CEO Indicted for Masterminding Conspiracy.”

98. Bradley Olson, Brent Kendall, and Erin Ailworth, “Ex-Chesapeake Energy CEO Aubrey McClendon Indicted on Antitrust Charges,” *Wall Street Journal*, March 1, 2016.

99. Michigan Department of Attorney General, “Schuette, Creagh Announce \$25 Million Civil Settlement, Two Criminal No Contest Pleas by Chesapeake Energy Corp. to Resolve Racketeering, Bid-Rigging Allegations,” thông cáo báo chí, April 24, 2015, https://www.michigan.gov/ag/0,4534,7-359-82916_81983_47203-353198--,00.html.

100. Grow et al., “Special Report.”

101. Brian Grow and Joshua Schneyer, “Chesapeake Reaches \$25 Million Michigan Settlement over Leasing Charges,” *Reuters*, April 24, 2015. Báo cáo trước đó của hãng *Reuters* về vụ việc cho biết mức giá trung bình giảm từ 1.413 USD/mẫu xuống còn 46 USD/mẫu; Grow et al., “Special Report.”

102. Michigan Department of Attorney General, “Schuette Announces \$5 Million Civil Settlement, Criminal No Contest Plea by Encana Oil & Gas USA to Resolve Bid-Rigging Allegations,” 2014, https://www.michigan.gov/ag/0,4534,7-359-82916_81983_47203-327764--,00.html.

103. Michigan Department of Attorney General, “Schuette, Creagh Announce \$25 Million Civil Settlement, Two Criminal No Contest Pleas by Chesapeake Energy Corp. to Resolve Racketeering, Bid-Rigging Allegations,” April 24, 2015, https://www.michigan.gov/ag/0,4534,7-359-82916_81983_47203-353198--,00.html.

104. Kevin Helliker, Erin Ailworth, and Ryan Dezember, "Police Probe Finds Nothing to Suggest Aubrey McClendon Committed Suicide," *Wall Street Journal*, June 7, 2016.

105. Để hiểu thêm về vấn đề công bằng thuế, xem: Nicholas Shaxson, *Treasure Islands: Uncovering the Damage of Offshore Banking and Tax Havens* (London: Palgrave Macmillan, 2011); publications by the Tax Justice Network, <https://www.taxjustice.net/>; and Gabriel Zucman, Annette Alstadsæter, and Niels Johannesen, "Tax Evasion and Inequality," *American Economic Review*, 2019, 109(6): 2073-2103.

106. "Update 1—Norway Indicts Transocean over Alleged Tax Fraud," *Reuters*, June 22, 2011, <https://www.reuters.com/article/transocean-fraud/update-1-norway-indicts-transocean-over-alleged-tax-fraud-idUSN1E75L14B20110622>; Norway Public Prosecutors' Office, *Okokrim Indictment Sheet*, Case No. 51/05, June 20, 2011, <http://www.internationaltaxreview.com/pdfs/indictment-sheet.pdf>.

107. Norway Public Prosecutors' Office, *Okokrim Indictment Sheet*, Case No. 51/05, June 20, 2011, <http://www.internationaltaxreview.com/pdfs/indictment-sheet.pdf>.

108. Peter Wells, "Chevron Loses Landmark Tax Case on Transfer Pricing," *Financial Times*, April 21, 2017.

109. "Chevron Settles Australian Transfer Pricing Dispute with ATO," NASDAQ.com, August 21, 2017, <https://www.nasdaq.com/article/chevron-settles-australian-transfer-pricing-dispute-with-ato-cm834650>.

110. Australian Broadcasting Corporation, "Chevron's Taxation Reports—7.30 Report ABC2" (video), ChevronTax.Info, <http://www.chevrontax.info/australia/>.

111. Publish What You Pay—Norway, *Piping Profits, Publish What You Pay—Norway*, 2015.

112. Deloitte, *Deconstructing the Chevron Transfer Pricing Case*, November 3, 2015, <https://www2.deloitte.com/au/en/pages/tax/articles/deconstructing-chevron-case.html>.

113. Wells, "Chevron Loses."

114. Oxfam Australia, *The Hidden Billions: How Tax Havens Impact Lives at Home and Abroad*, Oxfam Research Reports, June 2016, <https://www.oxfam.org.au/wp-content/uploads/2016/06/OXF003-Tax-Havens-Report-FA-WEB.pdf>.

115. Global Witness, *Take the Future—Shell's Scandalous Deal for Nigeria's Oil*, Global Witness, November 2018.

Chương 3: Tham nhũng và cạnh tranh quyền lực

1. US District Court for the Southern District of Texas, *Complaint, United States of America v. The M/Y Galactica Star*, No. 4:17-cv-02166 (S.D. Tex. July 14, 2017), <https://www.courtlistener.com/docket/6120284/1/united-states-v-the-my-galactica-star-being-a-65-meter-motor-yacht-built/>; Crown Court at Southwark, *Restraint Order Prohibiting Disposal of Assets To: (1) Diezanni [sic] Kogbeni Alison Madueke, (2) Benedict Peters, et al.*, September 3, 2016, On file with author.

2. US District Court for the Southern District of Texas, *Complaint, United States of America v. The M/Y Galactica Star*, No. 4:17-cv-02166 (S.D. Tex. July 14, 2017).

3. Ibid.

4. Patrick Heller and David Mihalyi, *Massive and Misunderstood: Data-Driven Insights into National Oil Companies*. Natural Resource Governance Institute, April 2019; Silvana Tordo, *National Oil Companies and Value Creation*, World Bank, 2011.

5. "Jail Term for Nigeria Ex-Governor," *BBC News*, July 26, 2007.

6. Olly Owen and Zainab Usman, "Briefing: Why Goodluck Jonathan Lost the Nigerian Presidential Election of 2015," *African Affairs* 114, no. 456 (July 1, 2015): 455–471.

7. BP, *Statistical Review of World Energy*, June 2018.

8. Chỉ thống kê những người nắm quyền từ 3 tháng trở lên.

9. Oil and Gas Implementation Committee, *Oil and Gas Sector Reforms Implementation Committee Final Report* (Abuja: Federal Government of Nigeria, 2008).

10. Daniel Adugbo, "Nigeria: 20 Months after Inauguration—NNPC Board Fails to Meet," *Daily Trust*, April 14, 2014, <https://allafrica.com/stories/201404141998.html>.

11. Bassey Udo, "Exclusive: How Alison-Madueke's Management Style Is Killing Nigeria's Oil Industry," *Premium Times*, August 1, 2014.

12. Ibid.

13. Aaron Sayne, Alexandra Gillies, and Christina Katsouris, *Inside NNPC Oil Sales: A Case for Reform in Nigeria*, Natural Resources Governance Institute, August 2015, 163.

14. PriceWaterhouseCooper, *Investigative Forensic Audit into the Allegations of Unremitted Funds into the Federation Accounts by the NNPC*, February 2015, 16.

15. Sayne, Gillies, and Katsouris, *Inside NNPC Oil Sales*, annex B, 11.

16. Ibid.

17. Aaron Sayne là người điều hành dự án và tiến hành công việc phân tích mang tính đột phá này. Xem Sayne, Gillies, and Katsouris, *Inside NNPC Oil Sales* để biết thêm những phát hiện và thông tin chi tiết hơn về vấn đề bán dầu của NNPC.

18. Ibid., annex B, B46.

19. Trước khi nhận những lô dầu lớn vào năm 2014, Aiteo chưa từng tham gia vào các hoạt động thăm dò và khai thác dầu. Margot Gibbs and Musikilu Mojeed, "Exclusive: Another Nigerian Oil Mogul Named in Ex-minister Alison-Madueke's Alleged Corruption, UK Property Frozen," *Premium Times*, August 16, 2017.

20. Onyedimmakachukwu Obiukwu, "Nigeria's Four Newest Billionaires," *Ventures Africa*, November 12, 2014.

21. “Nwosu, Ex-INEC Staff, Convicted over Diezani’s Bribe,” *Vanguard*, January 24, 2019.

22. Nigeria Economic and Financial Crimes Commission, “Diezani N264.8m Bribe: Two INEC Staff Bag 91 Years Jail Term,” EFCC, January 26, 2019, <http://efccnigeria.org/efcc/news/3682-diezani-n264-8m-bribe-two-inec-staff-bag-91-years-jail-term>.

23. “Wanted: Benedict Peters,” Nigeria Economic and Financial Crimes Commission, <https://efccnigeria.org/efcc/wanted/2436-benedict-peters>; “N23bn Diezani Bribe: EFCC Declares Billionaire Businessman Wanted,” *Punch*, August 16, 2016; “EFCC Declares Exminister’s Ally Wanted over \$60m Bribe,” *Pulse*, August 16, 2016; Bukola Idowu and Tony Amokeodo, “Diezani: Fidelity Bank MD Returns N40m to EFCC,” *Leadership*, April 29, 2016.

24. “Wanted: Benedict Peters,” Nigeria Economic and Financial Crimes Commission.

25. “EFCC Removes Benedict Peters’ Name from Wanted Persons List,” *Vanguard*, November 7, 2018.

26. US District Court for the Southern District of Texas, *Complaint, United States of America v. The M/Y Galactica Star*, No. 4:17-cv-02166 (S.D. Tex. July 14, 2017), 16, <https://www.courtlistener.com/docket/6120284/1/united-states-v-the-my-galactica-star-being-a-65-meter-motor-yacht-built/>.

27. *Ibid.*, 23–24.

28. Gibbs and Mojeed, “Exclusive: Another Nigerian Oil Mogul Named”; Margot Gibbs, “Exclusive: Noose Tightens around Alison-Madueke in UK, 18 Million Property Uncovered,” *Premium Times*, August 27, 2018.

29. Crown Court at Southwark, *Restraint Order Prohibiting Disposal of Assets To: (1) Diezanni [sic] Kogbeni Alison Madueke, (2) Benedict Peters, et al.*, September 3, 2016. On file with author.

30. Alex Enumah, "Court Orders EFCC to Release Seized London Properties of Aiteo Boss," *This Day*, July 7, 2018.

31. Oluseyi Awojulgbe, "Aiteo: We Were Major Players Long before Diezani... It's Ridiculous to Say We Bribed Her," *Cable*, September 12, 2017; "Benedict Peters, Aiteo Executive Vice Chairman, Assembles Legal Team to Address Unfounded Allegations," *Globe Newswire*, October 27, 2017, <http://globenewswire.com/news-release/2017/10/27/1159533/0/en/Benedict-Peters-Aiteo-Executive-Vice-Chairman-Assembles-Legal-Team-to-Address-Unfounded-Allegations.html>.

32. Các lô dầu này thường do Shell liên doanh với NNPC khai thác và được Shell bán cùng với lô dầu đã được Aiteo mua. Sau vụ mua bán này, NNPC khẳng định quyền khai thác của mình.

33. Một số công ty con của Atlantic Energy tham gia vào những thỏa thuận khác nhau, tất cả đều có liên quan và thuộc quyền sở hữu của 2 người mà tôi gọi chung là Atlantic. Có thể tìm tên chính xác của công ty trong: US District Court for the Southern District of Texas, *Complaint, United States of America v. The M/Y Galactica Star*, No. 4:17-cv-02166 (S.D. Tex. July 14, 2017), 10, <https://www.courtlistener.com/docket/6120284/1/united-states-v-the-my-galactica-star-being-a-65-meter-motor-yacht-built/>.

34. Sayne, Gillies, and Katsouris, *Inside NNPC Oil Sales*, 41; Sanusi Lamido Sanusi, *Memorandum Submitted to the Senate Committee on Finance on the Non-Remittance of the Oil Revenue to the Federation Account*, February 3, 2014, 11. On file with author; Toyin Akinosho, "Looking beyond the Diezani Tenure," *Africa Oil and Gas Report*, January 29, 2015.

35. US District Court for the Southern District of Texas, *Complaint, United States of America v. The M/Y Galactica Star*, No. 4:17-cv-02166 (S.D. Tex. July 14, 2017), <https://www.courtlistener.com/docket/6120284/1/united-states-v-the-my-galactica-star-being-a-65-meter-motor-yacht-built/>.

36. Ibid.

37. Ibid.; Federal High Court of Nigeria, *Federal Republic of Nigeria & 2 Ors v. Atlantic Energy Drilling Concepts Nig. Ltd & 3 Ors—Motion for Mareva Orders*, 2016, [http://saharareporters.com/sites/default/files/FRN%20V%20ATLANTIC%20ENERGY%20-%20APPLICATION%20FOR%20MAREVA%20ORDER%20\(EDITED\).pdf](http://saharareporters.com/sites/default/files/FRN%20V%20ATLANTIC%20ENERGY%20-%20APPLICATION%20FOR%20MAREVA%20ORDER%20(EDITED).pdf).

38. Ibid., 28.

39. US District Court for the Southern District of Texas, *Complaint, United States of America v. The M/Y Galactica Star*, No. 4:17-cv-02166 (S.D. Tex. July 14, 2017), <https://www.courtlistener.com/docket/6120284/1/united-states-v-the-my-galactica-star-being-a-65-meter-motor-yacht-built/>. Cuộc điều tra này đã tạm dừng vào năm 2018 khi Hoa Kỳ đệ đơn kiến nghị tạm dừng một phần để tiếp tục điều tra hình sự về vấn đề này. US District Court for the Southern District of Texas Houston Division, *US' Motion for Partial Stay under 18 USC 981(g)(1) in USA, Plaintiff, v. The M/Y Galactica Star*, March 9, 2018.

40. US District Court for the Southern District of Texas, *Complaint, United States of America v. The M/Y Galactica Star*; “Beyonce and Jay Z’s \$900,000-a-Week Yacht the Galactica Star,” *Daily Mail*, October 10, 2016, <https://www.dailymail.co.uk/video/tvshowbiz/video-1214889/Beyonce-Jay-Z-s-900-000-week-yacht-Galactica-Star.html>.

41. US District Court for the Southern District of Texas, *Complaint, United States of America v. The M/Y Galactica Star*, No. 4:17-cv-02166 (S.D. Tex. July 14, 2017), <https://www.courtlistener.com/docket/6120284/1/united-states-v-the-my-galactica-star-being-a-65-meter-motor-yacht-built/>.

42. US District Court for the Southern District of Texas, *Complaint, United States of America v. The M/Y Galactica Star*, No. 4:17-cv-02166 (S.D. Tex. July 14, 2017), 25, <https://www.courtlistener.com/docket/6120284/1/united-states-v-the-my-galactica-star-being-a-65-meter-motor-yacht-built/>.

43. Ibid., 14.

44. Ibid., 28–29.

45. Ibid.

46. Nigeria Economic and Financial Crimes Commission, “Diezani Alison-Madueke: What an Appetite!,” EFCC, August 8, 2017, <https://efccnigeria.org/efcc/news/2706-diezani-alison-madueke-what-an-ppetite>.

47. Ben Ezeamalu, “419 Bangles, 315 Rings, 304 Earrings, 189 Wristwatches among ‘Diezani Jewellery’ Forfeited to Nigerian Govt,” *Premium Times*, July 5, 2019.

48. Nigeria Economic and Financial Crimes Commission, “Court Orders Final Forfeiture of Diezani’s 56 Houses,” EFCC, October 11, 2017, <http://efccnigeria.org/efcc/news/2810-court-orders-final-forfeiture-of-diezani-s-56-houses-2>.

49. Trong 3 người này, các luật sư của Omokore đã đưa ra những lời bào chữa tinh vi nhất vào thời điểm cuốn sách này được xuất bản. Ví dụ, xem: Johnbosco Agbakwuru, “Jide Omokore Did Not Steal \$3bn—Lawyers,” *Vanguard*, May 8, 2018.

50. “Factbox: Nigeria’s \$6.8 Billion Fuel Subsidy Scam,” *Reuters*, May 13, 2012, <https://www.reuters.com/article/us-nigeria-subsidy-graft-idUSBRE84C08N20120513>.

51. Ibid.

52. Milan Court, Preliminary Investigations Magistrate Section, Indictment, December 20, 2017, <https://shellandenitrial.org/milan-trial-documents/>; Global Witness, *Shell Knew*, Global Witness, April 10, 2017; ; High Court of Justice of England and Wales Commercial Court, *Case between Federal Republic of Nigeria (Claimant) and (1) Royal Dutch Shell PLC, et al. (Defendants)*, April 8, 2019; Sarah Kent and Eric Sylvers, “Inside the Bribery Scandal Sweeping through the Oil Industry,” *Wall Street Journal*, February 13, 2018.

53. Xem Christina Katsouris and Aaron Sayne, *Nigeria's Criminal Crude: International Options to Combat the Export of Stolen Oil*, Royal Institute for International Affairs, September 19, 2013 để biết thêm thông tin về số lượng dầu bị đánh cắp ở Nigêria.

54. Crown Court at Southwark, *Regina v. Rolls-Royce PLC, Statement of Facts (DPA)*, January 17, 2017. <https://www.sfo.gov.uk/cases/rolls-royce-plc/>.

55. Sylvain Besson, "Addax a écarté ses lanceurs d'alerte avant de sombrer," *Le Temps*, November 21, 2017. "Addax to Pay 31 Million Swiss Francs to Settle Swiss Bribery Charges," *Reuters*, July 5, 2017; Deloitte LLP, "Statement of Circumstance Relating to the Resignation of Deloitte LLP as Auditors to Addax Petroleum UK Limited," statement to Companies House, December 14, 2016, <https://beta.companieshouse.gov.uk/company/08135892/filing-history/MzE2ODc5NjYyNmFkaXF6a2N4/document?format=pdf&download=0>.

56. "Addax to Pay 31 Million Swiss Francs to Settle Swiss Bribery Charges," *Reuters*, June 5, 2017, <https://uk.reuters.com/article/uk-swiss-addax/addax-to-pay-31-million-swiss-francs-to-settle-swiss-bribery-charges-idUKKBN19Q1OD>.

57. Owen and Usman, "Briefing," 455–471.

58. "Six Years of Waste: How Niger Delta Ministry Blew N800b between 2009 and 2015," *SaharaReporters*, August 23, 2016, <http://saharareporters.com/2016/08/23/six-years-waste-how-niger-delta-ministry-blew-n800b-between-2009-and-2015>.

59. Isiaka Wakili, "'Failed' East-West Road Gulps N300bn," *Daily Trust*, December 14, 2017; Sanit Tukur, "Ex-minister, Godsdai Orubebe, Who Almost Derailed 2015 Election, to Face Trial for Corruption," *Premium Times*, October 31, 2015; Fredrick Nwabufu, "Orubebe to Face Corruption Charges over N53.3bn East-West Road," *Cable*, August 4,

2016. Orubebe bị buộc tội chuyển công quỹ sai địa chỉ, nhưng ngay trước khi phiên tòa bắt đầu, bên công tố đã chấm dứt vụ án. Anh ta đã bị Tòa án quy tắc ứng xử kết tội khai báo gian dối tài sản của mình.

60. "Godsday Orubebe Disrupts INEC Result Announcement," *TV 360 Nigeria*, posted to YouTube on March 31, 2015, <https://www.youtube.com/watch?v=ha7OXpLUJ6w>.

61. Ed Cropley and Tim Cocks, "Exclusive—How Nigeria's 'Smooth' Election Nearly Went Wrong," *Reuters*, April 16, 2015.

62. "INEC Staff Convicted for Receiving Share of N23 Billion Diezani Bribe," *Premium Times*, May 3, 2017, <https://www.premiumtimesng.com/news/more-news/230293-inec-staff-convicted-receiving-share-n23-billion-diezani-bribe.html>; "Nwosu, Ex-INEC staff, Convicted over Diezani's Bribe."

63. "Petrobras Scandal Revelations Rock Brazilian Elections," *Petroleum World*, October 23, 2014, <http://www.petroleumworld.com/story/t14102301.htm>.

64. David Segal, "Petrobras Oil Scandal Leaves Brazilians Lamenting a Lost Dream," *New York Times*, August 7, 2015.

65. US District Court of Southern New York, *Petrobras Securities Litigation, Demand for Jury Trial, Consolidated Amended Complaint*, Case No. 14-cv-9662 JSR (S.D.N.Y. July 16, 2015), 21, http://securities.stanford.edu/filings-documents/1053/PBSP00_01/2015716_r01c_4CV09662.pdf. Báo cáo này phù hợp với mô tả tổng quát hơn trong thỏa thuận không truy tố giữa Chính phủ Hoa Kỳ và Petrobras. US Department of Justice, *Non-Prosecution Agreement with Petrobras*, September 26, 2018, <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/1096706/download>.

66. US District Court of Southern New York, *Petrobras Securities Litigation, Demand for Jury Trial, Consolidated Amended Complaint*, Case No. 14-cv-9662 JSR (S.D.N.Y. July 16, 2015), 21, <http://securities.stanford.edu/>

filings-documents/1053/PBSP00_01/2015716_r01c_14CV09662.pdf., 15–16; Simon Romero, “Scandal over Brazilian Oil Company Adds Turmoil to the Presidential Race,” *New York Times*, October 19, 2014.

67. Juan Pablo Spinetto and Sabrina Valle, “Brazil Fixated as ‘Human Bomb’ Revelations Rock Elections,” *Bloomberg*, October 20, 2014.

68. Ryan Lloyd and Carlos Oliveira, “How Brazil’s Electoral System Led the Country into Political Crisis,” *Washington Post*, May 25, 2016.

69. Geert Aalbers and Nick Panes, “Mexico, the Next Brazil?,” *Foreign Affairs*, October 7, 2015.

70. Sue Branford, “BNDES Has Long History of Loans to Gigantic Construction Companies,” *Mongabay Environmental News*, March 14, 2016.

71. “BNDES: Lender of First Resort for Brazil’s Tycoons,” *Financial Times*, January 11, 2015, <https://www.ft.com/content/c510368e-968e-11e4-922f-00144feabdc0>.

72. Eliane Oliveira, Danielle Nogueira, and Ruben Berta, “BNDES: Divulgação de contratos mostra que Odebrecht ficou com 70% do crédito para obras no exterior,” *O Globo*, June 3, 2015.

73. Branford, “BNDES Has Long History of Loans.”

74. Alex Cuadros, *Brazillionaires: Wealth, Power, Decadence, and Hope in an American Country* (London: Profile Books, 2016), 238.

75. Sue Branford, “Follow the Money,” *Latin American Bureau*, July 1, 2014.

76. Cuadros, *Brazillionaires*, 50.

77. Lise Alves, “Odebrecht Confirms Illegal Donations to Brazil’s Rousseff-Temer Campaign,” *Rio Times*, March 2, 2017; “Jailed Brazilian Executive to Testify He Oversaw Illegal Donations for Rousseff,” *Guardian*, June 21, 2016.

78. Cuadros, *Brazillionaires*, 270.

79. *Ibid.*, 29.

80. Đã xảy ra cuộc tranh luận giữa các nhà kinh tế học về đóng góp của Lula đối với giai đoạn tăng trưởng kinh tế này. Ông đã thực hiện các chính sách tài khóa và tiền tệ chính thống, trong đó có điều chỉnh chi tiêu công. Chính sách này tạo ra một nền tảng ổn định để kinh tế có thể phát triển và kiểm soát được hình thức lạm phát đã từng gây ra nhiều hậu quả cho Braxin. Ông và nhóm của mình đã khéo léo vượt qua những biến động của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và Braxin đã tránh được những ảnh hưởng tồi tệ nhất của cuộc khủng hoảng này. Tuy nhiên, sự bùng nổ hàng hóa, được thúc đẩy bởi nhu cầu đối với các nguồn tài nguyên thiên nhiên to lớn của Braxin từ Trung Quốc và các nước khác chính là động cơ của sự bùng nổ. Xem thêm Sergio Fausto, *The Lengthy Brazilian Crisis Is Not Yet Over*, Baker Institute for Public Policy, February 17, 2017.

81. Revenue Watch Institute, *2013 Resource Governance Index*, 2013, <https://resourcegovernance.org/sites/default/files/documents/rgi-2013.pdf>.

82. US District Court for the Eastern District of New York, *United States v. Odebrecht S.A., Plea Agreement*, No. 16-643 RJD (E.D.N.Y., 2016), B7, <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/919916/download>.

83. Ibid., B10.

84. Ibid., B11.

85. Ibid., B15.

86. Fernando Migliaccio da Silva, "Jailed Odebrecht Executive Key Player in Panama Laundering," *Newsroom Panama*, May 26, 2016; US District Court for the Eastern District of New York, *United States v. Odebrecht S.A Plea Agreement*, No. 16- 643 RJD (E.D.N.Y., 2016), B13, <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/919916/download>.

87. US District Court for the Eastern District of New York, *United States v. Odebrecht S.A. Plea Agreement*, No. 16-643 RJD (E.D.N.Y., 2016), B12, <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/919916/download>.

88. US District Court for the Southern District of New York, *Petrobras Securities Litigation, Demand for Jury Trial, Consolidated Amended Complaint*, Case No. 14- cv-9662 JSR (S.D.N.Y. July 16, 2015), 28–30, http://securities.stanford.edu/filingsdocuments/1053/PBSP00_01/2015716_r01c_14CV09662.pdf, 28–31.

89. US Department of Justice, *Non-prosecution Agreement with Petrobras*, September 26, 2018, A5–A6, <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/1096706/download>.

90. US District Court for the Southern District of New York, *Petrobras Securities Litigation, Demand for Jury Trial, Consolidated Amended Complaint*, Case No. 14-cv- 9662 JSR (S.D.N.Y. July 16, 2015), 28–30, http://securities.stanford.edu/filings-documents/1053/PBSP00_01/2015716_r01c_14CV09662.pdf, 28–31.

91. *Ibid.*

92. US Department of Justice, *Non-prosecution Agreement with Petrobras*, September 26, 2018, A7, <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/1096706/download>.

93. Sergio Fausto, *The Lengthy Brazilian Crisis Is Not Yet Over*.

94. US Department of Justice, *Non-prosecution Agreement with Petrobras*, September 26, 2018, A5–A7, <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/1096706/download>.

95. US District Court for the Eastern District of New York, *USA against Braskem SA, Plea Agreement* (Cr. No. 16-644(RJD)), December 21, 2016, B8–B9, <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/919906/download>.

96. *Ibid.*

97. US District Court for the Eastern District of New York, *USA against Braskem SA, Plea Agreement* (Cr. No. 16-644(RJD)), December 21, 2016, B16, <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/919906/download>.

98. US District Court for the District of Columbia, *Complaint, Securities and Exchange Commission v. Braskem, S.A.*, No. 1:16-cv-02488 (D.D.C. December 21, 2016), 2–10.

99. US District Court for the Southern District of Texas, *United States v. SBM Offshore N.V., Deferred Prosecution Agreement*, Criminal No. 17–686. (S.D. Tex, November 29, 2017), <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/1014801/download>.

100. US District Court for the Southern District of New York, *Petrobras Securities Litigation, Demand for Jury Trial, Consolidated Amended Complaint*. Case No. 14-cv-9662 JSR (S.D.N.Y. July 16, 2015), 23, http://securities.stanford.edu/filingsdocuments/1053/PBSP00_01/2015716_r01c_14CV09662.pdf. Theo tôi biết, SBM Offshore và Petrobras không thừa nhận hoặc phủ nhận các sự việc này.

101. Ibid.

102. US District Court for the Eastern District of New York, *United States v. Odebrecht S.A. Plea Agreement*, No. 16-643 RJD (E.D.N.Y., 2016), B23, <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/919916/download>.

103. Will Connors and Luciana Magalhaes, “How Brazil’s ‘Nine Horsemen’ Cracked a Bribery Scandal,” *Wall Street Journal*, April 6, 2015.

104. Ibid.

105. “Eike Batista: Brazilian Ex-billionaire Jailed for Bribery,” *BBC News*, July 3, 2018.

106. US Department of Justice, “Petróleo Brasileiro S.A.—Petrobras Agrees to Pay More Than \$850 Million for FCPA Violations,” thông cáo báo chí, September 27, 2018, <https://www.justice.gov/opa/pr/petr-leo-brasileiro-sa-petrobras-agrees-pay-more-850-million-fcpa-violations>.

107. US Department of Justice, “Odebrecht and Braskem Plead Guilty and Agree to Pay at Least \$3.5 Billion in Global Penalties to Resolve Largest Foreign Bribery Case in History,” thông cáo báo chí, December 21, 2016, <https://www.justice.gov/opa/pr/odebrecht-and-braskem-plead->

guilty-and-agree-pay-least-35-billion-global-penalties-resolve; Richard Cassin, "DOJ Reduces Odebrecht Penalties, We Revise the Top Ten List," FCPA Blog, April 14, 2017.

108. Gibson Dunn, *2018 Year-End FCPA Update*, January 7, 2019, <https://www.gibsondunn.com/2018-year-end-fcpa-update/>.

109. "Brazil's President Michel Temer Denies Hush Money Claim," *BBC News*, May 18, 2017.

110. Ibid. Vụ án chống lại Temer đang diễn ra khi cuốn sách này được xuất bản.

111. Alex Cuadros, "The Most Important Criminal Conviction in Brazil's History," *New Yorker*, July 13, 2017. Năm 2019, một tòa án đã gia hạn bản án của Lula.

112. Glenn Greenwald and Victor Pougys, "Exclusive: Brazil's Top Prosecutors Who Indicted Lula Schemed in Secret Messages to Prevent His Party From Winning 2018 Election," *The Intercept*, June 9, 2019.

113. BP, *Statistical Review of World Energy*, June 2018.

114. "Crude Oil Production," Petroleum and Other Liquids, US Energy Information Administration, https://www.eia.gov/dnav/pet/pet_crd_crpdn_adc_mbbldpd_a.htm.

115. Eric Lipton, "Energy Firms in Secretive Alliance with Attorney General," *New York Times*, December 6, 2014.

116. Alex Guillén and Esther Whieldon, "Energy Executives, Secretive Nonprofit Raise Money to Back Pruitt," *Politico*, January 6, 2017.

117. Tom DiChristopher, "Scott Pruitt Is Great Pick to Lead EPA, Says Pruitt Ally Harold Hamm," *CNBC*, December 8, 2016.

118. Paul Sahre, "Scott Pruitt's Dirty Politics," *New Yorker*, April 2, 2018.

119. Miranda Green and Timothy Cama, "GAO: EPA Violated Law with Pruitt's Soundproof Booth," *The Hill*, April 16, 2018; Lisa Friedman,

"The Investigations That Led to Scott Pruitt's Resignation," *New York Times*, July 13, 2018; Liam Stack, "Scott Pruitt's Wish List: Private Jets, Fancy Furniture, 24-Hour Security," *New York Times*, October 22, 2018.

120. Nick Schwellenbach, *Meet the Oil-Friendly Federal Panel That Could Give Drillers a Sweetheart Deal*, Project on Government Oversight, February 27, 2018; Texans for Public Justice, Public Citizen's Texas Office and the Sierra Club, *Running on Hydrocarbons: Oil and Gas Funding to Every Texas Lawmaker*, Texans for Public Justice, Public Citizen's Texas Office and the Sierra Club, May 2017; <http://info.tpj.org/reports/LawmakerHydrocarbons.pdf>.

121. Schwellenbach, *Meet the Oil-Friendly Federal Panel*.

122. "Oil & Gas: Long-Term Contribution Trends," OpenSecrets, <https://www.opensecrets.org/industries/totals.php?cycle=2016&ind=E01>.

123. Jane Mayer, *Dark Money: The Hidden History of the Billionaires behind the Rise of the Radical Right* (New York: Doubleday, 2016), 205.

124. "Lobbying: Oil & Gas Industry Profile: 2015," OpenSecrets, <https://www.opensecrets.org/lobby/indusclient.php?id=E01&year=2015>.

125. Kimberly Kindy and Dan Eggen, "Three of Every Four Oil and Gas Lobbyists Worked for Federal Government," *Washington Post*, July 22, 2010.

126. Mayer, *Dark Money*, 208–210.

127. Hiroko Tabuchi, "The Oil Industry's Covert Campaign to Rewrite American Car Emissions Rules," *New York Times*, December 13, 2018.

128. Charlie Savage, "Sex, Drug Use and Graft Cited in Interior Department," *New York Times*, September 10, 2008; "Second Interior Official Pleads Guilty in Sex, Drugs and Oil Scandal," *ProPublica*, September 18, 2008, <https://www.propublica.org/article/second-interior-official-pleads-guilty-in-sex-drugs-and-oil-scandal-918>.

129. US Government Accountability Office, *The Federal System for Collecting Oil and Gas Revenues Needs Comprehensive Reassessment*, Report

to Congressional Requesters, September 2008, <https://www.gao.gov/new.items/d08691.pdf>; US Government Accountability Office, *Mineral Revenues: Data Management Problems and Reliance on Self Reported Data for Compliance Efforts Put MMS Royalty Collections at Risk*, September 12, 2008, <https://www.gao.gov/new.items/d08893r.pdf>.

130. Adam Rose, “Deepwater Horizon Inspections: MMS Skipped Monthly Inspections on Doomed Rig,” *Huffington Post*, May 17, 2010.

131. US Government Accountability Office, *U.S. Environmental Protection Agency—Installation of Soundproof Privacy Booth*, April 16, 2018, <https://www.gao.gov/products/B-329603#mt=e-report>.

132. US Agency for International Development, *Agency Financial Report*, 2016, 29, https://www.usaid.gov/sites/default/files/documents/1868/USAIDFY2016_AFR_508.pdf.

133. Samantha Pearson, “Brazil, Widening the Hunt for Corruption, Finds It under Every Rock,” *Wall Street Journal*, March 7, 2017; Cuadros, *Brazillionaires*, 274.

Chương 4: Những ông hoàng của chế độ tham nhũng

1. Christina Vuleta, “The World’s Most Powerful Women 2018,” *Forbes*, December 4, 2018.

2. Norimitsu Onishi, “Portugal Dominated Angola for Centuries. Now the Roles Are Reversed,” *New York Times*, August 22, 2017.

3. “Shareholder Structure,” NOS, không có dữ liệu, <http://www.nos.pt/institu-cional/EN/investors/bonds-and-shares/Pages/shareholder-structure.aspx>.

4. Kerry Dolan, “Daddy’s Girl: How an African ‘Princess’ Banked \$3 Billion in a Country Living on \$2 a Day,” *Forbes*, September 2, 2013.

5. Ibid.

6. “Graft Probe Launched against Dos Santos’ Daughter,” *eNews Channel Africa*, December 20, 2017, <https://www.enca.com/africa/angola-oil-giant-probes-isabel-dos-santos-graft-claims>.

7. David Pegg, “Angola Sovereign Wealth Fund’s Manager Used Its Cash for His Own Projects,” *Guardian*, November 7, 2017; Anna Meisel and David Grossman, “Tycoon Made \$41m from ‘People’s Fund,’ ” *BBC News*, November 7, 2017.

8. Meisel and Grossman, “Tycoon Made \$41m from ‘People’s Fund.’”

9. Ibid.

10. Stephen Eisenhammer, “Alleged Angolan Fraud Scheme Aimed to Take \$1.5 Billion—Finance Ministry,” *Reuters*, April 9, 2018.

11. Margot Patrick, Gabriele Steinhäuser, and Patricia Kowsmann, “The \$500 Million Central Bank Heist—and How It Was Foiled,” *Wall Street Journal*, October 3, 2018.

12. Ibid.

13. Ibid.

14. Candido Mendes, “Angola Says it Recovers \$3.35 Billion of Assets from Quantum,” *Bloomberg*, March 23, 2019; Quantum Global, “Quantum Global Group Announces Closure of Investigation by the Swiss Attorney General,” thông cáo báo chí, July 4, 2019, <http://quantumglobalgroup.com/article/quantum-global-group-announces-closure-investigation-swiss-attorney-general/>.

15. Daron Acemoglu, James Robinson, and Thierry Verdier, *Kleptocracy and Divide-and-Rule: A Model of Personal Rule*, NBER working paper no. 10136, National Bureau of Economic Research, December 2013, 1. Để tìm hiểu thêm về thuật ngữ “keptocracy”: Oliver Bullough truy tìm nguồn gốc của thuật ngữ này tại “The Dark Side of Globalization,” *Journal of Democracy* 29, no. 1 (2018): 25–38, trong đó, Stanislaw Andreski sử dụng lần đầu tiên trong thời hiện đại tại *Parasitism and Subversion: The Case of Latin America* (New York: Pantheon, 1966). Các nguồn thông tin hữu ích khác bao gồm Simon Fan, “Kleptocracy and Corruption,” *Journal of Comparative Economics* 34, no. 1 (March 2006): 57–74; Patricia

Gloster-Coates and Linda Quest, "Kleptocracy: Curse of Development," *International Social Science Review* 80, nos. 1/2 (2005): 3–19; Anna Grzymala-Busse, "Beyond Clientelism: Incumbent State Capture and State Formation," *Comparative Political Studies* 45, nos. 4–5 (2008): 644; K. J. Holsti, "War, Peace, and the State of the State," *International Political Science Review* 16, no. 4 (October 1995): 319–339; and Tina Søreide, *Drivers of Corruption: A Brief Review* (Washington DC: World Bank, 2014).

16. Michael Ross, *The Oil Curse: How Petroleum Wealth Shapes the Development of Nations* (Princeton: Princeton University Press, 2013); Ricardo Soares de Oliveira, *Oil and Politics in the Gulf of Guinea* (New York: Columbia University Press, 2007); Douglas Yates, *The Rentier State in Africa: Oil Rent Dependency and Neocolonialism in the Republic of Gabon* (Trenton, NJ: Africa World Press, 1996); Terry Karl, *The Paradox of Plenty: Oil Booms and Petro-states* (Berkeley: University of California Press, 1997).

17. Ross, *The Oil Curse*, 75–76.

18. Steffen Hertog, Rent Distribution, *Labour Markets and Development in High Rent Countries*, LSE Kuwait Programme Paper Series 40 (LSE Kuwait Programme, 2016), 12.

19. Steffen Hertog, "Challenges to the Saudi Distributional State in the Age of Austerity," bài báo được trình bày tại *Saudi Arabia: Domestic, Regional and International Challenges*, Middle East Institute, National University of Singapore, December 2016, 9.

20. Angelique Chrisafis, "Son of Equatorial Guinea's President Is Convicted of Corruption in France," *Guardian*, October 27, 2017.

21. Ví dụ, xem Soares de Oliveira, *Oil and Politics in the Gulf of Guinea*; Nicholas Shaxson, *Poisoned Wells: The Dirty Politics of African Oil* (London: St. Martin's Griffin, 2008); Brett Carter, "The Rise of Kleptocracy: Autocrats versus Activists in Africa," *Journal of Democracy* 29, 1 (January 2018): 54–68; Alex de Waal, "When Kleptocracy Becomes Insolvent: Brute Causes of the Civil War in South Sudan," *African Affairs* 113, no. 452 (July 2014): 347–369.

22. "World Bank Open Data," World Bank, <https://data.worldbank.org/>; "Natural Resource Revenue Dataset," Natural Resource Governance Institute, <https://www.resourcedata.org/dataset/natural-resource-revenue-dataset>.

23. "Russia: Overview," U.S. Energy Information Association, October 31, 2017, <https://www.eia.gov/beta/international/analysis.php?iso=RUS>.

24. Xem Karen Dawisha, *Putin's Kleptocracy: Who Owns Russia?* (New York: Simon and Schuster, 2014) để tìm hiểu thêm về nhóm người thân cận với Putin và quá trình thăng tiến của ông.

25. Rosneft 2013 Annual Report, https://www.rosneft.com/upload/site2/document_file/0x6IQABSaM.pdf.

26. "Sechin as Energy Czar: More Powerful, More Vulnerable," WikiLeaks Public Library of U.S. Diplomacy, September 17, 2008, https://wikileaks.org/plusd/cables/08MOSCOW2802_a.html.

27. Stephanie Baker, "BP's Dudley Relives Russian Nightmare alongside Rosneft Boss," *Bloomberg*, December 18, 2014.

28. "Yukos Completes Merger with Smaller Rival Sibneft," *Wall Street Journal*, October 3, 2003; Guy Chazan, "Yukos Trims Oil-Output Forecast as Tax Fight Thwarts Expansion," *Wall Street Journal*, August 24, 2004.

29. Timothy L. O'Brien, "How Russian Oil Tycoon Courted Friends in U.S.," *New York Times*, November 5, 2003.

30. Được trích dẫn trong Masha Gessen, "The Wrath of Putin," *Vanity Fair*, April 2012.

31. Được trích dẫn trong Julia Ioffe, "Remote Control: Can an Exiled Oligarch Persuade Russia That Putin Must Go?," *New Yorker*, January 12, 2015.

32. US Senate Committee of Foreign Relations, *Democracy in Retreat in Russia*, Hearing (February 17, 2005), <https://www.gpo.gov/fdsys/pkg/CHRG-109shrg22751/html/CHRG-109shrg22751.htm>.

33. Erin Arvedlund, "Kremlin Moves to Dismantle Yukos, Setting Auction for Unit," *New York Times*, September 17, 2008.

34. Catherine Belton, "State Steps in for Yukos Unit," *Guardian*, December 22, 2004.

35. Gessen, "The Wrath of Putin"; James Henderson, *Rosneft—On the Road to Global NOC Status?* Oxford Institute for Energy Studies, January 2012, 8.

36. Arvedlund, "Kremlin Moves to Dismantle Yukos, Setting Auction for Unit."

37. Gabriele Steinhauser and Gregory White, "Russia Must Compensate Yukos Shareholders, Says European Court," *Wall Street Journal*, July 31, 2014.

38. Mark Milner, "Back Door Yukos Nationalisation Perfectly Normal, Says Putin," *Guardian*, December 23, 2005.

39. "Mechel Bashing—Business in Russia," *Economist*, July 31, 2008.

40. "TNK-BP Update: BP Pulls Staff as Aar Ratchets Up Pressure," WikiLeaks Public Library of U.S. Diplomacy, July 24, 2008, https://wikileaks.org/plusd/cables/08MOSCOW2137_a.html.

41. Baker, "BP's Dudley Relives Russian Nightmare alongside Rosneft Boss."

42. James Herron and Selina Williams, "BP Launches \$8 Billion Share Buyback after TNK-BP Sale," *Wall Street Journal*, March 22, 2013.

43. Steve Levine, "The Last Free Oligarch," *Foreign Policy*, July 25, 2012; Leonid Bershidsky, "Not All Russian Billionaires Are Putin Cronies," *Bloomberg*, March 5, 2015.

44. Courtney Weaver, "Cash-Laden Oligarchs Hunt Pastures New," *Financial Times*, April 5, 2013.

45. Baker, "BP's Dudley Relives Russian Nightmare alongside Rosneft Boss."

46. Ibid.

47. Andrey Ostroukh and Olga Razumovskaya, "Russia's Arrest of Sistema Boss Raises Specter of Yukos Case," *Wall Street Journal*, September 17, 2014; Courtney Weaver, "Russian Oligarch Yevtushenkov Placed under House Arrest," *Financial Times*, September 16, 2014.

48. Irina Reznik and Evgenia Pismenaya, "Rosneft CEO Sechin Said to Pitch Putin \$16 Billion Sale Deal," *Bloomberg*, August 29, 2016.

49. "Bloomberg: Rosneft CEO Igor Sechin Proposes to Pay \$5Bln for Bashneft Controlling Stake," *Moscow Times*, August 29, 2016, <http://themoscowtimes.com/news/bloomberg-rosneft-ceo-igor-sechin-proposes-to-pay-5-billion-for-bashneft-controlling-stake-55146>.

50. "Russian Minister Charged with \$2m Bribe," *BBC News*, November 15, 2016, <https://www.bbc.com/news/world-europe-37983744>.

51. Alexander Winning, "Exclusive: Arrested Russian Minister Wanted State to Cede Control over Rosneft: Sources," *Reuters*, November 29, 2016, <https://in.reuters.com/article/russia-ulyukayev-rosneft-idINKBN13O1L5>.

52. Henry Foy, "Sistema Counts \$1.7bn Cost of Business in Russia," *Financial Times*, January 3, 2018.

53. James Henderson and Ekaterina Grushevenko, *Russian Oil Production Outlook to 2020*, Oxford Institute for Energy Studies, February 2017, 4.

54. Ricardo Soares de Oliveira, *Magnificent and Beggar Land: Angola since the Civil War* (Oxford: Oxford University Press, 2015), 31.

55. *Ibid.*, 184.

56. *Ibid.*, 36.

57. Steve Levine, *The Oil and the Glory: The Pursuit of Empire and Fortune on the Caspian Sea* (New York: Random House, 2007), 183.

58. Global Witness, Azerbaijan Anonymous, Global Witness, December 6, 2013, 12.

59. Báo cáo tài chính của Socar.

60. International Monetary Fund, *Angola—Fifth Review under the Stand-by Arrangement, Request for Waiver of Applicability of Performance Criteria, and Request for Modification of Performance Criteria*, IMF, December 2011.

61. US District Court Southern District of Texas Houston Division, *In Re Cobalt International Energy, Inc, Securities Litigation* 14-CV-3428, *Consolidated Amended Class Action Complaint*, May 1, 2015, http://securities.stanford.edu/filings-documents/1053/CIEI00_01/201551_r01c_14CV03428.pdf.

62. Tom Burgis, *The Looting Machine: Warlords, Oligarchs, Corporations, Smugglers, and the Theft of Africa's Wealth* (New York: Public Affairs, 2016), 18.

63. Cobalt phủ nhận hành vi sai trái. Năm 2017, Bộ Tư pháp Hoa Kỳ chấm dứt điều tra mà không đệ trình cáo buộc.

64. Tôi không thể tìm thấy thông tin cập nhật nào về thủ tục pháp lý chống lại Sam Pa sau khi ông ta bị bắt. Để tìm hiểu thêm thông tin, xem Burgis, *Looting Machine*; J. R. Mailey, *The Anatomy of the Resource Curse: Predatory Investment in Africa's Extractive Industries*, Africa Center for Strategic Studies, May 2015.

65. Burgis, *Looting Machine*, 96.

66. Burgis, *Looting Machine*, 96; Mailey, *Anatomy of the Resource Curse*.

67. Burgis, *Looting Machine*, 102.

68. Soares de Oliveira, *Magnificent and Beggar Land*.

69. US District Court for the Southern District of Texas, Houston Division, *United States v. SBM Offshore N.V., Deferred Prosecution Agreement*, Criminal No. 17–686 (S.D. Tex, November 29, 2017), <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/1014801/download>.

70. UK Serious Fraud Office, “F.H. Bertling Ltds (Project Jasmine),” December 17, 2018, <https://www.sfo.gov.uk/cases/f-h-bertling-ltd-project-jasmine/>.

71. Robbie Whelan and Sarah Kent, “BP’s Azerbaijan Push Comes at a Cost,” *Wall Street Journal*, March 31, 2016.

72. Ibid.

73. US Department of Justice, "Oil Services Companies and a Freight Forwarding Company Agree to Resolve Foreign Bribery Investigations and to Pay More Than \$156 Million in Criminal Penalties," November 4, 2010, thông cáo báo chí, <https://www.justice.gov/opa/pr/oil-services-companies-and-freight-forwarding-company-agree-resolve-foreign-bribery>.

74. Joshua Yaffa, "Putin's Shadow Cabinet and the Bridge to Crimea," *New Yorker*, May 29, 2017.

75. Dawisha, *Putin's Kleptocracy*, 92–93.

76. Ibid.

77. Anders Åslund, *Why Gazprom Resembles a Crime Syndicate*, Peterson Institute for International Economics, February 28, 2012.

78. Stephen Grey, Tom Bergin, Sevgil Musaieva, and Roman Anin, "Special Report—Putin's Allies Channelled Billions to Ukraine Oligarch," *Reuters*, November 26, 2014.

79. Ibid.

80. Alexandra Gillies, Marc Guéniat, and Lorenz Kummer, *Big Spenders: Swiss Trading Companies, African Oil and the Risks of Opacity*, Natural Resource Governance Institute, July 20, 2014.

81. Ibid.

82. Global Witness, *Azerbaijan Anonymous*, 18–20.

83. Socar, "Letter to the Advisory Board of Global Witness," February 25, 2015, <https://site-media.globalwitness.org/archive/files/20150225%20socar%20letter%20to%20global%20witness.pdf>.

84. Anar Alizade, "Interview to 'Business Time' Magazine," May 13, 2014, <https://anaralizade.com/post/interview-to-business-time-magazine>.

85. "Socar Trading SA," Azerbaijan Anonymous Explained (a Socar Group website), không có ngày tháng, <http://www.azerbaijananonymousexplained.com/eng/azerbaijan-anonymous-explained/socar-trading-sa/>.

86. Alizade, "Interview to 'Business Time' Magazine."

87. "Joint Ventures, Tendering and Bidding," Azerbaijan Anonymous Explained (a Socar Group website), không có ngày tháng.

88. Socar Trading, “Key Statistics,” Socar Trading, <http://www.socartrading.com/about-us/key-statistics>.

89. Rafael Marques de Morais, “Trafigura and the Angolan Presidential Mafia,” *Maka Angola*, January 5, 2013; de Morais, “General Dino and the Attorney General’s Lies,” *Maka Angola*, January 20, 2014; Berne Declaration, Trafigura’s Business in Angola, Berne Declaration, February 2013, Cochran Group, “Management Team,” không có ngày tháng, Cochran Group, <https://www.cochan.com/en/management-team>.

90. “Angola: What’s behind Trafigura’s Ejection from Products Swap?,” *Energy Compass*, September 21, 2012.

91. Ibid.

92. “From Petrograd to Petrodollars—Gunvor’s Roots,” *Economist*, May 5, 2012, <https://www.economist.com/international/2012/05/05/from-petrograd-to-petrodollars>; Catherine Belton, “Yukos Files Suit against Rosneft,” *Financial Times*, September 18, 2009.

93. Ibid.

94. US Treasury Department, “Treasury Sanctions Russian Officials, Members of the Russian Leadership’s Inner Circle, and an Entity for Involvement in the Situation in Ukraine,” March 20, 2014, <https://www.treasury.gov/press-center/press-releases/Pages/jl23331.aspx>.

95. Luke Harding, “Russian Billionaire Drops Libel Case against Economist,” *Guardian*, July 30, 2009.

96. Dmitry Zhdannikov, “What Does U.S. Know about Putin’s Oil Wealth?,” *Reuters*, March 21, 2014.

97. Yaffa, “Putin’s Shadow Cabinet and the Bridge to Crimea.”

98. Ibid.

99. “Azerbaijan: Who Owns What Vol. 2—The Minister of Emergency Situations, Beluga Caviar, and Fruit Juice,” WikiLeaks Public Library of U.S. Diplomacy, February 25, 2010, https://wikileaks.org/plusd/cables/10BAKU127_a.html.

100. Juliette Garside and Stephanie Kirchgaessner, "Azeri Ruling Families Linked to Secret Investments via Maltese Bank," *Guardian*, April 23, 2018.

101. Natural Resources Governance Institute, "Dataset: Unlocking EITI Data for Meaningful Reform," <https://resourcegovernance.org/analysis-tools/tools/dataset-unlocking-eiti-data-meaningful-reform>.

102. "Azerbaijan: Who Owns What Vol. 2."

103. Ibid.

104. Ibid.

105. Arzu Geybullayeva, "Azerbaijan: Small Bookstore Owner Describes Hostile Takeover by Powerful Minister," *Eurasianet*, February 14, 2018; bài đăng trên Facebook của Nigar Kocharli, February 12, 2018, <https://www.facebook.com/nigar.kocharli.1/posts/10156287329849586>.

106. Adam Davidson, "Donald Trump's Worst Deal," *New Yorker*, March 13, 2017; Nushabe Fatullayeva, "Mixing Government and Business in Azerbaijan," *Radio Free Europe*, April 4, 2013.

107. Davidson, "Donald Trump's Worst Deal."

108. "Azerbaijan: Who Owns What Vol. 2."

109. Davidson, "Donald Trump's Worst Deal"; Luke Harding, Caelainn Barr, and Dina Nagapetyants, "UK at Centre of Secret \$3bn Azerbaijani Money Laundering and Lobbying Scheme," *Guardian*, September 4, 2017.

110. Fatullayeva, "Mixing Government and Business in Azerbaijan."

111. Giorgi Lomsadze, "The Aliyev Daughters: Azerbaijan's First-Family Fashionistas," *Eurasianet*, January 16, 2014.

112. Miranda Patrucic, Eleanor Rose, Irene Velska, and Khadija Ismayilova, "Azerbaijan First Family's London Private Enclave." Organized Crime and Corruption Reporting Project, May 10, 2016; Miranda Patrucic, Juliette Garside, Khadija Ismayilova, and Jean-Baptiste Chastand, "Pilatus, a Private Bank for Azerbaijan's Ruling Elite," Organized Crime and Corruption Reporting Project, April 23, 2018.

113. Khadija Ismayilova, "Eurovision Hall Benefits Azerbaijan's First Family," *Radio Free Europe*, May 9, 2012.

114. Khadija Ismayilova, "Aliyevs Own Some of the Best Hotels in Baku," Organized Crime and Corruption Reporting Project, June 28, 2015.

115. Patrucic, "Pilatus, a Private Bank for Azerbaijan's Ruling Elite"; Garside and Kirchgaessner, "Azeri Ruling Families Linked to Secret Investments via Maltese Bank."

116. Organized Crime and Corruption Reporting Project, "Azerbaijani First Family: Big on Banking," OCCRP, June 11, 2015.

117. Audrey Altstadt, *Frustrated Democracy in Post-Soviet Azerbaijan* (New York: Columbia University Press, 2017); Ismayilova, "Aliyevs Own Some of the Best Hotels in Baku."

118. Nushabe Fatullayeva and Khadija Ismayilova, "Azerbaijani Government Awarded Gold-Field Rights to President's Family," *Radio Free Europe*, May 3, 2012.

119. Ismayilova, "Aliyevs Own Some of the Best Hotels in Baku."

120. Ismayilova, "Eurovision Hall Benefits Azerbaijan's First Family."

121. Cấu trúc của vụ bùng nổ dầu mỏ có thể là chủ đề của cuốn sách hấp dẫn khác. Mặc dù Baku đã trải qua những biến đổi to lớn, nhưng đó không phải là những thay đổi đáng kinh ngạc nhất hoặc khiến người ta lo ngại do tiền bạc từ dầu khí mang lại. Tổng thống Obiang của Ghinê Xích đạo, nhà lãnh đạo cầm quyền lâu nhất thế giới đã cho xây dựng hàng chục tòa nhà chính phủ mới tại 2 thành phố lớn nhất ở quốc gia nhỏ bé này. Sau đó, ông quyết định xây dựng một thủ đô hành chính hoàn toàn mới mang tên Oyala, nằm sâu trong rừng rậm. Trong một cuộc phỏng vấn năm 2012, Obiang nói rằng thủ đô mới sẽ giúp chính phủ của ông ta an toàn trước những âm mưu đảo chính có thể xảy ra. Cho đến nay, khu rừng nhiệt đới đã được dọn sạch, có thư viện hình đĩa bay cho trường Đại học quốc tế Trung Phi hoàn toàn mới và một khu phức hợp 2.000 căn hộ được sắp xếp theo hình

thức mạng lưới ngăn nắp. Dọc theo "Đại lộ công lý" với 6 sáu làn xe sẽ là một khách sạn sang trọng với 450 phòng và sân golf 18 lỗ. Thuận lợi là, gia đình Obiang và những người trong giới chính trị khác lại nắm giữ lợi ích kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng. Stephen Sackur, "Equatorial Guinea: Obiang's Future Capital, Oyala," *BBC News*, December 17, 2012, <https://www.bbc.com/news/magazine-20731448>; Sarah Saadoun, "Manna from Heaven"? How Health and Education Pay the Price for Self-Dealing in Equatorial Guinea, Human Rights Watch, June 15, 2017.

122. Heydar Aliyev Foundation Projects, <https://heydar-aliyev-foundation.org/en/content/blog/71/Projects>.

123. Roxana Jipa, Victor Ilie, and Daniel Bojin, "Building on a Shaky Foundation," Organized Crime and Corruption Reporting Network, December 4, 2015.

124. "Wiki—Who Owns What in Azerbaijan," WikiLeaks the Global Intelligence Files, February 20, 2013, https://wikileaks.org/gifiles/docs/15/1514568_wiki-who-owns-what-in-azerbaijan.html.

125. Sam Dean, "How Much Does It Cost to Host the Eurovision Song Contest and Is It Worth It?," *Telegraph*, May 13, 2016.

126. Thomas de Waal, "Sochi's Ghost Haunts Baku," *Moscow Times*, June 21, 2015.

127. Michael Weiss, "The Corleones of the Caspian," *Foreign Policy*, June 10, 2014.

128. Davidson, "Donald Trump's Worst Deal."

129. US Treasury Department, "Treasury Sanctions"; Anti-Corruption Foundation, *Sochi 2014: Encyclopedia of Spending*, Anti-Corruption Foundation, 2014.

130. Carl Schreck, "Kremlin Insiders Cashing in on Government Contracts," *Radio Free Europe*, February 29, 2016.

131. Oliver Bullough, *Moneyland: Why Thieves and Crooks Rule the World and How to Take It Back* (London: Profile Books, 2018), 15.

132. Soares de Oliveira, *Magnificent and Beggar Land*, 140.

133. Ibid.

134. Thomas de Waal, "Azerbaijan Doesn't Want to Be Western," *Foreign Affairs*, September 26, 2014; "World Bank Open Data," World Bank, <https://data.worldbank.org/>.

135. Stephen Grey, Audrey Kuzmin, and Elizabeth Piper, "Putin's Daughter, a Young Billionaire and the President's Friends," *Reuters*, November 10, 2015; Brian Whitmore, "The Heirs of Putinism," *Radio Free Europe*, November 12, 2015.

136. Afgan Mukhtarli, *Personal Debt Crisis Bites in Azerbaijan*, Institute for War and Peace Reporting, March 27, 2015.

137. "Azerbaijani Police Clash with Activists after Baku Rally," *Radio Free Europe*, September 17, 2016, <https://www.rferl.org/a/azerbaijan-opposition-rally-baku-aliyev/27997157.html>.

138. Aslak Jangård Orre, *Angola from Boom to Bust—to Breaking Point*, Chr. Michelsen Institute, April 8, 2016.

Chương 5: "Con bạch tuộc vươn vòi khắp toàn cầu"

1. Vào thời điểm cuốn sách được xuất bản, Đan Mạch, Extônia và Hoa Kỳ đã tiến hành điều tra hình sự vụ việc này. Dankse Bank, "Findings of the Investigations Relating to Danske Bank's Branch in Estonia," September 19, 2018, thông cáo báo chí, <https://danskebank.com/news-and-insights/news-archive/press-releases/2018/pr19092018>; Teis Jensen, "Explainer: Danske Bank's 200 Billion Euro Money Laundering Scandal," *Reuters*, November 19, 2018.

2. Oliver Bullough, *Moneyland: Why Thieves and Crooks Rule the World and How to Take It Back* (London: Profile Books, 2018), 21.

3. Alexander Cooley and John Heathershaw, *Dictators without Borders: Power and Money in Central Asia*, 1st ed. (New Haven: Yale University Press, 2017), 29; Ben Judah and Nate Sibley, *The Enablers: How*

Western Professionals Import Corruption and Strengthen Authoritarianism, Hudson Institute, September 2018.

4. Oliver Bullough, "The Origins of Modern Kleptocracy," *Power* 3.0 (blog), January 9, 2018.

5. Judah, *The Enablers*, 5.

6. Global Witness, *Narco-a-Lago: Money Laundering at the Trump Ocean Club Panama*, Global Witness, 2017.

7. Edward Robinson, Hugo Miller, and Nariman Gizitdinov, "Was Trump SoHo Used to Hide Part of a Kazakh Bank's Missing Billions?," *Bloomberg*, December 11, 2017; Jesse Drucker, "\$7 Million Trump Building Condo Tied to Scandal-Scarred Foreign Leader," *New York Times*, April 10, 2019.

8. Các nhà phân tích khác đã đưa ra những khuôn khổ tương tự. Trong *Moneyland* (2018), Bullough viết về 3 hình thức mà những người trợ giúp quốc tế sử dụng để giúp những kẻ tham nhũng "đánh cắp, che giấu và tiêu xài" những khoản tiền bất chính. Khuôn khổ của Judah cũng tương tự như vậy, mặc dù ông nhấn mạnh rằng giới đạo tặc trị tìm được an toàn bằng cách hòa mình vào cuộc sống thượng lưu ở đất nước phương Tây: Judah, *The Enablers*, 12. Sự khác biệt chính ở đây là tôi tập trung vào phương thức đầu tiên: những biện pháp được giới đạo tặc trị sử dụng nhằm giành được của cải, trong đó bao gồm cả lĩnh vực dầu khí.

9. Hannah Ellis-Petersen, "1MDB Scandal: Najib Razak Faces More Charges over \$1.6bn Government Coffer," *Guardian*, October 24, 2018. Vụ án chống lại Najib ở vẫn đang tiếp tục khi cuốn sách này được xuất bản.

10. Yantoultra Ngui and Tom Wright, "Malaysia Says Saudis Gave Prime Minister Najib Razak a \$681 Million 'Donation,'" *Wall Street Journal*, January 26, 2016.

11. Tom Wright and Bradley Hope, *Billion Dollar Whale: The Man Who Fooled Wall Street, Hollywood and the World* (New York: Hachette Books, 2018); US District Court for the Central District of California, *United States*

v. Certain Rights to and Interests in the Viceroy Hotel Group, Complaint, No. CV 17-4438 (C.D. Cal. June 15, 2017), 11, <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/973671/download>.

12. Jho Low, “Statement Regarding the Filing of Charges against Mr. Low—4 December 2018,” <http://www.jho-low.com/statements-to-media>.

13. US District Court for the Southern District of Texas, *Complaint, United States of America v. The M/Y Galactica Star*, No. 4:17-cv-02166 (S.D. Tex. July 14, 2017), 28, <https://www.courtlistener.com/docket/6120284/1/united-states-v-the-my-galactica-star-being-a-65-meter-motor-yacht-built/>.

14. *Ibid.*

15. The Sentry, *Fueling Atrocities: Oil and War in South Sudan*, The Sentry, March 2018; Global Witness, *Capture on the Nile: South Sudan's State-Owned Oil Company, Nilepet, Has Been Captured by the Country's Predatory Elite and Security Services*, Global Witness, April 2018.

16. Emilio Parodi, “Italy Court Finds Saipem Guilty in Algeria Graft Case but Acquits Eni,” *Reuters*, September 19, 2018; Farid Alilat, “Corruption in Algeria: Farid Bedjaoui, Close to Chakib Khelil, Sentenced to Five Years in Prison,” *Jeune Afrique*, September 19, 2018.

17. Alexandra Stevenson and Sharon Tan, “Malaysia Files Criminal Charges against Goldman Sachs over 1MDB Scandal,” *New York Times*, December 17, 2018; Anisah Shukry, “Malaysia Fines Deloitte for Failing to Report 1MDB Oddities,” *Bloomberg*, January 30, 2019. Vụ án chống lại Goldman Sachs vẫn đang tiếp tục khi cuốn sách này được xuất bản.

18. Petrobras đã nộp 2,95 tỷ USD để giải quyết vụ kiện vào năm 2018. US District Court for the Southern District of New York, *Petrobras Securities Litigation, Demand for Jury Trial, Consolidated Amended Complaint*, Case No. 14-cv-9662 JSR (S.D.N.Y. July 16, 2015), 42–52, http://securities.stanford.edu/filings-documents/1053/PBSP00_01/2015716_r01c_14CV09662.pdf.

19. Hoa Kỳ đã điều tra cả 3 ngân hàng và đệ trình cáo buộc hình sự chống lại một cựu quan chức Chính phủ Môdambích và một số cựu nhân

viên ngân hàng Credit Suisse. Vụ án vẫn đang tiếp tục khi cuốn sách này được xuất bản. Jef Feeley and Zeke Faux, “U.S. Seeks Extradition of Ex-Credit Suisse Bankers Charged in \$2 Billion Loan Fraud,” *Bloomberg*, January 3, 2019; Matt Wirz, Rebecca Davos O’Brien and Jenny Strasburg, “FBI Investigates European Banks for Allegedly Aiding Corruption in Mozambique,” *Wall Street Journal*, November 6, 2017.

20. US District Court for the Central District of California, *United States v. Certain Rights to and Interests in the Viceroy Hotel Group*, No. CV 17-4438 (C.D. Cal. June 15, 2017), 11, <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/973671/download>.

21. *Ibid.*, 23.

22. *Ibid.*, 19.

23. Wright and Hope, *Billion Dollar Whale*, 22–26.

24. *Ibid.*, 40.

25. *Ibid.*, 31.

26. US District Court for the Central District of California, *United States v. Certain Rights to and Interests in the Viceroy Hotel Group*, No. CV 17-4438 (C.D. Cal. June 15, 2017), 8, <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/973671/download>.

27. *Ibid.*, 417–418, 24–28.

28. *Ibid.*, 20–35.

29. *Ibid.*, 35.

30. Năm 2017, Abu Dhabi hợp nhất IPIC với một quỹ đầu tư quốc gia của nước này để thành lập công ty đầu tư Mubadala với số vốn 175 tỷ USD. Stanely Carvalho: “Abu Dhabi Creates \$125 Billion Fund by Merging Mubadala, IPIC,” *Reuters*, January 21, 2017.

31. Wright and Hope, *Billion Dollar Whale*, 179.

32. US District Court for the Central District of California, *United States v. Certain Rights to and Interests in the Viceroy Hotel Group*, No. CV 17-4438 (C.D. Cal. June 15, 2017), 53–54, 68, <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/973671/download>.

33. Ibid., 56–67.

34. Ibid., 67.

35. Ibid., 89.

36. Ibid., 92–95.

37. Ibid., 112.

38. Ibid., 121.

39. Ibid., 108.

40. Wright and Hope, *Billion Dollar Whale*, 64.

41. Randeep Ramesh, “1MDB: The Inside Story of the World’s Biggest Financial Scandal,” *Guardian*, July 28, 2016.

42. US District Court for the Central District of California, *United States v. Certain Rights to and Interests in the Viceroy Hotel Group*, No. CV 17-4438 (C.D. Cal. June 15, 2017), 36, 51–52, <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/973671/download>.

43. Ibid., 202–203.

44. Randeep Ramesh, “1MDB”; “Did Tarek Cheat His Prince? Exclusive!,” *Sarawak Report*, February 22, 2017, <http://www.sarawakreport.org/2017/02/did-tarek-cheat-his-prince-exclusive/>. Đơn kiện của Bộ Tư pháp Hoa Kỳ cũng mô tả những vụ chuyển tiền này nhưng chỉ đề cập là “cộng sự người Ả-rập 1” và “quan chức người Malaixia 1” thay vì nêu tên các cá nhân: US District Court for the Central District of California, *United States v. Certain Rights to and Interests in the Viceroy Hotel Group*, No. CV 17-4438 (C.D. Cal. June 15, 2017), 38–43, <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/973671/download>.

45. Báo cáo của *Sarawak Report* về vụ bê bối 1MDB, bao gồm: “*Heist of the Century—How Jho Low Used PetroSaudi as ‘A Front’ to Siphon Billions out of 1MDB!*,” *Sarawak Report*, February 28, 2015, <http://www.sarawakreport.org/2015/02/heist-of-the-century-how-jho-low-used-petrosaudi-as-a-front-to-siphon-billions-out-of-1mdb-world-exclusive/>.

46. Justo được thả vào năm 2016. “Swiss Man Linked to 1MDB Investigation Released from Thai Prison,” *Reuters*, December 20, 2016.

47. Joseph Menn and Katya Golubkova, “Saudi Princes Accused of Bribery, Embezzlement, Money Laundering—Official,” *Reuters*, November 5, 2017.

48. “Tarek Joins Jho Low in Court to Contest DOJ’s Confiscation of 1MDB Spoils,” *Sarawak Report*, October 13, 2017, <http://www.sarawakreport.org/2017/10/tarek-joins-jho-low-in-court-to-contest-doj-s-confiscation-of-1mdb-spoils/>.

49. Michael Peel, David Sheppard, and Anjli Raval, “Saudi Royal Oil Group at Heart of 1MDB Case,” *Financial Times*, July 27, 2016.

50. Anatoly Kurmanaev and Bradley Hope, “Venezuela Alleges Fraud in \$1.3 Billion Oil-Rig Lease,” *Wall Street Journal*, March 15, 2017; Bradley Hope and Anatoly Kurmanaev, “PetroSaudi Used Funds from 1MDB Venture to Finance Venezuela Project,” *Wall Street Journal*, March 15, 2017. Kết quả vụ điều tra vẫn chưa được công bố khi cuốn sách này được xuất bản.

51. US District Court for the Central District of California, *United States v. Certain Rights to and Interests in the Viceroy Hotel Group*, No. CV 17-4438 (C.D. Cal. June 15, 2017), 53, 74–77, <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/973671/download>.

52. Bradley Hope and Tom Wright, “Alleged 1MDB Conspirator Says He Is a Scapegoat for Emiratis,” *Wall Street Journal*, January 23, 2019.

53. Bradley Hope and Nicolas Parasie, “Abu Dhabi Sovereign Wealth Fund Gets Entangled in Global 1MDB Scandal,” *Wall Street Journal*, December 1, 2016.

54. Wright and Hope, *Billion Dollar Whale*, 180.

55. US Department of Justice, “Malaysian Financier Low Taek Jho, AKA ‘Jho Low,’ and Former Banker Ng Chong Hwa, AKA ‘Roger Ng,’ Indicted for Conspiring to Launder Billions of Dollars in Illegal Proceeds and to Pay Hundreds of Millions of Dollars in Bribes in Connection with 1MDB Fund,” November 2018, thông cáo báo chí, <https://www.justice.gov/>

usao-edny/pr/malaysian-financier-low-taek-jho-aka-jho-low-and-former-banker-ng-chong-hwa-aka-roger; Wright and Hope, *Billion Dollar Whale*, 220.

56. Wright and Hope, *Billion Dollar Whale*, 55–57, 124. 57.

57. *Ibid.*, 183.

58. *Ibid.*

59. Justin Baer, Tom Wright, and Bradley Hope, “Goldman Probed over Malaysia Fund 1MDB,” *Wall Street Journal*, June 7, 2016.

60. US District Court for the Central District of California, *United States v. Certain Rights to and Interests in the Viceroy Hotel Group*, No. CV 17-4438 (C.D. Cal. June 15, 2017), 90, <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/973671/download>.

61. US Department of Justice, “Malaysian Financier Low Taek Jho, AKA ‘Jho Low,’ and Former Banker Ng Chong Hwa, AKA ‘Roger Ng,’ Indicted.” Roger Ng không nhận tội và vụ án chống lại ông ta vẫn đang tiếp tục khi cuốn sách này được xuất bản.

62. Ramesh, “1MDB.”

63. Gabriel Zucman, “Global Wealth Inequality,” NBER working paper 25462, National Bureau of Economic Research, January 2019.

64. Thomas Tørsløv, Ludvig Wier, and Gabriel Zucman, “600 Billion and Counting: Why High-Tax Countries Let Tax Havens Flourish,” November 2017, <https://gabrielzucman.eu/files/TWZ2017.pdf>; Filip Novokmet, Thomas Piketty, and Gabriel Zucman, *From Soviets to Oligarchs: Inequality and Property in Russia, 1905–2016*, National Bureau of Economic Research, August 2017.

65. Annette Alstadsæter, Niels Johannesen, and Gabriel Zucman, “Who Owns the Wealth in Tax Havens? Macro Evidence and Implications for Global Inequality,” *Journal of Public Economics* 162 (2018), 89–100.

66. Cooley and Heathershaw, *Dictators without Borders*, 35.

67. Tax Justice Network, “Financial Secrecy Index—2018 Result,” <https://www.financialsecrecyindex.com/introduction/fsi-2018-results>.

68. Michael Findley, Daniel Nielson, and Jason Sharman, *Global Shell Games: Testing Money Launderers' and Terrorist Financiers' Access to Shell Companies*, Centre for Governance and Public Policy, 2012.

69. Von Hannes Munzinger, Bastian Obermayer and Pia Ratzesberger, "Die Aserbaidzhan-Connection einer CDU-Abgeordneten," *Süddeutsche Zeitung*, September 19, 2017; "German MP Disciplined for Role in Azerbaijani Laundromat," Organized Crime and Corruption Reporting Project, January 30, 2019.

70. Nghị sĩ này phải đối mặt với cáo buộc ở Italia, phiên tòa vẫn đang diễn ra khi cuốn sách này được xuất bản. Ông ta phủ nhận mọi hành vi sai trái. Council of Europe, *Report of the Independent Investigation Body on the allegations of corruption within the Parliamentary Assembly*, Council of Europe, April 15, 2018; Jennifer Rankin, "Council of Europe Members Suspected of Corruption, Inquiry Reveals," *Guardian*, April 22, 2018; European Stability Initiative, *The European Swamp (Caviar Diplomacy Part 2): Prosecutors, Corruption and the Council of Europe*, ESI Report, December 17, 2016.

71. Council of Europe, *Report of the Independent Investigation Body on the Allegations of Corruption within the Parliamentary Assembly*.

72. Organized Crime and Corruption Reporting Project, "Denmark's Biggest Bank Hosted Azerbaijani Slush Fund," OCCRP, September 5, 2017.

73. Miranda Patrucic, Juliette Garside, Khadija Ismayilova, and Jean-Baptiste Chastand, "Pilatus: A Private Bank for Azerbaijan's Ruling Elite," Organized Crime and Corruption Reporting Project, April 23, 2018.

74. Công ty này phải đối mặt với tòa án kỷ luật trong một vụ án vẫn đang được tiếp tục khi cuốn sách này được xuất bản. Luke Harding, "UK Law Firm Accused of Failings over Azerbaijan's Leader's Daughters' Offshore Assets," *Guardian*, May 16, 2018.

75. Năm 2007, vị luật sư bị tình nghi này đã bị tòa án kỷ luật của Vương quốc Anh đình chỉ hành nghề. Juliette Garside et al., "London Law

Firm Helped Azerbaijan's First Family Set Up Secret Offshore Firm," *Guardian*, April 5, 2016.

76. US Department of the Treasury, *Notice of Finding That Banca Privada d'Andorra Is a Financial Institution of Primary Money Laundering Concern*, 4810-02, FinCEN, March 6, 2015, https://www.fincen.gov/sites/default/files/shared/BPA_NOF.pdf; José de Córdoba and Juan Forero, "U.S. Investigates Venezuelan Oil Giant," *Wall Street Journal*, October 22, 2015. Các ông chủ của ngân hàng Andôra bác bỏ cáo buộc và kiện Chính phủ Hoa Kỳ nhưng đã thua trước tòa.

77. Córdoba and Forero, "U.S. Investigates Venezuelan Oil Giant."

78. Tax Justice Network, *Financial Secrecy Index 2018: Report on Seychelles*, Tax Justice Network, 2018.

79. US District Court for the Central District of California, *United States v. Certain Rights to and Interests in the Viceroy Hotel Group*, No. CV 17-4438 (C.D. Cal. June 15, 2017), 18, <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/973671/download>.

80. *Ibid.*, 41.

81. *Ibid.*, 71.

82. *Ibid.*, 72-79.

83. Tom Wright and Bradley Hope, "Malaysia Prime Minister's Confidant Had Central Role at Troubled 1MDB Fund," *Wall Street Journal*, April 20, 2016; US District Court for the Central District of California, *United States v. Certain Rights to and Interests in the Viceroy Hotel Group*, No. CV 17-4438 (C.D. Cal. June 15, 2017), 88, <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/973671/download>; Wright and Hope, *Billion Dollar Whale*, 221.

84. US District Court for the Central District of California, *United States v. Certain Rights to and Interests in the Viceroy Hotel Group*, No. CV 17-4438 (C.D. Cal. June 15, 2017), 88, <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/973671/download>.

85. Daniel Victor and Richard C. Paddock, "Path of \$681 Million: From Saudi Arabia to Malaysian Premier's Personal Account," *New York Times*, December 21, 2017.

86. "Swiss Financial Watchdog FINMA Sanctions Coutts for 1MDB Breaches," *Reuters*, February 2, 2017.

87. Grace Leong, "1MDB Probe: Former BSI Banker Yeo Jiawei Gets 54 Months' Jail for Money Laundering, Cheating," *Straits Times*, July 12, 2017.

88. Anshuman Daga and Joshua Franklin, "Singapore Shuts Falcon Bank Unit, Fines DBS and UBS over 1MDB," *Reuters*, October 11, 2016; Fatima Ungku, "Singapore Sentences Ex-BSI banker to More Jail Time in 1MDB Linked Case," *Reuters*, July 12, 2017.

89. Để có thông tin đầy đủ hơn, xem: Global Witness, *The Real Wolves of Wall Street*, Global Witness, March 2018.

90. Global Witness, *Real Wolves of Wall Street*, 20; Wright and Hope, *Billion Dollar Whale*, 146.

91. US District Court for the Central District of California, *United States v. Certain Rights to and Interests in the Viceroy Hotel Group*, No. CV 17-4438 (C.D. Cal. June 15, 2017), 133, <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/973671/download>. Michael Rapoport, "Deloitte Resigns as 1MDB Auditor," *Wall Street Journal*, July 27, 2016.

92. J. C. Sharman, *The Despot's Guide to Wealth Management* (Ithaca: Cornell University Press, 2017), 6.

93. Linda Kinstler, "London's Latest Tourist Attraction: Russian Oligarchs," *Fortune*, March 26, 2016.

94. Nicholas Shaxson, "A Tale of Two Londons," *Vanity Fair*, April 2013.

95. Transparency International UK, *Faulty Towers: Understanding the impact of Overseas Corruption on the London Property Market*, Transparency International UK, March 2017.

96. Shaxson, "Tale of Two Londons."

97. Louise Story and Stephanie Saul, "Stream of Foreign Wealth Flows to Elite New York Real Estate," *New York Times*, February 7, 2015.

98. Nick Penzenstadler, "Trump's Real Estate: Secretive Sales Continue Unabated," *USA Today*, January 10, 2018.

99. Jarry Emmanuel, "Equatorial Guinea Leader's Son Found Guilty of Embezzlement by French Court," *Reuters*, October 27, 2017; Maïa de la Baume, "For Obiang's Son, High Life in Paris Is Over," *New York Times*, August 23, 2012.

100. Sophie Balay, "How to Hide a Russian Fortune on the French Riviera," Organized Crime and Corruption Reporting Project, February 21, 2018.

101. Garside et al., "London Law Firm."

102. Wright and Hope, *Billion Dollar Whale*, 2–7.

103. *Ibid.*, 134.

104. *Ibid.*, 92.

105. US District Court for the Central District of California, *United States v. Certain Rights to and Interests in the Viceroy Hotel Group*, No. CV 17-4438 (C.D. Cal. June 15, 2017), 162–171, <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/973671/download>.

106. *Ibid.*

107. Jennifer Calvery and Kevin Bell, "Lifestyles of the Rich and Infamous: Confronting Dirty Money in US Real Estate," *Harvard International Review*, January 9, 2017.

108. Wright and Hope, *Billion Dollar Whale*, 163.

109. Tom Burgis, "US Prime Property Is Magnet for Illicit Wealth, Warns Treasury," *Financial Times*, February 23, 2017.

110. US District Court for the Central District of California, *United States v. Certain Rights to and Interests in the Viceroy Hotel Group*, No. CV 17-4438 (C.D. Cal. June 15, 2017), 194, <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/973671/download>.

111. Kelly Crow and John Letzing, "In the 1MDB Net, an Art-World Whale," *Wall Street Journal*, July 21, 2016.

112. US District Court for the Central District of California, *United States v. Certain Rights to and Interests in the Viceroy Hotel Group*, No. CV 17-4438 (C.D. Cal. June 15, 2017), 195–196, <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/973671/download>.

113. Crow and Letzing, “In the 1MDB Net, an Art-World Whale.”

114. Wright and Hope, *Billion Dollar Whale*, 268.

115. US District Court for the Central District of California, *United States v. Certain Rights to and Interests in the Viceroy Hotel Group*, No. CV 17-4438 (C.D. Cal. June 15, 2017), 82, <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/973671/download>.

116. *Ibid.*, 161.

117. “Riza Aziz Contests Seizure of His Beverly Hills Home, Claims Innocence in Money-Laundering Scandal,” *Real Deal Los Angeles*, February 17, 2017, <https://therealdeal.com/la/2017/02/17/riza-aziz-contests-seizure-of-his-beverly-hills-home-claims-innocence-in-money-laundering-scandal/>.

118. Joanna Robinson, “The Real Wolf of Wall Street, Jordan Belfort, Calls Prison a ‘Boys’ Club’ and ‘Totally Mellow,’” *Vanity Fair*, February 27, 2014.

119. Katharina Bart, “Jordan Belfort: I Knew 1MDB Was a Scam,” *Finews.com*, January 26, 2017.

120. Global Witness, *Real Wolves of Wall Street*, 5.

121. *Ibid.*, 17.

122. US District Court for the Central District of California, *United States v. Certain Rights to and Interests in the Viceroy Hotel Group*, No. CV 17-4438 (C.D. Cal. June 15, 2017), 162, <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/973671/download>.

123. *Ibid.*, 141.

124. Alexander Cooley, John Heathershaw, and J. C. Sharman, “Laundering Cash, Whitewashing Reputations,” *Journal of Democracy* 29, no. 1 (January 2018), 40.

125. Ibid.

126. Abigail Fielding-Smith and Crofton Black, *Foreign Office Diplomat on "Leave" at Saudi Crown Prince's PR Firm*, Bureau of Investigative Journalism, March 6, 2018.

127. Cooley et al., "Laundering Cash, Whitewashing Reputations," 39–53.

128. "The Perils of Lobbying in Africa," *Economist*, July 29, 2017.

129. Erin Quinn, U.S. Lobbying, *PR Firms Give Human Rights Abusers a Friendly Face*, Center for Public Integrity, December 17, 2015.

130. Thor Halvorssen and Alex Gladstein, "The Atlantic Council's Questionable Relationship with Gabon's Leader," *The Hill*, October 26, 2016; Eric Lipton, Brooke Williams, and Nicholas Confessore, "Foreign Powers Buy Influence at Think Tanks," *New York Times*, January 19, 2018.

131. Sarah Chayes, *Thieves of State: Why Corruption Threatens Global Security*, 1st ed. (New York: Norton, 2016).

132. International Monetary Fund, "IMF Executive Board Approves US\$642 Million Extended Arrangement under the Extended Fund Facility (EFF) for Gabon," thông cáo báo chí, June 20, 2017, <https://www.imf.org/en/News/Articles/2017/06/20/imf-executive-board-approves-us642-million-extended-arrangement-under-the-eff-for-gabon>; Các báo cáo của IMF đã che đậy những bằng chứng ngày càng nhiều về việc hàng tỷ đôla Mỹ trong quỹ NNPC đã được chuyển hướng, như trong báo cáo đưa ra vào năm 2013: International Monetary Fund, *Nigeria: Staff Report for the 2014 Article IV Consultation*, IMF, April 2014; một số cơ hội bị bỏ lỡ của Hoa Kỳ được trình bày trong Matthew Page, *Improving U.S. Anticorruption Policy in Nigeria*, Council on Foreign Relations, July 11, 2016.

133. Richard Pace, "APCO Worldwide PR Firm and a Final Fantasy of Malaysia," *Everything PR*, September 13, 2010.

134. Lee Yuk Peng, "Heated Debates over Apco Issue," *The Star*, April 4, 2010.

135. Xem ví dụ: “Too Much Partying by Najib’s PR Guru Paul Stadlen?,” *Sarawak Report*, February 11, 2015, <http://www.sarawakreport.org/2015/02/too-much-partying-by-najibs-pr-guru-paul-stadlen/>.

136. Rahmah Ghazali, “Former Apco Malaysia Chief Not Paid by Govt,” *The Star*, May 20, 2015; Wright and Hope, *Billion Dollar Whale*, 335. Năm 2019, nhà chức trách Malaixia cáo buộc Stadle tội rửa tiền. Ông ta phủ nhận tội lỗi và nói rằng cáo buộc mang tính chính trị. Hannah Ellis-Peterson, “British Spin Doctor to Former Malaysian PM Charged with Money Laundering,” *Guardian*, February 21, 2019.

137. Ian Burrell and Martin Hickman, “Special Investigation: TV Company Takes Millions from Malaysian Government to Make Documentaries for BBC... about Malaysia,” *Independent*, August 17, 2011; “BBC Investigates FBC’s Malaysian Links,” *BBC News*, August 17, 2011, <http://www.bbc.co.uk/ariel/14560249>;

138. “FBC Media Scandal—Growing Questions for CNN’s John Deferios,” *Sarawak Report*, August 5, 2011, <http://www.sarawakreport.org/2011/08/fbc-media-scandal-growing-questions-for-cnns-john-deferios-2/>; “CNN Faces Questions over Host’s Ties,” *Politico*, August 8, 2011, https://www.politico.com/blogs/onmedia/0811/CNN_faces_questions_over_host_s_ties.html.

139. “Najib Razak Interviewed about BERSIH 2.0 on CNN—July 2011,” YouTube, posted by John Abraham on April 18, 2003 <https://www.youtube.com/watch?v=EFTMcLF2RFA>.

140. Ibid.

141. Burrell and Hickman, “Special Investigation: TV Company Takes Millions from Malaysian Government”; “BBC Investigates FBC’s Malaysian Links”; “FBC Media Scandal.”

142. “Joint Statement from the *Guardian* and Joshua Treviño,” *Guardian*, August 24, 2012, <https://www.theguardian.com/gnm-press-office/10>. “Guardian Splits with Conservative Writer over Malaysia Ties,”

BuzzFeed News, August 24, 2012, <https://www.buzzfeednews.com/article/buzzfeedpolitics/guardian-splits-conservative-writer-over-malaysia>.

143. “Malaysia’s Poison Blogger Exposed in the US!,” *Sarawak Report*, August 25, 2012, <http://www.sarawakreport.org/2012/08/malaysias-poison-blogger-exposed-in-the-us/>.

144. US Department of Justice, *Trevino Strategies and Media, Inc., NSD/FARA Registration Statement*, Reg no. 6152 (US DOJ, January 24, 2013), <https://www.fara.gov/docs/6152-Exhibit-AB-20130124-1.pdf>.

145. “Remarks by President Obama and Prime Minister Najib of Malaysia after Bilateral Meeting,” White House, November 20, 2015, thông cáo báo chí, <https://obamawhite-house.archives.gov/the-press-office/2015/11/20/remarks-president-obama-and-prime-minister-najib-malaysia-after>.

146. Wright and Hope, *Billion Dollar Whale*, 259.

147. Bradley Hope and Colleen Nelson, “Malaysian Fund 1MDB Linked to White House Visit,” *Wall Street Journal*, October 13, 2016; Wright and Hope, *Billion Dollar Whale*, 261.

148. Hope and Nelson, “Malaysian Fund 1MDB Linked to White House Visit.”

149. Bradley Hope, Tom Wright, and Rebecca Ballhaus, “Trump Ally Was in Talks to Earn Millions in Effort to End 1MDB Probe in U.S.,” *Wall Street Journal*, March 1, 2018.

150. US District Court for the District of Columbia, *USA v. \$37,564,565.25...*, *Verified Complaint for Forfeiture in Rem*, Civil Action No. 18-cv-2795, November 30, 2018, <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/1116571/download>.

151. US District Court for the District of Columbia, *USA v. George Higginbotham, Factual Basis for Plea*, November 30, 2018, 2, <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/1116746/download>.

152. US District Court for the District of Columbia, *USA v. \$37,564,565.25...*, *Verified Complaint for Forfeiture in Rem*, Civil Action No.

18-cv-2795, November 30, 2018, 6, <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/1116571/download>.

153. US District Court for the District of Columbia, *USA v. George Higginbotham*, November 30, 2018, 2, <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/1116746/download>.

154. Eric Tucker, "Ex-Fugees Member Pras Fights US Forfeiture Complaint," Associated Press, January 28, 2019.

155. Hope, Wright, and Ballhaus, "Trump Ally Was in Talks to Earn Millions."

156. Paul Wolfowitz, "Trump's Meeting with Malaysian Crook Najib Reeks of the Swamp," *Newsweek*, September 13, 2017.

157. Editorial Board, "Trump Welcomes an Authoritarian to the White House" (editorial), *Washington Post*, September 11, 2017.

158. Matthew Goldstein and Kenneth P. Vogel, "A Fugitive Financier's Charm Offensive Has P.R. Firms Proceeding with Caution," *New York Times*, November 13, 2018.

159. Euan McKirdy and Sandi Sidhu, "Jho Low: How Man at Center of 1MDB Scandal Is Being Turned into a Figure of Fun," *CNN*, December 18, 2018.

160. Yantoultra Ngui, "1MDB Pays Balance of Missed Debt Installment to Abu Dhabi Fund," *Wall Street Journal*, August 30, 2017.

161. Ken Brown and Tom Wright, "Malaysia's 1MDB Decoded: How Millions Went Missing," *Wall Street Journal*, April 7, 2016.

Chương 6: Kẻ thù muôn màu muôn vẻ của tham nhũng

1. US Department of Justice, "Attorney General Lynch Announces a Kleptocracy Enforcement Action to Recover More Than \$1 Billion Obtained from Corruption Involving Malaysian Sovereign Wealth Fund," thông cáo báo chí, July 20, 2016, <https://www.justice.gov/opa/video/attorney-general-lynch-announces-kleptocracy-enforcement-action-recover-more-1-billion>.

2. US District Court for the Central District of California, *United States v. Certain Rights to and Interests in the Viceroy Hotel Group, Complaint*, No. CV17-4438 (C.D. Cal. June 15, 2017), <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/973671/download>.

3. *Ibid.*, 98.

4. Anshuman Daga and Joshua Franklin, "Singapore Shuts Falcon Bank Unit, Fines DBS and UBS over 1MDB," *Reuters*, October 10, 2016; Hugo Miller and Anisah Shukry, "Swiss Say 1MDB Used as Ponzi Scheme to Bribe Officials," *Reuters*, July 10, 2018. Công tác điều tra hình sự ở Thụy Sĩ vẫn đang tiếp tục khi cuốn sách này được xuất bản.

5. Ben Hubbard, David Kirkpatrick, Kate Kelly, and Mark Mazzetti. "Saudis Said to Use Coercion and Abuse to Seize Billions," *New York Times*, November 1, 2018.

6. Nicholas Kulish and David D. Kirkpatrick, "In Saudi Arabia, Where Family and State Are One, Arrests May Be Selective," *New York Times*, November 7, 2017.

7. Đại sứ quán Ả-rập Xê-út ở Hoa Kỳ nghi ngờ thông tin này. Đáp lại, *New York Times* và *Wall Street Journal* vẫn cương quyết với bài viết nói rằng MBS đã mua bức tranh qua một trung gian - theo các nguồn tin tình báo của Hoa Kỳ và các nguồn của Ả-rập. Embassy of the Kingdom of Saudi Arabia, "Embassy Statement on Art Work Purchase," December 8, 2017, <https://www.saudiembassy.net/news/embassy-statement-art-work-purchase>. David D. Kirkpatrick, Mark Mazzetti, and Eric Schmitt, "Saudi Crown Prince Was behind Record Bid for a Leonardo," *New York Times*, December 8, 2017. David D. Kirkpatrick and Eric Schmitt, "Saudi Arabia Disputes That Crown Prince Bought 'Salvator Mundi,'" *New York Times*, December 8, 2017. Shane Harris, Kelly Crow, and Summer Said, "Saudi Arabia's Crown Prince Identified as Buyer of Record-Breaking da Vinci," *Wall Street Journal*, December 8, 2017.

8. Nicholas Kulish and Michael Forsythe, "World's Most Expensive Home? Another Bauble for a Saudi Prince," *New York Times*, December 16, 2017.

9. David Lague, Charlie Xhu, and Benjamin Kang Lim, "Special Report: Inside Xi Jinping's Purge of China's Oil Mandarins," *Reuters*, July 25, 2014.

10. "Former Top China Energy Chief Jailed," *BBC News*, October 12, 2015, <https://www.bbc.com/news/world-asia-china-34503469>.

11. Benjamin Kang Lim and Ben Blanchard, "Exclusive: China Seizes \$14.5 Billion Assets from Family, Associates of Ex-Security Chief: Sources," *Reuters*, March 30, 2014; "China Jails for Life Former Top Secret Police Official," *Reuters*, December 27, 2018.

12. Lague et al., "Special Report."

13. Lucy Hornby, "CNPC Forced to Sell Businesses as China's Crackdown Widens," *Financial Times*, September 14, 2015.

14. For more on CNPC and Turkmenistan, see Alexander Cooley and John Heathershaw, *Dictators without Borders: Power and Money in Central Asia*, 1st ed. (New Haven: Yale University Press, 2017); and Juan Pablo Cardenal and Heriberto Araujo, *China's Silent Army: The Pioneers, Traders, Fixers and Workers Who Are Remaking the World in Beijing's Image* (New York: Crown Archetype, 2013), 111. On Kazakhstan: Guy Chazan, "Kazakh Spat Casts Light on China Deals," *Wall Street Journal*, March 26, 2010. On Chad: US District Court for the Southern District of New York, *Complaint, United States v. Chi Ping Patrick Ho, and Cheikh Gadio*, 17-mag-8611 (S.D.N.Y., November 20, 2017), <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/1012531/download>.

15. Human Rights Watch, "Special Measures": *Detention and Torture in the Chinese Communist Party's Shuanggui System*, Human Rights Watch, 2016.

16. Francisco Monaldi, *The Collapse of the Venezuelan Oil Industry*, Atlantic Council, March 2018.

17. “Omani CEO Jailed for 23 Years in Graft Case: Court,” *Reuters*, February 27, 2014.

18. “Rudy Rubiandini Gets Seven Years for Bribery,” *Jakarta Post*, April 29, 2014.

19. Thomas Carothers and Christopher Carothers, “The One Thing Modern Voters Hate Most,” *Foreign Policy*, July 24, 2018.

20. Charlie Savage, “Sex, Drug Use and Graft Cited in Interior Department,” *New York Times*, September 10, 2008; Sharona Coutts, “Second Interior Official Pleads Guilty in Sex, Drugs and Oil Scandal,” *ProPublica*, September 18, 2008; U.S. Government Accountability Office, *The Federal System for Collecting Oil and Gas Revenues Needs Comprehensive Reassessment*, Report to Congressional Requesters (September 2008), <https://www.gao.gov/new.items/d08691.pdf>; US Government Accountability Office, *Mineral Revenues: Data Management Problems and Reliance on Self-Reported Data for Compliance Efforts Put MMS Royalty Collections at Risk*, September 12, 2008, <https://www.gao.gov/new.items/d08893r.pdf>; Adam Rose, “Deepwater Horizon Inspections: MMS Skipped Monthly Inspections on Doomed Rig,” *Huffington Post*, May 17, 2010.

21. J. C. Shaman, *The Despot’s Guide to Wealth Management: On the International Campaign against Grand Corruption* (Ithaca: Cornell University Press, 2017).

22. US Securities and Exchange Commission, “SEC Enforcement Actions: FCPA Cases,” <https://www.sec.gov/spotlight/fcpa/fcpa-cases.shtml>.

23. US Securities and Exchange Commission, “SEC Charges KBR and Halliburton for FCPA Violations,” February 11, 2009, <https://www.sec.gov/news/press/2009/2009-23.htm>.

24. US Securities and Exchange Commission, *Halliburton Company and Jeannot Lorenz, SEC Order Instituting Cease and Desist Proceedings*, File No. 3-18080, Release No. 81222 (July 27, 2017), <https://www.sec.gov/litigation/admin/2017/34-81222.pdf>.

25. US Department of Justice, “Petróleo Brasileiro S.A.—Petrobras Agrees to Pay More Than \$850 Million for FCPA Violations,” thông cáo báo chí, US Department of Justice, September 27, 2018, <https://www.justice.gov/opa/pr/petr-leo-brasileiro-sa-petrobras-agrees-pay-more-850-million-fcpa-violations>; US District Court for the Eastern District of New York, *United States v. Odebrecht S.A., Plea Agreement*, No. 16-643 RJD (E.D.N.Y., 2016), <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/919916/download>.

26. US Department of Justice, “Och-Ziff Capital Management Admits to Role in Africa Bribery Conspiracies and Agrees to Pay \$213 Million Criminal Fine,” US DOJ, September 29, 2016, thông cáo báo chí, <https://www.justice.gov/opa/pr/och-ziff-capital-management-admits-role-africa-bribery-conspiracies-and-agrees-pay-213>.

27. Gibson Dunn, 2018 Year-End FCPA Update, January 7, 2019, <https://www.gibsondunn.com/2018-year-end-fcpa-update/>. Các vụ án Unaoil vẫn đang tiếp tục khi cuốn sách này được xuất bản.

28. Ibid.

29. Organization for Economic Co-operation and Development, *OECD Foreign Bribery Report: An Analysis of the Crime of Bribery of Foreign Public Officials*, OECD, 2014.

30. Martine Milliet-Einbinder, “Writing Off Tax Deductibility,” *OECD Observer*, April 2000.

31. Hugh Carney, “OECD Hits Out at France over Bribery,” *Financial Times*, October 23, 2012.

32. Vụ án này được mô tả kỹ hơn trong Chương 2 và vẫn đang tiếp tục khi cuốn sách này được xuất bản.

33. Vụ án này vẫn đang tiếp tục khi cuốn sách này được xuất bản, xem Chương 2 để có những thông tin chi tiết hơn.

34. US Department of Justice, “SBM Offshore N.V. and United States-Based Subsidiary Resolve Foreign Corrupt Practices Act Case Involving Bribes in Five Countries,” thông cáo báo chí, November 29,

2017, <https://www.justice.gov/opa/pr/sbm-offshore-nv-and-united-states-based-subsiary-resolve-foreign-corrupt-practices-act-case>.

35. Vụ án Rolls-Royce kết thúc bằng việc tạm hoãn khởi tố, đồng thời công ty đồng ý trả hơn 600 triệu USD tiền phạt. Thẩm phán trong phiên tòa chống lại các giám đốc điều hành của Barclays đã giải tán bồi thẩm đoàn vào năm 2019, và bằng cách đó, chấm dứt phiên tòa. Crown Court at Southwark. *Regina v. Rolls-Royce PLC, Statement of Facts (DPA)*, January 17, 2017. <https://www.sfo.gov.uk/cases/rolls-royce-plc/>; Rupert Neate, "Barclays Executive Had Sleepless Nights over Qatar, Court Told," *BBC News*, February 1, 2019.

36. Organization for Economic Co-operation and Development, *OECD Foreign Bribery Report*.

37. US Department of Justice, "Société Générale S.A. Agrees to Pay \$860 Million in Criminal Penalties for Bribing Gaddafi-Era Libyan Officials and Manipulating LIBOR Rate," June 4, 2018, thông cáo báo chí, <https://www.justice.gov/opa/pr/soci-t-g-n-rale-sa-agrees-pay-860-million-criminal-penalties-bribing-gaddafi-era-libyan>.

38. Gibson Dunn, *2017 Year-End FCPA Update*, January 2, 2018, <https://www.gibsondunn.com/2017-year-end-fcpa-update/>.

39. US Department of Justice, "Patrick Ho, Former Head of Organization Backed by Chinese Energy Conglomerate, Convicted of International Bribery, Money Laundering Offenses," thông cáo báo chí, December 5, 2018, <https://www.justice.gov/usao-sdny/pr/patrick-ho-former-head-organization-backed-chinese-energy-conglomerate-convicted>.

40. Hugo Miller and Andy Hoffman, "Ex-Gunvor Oil Trader Found Guilty of Bribing African Officials," *Bloomberg*, August 28, 2018.

41. US Department of Justice, "Malaysian Financier Low Taek Jho, Also Known as "Jho Low," and Former Banker Ng Chong Hwa, Also Known as "Roger Ng," Indicted for Conspiring to Launder Billions of Dollars in Illegal Proceeds and to Pay Hundreds of Millions of Dollars in Bribes," November 1, 2018, thông cáo báo chí, <https://www.justice.gov/>

opa/pr/malaysian-financier-low-taek-jho-also-known-jho-low-and-former-banker-ng-chong-hwa-also-known.

42. US Department of Justice, "Oil Services CEO and Executive Sentenced to Prison for Roles in Foreign Bribery Scheme," September 28, 2018, thông cáo báo chí, <https://www.justice.gov/opa/pr/oil-services-ceo-and-executive-sentenced-prison-roles-foreign-bribery-scheme;>

43. Ibid.

44. Emilio Parodi, "Italy Court Finds Saipem Guilty in Algeria Graft Case but Acquits Eni," *Reuters*, September 19, 2018.

45. Vụ án vẫn đang tiếp tục khi cuốn sách này được xuất bản.

46. Andrew Keshner, "Brooklyn Judge Serves Gabonese National Two-Year Prison Sentence for Being 'Fixer' in Bribery Scheme," *New York Daily News*, May 31, 2017.

47. Organization for Economic Co-operation and Development, "Is Foreign Bribery an Attractive Investment in Some Countries?," in *OECD Business and Finance Outlook 2016* (Paris: OECD, 2016), 207.

48. Knut Are Skjong and Ole Andreas Overland, *The Consequences of Involvement in Foreign Bribery Cases* (Thesis) (Bergen: Norwegian School of Economics, 2018), <http://transparency.no/wp-content/uploads/%C3%98verland-og-Skjong-NHH-Master-oppgave.pdf>.

49. Jesse Eisinger, *The Chickenshit Club* (New York: Simon and Schuster, 2017), 318.

50. Holly Watt, "ExxonMobil Liberian Oil Deal Went Ahead despite Anti-corruption Concerns," *Guardian*, March 29, 2018.

51. Trace International, "Eni S.p.A.," in *Trace Compendium*, Trace International, https://www.traceinternational.org/TraceCompendium/Detail/411?class=casename_searchresult&type=1. Những vụ án này có nhiều kết quả khác nhau. Năm 2018, các nhà chức trách Italia kết án một số giám đốc điều hành của Saipem, một công ty dịch vụ mỏ dầu liên kết với Eni, về tội hối lộ các quan chức ở Angiêri. Các cuộc điều tra của Braxin, Cộng hòa Cônggô và Nigiêria dường như còn tiếp tục khi cuốn sách này được

xuất bản. Những người khác, liên quan tới Côôét and Cadăcxtan, có vẻ như được các nhà chức trách bỏ qua.

52. US Department of State, *U.S. Asset Recovery Tools & Procedures: A Practical Guide for International Cooperation*, May 2012, <https://2009-2017.state.gov/documents/organization/190690.pdf>.

53. Angelique Chrisafis, "France Impounds African Autocrats' 'Ill-Gotten Gains,'" *Guardian*, February 6, 2012; US District Court for the Southern District of California, *Amended Complaint, United States v. One White Crystal Covered Bad Tour Glove and Other Michael Jackson Memorabilia*, No. CV 2: 11-3582-GW-SS (S.D. Cal., June 1, 2012), 42–47.

54. Vụ án ở Hoa Kỳ kết thúc năm 2014 bằng thỏa thuận yêu cầu Obiang bán tài sản trị giá hơn 30 tỷ USD và trả số tiền thu được cho những tổ chức đang hoạt động nhằm thúc đẩy quá trình phát triển Ghinê Xích đạo. US Department of Justice, "Second Vice President of Equatorial Guinea Agrees to Relinquish More Than \$30 Million of Assets Purchased with Corruption Proceeds," thông cáo báo chí, October 10, 2014, <https://www.justice.gov/opa/pr/second-vice-president-equatorial-guinea-agrees-relinquish-more-30-million-assets-purchased>.

55. Transparency International, "'Bien Mal Acquis' Case: French Supreme Court Overrules Court of Appeal's Decision," November 9, 2010, thông cáo báo chí, https://www.transparency.org/news/pressrelease/20101109_biens_mal_acquis_case_french_supreme_court_overrules_court_of_appe.

56. Maud Perdriel-Vaissière, *France's Biens Mal Acquis Affair: Lessons from a Decade of Legal Struggle*, Open Society Foundations, May 2017.

57. "Congo President's Daughter Charged with Corruption in France," France 24, June 25, 2017. Vụ án vẫn đang tiếp tục khi cuốn sách này được xuất bản. Như đã trích dẫn trong phần này, luật sư của con gái Tổng thống tuyên bố rằng, vụ án sẽ bị "bác bỏ thông qua các thủ tục pháp lý".

58. Elizabeth Bryant, “French Anti-corruption Group Takes on Powerful Foes,” *Deutsch Welle*, December 6, 2017.

59. Bộ Tư pháp Hoa Kỳ không cập nhật vụ án sau thông báo đầu tiên vào năm 2015. Tuy nhiên, Vương quốc Anh đã thu hồi các khoản tiền liên quan đến vụ án này. US Department of Justice, “Department of Justice Seeks Forfeiture of \$34 Million in Bribe Payments to the Republic of Chad’s Former Ambassador to the U.S. and Canada,” June 30, 2015, thông cáo báo chí, <https://www.justice.gov/opa/pr/departments-justice-seeks-forfeiture-34-million-bribe-payments-republic-chad-s-former>; UK Serious Fraud Office, “SFO Recovers £4.4m from Corrupt Diplomats in ‘Chad Oil’ Share Deal,” thông cáo báo chí, March 22, 2018, <https://www.sfo.gov.uk/2018/03/22/sfo-recovers-4-4m-from-corrupt-diplomats-in-chad-oil-share-deal/>.

60. US District Court for the Southern District of Texas, *Complaint, United States of America v. The M/Y Galactica Star*, No. 4:17-cv-02166 (S.D. Tex. July 14, 2017), <https://www.courtlistener.com/docket/6120284/1/united-states-v-the-my-galactica-star-being-a-65-meter-motor-yacht-built/>. Vào thời điểm cuốn sách được xuất bản, Bộ Tư pháp Hoa Kỳ đã đình chỉ vụ thu giữ tài sản để theo đuổi cuộc điều tra hình sự về vụ việc này.

61. Ibid.

62. Barney Thompson and Henry Foy, “Are Unexplained Wealth Orders the Cure for Britain’s Reputation as a Haven for Dirty Money?,” *Financial Times*, April 30, 2018.

63. Michael Holden and Andrew MacAskill, “Azeri Banker’s High-Spending Wife Targeted by New British Anti-graft Powers,” *Reuters*, October 10, 2018. Vụ án vẫn đang tiếp tục khi cuốn sách này được xuất bản, bị cáo phải chứng minh rằng tài sản có được là do sử dụng những phương tiện hợp pháp.

64. “Unexplained Wealth Orders in Use: Here’s at Least 5 Cases the Police Should Consider Today!,” Transparency International UK, January 31, 2018, <https://www.transparency.org.uk/uwo-consider-today/#.W4bPg5KjIU>.

65. Ví dụ, Vương quốc Anh phải đối mặt với những khó khăn trong việc hợp tác khi theo đuổi số tiền do tham nhũng ở Ucraina. Oliver Bullough, *Moneyland: Why Thieves and Crooks Rule the World and How to Take It Back* (London: Profile Books, 2018), 190–192.

66. Maeve Shearlaw and Charlie Jones, “From Political Prisoners to Media Bans: Baku’s European Games in Numbers,” *Guardian*, June 29, 2015.

67. Rayhan Demytrie, “Azerbaijan’s Price for Hosting European Games,” *BBC News*, June 4, 2015.

68. Max Seddon, “Azerbaijan Pulls Out the Stops for the European Games—Without European Leaders,” *BuzzFeed News*, June 12, 2015.

69. Peter Jones, “Israeli Billionaire Sells Congo Oil Rights for 300 Times Purchase Price,” *Reuters*, January 22, 2014.

70. US Department of Treasury, “Treasury Sanctions Fourteen Entities Affiliated with Corrupt Businessman Dan Gertler under Global Magnitsky,” June 15, 2018, thông cáo báo chí, <https://home.treasury.gov/news/press-releases/sm0417>.

71. Julie Davis, “U.S. Places New Sanctions on Venezuela Day after Election,” *New York Times*, May 21, 2018.

72. Collmann Griffin, Richard Mojica, and Marc Alain Bohn, “Takeaways from the Anti-corruption Chapter of the USMCA,” *FCPA Blog*, January 9, 2019.

73. Matthew Page, *Improving U.S. Anticorruption Policy in Nigeria: Corruption Brief*, Council on Foreign Relations, July 2016.

74. Ken Silverstein, “The Stolen War,” *New Republic*, August 22, 2016. Xen thêm Zaid Al-Ali, “How Maliki Ruined Iraq,” *Foreign Policy*, June 19, 2014.

75. “Nigeria’s Dasuki Arrested over \$2bn Arms Fraud,” *BBC News*, December 1, 2015, <https://www.bbc.com/news/world-africa-34973872>.

76. Sarah Chayes, *Thieves of State* (New York: Norton, 2015).

77. Tom Wright and Bradley Hope, “WSJ Investigation: China Offered to Bail Out Troubled Malaysian Fund in Return for Deals,” *Wall Street Journal*, January 7, 2019.

78. Tan Xue Ying, "Najib, China Reject 1MDB Bailout Offer Claim," *The Edge Financial Daily*, January 9, 2019.

79. Do đây chỉ là những cuộc họp sơ bộ, không có luật sư nào thực sự đồng ý nhận vị bộ trưởng này hoặc cố vấn của ông ta làm khách hàng, quá trình có thể sẽ cần kiểm tra kỹ lưỡng hơn. Global Witness, *Undercover in New York: Our Hidden Camera Investigation Reveals How Suspect Money Can Enter the U.S.*, Global Witness, 2016.

80. Will Fitzgibbon, "Angolan Tycoon's Frozen Funds Highlight KPMG's Role in Offshore Secrecy," International Consortium of Investigative Journalists, April 23, 2018.

81. Deloitte, "Re: 2015 Audit of Addax Petroleum Holdings Limited," thư gửi Hội đồng quản trị và quản lý của Sinopec và Addax, November 18, 2016, https://labs.letemps.ch/interactive/2017/pdf/Rapport_Deloitte_complet.pdf. Bức thư được liên kết với Sylvain Besson, "Addax a écarté ses lanceurs d'alerte avant de sombrer," *Le Temps*, November 21, 2017.

82. Ibid.

83. Ibid.

84. Deloitte LLP, "Statement of Circumstance Relating to the Resignation of Deloitte LLP as Auditors to Addax Petroleum UK Limited," statement to Companies House, December 14, 2016, <https://beta.companieshouse.gov.uk/company/08135892/filing-history/MzE2ODc5NjYyNmFkaXF6a2N4/document?format=pdf&download=0>.

85. "Addax to Pay 31 Million Swiss Francs to Settle Swiss Bribery Charges," *Reuters*, July 5, 2017.

86. Alexandra Ulmer and Girish Gupta, "Special Report: In Venezuela's Murky Oil Industry, the Deal That Went Too Far," *Reuters*, July 26, 2016.

87. Public Eye, *Gunvor in Congo*, Public Eye, September 2017.

88. Martin Arnold and Joseph Cotterill, "HSBC Froze Account Linked to Alleged \$500m Angolan Fraud," *Financial Times*, March 27, 2018.

89. Vụ án này vẫn đang tiếp tục khi cuốn sách được xuất bản.

90. Public Eye, *Trafigura's Business in Angola*, Public Eye, February 3, 2013); Global Witness, *Catch Me If You Can: Exxon's Complicity in Liberian Oil Sector Corruption and How Its Washington Lobbyists Fight to Keep Oil Deals Secret*, Global Witness, March 2018; Global Witness, *Capture on the Nile: South Sudan's State-Owned Oil Company, Nilepet, Has Been Captured by the Country's Predatory Elite and Security Services*, Global Witness, April 2018; The Sentry, *Fueling Atrocities: Oil and War in South Sudan*, The Sentry, March 2018; Global Witness, *Azerbaijan Anonymous*, Global Witness, December 6, 2013.

91. Iggy Ostanin and Lorenzo Di Pietro, *Azerbaijan: Aliyev Family, Friends Cruise aboard SOCAR Super Yachts*, Organized Crime and Corruption Reporting Project, September 1, 2015.

92. Khadija Ismayilova, "Eurovision Hall Benefits Azerbaijan's First Family," *RadioFreeEurope/RadioLiberty*, May 9, 2012.

93. Juliette Garside and Stephanie Kirchgaessner, "Azeri Ruling Families Linked to Secret Investments via Maltese Bank," *Guardian*, April 23, 2018; Miranda Patrucic, Juliette Garside, Khadija Ismayilova, and Jean-Baptiste Chastand, *Pilatus: A Private Bank for Azerbaijan's Ruling Elite*, Organized Crime and Corruption Reporting Project, April 23, 2018.

94. Amnesty International, "Angola: Human Rights Defender and Journalist Charged," June 30, 2017.

95. Anti-Corruption Foundation, *Sochi 2014: Encyclopedia of Spending*, Anti-Corruption Foundation, 2014.

96. "Don't Call Him 'Dimon,' " YouTube video, posted by Alexei Navalny on March 2, 2017, https://www.youtube.com/watch?v=qrwlk7_GF9g.

97. David Pegg, "Angola Sovereign Wealth Fund's Manager Used Its Cash for His Own Projects," *Guardian*, November 7, 2017.

98. Vụ án này vẫn đang tiếp tục khi cuốn sách được xuất bản.

99. Will Fitzgibbon and Martha Hamilton, "Passports, Arms Dealers and Frozen Accounts: What Our Partners Found in the New Panama

Papers Data," Organized Crime and Corruption Reporting Project, June 28, 2018; "Fiscalía Suiza Congeló Cuentas de Exgerente de Petroecuador," *El Universo*, June 21, 2018, <https://www.eluniverso.com/noticias/2018/06/21/nota/6821228/fiscalia-suiza-congelo-cuentas-exgerente-petroecuador>.

100. Robert Palmer, "What Does UK Beneficial Ownership Data Show Us?," Global Witness (blog), 2016, <https://www.globalwitness.org/ru/blog/what-does-uk-beneficial-ownership-data-show-us/>.

101. "Update 1—Statoil Says Briefed Norwegian Police on Angola Payments," Reuters, February 19, 2016, <https://www.reuters.com/article/statoil-angola/update-1-statoil-says-briefed-norwegian-police-on-angola-payments-idUSL8N15Y2EB>; Tom Burgis, "US Regulator Probes Angolan Deal Involving BP and Cobalt," *Financial Times*, March 16, 2017.

102. Will Fitzgibbon, "How the Panama Papers Spooked Colombia's Elite to Own Up about Their Wealth," International Consortium of Investigative Journalists, November 21, 2018.

103. Aaron Sayne, Alexandra Gillies, and Christina Katsouris, *Inside NNPC Oil Sales*, Natural Resource Governance Institute, August 2015; Global Witness, *Catch Me If You Can*.

104. Bradley Hope, Drew Hinshaw, and Patricia Kowsmann, "How One Stubborn Banker Exposed a \$200 Billion Russian Money-Laundering Scandal," *Wall Street Journal*, October 23, 2018.

Chương 7: Chúng ta biết cách phòng chống tham nhũng

1. "Vision Zero," NYC.gov, không có ngày tháng, <https://www1.nyc.gov/site/visionzero/index.page>.

2. Các quốc gia liên quan đến những vụ này bao gồm: Italia và Saipem (Ânggôla); Vương quốc Anh và Rolls-Royce (Nigeria, Nga), một giám đốc điều hành của Petrofac (Iraq, Ảrập Xêút) và F.H. Bertling (Ảnggôla, Vương quốc Anh); Hoa Kỳ và Petrotiger (Columbia), SBM Offshore (Ảnggôla, Braxin, Ghinê Xích đạo, Iraq, Cadăcxtan), Technip FMC (Braxin, Iraq), nhiều

quan chức của PDVSA (Vênêxuêla) và nhiều quan chức của PetroEcuador (Êcuado). Xem Chương 2 để biết thêm thông tin.

3. US Department of Justice, “SBM Offshore N.V. and United States-Based Subsidiary Resolve Foreign Corrupt Practices Act Case Involving Bribes in Five Countries,” thông cáo báo chí, November 29, 2017, <https://www.justice.gov/opa/pr/sbm-offshore-nv-and-united-states-based-subsidiary-resolve-foreign-corrupt-practices-act-case>.

4. US Securities and Exchange Commission, *Halliburton Company and Jeannot Lorenz, SEC Order Instituting Cease and Desist Proceedings*, File No. 3-18080, Release No. 81222, July 27, 2017, <https://www.sec.gov/litigation/admin/2017/34-81222.pdf>.

5. Ở Braxin, Braskem thú nhận đã hối lộ các quan chức Petrobras để mua naphtha với giá ưu đãi. Một nhân viên Gunvor (Thụy Sĩ) bị tuyên án hối lộ các quan chức Cộng hòa Cônggô. Một thương nhân người Xingapo làm thuê cho công ty Kernel bị kết tội hối lộ ở Ấnô-nê-xia. US District Court for the Eastern District of New York, *USA against Braskem SA, Plea Agreement* (Cr. No. 16-644(RJD)), December 21, 2016, <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/919906/download>; Hugo Miller and Andy Hoffman, “Ex-Gunvor Oil Trader Found Guilty of Bribing African Officials,” *Bloomberg*, August 28, 2018. Hans Nicholas Jong, “Kernel Executive Sentenced to Three Years for Bribing Rudi,” *Jakarta Post*, December 20, 2013.

6. Xem Chương 4.

7. Xem Chương 3.

8. SBM Offshore nhận tội hối lộ các quan chức công ty dầu khí quốc gia của các nước Ănggôla, Braxin, Ghinê Xích đạo, Irắc và Cadăcx-tan. Tòa án Thụy Sĩ kết án một nhân viên công ty Gunvor tội hối lộ các quan chức ở Cộng hòa Cônggô. Nhiều cá nhân thú nhận trước các cáo buộc của FCPA về tội hối lộ các quan chức công ty dầu khí quốc gia của Côm-bi-a, Êcuado và Vênêxuêla. Saipem bị tòa án Italia kết tội hối lộ các quan chức của Angiê-ri. Rolls-Royce thú nhận rằng các tổ chức trung gian mà họ thuê

đã trả tiền cho các quan chức công ty dầu khí quốc gia của Nigêria và Nga. Tòa án Ôman kết án cựu CEO công ty dầu khí quốc gia Ôman. Xem thêm Chương 2 và Chương 6. US District Court for the Southern District of Texas. *United States v. SBM Offshore N.V., Deferred Prosecution Agreement*. Criminal No.17-686 (S.D. Tex. November 29, 2017). <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/1014801/download>; Emilio Parodi, "Italy Court Finds Saipem Guilty in Algeria Graft Case but Acquits Eni," *Reuters*, September 19, 2018; Ministère public de la Confédération de la Suisse., *Jugement du 28 août 2018 contre A., ressortissant belge*, Numéro du dossier: SK.2018.38. On file with author; Crown Court at Southwark. *Regina v. Rolls-Royce PLC, Statement of Facts (DPA)*, January 17, 2017. <https://www.sfo.gov.uk/cases/rolls-royce-plc/>; Gibson Dunn. *2017 Year-End FCPA Update*. January 2018, <https://www.gibsondunn.com/2018-year-end-fcpa-update/>; "Omani CEO Jailed for 23 Years in Graft Case: Court," *Reuters*, February 27, 2014.

9. Organization for Economic Co-operation and Development, OECD Foreign Bribery Report, *An Analysis of the Crime of Bribery of Foreign Public Officials*, OECD, December 2, 2014, 5.

10. Organization for Economic Co-operation and Development, *State-Owned Enterprises and Corruption: What Are the Risks and What Can Be Done?*, OECD, August 27, 2018.

11. Xem Chương 3.

12. Xem Chương 2.

13. Joshua Kucera, "Azerbaijan Threatens to Cut Off Military Cooperation with US and NATO," *Eurasianet*, September 11, 2017.

14. Jennifer Rankin, "Council of Europe Members Suspected of Corruption, Inquiry Reveals," *Guardian*, April 22, 2018. European Stability Initiative, *The European Swamp (Caviar Diplomacy Part 2)—Prosecutors, Corruption and the Council of Europe*, ESI Report, December 17, 2016.

15. "London's Financial Flows Are Polluted by Laundered Money: Time to Clean Up," *Economist*, October 11, 2018.

16. Organization for Economic Co-operation and Development, *Implementing the OECD Anti-bribery Convention Phase 4 Report: Switzerland*, OECD Working Group on Bribery, March 15, 2018.

17. Financial Action Task Force, *Anti-money laundering and Counter-terrorist Financing Measures Seychelles Mutual Evaluation Report*, Financial Action Task Force, September 2018.

18. Financial Action Task Force, *Anti-money laundering and Counter-terrorist Financing Measures United States Mutual Evaluation Report*, Financial Action Task Force, December 2016.

19. Xem Chương 2.

20. Deloitte LLP, "Statement of Circumstance Relating to the Resignation of Deloitte Llp as Auditors to Addax Petroleum UK Limited," Statement to UK Companies House, December 14, 2016, <https://beta.companieshouse.gov.uk/company/08135892/filing-history/MzE2Odc5NjYyNmFkaXF6a2N4/document?format=pdf&download=0>.

21. Alexandra Stevenson and Sharon Tan, "Malaysia Files Criminal Charges against Goldman Sachs over 1MDB Scandal," *New York Times*, December 17, 2018. Vụ điều tra ngân hàng này vẫn đang tiếp tục khi cuốn sách được xuất bản. Goldman Sachs phủ nhận hành vi sai trái.

22. Pedro Fonseca and Marcelo Rochabrun, "World's Biggest Oil Traders Paid Bribes in Brazil Scandal—Prosecutors," *Reuters*, December 5, 2018; Ed Davey, *Senior Executives at Top World Oil Companies Implicated in Brazil Bribery Scandal*, Global Witness, December 19, 2018.

23. Pedro Fonseca and Marcelo Rochabrun, "World's Biggest Oil Traders Paid Bribes in Brazil Scandal—Prosecutors," *Reuters*, December 5, 2018.

24. Sabrina Valle, "FBI Joins Brazil's Probe into Alleged Bribery by Top Oil Traders," *Bloomberg*, February 7, 2019.

25. Tại thời điểm cuốn sách được xuất bản, Braxin và Hoa Kỳ đang tiến hành điều tra về vấn đề này nhưng không chứng minh được tội lỗi. Petrobras đã tạm dừng kinh doanh với những công ty này.

26. Global Witness and Public Eye, *Friends in Low Places*, Global Witness, November 2018.

27. Valle, "FBI Joins Brazil's Probe."

28. Global Witness and Public Eye, *Friends in Low Places*.

29. Alexandra Gillies, "Will Extractive Companies Move Away from Corruption-Prone Intermediaries?" *FCPA Blog*, July 29, 2019.

LỜI CẢM ƠN

Để chấp bút cuốn sách này, tôi phải dựa vào công việc của nhiều người quả cảm - những người vạch trần và phân tích những vụ tham nhũng khác nhau. Họ đã làm việc hết mình. Để phanh phui những vụ làm ăn bẩn thỉu của các chính trị gia đầy quyền lực và các công ty lấn tiền nhiều của, họ phải đối mặt với mọi rủi ro cá nhân, nghề nghiệp và pháp lý. Họ phải mất nhiều giờ phân tích, gỡ những chi tiết rối ren chẳng chịt vào nhau và sau đó phải truyền tải được tất cả sự phức tạp đó một cách rõ ràng thì mới thu hút được sự chú ý của công luận. Cuốn sách này được xuất bản là nhờ nhiều người đã chấp nhận thách thức và đã vượt qua một cách đáng khâm phục. Tôi mang ơn họ.

Tôi đã tập trung nhiều vào những cuộc điều tra của Global Witness, tổ chức này đã vượt xa năng lực của chính mình trong cuộc chiến chống tham nhũng đầu mỏ. Những tổ chức như Trung tâm nghiên cứu tham nhũng và tội phạm có tổ chức, Hiệp hội Nhà báo quốc tế và Public Eye cũng tạo ra những tài liệu mang tính đột phá về các trường hợp riêng lẻ mà tôi đã đề cập trong cuốn sách này. Những bài tường thuật của các nhà báo từ khắp nơi trên thế giới cũng là một nguồn quan trọng khác. Một vài người trong số các nhà báo này như Oliver Bullough, Tom Burgis, Alex Cuadros, Bradley Hope và Tom Wright đã chuyển

những bài tường thuật của mình thành những cuốn sách tuyệt vời, rất có lợi cho tôi; cũng có thể nói như vậy về các học giả như Alex Cooley, Karen Dawisha, John Heathershaw, JC Sharman và Ricardo Soares de Oliveira – tôi chỉ xin kể tên một vài người trong số họ. Cuối cùng, các quan chức thực thi pháp luật cũng đã chấp bút nhiều tài liệu mà tôi đánh giá rất cao. Các đơn kiện của họ, các bản tường trình và các tài liệu pháp lý khác đã cung cấp những tường thuật rõ ràng và đôi khi khá sống động về những vụ án mà họ theo đuổi. Tôi xin cảm ơn tất cả.

Những ý tưởng cho cuốn sách này nảy sinh khi tôi làm việc tại Viện Quản trị tài nguyên thiên nhiên, nơi tôi làm công tác chuyên môn từ năm 2010. Dani Kaufman và Suneeta Kaimal, hai lãnh đạo của Viện đã tạo điều kiện cho tôi về thời gian và sự linh hoạt để tôi theo đuổi dự án này. Tại Viện Quản trị tài nguyên thiên nhiên, tôi được làm việc với những đồng nghiệp thông minh và đầy lùi cuốn trong suốt nhiều năm qua - có quá nhiều người mà tôi không thể kể hết tên ở đây. Một số người, trong đó có Lee Bailey, Max George-Wagner, Marie Lintzer, Sarah Muyonga, Matthieu Salomon, Aaron Sayne, Erica Westenberg và Joe Williams, đã làm việc với tôi trong những dự án có ảnh hưởng tới cuốn sách này. Những lời khuyên sáng suốt của Patrick Heller, Karin Lissakers và Michael Ross đã giúp tôi đi đúng hướng.

Aaron Sayne, một người cực kỳ thông minh, hào phóng và nhạy bén, đứng đầu trong số những người cần mẫn đọc bản sơ thảo. Xin cảm ơn vì tất cả những đóng góp và đồng hành của bạn trên chặng đường này. Các độc giả khác đã cho tôi những ý kiến đóng góp chu đáo và chuyên nghiệp, từ việc sửa lại số lượng xe bọc thép đã mua bằng số tiền đánh cắp được cho đến việc phát

hiện một phép ẩn dụ về cử hành thối. Họ là là Will Connors, Galib Efendiev, Marc Guéniat, Patrick Heller, Barnaby Pace, Usha Pitts, Amir Shafaie và Andrew Walker. Nhiều người khác đã hào phóng cung cấp thông tin và trả lời những câu hỏi của tôi trong quá trình chấp bút cuốn sách này. Những điểm thiếu sót còn lại là do tôi.

Ở Nhà xuất bản Đại học Oxford, biên tập viên cuốn sách của tôi, Angela Chnapko, đã cho tôi những hướng dẫn có giá trị và vững vàng khi tôi lèo lái trong vùng đất mới, còn Alexcee Bechthold và Gwen Colvin đã giúp cuốn sách này đơm hoa kết trái. Phản hồi sắc bén và có tính chiến lược từ 3 người đánh giá ẩn danh cũng như những đóng góp đầy giá trị của Jeff Miller và Kate Wilson đã giúp nâng cao chất lượng của tác phẩm. Xin cảm ơn Anna Barnes vì đã giúp tìm tài liệu tham khảo và cảm ơn Beth Sutherland vì đã tìm được nhan đề có sức thuyết phục.

Ý tưởng cho cuốn sách này hình thành trong một kỳ nghỉ phép kéo dài một tháng, khi tôi thường ngồi ở trước hiên nhà của bố mẹ tại một nơi rất đáng yêu của thị trấn Starks, bang Maine. Mùa hè năm đó, bố mẹ tôi rất vui mừng và ủng hộ tôi hết lòng như họ vẫn thường làm. Nhưng hóa ra, khi thời gian trôi qua, cuốn sách chỉ đứng thứ tư về tầm quan trọng đối với tôi lúc đó mà thôi. Trong khi tôi có thể kể hàng trăm trang về tham nhũng, thì tôi lại không có đủ từ ngữ để nói rằng tôi biết ơn đến mức nào khi có Jeremiah, Emerson và Jane là người thân trong gia đình. Gia đình đã giúp tôi có những giây phút thư giãn tuyệt vời nhất. Nhưng Jeremiah cũng bảo đảm cho tôi có đủ thời gian để hoàn thành dự án, và lắng nghe tất cả những thăng trầm trên con đường hoàn thành cuốn sách này. Tôi xin dành tặng cuốn sách này cho gia đình mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aalbers, Geert, and Nick Panes. "Mexico, the Next Brazil?" *Foreign Affairs*, October 7, 2015.
2. Abdulmalik, Abdulrahman. "Exclusive: 2015 Polls: How Jonathan Govt. Used Bullion Vans to Cart Away N67.2bn Cash from CBN." *Premium Times*, September 19, 2015.
3. Acemoglu, Daron, James Robinson, and Thierry Verdier. *Kleptocracy and Divide-and-Rule: A Model of Personal Rule*. NBER working paper no. 10136, National Bureau of Economic Research, December 2013.
4. Adebayo, Hassan. "How NNPC Dubiously Paid N36.4 Billion Water Projects Money to Ex-NSA Dasuki's Office—Audit Report." *Premium Times*, March 15, 2016.
5. Adugbo, Daniel. "Nigeria: 20 Months after Inauguration—NNPC Board Fails to Meet." *Daily Trust*, April 14, 2014.
6. Akinkuotu, Eniola. "N23bn Diezani Bribe: EFCC Declares Billionaire Businessman Wanted." *Punch Newspapers*, August 16, 2016.
7. Al-Ali, Zaid. "How Maliki Ruined Iraq." *Foreign Policy*, June 19, 2014.
8. Altstadt, Audrey. *Frustrated Democracy in Post-Soviet Azerbaijan*. New York: Columbia University Press, 2017.
9. Alstadsæter, Annette, Niels Johannesen, and Gabriel Zucman. *Who Owns the Wealth in Tax Havens? Macro Evidence and Implications for Global Inequality*. National Bureau of Economic Research, September 2017.

10. Andreski, Stanislav. *The African Predicament: A Study in the Pathology of Modernisation*. London: Joseph, 1968.
11. Andreski, Stanislav. *Parasitism and Subversion: The Case of Latin America*. New York: Pantheon, 1966.
12. Anti-Corruption Foundation. *Sochi 2014: Encyclopedia of Spending*. 2014.
13. Åslund, Anders. *Why Gazprom Resembles a Crime Syndicate*. Peterson Institute for International Economics, February 28, 2012.
14. *Azerbaijan Anonymous Explained* (a Socar Group website). <http://www.azerbajjananon-ymousexplained.com/eng/azerbaijan-anonymous-explained/socar-trading-sa/>.
15. "Azerbaijan: Who Owns What Vol. 2—The Minister of Emergency Situations, Beluga Caviar, and Fruit Juice." WikiLeaks Public Library of U.S. Diplomacy. February 25, 2010. https://wikileaks.org/plusd/cables/10BAKU127_a.html.
16. Babali, Hafiz, and Khadija Ismayilova. "Nowhere to Be Found: Firms with Official Ties Absent from Key Azerbaijani Registry." *Radio Free Europe*, March 24, 2017.
17. Baker, Richard, Michael Bachelard, Daniel Quinlan, and Nick McKenzie. "The Bribe Factory: Unaoil in Africa." *The Age*, March 30, 2016.
18. Balay, Sophie. "How to Hide a Russian Fortune on the French Riviera." Organized Crime and Corruption Reporting Initiative, February 21, 2018.
19. Ball, James, and Claudio Gatti. "Shell Shocks: How One of the World's Biggest Oil Firms Secured a \$1.3 Billion Deal Mired in Corruption Allegations," *BuzzFeed News*, April 9, 2017.
20. Berne Declaration. *Trafigura's Business in Angola*. Berne Declaration, February 3, 2013. Besson, Sylvain. "Addax a écarté ses lanceurs d'alerte avant de sombrer." *Le Temps*, November 21, 2017.
21. Besson, Sylvain. "Un ex-trader de Gunvor va être condamné pour corruption au Congo et en Côte d'Ivoire." *Le Temps*, August 15, 2018.

22. BP. *Statistical Review of World Energy*. June 2018.
23. Brown, Ken, and Tom Wright. "Malaysia's 1MDB Decoded: How Millions Went Missing." *Wall Street Journal*, April 7, 2016.
24. Bullough, Oliver. *Moneyland: Why Thieves and Crooks Rule the World and How to Take It Back*. London: Profile Books, 2018.
25. Bullough, Oliver. "The Dark Side of Globalization." *Journal of Democracy* 29, no. 1 (2018): 25–38.
26. Bullough, Oliver. "The Origins of Modern Kleptocracy." *Power 3.0* (blog), January 9, 2018.
27. Bullough, Oliver. *Stage Hands: How Western Enablers Facilitate Kleptocracy*. Hudson Institute, May 2016.
28. Burgis, Tom. *The Looting Machine: Warlords, Oligarchs, Corporations, Smugglers, and the Theft of Africa's Wealth*. New York: Public Affairs, 2016.
29. Burgis, Tom. "U.S. Regulator Probes Angolan Deal Involving BP and Cobalt." *Financial Times*, March 16, 2017.
30. Burrell, Ian, and Martin Hickman. "Special Investigation: TV Company Takes Millions from Malaysian Government to Make Documentaries for BBC... about Malaysia." *Independent*, August 17, 2011.
31. Calvery, Jennifer, and Kevin Bell. "Lifestyles of the Rich and Infamous: Confronting Dirty Money in US Real Estate." *Harvard International Review*, January 9, 2017.
32. Campbell, Matthew, and Kit Chellell. "How Goldman Sachs Lost \$1.2 Billion of Libya's Money." *Bloomberg Businessweek*, September 29, 2016.
33. Carothers, Thomas, and Christopher Carothers. "The One Thing Modern Voters Hate Most." *Foreign Policy*, July 24, 2018.
34. Carter, Brett. "The Rise of Kleptocracy: Autocrats versus Activists in Africa." *Journal of Democracy* 29, 1 (January 2018): 54–68.
35. Center for Responsive Politics. OpenSecrets.org.
36. Chayes, Sarah. *Thieves of State: Why Corruption Threatens Global Security*. New York: Norton, 2016.

37. Chazan, Guy. "Kazakh Spat Casts Light on China Deals." *Wall Street Journal*, March 26, 2010.
38. Clark, Simon, Mia Lamar, and Bradley Hope. "The Trouble with Sovereign-Wealth Funds." *Wall Street Journal*, December 23, 2015.
39. Connors, Will, and Luciana Magalhaes. "How Brazil's 'Nine Horsemen' Cracked a Bribery Scandal." *Wall Street Journal*, April 6, 2015.
40. Cooley, Alexander, and John Heathershaw. *Dictators without Borders: Power and Money in Central Asia*. New Haven: Yale University Press, 2017.
41. Cooley, Alexander, John Heathershaw, and J. C. Sharman. "Laundering Cash, Whitewashing Reputations." *Journal of Democracy* 29, no. 1 (January 2018): 39–53.
42. Council of Europe, *Report of the Independent Investigation Body on the Allegations of Corruption within the Parliamentary Assembly*, Council of Europe, April 15, 2018.
43. Crown Court at Southwark. *Restraint Order Prohibiting Disposal of Assets To: (1) Diezanni [sic] Kogbeni Alison Madueke, (2) Benedict Peters, et al.* September 3, 2016. On file with author.
44. Crown Court at Southwark. *Regina v. Rolls-Royce PLC, Statement of Facts (DPA)*, January 17, 2017. <https://www.sfo.gov.uk/cases/rolls-royce-plc/>.
45. Court of Queen's Bench of Alberta. *Her Majesty the Queen and Griffiths Energy International, Inc. Agreed Statement of Facts*, January 2013. https://www.millerchevalier.com/sites/default/files/resources/Spring2013_GriffithsAmendedStatmentofFacts.pdf.
46. Cuadros, Alex. *Brazillionaires: Wealth, Power, Decadence, and Hope in an American Country*. London: Profile Books, 2016.
47. Cuadros, Alex. "The Most Important Criminal Conviction in Brazil's History." *New Yorker*, July 13, 2017.
48. Davidson, Adam. "Donald Trump's Worst Deal." *New Yorker*, March 13, 2017. Dawisha, Karen. *Putin's Kleptocracy: Who Owns Russia?* New York: Simon and Schuster, 2014.

49. De la Baume, Maia. "For Obiang's Son, High Life in Paris Is Over." *New York Times*, August 23, 2012.

50. Deloitte. *Deconstructing the Chevron Transfer Pricing Case*, November 3, 2015. <https://www2.deloitte.com/au/en/pages/tax/articles/deconstructing-chevron-case.html>.

51. Deloitte. "Re: 2015 Audit of Addax Petroleum Holdings Limited." Letter to the boards and management of Sinopec and Addax. November 18, 2016. https://labs.letemps.ch/interactive/2017/pdf/Rapport_Deloitte_complet.pdf.

52. Deloitte. "Statement of Circumstance Relating to the Resignation of Deloitte LLP as Auditors to Addax Petroleum UK Limited." Statement to Companies House, December 14, 2016. <https://beta.companieshouse.gov.uk/company/08135892/filing-history/MzE2ODc5NjYyNmFkaXF6a2N4/document?format=pdf&download=0>.

53. *Economist*, "From Petrograd to Petrodollars—Gunvor's Roots," May 5, 2012.

54. *Economist*, "Safe Sex in Nigeria," June 15, 2013.

55. *Economist*, "The Perils of Lobbying in Africa." July 29, 2017.

56. *Economist*, "London's Financial Flows Are Polluted by Laundered Money: Time to Clean Up," October 11, 2018.

57. Eisinger, Jesse. *The Chickenshit Club*. New York: Simon and Schuster, 2017.

58. Engels, Philippe, and Khadija Sharife. "The Unlikely Partnership That Unlocked Congo's Crude." Organized Crime and Corruption Reporting Project, September 7, 2018.

59. European Stability Initiative. *The European Swamp (Caviar Diplomacy Part 2): Prosecutors, Corruption and the Council of Europe*. ESI Report, December 17, 2016.

60. Fan, Simon. "Kleptocracy and Corruption." *Journal of Comparative Economics* 34, no. 1 (March 2006): 57–74.

61. Fatullayeva, Nushabe, and Khadija Ismayilova. "Azerbaijani Government Awarded Gold- Field Rights to President's Family." *Radio Free Europe*, May 3, 2012.

62. Fatullayeva, Nushabe. "Mixing Government and Business in Azerbaijan." *Radio Free Europe*, April 4, 2013.

63. Fausto, Sergio. *The Lengthy Brazilian Crisis Is Not Yet Over*. Baker Institute for Public Policy, February 17, 2017.

64. Federal High Court of Nigeria. *Charges against Aliyu Abubakar et al. Charge No. CR/39/201*, December 16, 2016. <https://shellandenitrial.org/wp-content/uploads/2018/08/2-Adoke-etc-Nigeria-charges-scanned-2.pdf>.

65. Federal High Court of Nigeria. *Charges against Shell Nigeria Exploration Production Company Ltd., et al. Charge No. CR/124/17*, February 28, 2017. <https://shellandenitrial.org/wp-content/uploads/2018/08/3-Adoke-etc-Nigeria-charges-scanned-3.pdf>.

66. Federal High Court of Nigeria. *Federal Republic of Nigeria & 2 Ors v. Atlantic Energy Drilling Concepts Nig. Ltd & 3 Ors—Motion for mareva orders*, 2016. [http://saharareporters.com/sites/default/files/FRN%20V%20ATLANTIC%20ENERGY%20-%20APPLICATION%20FOR%20MAREVA%20ORDER%20\(EDITED\).pdf](http://saharareporters.com/sites/default/files/FRN%20V%20ATLANTIC%20ENERGY%20-%20APPLICATION%20FOR%20MAREVA%20ORDER%20(EDITED).pdf).

67. Fielding-Smith, Abigail, and Crofton Black. *Foreign Office Diplomat on "Leave" at Saudi Crown Prince's PR Firm*. Bureau of Investigative Journalism, March 6, 2018. Financial Action Task Force. *Anti-Money Laundering and Counter-Terrorist Financing Measures United States Mutual Evaluation Report*. Financial Action Task Force, December 2016.

68. Financial Action Task Force. *Anti-Money Laundering and Counter-Terrorist Financing Measures Seychelles Mutual Evaluation Report*. Financial Action Task Force, September 2018.

69. "Fiscalía Suiza Congeló Cuentas de Exgerente de Petroecuador." *El Universo*, June 21, 2018. <https://www.eluniverso.com/noticias/2018/06/21/nota/6821228/fiscalia-suiza-congelo-cuentas-exgerente-petroecuador>.

70. Fitzgibbon, Will. "Angolan Tycoon's Frozen Funds Highlight KPMG's Role in Offshore Secrecy." International Consortium of Investigative Journalists, April 23, 2018.

71. Fitzgibbon, Will. "How the Panama Papers Spooked Colombia's Elite to Own Up about Their Wealth." International Consortium of Investigative Journalists, November 21, 2018.

72. Fitzgibbon, Will. "Secret Offshore Deals Deprive Africa of Billions in Natural Resource Dollars." International Consortium of Investigative Journalists, July 25, 2016.

73. Fitzgibbon, Will, and Martha Hamilton. "Passports, Arms Dealers and Frozen Accounts: What Our Partners Found in the New Panama Papers Data." International Consortium of Investigative Journalists, June 28, 2018.

74. Garside, Juliette. "The Azerbaijani President's Children and the Dubai Property Empire." *Guardian*, April 23, 2018.

75. Garside, Juliette, Luke Harding, David Pegg, and Holly Watt. "London Law Firm Helped Azerbaijan's First Family Set Up Secret Offshore Firm." *Guardian*, April 5, 2016.

76. Garside, Juliette, and Stephanie Kirchgaessner. "Azeri Ruling Families Linked to Secret Investments via Maltese Bank." *Guardian*, April 23, 2018.

77. George, Libby, and Shadia Nasralla, "Don't Neglect to Pay the Middlemen: How Shell and Eni Ended Up on Trial." *Reuters*, May 20, 2018.

78. Gessen, Masha. "The Wrath of Putin." *Vanity Fair*, April 2012.

79. Geybullayeva, Arzu. "Azerbaijan: Small Bookstore Owner Describes Hostile Takeover by Powerful Minister." *Eurasianet*, February 14, 2018.

80. Gibbs, Margot, and Musikilu Mojeed. "Exclusive: Another Nigerian Oil Mogul Named in Ex-minister Alison-Madueke's Alleged Corruption, UK Property Frozen." *Premium Times*, August 16, 2017.

81. Gibson Dunn. *2017 Year-End FCPA Update*. January 2, 2018. <https://www.gibsondunn.com/2017-year-end-fcpa-update/>.
82. Gibson Dunn. *2018 Year-End FCPA Update*, January 7, 2019. <https://www.gibsondunn.com/2018-year-end-fcpa-update/>.
83. Gillies, Alexandra, Marc Guénat, and Lorenz Kummer. *Big Spenders: Swiss Trading Companies, African Oil and the Risks of Opacity*. Natural Resource Governance Institute, July 2014.
84. Global Witness. *Azerbaijan Anonymous*. Global Witness, December 2013.
85. Global Witness. *Capture on the Nile: South Sudan's State-Owned Oil Company, Nilepet, Has Been Captured by the Country's Predatory Elite and Security Services*. Global Witness, April 2018.
86. Global Witness. *Catch Me If You Can: Exxon's Complicity in Liberian Oil Sector Corruption and How Its Washington Lobbyists Fight to Keep Oil Deals Secret*. Global Witness, March 2018.
87. Global Witness. *Congo's Secret Sales*. Global Witness, May 2014.
88. Global Witness. *The Real Wolves of Wall Street*. Global Witness, March 2018.
89. Global Witness. *The Riddle of the Sphinx: Where Has Congo's Oil Money Gone?* Global Witness, December 2005.
90. Global Witness. *Senior Executives at Top World Oil Companies Implicated in Brazil Bribery Scandal*. Global Witness, December 2018.
91. Global Witness. *Shell Knew*. Global Witness, April 10, 2017.
92. Global Witness. *Take the Future: Shell's Scandalous Deal for Nigeria's Oil*. Global Witness, November 2018.
93. Global Witness. *Undercover in New York: Our Hidden Camera Investigation Reveals How Suspect Money Can Enter the U.S.* Global Witness, 2016.
94. Global Witness and Public Eye. *Friends in Low Places*.

95. Global Witness, November 2018. Gloster-Coates, Patricia, and Linda Quest. "Kleptocracy: Curse of Development." *International Social Science Review* 80, no. 1/2 (2005).

96. Grey, Stephen, Tom Bergin, Sevgil Musaieva, and Roman Anin. "Special Report: Putin's Allies Channelled Billions to Ukraine Oligarch." *Reuters*, November 26, 2014.

97. Grow, Brian, Joshua Schneyer, and Jane Roberts. "Special Report: Chesapeake and Rival Plotted to Suppress Land Prices." *Reuters*, June 25, 2012.

98. Grzymala-Busse, Anna. "Beyond Clientelism: Incumbent State Capture and State Formation." *Comparative Political Studies* 45, nos. 4–5 (2008): 638–673.

99. Guéniat, Marc, and Agathe Duparc. *Gunvor in Congo*. Public Eye, September 2017.

100. Harding, Luke, Caelainn Barr, and Dina Nagapetyants. "UK at Centre of Secret \$3bn Azerbaijani Money Laundering and Lobbying Scheme." *Guardian*, September 4, 2017.

101. Heller, Patrick, and David Mihalyi. *Massive and Misunderstood: Data-Driven Insights into National Oil Companies*. Natural Resource Governance Institute, April 2019.

102. Henderson, James. *Rosneft—On the Road to Global NOC Status?* Oxford Institute for Energy Studies, January 2012.

103. Henderson, James, and Ekaterina Grushevenko. *Russian Oil Production Outlook to 2020*. Oxford Institute for Energy Studies, February 2017.

104. Hertog, Steffen. "Challenges to the Saudi Distributional State in the Age of Austerity." Paper presented at *Saudi Arabia: Domestic, Regional and International Challenges*. Middle East Institute, National University of Singapore, December 2016.

105. Hertog, Steffen. *A Quest for Significance: Gulf Oil Monarchies' International "Soft Power" Strategies and Their Local Urban Dimensions*. LSE Kuwait Programme Paper Series 42. LSE Kuwait Programme, 2017.

106. Holsti, K. J. "War, Peace, and the State of the State." *International Political Science Review* 16, no. 4 (October 1995): 319–339.
107. Hope, Bradley, Drew Hinshaw, and Patricia Kowsmann. "How One Stubborn Banker Exposed a \$200 Billion Russian Money-Laundering Scandal." *Wall Street Journal*, October 23, 2018.
108. Hope, Bradley, and Anatoly Kurmanaev. "PetroSaudi Used Funds from 1MDB Venture to Finance Venezuela Project." *Wall Street Journal*, March 15, 2017.
109. Hope, Bradley, and Nicolas Parasie. "Abu Dhabi Sovereign Wealth Fund Gets Entangled in Global 1MDB Scandal." *Wall Street Journal*, December 1, 2016.
110. Hope, Bradley, and Tom Wright. "U.A.E.'s Ambassador to U.S. Linked to 1MDB Scandal." *Wall Street Journal*, June 30, 2017.
111. Human Rights Watch. "Special Measures": Detention and Torture in the Chinese Communist Party's Shuanggui System. Human Rights Watch, 2016.
112. International Monetary Fund, *Corruption: Costs and Mitigating Strategies*, IMF Staff Discussion Note, IMF, 2016.
113. Ioffe, Julia. "Remote Control: Can an Exiled Oligarch Persuade Russia That Putin Must Go?" *New Yorker*, January 12, 2015.
114. Ismayilova, Khadija. "Aliyevs Own Some of the Best Hotels in Baku." Organized Crime and Corruption Reporting Project, June 28, 2015.
115. Ismayilova, Khadija. "Eurovision Hall Benefits Azerbaijan's First Family." *Radio Free Europe*, May 9, 2012.
116. Jipa, Roxana, Victor Ilie, and Daniel Bojin. "Building on a Shaky Foundation." Organized Crime and Corruption Reporting Network, December 4, 2015.
117. Jones, Peter. "Israeli Billionaire Sells Congo Oil Rights for 300 Times Purchase Price." *Reuters*, January 22, 2014.

118. Judah, Ben, and Nate Sibley. *The Enablers: How Western Professionals Import Corruption and Strengthen Authoritarianism*. Hudson Institute, September 2018.

119. Karl, Terry. *The Paradox of Plenty: Oil Booms and Petro-States*. Berkeley: University of California Press, 1997.

120. Katsouris, Christina, and Aaron Sayne. *Nigeria's Criminal Crude: International Options to Combat the Export of Stolen Oil*. Royal Institute for International Affairs, September 2013.

121. Kent, Sarah, and Eric Sylvers. "Inside the Bribery Scandal Sweeping through the Oil Industry." *Wall Street Journal*, February 13, 2018.

122. Kulish, Nicholas, and David D. Kirkpatrick. "In Saudi Arabia, Where Family and State Are One, Arrests May Be Selective." *New York Times*, November 7, 2017.

123. Lague, David, Charlie Xhu, and Benjamin Kang Lim. "Special Report: Inside Xi Jinping's Purge of China's Oil Mandarins." *Reuters*, July 25, 2014.

124. Le Billon, Phillipe. *Wars of Plunder: Conflicts, Profits and the Politics of Resources*. London: Hurst, 2012.

125. Levine, Matt. "Goldman's Libya Salesman Was a Little Too Good." *Bloomberg*, September 29, 2016.

126. Levine, Steve. "The Last Free Oligarch." *Foreign Policy*, July 25, 2012.

127. Levine, Steve. *The Oil and the Glory: The Pursuit of Empire and Fortune on the Caspian Sea*. New York: Random House, 2007.

128. Lipton, Eric. "Energy Firms in Secretive Alliance with Attorneys General." *New York Times*, January 19, 2018.

129. Lipton, Eric, Brooke Williams, and Nicholas Confessore. "Foreign Powers Buy Influence at Think Tanks." *New York Times*, January 19, 2018.

130. Lloyd, John. "Dons, Donors and the Murky Business of Funding Universities." *Financial Times*, October 27, 2017.
131. Mailey, J. R. *The Anatomy of the Resource Curse: Predatory Investment in Africa's Extractive Industries*. Africa Center for Strategic Studies, May 2015.
132. Marques de Morais, Rafael. *The Angolan Presidency: The Epicentre of Corruption*. *Maka Angola*, August 5, 2010.
133. Marques de Morais, Rafael. "General Dino and the Attorney General's Lies." *Maka Angola*, January 20, 2014.
134. Marques de Morais, Rafael. "Trafigura and the Angolan Presidential Mafia." *Maka Angola*, January 5, 2013.
135. Mayer, Jane. *Dark Money: The Hidden History of the Billionaires behind the Rise of the Radical Right*. New York: Doubleday, 2016.
136. McKenzie, Nick, Richard Baker, Michael Barchelard, and Daniel Quinlan. "Unaoil: How the West Bought Iraq." *The Age*, March 30, 2016.
137. Michigan Department of the Attorney General. "Schuette, Creagh Announce \$25 Million Civil Settlement, Two Criminal No Contest Pleas by Chesapeake Energy Corp. to Resolve Racketeering, Bid-Rigging Allegations." thông cáo báo chí, April 24, 2015, https://www.michigan.gov/ag/0,4534,7-359-82916_81983_47203-353198--,00.html.
138. Milan Court, Preliminary Investigations Magistrate Section, Indictment, December 20, 2017, https://shellandenitrial.org/wp-content/uploads/2018/06/decision-to-open-trial-20.12.2017_English.pdf.
139. Ministère public de la Confédération de la Suisse. *Act d'Accusation en procédure simplifiée Art. 360 CPP En la cause Prévenu: Pascal Collard* [Indictment of Pascal Collard], July 6, 2018. On file with author.
140. Ministère public de la Confédération de la Suisse. *Jugement du 28 août 2018 contre A., ressortissant belge*, Numéro du dossier: SK.2018.38, August 28, 2018. On file with author.

141. Monaldi, Francisco. *The Collapse of the Venezuelan Oil Industry*. Atlantic Council, March 2018.

142. Mukhtarli, Afgan. *Personal Debt Crisis Bites in Azerbaijan*. Institute for War and Peace Reporting, March 27, 2015.

143. Natural Resources Governance Institute. "Dataset: Unlocking EITI Data for Meaningful Reform." <https://resourcegovernance.org/analysis-tools/tools/dataset-unlocking-eiti-data-meaningful-reform>.

144. Nigeria Economic and Financial Crimes Commission. "Court Orders Final Forfeiture of Diezani's 56 Houses." Nigeria EFCC, October 11, 2017. <http://efccnigeria.org/efcc/news/2810-court-orders-final-forfeiture-of-diezani-s-56-houses-2>.

145. Nigeria Economic and Financial Crimes Commission. "Diezani Alison-Madueke: What an Appetite!" Nigeria EFCC, August 8, 2017. <https://efccnigeria.org/efcc/news/2706-diezani-alison-madueke-what-an-appetite>.

146. Norway Public Prosecutors' Office. *Okokrim Indictment Sheet*. Case No. 51/05, June 20, 2011. <http://www.internationaltaxreview.com/pdfs/indictment-sheet.pdf>.

147. Novokmet, Filip, Thomas Piketty, and Gabriel Zucman. *From Soviets to Oligarchs: Inequality and Property in Russia, 1905–2016*. National Bureau of Economic Research, August 2017.

148. Organization for Economic Co-operation and Development. *Implementing the OECD Anti-bribery Convention Phase 4 Report: Switzerland*. OECD Working Group on Bribery, March 15, 2018.

149. Organization for Economic Co-operation and Development. "Is Foreign Bribery an Attractive Investment in Some Countries?" In *OECD Business and Finance Outlook 2016*. OECD, 2016.

150. Organization for Economic Co-operation and Development. *OECD Foreign Bribery Report: An Analysis of the Crime of Bribery of Foreign Public Officials*. OECD, 2014.

151. Organization for Economic Co-operation and Development. *State-Owned Enterprises and Corruption: What Are the Risks and What Can Be Done?* OECD, August 27, 2018.

152. Olesen, Alexa, and Michael Hudson. "China's Scandal-Torn Oil Industry Embraces Tax Havens." International Consortium of Investigative Journalists, January 22, 2014.

153. Organized Crime and Corruption Reporting Project. "Denmark's Biggest Bank Hosted Azerbaijani Slush Fund." OCCRP, September 5, 2017.

154. Organized Crime and Corruption Reporting Project. "German MP Disciplined for Role in Azerbaijani Laundromat." OCCRP, January 30, 2019.

155. Ostanin, Iggy, and Lorenzo Di Pietro. "Azerbaijan: Aliyev Family, Friends Cruise Aboard SOCAR Super Yachts." Organized Crime and Corruption Reporting Project, September 1, 2015.

156. Owen, Olly, and Zainab Usman. "Briefing: Why Goodluck Jonathan Lost the Nigerian Presidential Election of 2015." *African Affairs* 114, no. 456 (July 1, 2015): 455–471.

157. Oxfam Australia. *The Hidden Billions: How Tax Havens Impact Lives at Home and Abroad*. Oxfam Research Reports, June 2016.

158. Page, Jeremy, Brian Spegele, and Wayne Ma. "Powerful Oil Clique at Center of Chinese Probes." *Wall Street Journal*, September 5, 2013.

159. Page, Matthew. *Improving U.S. Anticorruption Policy in Nigeria*. Council on Foreign Relations, July 11, 2016.

160. Palmer, Robert. "What Does UK Beneficial Ownership Data Show Us?" Global Witness, 2016.

161. Patey, Luke. *The New Kings of Crude: China, India, and the Global Struggle for Oil in Sudan and South Sudan*. London: Hurst, 2014.

162. Patrick, Margot, Gabriele Steinhauser, and Patricia Kowsmann. "The \$500 Million Central Bank Heist—and How It Was Foiled." *Wall Street Journal*, October 3, 2018.

163. Patrucic, Miranda, Juliette Garside, Khadija Ismayilova, and Jean-Baptiste Chastand. "Pilatus: A Private Bank for Azerbaijan's Ruling Elite." Organized Crime and Corruption Reporting Project, April 23, 2018.

164. Patrucic, Miranda, Eleanor Rose, Irene Velska, and Khadija Ismayilova. "Azerbaijan First Family's London Private Enclave." Organized Crime and Corruption Reporting Project, May 10, 2016.

165. Peel, Michael, David Sheppard, and Anjli Raval. "Saudi Royal Oil Group at Heart of 1MDB Case." *Financial Times*, July 27, 2016.

166. Pegg, David. "Angola Sovereign Wealth Fund's Manager Used Its Cash for His Own Projects." *Guardian*, November 7, 2017.

167. Penzenstadler, Nick. "Trump's Real Estate: Secretive Sales Continue Unabated." *USA Today*, January 10, 2018.

168. Perdriel-Vaissière, Maud. *France's Biens Mal Acquis Affair: Lessons from a Decade of Legal Struggle*. Open Society Foundations, May 2017.

169. Quinn, Erin. *U.S. Lobbying, PR Firms Give Human Rights Abusers a Friendly Face*. Center for Public Integrity, December 17, 2015.

170. Ramesh, Randeep. "1MDB: The Inside Story of the World's Biggest Financial Scandal." *Guardian*, July 28, 2016.

171. Ross, Michael. *The Oil Curse: How Petroleum Wealth Shapes the Development of Nations*. Princeton: Princeton University Press, 2013.

172. Royal Courts of Justice. Judgement Approved in the Case of *The Libyan Investment Authority v Goldman Sachs International* [2016] EWHC 2530 (Ch). October 14, 2016. <http://www.bailii.org/ew/cases/EWHC/Ch/2016/2530.html>.

173. Saadoun, Sarah. "Manna from Heaven"? How Health and Education Pay the Price for Self-Dealing in Equatorial Guinea. Human Rights Watch, June 15, 2017.

174. Sachs, Jeffrey, and Michael Warner. *Resource Abundance and Economic Growth*. National Bureau of Economic Research Working Paper Series. NBER, 1995.

175. Sahre, Paul. "Scott Pruitt's Dirty Politics." *New Yorker*, April 2, 2018.

176. *Sarawak Report* coverage of the 1MDB Scandal, including: "Heist of the Century—How Jho Low Used Petrosaudi as 'A Front' to Siphon Billions Out of 1MDB!" *Sarawak Report*, February 28, 2015.

177. Sayne, Aaron, Alexandra Gillies, and Christina Katsouris. *Inside NNPC Oil Sales: A Case for Reform in Nigeria*. Natural Resource Governance Institute, August 2015.

178. Sayne, Aaron, Alexandra Gillies, and Andrew Watkins, *Twelve Red Flags: Corruption Risks in the Award of Extractive Sector Licenses and Contracts*. Natural Resource Governance Institute, 2017.

179. Schwellenbach, Nick. *Meet the Oil-Friendly Federal Panel That Could Give Drillers a Sweetheart Deal*. Project on Government Oversight, February 27, 2018.

180. "Sechin as Energy Czar: More Powerful, More Vulnerable." WikiLeaks Public Library of U.S. Diplomacy. September 17, 2008. https://wikileaks.org/plusd/cables/08MOSCOW2802_a.html.

181. Segal, David. "Deals in Code, Arrests in Raids: The Risky Stakes of Oil Middlemen." *New York Times*, September 23, 2017.

182. Sharman, J. C. *The Despot's Guide to Wealth Management: On the International Campaign against Grand Corruption*. Ithaca: Cornell University Press, 2017.

183. Shaxson, Nicholas. *Poisoned Wells: The Dirty Politics of African Oil*. London: St. Martin's Griffin, 2008.

184. Shaxson, Nicholas. "A Tale of Two Londons." *Vanity Fair*, April 2013.

185. Shaxson, Nicholas. *Treasure Islands: Uncovering the Damage of Offshore Banking and Tax Havens*. London: Palgrave Macmillan, 2011.

186. Skjong, Knut Are, and Ole Andreas Overland. *The Consequences of Involvement in Foreign Bribery Cases* (Thesis) (Bergen: Norwegian School

of Economics, 2018), <http://transparency.no/wp-content/uploads/%C3%98verland-og-Skjong-NHH-Masteroppgave.pdf>.

187. Soares de Oliveira, Ricardo. *Magnificent and Beggar Land: Angola since the Civil War*. Oxford: Oxford University Press, 2015.

188. Soares de Oliveira, Ricardo. *Oil and Politics in the Gulf of Guinea*. New York: Columbia University Press, 2007.

189. Søreide, Tina. *Drivers of Corruption: A Brief Review*. World Bank, October 2014.

190. Story, Louise, and Stephanie Saul. "Stream of Foreign Wealth Flows to Elite New York Real Estate." *New York Times*, February 7, 2015.

191. Tabuchi, Hiroko. "The Oil Industry's Covert Campaign to Rewrite American Car Emissions Rules." *New York Times*, December 13, 2018.

192. Tax Justice Network. *Financial Secrecy Index 2018: Report on Seychelles*. Tax Justice Network, 2018.

193. Tax Justice Network. *Financial Secrecy Index—2018 Results*. Tax Justice Network, 2018.

194. Texans for Public Justice, Public Citizen's Texas Office, and Sierra Club. *Running on Hydrocarbons: Oil and Gas Funding to Every Texas Lawmaker*. Texans for Public Justice, Public Citizen's Texas Office, and Sierra Club, May 2017.

195. The Sentry. *Fueling Atrocities: Oil and War in South Sudan*. The Sentry, March 2018.

196. Thompson, Barney, and Henry Foy. "Are Unexplained Wealth Orders the Cure for Britain's Reputation as a Haven for Dirty Money?" *Financial Times*, April 30, 2018.

197. Tordo, Silvana. *National Oil Companies and Value Creation*. World Bank, 2011.

198. Transparency International UK. *Faulty Towers: Understanding the Impact of Overseas Corruption on the London Property Market*. Transparency International UK, March 2017.

199. Transparency International UK. "Unexplained Wealth Orders in Use: Here's at Least 5 Cases the Police Should Consider Today!" Transparency International UK, January 31, 2018.

200. Tukur, Sanit. "Ex-Minister, Godsdan Orubebe, Who Almost Derailed 2015 Election, to Face Trial for Corruption." *Premium Times*, October 31, 2015.

201. Udo, Bassey. "Exclusive: How Alison-Madueke's Management Style Is Killing Nigeria's Oil." *Premium Times*, August 1, 2014.

202. UK Serious Fraud Office. "F. H. Bertling Ltd (Project Jasmine)." UK SFO, December 17, 2018. <https://www.sfo.gov.uk/cases/f-h-bertling-ltd-project-jasmine/>.

203. UK Serious Fraud Office. "Former Senior Executive Convicted in Petrofac Investigation." UK SFO, February 7, 2019. <https://www.sfo.gov.uk/2019/02/07/former-senior-executive-convicted-in-petrofac-investigation/>.

204. UK Serious Fraud Office. "SFO Recovers £4.4m from Corrupt Diplomats in 'Chad Oil' Share Deal." UK SFO, March 22, 2018. <https://www.sfo.gov.uk/2018/03/22/sfo-recovers-4-4m-from-corrupt-diplomats-in-chad-oil-share-deal/>.

205. UK Serious Fraud Office. "Two Charged in SFO's Unaoil Investigation." UK SFO, November 16, 2017. <https://www.sfo.gov.uk/2017/11/16/two-charged-sfos-unaoil-investigation/>.

206. Ulmer, Alexandra, and Girish Gupta. "Special Report: In Venezuela's Murky Oil Industry, the Deal That Went Too Far." *Reuters*, July 26, 2016.

207. US Department of Justice. "Former CEO Indicted for Masterminding Conspiracy Not to Compete for Oil and Natural Gas Leases." thông cáo báo chí, March 1, 2016, US DOJ. <https://www.justice.gov/opa/pr/formerceo-indicted-masterminding-conspiracy-not-compete-oil-and-natural-gas-leases>.

208. US Department of Justice, *Petrobras Non-Prosecution Agreement and Statement of Facts*, September 26, 2018, <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/1096706/download>.

209. US Department of State. *US Asset Recovery Tools and Procedures: A Practical Guide for International Cooperation*. US Department of State, May 2012.

210. US Department of the Treasury. *Notice of Finding That Banca Privada d'Andorra Is a Financial Institution of Primary Money Laundering Concern*. 4810-02. FinCEN, March 6, 2015. https://www.fincen.gov/sites/default/files/shared/BPA_NOF.pdf.

211. US Department of the Treasury. "Treasury Sanctions Fourteen Entities Affiliated with Corrupt Businessman Dan Gertler under Global Magnitsky." June 15, 2018, thông cáo báo chí, US Department of the Treasury. <https://home.treasury.gov/news/press-releases/sm0417>.

212. US District Court for the Central District of California. *United States v. Certain Rights to and Interests in the Viceroy Hotel Group, Complaint*. No. CV 17-4438 (C.D. Cal. June 15, 2017). <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/973671/download>.

213. US District Court for the Central District of California. *United States v. One Michael Jackson Signed Thriller Jacket. Stipulation and Settlement Agreement*, October 10, 2014. https://www.justice.gov/sites/default/files/press-releases/attachments/2014/10/10/obiang_settlement_agreement.pdf

214. US District Court for the District of Columbia. *USA v. George Higginbotham, Factual Basis for Plea*, November 30, 2018. <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/1116746/download>.

215. US District Court for the District of Columbia. *USA v. \$37,564,565.25, Verified Complaint for Forfeiture in Rem, Civil Action No. 18-cv-2795*, November 30, 2018. <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/1116571/download>.

216. US District Court for the District of Columbia. *Complaint, Securities and Exchange Commission v. Braskem, S.A.* No.1:16-cv-02488

(D.D.C. December 21, 2016). <https://www.sec.gov/litigation/complaints/2016/comp-pr2016-271.pdf>.

217. US District Court for the District of Columbia. *Complaint, U.S. Department of Justice v. Mahamoud Adam Bechir*, No. 14-01178 (D.D.C. July 8, 2014). https://www.justice.gov/sites/default/files/opa/press-releases/attachments/2014/11/07/bechir_complaint.pdf.

218. US District Court for the Eastern District of New York. *USA against Braskem SA, Plea Agreement* (Cr. No. 16-644(RJD)), December 21, 2016. <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/919906/download>.

219. US District Court for the Eastern District of New York. *United States v. Odebrecht S.A., Plea Agreement*, No. 16-643 RJD, December 21, 2016, <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/919916/download>.

220. US District Court for the Eastern District of New York. *USA v. Societe Generale SA, Deferred Prosecution Agreement*, June 5, 2018. <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/1068521/download>.

221. US District Court for the Eastern District of New York, *United States v. TechnipFMC plc, Deferred Prosecution Agreement*, Case No. 19-CR-278. (June 25, 2019), A-18, <https://www.justice.gov/sites/default/files/criminal-fraud/legacy/2012/11/14/06-28-10-technip-agreement.pdf>.

222. US District Court for the Southern District of California. *Amended Complaint, United States v. One White Crystal Covered Bad Tour Glove and Other Michael Jackson Memorabilia*, No. CV 2: 11-3582-GW-SS (S.D. Cal., June 1, 2012).

223. US District Court for the Southern District of New York. *Complaint, United States v. Chi Ping Patrick Ho, and Cheikh Gadio*, 17-mag-8611, November 20, 2017. <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/1012531/download>.

224. US District Court for the Southern District of New York. *Petrobras Securities Litigation, Demand for Jury Trial, Consolidated Amended*

Complaint. Case No. 14-cv-9662 JSR (S.D.N.Y. July 16, 2015). http://securities.stanford.edu/filings-documents/1053/PBSP00_01/2015716_r01c_14C_V09662.pdf.

225. US District Court for the Southern District of Texas. *Complaint, United States of America v. The M/Y Galactica Star*. No. 4:17-cv-02166 (S.D. Tex. July 14, 2017). <https://www.courtlistener.com/docket/6120284/1/united-states-v-the-my-galactica-star-being-a-65-meter-motor-yacht-built/>.

226. US District Court for the Southern District of Texas. *United States v. SBM Offshore N.V., Deferred Prosecution Agreement*. Criminal No.17-686 (S.D. Tex. November 29, 2017). <https://www.justice.gov/opa/press-release/file/1014801/download>.

227. US District Court for the Southern District of Texas Houston Division. *In Re Cobalt International Energy, Inc, Securities Litigation 14-CV-3428, Consolidated Amended Class Action Complaint*, May 1, 2015. http://securities.stanford.edu/filings-documents/1053/CIEI00_01/201551_r01c_14CV03428.pdf.

228. US Government Accountability Office. *Mineral Revenues: Data Management Problems and Reliance on Self-Reported Data for Compliance Efforts Put MMS Royalty Collections at Risk*. September 12, 2008. <https://www.gao.gov/new.items/d08893r.pdf>.

229. US Government Accountability Office. *The Federal System for Collecting Oil and Gas Revenues Needs Comprehensive Reassessment*. Report to Congressional Requesters. September 2008. <https://www.gao.gov/new.items/d08691.pdf>.

230. US Government Accountability Office. *U.S. Environmental Protection Agency—Installation of Soundproof Privacy Booth*. April 16, 2018. <https://www.gao.gov/products/B-329603#mt=e-report>.

231. US Securities and Exchange Commission. *Bank of New York Mellon Corporation, Respondent, SEC Order Instituting Cease and Desist*

Proceedings. File No. 3-16762, Release No. 75720 (August 18, 2015). <https://www.sec.gov/litigation/admin/2015/34-75720.pdf>.

232. US Securities and Exchange Commission. *BHP Billiton Ltd. and BHP Billiton Plc., SEC Order Instituting Cease and Desist Proceedings*. File No. 3-16546. Release No. 74998 (May 20, 2015). <https://www.sec.gov/litigation/admin/2015/34-74998.pdf>.

233. US Securities and Exchange Commission. *Halliburton Company and Jeannot Lorenz, SEC Order Instituting Cease and Desist Proceedings*. File No. 3-18080, Release No. 81222. July 27, 2017. <https://www.sec.gov/litigation/admin/2017/34-81222.pdf>.

234. US Senate Committee of Foreign Relations. *Democracy in Retreat in Russia, Hearing* (February 17, 2005). <https://www.gpo.gov/fdsys/pkg/CHRG-109shrg22751/html/CHRG-109shrg22751.htm>.

235. US Treasury Department. "Treasury Sanctions Russian Officials, Members of the Russian Leadership's Inner Circle, and an Entity for Involvement in the Situation in Ukraine." March 20, 2014. Thông cáo báo chí. <https://www.treasury.gov/press-center/press-releases/Pages/j123331.aspx>.

236. Waal, Alex de. "When Kleptocracy Becomes Insolvent: Brute Causes of the Civil War in South Sudan." *African Affairs* 113, no. 452 (July 2014): 347–369.

237. Waal, Thomas de. "Azerbaijan Doesn't Want to Be Western." *Foreign Affairs*, September 26, 2014.

238. Watt, Holly. "ExxonMobil Liberian Oil Deal Went Ahead despite Anti-corruption Concerns." *Guardian*, March 29, 2018.

239. Wedeman, Andrew. *Double Paradox: Rapid Growth and Rising Corruption in China*. Ithaca, NY: Cornell University Press, 2012.

240. Weiss, Michael. "The Corleones of the Caspian." *Foreign Policy*, June 10, 2014. Whelan, Robbie, and Sarah Kent. "BP's Azerbaijan Push Comes at a Cost." *Wall Street Journal*, March 31, 2016.

241. Whitmore, Brian. "The Heirs of Putinism." *Radio Free Europe*, November 12, 2015.

242. "Wiki—Who Owns What in Azerbaijan." WikiLeaks the Global Intelligence Files. February 20, 2013. https://wikileaks.org/gifiles/docs/15/1514568_wiki-who-owns-what-in-azerbaijan-.html.

243. Wright, Tom, and Bradley Hope. *Billion Dollar Whale: The Man Who Fooled Wall Street, Hollywood, and the World*. New York: Hachette Books, 2018.

244. Yaffa, Joshua. "Putin's Shadow Cabinet and the Bridge to Crimea." *New Yorker*, May 29, 2017.

245. Yates, Douglas. *The Rentier State in Africa: Oil Rent Dependency and Neocolonialism in the Republic of Gabon*. Trenton, NJ: Africa World Press, 1996.

246. Zucman, Gabriel. "Global Wealth Inequality," NBER working paper 25462, National Bureau of Economic Research, January 2019.

247. Zucman, Gabriel, Annette Alstadsæter, and Niels Johannesen, "Tax Evasion and Inequality," *American Economic Review*, 2019, 109(6): 2073–2103.

MỤC LỤC

<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
Chương 1: Khủng hoảng tham nhũng	11
Chương 2: “Kết giao với thế lực nhiều loạn thế giới”	45
Chương 3: Tham nhũng và cạnh tranh quyền lực	105
Chương 4: Những ông hoàng của chế độ tham nhũng	175
Chương 5: “Con bạch tuộc vươn vòi khắp toàn cầu”	242
Chương 6: Kẻ thù muôn màu muôn vẻ của tham nhũng	306
Chương 7: Chúng ta biết cách phòng chống tham nhũng	366
<i>Phụ lục</i>	387
<i>Chú thích</i>	388
<i>Lời cảm ơn</i>	461
<i>Tài liệu tham khảo</i>	464

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS. TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
ThS. NGUYỄN HOÀI ANH

Biên tập nội dung:	ThS. CÙ THỊ THÚY LAN ThS. HOÀNG THU QUỲNH LÊ THỊ HẰNG
Trình bày bìa:	ĐUỜNG HỒNG MAI
Chế bản vi tính:	LÊ THỊ HẰNG
Sửa bản in:	VŨ THỊ MAI LIÊN
Đọc sách mẫu:	ĐỖ LÊ QUYÊN

In 700 cuốn, khổ 16x24cm, tại Công ty TNHHMTV in Tạp chí Cộng sản, số 38, Bà Triệu, Hà Nội

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 4606-2021/CXBIPH/5-58/CTQG

Quyết định xuất bản: Số 983-QĐ/NXBCTQG ngày 22/12/2021.

ISBN sách gốc: 978-019-09-4070-6

ISBN: 978-604-57-7336-9

In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2021.